



Bàn Về Chiến Tranh



CARL VON CLAUSEWITZ

www.dtv-ebook.com

BÀN VỀ CHIẾN TRANH

Carl von Clausewitz

**NGUYỄN TÙY - ĐÌNH KIM
KHÁNH**

Dịch theo bản tiếng Pháp của Denise
Naville.

Nhà xuất bản Minuit, Paris.

NGUYỄN LINH

Đối chiếu và chú thích theo bản
tiếng Nga của

Nhà xuất bản Quân sự, Bộ Quốc
phòng Liên Xô

Thông tin ebook

Bàn về chiến tranh - Quyển 1

Carl von Clausewitz

Scan: *dhuy1990 và babylon*

Đánh máy: *conguyen, mrsimple, bóng yêu, HNTXT, Tornad, cphong1993, picicrazy, kzak27, vqsvietnam, quocdat5594, chuquynhanh, Peeves, tamchec, Fish, cfcbk, lemontree123, assam1719, bichdinh, chaovnn*

Soát chính tả: *4DHN*

Thực hiện ebook: *Nhóm Tây Phong Lĩnh*

Ngày hoàn thành: *28/12/2014*

Nguồn: *tve-4u.org*

Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook -

<http://www.dtv-ebook.com>

Mục lục

MÃY NÉT VỀ TIỂU SỬ CLAU-ĐƠ-VÍT VÀ TÁC PHẨM “BÀN VỀ CHIẾN TRANH”

TẬP 1 BẢN CHẤT CỦA CHIẾN TRANH

Chương 1 CHIẾN TRANH LÀ GÌ?

Chương 2 MỤC ĐÍCH VÀ BIỆN PHÁP TRONG CHIẾN TRANH

Chương 3 THIÊN TÀI QUÂN SỰ

Chương 4 BÀN VỀ SỰ NGUY HIỂM TRONG CHIẾN TRANH

Chương 5 SỰ CĂNG THẲNG VỀ THẾ LỰC TRONG CHIẾN TRANH

Chương 6 TÌNH BÁO TRONG CHIẾN TRANH

Chương 7 CƠ XÁT TRONG CHIẾN TRANH

Chương 8 KẾT LUẬN CỦA TẬP I

TẬP II LÝ THUYẾT CHIẾN TRANH

Chương 1 BÀN VỀ NGHỆ THUẬT CHIẾN TRANH

Chương 2 BÀN VỀ LÝ THUYẾT CHIẾN TRANH

Chương 3 NGHỆ THUẬT CHIẾN TRANH HAY KHOA HỌC CHIẾN TRANH

Chương 4 CHỦ NGHĨA PHƯƠNG PHÁP

Chương 5 SỰ CHỈ TRÍCH, PHÊ BÌNH

Chương 6 BÀN VỀ NHỮNG DẪN CHỨNG

TẬP III BÀN VỀ CHIẾN LƯỢC NÓI CHUNG

Chương 1 CHIẾN LƯỢC

Chương 2 CÁC YẾU TỐ CỦA CHIẾN LƯỢC

Chương 3 ĐẠI LƯỢNG TINH THẦN

Chương 4 NHỮNG SỨC MẠNH TINH
THẦN CHÍNH

Chương 5 ĐẠO ĐỨC QUÂN SỰ CỦA
QUÂN ĐỘI

Chương 6 LÒNG DỮNG CẢM

Chương 7 TÍNH KIÊN TRÌ

Chương 8 ƯU THẾ VỀ SỐ QUÂN

Chương 9 BẤT NGỜ

Chương 10 MUỖ CHƯỚC

Chương 11 TẬP TRUNG LỰC LƯỢNG
TRONG KHÔNG GIAN

Chương 12 TẬP TRUNG LỰC LƯỢNG
TRONG THỜI GIAN

Chương 13 DỰ BỊ CHIẾN LƯỢC

Chương 14 TIẾT KIỆM LỰC LƯỢNG

Chương 15 YẾU TỐ HÌNH HỌC

Chương 16 BÀN VỀ NHỮNG ĐỢT

NGỪNG CHIẾN

Chương 17 TÍNH CHẤT CỦA CHIẾN TRANH HIỆN ĐẠI[45]

Chương 18 CĂNG THẲNG VÀ NGHỈ NGƠI

TẬP IV GIAO CHIẾN

Chương 1 KHÁI QUÁT

Chương 2 TÍNH CHẤT CỦA TÁC CHIẾN HIỆN ĐẠI

Chương 3 BÀN VỀ GIAO CHIẾN NÓI CHUNG

Chương 4 BÀN VỀ GIAO CHIẾN NÓI CHUNG

Chương 5 Ý NGHĨA CỦA GIAO CHIẾN

Chương 6 THỜI HẠN CỦA GIAO CHIẾN

Chương 7 QUYẾT ĐỊNH TRONG GIAO CHIẾN

Chương 8 KHI HAI BÊN ĐỀU CHẤP
NHẬN GIAO CHIẾN

Chương 9 TRẬN CHỦ YẾU

Chương 10 TRẬN CHỦ YẾU

Chương 11 TRẬN CHỦ YẾU

Chương 12 BIÊN PHÁP CHIẾN LƯỢC
ĐỀ SỬ DỤNG THẮNG LỢI

Chương 13 RÚT LUI SAU KHI THUA
TRẬN

Chương 14 GIAO ĐIỂM BAN ĐÊM

MẤY NÉT VỀ TIỂU SỬ CLAU-ĐƠ-VÍT VÍT VÀ TÁC PHẨM “BÀN VỀ CHIẾN TRANH”

Tướng Các Phôn Clau-đơ-vít (Karl Von Clausewitz) sinh năm 1780 ở Buốc, gần thành phố Mác-đơ-buốc, nước Phổ. Họ hàng ông phần nhiều là những trí thức tư sản. Bố Clau-đơ-vít làm sĩ quan trong quân đội phong kiến Phổ.

Bấy giờ nước Phổ là một vương quốc rộng lớn và hùng mạnh nhất trong số hơn 300 nước nhỏ thuộc “Đế quốc La Mã thần thánh Giéc-manh” (sau này thống nhất lại thành đế quốc Đức. Chế độ cai trị ở Phổ là một chế độ phong

kiến chuyên chế, phản động vào bậc nhất ở châu Âu. Quân đội Phổ thường được coi là một quân đội mạnh nhất châu Âu thời đó.

Theo luật của vương triều Phổ, việc giữ các chức vụ sĩ quan trong quân đội là đặc quyền của quý tộc. Không thuộc dòng dõi quý tộc thì không được làm sĩ quan. Cho nên, để được hưởng cái đặc quyền đó, ông bố của Clau-dơ-vít đã phải tìm cách điền thêm danh hiệu quý tộc “Phôn” của gia đình nhà vợ vào tên họ của mình. Nhưng ông không làm sĩ quan được lâu. Sau cuộc Chiến tranh Bảy năm^[1], trong hàng ngũ sĩ quan Phổ có sự thanh trừng những phân tử tư sản. Bố Clau-dơ-vít

cũng là một người trong số sĩ quan bị thanh trừng kể trên, vì một sự xúc phạm nào đấy, nhưng có lẽ chính là vì thành phần quý tộc không rõ ràng của mình.

Trở về Buóc, ông xin được một chân viên chức thu thuế. Lương ít, ông rất vất vả mới nuôi nổi sáu đứa con, trong đó Clau-dơ-vít là con thứ năm. Vì sinh hoạt gia đình thiếu thốn nên ngay từ năm 12 tuổi, Clau-dơ-vít đã phải vào làm lính cầm cờ trong trung đoàn “Hoàng tử Phéc-đi-nan” đóng ở Pô-xđam.

Chỉ một năm sau khi vào lính (1793), Clau-dơ-vít đã có mặt trong trận bao vây quân Cộng hòa Pháp ở

Mai-ăng-xơ. Trận đánh kết thúc, người ta thấy cậu bé Clau-do-vít, gần như cong người đi vì phải vác một cây cò to quá khổ, cùng đội ngũ lính Phổ ngạo nghễ tiến vào thành phố giữa những đám cháy còn nghi ngút khói và tiếng “hua-ra” ầm ĩ của những phần tử bảo hoàng.

Tiếp đây, cậu bé lại tham gia những cuộc tiến công của quân Phổ vào biên giới Bắc Pháp.

Đó là những trận đánh nằm trong toàn bộ âm mưu can thiệp vũ trang của liên quân Phổ - Áo - Anh để lật đổ nền cộng hòa tư sản Pháp mới được thành lập sau cuộc Đại cách mạng 1789,

nhằm khôi phục lại chế độ phong kiến chuyên chế ở Pháp. Trước sức mạnh đang lên của cách mạng Pháp và tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Pháp lúc bấy giờ, âm mưu ấy đã bị thất bại.

Vì còn bé nên Clau-dơ-vít chưa hiểu mục đích của cuộc can thiệp vũ trang kẻ trên thực chất là để làm gì? Nhưng, cái không khí trận mạc mà cậu bé 13 tuổi ấy được trải qua đã gây cho cậu ta những cảm giác thú vị lạ lùng. Nó bắt đầu kích thích những ham muốn về danh vọng và vinh quang trong cậu ta. Lớn lên, Clau-dơ-vít viết về chuyện đó như sau: “Bước vào đời của tôi diễn ra trên miếng đất của những sự kiện

lớn quyết định số phận các dân tộc, tâm
mắt của tôi không phải hướng vào
khuôn khổ hạnh phúc gia đình êm ấm
mà là những công chào chiến thắng
đón mừng người thắng trận, những
vòng hoa tươi làm dịu mát vầng trán
nóng bỏng...”. Chẳng những thế, nó
còn biểu hiện khá rõ nét khi Clau-dơ-
vit trình bày quan điểm của mình về
động cơ và sức mạnh tinh thần của
người lính trong tác phẩm “Bàn về
chiến tranh” sau này.

Trong những năm bắt đầu theo
đuổi nghề lính, anh lính trẻ Clau-dơ-vit
hiểu rằng: trong xã hội Phổ đương
thời, anh ta không có đủ những điều
kiện để tiến lên những địa vị cao. Gia

đình anh ta không phải là một gia đình sĩ quan thế tập và có tên tuổi. Cha mẹ anh ta không có ấp trại và cũng không có bạn bè vai vế trong chính quyền. Đối với anh ta, muốn tiến thân thì chỉ có một con đường là tạo ra một chỗ đứng bằng sự hiểu biết và bản lĩnh của chính mình. Bởi thế, anh ta không muốn phung phí thì giờ rảnh rỗi còn lại trong cuộc sống nhà binh vào những cuộc tiêu khiển vô vị, mà dùng nó vào việc tự học, tự nghiên cứu. Nhờ có số vốn kiến thức tự học cộng với những cuộc vận động ráo riết, Clau-dơ-vít mới được đi học ở trường Võ bị Béc-lin.

Đến trường, Clau-dơ-vít được sự ủng hộ của tướng Sác-hoóc là hiệu

trưởng và cũng là một trong những tướng lĩnh nổi tiếng đang kêu gọi triều đình Phổ tích cực cải tổ quân đội theo hướng quân đội cộng hòa tư sản Pháp. Nhận thấy ở Clau-dơ-vít những triển vọng mà nhiều học sinh sĩ quan khác không có, Sác-hoóc đã hết sức chú ý giúp đỡ người thanh niên nghèo và có chí khí này khắc phục những khó khăn do tự học thiếu hệ thống. Từ đây giữa hai người bắt đầu có một mối quan hệ khá sâu sắc về tư tưởng và tình cảm. Clau-dơ-vít đã coi Sác-hoóc như cha đẻ của mình.

Năm 1803, Clau-dơ-vít tốt nghiệp khóa học đứng đầu số sĩ quan ra trường. Theo sự giới thiệu của Sác-

hoóc, ông về làm sĩ quan phụ tá cho hoàng thân Au-guy-xơ, anh em họ với vua Phổ.

Từ đây, Clau-dơ-vít lại càng có điều kiện đi sâu hơn vào việc nghiên cứu khoa học quân sự. Ông rất thích môn toán học và môn lịch sử quân đội. Ông thường tỏ ra sùng bái nghị lực cứng rắn, mưu lược khôn khéo và đầu óc thực tế của Phrê-đê-rích đệ nhị (còn gọi là Phrê-đê-rích Đại đế)^[2], hết sức ca ngợi cái vinh quang mà ông vua này đã mang lại cho nước Phổ trong cuộc Chiến tranh Bảy năm. Ông đọc Ma-ki-a-ven^[3] học tiếng Pháp để đọc tác phẩm của các nhà văn Ánh sáng

Pháp^[4] và tìm hiểu về cuộc Đại cách mạng Pháp 1789. Được Sác-hoóc khuyến khích, Clau-dơ-vít đặc biệt chú ý nghiên cứu nghệ thuật quân sự của nước Pháp sau cuộc cách mạng tư sản và bắt đầu có những ý kiến phê phán nghệ thuật quân sự Phổ đã quá lỗi thời. Đó là những cái mầm đầu tiên về tư tưởng quân sự của Clau-dơ-vít, sau này sẽ lớn lên và hình thành một cách hoàn chỉnh trong tác phẩm “Bàn về chiến tranh”.

Trong thời gian ở Béc-lin, Clau-dơ-vít cũng bắt đầu làm quen với triết học. Ông thường xuyên đi dự các buổi diễn giảng của giáo sư Cai-dơ-vét-te (Keiseiwetter) - một nhà triết học theo

chủ nghĩa Căng (Kant. Người ta cho rằng: trong khi nghiên cứu triết học ở trường Đại học Béc-lin, Clau-dơ-vít đã tiếp thụ được những yếu tố biện chứng duy tâm của nền triết học cổ điển Đức, bấy giờ đang phát triển tới đỉnh cao của nó, với những đại diện nổi tiếng: Phích-tơ (Fichte), Sen-linh (Shelling) và nhất là Hê-ghen (Hegel). Đọc tác phẩm “Bàn về chiến tranh” của Clau-dơ-vít, chúng ta thấy những yếu tố biện chứng duy tâm kể trên nổi lên khá rõ trong cách đặt vấn đề và giải quyết các vấn đề lý thuyết quân sự. Như Lê-nin nhận xét: “ Tư tưởng quân sự của Clau-dơ-vít đã được Hê-ghen làm cho phong phú thêm”^[5].

Năm 1806, vua Phổ Phrê-đê-rích Vin-hem đệ tam (người nối ngôi Phrê-đê-rích đệ nhị) tuyên chiến với hoàng đế Na-pô-lê-ông nước Pháp. Thế rồi, cả châu Âu đều sững sốt trước sự thua trận quá nhanh của quân đội Phổ - một quân đội mà chính Na-pô-lê-ông cũng không dám coi thường. Chỉ sau sáu ngày giao chiến, quân Pháp đã hoàn toàn đánh tan quân Phổ và tiến vào chiếm Béc-lin. Vua Phổ và hoàng hậu phải chạy bạt ra biên giới. Trong trận Au-e-xtát, Clau-dơ-vít đã chiến đấu khá can đảm. Khi rút lui, ông cùng hoàng thân Au-guy-xơ bị quân Pháp bắt làm tù binh, rồi cả hai đều bị đưa về thành phố Nang-xy nước Pháp.

Theo quy chế chung của các nước châu Âu thời bấy giờ, hoàng thân Au-guy-xơ và Clau-dơ-vít tuy là tù binh, song vẫn được phép đi lại tự do ở khắp nơi, chỉ trừ một điều kiện là không được ra khỏi đất Pháp. Tính vốn phù phiếm, hoàng thân Au-guy-xơ thường tỏ ra thú vị với mọi kiểu cách sinh hoạt, ăn chơi của quý tộc và tư sản Pháp, Clau-dơ-vít thì khác. Là người thâm trầm, sâu sắc, ông luôn luôn suy nghĩ về những nguyên nhân đã đưa nước Phổ đến thất bại và trở thành một nước chư hầu của nền đế chế Na-pô-lê-ông. Ông muốn tìm ra một con đường giải phóng nước Phổ. Nhưng theo ông: để đánh thắng đối phương thì điều trước

hết là phải xem đối phương đã làm thế nào để chiến thắng?

Bởi vậy, trong suốt thời gian ở Pháp, Clau-dơ-vít rất chú ý xem xét, tìm hiểu tình hình nước Pháp sau cuộc cách mạng tư sản và những cái mới của nghệ thuật quân sự Pháp. Qua những bức thư của Clau-dơ-vít gửi về cho vợ chưa cưới là nữ bá tước Ma-ri Phôn Brun, người ta thấy ông luôn luôn đau khổ, luôn luôn mơ tưởng đến một ngày nào đó nước Phổ của ông sẽ hùng mạnh trở lại. Ông viết: “Tổ quốc và vinh dự dân tộc là hai thứ thiêng liêng trên trái đất, nếu không có nó thì trên đời này không còn cái gì nữa cả!”. Ông muốn mình “mau chóng được trở về quân đội

Phổ để chiến đấu phục thù và nếu cần, có thể chết vinh quang cho Tổ quốc...”.

Tháng 11 năm 1807, Clau-dơ-vít được chính quyền của Na-pô-lê-ông trả lại tự do.

Về tới Béc-lin, ông được tiếp xúc ngay với một không khí chính trị sôi nổi. Trong vương triều Phổ lúc này đã hình thành hai phe phái đối lập nhau rõ rệt:

Một phái gồm vua Phổ Phrê-đê-rích đệ tam và bọn quý tộc phản động nhất, chủ trương “giữ quan hệ hữu nghị với hoàng đế Pháp“, thực chất là hàng phục Na-pô-lê-ông và hy vọng rằng nhờ đó Na-pô-lê-ông sẽ không

đụng chạm gì đến cơ cấu xã hội Phổ, không tiến hành những cuộc cải cách dân chủ như ông ta đã từng làm khi chỉ huy đạo quân Pháp sang chiếm các tiểu bang Đức. Phái này khiếp sợ sức mạnh quân sự của Na-pô-lê-ông. Nhưng điều làm cho họ khiếp sợ hơn lại là sức mạnh của quân chúng lao động nước Phổ. Họ sợ lực lượng to lớn này cũng sẽ bắt chước “đẳng cấp thứ ba”^[6] ở Pháp nổi dậy lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế ở Phổ.

Một phái khác, gồm những quý tộc và tướng lĩnh “thực thời“, kiên quyết hơn như Sác-hoóc, Gơ-nai-dơ-nau, Xten, Boay-en..., thì chủ trương cải cách xã hội và chấn chỉnh các lực

lượng quân đội để phục thù. Họ cũng gồm lực lượng to lớn của quần chúng. Song, trước xu thế lịch sử đang tiến tới mạnh mẽ, đồng thời để lôi cuốn nhân dân Đức vào cuộc vũ trang chống Napoleon, họ cũng đề ra một số cải cách dân chủ có khuynh hướng tư sản phỏng theo Pháp và buộc vua Phổ phải thực hiện.

Còn giai cấp tư sản Đức thì thế nào?

Bây giờ, nó còn là một giai cấp chưa phát triển và không thống nhất vì bị phân tán trong các lãnh địa cát cứ. Nó còn bị ràng buộc nhiều bởi những khách hàng chính là các lãnh chúa

phong kiến và các đồn binh, chưa buôn bán rộng với nước ngoài. Giai cấp tư sản Đức cũng muốn cải cách xã hội nhưng lại sẵn sàng thỏa mãn với những cải cách nửa vời mà những phần tử quý tộc “thức thời” đề ra.

Lớp trí thức đại diện cho giai cấp tư sản Đức như Hê-ghen, Phích-to,.. vẫn nuôi hy vọng phát triển tư bản và thống nhất nước Đức bằng sự tự phát của các biến cố và sự sáng suốt của các nhà quý tộc. Khi cách mạng tư sản Pháp mới thành công, họ hoan nghênh nhiệt liệt. Nhưng khi phái Gia-cô-banh^[7] lên cầm quyền, đề ra những chủ trương cải cách xã hội tích cực, phù hợp với lợi ích của đông đảo quần

chúng, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, xử tử tên vua phản động Lu-i XVI, thì họ không tài nào hiểu nổi. Họ sợ hãi và tức giận nền “chuyên chính khủng khiếp” của những người Gia-cô-banh. Họ nêu lên luận thuyết: “Xã hội Phổ chỉ phát triển trong quá khứ và kết thúc ở chế độ quân chủ lập hiến ở nước Phổ” (Hê-ghen).

Khi quân đội Phổ bị quân đội Napô-lê-ông đánh cho đại bại, những nhà trí thức tư sản Phổ nói trên đã cố gắng tuyên truyền đề cao tinh thần yêu nước Phổ bằng cách nêu lên luận thuyết dân tộc thượng đẳng Giéc-manh “chỉ có giống người Giéc-manh mới là dân tộc lịch sử của thế giới” (Hê-ghen. Với

luận thuyết cực kỳ sô-vanh phản động ấy, họ hy vọng sẽ cổ vũ được nhân dân Phổ và các tiểu bang Đức đứng dậy chống lại chủ nghĩa bành trướng của Na-pô-lê-ông và đại tư sản Pháp^[8].

Quan điểm chính trị của Clau-dơ-vít cũng là quan điểm của lớp trí thức tư sản nói trên. Ông lên án bọn quý tộc, cho đó là bọn ăn bám, không có chỗ dựa trong nhân dân. Đối với ông, giai cấp tư sản là những người lao động cần cù và nắm được nông dân. Ông không chịu nổi hình thức cai trị tàn bạo của chế độ phong kiến và tán thành chủ nghĩa dân chủ tư sản, coi đó là “điều kiện làm nảy nở mọi tinh lực của dân tộc”. Nhưng mặt khác, ông lại “không

muốn đi quá xa trên con đường dân chủ”. Cũng như Hê-ghen và những nhà triết học cổ điển Đức mật sát những người Gia-cô-banh Pháp, ông gọi những người theo chủ nghĩa Gia-cô-banh ở Đức như Gô-rét (Gorres), Đác (d’Arndt) là bọn quá khích, bọn mị dân. Clau-dơ-vít muốn duy trì nền quân chủ lập hiến ở Phổ. Theo ông, nghị viện chỉ nên giữ vai trò trợ thủ đắc lực của nhà vua, vì chỉ có như vậy mới tránh được mọi sự “hỗn loạn“, “quá trớn” trong quần chúng.

Như trên đã nói, Clau-dơ-vít là một người yêu nước. Nhưng trong khi biểu lộ tình cảm yêu nước, yêu dân tộc mình một cách nồng nhiệt thì đồng thời

ông lại đi đến chỗ miệt thị dân tộc khác. Tư tưởng dân tộc của ông có màu sắc sô-vanh khá rõ. Dưới mắt ông, “dân tộc Đức là một dân tộc rất phong phú và sâu sắc về tinh thần, có nhiều sức mạnh và ít tính toán. Còn người Pháp thì linh hoạt, nhanh nhẹn song dễ bị kích thích, huênh hoang, hời hợt, thiếu cuộc sống nội tâm, thiếu khả năng làm những việc đứng đắn và những trách nhiệm nặng nề”. Theo ông, người Đức có cả tính phong phú và tốt đẹp hơn người Pháp. Song đứng về cả dân tộc thì lại không mạnh vì dân tộc Đức còn bị phân tán, chưa có ý thức thống nhất về chính trị như Pháp.

Giải thích nguyên nhân thua trận

của Phổ, Clau-dơ-vít cho rằng: về phía Phổ, bộ máy nhà nước đã quá hư nát, quân đội thì lạc hậu, nhân dân thì bị bùng bít, không được phổ biến những tri thức quân sự cần thiết và không hay biết chút gì về những biến đổi đáng sợ của nước Pháp sau cuộc cách mạng 1789. Còn về phía Pháp, cũng theo Clau-dơ-vít, họ thắng Phổ không phải chỉ vì những nguyên nhân về quân sự mà trước hết là do tính chất nhà nước và hành chính, tính chất chính phủ và tình hình nhân dân đã thay đổi hoàn toàn.

Như Mác đã nhận xét về những người trí thức tư sản Phổ thời bấy giờ, quan điểm chính trị của Clau-dơ-vít

cũng mang tính chất hai mặt: có mặt tiến bộ, yêu nước và có mặt tiêu cực, phản động.

Quan điểm chính trị ấy đã liên kết Clau-dơ-vít với những tướng lĩnh cùng chí hướng như Sác-hoóc, Gơ-nai-dơ-nau, Xten... Họ hăng hái đề xướng việc cải cách quân đội Phổ theo kiểu quân đội tư sản Pháp.

Mặc dầu ở châu Âu đã xảy ra biết bao sự kiện mới mẻ về quân sự, song quân đội Phổ hồi đầu thế kỷ XIX về căn bản vẫn là một quân đội phong kiến cổ lỗ. Thành phần của nó vẫn giống như thành phần của các quân đội phong kiến châu Âu từ mấy chục năm trở về

trước, nghĩa là vẫn bao gồm những người lính đánh thuê hoặc lính trưng tập do các chúa đất bắt nhập ngũ. Đời sống của binh lính Phổ rất khổ cực: lương đã ít lại bị bọn sĩ quan và bọn nhà thầu ăn chặn, bớt xén^[9]. Kỷ luật trong quân đội Phổ là kỷ luật bằng roi vọt, nhục hình. Binh lính là những người nghèo khổ nên không thể nào mòn mỏi được tới chức sĩ quan. Họ bị bắt buộc phải tham gia các cuộc chiến tranh với những mục đích khác nhau: tranh chấp quyền thừa kế giữa các dòng họ trị vì, giành giật và chia lại đất đai giữa các vương quốc, công quốc, bá quốc hoặc đàn áp các phong trào đấu tranh của nông dân. Ý thức

dân tộc của người lính trong chiến tranh rất mơ hồ (bấy giờ, nhiều nước châu Âu vẫn chưa hình thành dân tộc tư sản) nên tinh thần chiến đấu rất kém. Nói chung, chiến tranh chỉ là công việc của những người lính nhà nghề. Còn nghệ thuật tiến hành chiến tranh: đó là sản phẩm của những nội các và “trí tuệ cao siêu” của các ông hoàng, các bậc công hầu...

Trong chiến đấu, quân đội Phổ vẫn còn dùng chiến thuật đánh theo tuyến hàng ngang từ thời Phrê-đê-rích đệ nhị để lại.

Lối đánh này nảy sinh từ khi xuất hiện khẩu súng bắn bằng kíp đá lửa và

chiếc lưới lê. Những đội quân nông nô ô hợp, trang bị giáo mác và bố trí phân tán từng chặng trước đây, bây giờ được trang bị súng và bố trí thành tuyến hàng ngang. Vì tốc độ bắn chậm (phải nhồi đạn) nên mỗi tuyến thường có 7 - 8 hàng, sau rút lại còn 3 hàng: một hàng bắn, hai hàng nhồi đạn, cứ thế thay phiên nhau. Các tuyến được tổ chức thành tiểu đoàn để trong cùng một lúc có thể sử dụng được nhiều khẩu súng, tạo nên một hỏa lực liên tục, lấn át đối phương. Mặt khác, chỉ trong đội ngũ hàng ngang cứng nhắc, bên phải là sĩ quan, bên trái là sĩ quan, phía sau là đội đốc chiến, bọn chỉ huy mới ngăn chặn được nạn lẩn trốn của những

người lính đánh thuê. Vì sợ lính trốn nên các đơn vị thường không hành quân ban đêm, không đóng quân cạnh rừng.

Chiến thuật nói trên chỉ cho phép quân đội chiến đấu ở những địa hình bằng phẳng và trống trải, toàn thể đội hình đều nằm trong tầm mắt kiểm soát của bộ chỉ huy. Khi chiến đấu, binh lính đi nghiêm theo “bước chân ngỗng” trong đội hình, vận động lên phía trước, giữ hàng thật đều, bắn đồng loạt. Cuối cùng, khi giáp địch, tất cả đều bước vào hỗn chiến bằng lưỡi lê. Để huấn luyện một chiến thuật như vậy, người ta không cần đến ý thức và trí tuệ của người lính. Các sĩ quan chỉ việc

dựa vào một thứ kỷ luật kiểu nhà tù và một quá trình huấn luyện lâu dài bằng những phương pháp rèn dạy người lính như dạy thú vật là đủ. Sau những chiến thắng của Phrê-đê-rích đệ nhị trong cuộc Chiến tranh Bảy năm, phương thức chiến đấu đó đã được coi là kiểu mẫu, được chi tiết hóa ra thành các giáo điều, luật lệ bất di bất dịch mà quân đội Phổ và quân đội các nước châu Âu đều đem áp dụng.

Nhưng trước sự phát triển của sản xuất xã hội cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, phương thức chiến đấu đó đã bộc lộ ra tất cả những chỗ yếu căn bản của nó.

Lối đánh theo tuyến hàng ngang trên đất bằng thường đòi hỏi cả hai bên đối địch phải chuyển đi chuyển lại mất nhiều thì giờ để tìm kiếm, lựa chọn một chiến trường mà cả hai bên đều có thể chấp nhận chiến đấu (*consentement mutuel*), nghĩa là đều có thể dàn quân ra đánh nhau được. Thêm nữa, do bất cứ cái gì cũng phải tự cung cấp, không dựa được vào dân cư địa phương, nên việc tiếp tế rất nặng nề. Họ không cho binh lính đóng trong nhà dân để tránh đào ngũ. Đạo quân nào di chuyển cũng kéo theo một cái đuôi hậu cần dài lê thê. Các cuộc hành quân thường phụ thuộc vào các kho hậu cần cố định. Các chiến dịch chỉ tồn tại khi còn dự trữ

lượng thực, hết lương thực thì chiến dịch cũng kết thúc. Mùa đông đến là người ta ngừng chiến; tới mùa xuân, trời ấm, mới tiếp tục đánh nhau lại.

Tất cả những điều đó làm cho chiến tranh thường bị cắt ra thành nhiều thời kỳ và kéo dài liên miên. Các mục đích chiến lược trở nên mất chính xác, tính cơ động chiến lược rất hạn chế, hành động của quân đội rất chậm chạp. Việc bỏ đất và chiếm đất nối tiếp nhau không có lý do rõ ràng. Đồng thời, do phạm vi hoạt động thu hẹp trong các tuyến cố định nên khi khẩu súng được chế tạo hoàn chỉnh hơn, người lính được huấn luyện bắn nhanh hơn thì, với đội hình dày đặc tiến lên

theo kiểu duyệt binh trên đất trống, các đội quân chiến đấu thường bị thiệt hại nặng và dễ tan rã.

Những ngày đầu, các đạo quân cách mạng Pháp mới tổ chức, chưa được huấn luyện kỹ, thường không chơi nổi với đối thủ của họ là quân Liên minh Phổ - Áo, những đạo quân nhà nghề. Nhưng, dù hàng ngũ bị rối loạn, phải rút chạy, họ vẫn không bị tiêu diệt. Bởi lẽ họ là một quân đội tình nguyện, có tinh thần chiến đấu cao, giữa sĩ quan và binh lính không quá cách biệt như kẻ thống trị và người nô lệ, thường thấy trong các đạo quân phong kiến^[10]. Họ cùng chiến đấu để bảo vệ những quyền lợi mà cách mạng tư sản Pháp -

một cuộc cách mạng tương đối tích cực hơn cả trong số những cuộc cách mạng tư sản châu Âu - đưa lại cho họ. Lòng yêu nước khiến họ hốt thẹn khi phải rút chạy và thúc đẩy họ quay lại chiến đấu. Không thể lập lại các tuyến, họ tự động phân tán tìm địa thế ẩn nấp và tiếp tục chiến đấu trong những vòng cung, những vị trí cách xa. Đồng thời, nhờ có sự nhất trí và tinh thần dũng cảm, từ hành động phân tán ở các tuyến xa kích, họ có thể dễ dàng tập hợp lại thành những khối người hùng dũng, àoạt xông lên theo nhịp bài hát “Mác-xây-e” và mở những cuộc tiến công kinh khủng bằng lưỡi lê trong tiếng hô: “Tổ quốc muôn năm! Nền cộng hòa

muôn năm!”. Kết quả: không một tuyến hàng ngang hoặc không một hình khối đội ngũ tuyệt mỹ nào của quân Phổ - Áo có thể chịu đựng nổi sức mạnh của cuộc tiến công dữ dội như vậy. Thực tế đó được những người lãnh đạo quân đội cộng hòa Pháp tiếp thu, và sáng tạo nên một chiến thuật mới: bỏ các tuyến hàng ngang cố định mà dùng lối kết hợp các tuyến tán binh với đội hình hàng dọc khít nhau, kết hợp xạ kích phân tán với tiến công tập trung bằng những đơn vị mạnh.

Quân đội cộng hòa Pháp có số lượng rất lớn^[11]. Tuy nhiên, họ vẫn giải quyết được vấn đề tiếp tế nhanh chóng vì nguồn cung cấp chủ yếu dựa

vào chính sách động viên, trưng thu tại chỗ, không phải bố trí quá nhiều kho tàng cố định hoặc đem theo những đoàn xe hậu cần dài lê thê. Phần lớn các đơn vị đều trú quân trong nhà dân. Ngay cả khi đóng quân ở các tiểu bang Đức, do thực hiện một số cải cách dân chủ, họ cũng được nhân dân địa phương tiếp đãi khá tử tế.

Tất cả những điều kiện trên đã làm cho quân đội cộng hòa Pháp có khả năng cơ động cao và mở những chiến dịch tiến công với quy mô lớn, liên tục trên các địa hình, cả ban ngày lẫn ban đêm, cả mùa xuân, mùa hè lẫn mùa đông. Sức cơ động cao và tư tưởng tích cực tiến công cho phép họ tổ chức

những cuộc hiệp đồng giữa các đạo quân lớn, buộc kẻ địch phải chấp nhận chiến đấu trong những điều kiện bất lợi, kẹp nó trong những gọng kìm lớn rồi đồng loạt tiến công mạnh mẽ.

Thừa hưởng những kinh nghiệm của cách mạng tư sản Pháp, Na-pô-lê-ông - với thiên tài quân sự của mình - đã kết hợp những kinh nghiệm ấy với những cái gì còn có lợi của phương thức chiến đấu cũ, thông qua thực tiễn chiến đấu để hoàn chỉnh những cái còn thô sơ và nâng nghệ thuật quân sự tư sản lên đến đỉnh cao của nó. Ông ta ít khi dàn đều lực lượng mà kiên quyết tập trung ưu thế lực lượng đánh vào những chỗ yếu của địch. Ông ta cũng ít

khi đánh vỗ mặt mà thường nhanh chóng vận động đánh vòng sang bên sườn, đánh vào sau lưng địch, khiến địch bối rối bằng những đợt pháo kích như mưa, rồi đến lúc quyết định thì tung lực lượng dự bị ra để kết thúc trận đánh. Bởi vậy, ông ta đã tạo ra được những trận đánh tiêu diệt lớn, những đòn chiến lược quyết định cả bộ mặt chiến tranh.

Rõ ràng, trước lực lượng hùng mạnh và nghệ thuật quân sự mới mẻ của quân đội tư sản Pháp, sự tan rã của quân đội phong kiến Phổ là chuyện tất nhiên phải xảy ra. Và nghệ thuật quân sự cổ lỗ của nước Phổ cũng theo đó mà phả sản hoàn toàn.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh để cải cách quân đội Phổ cũng không phải là dễ dàng, Nó vẫn diễn ra một cách gay gắt.

Năm 1808, trước sức ép của phái “đổi mới“, vua Phổ buộc phải cử tướng Sác-hoóc làm bộ trưởng bộ chiến tranh. Trong quân đội bắt đầu thực hiện một số việc chấn chỉnh như: cho về hưu những tướng lĩnh bất lực, cổ hủ; mọi sĩ quan dù là quý tộc hay không cũng được lên cấp cao; ban hành chế độ trưng binh và huấn luyện quân sự cho toàn dân...

Tướng Sác-hoóc gọi Clau-dơ-vít - người học trò cùng chí hướng và có

khả năng lý luận nhất - về làm phụ tá cho mình. Clau-dơ-vít được phong cấp thiếu tá và được chỉ định làm giáo sư về khoa chiến lược, chiến thuật ở Học viện quân sự. Ông hăng hái giúp Sác-hoóc cải tổ quân đội, đồng thời cũng thử viết ra những kiến thức mới của mình về khoa học quân sự một cách có hệ thống. Song, ông vẫn luôn luôn bị bực bội vì công cuộc cải cách thường bị những phần tử đầu hàng và thủ cựu cản trở. Ông cũng rất khó chịu trước cảnh ăn chơi đàng điếm, xa hoa của bọn con buôn mới phát và bọn vương hầu trong cung đình.

Năm 1809, chịu ảnh hưởng cuộc kháng chiến của nhân dân Tây Ban

Nha, nước Áo phát động chiến tranh để tự giải phóng khỏi sự lệ thuộc vào Na-pô-lê-ông. Phái “đôi mới” ở nước Phổ vận động vua Phổ tham chiến cùng với Áo. Nhưng, chỉ bằng một hiệp ước, Na-pô-lê-ông đã trung lập được bọn thống trị Phổ, thậm chí còn gạt được những nhà cải cách tích cực nhất ra khỏi chính quyền. Clau-dơ-vít rất bất mãn. Ông gọi bọn đầu hàng và bảo thủ là “những kẻ hèn hạ, ích kỷ, không thể nào xa rời được đồng lương và chức vị nhà vua ban cho, những kẻ yêu nước giả dối, chỉ muốn duyệt binh hơn là ra chiến trường”. Ông muốn bỏ sang Áo để chiến đấu nhưng chưa kịp thực hiện ý định thì Áo đã bị thua Na-pô-lê-ông

rồi.

Năm 1811, Na-pô-lê-ông chuẩn bị tiến công nước Nga. Năm được âm mưu đó, Gơ-nai-dơ-nau và Clau-dơ-vít vạch ra những kế hoạch đề nghị triều đình Phổ liên minh với Nga và bắt chước Tây Ban Nha phát động nhân dân nổi dậy chống Na-pô-lê-ông. Nhưng vua Phổ vẫn tiếp tục đường lối chính trị đầu hàng, và mọi đề nghị trên đều không được chấp nhận.

Năm 1812, Na-pô-lê-ông khởi quân sang đánh Nga. Vua Phổ Phrê-đê-rích đệ tam run sợ ký hiệp ước liên minh với Pháp. Phrê-đê-rích cung cấp cho Na-pô-lê-ông 2 vạn lính và ra lệnh mở hết

cửa các pháo đài cho quân Na-pô-lê-ông tiến vào, với lý do “mượn đường đánh Nga”. Hiệp ước đầu hàng đó đã gây ra sự phẫn nộ trong hàng ngũ sĩ quan Phổ, Clau-dơ-vít cùng hơn 20 sĩ quan Phổ khác lập tức bỏ Phổ sang Nga tham gia kháng chiến. Do tướng Xten và những sĩ quan Phổ sang trước tiến cử, ông được tiếp nhận vào quân đội Nga hoàng với cấp trung tá.

Trước sức kháng chiến dẻo dai, quyết liệt của nhân dân Nga, đạo quân xâm lược của Na-pô-lê-ông càng tiến sâu vào đất Nga thì càng bị tiêu hao, kiệt quệ, và cuối cùng bị đánh đuổi ra khỏi đất nước Nga. Clau-dơ-vít đã trực tiếp chỉ huy chiến đấu trong các trận

Vi-tép-xơ, Xmô-len-xơ và Bô-rô-đi-nô. Sau đó, ông được cử làm tư lệnh “ Binh đoàn Nga- Đức ” gồm những người bỏ Phổ sang Nga chiến đấu và những hàng binh Đức từ phía Na-pô-lê-ông bỏ chạy sang. Khi tàn quân Pháp rút lui, một binh đoàn quân Phổ dưới quyền Na-pô-lê-ông, do tướng Y-oóc chỉ huy sang đánh Nga, bị cắt rời khỏi đám tàn quân Pháp. Clau-dơ-vít được cử đến thương lượng. Ông đã kiên trì thuyết phục được tướng Y-oóc vứt bỏ lập trường trung thành mù quáng với vua Phổ, đưa cả đạo quân của mình quay súng chống lại Na-pô-lê-ông.

Trong quá trình chiến đấu ở Nga, Clau-dơ-vít rất chú ý theo dõi chiến

lược kháng chiến của Cu-tu-dốp. Khi “ Binh đoàn Nga - Đức ” tiến về Đông Phổ, Clau-dơ-vít liền đi gấp tới Cơ-ni-xbéc để phát động nhân dân địa phương nổi dậy vũ trang chống Na-pô-lê-ông theo kinh nghiệm vừa học được của Nga. Ở đây, dựa trên ý kiến của Gơ-nai-dơ-nau và Xten, ông vạch ra một kế hoạch xây dựng lại các lực lượng quân sự Đông Phổ theo quan điểm “toàn dân làm lính” mà trước đây ông đã từng kiến nghị với vua Phổ, song hồi ấy không được chấp nhận. Ngoài các đơn vị chính quy, ông đề nghị tổ chức thêm hai loại quân địa phương. Loại thứ nhất là tiểu đoàn quân bổ sung (land-wehr) gồm những

người từ 18 đến 40 tuổi, có nhiệm vụ thường xuyên bổ sung cho các trung đoàn chính quy, khiến chúng luôn luôn giữ được đầy đủ quân số. Loại thứ 2 là các đơn vị dân binh (land-sturm) gồm tất cả những người còn lại, trang bị giáo mác, gậy gộc, cuốc xẻng,... làm nhiệm vụ đánh du kích ngay tại địa phương, khiến kẻ địch chiếm đóng không được yên ổn. Kế hoạch này được Bộ chiến tranh Phổ hoan nghênh.

Năm 1814, “Bình đoàn Nga - Đức” sáp nhập vào quân đội Phổ. Clau-dơ-vít được triều đình Phổ phong chức đại tá. Trong thời kì “100 ngày” của Nápô-lê-ông, Clau-dơ-vít chỉ huy quân đoàn Phổ thứ ba, đánh kìm chân quân

đội Na-pô-lê-ông ở gần Oa-téc-lô. Sau đó, binh đoàn ông cùng với quân Liên minh Châu Âu tiến vào Pa-ri - thủ đô Pháp - kết thúc vĩnh viễn chế độ Na-pô-lê-ông. Từ đây cho đến năm 1818, ông làm tham mưu trưởng đạo quan sông Ranh do Gơ-nai-dơ-nau làm tư lệnh.

Trở lại quân đội Phổ, Clau-dơ-vít bị nhà vua và bọn cận thần đối xử lạnh nhạt vì họ cho rằng ông đã rời bỏ nước Phổ. Tuy buồn nhưng Clau-dơ-vít vẫn rất tự hào về sự trung thành của mình với Tổ quốc Phổ, và cho rằng: trong cuộc kháng chiến của nhân dân Nga chống Na-pô-lê-ông, ông đã phục vụ tổ quốc mình một cách xứng đáng.

Chiến thắng 1814-1815 của Liên minh châu Âu đã giải phóng nhiều nước khỏi chủ nghĩa bành trướng của Na-pô-lê-ông và đại tư sản Pháp. Nhưng mặt khác nó lại tạo điều kiện ổn định tạm thời cho các lực lượng phong kiến chuyên chế. Ở nước Phổ, khi thế lực phản động, bảo thủ trở lại chiếm ưu thế, thì chúng liền tìm cách gạt các phần tử “đổi mới” ra khỏi những cương vị quan trọng, trong đó có cả những tướng lĩnh nổi tiếng như Gơ-nai-dơ-nau. Năm 38 tuổi, Clau-dơ-vít được phong chức thiếu tướng và được cử về làm giám đốc Học viện quân sự Béc-lin. Bề ngoài, điều đó có vẻ như một sự khen thưởng, nhưng thực chất

chỉ là một cách hạn chế ảnh hưởng. Chức vụ giám đốc là một chức vụ hoàn toàn hành chính. Mọi việc giảng dạy, tổ chức đều do một hội đồng gồm toàn những phân bảo thủ nắm hết. Những thí nghiệm mới của ông về việc sửa đổi công việc giảng dạy đều vấp phải sự phản đối kịch liệt. Một lần, ông đã có tên trong danh sách phái đoàn ngoại giao ra nước ngoài, nhưng sau đấy lại không được đi nữa. Thái độ của vua Phổ đối với ông trước sau vẫn là thái độ bạc đãi, không ưa.

Tất cả những điều đó khiến Clau-dơ-vit ngày càng buồn rầu và trở nên cô độc, lạnh lùng. Bị tước mất mọi điều kiện thi thố tài năng trong các hoạt

động thực tiễn về quân sự, ông lặn lội sử dụng mọi thì giờ rỗi rãi của mình vào công trình khoa học lớn: nghiên cứu bản chất và quy luật của chiến tranh.

Clau-dơ-vit đã làm việc liên tục trong 12 năm (từ 1818 đến 1830) cho công trình nghiên cứu nói trên. Để chuẩn bị viết tác phẩm chính về lý luận là cuốn “Bàn về chiến tranh”, ông đã viết tất cả 7 tập tài liệu nghiên cứu về lịch sử chiến tranh. Clau-dơ-vit đã nghiên cứu 130 chiến cục cổ kim khác nhau và đọc toàn bộ các tác phẩm về lý luận chiến tranh trong thời đại ông. Trong khi làm việc, ông luôn luôn được sự khuyến khích và giúp đỡ ý kiến của

bạn thân là thống chế Gơ-nai-dơ-nau, người đã từng thảo ra những kế hoạch chiến lược đánh Na-pô-lê-ông. Vợ ông cũng là người ban tâm tình và là người giúp việc đắc lực. Bà an ủi, chăm sóc chồng khi ông gặp khó khăn, buồn phiền. Bà giúp ông sưu tầm tài liệu, chuẩn bị các trích dẫn và chép lại bản thảo. Tất cả những sự săn sóc của bạn và của vợ đã thường xuyên cổ vũ Clau-dơ-vit lấy lại nghị lực, mặc dầu ông bị triều đình bạc đãi.

Trong hơn mười năm, Clau-dơ-vit đã viết đi viết lại nhiều lần cuốn “Bàn về chiến tranh” nhằm làm cho tác phẩm luôn có nội dung mới. Nhưng đến tháng 8 năm 1830, khi bản thảo cuốn

sách còn đang làm dở thì ông phải đi nhận chức thanh tra pháp binh ở Breslau. Sau đó, ông lại đi làm tham mưu trưởng đạo quân Phổ, do Gơ-nai-dơ-nau giữ chức tư lệnh, đóng ở một vùng giáp biên giới Ba Lan. Tại đây, đầu năm 1831, Gơ-nai-dơ-nau bị chết vì dịch tả. Đến tháng 11 cùng năm, Clau-dơ-vit cũng mắc bệnh và chết tại Pô-den.

Sau khi Clau-dơ-vit chết, vợ ông thu thập các bản thảo chưa hoàn chỉnh, sắp xếp lại. Tác phẩm được xuất bản vào năm 1832.

Những sự thay đổi lớn về chính trị, kinh tế, xã hội của cuộc Đại cách mạng

tư sản Pháp năm 1789 đã làm nảy sinh ra những cải cách mới về mặt quân sự. Na-pô-lê-ông đã kết hợp một cách sáng tạo những cải cách ấy với những gì còn dùng được của nền nghệ thuật quân sự phong kiến cổ cũng như kinh nghiệm của ông ta trong thực tiễn chiến tranh và nâng nghệ thuật quân sự tư sản lên đến mức mà từ đây về sau không một nhà quân sự nào trong thế giới tư bản có thể vượt qua được. Nhưng Na-pô-lê-ông chỉ là một tướng chỉ huy. Ngoài cuốn “Hồi ký chiến tranh”, những “nhật lệnh, mệnh lệnh chiến đấu” và cuốn sách viết về cách sử dụng pháo binh, Na-pô-lê-ông không để lại tác phẩm nào tổng kết một cách đầy đủ

nghệ thuật quân sự mà cách mạng tư sản Pháp đã sáng tạo và ông ta đã hoàn chỉnh, nâng cao. Trong khi ấy thì nước Phổ lại có điều kiện để thực hiện công việc tổng kết đó. Như trên đã nói, Phổ vốn là nước có truyền thống quân sự và có một quân đội vào loại mạnh nhất châu Âu. Sau thất bại nặng nề năm 1806, người Phổ bắt buộc phải phê phán không thương tiếc quá khứ và xây dựng một nền lý luận quân sự mới mẽ nhằm thoát ra khỏi “cái ách Na-pô-lê-ông” và khôi phục lại địa vị chính trị, quân sự của mình. Nền quân sự ấy đã có sẵn tiền đề của nó, nảy sinh chiến tranh thời Na-pô-lê-ông. Bởi vậy, người ta cho rằng, Clau-dơ-vit thực tế

đã làm được công việc tổng kết nói trên trong tác phẩm “Bàn về chiến tranh” của ông. Căn cứ vào tính chất khái quát trừu tượng của cuốn sách, cũng có người lại gọi đó là một tác phẩm bàn về triết học của chiến tranh.

Khi mới ra đời, cuốn sách không gây được tiếng vang gì lớn, phần do tư tưởng bảo thủ, phần do trình độ thấp kém của số đông sĩ quan Phổ thời bấy giờ. Nhưng chỉ khoảng mười năm sau, khi cán cân lực lượng nghiêng về phía chủ nghĩa tư bản và những phân tử “đôi mới”, các tác phẩm của Clau-dơ-vit đã ngày càng được chú ý và đề lên rất cao trong hàng ngũ các tướng lĩnh Phổ.

Thống chế Môn-cơ (Montk) - một học trò của Clau-dơ-vit - đã dùng những tư tưởng quân sự của thầy học mình vào việc cải tổ quân đội Phổ. Sau này, chủ nghĩa quân Phiệt và chủ nghĩa phát-xít Đức đã coi Clau-dơ-vit như người đại diện của chúng, lợi dụng lý thuyết quân sự của ông để mở ra những cuộc chiến tranh dành giết thị trường và thống trị thế giới. Tướng Xli-áp-phen (Sliaffen) - kẻ chuẩn bị chiến lược cho bọn quân phiệt Đức gây ra cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) - đã tự nhận là học trò của Clau-dơ-vit. Hắn tuyên bố: “Nhờ có Clau-dơ-vit nên quân đội Đức mới được đào tạo cả một lớp lính cừ khôi “. Khi bạn

phát-xít Đức nhảy lên cầm quyền, có tên đã xác định: “Chỉ Go-rinh (Goering) mới đáng là người cầm đầu nhà nước, vì Clau-dơ-vit muốn thế. Có nhiên, trước hết vẫn phải kể đến Hit-le (Hitler)” (Ý kiến của R.Bla-xơ trong cuốn sách “Các Phong Clau-dơ-vit - cuộc đời trong chiến trận” viết năm 1934, nhằm tuyên truyền cho bọn phát-xít Hit-le lên nắm quyền thống trị nước Đức).

Lý thuyết quân sự của Clau-dơ-vit không phải chỉ giữ địa vị quan trọng trong giới quân sự nước Đức quân phiệt và phát-xít mà còn có ảnh hưởng khá rộng trong thế giới tư bản nói chung. Từ khi tác phẩm “Bàn về chiến

tranh” ra đời đến nay, nó đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và xuất bản nhiều lần. Các tướng Mỹ như Xmit (Smith), Mác Ác-tơ (Mac Arthur) ít nhiều đều nhắc đến hoặc trích dẫn, vay mượn những luận điểm của Clau-dơ-vit. Có thể nói: không một tác phẩm lớn nào của các nhà lý luận quân sự tư sản là không trích dẫn Clau-dơ-vit hoặc tranh luận với Clau-dơ-vit. Chẳng những thế sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), một số nhà lý luận quân sự Tây âu còn dựa vào lý thuyết “tập trung lực lượng” của Clau-dơ-vit để dựng lên một thứ lý thuyết gọi là “chủ nghĩa Clau-dơ-vit mới”, gây ra những cuộc tranh cãi sôi nổi một thời.

Về phía chúng ta, những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng đều đọc tác phẩm của Clau-dơ-vit và có nhận xét về ông.

Ăng-ghe-n, trong bức thư gửi Mác ngày 7-1-1858, cho biết rằng ông “đã đọc tác phẩm “Bàn về chiến tranh” của Clau-dơ-vit”, Ăng-ghe-n nhận xét “... đó là một phương pháp biện luận đáng chú ý, về bản chất là một công trình xuất sắc”.

Và Mác, trong bức thư trả lời Ăng-ghe-n ngày 11-1-1858, cũng nhận xét về Clau-dơ-vit là: “Con người đôn hậu ấy có một thiên tư đạt tới mức tài năng...”.

Đặc biệt, Lê-nin lại có hẳn một tập bút kí, nghiên cứu tác phẩm “Bàn về chiến tranh” của Clau-dơ-vit. Lê-nin đã ghi những ý kiến nhận xét sâu sắc của mình ở ngay bên lề tập bút ký. Khi xảy ra cuộc Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất (1914 -1918), Lê-nin đã nhiều lần trích dẫn những luận điểm có tính chất tích cực của Clau-dơ-vit về chiến tranh để phê phán và đập tan những luận điệu cơ hội, sô-vanh của bọn Quốc tế II, Lê-nin đánh giá Clau-dơ-vit là “một trong những tác giả vĩ đại nhất về lịch sử chiến tranh”, “một trong những tác giả sâu sắc nhất về các vấn đề quân sự”.

Nhìn chung, dựa trên những luận

điểm cơ bản của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Xta-lin về vấn đề chiến tranh, chúng ta có thể thấy được qua tác phẩm “Bàn về chiến tranh”, tất cả những yếu tố tích cực cũng như trong chỗ lỗi thời, những yếu tố tiêu cực trong quan điểm quân sự của Clau-dơ-vit.

Như Xta-lin đã nêu rõ, “Clau-dơ-vit là đại biểu của thời đại thủ công nghiệp trong lịch sử chiến tranh. Nhưng, ngày nay chiến tranh đã bước vào thời đại cơ khí. Rõ ràng, thời đại mới yêu cầu phải có những nhà tư tưởng quân sự mới... ”.

Những cuộc chiến tranh ngày nay

đã khác và sẽ khác rất nhiều - cả về quy mô, mức độ lẫn phương thức tiến hành - so với những cuộc chiến tranh thời Na-pô-lê-ông. Nhiều kết luận của Clau-dơ-vit tất nhiên đã trở thành lạc hậu. Nhìn chung, những bộ phận lỗi thời trong tác phẩm đều là những nội dung cụ thể, có tính chất biến động nhất, như chiến thuật. Những nội dung còn đứng lại với thời gian phần lớn thuộc về những vấn đề có tính chất cơ bản, bàn về bản chất của chiến tranh, về chiến lược, v.v.

Chúng ta đều biết rằng, Clau-dơ-vit viết cuốn “Bàn về chiến tranh” vào thời đại cách mạng tư sản bắt đầu và giai cấp tư sản châu Âu đang đóng vai

trò lịch sử của nó. Bởi thế, tác phẩm của ông đã có những yếu tố lịch sử tích cực, tiến bộ nhất định. Trong khi tìm hiểu về nền nghệ thuật quân sự tư sản mới xuất hiện và phê phán những học thuyết quân sự phong kiến đã lỗi thời, do có cách xem xét biện chứng, Clau-dơ-vit đã vươn tới được những vấn đề cơ bản, gốc rễ của chiến tranh. Ông đã phát hiện ra được một số quy luật về mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị, giữa thực tế xã hội với nghệ thuật quân sự, giữa các hình thức chiến đấu, v.v. Những phát hiện ấy chẳng những được thế giới phương Tây lấy làm nền tảng hệ thống lý luận quân sự tư sản mà ngay các đại biểu của chủ nghĩa

Mác-Lênin cũng khen ngợi và đánh giá cao.

Những mặt khác, lý thuyết quân sự của Clau-dơ-vit cũng chứa đựng không ít sai lầm có tính chất tiêu cực. Đó là do hạn chế lịch sử, địa vị xã hội và thế giới quan của ông quyết định. Về căn bản, ông là người yêu nước song lập trường của ông là lập trường phục vụ giai cấp tư sản. Nhìn chung, ông vẫn còn luẩn quẩn chưa thoát ra được khu rình rập rập của chủ nghĩa duy tâm. Tất cả những hạn chế đó khiến cho nhà lý luận quân sự có tài ấy không thể tiến lên được điểm chót của các quy luật mà ông đã phát hiện. Trong bất cứ vấn đề nào, ở Clau-dơ-vit cũng tồn tại những

quan điểm, những khía cạnh tiêu cực mang dấu ấn giai cấp rõ ràng. Đồng thời, trong lập luận của ông cũng bộc lộ không ít những chỗ mâu thuẫn. Bởi vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy các tướng lĩnh của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát-xít đều hết sức đề cao những yếu tố tiêu cực trên của Clau-dơ-vit. Mặt khác, chúng cũng không quên phản đối, gạt bỏ, xuyên tạc những yếu tố tích cực, tiến bộ trong tác phẩm của ông.

Nghiên cứu tác phẩm “Bàn về chiến tranh”, chúng ta phê phán và gạt bỏ mọi quan điểm duy tâm, tiêu cực của Clau-dơ-vit. Nhưng chúng ta không phủ định tất cả, mà cố gắng chọn lọc những

cái gì còn là tích cực và có ích trong tác phẩm. Cả hai mặt phê phán. Gạt bỏ và thừa nhận, tiếp thu đều nằm trong quá trình cải tạo cái cũ và đều có tác dụng bồi bổ cho tri thức khoa học quân sự của chúng ta ngày càng thêm phong phú.

Đó cũng là mục đích của việc dịch và giới thiệu tác phẩm “Bàn về chiến tranh” của Clau-đơ-vit.

PHÒNG BIÊN TẬP LỊCH SỬ -
HỘI KÝ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI
NHÂN DÂN

[\[1\]](#) Chiến tranh Bảy năm (1756-

1765): Cuộc chiến tranh giữa một bên là Pháp - Áo - Nga và một bên là Anh - Phổ. Sau cuộc chiến tranh này, Pháp bị mất một số thuộc địa giàu có, còn vua Phổ Phrê-đê-rích đệ nhị thì chiếm được vùng Xi-lê-di.

[\[2\]](#) Phrê-đê-rích đệ nhị (1712 - 1786), vua nước Phổ, khôn khéo về chính trị, có tài về quân sự. Cố gắng xây dựng sự hùng mạnh của nước Phổ, chống lại Anh, Pháp và Nga. Vốn nổi tiếng hiếu chiến, đã từng nói: “Nếu anh thích khoảnh đất nào ở nước ngoài thì cứ việc chiếm lấy, bọn thầy cãi sẽ tìm được cách nói rằng cuộc xâm lược đó là chính đáng”.

[\[3\]](#) Ma-ki-a-ven (1469 - 1527): nhà

văn, nhà hoạt động chính trị nước Ý, thường chủ trương: để đạt được mục đích, người ta có thể không từ một biện pháp nào và có thể chà đạp lên luân lý, danh dự.

[4] Trào lưu Ánh sáng: trào lưu tư tưởng của giai cấp tư sản trẻ như Von-te, Rút-xô, Mông-te-xki-ơ, Đi-đơ-rô, Đa-lăm-be v.v. Họ tuyên truyền chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa vô thần và đả kích kịch liệt chủ nghĩa duy tâm tôn giáo thần bí của nhà thờ. Họ đề cao tư tưởng dân chủ, tự do tư sản và phê phán chế độ phong kiến, chuyên chế. Trào lưu này là quá trình chuẩn bị về tư tưởng cho cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789.

[5] V.I. Lê-nin, Toàn tập, Nhà xuất

bản Sự thật, Hà Nội 1963, 21, tr. 245.

[6] Trước cách mạng Pháp 1789, bọn phong kiến Pháp chia các tầng lớp xã hội ra thành ba đẳng cấp: hai đẳng cấp trên là tăng lữ và quý tộc; đẳng cấp thứ ba gồm tư sản, thợ thủ công, nông dân, tiểu tư sản thành thị, công nhân và mọi người trong tầng lớp bình dân.

[7] Gia-cô-banh (Jacobins): tổ chức chính trị có khuynh hướng tích cực nhất, đại biểu cho các tầng lớp trung tư sản dân chủ, tiểu tư sản, nông dân và công nhân trong cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789. Có những lãnh tụ nổi tiếng như Rô-be-xpi-e, Ma-ra, Xanh Giuy-xt. Đã tiến hành đấu tranh khốc liệt với bọn phản động và bọn thỏa hiệp, đưa ra bản

hiến pháp dân chủ 1793 và sắc lệnh ruộng đất xóa bỏ mọi đặc quyền của phong kiến, được đại đa số nhân dân hoan nghênh. Những cải cách ấy đã mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản sau này ở Pháp, động viên được nhân dân đánh thắng mọi cuộc can thiệp của bọn phong kiến Phổ, Áo, Hà Lan, v.v.

[8] Từ mùa hạ năm 1794, sau khi chính phủ cách mạng Gia-cô-banh đổ và chính quyền chuyển vào tay giai cấp đại tư sản, các cuộc chiến tranh của nước Pháp cộng hòa đã mất dần tính chất chính nghĩa, tính chất giải phóng của nó và tiến hành các cuộc chiến tranh cướp bóc, nô dịch các nước. Năm 1799, sau khi Napolê-ông làm cuộc chính biến phản cách

mạng thì tính chất phi nghĩa lại càng rõ. Na-pô-lê-ông đã lợi dụng được những tiến bộ về quân sự do cách mạng đưa lại để phục vụ cho giai cấp đại tư sản Pháp.

[9] Ở các đô thị châu Âu hồi thế kỷ XVII, XVIII thường có những thị trường mua bán lính quốc tế và những tên “lái” (racleurs) chuyên tìm mua lính để bán lại cho bọn sĩ quan tuyển lính. Đối tượng của chúng là những người thợ thủ công thất nghiệp, những nông dân bị cướp đất phải bỏ nhà đi lang thang. Ở Pháp, giá mỗi người lính được quy định thống nhất là 100 bảng (livres). Nhưng anh ta chỉ được hưởng có 66 bảng, còn 24 bảng để “khao” anh em và 10 bảng vào túi tên “lái”. Năm 1790, mỗi người lính bộ binh trong quân đội nhà vua Pháp được chi

phí có 7 xu 4 mỗi ngày, bao gồm cả tiền ăn uống, quần áo, giày mũ, v.v. (ngang giá 2kg bánh mì). Lương lính Phổ còn thấp hơn thế. Binh lính thường phải đi kiếm việc làm thêm mới đủ sống.

[\[10\]](#) Các sĩ quan cộng hòa Pháp phần lớn đều xuất thân từ lính trơn hoặc cai đội. Họ được thăng lên (cấp đại đội, tiểu đoàn), hoặc được chính phủ chỉ định (cấp sư đoàn trở lên). Họ đều rất trẻ.

[\[11\]](#) Quân đội cộng hòa Pháp được tuyển lựa trên cơ sở động viên toàn dân. Năm 1793, nước Cộng hòa Pháp có tới 63 vạn lính dưới cờ, nếu cộng cả quân dự bị thì tổng số lên đến hơn 1 triệu. Trong khi đó, tổng số quân ra trận của

Liên minh Phổ - Áo - Anh - Hà Lan gộp lại cũng chỉ có 40 vạn.

TẬP 1

BẢN CHẤT CỦA CHIẾN TRANH

Chương 1

CHIẾN TRANH LÀ GÌ?

1. Mở đầu.

Chúng tôi sẽ nghiên cứu trước tiên những yếu tố khác nhau của đề tài rồi đến bộ phận cấu thành, hay các thành phần của nó, và cuối cùng sẽ nghiên cứu toàn bộ vấn đề trong mối quan hệ bên trong của nó. Như vậy chúng tôi sẽ đi từ đơn giản đến phức tạp. Những đối với đề tài này, hơn là đối với đề tài khác, trước hết phải nhìn vào bản chất của toàn bộ, vì ở đây, hơn tất cả các chỗ khác, bộ phận và toàn thể cần được nghiên cứu cùng một lúc.

2. Định nghĩa.

Chúng tôi không bắt đầu nghiên cứu chiến tranh bằng một định nghĩa nặng nề và rỗng tuếch. Chỉ cần nói đến bản chất của nó, đến cuộc đấu tay đôi. Chiến tranh không là cái gì khác ngoài một cuộc đấu tay đôi trên quy mô rộng lớn. Nếu chúng ta muốn thu tóm được chỉ trong một khái niệm bao quát về vô số cuộc đấu tay đôi cấu thành chiến tranh, chúng ta chỉ nghĩ đến hai đồ vật. Mỗi đồ vật, bằng thể lực của anh ta, tìm cách bắt đồ vật kia phục tùng ý chí của mình - *trước mắt là quật ngã* đối phương nhằm làm cho đối phương hoàn toàn không thể chống cự được nữa.

Vậy chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng

ý chí của mình.

Bạo lực sử dụng những phát minh của nghệ thuật và khoa học để đối phó với bạo lực. Đi đôi với bạo lực là những hạn chế nhỏ, không đáng nói đến, và chính bạo lực lại ngự trị dưới danh nghĩa luật nhân quyền, nhưng trên thực tế, luật này không làm giảm sức mạnh của nó. Như vậy bạo lực, nghĩa là bạo lực vật chất (vì không có bạo lực tinh thần ngoài khái niệm Nhà nước và Luật pháp) là *công cụ*, còn *mục đích* là buộc kẻ thù phải theo ý chí của mình. Muốn đạt mục đích ấy một cách thật chắc chắn, cần phải giải giáp kẻ thù, và sự giải giáp này, theo định nghĩa, là mục tiêu thực sự của tác chiến trong chiến tranh. Nó thay thế cho mục đích và có thể nói: nó gạt mục đích

ra một bên. Coi mục đích như một điều gì không thuộc về bản thân chiến tranh.

3. Dùng sức mạnh không hạn độ.

Những tâm hồn từ bi có thể dễ dàng tưởng tượng rằng: có một cách nhân tạo để giải giáp và đánh bại quân thù mà không đổ máu quá nhiều, và cho rằng đây mới là hướng đề nghệ thuật quân sự chân chính vươn tới. Tuy đó là điều đáng ước mong, nhưng đó cũng là một sai lầm cần phải tránh. Trong một công việc nguy hiểm như chiến tranh, những sai lầm do hảo tâm gây ra chính là điều tai hại nhất. Vì sử dụng toàn diện sức mạnh vật chất tuyệt nhiên không hề loại trừ sự phối hợp với trí thông minh, người nào sử dụng sức mạnh đó một cách lạnh lùng và

không lùi bước trước bất kì sự đổ máu nào, người ấy sẽ chiếm ưu thế trước đối phương nếu đối phương không làm như vậy. Và do đó, họ sẽ bắt buộc được đối phương phải theo lệnh của mình, cho nên mỗi bên thúc đẩy bên kia phải đi đến một điểm tốt cùng và đến đây chỉ có sức đối phó ở phía đối phương mới vạch ra được giới hạn cho điểm tốt cùng ấy.

Đó là cách nghiên cứu các sự việc. Nhắm mắt trước yếu tố tàn bạo - vì yếu tố tàn bạo đáng ghê tởm - là lãng phí lực lượng, nếu không nói là phạm sai lầm.

Nếu chiến tranh của các dân tộc văn minh bớt tàn ác và tàn phá hơn nhiều so với những cuộc chiến tranh của các dân tộc không văn minh, thì đó là vì tình hình

xã hội của các dân tộc nói trên cũng như quan hệ giữa họ với nhau đã đưa đến trạng thái đó. Chính chiến tranh phát sinh ra từ tình hình ấy và từ những điều kiện ấy nhào nặn, giới hạn chiến tranh và làm cho nó bớt khốc liệt. Nhưng chính bản thân những yếu tố ấy không thuộc về chiến tranh, nó có trước chiến tranh. Đưa nguyên lý bảo hòa và trong triết lý của bản thân chiến tranh thật là vô lý.

Sự xung đột giữa người với người, thật ra phụ thuộc và hai yếu tố: *tình cảm thù địch* và *ý định thù địch*. Giữa hai yếu tố trên, chúng tôi đã chọn yếu tố thứ hai để làm cho định nghĩa của chúng tôi có cái dấu hiệu đặc biệt của nó vì nó tổng quát hơn. Người ta khó tưởng tượng ra tình cảm căm thù cuồng nhiệt nhất,

man rợ nhất, có tính chất gần như bản năng nhất, nếu không có ý định thù địch, nhưng lại có những ý định thù địch mà bạn không có tình cảm thù địch trộn lẫn vào hay ít nhất cũng không có tình cảm thù địch chiếm ưu thế. Ở những người dã man, những ý định do cảm tính gây nên chiếm ưu thế; ở những dân tộc văn minh thì những ý định của trí tuệ chiếm ưu thế. Những chỗ khác nhau ấy không do bản chất của tình trạng dã man hay văn minh mà chính là do các điều kiện phụ thuộc^[1], các thể chế, v.v. Trong mỗi trường hợp riêng biệt, không nhất thiết có sự khác nhau ấy nhưng trong đại đa số trường hợp thì có. Nói tóm tắt, cả đến những dân tộc văn minh nhất cũng có thể bị lòng căm thù tàn bạo lôi cuốn.

Do đó, chúng ta không thể cho rằng chiến tranh giữa những nước văn minh là một hành động thuần túy lý trí của các chính phủ, và là một hành động ngày càng có thể thoát ly khỏi sự cuồng mê, lại càng không thể nói rằng trọng lượng vật chất của các lực lượng vũ trang rất cuộc cũng không cần nữa, và hình như chỉ cần đến những mối quan hệ lý thuyết giữa các lực lượng ấy - một kiểu đại số của hành động. Nói như vậy sẽ xa rời chân lý biết bao nhiêu!

Lý thuyết đang đi vào con đường ấy thì những sự kiện của các cuộc chiến tranh gần đây^[2] lại chuyển nó sang hướng khác. Nếu chiến tranh đã là một hành động bạo lực thì cảm tính nhất định

cũng là một yếu tố của chiến tranh. Nếu chiến tranh không phải từ cảm tính mà ra, nó cũng tác động nhiều hay ít đến cảm tính và sự “nhiều hay ít” này không phụ thuộc vào trình độ văn minh, nhưng phụ thuộc vào tầm quan trọng và tính bền vững của các quyền lợi đối địch.

Nếu các dân tộc văn minh không giết chết tù binh, không cướp bóc thành phố và nông thôn thì đó là vì lý trí chiếm lĩnh một vị trí lớn hơn trong lúc tiến hành chiến tranh và lý trí đã dạy cho họ dùng vũ lực một cách hiệu quả hơn là để cho bản năng bùng nổ ra một cách tàn bạo.

Việc phát minh ra thuốc súng và sự phát triển không ngừng của các loại súng tự thân nó đã chứng minh rằng trong thực

tế, khuynh hướng tiêu diệt địch, gắn liền với khái niệm chiến tranh, tuyệt nhiên không bị sự tiến bộ của nền văn minh ngăn chặn hoặc đẩy lùi.

Vì vậy, chúng tôi nhắc lại luận điểm của chúng tôi: chiến tranh là một hành vi bạo lực và không có giới hạn nào trong việc sử dụng bạo lực, mỗi bên đối địch ép buộc đối phương phải theo quy luật của mình, do đó có cạnh tranh, mà về phương diện lý thuyết sẽ đẩy cả hai bên tới chỗ cực đoan. Chính đó là sự tác động qua lại đầu tiên, điểm tột cùng thứ nhất mà chúng ta vấp phải.

(Tác động qua lại đầu tiên).

4. Mục đích là làm cho kẻ địch mất hết khả năng đề kháng.

Chúng tôi đã nói làm cho kẻ địch mất hết khả năng đề kháng là vì mục đích của hành vi chiến tranh; chúng tôi sẽ chứng minh rằng định nghĩa nào là cần thiết để nhận thức chiến tranh về mặt lý luận.

Để kẻ địch phục tùng ý chí của chúng ta, phải đẩy chúng tới tình thế bất lợi hơn là những tổn thất mà ta buộc chúng phải chịu. Nhưng tình thế bất lợi ấy dĩ nhiên không thể là tạm thời hay ít nhất cũng có vẻ như thế - nếu không kẻ địch sẽ đợi dịp thuận lợi hơn và chúng sẽ chẳng chịu lùi bước. Bởi vậy, mọi thay đổi do việc tiếp tục tiến hành chiến tranh gây nên phải đưa đến cho kẻ địch một tình hình xấu hơn (ít nhất cũng về mặt lý thuyết). Đối với mỗi bên đối địch

thì tình hình xấu nhất là bị giải giáp hoàn toàn. Nếu chúng ta muốn, bằng hành vi chiến tranh, bắt buộc kẻ địch tuân theo ý chí của chúng ta, thì phải hoặc là thực sự giải giáp kẻ thù, hoặc là đặt chúng trong một tình huống nào đó để chúng thấy rằng mình bị khả năng trên đe dọa. Vì vậy, giải giáp kẻ địch hoặc sự chiến bại của chúng - dẫu ta chọn danh từ gì cũng thế - phải là mục đích hành động quân sự.

Chiến tranh không phải là tác động của một lực lượng sống vào một vật chết. Vì tuyệt đối không chống cự là phủ định chiến tranh, cho nên chiến tranh lúc nào cũng là sự xung đột giữa hai lực lượng sống, và những điều mà chúng tôi nói về mục đích cao nhất của chiến tranh là mặc nhiên phù hợp với cả hai bên đối địch. Ở

đây cũng vậy, có sự tác động qua lại. Khi mà ta chưa đánh bại kẻ địch, ta vẫn sợ nó đánh bại ta. Ta không tự làm chủ được, vì kẻ địch buộc ta phải theo quy luật của chúng cũng như ta buộc chúng phải theo quy luật của ta. Đó là tác động qua lại thứ hai, nó dẫn ta tới điểm tốt cùng thứ hai.

(Tác động qua lại thứ hai).

5. Triển khai lực lượng đến tốt cùng

Nếu muốn đánh bại kẻ địch, phải làm cho sự cố gắng của mình tương xứng với sự kháng cự của chúng. Sự kháng cự này là kết quả của hai yếu tố không thể tách rời nhau: *quy mô các phương tiện*

mà kẻ địch sử dụng và sức mạnh ý chí của chúng.

Người ta có thể ước lượng quy mô phương tiện mà kẻ địch sử dụng vì phương tiện thể hiện trên con số (tuy không hoàn toàn); nhưng đối với sức mạnh của ý chí thì không làm như thế được: người ta chỉ có thể phỏng đoán chúng theo động cơ của kẻ địch. Nếu giả thiết rằng: sự đánh giá của ta về khả năng kháng cự của kẻ địch là gần đúng, chúng ta có thể đưa mức cố gắng của mình lên phù hợp, tăng lên dần dần để đảm bảo ưu thế, hoặc nếu chúng ta không đủ phương tiện thì phải cố gắng đến mức cao nhất. Nhưng đối phương cũng làm như thế; do đó lại có thêm một cuộc chạy đua: về mặt lý thuyết, cuộc chạy đua này một lần

nữa lại phải đi đến chỗ tốt cùng. Ở đây, chúng ta có tác động qua lại thứ ba và điểm tốt cùng thứ ba.

(Tác động qua lại thứ ba)

6. Biến đổi trong thực tế.

Trong phạm vi trù tượng của khái niệm thuần túy, sự suy nghĩ không thể ngừng lại trước khi đến điểm tốt cùng của nó, vì chính là ở điểm tốt cùng ta phải suy nghĩ: sự đối địch của các lực lượng được buông lỏng và chỉ tuân theo quy luật của bản thân nó. Nếu chúng ta muốn rút ra khái niệm thuần túy lý thuyết của chiến tranh một mục đích tuyệt đối định trước và cả những phương tiện để đạt mục đích ấy thì những tác động qua lại liên tiếp dẫn ta đến những điểm tốt

cùng, những điểm này chỉ là trò chơi của trí tưởng tượng thuần túy, sản phẩm của một chuỗi móc xích lý sự lô-gích mơ hồ. Nếu ta chỉ tuân theo những cái tuyệt đối một cách quá chặt chẽ, muốn tránh tất cả các khó khăn một điều khẳng định đơn giản, bằng cách nói theo một quan điểm lô-gích chặt chẽ rằng phải luôn luôn sẵn sàng đối phó với tất cả mọi việc và đương đầu với điểm tốt cùng ấy bằng sự cố gắng cao nhất thì điều khẳng định của chúng ta chỉ là sự trống rỗng, không ứng dụng được trong thế giới thực tại.

Nếu ta thừa nhận rằng điểm cố gắng tốt cùng đó là tuyệt đối, dễ thấy rõ, thì cũng không thể không thừa nhận rằng trí óc con người rất khó chấp nhận những kiểu lập luận phóng túng như vậy. Trong

nhieu trường hợp, kết quả của kiểu lý luận trên sẽ chỉ là một sự tiêu phí lực lượng vô ích dẫn đến cho nghệ thuật chỉ huy lại phải đền bù bằng những nguyên tắc khác. Điều ấy có thể đòi hỏi một sự cố gắng về ý chí không cân xứng với mục tiêu muốn đạt, và lại cũng không thể cố gắng như thế được. Bởi vì, sức mạnh ý chí của con người không bao giờ bắt nguồn từ những điều lý luận lô-gích mơ hồ rắc rối.

Nhưng tất cả sẽ có một hình thái khác nếu ta đi từ trừu tượng đến thực tế. Trong trừu tượng thì cái gì cũng phải nhìn bằng con mắt lạc quan và phải quan niệm rằng mỗi phe không những không chỉ có khuynh hướng đi đến chỗ hoàn hảo mà lại phải đạt cả niềm hoàn hảo ấy nữa.

Trong thực tế có được như thế không?
Cũng có thể được như thế nếu:

1. Chiến tranh là một hành vi hoàn toàn đơn độc, đột nhiên xuất hiện và không dính líu gì đến sinh hoạt trước đó của quốc gia;

2. Chiến tranh chỉ là một quyết định duy nhất hoặc nhiều quyết định xảy ra một lúc;

3. Chiến tranh dẫn đến một quyết định mà tự thân nó đã hoàn bị rồi, và nếu như người ta không kể đến tình hình chính trị do chiến tranh sinh ra và tác động đến chiến tranh.

7. Chiến tranh không bao giờ là một hành vi đơn độc

Về điểm thứ nhất, cần phải nhớ rằng không một bên đối địch nào lại là một người trù tượng đối với bên kia. Kể cả lúc nói đến yếu tố kháng cự, không phụ thuộc vào các sự vật bên ngoài, tức là ý chí. Ý chí này không phải là điều gì hoàn toàn không biết. Tình hình hiện này của nó cho ta biết ngày mai nó sẽ ra thế nào. Chiến tranh không bao giờ bùng nổ một cách hoàn toàn đột nhiên: không phải một lúc mà nó mở rộng ra được. Vì vậy mỗi bên đối địch có thể phán đoán bên kia theo những điều phía bên kia làm có thật, chứ không phải theo trên lý thuyết những điều đáng lẽ họ phải có hoặc phải làm. Thế nhưng, vì không hoàn hảo nên con người không bao giờ đạt được ranh giới tuyệt đối tốt, và vì nguyên tắc này tác

động đến cả hai bên, nên nó trở thành một yếu tố hòa hoãn.

8. Chiến tranh không phải là một cuộc xung đột duy nhất không có thời hạn.

Điểm thứ hai làm cho ta có những nhận xét sau:

Nếu sự kết thúc chiến tranh phụ thuộc vào một quyết định duy nhất hay nhiều quyết định cùng một lúc, thì công việc chuẩn bị cho một hay nhiều quyết định ấy tự nhiên lại phải tiến hành một cách khẩn trương cao độ nhất. Thời cơ đã mất một lần thì không bao giờ trở lại nữa. Dấu hiệu độc nhất mà thế giới thực tại có thể cho chúng ta biết về biện pháp cần tiến hành là những biện pháp của kẻ

địch trong phạm vi chúng ta có thể biết được, còn tất cả những điều còn lại thì nên trả về thế giới trừu tượng^[3]. Nếu như quyết định gồm nhiều hành vi liên tiếp nhau, mỗi hành vi lại gắn liền với các điều kiện phụ thuộc và có thể cho ta biết một khái niệm của công việc tiếp theo, thì trong trường hợp này cũng vậy, thế giới thực tại thay thế cho thế giới trừu tượng và vì vậy làm giảm bớt khuynh hướng đi đến điểm tột cùng.

Nhưng, mọi cuộc chiến tranh có thể chỉ gồm một quyết định hoặc nhiều quyết định đồng thời, nếu những phương tiện sẵn sàng chiến đấu đã huy động hoặc có thể huy động cùng một lúc. Bởi vì *một kết thúc, không lợi* tất nhiên sẽ giảm bớt

các phương tiện ấy đi rất nhiều và nếu như *tất cả các phương tiện* đều đã dùng để đi đến quyết định đầu tiên thì rõ ràng ta không thể nghĩ đến quyết định thứ hai. Nếu như vậy, mọi hành vi chiến tranh tiếp theo chủ yếu sẽ là bộ phận của hành vi đầu tiên và chỉ là những hành vi kéo dài hành vi đầu tiên này.

Nhưng, chúng ta đã thấy rằng, ngay từ lúc chuẩn bị chiến tranh, thế giới thực tại đã thay thế khái niệm nhưng điểm tốt cùng trong giả thuyết. Nếu chỉ có lý do này thôi, mỗi bên đối địch cùng sẽ phải dừng lại trong các hành động qua lại, trước một tuyến cố gắng cao nhất, và những lực lượng của họ sẽ không thể huy động cùng một lúc được.

Nhưng, bản chất của những lực lượng ấy và cách sử dụng chúng không cho phép ta huy động tất cả cùng trong một lúc. Những lực lượng ấy là: *các lực lượng quân sự chính cống, lãnh thổ* (kể cả không gian và dân số) và *đồng minh*.

Lãnh thổ với không gian và dân số không những là nguồn gốc của mọi lực lượng quân sự chính cống mà còn là một bộ phận trong toàn bộ những yếu tố tác động đến chiến tranh, có thể vì nó là chiến trường hoặc vì nó có ảnh hưởng rõ rệt đến chiến trường.

Rất có thể sử dụng được mọi lực lượng chiến đấu cơ động cùng một lúc, nhưng đối với các pháo đài, sông núi, dân số, v.v..., nghĩa là toàn bộ xứ sở, thì

không thể huy động cùng một lúc được, trừ trường hợp nó nhỏ bé đến nỗi chỉ hành động chiến tranh đầu tiên cũng đã bao trùm hết rồi. Rồi đến một yếu tố khác nữa là: sự cộng tác của đồng minh không phụ thuộc vào các bên đối địch, và bản chất của các quan hệ chính trị thường làm cho sự phối hợp này chỉ thực sự hình thành trong tương lai, hay sẽ được củng cố thêm để lập lại thế thăng bằng đã mất.

Trong nhiều trường hợp, một bộ phận của phương tiện kháng cự không thể huy động được ngay tức khắc: lúc mới nhìn qua, người ta tưởng rằng vấn đề này không quan trọng mấy; nó có thể lập lại thế thăng bằng giữa các lực lượng, kể cả lúc quyết định đầu tiên được tiến hành

với một cường độ cao đến nỗi thể thăng bằng này đã bị lung lay nghiêm trọng. Đó là những điều mà chúng tôi sẽ giải thích kỹ năng sau này. Bây giờ, chúng tôi chỉ cần vạch ra rằng: *tập hợp đầy đủ mọi lực lượng vào một lúc* là trái với bản chất của chiến tranh. Tuy vậy, đó không phải là một lý do giảm bớt mức độ cố gắng nhằm đạt quyết định đầu tiên; một kết quả bất lợi luôn luôn là điều mà ai cũng muốn tránh; bởi vì cuộc tác chiến đầu tiên càng có tác dụng quyết định bao nhiêu thì ảnh hưởng nó đến các cuộc tác chiến theo sau càng lớn bấy nhiêu. Những loài người bao giờ cũng e ngại phải bỏ ra một sự cố gắng quá sức, nỗi e ngại đó khi nào cũng buộc họ phải rút vào khả năng sau này mới quyết định

được. Cho nên, đối với quyết định đầu tiên, mức độ tập trung và căng thẳng của các tiềm lực lại thường ở dưới mức có thể có. Dầu một bên đối địch vì hèn yếu muốn sự tạm nghỉ này vẫn là một lý do *khách quan*, thực tế, để giảm bớt sự cố gắng của bản thân mình; như vậy nhờ có tác động qua lại, khuynh hướng đi đến điểm tốt cùng một lần nữa lại được giảm bớt và đưa đến một mức độ cố gắng nhất định mà thôi.

9. Kết quả của chiến tranh không phải là cái gì tuyệt đối.

Sau hết, không nên xem kết quả cuối cùng của cả một cuộc chiến tranh như là một khái niệm tuyệt đối. Nhiều khi, quốc gia thua trận có thể thấy rằng sự thất bại

của mình chỉ là một tai họa tạm thời mà những điều kiện chính trị xảy ra tiếp sau có thể cung cấp một liều thuốc chữa chạy. Hiển nhiên là điều nói trên cũng làm cho cường độ căng thẳng và mức độ cố gắng giảm bớt đi rất nhiều.

10. xác suất của đời sống thực tế thay thế tính chất cực đoan của các khái niệm trừu tượng.

Như vậy, mọi hành động chiến tranh không phải phụ thuộc vào những quy luật quá khắc nghiệt đã thúc đẩy các lực lượng đi đến tột cùng. Nếu như người ta không tìm kiếm cái tột cùng cũng như không trốn tránh nó, giới hạn của sự cố gắng bỏ ra là một vấn đề do sự suy xét quyết định, điều ấy chỉ có thể tiến hành

được theo cách suy luận, *theo những quy luật của tính xác suất*, còn những dữ kiện thì đã có những hiện tượng của thế giới thực tại cung cấp. Khi hai kẻ đối địch không phải là những khái niệm trừu tượng thuần túy mà là những quốc gia và chính phủ cá biệt, một khi chiến tranh đã không phải là một khái niệm trừu tượng mà là một bành động diễn biến theo những quy luật riêng của nó, thì hiện tượng thực tế sẽ là những dữ kiện để tìm ra các ẩn số muốn tìm.

Mỗi bên sẽ cố gắng đoán trước hành động của bên kia bằng cách rút ra những kết luận từ tính chất, thể chế; tình hình và điều kiện của bên đối địch và cố gắng thích nghi điều kiện của bản thân mình bằng cách sử dụng quy luật của toán học

xác suất (calcul de probabilités).

11. Mục tiêu chính trị lại nổi lên.

Đến đây, một đề tài mà chúng tôi đã bỏ qua ở đoạn thứ hai, nghĩa là *mục tiêu chính trị của chiến tranh* lại bắt ta phải chú ý. Cho đến bây giờ, vấn đề này còn bị ngấp trong quy luật về điểm tốt cùng, bởi ý định giải giáp và đánh bại kẻ thù. Khi mà quy luật trên bớt khắc nghiệt và ý định này không đạt mục đích thì tất nhiên mục tiêu chính trị lại nổi lên. Nếu tất cả những ý kiến của chúng tôi rút cuộc đưa đến một bài toán xác suất từ những con người và điều kiện nhất định, thì *mục tiêu chính trị, với tư cách là động cơ ban đầu*, trở thành một thừa số hoàn toàn chủ yếu trong tích số của bài toán. Sự hy

sinh mà ta bắt đối phương phải chịu càng nhỏ thì chúng ta có thể tin rằng đối phương sẽ chống trả chúng ta ít hơn. Nhưng yêu cầu của ta càng ít thì sự chuẩn bị của ta cũng sẽ kém đi. Ngoài ra, mục tiêu chính trị của chúng ta càng bớt quan trọng, chúng ta lại càng cho nó ít giá trị, và càng dễ từ bỏ nó, và do đó *sự cố gắng của chúng ta sẽ giảm bớt*.

Như vậy mục tiêu chính trị, với tư cách là động cơ ban đầu của chiến tranh, cho chúng ta mức độ của mục đích cần đạt tới bằng hành động quân sự, cũng như mức độ của những cố gắng cần thiết. Bản thân mục tiêu chính trị không thể là một mức độ tự nó và vì nó, nhưng gì chúng ta phải đương đầu với thực tiễn chứ không phải với khái niệm thuần túy cho nên nó

sẽ tùy thuộc vào mối quan hệ lẫn nhau giữa hai quốc gia đối địch. Chỉ một và cùng một mục tiêu chính trị có thể nảy sinh trong những quốc gia khác nhau hoặc trong một quốc gia những phản ứng khác nhau, trong từng thời kỳ khác nhau. Bởi vậy, mục tiêu chính trị chỉ có thể là mức độ nếu người ta chú ý đến ảnh hưởng của nó đối với quần chúng có liên quan, nghĩa là phải chú ý đến bản chất của quần chúng.

Khi quần chúng là yếu tố củng cố hành động thì kết quả sẽ hoàn toàn khác hẳn khi quần chúng là yếu tố làm yếu hành động: đó là điều hết sức dễ hiểu. Giữa hai dân tộc hoặc hai quốc gia có thể có tình hình căng thẳng nào đó và một số yếu tố thù địch nào đó, đến nỗi chỉ

một lý do chiến tranh rất nhỏ bé cũng có thể sản sinh ra một kết quả không cân xứng, một sự bùng nổ thực sự.

Điều này cũng có thể đúng đối với các cố gắng mà mục tiêu chính trị làm cho nảy sinh ra trong hai quốc gia, cũng như đối với mục đích mà hành động quân sự muốn đạt. Khi thì bản thân nó có thể trở thành mục đích ấy, thí dụ khi muốn chiếm đóng một tỉnh; khi thì mục tiêu chính trị về bản chất không thể là mục đích của hành động quân sự; như vậy, cần phải chọn một mục đích tương đương để thay thế lúc ký kết hòa bình. Nhưng ở đây cũng vậy, người ta cần phải giả thiết trước rằng: đã chú ý đúng mức đến đặc thù của các quốc gia đương sự. Một số trường hợp đòi hỏi mục đích tương

đương phải lớn hơn mục tiêu chính trị, nếu mục tiêu chính trị nhờ có biện pháp của mục đích tương đương mới đạt được. Quân chúng càng thờ ơ, tình hình càng bớt căng thẳng (tình hình căng thẳng này vốn có giữa hai quốc gia trong phạm vi khác và trong quan hệ giữa họ với nhau thì mục tiêu chính trị càng là một yếu tố chi phối với tư cách là mức độ và bản thân nó là một yếu tố quyết định. Trong một số trường hợp, hầu như chỉ bản thân nó mới là yếu tố quyết định.

Nếu mục đích của hành vi chiến tranh tương đương với mục tiêu chính trị thì thường thường hành vi ấy giảm dần đi cùng một lượt với mục tiêu chính trị: mục tiêu chính trị càng chiếm ưu thế thì lại càng phải như thế. Điều này giải thích

tại sao, nói như sau vẫn không có mâu thuẫn, lại có nhiều loại chiến tranh, với mọi tầm quan trọng và mọi mức độ khốc liệt, từ cuộc chiến tranh hủy diệt đến cuộc trình sát vũ trang đơn giản. Những điều này lại dẫn chúng ta đến một loại vấn đề khác, cần phải phân tích và giải đáp thêm.

12. Những vấn đề vừa nói chưa giải thích được vì sao có sự tạm ngừng hành vi chiến tranh.

Dầu yêu sách chính trị của hai bên đối địch ít ỏi đến bao nhiêu, dầu biện pháp sử dụng yếu ớt đến bao nhiêu, dầu mục đích hai bên muốn đạt được bằng hành vi chiến tranh tầm thường đến thế nào, hành vi chiến tranh có thể ngừng lại

trong một lúc được không. Đó là một câu hỏi đi sâu vào bản chất của đề tài.

Muốn hoàn thành được một hành động thì phải có một khoảng thời gian mà ta gọi là thời hạn. Thời hạn có thể dài hay ngắn tùy theo người hành động khẩn trương nhiều hay ít.

Chúng ta không bận tâm ở đây vì cái nhiều hay ít đó. Mỗi người hành động theo một cách; nhưng nếu một người làm chậm một công việc thì không phải vì anh ta muốn tiêu phí thời gian hơn là vì bản chất anh ta cần nhiều thì giờ hơn; nếu anh ta làm vội hơn thì anh ta làm không tốt bằng. Như vậy thời gian phụ thuộc vào những lý do bên trong và thuộc về thời hạn thực sự của hành động.

Nếu chúng ta quy định thời hạn cho một hành động chiến tranh, chúng ta phải thừa nhận (ít ra khi mới nhìn tới nó) rằng: mọi sự tiêu phí thời gian quá thời hạn ấy, nghĩa là mọi sự tạm ngừng hành vi chiến tranh, đều là vô lý. Về vấn đề này, cần phải luôn luôn nhớ rằng: đây không phải là sự phát triển của bên này hay bên kia mà là sự phát triển của toàn bộ hành vi chiến tranh.

13. Chỉ có một nguyên nhân có thể làm ngừng hành động và hình như nguyên nhân đó chỉ có thể tồn tại được một bên.

Nếu hai bên đều vũ trang để chiến đấu thì có nghĩa là họ bị yếu tố thù địch thúc đẩy. Họ còn ở trong tình trạng vũ

trang, nghĩa là họ chưa ký kết hòa bình, yếu tố này vẫn tồn tại; nó sẽ không ngừng tác động đến một trong hai bên đối địch chỉ vì một nguyên nhân; nguyên nhân đó là: *ý muốn đợi thời cơ thuận lợi hơn cho hành động*. Vậy mà, hình như mới nhìn qua, nguyên nhân chỉ có thể tồn tại ở một bên vì đương nhiên nó tác động ngược chiều đối với phía bên kia. Nếu bên này hành động là có lợi hơn thì đối với bên kia, chờ đợi lại có lợi hơn.

Một sự thăng bằng hoàn toàn về lực lượng không thể dẫn đến việc ngừng hoạt động bởi vì người đeo đuổi mục đích tích cực (người tiến công) sẽ lợi dụng nó để giữ thế chủ động.

Nhưng nếu người ta nghiên cứu đến

một sự thăng bằng mà ở đó một bên theo đuổi mục đích tích cực, và vì vậy tuân theo một động cơ mạnh hơn, lại cũng có tiềm lực yếu hơn (nếu đem nhân động cơ với lực lượng thì sẽ có phương trình), người ta luôn luôn có thể nói rằng: nếu như không nhìn trước thấy một sự biến đổi nào về thế cân bằng đó thì trong tương lai cả hai phe sẽ bắt buộc phải ký kết hòa bình. Nếu nhìn trước thấy một sự biến đổi thì nó sẽ chỉ có lợi cho một bên mà thôi, điều đó sẽ thúc đẩy bên kia hành động. Như thế chúng ta thấy rằng sự thăng bằng lực lượng không giải thích được việc hoãn chiến, nó bao giờ cũng chỉ tương đương với sự chờ đợi một thời cơ thuận lợi hơn. Chúng ta hãy cho rằng: một trong hai Nhà nước có mục đích tích

cực: nó muốn chiếm lấy một tỉnh của kẻ địch để đưa ra mạc cả lúc hòa bình. Sau khi cuộc xâm chiếm đó hoàn thành, ý đồ chính trị đã đạt, sự cần thiết phải hành động không còn nữa và Nhà nước ấy có thể nghỉ ngơi. Nếu đối phương chịu thừa nhận sự thắng lợi ấy thì phải ký kết hòa bình, nếu không thừa nhận thì lại phải hành động. Có thể trong khoảng một tháng nó đã được tổ chức tốt hơn; như vậy là có một lý do đầy đủ để hoãn hành động.

Bắt đầu từ lúc đó; hình như sự chủ động tất yếu phải thuộc về đối phương, để cho bên thất bại không có thì giờ chuẩn bị hành động. Trong tất cả các việc trên, dĩ nhiên phải xem như mỗi bên đều phải hoàn toàn nắm được đầy đủ các

sự kiện.

14. Như vậy, hành động quân sự khi nào cũng có tính liên tục và vì vậy làm cho mọi việc luôn luôn gay gắt thêm.

Nếu như sự liên tục trong hành vi quân sự là có thật thì nó lại dẫn mọi việc đến tột cùng. Đó là chưa nói đến việc các hoạt động liên tục có thể làm cho sự cuồng nhiệt gay gắt thêm và tăng cường các lực lượng sơ khai, làm cho các biến cố có thể nối tiếp nhau chặt chẽ hơn, các quan hệ nhân quả có thể ít bị gián đoạn hơn. Như vậy mỗi hành động có thể trở nên quan trọng hơn, và vì vậy, thành nguy hiểm hơn.

Nhưng, người ta biết rằng hành động quân sự ít khi (để không nói rằng không hề khi nào) liên tục như vậy và có rất nhiều cuộc chiến tranh trong đó hành động chỉ chiếm một phần rất ít thời gian, phần còn lại là bất động. Đó không phải khi nào cũng là một điều bất thường. Việc ngừng hành động quân sự là có thể có, điều này có nghĩa rằng đây không phải là một mâu thuẫn tự nó. Chúng tôi sẽ chứng minh rằng sự việc đã xảy ra như vậy, và vì sao đã xảy ra như vậy.

15. Ở đây, có sự tác động của nguyên tắc phân cực.

Chúng ta đã thừa nhận rằng: nếu quyền lợi của hai vị tổng chỉ huy đối địch luôn luôn đối lập với nhau, rõ ràng

có một sự phân cực thực sự. Chúng tôi sẽ dành một chương sau cho nguyên tắc vừa nói trên; nhưng ở đây cũng phải có một nhận xét về vấn đề này.

Nguyên tắc phân cực chỉ có giá trị nếu sự phân cực đó dính líu đến một đối tượng và chỉ một mà thôi, ở đó nguyên tắc tích cực và nguyên tắc đối lại, tức là nguyên tắc tiêu cực sẽ hoàn toàn tự khử nhau. Trong một trận đánh, phe nào cũng đều muốn thắng. Đó là một sự phân cực thực sự, vì sự thắng trận của bên này loại trừ sự thắng trận của bên kia. Song, nếu nói đến hai sự việc khác nhau nhưng có liên hệ với nhau (những mối liên hệ này ở ngoài sự việc) thì sự phân cực trên áp dụng không phải cho sự việc, mà áp dụng cho mối liên hệ giữa các sự việc ấy.

16. Tiến công và phòng ngự là hai sự việc có bản chất khác nhau và có lực lượng không bằng nhau; sự phân cực không áp dụng đối với chúng.

Nếu chỉ có một hình thức chiến tranh, nghĩa là chỉ có tiến công kẻ địch và vì vậy không có phòng ngự, hay nói một cách khác: nếu tiến công chỉ khác phòng ngự ở lý do tích cực (lý do này chỉ tiến công có mà phòng ngự không có) nhưng phương pháp đấu tranh lại chỉ có một một mà thôi, thì mỗi thắng lợi của bên này cũng dẫn đến một bất lợi tương tự cho bên kia trong quá trình đấu tranh. Như thế, sẽ có phân cực thực sự.

Nhưng hoạt động chiến tranh có hai hình thức khác nhau: tiến công và phòng

ngự. Chúng tôi sẽ chứng minh trên thực tế rằng: hai hình thức trên rất khác nhau và có sức mạnh không bằng nhau. Vì vậy sự phân cực là ở trong mối quan hệ của chúng đối với thời điểm quyết định, nghĩa là đối với trận đánh, chứ không phải trong bản thân tiến công hay phòng ngự.

Nếu một người chỉ huy muốn làm cho quyết định chậm lại thì người kia sẽ muốn làm cho nó nhanh lên, với điều kiện là cùng có một hình thức chiến đấu mà thôi. Nếu muốn, có lợi cho mình, A không tiến công, kẻ địch ngay lập tức mà hoãn lại trong 4 tuần, thì B sẽ có lợi hơn nếu bị tiến công ngay lập tức chứ không phải 4 tuần nữa. Ở đây có sự đối lập nhau trực tiếp nhưng không thể nói rằng:

B sẽ có lợi nếu tiến công A ngay lập tức. Dĩ nhiên, đó là một cái gì khác hẳn.

17. Kết quả của sự phân cực thường bị khử vì ưu thế của phòng ngự đối với tiến công, điều này giải thích sự ngắt quãng trong hành vi chiến tranh.

Nếu hình thức phòng ngự mạnh hơn hình thức tiến công (chúng tôi sẽ chứng minh điều này sau), người ta có thể tự hỏi: điều lợi của việc hoãn quyết định có lớn hơn đối với một phe (phe phòng ngự) không? Nếu không lớn hơn thì nó không bù vào sự có lợi đó bằng cái đối lại và do đó ảnh hưởng tới sự tiến triển của hành động quân sự. Người ta thấy rằng lực lượng thúc đẩy có sẵn trong việc

phân cực các quyền lợi có thể mất đi trong sự khác biệt giữa lực lượng tiến công với lực lượng phòng ngự, và như vậy trở thành không có hiệu quả.

Do đó, phe nào hiện nay đang có thuận lợi nhưng lại quá yếu nên vẫn cần phòng ngự vì phòng ngự có lợi, phe ấy phải nghĩ đến một tương lai không thuận lợi bằng. Bởi vì nếu tiến hành một chiến dịch phòng ngự trong một tương lai không lợi thì vẫn tốt hơn là tiến hành ngay chiến dịch tấn công, hoặc ký kết hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng ưu thế của phòng ngự (hiểu đúng cách) là rất lớn, lớn hơn nhiều so với lúc mới nhìn qua, cho nên có thể giải thích được tại sao lại có những thời kỳ bất động trong chiến tranh mà vẫn không có mâu thuẫn

nội tại. Lý do hành động càng yếu thì lại càng hay bị ngập, bị khử bởi sự khác biệt giữa tiến công với phòng ngự và vì thế lại càng hay có sự ngừng hành động quân sự. Kinh nghiệm thực tế cũng đã từng chỉ ra như vậy.

18. Nguyên nhân thứ hai là hiểu biết tình hình không đầy đủ.

Nhưng có một nguyên nhân khác có thể làm ngừng hoạt động chiến tranh: đó là sự hiểu biết không đầy đủ về tình hình. Vị tướng nào cũng chỉ biết chính xác có một loại tình hình: tình hình của phía mình. Ông ta chỉ biết tình hình đối phương qua những bản báo cáo không chắc chắn. Ông ta có thể nhận định sai nên tưởng rằng chủ động thuộc về đối

phương trong lúc trên thực tế, chủ động lại thuộc về mình. Nói cho đúng, sự thiếu sót về hiểu biết tình hình có thể dẫn đến những hành động lỗi thời cũng như những sự bất động lỗi thời, và cũng không giúp gì thêm cho việc hoãn lại hoặc làm nhanh hơn tốc độ của các hành động quân sự. Tuy vậy, người ta vẫn nên luôn luôn hiểu rằng nó là một trong những nguyên nhân tự nhiên có thể làm ngừng hành vi chiến tranh mà không có một tí mâu thuẫn bên trong nào. Nhưng nếu nghĩ: người ta phân nhiều thường nghiêng về phía đánh giá quá cao hơn là đánh giá quá thấp kẻ địch (bản chất con người là như thế) thì phải thừa nhận rằng: sự hiểu biết tình hình không đầy đủ phần nhiều gây thêm khả năng làm ngừng hành động quân sự và

làm cho nguyên tắc của nó dịu bớt đi.

Khả năng của một sự ngừng bắn đưa vào trong chiến tranh một yếu tố hòa hoãn mới. Có thể nói, nó làm cho hành vi chiến tranh loãng đi trong yếu tố thời gian, nó hãm nguy cơ tiến triển của hành vi chiến tranh và làm tăng thêm biện pháp phục hồi lại thăng bằng lực lượng. Tình hình căng thẳng (nguồn gốc của chiến tranh) càng cao thì nghị lực chỉ đạo chiến tranh vì vậy càng lớn và các thời kỳ ngừng hoạt động ấy càng ngắn, yếu tố hiếu chiến càng yếu, các thời kỳ này càng dài. Vì những động cơ mạnh hơn kích thích nghị lực và chúng ta biết rằng nghị lực luôn luôn là một thừa số, một tích số các lực lượng.

19. Sự ngừng chiến làm cho chiến tranh xa tính chất tuyệt đối và gần tính xác suất.

Những hành động quân sự diễn biến càng chậm chạp, những thời kỳ hoạt động càng nhiều và càng dài, một khuyết điểm được sửa chữa càng nhanh thì những giả thuyết của chỉ huy càng chắc chắn và vì vậy, người chỉ huy lại càng xa tuyến nói các điểm tốt cùng, lại càng phải lấy xác suất và dự đoán làm cơ sở hoạt động của mình. Hành động quân sự nhanh hay chậm đem tới cho bản chất các sự kiện cụ thể một thời hạn dài hay ngắn, nghĩa là đem tới cho nó một *bài toán xác suất* theo hàm số các trường hợp nhất định (có thể hiểu: một bài toán xác suất phụ

thuộc vào tình hình biến chuyển - *ND*).

20. Chỉ còn thiếu yếu tố ngẫu nhiên nữa là làm cho chiến tranh thành một trò đánh bạc, và chính ngẫu nhiên thường hay xảy ra nhất trong chiến tranh.

Tất cả điều ấy chỉ ra rằng bản chất khách quan của chiến tranh làm cho nó gần tính xác suất biết bao nhiêu. Nó chỉ còn thiếu một yếu tố để trở thành một *trò đánh bạc* và chắc chắn yếu tố đó không thiếu, đó là *ngẫu nhiên*. Không có hoạt động nào của con người lại phụ thuộc hoàn toàn và tổng quát vào ngẫu nhiên như chiến tranh. Yếu tố bất thường và may rủi cùng với ngẫu nhiên đóng một vai trò rất lớn trong chiến tranh.

21. Chiến tranh trở thành một trò đánh bạc do bản chất khách quan cũng như chủ quan của nó.

Nếu nhìn qua *bản chất chủ quan* của chiến tranh, nghĩa là nhìn qua những lực lượng cần thiết để tiến hành chiến tranh, chúng ta lại càng thấy nó là một trò đánh bạc. Sự nguy hiểm là môi trường trong đó vận động các hoạt động chiến tranh. Trong nguy hiểm, lực lượng tinh thần cao nhất là gì? Đó là *lòng dũng cảm*. Vậy mà lòng dũng cảm rất có thể phối hợp với sự tính toán chính xác, mặc dầu đó là hai việc khác nhau, phụ thuộc vào hai khía cạnh khác nhau của tinh thần. Một mặt khác, chí kiên cường, lòng tin tưởng ở thắng lợi, sự táo bạo, dũng

khí chỉ là biểu hiện của lòng dũng cảm và tất cả những khuynh hướng ấy của tinh thần đều tìm kiếm sự bất thường, và đó là môi trường của nó.

Như vậy, chúng ta thấy rằng từ lúc bắt đầu, yếu tố tuyệt đối - có thể nói là yếu tố tuyệt đối có tính chất toán học - của chiến tranh không có cơ sở chắc chắn để làm các bài tính liên quan đến nghệ thuật chiến tranh; trong chiến tranh, tự nhiên có một sự kết hợp giữa khả năng và xác suất, giữa may và rủi, các yếu tố này thâm nhập vào mọi chi tiết của chỉ đạo chiến tranh trở thành quy tắc chỉ đạo các hành động quân sự; đem so với các hình thức hoạt động khác, tai hại hơn của con người thì nó giống như trò đánh bạc.

22. Đó là yếu tố phù hợp nhất với trí tuệ con người nói chung.

Tuy rằng sự hiểu biết của chúng ta khi nào cũng có khuynh hướng ngả về sự trong sáng và chắc chắn, trí tuệ của chúng ta lại thường bị sự không chắc chắn lôi kéo. Sự hiểu biết đáng lẽ vạch ra một con đường giữa muôn ngàn lắt léo của tìm tòi triết học và suy luận lô-gích để đạt tới - mà hầu như không tự biết - những khoảng không xa lạ, ở đó mọi vật có thể biết đều biến mất, thì lại thích dừng lại bằng trí tưởng tượng trong thế giới của ngẫu nhiên và may rủi. Đáng lẽ uốn mình theo sự tất yếu tầm thường, nó lại vùng vẫy trong thế giới của khả năng; được nâng đỡ, lòng dũng cảm mọc thêm cánh, đến nỗi sự táo bạo và sự nguy hiểm

trở thành môi trường, trong đó sự hiểu biết ném mình vào như nhà bơi lội kiên cường nhảy vào giữa dòng nước.

Lý thuyết có nên bỏ rơi lòng dũng cảm ở đó, và tự lấy làm thỏa mãn, tiếp tục tiến lên trên con đường dẫn đến những kết luận và quy tắc tuyệt đối không? Trong trường hợp này, lý thuyết sẽ không có ích lợi thực tiễn gì cả. Lý thuyết cần phải kể đến yếu tố con người, và để dành một chỗ cho lòng dũng cảm, chí kiên cường, và cả cho sự táo bạo nữa. Nghệ thuật chiến tranh được ứng dụng cho những lực lượng tinh thần sinh động; bởi vậy nó không bao giờ đạt tới sự tuyệt đối và chắc chắn; thế nào cũng có một chỗ cho sự bất thường (accidentel) trong những việc rất lớn

cũng như trong những việc rất nhỏ. Nếu như phía bên này có yếu tố bất thường thì lòng dũng cảm và sự vững chắc phải ở phía bên kia để lấp khoảng trống ấy. Lòng dũng cảm và sự vững chắc càng lớn thì càng có một khoảng rộng hơn cho yếu tố bất thường. Vì vậy, lòng dũng cảm và sự vững chắc là những nguyên tắc rất chủ yếu của chiến tranh. Bởi vậy, lý thuyết chỉ xác định những quy luật có thể thêm lông cánh cho tất cả các mức độ và các loại khác nhau của những đức tính quân sự ấy, những đức tính cần thiết nhất và cao quý nhất. Bản thân sự táo bạo cũng không loại bỏ sự khôn ngoan, khéo léo; song những tiêu chuẩn giá trị của các loại đức tính này không giống nhau.

23. Tuy nhiên, chiến tranh vẫn

luôn luôn là một biện pháp nghiêm túc để đạt một mục đích nghiêm túc. Định nghĩa bổ sung.

Chiến tranh nào thì có chỉ huy và lý thuyết nấy. Nhưng chiến tranh không phải là một trò giải trí, cũng không phải thuần túy và đơn giản là sự mê say danh vọng và nguy hiểm, nó cũng không phải là sự nghiệp của niềm phấn khởi phóng túng; đó là một biện pháp nghiêm túc để đạt một mục đích nghiêm túc. Mọi vẻ hào nhoáng của sự phú quý mà nó phô trương ra, tất cả những sự rung động do tình cảm hăng say, anh dũng, óc tưởng tượng và niềm phấn hứng đưa đến, chỉ là đặc tính của biện pháp ấy.

Chiến tranh của một cộng đồng (của

toàn thể quốc gia và nhất là quốc gia văn minh) bao giờ cũng xảy ra từ một tình hình chính trị và chỉ là kết quả của một lý do chính trị. Đó là nguyên nhân tại sao lại nói chiến tranh là một hành vi chính trị. Nhưng, nếu nó quả thật là một hành vi hoàn bị không có gì ngăn cản, một sự bộc lộ bạo lực tuyệt đối, như người ta rút ra từ khái niệm thuần túy, thì chiến tranh có thể đã thay thế chính trị ngay từ lúc nó do chính trị gây ra, nó có thể đã gạt bỏ chính trị và tự theo quy luật riêng của mình như một sự vật hoàn toàn độc lập, như một quả mìn lúc đã ném ra, không thể điều chỉnh về một hướng khác với hướng đã quy định trước lúc ném. Từ trước đến nay, vấn đề này đã được xem xét như vậy, vì giữa chính trị và chỉ đạo chiến

tranh đã không có sự hài hòa, sau khi đã có những khác biệt lý thuyết thuộc về loại này. Nhưng thực tế lại không phải như vậy, và quan niệm trên là hoàn toàn sai lầm. Chúng ta đã thấy rằng trong thế giới thực tại, chiến tranh không phải là một điểm tột cùng như vậy, và sự căng thẳng của chiến tranh không phải chỉ dịu bớt một lần. Chiến tranh biểu hiện qua các lực lượng, các lực lượng này phát triển trong mỗi trường hợp theo một cách và một tỷ lệ khác nhau, nhưng đến một lúc nào đó, sẽ lên cao tới mức đủ để đánh bại sự kháng cự của quán tính và bất hòa, còn trong những lúc khác thì các lực lượng ấy lại bất lực không đem lại hiệu quả gì cả. Như vậy chiến tranh là một thứ nhịp đập đều đặn của bạo lực,

có thể bớt sức căng hoặc hao mòn lực lượng mau hay chậm - nói một cách khác, nhịp đập nói trên có thể đạt mục đích mau hay chậm - nhưng khi nào cũng tồn tại khá lâu để gây ra một ảnh hưởng đối với mục đích đó trong quá trình tiến triển của nó, để hướng nó về phía này hay phía khác: nói tóm lại, nó tồn tại khá lâu để có thể phục tùng ý định của một trí tuệ chỉ đạo. Như vậy, nếu người ta nghĩ rằng chiến tranh là kết quả của một ý đồ chính trị, thì dĩ nhiên lý do đầu tiên ấy - nguồn gốc của chiến tranh - vẫn là điều chú ý đầu tiên và điều cao nhất để chỉ đạo chiến tranh. Nhưng, mục tiêu chính trị không phải vì thế mà trở thành một nhà lập pháp độc đoán, nó phải thích nghi với những biện pháp mà nó có, do

đó, nhiều khi nó phải tự thay đổi hoàn toàn; tuy nhiên nó vẫn luôn luôn chiếm hàng đầu trong sự chú ý của chúng ta. Như vậy, chính trị đi sâu vào toàn bộ hành vi chiến tranh, có ảnh hưởng liên tục đến hành vi này, trong mức độ mà bản chất các lực lượng bùng nổ cho phép.

24. Chiến tranh chỉ là sự kế tục đơn thuần của chính trị bằng những biện pháp khác^[4].

Chúng ta đã thấy rằng chiến tranh không phải chỉ là một hành vi chính trị, mà là một công cụ chính trị thực sự, một sự kế tục của những quan hệ chính trị, một sự thực hiện các quan hệ chính trị bằng những biện pháp khác. Nếu chiến

tranh còn cái gì mang tính chất riêng biệt của nó thì đây chẳng qua chỉ là thuần túy xuất phát từ tính chất riêng biệt của các biện pháp mà chiến tranh sử dụng. Nghệ thuật chiến tranh nói chung và nghệ thuật chỉ huy trong các trường hợp nói riêng có thể đòi hỏi các xu hướng và ý đồ chính trị phải hòa hợp với các biện pháp quân sự. Rõ ràng không thể coi thường những đòi hỏi này. Tuy các đòi hỏi trên có trường hợp nào đó ảnh hưởng mạnh mẽ đến ý đồ chính trị nhưng phải luôn luôn xem đó chỉ là những sự sửa đổi ít nhiều ý đồ chính trị; bởi vì ý đồ chính trị là mục đích, còn chiến tranh chỉ là biện pháp, và người ta không thể quan niệm biện pháp độc lập với mục đích.

25. Tính nhiều hình nhiều vẻ của

chiến tranh.

Lý do chiến tranh ngày càng vĩ đại và mạnh mẽ thì nó càng ảnh hưởng đến sự tồn tại của quốc gia, tình hình trước khi có chiến tranh càng căng thẳng thì chiến tranh càng gần hình thức trừu tượng của nó; nếu nó càng tìm cách tiêu diệt kẻ địch, mục đích quân sự và ý đồ chính trị càng trùng khít với nhau, thì chiến tranh càng có vẻ đơn thuần quân sự và càng ít về chính trị. Nhưng nếu lý do và sự căng thẳng càng yếu, khuynh hướng tự nhiên của chiến tranh - khuynh hướng bạo lực - càng trùng khít với đòi hỏi của chính trị thì chiến tranh càng xa rời khuynh hướng tự nhiên của nó; sự khác biệt giữa ý đồ chính trị và mục đích của một cuộc chiến tranh lý tưởng (thuần túy lý thuyết - *ND*)

càng sâu sắc, thì chiến tranh lại càng có vẻ chính trị.

Nhưng để người đọc khỏi có những ý niệm sai lầm, chúng tôi cần phải nói ngay ở đây rằng lúc nói đến khuynh hướng tự nhiên của chiến tranh, chúng tôi chỉ nghĩ đến khuynh hướng triết học, hay đúng hơn đến lô-gích thuần túy của chiến tranh, chứ không hề nghĩ chút nào đến khuynh hướng của các lực lượng thực sự tham gia vào chiến đấu đến mức bao gồm, thí dụ như thế, cả sự hăng say và xúc động của các chiến binh. Nói cho đúng, trong nhiều trường hợp người ta có thể kích thích sự xúc động đến mức độ có thể thoát ra khỏi đường lối chính trị; nhưng trong nhiều trường hợp, mâu thuẫn đó không xảy ra, bởi sự tồn tại của những

xúc động mạnh như thể chứng tỏ rằng có một kế hoạch vĩ đại hòa với những xúc động ấy. Nếu kế hoạch trên chỉ nhằm vào một mục tiêu tâm thường thì sức cảm xúc của quần chúng cũng yếu, đến nỗi phải kích động nó lên hơn là hãm nó lại.

26. Cuộc chiến tranh nào cũng phải được coi như một hành vi chính trị.

Chúng ta hãy trở lại chủ đề chính: trong một loại chiến tranh nhất định, chính trị hình như biến mất hẳn, còn trong một loại chiến tranh khác thì chính trị lại nổi lên hàng đầu. Nếu nói như thế cũng đúng thì chúng tôi vẫn có quyền giữ ý kiến cho rằng: cả hai loại chiến tranh đều chính trị như nhau cả. Vì, nếu người

ta coi chính trị như là trí tuệ của quốc gia được nhân cách hóa, thì phải xếp tính chất của mọi điều kiện xác định một cuộc chiến tranh thuộc loại thứ nhất vào trong tất cả những điểm sáng mà các bài toán của nó cần xét đến. Chỉ trong trường hợp không hiểu chính trị là sự thấu triệt chung về tình hình và hiểu nó theo nghĩa ước lệ là: mãnh lới, xảo quyết, thận trọng, gian trá, bất nghĩa, đối lập với bạo lực thì loại chiến tranh thứ hai mới phụ thuộc vào chính trị nhiều hơn loại thứ nhất.

27. Kết quả của ý kiến trên đối với sự hiểu biết về lịch sử chiến tranh và đối với các cơ sở của lý thuyết.

Như vậy chúng ta thấy rằng: thứ nhất, trong mọi trường hợp, cần phải coi

chiến tranh như một công cụ chính trị chứ không phải như một sự việc độc lập; chỉ có đứng trên quan điểm đó thì người ta mới tránh được mâu thuẫn với lịch sử chiến tranh. Chỉ có đứng trên quan điểm đó thì ta mới nhận thức được một cách thông minh cuốn lịch sử vĩ đại. Thứ hai, cũng quan điểm đó chỉ cho ta thấy: các cuộc chiến tranh khác nhau biết bao nhiêu theo bản chất của động cơ và hoàn cảnh gây ra chúng.

Lúc bắt đầu chiến tranh, một trong những công việc đầu tiên quan trọng nhất, quyết định nhất mà chính nhà chính trị hoặc người tổng chỉ huy cần phải làm là xác định thật đúng loại chiến tranh nào ông ta đang tiến hành để khởi liệt nó và loại khác với bản chất của nó, và đừng

làm cho chiến tranh trở thành điều mà bản chất của các điều kiện không cho phép nó trở thành như vậy. Đó là vấn đề chiến lược đầu tiên và rộng lớn nhất trong các vấn đề chiến lược; sau này chúng ta sẽ xem xét vấn đề ấy trong chương nói về kế hoạch chiến tranh.

Bây giờ, chúng ta hãy hạn chế ở chỗ xác định quan điểm cơ bản về chiến tranh và lý thuyết chiến tranh.

28. Kết quả với lý thuyết.

Như vậy, chiến tranh không phải chỉ là một con ca-mê-lê-ông^[5] thực sự thay đổi đôi chút tính chất của nó tùy theo mỗi trường hợp cụ thể, nhưng vì nó là hiện tượng tổng quát và đối với những

khuyh hướng chiếm ưu thế trong bản chất của nó, chiến tranh còn là một vì Ba ngòi^[6] kỳ lạ, trong đó:

Đầu tiên có bạo lực nguyên thủy, sự căm thù và sự đối địch. Cần phải xem những yếu tố này như những lực thúc đẩy tự nhiên và mù quáng. Rồi đến sự kết hợp giữa xác suất và ngẫu nhiên làm cho chiến tranh trở thành một hoạt động tự do của tinh thần. Và đến bản chất phụ thuộc của chiến tranh, bản chất của một công cụ chính trị: chính từ đó, chiến tranh thuộc về lý tính thuần túy.

Phương diện đầu tiên của ba phương diện trên gắn liền một cách đặc biệt với nhân dân, phương diện thứ hai gắn liền với người chỉ huy và quân đội, còn

phương diện thứ ba thì phần nhiều gắn liền với chính phủ. Những sự cuồng nhiệt cần bùng cháy trong chiến tranh phải có trước trong nhân dân; quy mô của sự phối hợp giữa dũng cảm và tài năng^[7] trong phạm vi ngẫu nhiên và sự thắng bại thất thường phụ thuộc vào tính chất của người chỉ huy và quân đội; còn mục tiêu chính trị thì chỉ có chính phủ là quyết định được.

Ba khuynh hướng trên xuất hiện như ba loại quy luật khác nhau bám sâu vào bản chất của sự vật, mặc dầu có thay đổi quy mô. Lý thuyết nào muốn gạt một khuynh hướng nào đó sang một bên, hay xác lập giữa ba khuynh hướng một quan hệ độc đoán thì sẽ mâu thuẫn lập tức với

thực tế đến nổi - chỉ vì lẽ ấy mà thôi - phải xem loại lý thuyết ấy là không có giá trị gì.

Vậy thì nhiệm vụ của lý luận là giữ được thế cân bằng giữa ba khuynh hướng trên, như thế giữa ba trung tâm hấp dẫn. Vấn đề khó khăn này sẽ được giải quyết một cách hoàn hảo nhất bằng biện pháp nào? Đó là điều mà chúng tôi sẽ nghiên cứu trong tập nói về lý thuyết chiến tranh. Dầu sao mặc lòng, định nghĩa này về quan niệm chiến tranh cũng là tia sáng đầu tiên có thể chiếu rọi vào các cơ sở của lý thuyết, lần đầu tiên từ đó rút ra được những yếu tố chính và cho phép chúng ta phân biệt các yếu tố ấy với nhau.

Chương 2

MỤC ĐÍCH VÀ BIỆN PHÁP TRONG CHIẾN TRANH

Chương trước đã cho ta biết về bản chất phức tạp và hay thay đổi của chiến tranh. Ta hãy nghiên cứu xem tính phức tạp ấy ảnh hưởng đến mục đích và biện pháp trong chiến tranh như thế nào.

Nếu thoát tiên chúng ta tự tìm hiểu mục đích của toàn bộ cuộc chiến tranh, để xác lập những biện pháp tốt nhất nhằm đạt mục đích chính trị của cuộc chiến tranh, chúng ta sẽ thấy rằng mục đích ấy cũng thay đổi như mục tiêu chính trị và những tình huống riêng biệt của chiến tranh.

Nếu lúc đầu chúng ta chỉ chú ý đến khái niệm thuần túy về chiến tranh thì bây giờ bắt buộc chúng ta phải nói rằng mục tiêu chính trị của chiến tranh không thuộc phạm vi của chiến tranh; bởi vì nếu chiến tranh là một hành vi bạo lực để buộc kẻ thù phải thực hiện ý chí của mình, thì bao giờ cũng chỉ còn lại có một điều duy nhất là: phải đánh bại kẻ địch, nghĩa là phải giải giáp chúng. Trước hết, chúng ta hãy nghiên cứu mục tiêu ấy dưới ánh sáng của thực tế: có rất nhiều trường hợp giống mục tiêu này tuy nó rút ra từ khái niệm thuần túy.

Sau này, khi nghiên cứu về kế hoạch chiến tranh, chúng ta sẽ chú ý kỹ hơn vấn đề: giải giáp một quốc gia là thế nào; nhưng trước mắt ít nhất cũng phải phân

biệt được ba điều, chúng được cấu tạo như một thể thống nhất, bao trùm tất cả các vấn đề khác. Ba điều ấy là: *các lực lượng quân sự, lãnh thổ và ý chí của kẻ địch*.

Phải tiêu diệt *các lực lượng quân sự* của kẻ địch.

Như thế có nghĩa là phải đặt những lực lượng này vào trong tình thế không thể tiếp tục chiến đấu được. Nhân dịp này, cần phải nói rõ rằng: từ ngữ “tiêu diệt các lực lượng quân sự của kẻ địch” chỉ có thể hiểu theo nghĩa ấy,

Cần phải chiếm *lãnh thổ*, vì kẻ địch có thể dựa vào đấy để thành lập lại một lực lượng quân sự mới.

Làm được cả hai điều trên cũng chưa có nghĩa là hết chiến tranh, nghĩa là hết tình hình căng thẳng thù địch và các cuộc tác chiến, nếu ý chí của kẻ thù chưa bị đồng thời đánh bại, nghĩa là chính phủ đối phương và đồng minh của họ chưa chịu ký hòa ước, hoặc nhân dân của họ chưa chịu khuất phục. Bởi vì, ngay cả sau khi đã chiếm được toàn bộ đất nước đối phương, xung đột lại vẫn có thể xảy ra trong nội địa, hoặc do đồng minh của họ gây nên. Dĩ nhiên, điều đó cũng có thể xảy ra khi đã ký hòa ước, nhưng nó chỉ chứng minh rằng: có những cuộc chiến tranh không có quyết định dứt khoát và điều ước hoàn hảo. Kể cả trong trường hợp này, bản thân hòa ước cũng vẫn dập tắt được nhiều lò lửa còn có thể tiếp tục

âm ỉ cháy và làm dịu được tình hình căng thẳng, vì những người nghiêng về hòa bình - hạng này bao giờ cũng nhiều trong mọi nước và trong mọi trường hợp - sẽ hoàn toàn từ bỏ ý chí kháng cự. Dầu sao, bao giờ cũng phải coi hòa bình là mục tiêu cuối cùng để chấm dứt mọi hành động chiến tranh.

Trong ba yếu tố mà chúng tôi vừa kể trên thì lực lượng quân sự là yếu tố dùng để bảo vệ xứ sở. Bởi vậy theo thứ tự tự nhiên thì lực lượng quân sự của của địch phải bị tiêu diệt đầu tiên; rồi tới lãnh thổ phải bị chiếm đóng; sau hai thắng lợi đó và tùy theo lực lượng chúng ta còn có trong tay, kẻ địch bắt buộc phải ký hòa ước. Việc tiêu diệt các lực lượng quân sự của kẻ địch được tiến hành từng

bước, tiến đến việc chiếm đóng lãnh thổ theo nhịp độ tương xứng. Nói chung, hai việc có tác động lẫn nhau, việc mất các tỉnh dẫn đến sự suy yếu của các lực lượng quân sự. Nhưng trình tự trước sau đó tuyệt nhiên không phải là tất yếu và không phải khi nào cũng xảy ra như thế. Trước khi bị suy yếu một cách đáng kể, các lực lượng của địch có thể rút lui về phía tốt cùng của xứ sở, hoặc ngay cả ra nước ngoài. Trong trường hợp này, phần lớn hoặc có khi toàn bộ lãnh thổ của địch sẽ bị chiếm đóng.

Nhưng mục tiêu của chiến tranh trù tượng, biện pháp cao nhất để đạt mục tiêu chính trị bao trùm tất cả các mục tiêu khác, nghĩa là *loại trừ khả năng chống trả của kẻ địch*, không phải khi

nào cũng xảy ra trong thực tiễn và đó không phải khi nào cũng là điều kiện tất yếu của Hòa Bình. Vì vậy không thể dựng nó lên thành quy luật trong lý thuyết, bằng bất cứ cách nào. Có vô số ví dụ về hòa ước ký kết trước lúc một trong hai bên đối địch bị giải giáp, trước cả lúc tương quan lực lượng bị thay đổi một cách rõ ràng. Hơn nữa, khi nghiên cứu những sự kiện có thật, người ta sẽ thấy hàng loạt sự kiện trong đó sự thất bại của kẻ địch chỉ là trò chơi vô bổ của trí tưởng tượng, nhất là trong trường hợp kẻ địch có một lực lượng hơn hẳn không chối cãi được.

Mục tiêu của chiến tranh rút từ trong khái niệm không phải khi nào cũng phù hợp với chiến tranh thực tế, vì hai thứ

chiến tranh đó khác nhau, chúng tôi đã nói đến vấn đề này trong chương trước. Theo khái niệm thuần túy, nếu hai quốc gia có những lực lượng chênh lệch khá rõ thì chiến tranh sẽ là một điều vô lý, vì vậy nó sẽ là một việc không thể có được. Sự chênh lệch của các lực lượng vật chất không thể vượt qua mức mà các lực lượng tinh thần có thể bù đắp lại được; trong các điều kiện xã hội Châu Âu hiện nay (thời Clau-dơ-vít - *ND*), chuyện đó không đi đến đâu cả. Nếu xảy ra chiến tranh giữa những quốc gia có lực lượng chênh lệch nhau, thì có nghĩa là trong thực tế, chiến tranh thường rất xa với khái niệm ban đầu của nó.

Trong thực tế, có hai sự kiện có thể thay thế cho sự không thể chống cự, và

tạo nên những lý do của Hòa Bình. Sự kiện trước tiên là không có khả năng thắng lợi và sự kiện tiếp theo là thắng lợi phải trả bằng giá quá cao.

Như chúng tôi đã nêu trong chương trước, đứng về toàn thể mà nói, chiến tranh phải vượt qua khỏi các quy luật tất yếu chặt chẽ bên trong để đi đến một bài tính xác suất. Nếu vì những điều kiện gây ra chiến tranh, người ta càng có thể áp dụng tính xác suất thì điều kiện nói trên lại càng đúng, nghĩa là lý do chiến tranh và sự căng thẳng lại càng yếu. Vì thế, người ta có thể quan niệm rằng: chính bản thân bài toán xác suất ấy cũng có thể là một lý do hòa bình. Chính vì thế nên không phải khi nào ta cũng cần đến chiến đấu cho đến khi một trong hai bên bị tiêu

diệt, và người ta phải nghĩ đến một tình huống trong đó các sự kiện căng thẳng và các lý do chiến tranh yếu đến nỗi chỉ có một khả năng nhỏ xíu và mơ hồ, bất lợi cho một bên nào đó cũng đủ làm cho bên ấy phải nhân nhượng. Nếu phía bên kia được biết trước, tự nhiên họ sẽ đưa hết cố gắng ra để làm cho khả năng ấy nổi lên, và sẽ không đi đường vòng bằng cách làm cho đối phương hoàn toàn thất bại.

Sự cân nhắc thường có tác động nhiều đến quyết định hòa bình là: Lực lượng đã tiêu phí và sẽ còn cần phải tiêu phí. Chiến tranh không phải là một hành vi cuồng nhiệt mù quáng, mà là một hành vi chịu sự chi phối của ý đồ chính trị, giá trị của ý đồ ấy quyết định quy mô của sự

hy sinh cần thiết. Quy mô của sự hy sinh đã thế mà thời hạn của nó cũng thế. Khi sự tiêu phí lực lượng trở thành quá lớn và không tương xứng với giá trị của mục tiêu chính trị, thì phải bỏ mục tiêu chính trị ấy đi và ký kết hòa bình.

Điều đó chứng tỏ rằng: trong các cuộc chiến tranh, một bên đã không thể giải giáp được hoàn toàn bên kia thì những lý do hòa bình xuất hiện và mất đi trong cả hai bên tùy theo tính xác suất về thắng lợi tương lai và sự tiêu phí lực lượng cần thiết. Nếu các lý do ấy có sức mạnh ngang nhau ở cả hai bên, chúng sẽ gặp nhau ở giữa khoảng cách về chính trị của chúng. Lý do hòa bình nếu nặng hơn ở bên này thì lại nhẹ bớt ở bên kia. Khi tổng số cộng lại vừa đủ thì hòa bình sẽ

được ký kết; dĩ nhiên hòa bình sẽ có lợi cho bên nào mà các lý do của hòa bình yếu nhất^[8].

Trước mắt, chúng ta chưa đề cập đến tính chất *tích cực hay tiêu cực* của ý đồ chính trị sẽ có ảnh hưởng khác nhau đến thực tiễn như thế nào. Nhưng cũng phải nói ngay rằng điều này rất quan trọng (sau này chúng tôi sẽ chứng minh); bây giờ ta phải tạm bằng lòng với một quan điểm tổng quát hơn, vì ý đồ chính trị đầu tiên có thể thay đổi nhiều trong quá trình chiến tranh, và cuối cùng có thể trở thành hoàn toàn khác hẳn, *chính vì một phần của ý đồ này do thắng lợi hoặc các kết quả có thể đạt tới quyết định*.

Người ta có thể tác động đến khả năng thắng lợi như thế nào? Bây giờ đó là vấn đề cần đặt ra. Trước hết, dĩ nhiên người ta tác động đến khả năng thắng lợi bằng những biện pháp để chiến thắng kẻ thù, nghĩa là *tiêu diệt các lực lượng quân sự và chiếm đất*, mặc dầu cả hai biện pháp này đều không giống hệt như khi dùng để đạt mục đích thứ nhất. Cuộc tiến công vào các lực lượng của kẻ địch sẽ khác nếu chúng ta chỉ muốn tiếp sau đòn đầu tiên bằng nhiều đòn khác cho đến khi chúng hoàn toàn bị tiêu diệt, hay là chúng ta chỉ muốn thắng lợi một lần nhằm làm cho kẻ địch thấy mất an toàn, thấy ta mạnh hơn hẳn và làm chúng lo sợ về tương lai. Nếu ý định của ta chỉ như thế, thì lực lượng dùng để tiêu diệt các

lực lượng vũ trang của địch sẽ không quá nhu cầu ấy. Việc chiếm đóng các tỉnh của địch cũng sẽ ở một mức độ khác hẳn nếu nó không nhằm mục đích đánh bại hoàn toàn kẻ địch. Nếu chúng ta muốn đánh bại kẻ địch, việc phá hủy các nguồn cung cấp sẽ có thể là hành động thực sự có hiệu lực và việc chiếm đóng các tỉnh chỉ là kết quả của nó. Chiếm đóng các tỉnh trước lúc các lực lượng của kẻ địch bị tiêu diệt chỉ là một hành động bất đắc dĩ nhưng cần thiết. Trái lại, nếu chúng ta không muốn đánh bại các lực lượng của kẻ địch, nếu chúng ta tin rằng kẻ địch không tìm kiếm mà trái lại, lại sợ các quyết định đẫm máu, thì việc chiếm đóng một tỉnh mà lực lượng bảo vệ yếu hoặc không có gì cả là một điều lợi, vì nó có

thể làm cho kẻ địch lo sợ đến kết quả tổng quát, có thể coi như một con đường ngắn hơn để đi đến hòa bình.

Bây giờ, ta nói đến một biện pháp đặc biệt nhằm làm cho khả năng thắng lợi tăng lên khi mà các lực lượng vũ trang của kẻ thù chưa bị thất bại, có nghĩa là muốn nói đến những hành động có liên quan đến trực tiếp đến chính trị. Nếu chúng ta thực hiện những cuộc vận động đặc biệt nhằm phá vỡ các khối liên minh của kẻ thù, hoặc không cho chúng liên kết với nhau, ngược lại, làm cho phía ta thêm nhiều đồng minh, làm tăng thêm các hoạt động chính trị có lợi cho ta, v.v. thì sẽ dễ dàng hiểu rằng những biện pháp ấy làm tăng thêm khả năng thắng lợi biết bao nhiêu và nó đưa chúng ta đến mục

đích mau chóng hơn là đánh bại các lực lượng vũ trang của kẻ địch.

Vấn đề thứ hai là biết làm thế nào để tăng thêm sự tiêu phí lực lượng kẻ thù, nghĩa là buộc chúng phải trả giá rất đắt cho thắng lợi của chúng.

Tiêu phí lực lượng của kẻ thù là làm *hao mòn lực lượng của chúng* (cũng có nghĩa là *phá hoại lực lượng*) và làm chúng *mất nhiều tỉnh* (cũng có nghĩa là *chiếm đóng đất đai* của chúng).

Nếu nghiên cứu sâu sắc hơn, chúng ta sẽ thấy một cách hiển nhiên rằng: ý nghĩa của hai điều trên rất hay biến đổi và tính chất của các hoạt động nói trên cũng thay hình đổi dạng tùy theo mục

đích cần đạt tới. Phần nhiều nó không có sự khác nhau mấy, điều này không làm cho ta lạc hướng được, vì trong thực tế, lúc các lý do chiến tranh không mạnh mẽ gì thì một khía cạnh khác nhau nhỏ nào đó thường cũng đủ làm cho chúng ta quyết định chọn biện pháp sử dụng lực lượng này hoặc biện pháp sử dụng lực lượng khác. Bây giờ, chúng tôi chỉ cần chứng minh rằng, trong những điều kiện nào đó, có nhiều cách để đạt mục đích; nói như thế không phải là mâu thuẫn, không phải là vô lý, cũng không phải là sai lầm.

Ngoài hai biện pháp nói trên, còn có ba cách khác để trực tiếp tiêu hao lực lượng kẻ thù. Cách thứ nhất là: *xâm chiếm*, nghĩa là *chiếm đóng lãnh thổ kẻ*

thù, không phải để *giữ lấy mãi mãi*, mà để thu thuế hoặc để tàn phá. Ở đây, mục đích trước mắt không phải là chiếm đóng lãnh thổ, cũng không phải là tiêu diệt các lực lượng quân sự của kẻ thù: biện pháp này chỉ nhằm làm cho địch *chịu tổn thất một cách tổng hợp*. Cách thứ hai là nhằm vào những điểm yếu của kẻ thù, làm cho chúng bị thiệt hại nhiều chừng nào hay chừng nấy. Ta rất dễ quan niệm được rằng: trong hai cách khác nhau mà chúng ta cố gắng hướng tới, cách thứ nhất là cách hơn hẳn nếu ta muốn đánh bại kẻ thù, còn cách thứ hai là có lợi hơn nếu ta không đặt ra mục đích và cũng không thể đánh bại kẻ thù. Nói một cách thông thường, có thể gọi con đường thứ nhất là con đường dùng quân sự nhiều

hơn và con đường thứ hai là con đường dùng chính trị nhiều hơn. Nhưng nói cho cùng, cả hai con đường đều là quân sự cả và con đường nào cũng chỉ phù hợp với mục đích nếu nó thích nghi với tình huống. Con đường thứ ba là *tiêu hao kẻ thù*. Con đường này quan trọng hơn nhiều vì phải dùng đến nó trong rất nhiều trường hợp. Chúng tôi chọn từ ngữ tiêu hao kẻ thù không phải chỉ vì cần định nghĩa một cách hình thức, nhưng chính vì từ ngữ này nói đúng bản chất sự việc, và nó cũng không được bóng bẩy nhiều như ta tưởng khi mới đọc qua. Khái niệm tiêu hao bằng chiến đấu có nghĩa là làm cho *lực lượng vật chất và ý chí kẻ thù hao mòn dần từng bước bằng biện pháp hành động lâu dài*.

Nhưng muốn kiên trì trong cuộc đấu tranh lâu dài thì lại phải có những mục tiêu càng khiêm tốn càng tốt, bởi vì do bản chất của sự vật, một mục tiêu quan trọng khi nào cũng đòi hỏi tiêu phí lực lượng nhiều hơn một mục tiêu nhỏ. Vì mục tiêu nhỏ nhất mà ta có thể chọn là một sự kháng cự đơn thuần, nghĩa là một cuộc đấu tranh không có ý định tích cực nào cả. Trong trường hợp này, nếu phương tiện của chúng ta tương đối mạnh, thì kết quả càng chắc chắn hơn. Nhưng, người ta có thể dùng con đường hoàn toàn tiêu cực kể trên đến mức độ nào? Dĩ nhiên, không thể đến mức độ bị động tuyệt đối vì sự chịu đựng đơn thuần không phải là chiến đấu. Kháng cự là một hoạt động nhằm tiêu diệt một số lực

lượng kẻ thù để buộc chúng phải từ bỏ mục đích. Đó là tất cả những điều chúng ta muốn đạt được bởi mỗi hành vi của mình, và đó cũng là tính chất tiêu cực của ý đồ chúng ta.

Nếu chỉ có một hành vi đơn nhất để thực hiện ý đồ tiêu cực kể trên thì nhất định không hiệu quả bằng một hành vi tích cực cùng theo một hướng, với điều kiện là hành vi tích cực thành công; nhưng sự khác nhau chính là ở chỗ hành vi tiêu cực lại dễ thành công hơn hành vi tích cực, bởi thế lại được đảm bảo nhiều hơn. Bộ phận nào bị mất hiệu quả vì hành vi đơn nhất, phải được bù thêm bằng thời gian, nghĩa là bằng tác chiến lâu hơn. Như vậy ý đồ tiêu cực, nguyên tắc cơ bản của kháng cự đơn thuần, cũng

là biện pháp tự nhiên để kiên trì hơn kẻ thù trong cuộc chiến đấu lâu dài, nghĩa là làm cho chúng kiệt sức.

Đó là nguồn gốc sự khác nhau giữa *tiến công* và *phòng ngự*: sự khác nhau này bao trùm tất cả những điều gì liên quan đến chiến tranh. Nhưng, chúng ta không thể đi sâu hơn trên con đường này; chúng ta thấy rằng chính từ ý đồ tiêu cực trên, có thể sinh ra mọi thuận lợi và mọi hình thức chiến đấu ác liệt có lợi cho ý đồ đó, và cũng chính từ đó, ta thực hiện được sự liên quan có tính chất năng động triết học có quy mô tác chiến và sự đảm bảo cho thắng lợi. Sau này, chúng ta sẽ nói sâu hơn về phương diện ấy của vấn đề.

Bởi vậy, nếu ý đồ tiêu cực là sự tập trung mọi lực lượng để thực hiện một cuộc phòng ngự đơn thuần, ý đồ ấy cho ta lợi thế chiến đấu, và nếu lợi thế này khá mạnh để *cân bằng ưu thế* có thể có của kẻ thù thì chỉ *thời hạn* chiến đấu cũng đủ tiêu hao dần lực lượng của kẻ thù đến lúc mục tiêu chính trị của chúng không tương xứng với sự tiêu hao nói trên nữa là chúng phải bỏ cuộc. Như vậy, chúng ta thấy rằng: phương pháp làm cho kẻ thù hao mòn kiệt quệ gồm rất nhiều trường hợp, trong đó kẻ yếu có thể chống cự với kẻ mạnh hơn.

Trong cuộc chiến tranh bảy năm, không bao giờ Phrê-đê-rích Đại đế lại có khả năng đánh bại được nền quân chủ Áo, và nếu có mưu đồ làm như kiểu Sác-

lơ XII^[9] thì nhất định ngài đã bại vong, nhưng vì ngài biết tiết kiệm lực lượng và đã sử dụng quân đội một cách tài tình trong suốt bảy năm trời nên những kẻ thù liên minh chống lại ngài đã hiểu rằng: lực lượng của họ đã bị tiêu hao quá dự kiến, và họ phải quyết định đi theo con đường hòa bình.

Như vậy, chúng ta thấy rằng trong chiến tranh có nhiều biện pháp để đạt tới mục đích; rằng không phải biện pháp nào cũng nhất thiết dẫn đến chỗ bắt kẻ thù chạy tán loạn; rằng sự phá hoại lực lượng quân sự của kẻ thù, sự chiếm đóng lãnh thổ của chúng, những hoạt động trực tiếp nhằm vào mục đích chính trị và cuối cùng chờ đợi một cách tiêu cực cuộc tiến

công của kẻ thù - tất cả những điều ấy đều là những biện pháp có thể tiêu diệt ý chí kẻ thù; ta dùng biện pháp này hoặc biện pháp nọ là tùy theo điều kiện đặc biệt của các trường hợp cụ thể. Chúng ta có thể nói thêm đến nhiều biện pháp khác để rút ngắn con đường đi đến mục đích, và người ta có thể gọi đó là những luận cứ dựa trên cảm tính cá nhân (argumentum ad hominem). Trong hoạt động của loài người, có lĩnh vực nào mà một con người có cá tính phi thường không đếm xỉa đến vật chất hay không? Chính trong chiến tranh, một lĩnh vực mà điều kiện vật chất ít thiếu thốn nhất, cá tính của người tham chiến giữ một vai trò hết sức quan trọng, dù ở bộ hay ở chiến trường. Ta chỉ có thể hạn chế trong việc

nêu lên sự kiện, vì phân loại các sự kiện nói trên chỉ là chuyện tán dóc mà thôi. Nhưng ta cũng có thể nói được rằng: có hằng ha sa số khả năng có thể đưa ta đến mục đích.

Chỉ cần nhớ đến tất cả những lý do chính trị có thể đưa tới chiến tranh, hoặc thử nhìn vào sự khác nhau rất lớn giữa một cuộc chiến tranh một mất một còn với một cuộc chiến tranh bắt buộc phải tham gia vì sự liên kết bất đắc dĩ hoặc lỏng lẻo, thì ta sẽ không quá xem thường giá trị của rất nhiều con đường khác nhau ngắn nhất dẫn đến mục đích, nghĩa là coi những biện pháp này chỉ là ngoại lệ hoặc đưa đến những sự khác nhau không quan trọng trong việc chỉ đạo chiến tranh. Trong thực tế, giữa hai loại chiến tranh

ấy, có vô số mức độ khác nhau. Nếu về lý luận, ta phủ nhận một trong những mức độ ấy, thì người ta cũng có quyền phủ nhận mọi mức độ khác, nghĩa là phủ nhận hoàn toàn thể giới thực tại.

Trên kia là những vấn đề liên quan đến mục đích chiến tranh. Bây giờ ta hãy nói đến các biện pháp. Chỉ có một biện pháp: *chiến đấu*. Quan niệm về chiến tranh có thể có rất nhiều hình thức, nó cũng có thể rất xa sự bùng nổ thô bạo và đầy căm thù trong cuộc vật lộn; nó cũng có thể lẫn lộn rất nhiều yếu tố không dính líu đến cuộc chiến đấu thực sự, nhưng quan niệm này thì không thay đổi được: kết quả của chiến tranh bao giờ cũng chỉ có một nguyên nhân là chiến đấu mà thôi.

Chúng tôi sẽ chứng minh một cách đơn giản rằng: khi nào sự việc cũng xảy ra như vậy trong những trường hợp khác nhau nhất, và trong thực tế phức tạp nhất. Trong chiến tranh, lực lượng quân sự làm ra tất cả, nhưng khi người ta đã dùng đến nó, nghĩa là đúng đến những con người vũ trang, thì ý niệm về chiến đấu phải là cơ sở cho tất cả mọi việc.

Bởi vậy, tất cả những gì có liên quan đến các lực lượng vũ trang, nghĩa là tất cả những gì có liên quan đến việc thành lập, nuôi dưỡng^[10] và sử dụng các lực lượng này, đều thuộc về hoạt động chiến tranh.

Thành lập và nuôi dưỡng chỉ là biện pháp, còn sử dụng mới là mục đích.

Chiến đấu trong chiến tranh không phải là chiến đấu giữa cá nhân này với cá nhân khác; đó là một tổng thể có tổ chức, gồm nhiều bộ phận. Trong cái tổng thể rộng lớn ấy, người ta phân biệt hai thứ đơn vị: một thứ đơn vị do chủ thể xác định, một thứ đơn vị do khách thể xác định. Trong một đạo quân, các chiến binh luôn luôn tập hợp thành những đơn vị mới^[*], những đơn vị này đến lượt nó lại là thành viên của một tổ chức cao hơn. Vì vậy cuộc chiến đấu của mỗi thành viên ấy cũng lập thành một đơn vị ít nhiều riêng biệt. Hơn nữa, mục đích của chiến đấu, nghĩa là đối tượng của nó, cũng là một đơn vị.

Người ta gọi mỗi đơn vị nói trên,

được phân biệt trong chiến đấu, bằng danh từ *cuộc giao chiến* (engagement).

Nếu ý niệm về chiến đấu là cơ sở của mọi cuộc sử dụng lực lượng vũ trang, thì việc sử dụng các lực lượng vũ trang nói chung không phải là cái gì khác hơn là sự quyết định và tổ chức một số cuộc giao chiến.

Mọi hoạt động chiến tranh đều gắn liền, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, với giao chiến. Người lính được tuyển lựa, được trang bị, được huấn luyện: anh ta ăn, ngủ, đi lại cũng *chỉ để rồi sẽ chiến đấu vào đúng lúc và đúng nơi mà thôi*.

Bởi vậy, nếu mọi tuyến của hoạt động chiến tranh đều dẫn đến giao chiến, chúng ta sẽ nắm lấy chúng để phục vụ

cho việc chuẩn bị giao chiến. Chỉ có những cuộc chuẩn bị ấy và sự thực hiện những cuộc chuẩn bị ấy quyết định kết quả, không bao giờ những kết quả này sinh ra từ những điều kiện trực tiếp có trước. Trong giao chiến, mọi hoạt động đều nhằm tiêu diệt kẻ thù, hay nói đúng hơn nhằm tiêu diệt *khả năng chiến đấu của chúng*, vì tiêu diệt khả năng chiến đấu chính là khái niệm giao chiến tóm tắt lại mà thôi. Bởi vậy, việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù luôn luôn là biện pháp nhằm mục đích của giao chiến.

Mục đích ấy có thể hoàn toàn khác hẳn và cũng có thể đơn thuần chỉ là sự tiêu diệt lực lượng vũ trang của kẻ thù, tuy làm như vậy không phải là cần thiết.

Như chúng tôi đã nói: không phải khi nào tiêu diệt kẻ thù cũng là biện pháp độc nhất để đạt được mục tiêu chính trị. Khi mục đích chiến tranh đã thay đổi, thì dĩ nhiên, chính sự thay đổi này sẽ thành mục tiêu của những hành động đặc biệt, và nó cũng trở thành mục tiêu của giao chiến.

Thế nhưng, ngay cả những cuộc giao chiến, coi như những hành vi phụ thuộc, chỉ để tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù, cũng không nhất thiết có mục đích trước mắt là tiêu diệt các lực lượng ấy.

Lúc người ta nghĩ đến tổ chức phức tạp của một lực lượng vũ trang lớn, nghĩ đến tất cả những chi tiết tham gia vào hành động chiến đấu, người ta sẽ hiểu

rằng một cuộc chiến đấu mạnh mẽ như thế phải là một tổ chức và là một tổ hợp phức tạp, trong đó những bộ phận đó phụ thuộc vào những bộ phận kia. Trong nhiều bộ phận, có thể và nhất định xuất hiện rất nhiều mục tiêu, bản thân những mục tiêu này không nhằm tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù, chỉ góp phần gián tiếp vào công cuộc tiêu diệt ấy. Nếu một tiểu đoàn nhận được lệnh đuổi kẻ thù ra khỏi một ngọn đồi hay một chiếc cầu chẳng hạn, việc chiếm được ngọn đồi hay chiếc cầu thông thường là mục tiêu thực sự, việc tiêu diệt lực lượng kẻ thù trong trường hợp này chỉ là biện pháp, hoặc chỉ là vấn đề thứ yếu. Nếu chỉ cần một cuộc biểu dương lực lượng đơn thuần cũng đã đuổi được kẻ

thù thì mục tiêu như thế đã đạt; nhưng thông thường, chỉ có thể chiếm được ngọn đồi hoặc chiếc cầu ấy sau khi đã gây ra nhiều thiệt hại cho các lực lượng vũ trang của địch. Nếu trên một chiến trường đã vậy thì trên toàn bộ chiến trường (ở đây không phải chỉ có một đạo quân đánh nhau với một đạo quân, mà là những quốc gia, nhà nước, xứ sở, đối địch với nhau) sự việc lại càng diễn ra như vậy. Do đó, phải nhân lên gấp bội các mối liên quan và những sự phối hợp có thể, tăng cường mọi cách bố trí khác nhau vì mỗi mục tiêu đều phụ thuộc vào các mục tiêu khác và đều có mức độ khác nhau, biện pháp ban đầu sẽ càng đi xa khỏi mục tiêu cuối cùng hơn nữa.

Bởi nhiều lẽ, có thể có một cuộc

giao chiến không nhằm mục đích tiêu diệt các lực lượng của kẻ thù (nghĩa là các lực lượng ở ngay trước mặt ta), và việc tiêu diệt ấy chỉ có thể là một biện pháp. Trong mọi trường hợp, sự thực hiện việc tiêu diệt ấy không còn gì là quan trọng nữa vì lúc ấy cuộc giao chiến chỉ còn là một *sự thử sức* \neg . Bản thân nó không có giá trị gì hết, nó chỉ có giá trị ở kết quả, nghĩa là ở điều mà nó quyết định.

Nhưng trong trường hợp quá chênh lệch thì chỉ nhìn qua cũng biết được mức độ của sự chênh lệch ấy. Trong trường hợp này sẽ không có giao chiến, và bên yếu hơn sẽ nhượng bộ ngay tức khắc.

Nếu những cuộc giao chiến không phải khi nào cũng nhằm tiêu diệt các lực

lượng của kẻ thù, và nhiều khi không giao chiến cũng đạt được mục đích vì ước tính được kết quả và dự đoán được tình hình do kết quả trên gây ra, người ta sẽ hiểu rằng: có nhiều chiến dịch được chỉ đạo rất tích cực, song giao chiến thực sự lại không có một vai trò đáng kể.

Hàng trăm thí dụ lấy trong lịch sử quân sự chứng minh rằng sự việc có thể xảy ra như thế. Có quyết định mà không đổ máu, như vậy là có hợp lý không, nghĩa là có mâu thuẫn bên trong không? Một vài người từng nổi tiếng vì đã làm được như thế, vậy có thể phê phán họ được không? Đó là những vấn đề mà chúng tôi không giải quyết; trước mắt, chúng tôi chỉ lo có một điều: chứng minh rằng trong chiến tranh, sự việc có thể

theo chiều hướng chúng tôi đã nói đến.

Trong chiến tranh, người ta chỉ có một biện pháp là giao chiến; nhưng cách tiến hành giao chiến thì lại muôn màu muôn vẻ vì những mục đích vô cùng các nhau, đến nỗi hình như chúng ta không không tiến thêm được bước nào cả! Thực ra không phải thế, vì tính chất đơn nhất của các biện pháp đã tạo nên một sợi chỉ dẫn dắt chúng ta đi qua toàn bộ màn lưới hoạt động quân sự và chính sợi chỉ này làm cho mọi hoạt động quân sự trở nên có hệ thống.

Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng việc tiêu diệt lực lượng kẻ thù có thể là một mục đích của chiến tranh; chúng ta không giải quyết vấn đề đánh giá tầm

quan trọng của mục đích này so sánh với các mục đích khác. Trong trường hợp đặc biệt, tầm quan trọng của nó còn tùy theo tình hình, nhưng về nguyên tắc chung, chúng tôi không muốn xác định giá trị của nó. Đây, chúng ta lại phải trở lại đề tài này, và như thế là chúng ta thừa nhận giá trị của nó.

Giao chiến là hoạt động duy nhất có hiệu quả của chiến tranh; chính trong giao chiến và nhờ giao chiến mà việc tiêu diệt lực lượng đối phương trở thành biện pháp đạt tới mục đích của ta. Dầu không có giao chiến thực sự thì nó vẫn là biện pháp duy nhất để đạt tới mục đích, vì trong trường hợp nào đi nữa quyết định cuối cùng cũng đều dựa trên nền tảng của ý niệm: tiêu diệt là chắc chắn.

Do đó, việc tiêu diệt lực lượng kẻ thù là hòn đá thử vàng của mọi hành động chiến tranh, là chỗ dựa tối hậu của mọi cách bố trí, giống như thân cầu dựa trên trụ cầu. Hành động chiến tranh nào cũng dựa trên ý niệm: hành động phải đưa lại thắng lợi. Đối với cuộc tác chiến lớn nhỏ nào trong chiến tranh, quyết định bằng vũ trang cũng như tiền mặt nhận được trong các cuộc kinh doanh tài chính. Các quan hệ ấy dầu mơ hồ đến đâu đi nữa thì các cuộc thanh toán (dù ít xảy ra) cũng không bao giờ là hoàn toàn không có.

Nếu quyết định bằng vũ trang là cơ sở của mọi cuộc bố trí, thì đối phương có thể làm một trong những cách bố trí của ta mất hiệu lực bằng một quyết định khác tốt hơn, không những chỉ đối với

quyết định làm chỗ dựa trực tiếp cho sự bố trí của ta, mà còn đối với những sự bố trí khác nữa của ta, nếu quyết định của địch có tầm quan trọng khá lớn. Bởi vì mọi quyết định bằng vũ trang quan trọng - nghĩa là mọi cuộc tiêu diệt lực lượng địch - đều ảnh hưởng đến tất cả các bộ phận khác của nó. Về phương diện này mà nói, lực lượng vũ trang cũng giống như một chất lỏng, với mỗi một chỗ thì mực nước chung hạ thấp.

Tiêu diệt các lực lượng địch luôn luôn là biện pháp cao nhất và hiệu quả nhất: các biện pháp khác đều phải lùi bước trước biện pháp này.

Nhưng chỉ trong trường hợp người ta dự đoán có một sự cân bằng trong các

phạm vi khác thì việc tiêu diệt các lực lượng địch mới có hiệu quả cao nhất. Người ta sẽ phạm phải sai lầm lớn nếu kết luận rằng: một cuộc xung phong khinh suất cũng sẽ hơn hẳn sự linh hoạt khôn khéo. Cuộc xung phong vụng về có thể dẫn đến sự tiêu diệt các lực lượng của chính mình chứ không phải của địch; đó là điều chúng ta không muốn. Hiệu quả cao quý không phải là ở *biện pháp* mà ở *mục đích*, và ở đây chúng tôi chỉ so sánh hiệu quả đạt được với một hiệu quả khác.

Chúng tôi phải nhấn mạnh rằng: khi nói đến sức mạnh chiến đấu của đối phương, không có gì bắt chúng tôi giới hạn khái niệm ấy vào trong lực lượng vật chất đơn thuần. Khái niệm này trái lại

bao gồm cả lực lượng tinh thần vì trên thực tế, trong tất cả các chi tiết nhỏ nhất, hai khái niệm gắn chặt với nhau và không thể tách chúng ra được. Chúng tôi vừa nói đến hiệu quả tất yếu của một hành vi tiêu diệt lớn (một trận thắng lớn) đối với mọi quyết định quân sự khác; chính yếu tố tinh thần là cái dễ lan ra nhất và dễ ảnh hưởng đến tất cả các bộ phận. Việc tiêu diệt lực lượng địch có giá trị cao hơn các biện pháp khác, nhưng trái lại cần phải nghĩ đến mặt trái của nó: cái giá phải trả và những nguy cơ cần trải qua. Chính vì muốn tránh những điều này nên người ta mới dùng đến những biện pháp khác.

Có một điều rất dễ hiểu là: khi các điều kiện khác đã bằng nhau thì mọi biện

pháp đem dùng đều phải trả giá cao, vì sự tiêu phí các lực lượng ta bao giờ cũng rất lớn, nếu ý định của ta là tiêu diệt các lực lượng địch.

Nguyên cơ của biện pháp này là: nếu thất bại thì cái hiệu quả cao mà ta muốn có (hiệu quả gây bất lợi cho địch - *ND*) lại rơi vào đầu chúng ta và sẽ gây cho chúng ta những bất lợi lớn hơn nữa.

Những biện pháp khác thì lại không phải trả giá cao bằng biện pháp tiêu diệt địch nếu thắng lợi và không nguy hiểm bằng nếu thất bại, với điều kiện là chúng chỉ đương đầu với những biện pháp tương tự, nghĩa là kẻ địch cũng dùng những biện pháp như ta. Bởi vì nếu kẻ địch chọn con đường quyết định cuối

cùng bằng biện pháp vũ trang thì bản thân sự việc này sẽ biến biện pháp của chúng ta thành biện pháp của kẻ địch, mặc dầu chúng ta không muốn thế. Như vậy, mọi việc tùy thuộc vào kết quả của hành động tiêu diệt; hiển nhiên là hành động này, về phương diện nào cũng vậy, sẽ bất lợi cho ta vì ý định và biện pháp của chúng ta trước đó đang hướng về những mục đích khác, còn kẻ địch thì lại không như thế. Nếu hai mục tiêu khác nhau không phải là bộ phận của nhau, chúng sẽ loại trừ lẫn nhau và lực lượng dùng để đạt mục tiêu này sẽ không cùng một lúc phục vụ cho việc đạt mục tiêu kia. Bởi vậy, nếu một bên đối thủ kiên quyết đi vào con đường quyết định bằng vũ trang thì khả năng thắng lợi của họ sẽ

rất lớn, nếu phe bên kia không muốn đi vào con đường ấy nhưng lại muốn theo đuổi một mục tiêu khác; và bên nào muốn đạt được một trong những mục tiêu khác có lẽ cũng nghĩ rằng: đối thủ cũng ít có ý đồ muốn đạt một quyết định bằng vũ trang giống như mình.

Tuy vậy, khi nói tới ý đồ và lực lượng hướng về một phía khác, chúng tôi chỉ nói tới những *mục tiêu tích cực* mà chiến tranh có thể đạt được, ngoài cách tiêu diệt lực lượng địch, chứ chúng tôi không nói đến việc kháng cự đơn thuần mà người ta dùng đến để tiêu hao lực lượng địch. Trong kháng cự đơn thuần không có ý đồ tích cực; bởi vậy lực lượng của chúng ta không thể hướng về các đối tượng khác, nó chỉ dùng để đánh

bại ý đồ của địch.

Chúng tôi chỉ còn phải đi sâu vào phương diện tiêu cực của việc tiêu diệt các lực lượng địch, nghĩa là bảo tồn lực lượng ta. Đó là hai cố gắng luôn luôn đi đôi với nhau, vì nó tác động qua lại với nhau; đó là hai bộ phận của toàn bộ một ý đồ, và chỉ cần nghiên cứu kết quả do ưu thế của một trong hai bộ phận đưa lại. Ý chí tiêu diệt các lực lượng địch nhằm mục tiêu tích cực, dẫn đến các kết quả tích cực, và mục đích cuối cùng là đánh bại kẻ thù. Bảo tồn lực lượng ta nhằm mục tiêu tiêu cực và dẫn đến kháng cự đơn thuần; kháng cự đơn thuần không nhằm mục đích nào khác hơn là kéo dài thời hạn hành động làm cho kẻ địch kiệt sức. Cố gắng nhằm đạt mục tiêu tiêu cực

thì chỉ tự giới hạn trong sự chờ đợi hành động kể trên.

Sự chờ đợi này có thể và phải đi đến đâu? Đó là vấn đề chúng ta sẽ nghiên cứu nhiều hơn trong chương nói về lý thuyết tiến công và phòng ngự, những điều mà chúng ta sẽ tìm thấy ở đây. Bây giờ, chúng tôi chỉ cần nói rằng: chờ đợi không được trở thành chịu đựng bị động, đơn thuần. Chờ đợi có thể dẫn đến hành động nhằm tiêu diệt các lực lượng địch tham chiến cũng như đến bất kỳ mục đích nào khác. Sẽ phạm sai lầm về nguyên tắc cơ bản nếu tưởng rằng cố gắng tiêu cực dẫn đến chỗ không nhằm mục đích tiêu diệt các lực lượng địch mà rồi đi tới chỗ chỉ chọn một quyết định đổ máu. Dành ưu tiên cho cố gắng tiêu

cực chắc có thể đạt được kết quả ấy, nhưng lại nguy hiểm ở chỗ: đó không phải khi nào cũng là phương pháp tốt nhất, nó tùy thuộc vào những điều kiện hoàn toàn khác, dính liền với địch chứ không phải với ta. Không thể coi phương pháp đỡ đỡ máu này như biện pháp tự nhiên để bảo tồn lực lượng mình, vấn đề mà ta lo lắng nhất. Trái lại, nếu thời cơ không thuận lợi cho sự việc diễn biến như trên thì chúng ta rất có thể sẽ đưa lực lượng mình đến chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn. Nhiều tướng lĩnh đã phạm sai lầm ấy và đi đến thất bại. Kết quả chắc chắn độc nhất của việc dành ưu tiên cho cố gắng tiêu cực là quyết định bị hoãn lại, đến nỗi bên phòng ngự tự rút vào thế chờ đợi giờ phút quyết định. Nói chung, thái

độ này dẫn đến việc *trì hoãn hành động* trong không gian cũng như trong thời gian, trong mức độ yếu tố này (không gian - *ND*) liên hệ với yếu tố kia (thời gian - *ND*) và trong mức độ điều kiện cho phép. Đến một lúc nào đó, trì hoãn hành động sẽ gặp bất lợi nghiêm trọng, thuận lợi của sự cố gắng tiêu cực biến mất và khi ấy phải thay thế bằng sự cố gắng không thể thay đổi và rất cần thiết cho việc tiêu diệt lực lượng địch, mà một đối trọng (sự đối phó của địch - *ND*) chỉ có thể đẩy nó về phía sau chứ không bao giờ loại hẳn.

Những điều suy nghĩ trên đã chỉ ra rằng: có rất nhiều cách (facons) để đạt tới mục đích chiến tranh, nghĩa là mục tiêu chính trị của nó, nhưng chỉ có một

biện pháp (moyen) đi đến đây là chiến đấu, do đó tất cả đều phụ thuộc vào quy luật tối cao này: *giải quyết bằng sức mạnh của vũ khí*; rằng khi kẻ địch đã thực sự dùng đến biện pháp ấy thì ta không thể không chấp nhận nó; rằng, do đó, bên nào muốn đi vào con đường khác thì phải nắm chắc được bên kia sẽ không dùng đến biện pháp nói trên, nếu không ta sẽ bị thất bại; rằng, nói tóm lại, tiêu diệt lực lượng vũ trang địch là mục tiêu có thể theo đuổi trong chiến tranh.

Còn những kết quả do cách bố trí khác đưa tới thì dần dần ta sẽ nói đến sau, dĩ nhiên sẽ nói mỗi lúc một ít. Ở đây, chúng ta chỉ cần nói đến khả năng hoàn toàn khái quát về vấn đề đó để chỉ ra rằng: *cách giải quyết cuộc khủng*

hoảng bằng đổ máu, sự cố gắng để tiêu diệt các lực lượng địch là đưa con hợp pháp và chính đáng của chiến tranh. Khi mục tiêu chính trị không quan trọng lắm, động cơ yếu, và tình hình không căng thẳng lắm, một người chỉ huy khôn ngoan và khéo léo có thể mượn nhiều con đường để len lỏi tới hòa bình bằng cách lợi dụng những chỗ yếu của đối phương, biểu thị ở các lĩnh vực quân sự và ngoại giao. Nếu người chỉ huy có những lý do vững chắc và những lý do này bảo đảm thắng lợi, thì chúng ta cũng không nên chê trách không thấy ông ta làm như thế; nhưng cần phải nhắc ông ta rằng đó là một con đường trơn trượt, mà ở đó thần chiến tranh có thể làm cho ông ta bị bất ngờ, và chúng ta nên khuyên ông ta rằng:

phải không ngừng quan sát kẻ địch để tránh nguy cơ phải tự vệ bằng một thanh kiếm cùn bọc mũi, chống lại một kẻ địch được trang bị bằng một lưỡi kiếm sắc.

Kết quả do bản chất chiến tranh dẫn đến, tác động của mục đích và biện pháp, trong thực tiễn chiến tranh đã lùi xa hoặc nhích lại gần khái niệm nguyên thủy của nó theo những biến động lớn hoặc nhỏ như thế nào, mặc dầu nó vẫn bị khái niệm này chi phối như một quy luật tối cao - đó là những vấn đề chúng ta không thể bỏ qua mà phải luôn luôn suy nghĩ nghiên cứu, nếu chúng ta muốn biết những mối liên hệ thực sự và tầm quan trọng của chúng mà không bị mâu thuẫn một cách trắng trợn với thực tiễn, nghĩa là suy cho cùng, mâu thuẫn với bản thân

mình.

[*] Đơn vị mới, bản tiếng Pháp dịch là *unité nouvelle*. Có thể hiểu là: một khái niệm cơ sở làm căn cứ cho những khái niệm khác bao quát hơn - *N.D.*

Chương 3

THIÊN TÀI QUÂN SỰ

Muốn điều khiển mọi hoạt động đặc biệt, với một sự linh hoạt nào đó, thì phải có những năng khiếu đặc biệt của hiểu biết và tình cảm. Khi những năng khiếu đặc biệt ấy đạt đến trình độ rất cao, biểu hiện ra trên những thành tích phi thường, thì người ta gọi đó là thiên tài.

Chúng tôi không phải không biết rằng danh từ này được dùng với những ý nghĩa rất khác nhau và có một phạm vi rất hay thay đổi, mặc dầu có đôi lúc rất khó phân biệt được tinh hoa của thiên tài qua những thể hiện của nó. Nhưng vì chúng tôi không tự cho mình là nhà triết

học hoặc ngữ pháp học, chúng tôi muốn dùng nghĩa thông thường của danh từ để cho rằng *thiên tài* là một khả năng trí tuệ lỗi lạc ở một số hoạt động nào đó.

Chúng ta hãy ngừng một lúc ở khả năng này, ở cái thứ trí tuệ đặc biệt này, để chứng minh kỹ hơn sự cần thiết của nó và để đi sâu hơn nữa vào nội dung của khái niệm. Nhưng chúng ta không thể ngừng lại ở loại thiên tài được mệnh danh như vậy nhờ có bản lĩnh cao hơn người khác (nghĩa là bản thân *thiên tài*) vì khái niệm này không có giới hạn nhất định. Chúng ta chỉ cần xem xét sự hỗn hợp rất tổng quát của tất cả các lực lượng tinh thần hướng về hoạt động quân sự, và chúng ta có thể coi đó là *tinh hoa của thiên tài quân sự*, Đúng, chúng tôi

nói “hỗn hợp”, vì thiên tài quân sự không phải chỉ là một khả năng độc nhất, như lòng dũng cảm chẳng hạn, trong lúc các năng lực khác của hiểu biết và tình cảm lại thiếu hoặc hướng về những phía không có ích gì cho chiến tranh. Thiên tài là một *hỗn hợp hài hòa* của nhiều lực lượng, có thể lực lượng này hoặc lực lượng khác chiếm ưu thế, nhưng không có lực lượng nào đối lập với lực lượng kia. Nếu như chúng ta đòi hỏi mỗi chiến binh đều ít nhiều phải có thiên tài quân sự thì có lẽ quân đội ta sẽ rất hiếm. Chính vì thiên tài bao hàm một *khuyên hướng đặc biệt* của các lực lượng tinh thần nên nó rất ít khi xuất hiện trong lúc sức mạnh tinh thần của một dân tộc được sử dụng và phát triển bằng không biết

bao nhiêu cách khác nhau. Nhưng, một dân tộc càng ít có những hoạt động khác nhau thì hoạt động quân sự càng chiếm ưu thế, và thiên tài quân sự cũng có dịp xuất hiện. Tuy nhiên, điều này chỉ quyết định quy mô chứ tuyệt nhiên không quyết định trình độ của hoạt động quân sự: về phần mình, hoạt động này tùy thuộc vào sự *phát triển chung về trí tuệ và tinh thần* của cả dân tộc. Trong một dân tộc dã man, hiếu chiến, người ta gặp nhiều cá nhân hiếu chiến hơn ở một dân tộc văn minh, bởi vì, trong trường hợp thứ nhất, hầu hết các chiến sĩ đều hiếu chiến, còn ở các dân tộc văn minh, đông đảo quần chúng được trưng tập vì nhu cầu chứ không phải vì thiên hướng tự nhiên của họ. Nhưng không bao giờ người ta thấy

một vị tướng cỡ lớn ở một dân tộc dã man, và cái người ta gọi là thiên tài quân sự quả thật vô cùng hiếm ở đó. Bởi vì muốn có thiên tài quân sự thì phải có một sự phát triển trí tuệ đến mức độ không thể có được ở một dân tộc không có văn hóa. Dĩ nhiên, những dân tộc văn minh cũng có những khuynh hướng và có sự phát triển nhiều hay ít tinh thần hiếu chiến, và tinh thần này càng mạnh thì tri thức quân sự càng có nhiều ở những thành viên của quân đội. Bởi vì, điều này gắn liền với những dân tộc có trình độ văn minh cao hơn; những dân tộc ấy - ví như dân La Mã và dân Pháp - luôn luôn cung cấp những tấm gương xuất sắc về quân sự. Những tên tuổi lớn nhất của các dân tộc ấy và các dân tộc khác đã nổi

tiếng về chiến tranh luôn luôn ở vào các thời đại có nền văn minh cao. Có cần nói điều gì thêm nữa không để thấy tầm quan trọng của trình độ tri thức mà thiên tài quân sự cao cấp phải có? Vậy, chúng ta sẽ nghiên cứu vấn đề này kỹ hơn ngay ở đoạn dưới đây.

Chiến tranh là môi trường của nguy hiểm cho nên lòng dũng *cảm* là đức tính quân sự quan trọng nhất.

Có hai thứ dũng cảm: trước tiên là dũng cảm cá nhân, rồi đến dũng cảm trước trách nhiệm, có yếu tố bên ngoài hoặc bên trong (tức là lương tâm) làm trọng tài. Chúng tôi sẽ chỉ nói đến loại dũng cảm thứ nhất.

Dũng cảm cá nhân cũng có hai loại.

Trước hết, con người có thể vì tư chất, vì coi thường cái chết hay do thói quen mà lạnh lùng trước sự nguy hiểm; trong trường hợp nào thì đó cũng là một *trạng thái thường trực*.

Thứ hai, dũng cảm có thể có từ những lý do tích cực như: tham vọng, lòng yêu nước và các loại hứng khởi. Trong trường hợp này, lòng dũng cảm không phải là một trạng thái thường trực; nó có thể là một thứ cảm xúc, một thứ tình cảm.

Rõ ràng là hai loại dũng cảm có hiệu quả khác nhau. Loại thứ nhất thường vững chắc hơn, vì nó đã trở thành một bản chất thứ hai, nó không bao giờ rời bỏ con người. Loại thứ hai thường dẫn con

người đi xa hơn. Sự kiên định có lẽ thuộc vào loại thứ nhất, sự ngoan cường vào loại thứ hai. Loại thứ nhất liên hệ với trí tuệ ít hơn, loại thứ hai có đôi lúc làm tăng thêm sức mạnh của trí tuệ, nhưng cũng có lúc làm cho nó lạc hướng. Hai loại hỗn hợp lại với nhau là lòng dũng cảm hoàn hảo nhất.

Chiến tranh là lĩnh vực của cố gắng và gian khổ vật chất. Để có thể chịu đựng được, phải có một sức mạnh vật chất và tinh thần nhất định, bẩm sinh hoặc tự rèn luyện, nó làm cho con người坦然 nhiên với những gian khổ ấy. Nếu có những đức tính trên và được lương tri thông thường hướng dẫn thì con người đã là một công cụ tốt của chiến tranh. Thường thường, người ta thấy đức tính trên nhiều

nhất ở những dân tộc dã man hay nửa văn minh. Nếu ta suy nghĩ sâu xa hơn nữa để thử tìm xem chiến tranh đòi hỏi những người tham gia phải có những đức tính gì, chúng ta sẽ thấy rằng *đức tính trí tuệ chiếm hàng đầu*. Chiến tranh là lĩnh vực của sự bấp bênh. Ba phần tư các yếu tố làm cơ sở cho hành động nằm trong sự mơ hồ ít nhiều dày đặc. Ở đây, hơn ở các lĩnh vực khác, phải có một trí tuệ tế nhị và sắc bén, biết phân biệt và nhận định chân lý theo bản năng.

Dĩ nhiên, do may mắn, một trí tuệ trung bình cũng có thể nhận định đúng; trong một cơ hội khác, lòng dũng cảm phi thường cũng có thể khắc phục được sai lầm phạm phải; nhưng, trong đa số các trường hợp thì thiếu thông minh thường

bao giờ cũng đưa lại kết quả kém.

Chiến tranh là lĩnh vực của ngẫu nhiên. Không có môi trường hoạt động nào của loài người lại để một biên độ rộng rãi như thế cho ông khách lạ ấy tung hoành, vì không có môi trường nào lại tiếp xúc toàn diện và thường trực với ông ta (ngẫu nhiên - *ND*) như thế. Trong mọi trường hợp, ngẫu nhiên làm cho tính bất bênh tăng thêm và ngăn cản quá trình phát triển của các biến cố.

Vì các nguồn tin tức không vững vàng, luận cứ không chắc chắn, vì ngẫu nhiên luôn luôn tác động đến, người hành động luôn luôn thấy mình bị đặt trước những thực tế khác hẳn những điều mình chờ đợi. Điều này nhất định tác động đến

kế hoạch hay ít nhất cũng tác động đến những ý niệm gắn liền với kế hoạch. Nếu sự tác động này làm cho những quyết định cũ trở thành hoàn toàn vô dụng thì thường thường phải thay chúng bằng những quyết định khác; nhưng ngay lúc ấy lại không có những dữ kiện cần thiết cho sự thay thế ấy vì trong quá trình hành động, tình hình đòi hỏi ta phải quyết định tức khắc, không cho phép ta nhìn một cách bao quát, và đôi khi không cho phép ta nghĩ kỹ. Nhưng thường thường, sự khảo nghiệm lại những ý niệm và sự hiểu biết những sự kiện ngẫu nhiên làm cho kế hoạch của chúng ta bị lung lay, tuy không làm cho nó bị tiêu hủy hoàn toàn. Sự hiểu biết thực tế của ta được bồi bổ thêm, nhưng tính bấp bênh chẳng

những không bớt đi mà còn tăng lên. Sự việc xảy ra như vậy vì mọi kinh nghiệm không thể thu thập trong một lúc mà phải đúc kết từng bước, vì những quyết định của chúng ta luôn luôn phải đương đầu với những kinh nghiệm ấy, và trí óc của chúng ta luôn luôn phải sẵn sàng lên đạn, nếu chúng ta có thể nói như thế.

Như vậy, ta luôn luôn có xung đột với bất ngờ. Muốn vượt qua được khó khăn này mà không bị thiệt hại, phải có hai đức tính rất cần thiết: *trước tiên, một trí óc giữ được sự sáng suốt bên trong để đi đến chân lý, kể cả lúc phải mò mẫm trong khoảng bóng tối ngày càng mù mịt ấy* (ngẫu nhiên, bất ngờ - ND); *rồi đến lòng dũng cảm để đi theo luồng*

ánh sáng yếu ớt kể trên (sáng suốt bên trong - ND). Điểm đầu, tiếng Pháp gọi bằng từ ngữ “coup d’oeil”[\[11\]](#) (cách nhìn nhanh và sáng suốt -ND); điểm thứ hai là tính *quyết đoán*.

Giao chiến là một đặc tính của chiến tranh đã làm cho người ta phải đặc biệt chú ý đến trước nhất. Một mặt khác, thời gian và không gian là những yếu tố quan trọng của giao chiến, nhất là ở thời kỳ mà kỵ binh, với tính quyết định nhanh chóng của nó, đã trở thành yếu tố chủ yếu, đến nỗi người ta có quyết định chóng và đúng đắn trước hết là do đã đánh giá đúng hai yếu tố ấy. Để định nghĩa ý niệm này, người ta dùng một từ ngữ chỉ ứng dụng vào cách nhìn đúng đắn để đánh giá.

Nhiều giáo sư về nghệ thuật chiến tranh đã định cho từ ngữ này cái nghĩa hạn chế như trên. Nhưng, ai chối cãi được rằng, cuối cùng người ta vẫn phải dùng từ ngữ trên để chỉ tất cả mọi quyết định đúng được đưa ra lúc thi hành, thí dụ như cách xác định điểm tiến công, v.v. Bởi vì, khi dùng từ ngữ “*coup d’oeil*”[\[12\]](#), không phải người ta chỉ nói đến con mắt vật chất, mà chính người ta lại hay nói đến con mắt của trí tuệ. Từ ngữ cũng như bản chất của vấn đề đều thuộc lĩnh vực chiến thuật; nhưng cũng không thể loại trừ nó ra khỏi lĩnh vực chiến lược, vì chiến lược thông thường cũng buộc ta phải có những quyết định nhanh chóng như thế. Nếu khái niệm này bị tước mất yếu tố quá bóng bẩy và quá hạn chế do từ ngữ đưa

đến, nó chỉ có nghĩa là sự nhanh chóng xác định chân lý, trong lúc chân lý còn mờ mịt đối với một trí óc tầm thường hoặc chân lý chỉ được thấy rõ sau khi đã nghiên cứu lâu dài và suy nghĩ sâu sắc.

Tính quyết đoán là lòng dũng cảm ứng dụng vào một trường hợp đặc biệt; nếu nó trở thành một nét của tính cách, chính vì nó đã là thói quen của trí óc. Đây không phải là lòng dũng cảm trước sự nguy hiểm về vật chất mà lòng dũng cảm trước trách nhiệm, nghĩa là trước sự nguy hiểm về tinh thần (nếu người ta có thể nói như thế). Thường người ta gọi đó là *courage de l'esprit*^[13] (lòng dũng cảm của trí óc) vì nó từ trí óc đến, mặc dầu đó là một biểu hiện của bản tính hơn

là của trí óc. Sự thông minh thuần túy và đơn giản không làm cho người ta trở nên dũng cảm, vì những người thông minh nhất thường thường lại hay thiếu tính quyết đoán. Sự thông minh trước tiên phải thức tỉnh ý thức về dũng cảm, rồi giữ vững và nâng đỡ nó, vì trong những lúc quyết định nhất, con người thường nghe theo tình cảm hơn là tư tưởng của mình.

Chúng ta gọi tính quyết đoán là khả năng gạt bỏ những dằn vặt vì hồ nghi, loại trừ sự nguy hiểm vì dao động trong những hoàn cảnh phải hành động mà thiếu dữ kiện. Thật ra, trong ngôn ngữ thông thường, ít chính xác, người ta có thể dùng danh từ “quyết đoán” cho tính thích mạo hiểm, cho lòng dũng cảm, cho

tính ngoan cường hoặc táo bạo. Nhưng khi một người có động cơ mạnh mẽ thúc đẩy (động cơ thuộc loại chủ quan hay khách quan, có chân giá trị hay dối trá) thì không có lý do gì để nói đến tính quyết đoán của anh ta, vì như vậy có nghĩa là chúng ta đã tự mình thay thế vào chỗ của anh ta và chúng ta đã để cho sự hồ nghi tác động đến, mặc dù anh ta tuyệt đối không biết gì đến hồ nghi cả.

Ở đây, người ta chỉ có thể nói đến hoặc là nghị lực hoặc là sự hèn yếu, và người ta không thể nói đến vấn đề gì khác. Chúng tôi sẽ không ló bịch đến nỗi mở một cuộc tranh luận với ngôn ngữ thông thường về sự lạm dụng nhỏ ấy; những nhận xét của chúng tôi chỉ nhằm gạt ra ngoài những sự phản bác không

đúng đắn mà thôi. Nhưng, tính quyết đoán mà thắng được tình trạng hồ nghi chỉ có thể là kết quả của trí thông minh, hay nói đúng hơn, kết quả của một khuynh hướng rất đặc biệt của trí thông minh. Chúng tôi đã nói rằng sự gặp gỡ đơn giản của một trí thông minh tuyệt vời và những tình cảm phù hợp chưa phải là tính quyết đoán. Trước những vấn đề khó khăn nhất, có những người tỏ ra có trí óc thông tuệ, không thiếu dũng cảm cần thiết để đương đầu với những trách nhiệm lớn. Vậy mà, trong những tình huống khó khăn, họ lại không quyết đoán được cái gì cả. Lòng dũng cảm và trí thông minh của họ là hai sự vật bị tách rời nhau, không đi đôi với nhau, kết quả là không có được cái đức tính thứ ba - tính cả

quyết (tính quyết đoán). Quyết định chỉ nảy sinh từ vận động của trí tuệ lúc nhận thức được sự cần thiết của sự táo bạo, nên xác định được ý chí xu hướng rất đặc biệt này của trí thông minh vừa chiến thắng mọi sự sợ sệt, vừa chiến thắng mọi sự dao động và ngần ngại của con người. Đó chính là những điều tạo ra tính quyết đoán trong một tính khí mạnh mẽ. Bởi vậy, những người kém thông minh không thể có tính quyết đoán, theo nghĩa chúng tôi hiểu danh từ này. Có thể là trong những tình huống khó khăn, họ hành động không trù trừ do dự; nhưng lúc đó họ hành động như vậy vì không suy nghĩ, và một người hành động không suy nghĩ thì nhất định không ngần ngại chút nào. Có lúc nào đó, may ra họ cũng có thể làm

đúng. Nhưng chúng tôi vẫn nhắc lại rằng: tính điểm trung bình của các kết quả đạt được thì sẽ biết ai là thiên tài.

Nhận định của tôi có vẻ kỳ dị đối với những ai biết khá nhiều sĩ quan kinh kỵ rất quyết đoán nhưng lại không có một tý chiều sâu nào về tư tưởng.

Chúng tôi nhắc họ rằng: ở đây đang nói đến một xu hướng đặc biệt của trí tuệ, chứ không phải một thiên hướng về sự trầm tư mặc tưởng.

Như thế, chúng tôi cho rằng tính quyết đoán thuộc về một xu hướng đặc biệt của trí tuệ, xu hướng này gắn liền với một trí óc mạnh mẽ hơn là một trí óc xuất sắc. Để xác định thêm nữa quá trình nảy sinh ra tính quyết đoán đó, chúng tôi

nói thêm rằng có không ít thí dụ về những người lúc giữ một chức vụ thấp thì rất quyết đoán, nhưng khi giữ chức vụ cao thì lại mất đức tính này đi. Tuy họ vẫn thấy cần phải quyết định, nhưng do biết rõ những nguy hiểm sẽ xảy ra nếu phạm sai lầm, và do không quen những việc mà mình phụ trách, trí thông minh của họ bị mất đi sức mạnh ban đầu. Họ lại càng trở nên e ngại lúc họ thấy sự nguy hiểm do thiếu quyết đoán đưa đến, điều này làm cho họ bị tê liệt, nhất là vì trước kia họ đã có thói quen hành động theo sự thúc đẩy trước mắt.

Lúc đã nói đến *coup d'oeil* và tính quyết đoán thì tự nhiên phải nói đến một đức tính tương tự là sự nhanh trí. Đức tính này giữ một vai trò rất quan trọng

trong những lĩnh vực bất ngờ vì bản chất của đức tính này chỉ là sự ưu việt trong cách chiến thắng sự bất ngờ. Nếu người ta khen ngợi sự nhanh trí của người biết đối đáp một câu chất vấn bất ngờ thì ta cũng phải khen ngợi sự nhanh trí của người biết giải quyết nhanh chóng một tai họa bất ngờ. Bản thân câu đối đáp hoặc cách giải quyết chẳng có gì phi thường, điều đó không quan trọng lắm. Điều quan trọng là những việc ấy làm được đúng lúc; bởi vì, một việc mà phải suy nghĩ lâu rồi mới giải quyết được thì chẳng có gì là tài ba lỗi lạc, nhưng nếu giải quyết được ngay tức khắc thì lại làm cho người ta thích thú về sự minh mẫn của trí thông minh. Trí thông minh giúp ta một cách dễ dàng và nhanh chóng, chính danh từ

nhanh trí đã nói rất chính xác điều đó.

Đức tính tốt đẹp ấy của con người thuộc về tác phong của trí tuệ hay thuộc về tính tình cân đối? Cái đó còn tùy các trường hợp, nhưng sự *nhanh trí* lại cần đến cả hai. Đối đáp dễ dàng tùy thuộc ở một bộ óc thông minh, nhưng chống trả một tai họa bất ngờ lại tùy thuộc nhiều ở một sự cân đối cao trong tính tình.

Nếu người ta nhìn một cách tổng quát đến, bốn yếu tố của không khí chiến tranh: *sự nguy hiểm, cố gắng vật chất, sự bấp bênh và ngẫu nhiên*, người ta sẽ hiểu được một cách dễ dàng rằng cần phải có một lực lượng tinh thần và vật chất lớn thì mới bảo đảm tiến lên an toàn và thắng lợi trong cái môi trường kỳ lạ

ấy. Tùy theo những sự thay đổi (vì tình hình và điều kiện cũng có thay đổi), những người kể chuyện chiến tranh và các nhà viết sử quân sự gọi lực lượng ấy là: *ngộ lực, sự vững vàng, tính kiên trì, sức mạnh của tính cách và trí tuệ*. Người ta có thể coi các biểu hiện ấy của bản chất anh hùng như một sức mạnh duy nhất của ý chí biến đổi theo tình thế. Song dù các đức tính ấy gắn liền với nhau rất chặt chẽ, chúng vẫn không phải là một. Chúng tôi thấy cần phải nghiên cứu những đức tính ấy kỹ càng hơn nữa, ít nhất cũng để từ đấy rút ra những mối quan hệ qua lại.

Để nói rõ quan niệm của chúng tôi, cần phải nói ngay rằng đầu người ta muốn đặt cho đức tính ấy của con người

hành động cái tên gì đi nữa (trọng lượng, may rủi, sự kháng cự hoặc tên khác) thì nó cũng tùy thuộc rất ít vào hoạt động, sự kháng cự và áp lực trực tiếp của kẻ địch. Trước tiên, hoạt động của kẻ địch chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến con người hành động với tư cách cá nhân chứ không phải với tư cách chỉ huy. Nếu kẻ thù chống cự trong bốn giờ chứ không phải trong hai giờ thì người chỉ huy sẽ bị sự nguy hiểm đe dọa trong bốn giờ chứ không phải trong hai giờ. Nhưng cấp bậc của người chỉ huy càng cao thì càng ít nguy hiểm. Đối với người tổng chỉ huy thì như thế nào? Nó hoàn toàn không có tý quan trọng nào cả.

Sau nữa, sự chống cự của kẻ địch có ảnh hưởng trực tiếp đến người chỉ huy,

bởi vì sự chống cự kéo dài thì các phương tiện bị thiệt hại: đó cũng là trách nhiệm của ông ta. Chính trong trường hợp này, bởi những điều lo ngại ấy nên nghị lực của ông ta bị đem ra thử thách lần đầu tiên. Dầu sao thì đó cũng chưa phải là cái gánh nặng nhất đối với ông ta vì ông ta chỉ chịu trách nhiệm trước bản thân mình mà thôi. Nhưng tất cả những hậu quả do sự chống cự của kẻ địch gây ra còn ảnh hưởng đến các chiến binh dưới quyền của ông ta, và qua các chiến binh lại ảnh hưởng trở lại đến ông ta nữa.

Khi mà binh lính còn dũng cảm và tinh thần họ còn cao thì một người chỉ huy ít khi phải phát huy nghị lực của mình để đeo đuổi mục đích. Nhưng khi

có những khó khăn trực tiếp xuất hiện - điều này thế nào rồi cũng xảy ra, nhất là lúc lập những chiến công phi thường - thì không phải mọi việc đều diễn ra theo ý muốn, như trong một bộ máy được lau dầu mỡ kỹ càng. Trái lại, chính bộ máy lại chống cự lại ta, và muốn vượt qua sự chống cự này thì người đứng đầu cần phải có nghị lực lớn. Không phải khi nào sự chống cự cũng biểu lộ ra bằng hành động không tuân lệnh hoặc bằng hành động chống trả, mặc dầu hai hình thức này biểu lộ khá phổ biến từ một số cá nhân. Nhưng nó biểu lộ ra bằng sự rệu rã phổ biến của các lực lượng vật chất và tinh thần, bằng quang cảnh bi thảm của sự hy sinh đẫm máu mà bản thân người chỉ huy phải vượt qua trước tiên và phải

làm cho những người khác vượt qua được. Chính những người khác lại truyền cho ông ta một cách trực tiếp hoặc gián tiếp những cảm tưởng, cảm giác, những lo lắng, nguyện vọng của họ. Lực lượng của các cá nhân càng tiêu tán dần đi, ý chí của họ càng không đủ để phát động và giữ vững lực lượng ấy thì mọi quán tính của quần chúng sẽ càng dần dần đè nặng lên ý chí của một mình người chỉ huy. Nhiệt tình của trái tim, ánh sáng của trí tuệ người chỉ huy phải không ngừng thổi bùng nhiệt tình của tính quyết đoán và ánh sáng của lòng hy vọng ở tất cả những người khác. Chỉ khi nào người chỉ huy ở ngang tầm của trách nhiệm trên thì ông ta mới kiểm soát được quần chúng bằng cách làm chủ họ. Nhưng nếu lòng

dũng cảm của người chỉ huy không thổi bùng được lòng dũng cảm của người khác thì ông ta cũng sẽ hạ mình xuống trình độ quần chúng, nghĩa là ở trình độ thấp hèn của bản chất thú tính, chỉ biết lùi bước trước nguy hiểm và không còn biết liêm sỉ là gì nữa. Đó là gánh nặng mà lòng dũng cảm và sức mạnh tinh thần của người chỉ huy cần phải chịu đựng, nếu ông ta muốn làm nên nghiệp lớn. Quân số càng đông, gánh nặng nói trên càng lớn; muốn phù hợp với trọng lượng, các sức mạnh ấy phải tăng lên theo với cấp bậc. Động cơ hành động càng mạnh thì năng lực hành động càng cao, dù động cơ phụ thuộc vào sự giác ngộ tinh thần hoặc vào sự vận động của bản năng. Song le, sự vận động của bản năng sẽ ít

khi thiếu, nếu cần biểu lộ nghị lực to lớn.

Trong tất cả những tình cảm chứa chất trong trái tim của con người đang hăng say chiến đấu, chúng ta phải thừa nhận rằng không có tình cảm nào mạnh mẽ và vững chắc như lòng ham muốn danh vọng và vinh quang; dù tiếng Đức đối xử rất bất công và làm cho nó mất giá trị bằng cách kết hợp hai danh từ xấu: “Ehr-geiz” (hám danh) và “Kuhmsucht” (thèm muốn vinh quang). Chắc chắn rằng trong chiến tranh, sự lạm dụng những ước vọng tinh thần lớn ấy đã gây nên không biết bao nhiêu hành vi đáng căm giận cho loài người. Tuy vậy, phải xếp những tình cảm ấy, xét theo nguồn gốc của nó, vào loại cao quý nhất của bản chất con người. Vào thời chiến, những

tình cảm ấy chính là nguồn cảm hứng làm cho cái thể xác khổng lồ có một tinh thần. Nếu những tình cảm khác như lòng yêu nước, lòng trung thành cuồng nhiệt với một lý tưởng, ý chí phục thù, sự hứng khởi các loại nói chung có vẻ cao quý hơn thì chúng cũng không thể thay thế lòng ham muốn danh vọng và vinh quang được. Nói chung, những tình cảm khác mà chúng tôi vừa nói trên, có thể động viên đông đảo quần chúng và nâng cao nhiệt tình của họ, nhưng nó không kêu gọi cho người chỉ huy khát vọng thực hiện những sự nghiệp lớn hơn so với quần chúng. Để đạt được những chiến công ít nhiều có ý nghĩa, khát vọng này rất cần. Trái với lòng ham muốn, các tình cảm này không biến hành động quân sự

cá nhân thành tư hữu của người chỉ huy. Chỉ khi nào chúng biến thành của tư hữu thì người chỉ huy mới cố gắng sử dụng tốt nhất, mới ra sức cày cấy, mới gieo trồng cẩn thận nhất để thu hoạch tốt nhất. Chính những nguyện vọng ấy, nguyện vọng mà người chỉ huy nào cũng có, từ người cấp thấp nhất đến người cấp cao nhất, chính các loại hoạt động ấy, chính tinh thần đua tranh ấy, chính cái mũi nhọn ấy kích thích hiệu lực của một quân đội và chuẩn bị cho nó chiến thắng hơn là bất kỳ cái gì khác. Và bây giờ, về vấn đề con người, chúng tôi hỏi: có ai đã thấy một nhà quân sự lớn mà không có lòng ham muốn không? Một hiện tượng như thế có thể xảy ra được không, dầu chỉ trong khái niệm mà thôi?

Sự *vững vàng* đánh dấu sự kháng cự của ý chí đối với sức mạnh của một đòn đơn độc; tính kiên trì lại liên quan đến thời hạn. Tuy hai từ này gần giống nhau, và người ta hay dùng từ này thay thế cho từ kia, nhưng người ta không thể hiểu lầm bản chất của chúng được. Vì sự *vững vàng* thì đối lập với một cảm giác bạo lực duy nhất và có thể bắt nguồn từ sức mạnh đơn thuần của tình cảm, còn tính kiên trì thì đòi hỏi sự ủng hộ của trí thông minh. Thật vậy, một hành động càng kéo dài lại càng có xu hướng tuân theo một kế hoạch, và đó chính là sức mạnh của tính kiên trì.

Nếu người ta đi sâu vào *sức mạnh*

của tinh thần hoặc sức mạnh của tình cảm, câu hỏi đầu tiên sẽ là câu này: các từ ấy nghĩa là gì?

Nhất định đó không phải là sức mạnh của việc biểu lộ tình cảm hoặc biểu lộ sự mê say, vì như vậy sẽ trái với mọi cách sử dụng ngôn ngữ. Nhưng đó chính là khả năng nghe lý trí, kể cả những lúc có xúc động mạnh nhất, trong cơn bão táp của sự mê say mạnh mẽ nhất. Năng khiếu ấy phải chẳng chỉ phụ thuộc vào sức mạnh của trí tuệ? Điều đó đáng ngờ lắm. Có nhiều người thông minh khác thường đôi lúc cũng không tự chủ được. Điều đó không chứng minh cái gì cả vì tính tự chủ đòi hỏi một trí thông minh đặc biệt mang tính chất mạnh mẽ hơn là tính chất bao quát. Chúng tôi nghĩ

rằng chúng ta sẽ đến gần chân lý hơn nếu nói: khả năng phục tùng sự chi phối của trí thông minh, kể cả những lúc điên đảo nhất, khả năng mà người ta vẫn gọi *tính tự chủ* là ở trong chính bản thân tính tình. Thực ra, đó chính là một thứ tình cảm khác, ở trong những tâm hồn có nghị lực. Nó làm cho sự sôi nổi của lòng mê say thăng bằng hơn mà vẫn không hủy nó đi. Và đó chính là cái đối trọng (contre-poids)^[14] làm cho lý trí chiếm ưu thế. Cái đối trọng ấy chính là ý thức về danh dự con người, tức là lòng tự ái rất cao quý. Cái nhu cầu bẩm sinh ấy của tâm hồn buộc người ta phải hành động trong mọi trường hợp như những con người có lý trí và biết phân biệt phải trái. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng, một tâm hồn có

ngại lực là một tâm hồn không mất thăng bằng, ngay cả trong lúc sôi sục ghê gớm nhất.

Nếu người ta nhìn qua sự khắc nghiệt của tính tình con người, trước tiên người ta sẽ thấy một hạng người rất ít xúc động mà người ta gọi là những người lạnh lùng hoặc vô tình.

Rồi đến những người hay xúc động, nhưng tình cảm không bao giờ lên quá một mức độ nào đó, người ta gọi đó là những người hay xúc động nhưng trầm tĩnh.

Thứ ba, đến những người rất hay xúc động, tình cảm bùng cháy rất nhanh và rất mạnh như thuốc súng, nhưng lại nguội đi cũng nhanh như thế.

Thứ tư, và cuối cùng, là những người không phải gặp trường hợp nào cũng xúc động, sự nhạy cảm của họ không bùng lên nhanh chóng mà bùng lên dần dần, song tình cảm trở nên mạnh mẽ và lâu bền hơn nhiều. Đó là những người có những say mê mạnh mẽ, sâu sắc và thâm kín.

Sự khác nhau giữa các con người về mặt thể chất có lẽ nằm ở ranh giới của các lực lượng vật chất, các lực lượng này cai quản cơ thể con người và phụ thuộc vào hệ thần kinh, một loại cơ quan rất mơ hồ. Cơ quan này một mặt có họ hàng với vật chất còn một mặt thì gắn liền với tinh thần. Đối với chúng tôi, bằng những phương tiện triết học ít ỏi của mình, chúng tôi tự ngăn mình không

đi sâu vào những khu vực tối tăm ấy. Tuy vậy, chúng tôi cũng cần phải dùng một lúc để nói về ảnh hưởng của các bản chất khác nhau ấy đối với hoạt động quân sự, và để xét xem những ảnh hưởng ấy cho phép ta chờ đợi ở một tính tình nhiều nghị lực đến mức độ nào.

Một người vô tình không mất thăng bằng một cách dễ dàng, nhưng không có biểu hiện của nghị lực thì không thể gọi là có tính cách cương nghị. Tuy vậy, cũng phải thừa nhận rằng, trong thời kỳ chiến tranh, những người thuộc loại này không phải là không có khả năng nhất định (tuy rằng rất phiến diện), chính là vì họ luôn luôn có sự ổn định. Thường thường, hành động của họ không có nguyên nhân tích cực, nghĩa là không có sự thúc đẩy và

bởi thể không có sự hoạt động mạnh mẽ nhưng họ không bao giờ làm hỏng hoàn toàn công việc họ làm.

Ta có thể phân biệt được những người thuộc loại thứ hai, chính là vì họ thường phản ứng dễ dàng đối với những việc nhỏ nhưng lại hoang mang trước những việc lớn. Những người thuộc loại này thường mau chóng đến cứu giúp một cá nhân gặp nạn, nhưng toàn thể dân tộc lâm nguy thì lại làm cho họ rời rã hơn là kích thích họ hành động.

Trong chiến tranh, những người này không phải là không hoạt động, cũng không phải là mất thăng bằng, nhưng họ không làm được việc gì lớn trừ trường hợp có một khối óc lớn thúc đẩy họ.

Nhưng ít khi có một khối óc mạnh mẽ và độc lập lại liên minh với những loại tính khí như vậy.

Những tính khí sôi nổi, nóng nảy không phù hợp với cuộc sống thực tiễn, vì thế cũng không phù hợp với chiến tranh. Tuy người có tính khí ấy lợi dụng được những sự thúc đẩy mạnh mẽ của nó, song những sự thúc đẩy này không bền lâu. Nhưng, khi những xúc cảm của họ nghiêng về phía dũng cảm và tham vọng, họ có thể giúp được một số việc tốt ở các vị trí bên dưới, chỉ vì lý do đơn giản là: những hành vi chiến tranh giao cho những người chỉ huy cấp dưới thường ngắn hạn. Trong những trường hợp như trường hợp này, một quyết định can đảm, một sự bật dậy đơn độc của lực lượng

tinh thần cũng đủ làm nên chuyện. Một cuộc tiến công táo bạo, một tiếng hô “tiến lên” mạnh mẽ là công việc của một khoảnh khắc, trong khi một cuộc giằng co quyết liệt trên chiến trường có thể kéo dài cả ngày về một chiến dịch thì có thể kéo dài cả năm.

Vì tình cảm của họ rất sôi nổi, những người thuộc loại này thường khó giữ thăng bằng hơn nhiều so với những người khác. Bởi vậy họ hay hoang mang; và trong chiến tranh, hoang mang lại là thói xấu lớn nhất. Ta không thể khẳng định rằng: những người có tính khí dễ bị kích thích không bao giờ là những người mạnh, nghĩa là không bao giờ họ có thể giữ được thăng bằng khi gặp xúc động mạnh: nói như thế trái với kinh nghiệm

thực tế. Tại sao họ lại không có ý thức về danh dự của mình, vì nói chung bản chất của họ là cao quý? Họ thường có ý thức ấy, nhưng ý thức này không đủ thì giờ để phát huy tác dụng. Khi mà cái đà ban đầu qua đi, họ sẽ thấy nhục nhã ghê gớm. Nếu nhờ giáo dục và nhờ cách tự kiểm soát vì có nhiều kinh nghiệm, sớm muộn rồi họ cũng tự cảnh giác được đối với bản thân mình. Cho nên trong những lúc rối ren nhất, khi thấy rõ những lực lượng ngược chiều nằm trong bản thân mình (lòng tự trọng), họ có thể tỏ ra có một sức mạnh tinh thần lớn.

Cuối cùng, có những người rất khó xúc động, nhưng chính vì thế mà họ xúc động sâu sắc; những người này so với những người nói đến trên kia cũng tương

tự như cục than hồng so với ngọn lửa. Chính nhờ lực lượng khổng lồ của họ nên ta mới có thể động viên được khối quần chúng mênh mông, nếu như ta có thể dùng hình ảnh ấy để nói rõ những khó khăn dính liền với hoạt động chiến tranh. Tình cảm của họ cũng như sự vận động của quần chúng tuy chậm chạp nhưng vì thế lại càng không có gì cưỡng nổi.

Những người này không có nguy cơ bị tình cảm thao túng và để cho tình cảm lôi kéo đến nỗi sau đó phải xấu hổ như những loại người trước. Ta đừng nên cho rằng họ không thể là nạn nhân của một sự kích động mù quáng nào, nói như thế cũng trái với kinh nghiệm. Trái lại, điều ấy có thể xảy ra nếu họ thiếu tự hào và tự chủ, hoặc các tình cảm ấy không đủ trọng

lượng.

Điều nói trên cũng là một kinh nghiệm. Nó hay xảy ra đối với những vĩ nhân của các dân tộc thiếu văn minh mà trình độ trí tuệ thấp kém của họ là điều kiện thuận lợi cho sự kích động dễ nảy nở. Nhưng những giai cấp có văn hóa cao nhất của những dân tộc văn minh nhất cũng có rất nhiều thí dụ thuộc loại này: con người bị sức mạnh của kích động lôi kéo, như dưới thời trung cổ, người đi săn trộm bị con hươu chạy băng qua rừng lôi kéo.

Chúng ta hãy nhắc lại rằng: người có tâm hồn mạnh mẽ không phải là không có những xúc động mạnh mẽ, nhưng họ biết tự chủ dầu xúc động đến đâu đi nữa; nên,

mặc cho bão táp cuồn cuộn trong trái tim, khả năng suy xét và lòng tin tưởng của họ vẫn hoàn toàn nhạy bén như kim nam châm trên địa bàn con tàu gặp nạn.

Sức mạnh của tính cách, hay nói đơn giản hơn: tính cách, chỉ rõ sự bền bỉ của lòng tin, dầu lòng tin này là kết quả của sự suy xét của ngay bản thân mình hay của người khác, dầu nó dựa trên những nguyên tắc, trên dư luận, trên những cảm tưởng nhất thời hoặc trên những sản phẩm nào đó của trí tuệ. Nói cho đúng, thứ cương nghị này không thể biểu lộ khi bản thân lòng tin hay có những thay đổi sâu sắc; những thay đổi này không nhất thiết sinh ra do ảnh hưởng bên ngoài. Nó có thể là kết quả của sự hoạt động không ngừng của trí thông

minh, điều này chứng tỏ một cách không nghi ngờ gì được về sự không ổn định đặc biệt của trí óc. Một người luôn luôn thay đổi ý kiến không thể là một người cương nghị được, mặc dầu những nguyên nhân của sự thay đổi ấy chỉ ở trong bản thân anh ta. Như vậy, đức tính này chỉ nói đến những điều tin tưởng rất ổn định vì chúng bắt rễ rất sâu, rất rõ rệt, rất dễ thấy và chính vì vậy mà chúng không thay đổi; hoặc vì thiếu hoạt động của trí thông minh nên không thay đổi gì như đối với những người vô tình, hoặc vì một hành vi của ý chí, kết quả của một nguyên tắc tối cao của trí thông minh không cho phép, ở một mức độ nào đó, thay đổi ý kiến. Trong chiến tranh, vì có vô số cảm xúc mạnh mẽ chi phối tâm hồn

và vì có sự nghi ngờ làm lung lay tất cả những điều hiểu biết và lòng tin của chúng ta, nên những nguyên có làm cho con người đi chệch con đường mà họ đã dẫn mình vào và dẫn họ tới chỗ nghi ngờ cả bản thân mình cũng như người khác, thường nhiều hơn là trong bất cứ hoạt động nào của loài người.

Những sự đau khổ và nguy hiểm trông thấy trước mắt kêu gọi nhiều tình cảm, những tình cảm này có thể dễ dàng chi phối lòng tin của trí tuệ. Luồng ánh sáng mờ mờ bao trùm khắp nơi làm cho người ta không thấy rõ và không thấy sâu sắc, đến nỗi những sự thay đổi ấy trở thành dễ hiểu và đáng tha thứ. Hành vi bao giờ cũng chỉ dựa trên những chân lý dự đoán hay cảm thấy. Do đó, không bao

giờ những sự bất đồng về quan điểm lại sâu sắc bằng trong chiến tranh; ở đây, những cảm tưởng kéo đến tới tấp, ngược lại với những điều tin tưởng của chúng ta. Bộ óc lạnh lùng nhất cũng không tránh được chúng vì những cảm tưởng này quá mạnh mẽ, quá sinh động và luôn luôn tiến công vào cả lý trí lẫn tình cảm.

Những ý kiến và nguyên tắc chung hướng dẫn hành động từ một quan điểm cao nhất chỉ có thể là kết quả của một sự hiểu biết sâu sắc và sáng suốt, và ý kiến đối với những trường hợp ngoại lệ hầu như luôn luôn lơ lửng trước những nguyên tắc ấy. Nhưng điều khó chính là ở chỗ bám chắc lấy kết quả của những sự suy nghĩ có từ trước, mặc dầu có nhiều sự phán đoán và hiện tượng ngược chiều

tới tập xuất hiện. Giữa những trường hợp ngoại lệ và nguyên tắc thường có một khoảng cách lớn: không phải khi nào người ta cũng có thể lấp nó đi bằng những lý luận lô-gích rõ ràng. Trong trường hợp này, lòng tự tin và một độ hoài nghi nào đó rất có ích. Người ta chỉ có thể sử dụng đến một nguyên tắc chỉ đạo, tuy độc lập đối với mọi sự suy nghĩ nhưng lại cai quản sự suy nghĩ. Nguyên tắc này là: *trong trường hợp còn nghi ngờ thì hãy kiên trì giữ ý kiến ban đầu, và không bỏ ý kiến này nếu không có những sự kiện chắc chắn khác bắt buộc*. Lòng tin tưởng không gì lay chuyển nổi ở chân lý tối cao của những nguyên tắc đã được thử thách lâu dài làm cho ta nhớ rằng: những hiện tượng nhất thời tuy

có mạnh mẽ cũng chỉ là giá trị rất thấp. Trong những trường hợp nghi ngờ, phải dành ưu tiên cho những ý kiến có từ trước, phải trung thành với những ý kiến đó: như vậy tính cách của ta mới được ổn định và liên tục.

Rõ ràng, một tình hình cân đối giúp cho tính cách thêm mạnh mẽ; đó là lý do tại sao những người có tinh thần rất cao lại thường thường cương nghị.

Sức mạnh của tính cách dẫn ta đến một loại tính cách: *tính ngoan cố* (l'obstination).

Trong những trường hợp cụ thể, thường rất khó thấy ngoan cố bắt đầu ở đâu và cương nghị kết thúc ở đâu; trái lại, sự khác nhau trừu tượng giữa hai tính

chất này thì rất dễ quy định.

Tính ngoan cố không phải là một khuyết điểm của trí thông minh, đó là một danh từ chỉ sự từ chối, không theo một sự hiểu biết cao hơn. Sự từ chối này nếu nói là thuộc về trí thông minh thì sẽ gặp mâu thuẫn vì trí thông minh chính là năng lực hiểu biết. Tính ngoan cố là một khuyết điểm của tính tình. Cái ý chí không lung lay, không dung thứ bất kỳ sự mâu thuẫn nào ấy chỉ là một sự ích kỷ đặc biệt, chẳng những chỉ muốn tuân theo mà còn bắt người khác cũng phải theo chỉ thị của bản thân trí tuệ của mình mà thôi. Người ta có thể gọi đó là tính khoe khoang, nếu đó không phải là một điều tệ hơn nữa: khoe khoang thì chỉ cần thỏa mãn về hình thức bên ngoài, còn tính ngoan cố thì lại

dựa vào sự thỏa mãn do nội dung đưa lại^[15].

Người ta có thể nói rằng tính cách cương nghị trở thành ngoan cố khi sự đối lập với một quan điểm cụ thể không tùy thuộc vào một cơ sở chắc chắn hơn hay vào lòng tin tưởng ở một nguyên tắc cao hơn, nhưng lại tùy thuộc vào một ý thức chống đối. Chúng tôi nói lại: tuy định nghĩa này ít có ích lợi thực tiễn, nó cũng cho phép ta không lầm lẫn giữa tính ngoan cố với một cường độ lớn hơn của tính cương nghị, trong lúc hai tính cách này chủ yếu khác nhau tuy nó song song với nhau, gần sát nhau nhưng lại không phải vì thế mà nói ngoan cố là tăng cường độ cương nghị đến nỗi người ta

thấy những người rất ngoan cố nhưng lại thiếu thông minh vì thế thành ra thiếu tính cách cương nghị.

Nhờ mọi đức tính siêu việt của một người chỉ huy quân sự lớn nên chúng ta đã thấy tính tình tác động và hợp tác với trí tuệ như thế nào. Bây giờ chúng ta cần nói đến một đặc điểm của hoạt động chiến tranh mạnh mẽ nhất, mặc dầu không phải quan trọng nhất, và chỉ đòi hỏi những khả năng trí óc còn những khả năng tính tình thì không ảnh hưởng đến nhiều lắm. Đó là mối tương quan giữa chiến tranh với địa hình và thổ nhưỡng.

Trước tiên, phải nói rằng mối tương quan này là *thường trực* vì ta không thể quan niệm một cuộc tác chiến của một

quân đội có tổ chức lại không diễn biến trong một khoảng không gian nhất định; thứ hai, mỗi tương quan này có tầm quan trọng quyết định vì nó để lại dấu ấn và có đôi khi thay đổi hoàn toàn hiệu quả của tất cả các lực lượng; thứ ba, mỗi tương quan này khi thì dựa vào những chi tiết nhỏ nhất nhất của một khoảnh đất, khi thì bao quát cả một khoảng không gian mênh mông.

Quan hệ giữa chiến tranh với địa hình và thổ nhưỡng, khiến cho hoạt động quân sự có tính chất đặc thù. Khi người ta nghĩ đến các hoạt động khác của loài người dựa trên đất đai (làm vườn, trồng trọt, xây dựng, các công trình thủy lợi, hầm mỏ, săn bắn, khai thác rừng), người ta thấy chúng chỉ bó hẹp trong những

khoảng diện tích rất có giới hạn, dễ khám phá nhanh chóng với một độ chính xác đầy đủ. Trong chiến tranh, người chỉ huy phải tìm thấy ở trong khoảng không gian của chiến trường một người cộng tác của hành động. Mặc dầu có nghị lực đến thế nào, đối với khoảng không gian này, ông ta cũng không thể quan sát, không thể khám phá đầy đủ được, vì tình hình luôn luôn thay đổi rất ít khi cho phép quan sát địa hình một cách chi tiết.

Nói cho đúng thì kẻ địch đại để cũng vấp phải những khó khăn như ta^[16]. Tuy nhiên dù đây là khó khăn chung cho cả hai bên thì nó vẫn cứ là khó khăn, và bên nào khắc phục được nó, nhờ tài năng hoặc nhờ thành thạo, sẽ chiếm được một

ưu thế lớn. Ngoài ra, đó chỉ là khó khăn của cả hai bên nói chung, còn trong các trường hợp đặc biệt thì không nhất thiết như vậy mà có thể khác hẳn; một trong hai bên đối địch (bên phòng ngự) thường nắm được địa hình vững hơn bên kia rất nhiều.

Muốn vượt qua khó khăn rất đặc biệt này, cần phải có một năng lực trí tuệ (faculté mentale) rất đặc biệt gọi là *giác quan định hướng* (sens de l'orientation), tuy từ ngữ đó quá hẹp. Đó là năng lực có thể *nhANH chóng hình thành một khái niệm hình học đúng về bất kỳ địa hình nào* và do đó dễ dàng tự xác định được phương hướng. Tất nhiên đó là một sự vận động của trí tưởng tượng. Nói cho

đúng, có được cảm quan một phần là nhờ ở con mắt vật chất, một phần là nhờ ở trí tuệ cung cấp cho những dữ kiện còn thiếu, dựa trên khoa học và kinh nghiệm; các dữ kiện này cộng với những mảnh hiện tượng do con mắt vật chất trông thấy làm thành một tổng thể. Nhưng muốn cho tổng thể này có tính sinh động, trở thành một hình ảnh, một bản đồ địa lý vạch trong bộ óc để cho hình ảnh giữ được bền vững và các chi tiết không luôn luôn bị nát vụn, thì phải có *một khả năng trí tuệ mà người ta gọi là trí tưởng tượng*. Nếu một nhà thơ hay một họa sĩ thiên tài nào đó bất bình vì thấy thần tượng của mình phải nhận những nhiệm vụ như vậy, nếu ông ta nhún vai khi nghĩ rằng “như thế, một thằng hầu sẵn nhanh nhẹn một

chút cũng có trí tưởng tượng vào bậc nhất rồi thì chúng tôi cũng sẵn sàng nhân nhượng mà nói rằng: ở đây, danh từ này chỉ có nghĩa rất giới hạn, trí tưởng tượng gần như hoàn toàn bị lệ thuộc^[17]. Nhưng dầu sự ích lợi có nhỏ nhất đến mấy thì nó cũng vẫn do lực lượng tự nhiên ấy sản sinh ra (do trí tưởng tượng mà có - ND). Nhưng dù khả năng đó như thế nào đi nữa, dù nó ít ỏi đến mức nào cũng phải sử dụng đến. Nếu hoàn toàn không có nó thì ta sẽ rất khó tạo ra được một hình ảnh rõ ràng và có hệ thống, như nom thấy sự vật biểu hiện ra ở ngay trước mắt. Chúng tôi cũng sẵn sàng thừa nhận rằng: một trí nhớ tốt ở đây là rất có ích; nhưng không thể xem trí nhớ là một năng lực độc lập mà phải cho rằng chính vì nhờ cái năng

lực tạo ra hình ảnh ấy nên các sự kiện dính chặt vào trí nhớ hơn. Chúng tôi không giải quyết dứt khoát vấn đề này, nhất là vì ở nhiều mặt, khó có thể quan niệm tách rời hai khả năng tâm thần nói trên.

Không thể chối cãi được rằng sự thành thạo và sự hiểu biết đóng một vai trò rất lớn trong vấn đề này. Puy-xê-guya^[18], người tham mưu trưởng nổi tiếng của Luy-xăm-buốc^[19] nổi tiếng đã viết rằng: về điểm này, ông ta không tin ở mình lắm vì ông ta thấy hễ cứ phải đi xa để xin chỉ thị là bị lạc đường ngay.

Cấp bậc càng cao thì tự nhiên phạm vi ứng dụng tài năng trên càng lớn. Người lính khinh kỵ và người lính bộ

binh cần biết điều khiến một toán tuần tiễu qua rừng, qua núi: nhiệm vụ này chỉ đòi hỏi ở anh ta một năng lực hiểu biết và diễn giải trung bình. Còn người chỉ huy thì phải nâng trình độ hiểu biết của mình đến khoa học địa lý đại cương của một tỉnh và một xứ, biết hình dung ra một hình ảnh sinh động về đường bộ, đường thủy, về vị trí các dãy núi, đồng thời lại có năng lực hiểu thấu cặn kẽ đến những chi tiết của địa hình. Chắc chắn là các loại tin tức, các bản đồ, các sách vở, các hồi ký sẽ phục vụ ông ta trong những đường nét lớn của hoạt động, cũng như những người tùy tùng sẽ giúp đỡ ông ta rất nhiều trong những vấn đề chi tiết. Tuy vậy, sự nhận thức địa hình nhanh chóng và rõ ràng vẫn là một thứ tài năng giúp

toàn bộ hành động của ông ta có một khí thế vững vàng và dễ dàng hơn nhiều, đồng thời làm cho ông ta ít phụ thuộc vào người khác và không bị một sự vụng về tinh thần nào đó chi phối.

Vả lại, chỉ trong khả năng đó (khả năng có sự hiểu biết rõ ràng và sinh động về địa hình- ND), hoạt động chiến tranh mới cần nhiều đến trí tưởng tượng - vị thần kỳ quái phần nhiều sẽ chỉ có hại hơn là có ích cho hoạt động chiến tranh.

Chúng tôi thấy rằng mình đã điếm qua tất cả mọi biểu hiện của trí tuệ và tinh thần của con người tham gia các hoạt động chiến tranh, ở đâu trí thông minh cũng xuất hiện như một lực lượng cộng tác chủ yếu. Chính điều đó giải thích tại

sao hoạt động chiến tranh, tuy biểu hiện ra bằng những hành vi đơn giản và ít phức tạp đến thế, lại không thể nào tiến hành được một cách hoàn hảo nếu như nó do những người không có khả năng trí tuệ lỗi lạc phụ trách.

Khi đã tin tưởng như vậy thì một việc tự nhiên như việc bọc hậu quân địch (đã từng xảy ra hàng nghìn lần và có hàng chục sự việc tương tự) sẽ không còn xuất hiện như những chiến công đòi hỏi phải cố gắng nhiều về trí tuệ nữa [\[20\]](#).

Nói cho đúng, người ta có thói quen tưởng rằng người lính bình thường và tốt có sự đối lập với một bộ óc trầm tư, giàu ý kiến và sáng kiến, hoặc với một trí tuệ lỗi lạc lại có nhiều màu sắc văn hóa hấp

dẫn. Sự đôi lập đó không phải là không có cơ sở, nhưng nó không chứng minh rằng chỉ cần gan dạ là đủ trở thành một người lính tốt, và một hoạt động trí tuệ nào đó, một khả năng suy nghĩ nào đó là không cần thiết đối với cái mà người ta gọi là một lưỡi gươm sắc bén (tức là một người lính chiến đấu tốt - ND). Chúng tôi lại phải trở lại điều này: không có gì phổ biến hơn loại người bị tê liệt hành động khi họ giữ chức vụ cao, lúc đó tầm nhìn của họ không đủ để thích ứng nữa; nhưng cũng nên nhớ rằng, chúng tôi nói về những chiến công đặc biệt, những chiến công hiển hách trong loại hình hoạt động mà chúng phụ thuộc. Trong chiến tranh, mỗi cấp chỉ huy có một kiểu năng lực trí tuệ riêng, một kiểu danh dự và vẻ

vang riêng.

Giữa người chỉ huy cao nhất, nghĩa là giữa người tướng cầm đầu toàn bộ cuộc chiến tranh hoặc một chiến trường, và người ở cấp dưới trực tiếp có một cái vực rất sâu, bởi lý do rất đơn giản là người ở cấp dưới phải chịu một sự chỉ đạo, một sự kiểm soát trực tiếp hơn nhiều so với người chỉ huy cao nhất. Điều đó làm cho phạm vi sáng kiến trí tuệ của họ bị thu hẹp đi rõ ràng. Nó làm cho dư luận công chúng chỉ thừa nhận sự hơn hẳn về trí tuệ ở cấp cao nhất và tưởng rằng chỉ một bộ óc thông minh trung bình cũng đủ dùng ở các chức vụ thấp hơn. Người ta lại có xu hướng cho rằng: một trung tướng tóc đã bạc trắng vì phục vụ trong quân đội và tâm thần đã

yếu đi nhiều vì sự hoạt động một chiều, là hình ảnh của một sự đàn độn nào đó, và người ta mỉm cười trước sự đơn giản của ông ta, tuy người ta vẫn cho rằng dũng cảm là đáng kính trọng. Chúng tôi không có ý định bênh vực những con người dũng cảm đáng thương ấy để bảo đảm cho họ có số phận tốt hơn; làm như thế không có ích gì cho hoạt động và hạnh phúc của họ. Chúng tôi chỉ muốn: sự thật như thế nào thì trình bày như thế ấy, và đề phòng sai lầm cho rằng trong chiến tranh, một người lính quên không có trí tuệ cũng có thể lập được chiến công lớn.

Theo ý chúng tôi, các chức vụ chỉ huy, kể cả những chức vụ thấp nhất đều đòi hỏi những năng lực trí tuệ xuất sắc

(nếu người ta muốn làm thật tốt chức vụ của mình), và lên cấp càng cao thì những năng lực ấy càng phải tăng cường. Như thế tự nhiên chúng ta phải có ý kiến khác hẳn đối với những người làm tròn những chức trách hạng hai trong quân đội một cách tốt đẹp. Nếu đem so sánh với nhà học giả, với nhà kinh doanh biết cầm bút, với nhà chính trị trong hội nghị, thì ta cũng không nên vì thấy bề ngoài của những người ở cấp thấp có vẻ đơn giản mà lầm lẫn rồi cho rằng họ không có trí thông minh hoàn hảo. Dĩ nhiên, đôi lúc có những người lên cấp cao, tuy không xứng đáng lắm, song vẫn giữ được vinh dự sẵn có khi còn ở cấp dưới. Nhưng nếu người ta không đòi hỏi ở họ nhiều quá, và vì vậy họ không bộc lộ thiếu sót

của mình ra, thì dư luận cũng không tìm cách hiểu rõ hơn cái danh tiếng mà họ được hưởng. Như vậy, họ cũng thường góp phần làm cho người ta có ý nghĩ kém coi về một nhân vật còn có thể xuất sắc khi giữ một chức vụ nào đó.

Từ cấp bậc thấp nhất đến cấp bậc cao nhất, những chiến công quân sự hạng nhất đòi hỏi phải có sự giúp đỡ của một thiên tài đặc biệt. Tuy vậy, lịch sử và người đời sau thường thường chỉ liệt vào thiên tài chân chính những bộ óc xuất sắc ở hàng đầu, nghĩa là người tổng chỉ huy. Ta nên thấy rằng, sở dĩ có tình trạng đó là vì các đức tính tinh thần và trí tuệ đối với họ dĩ nhiên cần thiết hơn ở những cấp bậc khác.

Muốn đưa toàn bộ cuộc chiến tranh, hay ít nhất là các hành động quan trọng nhất của chiến tranh mà người ta gọi là các chiến dịch, đến kết thúc thắng lợi, thì phải có sự hiểu biết sâu sắc về các dữ kiện chính trị cao nhất của quốc gia. Ở đây, sự chỉ đạo chiến tranh trùng khít với chính trị, và người tướng đồng thời trở thành nhà chính trị.

Vua Sác-lơ XII không có tiếng là một thiên tài lớn, chính vì ông ta không biết đặt hiệu quả của quân đội phụ thuộc vào một sự hiểu biết, một sự khôn ngoan cao hơn, nghĩa là không để cho chúng phục vụ một mục đích cao hơn. Hăng-ri IV^[21] cũng không phải là một thiên tài, chính vì ông ta không sống được lâu để

đem những cố gắng về quân sự của ông ta tác động tới nền chính trị của nhiều quốc gia, và để được thử thách trong một môi trường thượng đẳng, ở đó tình cảm cao quý và tính cách nghĩa hiệp không có quyền lực đối với đối phương bằng khi muốn chiến thắng một sự kháng cự bên trong.

Để có một ý niệm về tất cả những điều mà một người tướng phải đánh giá và hiểu biết cùng một lúc, bạn đọc nên đọc lại chương 1. Nếu một vị tướng trở thành nhà chính trị thì không phải vì thế mà ông ta thôi không phải là tướng nữa. Một mặt ông ta phải nhìn bao quát tất cả các điều kiện vật chất, một mặt khác ông ta lại phải biết rõ những phương tiện có trong tay cho phép ông ta đi đến đâu.

Trong chiến tranh, sự khác biệt và các mối quan hệ không có ranh giới rõ ràng làm cho người ta phải chú ý đến nhiều yếu tố. Phần lớn các yếu tố đó chỉ có thể đánh giá được theo quy luật của toán xác suất. Nếu người hành động không có cảm quan nhạy bén dự đoán thấy chân lý tổng quát thì kết quả sẽ là một mớ hỗn loạn về quan điểm và nhận định. Ông ta sẽ bất lực hoàn toàn trong việc tìm ra một khái niệm chỉ đạo. Về vấn đề này, Bô-na-pác đã nói rất đúng rằng: rất nhiều quyết định mà người chỉ huy phải giải quyết có thể dùng làm đề tài toán học xứng đáng cho những nhà bác học như Niu-tơn hoặc Ô-le.

Ở đây, những khả năng cao nhất của trí tuệ phải làm những gì? Nó phải tổng

hợp và phán đoán được ở trình độ rất cao, như một nhãn quan tuyệt diệu của trí tuệ. Nó lướt qua và đẩy xa ra ngoài tầm bay của nó hàng ngàn khái niệm lơ mờ mà một bộ óc tầm thường phải rất khó khăn mới tìm thấy được (bộ óc tầm thường ấy còn bị tàn lụi đi nếu gặp những khái niệm trên). Nhưng, cái hoạt động cao cấp ấy của trí tuệ, cái nhãn quan thiên tài ấy sẽ không có giá trị lịch sử gì nếu không được những phẩm chất của tính tình và của tính cách (chúng tôi đã nói ở trên) giúp đỡ.

Đối với con người, bản thân chân lý là một động cơ vô cùng yếu ớt; vì vậy có sự khác nhau rất lớn giữa hiểu biết và ý chí; giữa hiểu biết (*savoir*) và khả năng (*pouvoir*). Tình cảm thúc đẩy con người

hành động mạnh nhất. Tính quyết đoán, sự vững chắc, lòng kiên trì, tính cương nghị tức là sự hòa hợp giữa tâm hồn và trí óc, chỉ viện mạnh mẽ nhất cho con người.

Ngoài ra, nếu hoạt động trí óc và tinh thần của người chỉ huy không biểu hiện được ưu thế của mình vào trong kết quả cuối cùng của sự nghiệp và chỉ ứng dụng được ở sự trung thành, ở lòng tin tưởng, thì ít khi nó thành một hiện tượng lịch sử.

Thường thường, tất cả những điều người ta biết trong quá trình diễn biến của các hiện tượng chiến tranh đều rất đơn giản. Lúc kể lại thì các sự việc đều rất giống nhau và không ai tưởng tượng

được ra những khó khăn đã phải vượt qua. Chỉ đôi lúc, qua các hồi ký của các nhà quân sự hay của một trong những người thân tín của ông ta, hoặc nhân một cuộc nghiên cứu lịch sử về một sự kiện đặc biệt, một phần trong vô số sợi chỉ dệt thành sự kiện mới được đưa ra ánh sáng. Phần lớn các cố gắng và các cuộc đấu tranh tư tưởng trước lúc thi hành một kế hoạch quan trọng được cố tình giấu đi bởi vì nó đụng chạm đến các quyền lợi chính trị, đó là chưa kể đến trường hợp ngẫu nhiên nó bị lãng quên, bởi lẽ người ta cho nó chỉ là cái giàn giáo cần phải hủy bỏ sau khi đã xây xong tòa lâu đài.

Nếu người ta chỉ nghĩ đến sự khác nhau giữa các khả năng trí tuệ như các khái niệm thông thường đã được cố định

trong ngôn ngữ mà không nghĩ đến việc định nghĩa một cách chính xác hơn những lực lượng cao nhất của tâm hồn, và nếu người ta tự hỏi xem loại trí tuệ nào phù hợp nhất với thiên tài quân sự, thì kinh nghiệm và việc nghiên cứu vấn đề cho ta biết rằng: trong thời kỳ chiến tranh, người ta thường hay giao phó việc bảo vệ anh chị em, con cái chúng ta cùng với danh dự và an ninh của Tổ quốc cho những bộ óc tìm tòi, nghiên cứu kỹ càng hơn là sáng tạo, cho những bộ óc có kiến thức rộng hơn là chỉ thạo về một mặt chuyên môn, cho những bộ óc trầm mặc hơn là nồng nhiệt.

Chương 4

BÀN VỀ SỰ NGUY HIỂM TRONG CHIẾN TRANH

Trước khi biết đến nguy hiểm, người ta thường tưởng rằng nó hấp dẫn hơn là đáng ghê sợ. Xông vào quân thù theo nhíp xung trận, ngây ngất vì phần khởi - lúc đó ai nghĩ đến đạn réo và người ngã? Nhắm mắt lại để lao mình đến trước cái chết lạnh giá, không cần biết là mình hay người khác ai sẽ còn sống - và tất cả điều đó diễn ra trước ngưỡng cửa vàng son của chiến thắng cuối cùng, kết quả ngon lành của tham vọng, điều mà ta ao ước đã đến gần tầm tay của chúng ta - điều ấy có khó không? Đương nhiên là không khó nhưng cũng không phải dễ như

người ta tưởng. Những khoảnh khắc ấy không phải là kết quả của một sự thúc đẩy đơn độc như người ta có thể lầm tưởng, nhưng phải coi đó là một thang thuốc đã bị thời gian làm hư hỏng và loãng ra. Những khoảnh khắc ấy rất hiếm có.

Chúng ta hãy theo người lính mới ra chiến trường. Càng đến gần, tiếng đại bác gầm lên càng rõ và hòa lẫn với tiếng đạn réo, khiến cho anh lính thiếu kinh nghiệm càng phải chú ý. Đạn rơi rất gần chúng ta. Chúng ta hãy leo lên ngọn đồi, trên ấy có vị tướng chỉ huy và ban tham mưu đông đảo của ông ta. Đạn trái phá nổ gần chúng ta lắm rồi, lựu đạn nổ dồn dập đến nỗi khía cạnh nghiêm túc của cuộc sống lại chiếm lấy trí óc non nớt

của cậu lính mới. Bỗng nhiên, một trong những người quen biết của ta ngã xuống - một trái lựu đạn rơi vào giữa một nhóm người, gây nên một sự xao xuyến vô tình - người ta tự thấy bớt bình tĩnh, bớt nhanh trí đi một chút, và ngay cả người can đảm nhất ít ra cũng bị lúng túng. Bước thêm một bước, chúng ta hoàn toàn tiến vào chiến trận đang bùng cháy xung quanh; bây giờ ai nấy đều tưởng như mình đang đứng trước sân khấu thực sự, và chúng ta giáp mặt với vị tướng chỉ huy sư đoàn gần nhất. Ở đây, đạn réo không ngừng và tiếng súng của chính chúng ta nổ làm cho cảnh hỗn độn tăng thêm. Chúng ta hãy tạm biệt vị tướng chỉ huy sư đoàn và đến gặp vị tướng chỉ huy lữ đoàn. Có tiếng là anh dũng, ông này

khôn khéo đứng sau một ngọn đồi, một ngôi nhà hay một vài gốc cây: đó là những dấu hiệu chắc chắn, chứng tỏ rằng nguy hiểm đã tăng lên nhiều. Đạn nổ trên các mái nhà và các cánh đồng, trái phá bay khắp nơi xung quanh ta, trên đầu ta, và đã nghe thấy rõ cả tiếng nổ của đạn súng trường. Chúng ta hãy đến gần hàng ngũ quân đội hơn nữa, gần tuyến bộ binh kiên nhẫn vô song đã từng đứng hàng mấy giờ dài đằng dặc dưới làn mưa đạn. Đạn bay dày đặc trong không gian. Chúng ta biết đường đạn đi vì tiếng ngắn gọn và nhọn hoắt của nó lướt qua tai và qua cả tâm hồn mình. Hơn nữa, quang cảnh người bị thương, người ngã xuống còn làm cho trái tim đang đập mạnh của chúng ta càng thêm trắc ẩn.

Người chưa có kinh nghiệm, qua các vùng có mật độ nguy hiểm khác nhau, không thể không thấy rằng ánh sáng của lý trí ở đây chuyển động trong một môi trường khác và tự phản chiếu một cách khác nếu nó hoạt động theo lối thuần lý. Phải là một người phi thường mới không mất năng lực quyết đoán tức thời trong cuộc gặp gỡ đầu tiên ấy. Nói cho đúng, thói quen cũng mau dẫn đến sự vô tình; độ khoảng nửa giờ, người ta đã ít nhiều thờ ơ với tất cả các cái gì xảy ra xung quanh. Nhưng người bình thường không bao giờ đạt được tính lạnh lùng hoàn toàn và tính đàn hồi tự nhiên của tâm hồn^[22]. Người ta bắt buộc phải thừa nhận rằng: ở đây cũng vậy, những đức tính bình thường không còn đáp ứng

được nữa. Chân lý này càng rõ thêm khi môi trường hoạt động mở rộng hơn. Một sự anh dũng bẩm sinh, đầy phấn khởi và trầm tĩnh, một tham vọng không cưỡng được hoặc một thói quen lâu dài với nguy hiểm, tất cả những điều trên đều rất cần để, giữa những khó khăn ngày càng nhiều, mọi hoạt động của chúng ta không nằm lại ở dưới mức độ mà người ta cho là bình thường giữa bốn bức tường.

Nguy hiểm thuộc phạm vi cộ sát trong chiến tranh. Muốn hiểu nó đến nơi đến chốn thì phải có ý niệm đúng về nó. Vì vậy chúng tôi thấy cần đề cập đến vấn đề đó ở đây.

Chương 5

SỰ CĂNG THẲNG VỀ THỂ LỰC TRONG CHIẾN TRANH

Trong lúc người ta cóng vì lạnh, gần chết vì nóng nực và đói khát, kiệt sức vì thiếu thốn và mệt nhọc, mà lại phải cho ý kiến về chiến tranh thì chắc chắn là ý kiến khách quan sẽ bớt đi rất nhiều. Nhưng ít nhất những ý kiến này cũng đúng về chủ quan, nghĩa là nó chứa đựng mối quan hệ đúng đắn giữa người phê phán và đối tượng bị phê phán. Người ta nhận rõ điều này khi người ta thấy rằng những người được chứng kiến những biến cố quan trọng đều có khuynh hướng coi thường nó, giảm bớt nó đi và nhìn nó dưới một góc độ tầm thường, nhất là khi

bản thân họ cũng dính líu đến những biên cố ấy. Theo ý chúng tôi, đó là một chứng cứ về ảnh hưởng của sự căng thẳng về thể lực, và đó cũng là chứng cứ để tỏ ra rằng cần phải chú ý đến vấn đề này trước khi nhận xét.

Không mệnh lệnh cảnh sát nào có thể quy định được mức độ của số lớn những yếu tố, nhưng cần phải chú ý đầu tiên đến một yếu tố lớn: sự căng thẳng về thể lực. Với điều kiện là không lãng phí, đó là hệ số của tất cả các lực lượng [\[23\]](#), và không có ai nói trước được rằng cần phải đẩy cố gắng lên đến đâu. Nếu chỉ có sức mạnh của cánh tay - và đây là điều đáng chú ý - mới cho phép người bắn cung giương dây cung mạnh hơn thì cũng chỉ

có một tinh thần cương nghị mới có thể động viên cao độ các lực lượng của quân đội đang tác chiến. Bởi vì, sau những tai họa lớn, một quân đội lúc nào cũng bị nguy hiểm đe dọa sẽ đi đến chỗ tan rã như một bức tường mục nát, và chỉ có thể tự cứu mình bằng cách căng ra đến cao độ những lực lượng vật chất. Còn đối với một quân đội thắng trận thì lại khác hẳn: nó rất kiêu hãnh, tự hào và người chỉ huy có thể lãnh đạo nó theo ý muốn của mình. Nếu trong trường hợp thứ nhất, sự cố gắng chỉ làm cho ta thương hại thì trong trường hợp thứ hai nó lại làm cho ta khâm phục, vì khó duy trì hơn.

Con mắt không kinh nghiệm thấy xuất hiện ở đây một trong những sự kiện trói buộc một cách khó hiểu những sự

vận động của trí óc, và bí mật gặm dần các lực lượng của tinh thần.

Tuy về thực chất, đây chỉ nói về vấn đề: sự cố gắng mà một vị tướng đòi hỏi ở quân đội, và người cầm đầu đòi hỏi ở cấp dưới, nghĩa là sự dũng cảm và nghệ thuật duy trì sự dũng cảm ấy, nhưng ta cũng không nên coi thường sự căng thẳng về thể lực của một người chỉ huy và của bản thân vị tướng. Đến đây, sau khi phân tích kỹ càng về vấn đề chiến tranh, ta cần phải chú ý đến tầm quan trọng của cái phần tử còn lại^[24] ấy.

Nếu chúng tôi đã nói về sự căng thẳng về thể lực thì chính là vì, cũng như nguy hiểm, nó là một nguyên nhân căn bản của sự cọ xát, và vì người ta không

biết chắc mức độ của nó nên nó cũng gần giống như những vật thể đàn hồi; người ta rất khó tính toán sự ma sát của các vật thể này.

Đề đề phòng những lạm dụng mà người la có thể phạm phải vì những ý kiến trên, vì những tình huống làm cho sự nguy hiểm trong chiến tranh thêm nghiêm trọng, tạo hóa đã giao cho tình cảm của chúng ta trách nhiệm hướng dẫn sự suy xét của mình. Một con người bị hành hạ hoặc lẳng nhục sẽ chẳng có lợi gì nếu đem phơi bày chỗ yếu của mình, trái lại anh ta hoàn toàn có thể làm như thế nếu anh ta có một cách chống trả tốt hoặc một cách trả thù nổi bật. Cũng giống như vậy, một người chỉ huy quân sự hay một quân đội không bao giờ có thể giảm bớt hậu

quả của một sự thất bại nhục nhã bằng cách phô trương những nguy hiểm, sự đói khổ và những cố gắng của mình, tuy chính những điều này lại làm rạng rỡ thêm chiến thắng. Vậy tình cảm căm không cho ta nghĩ đến một sự công bằng hình thức trong lúc lý trí bắt ta nghiêng về phía đó và ở đây, chính cái tình cảm ấy lại là một sự suy xét ưu việt.

Chương 6

TÌNH BÁO TRONG CHIẾN TRANH

Danh từ “tình báo” chỉ toàn bộ sự hiểu biết của chúng ta về địch và xứ sở của chúng: đó là nền tảng, trên đó xây dựng ý kiến và hành vi của chúng ta. Chỉ cần đi sâu vào bản chất của nền tảng ấy, về sự lờ mờ và không ổn định của nó, thì người ta sẽ cảm thấy rất mau chóng rằng chiến tranh là một lâu đài rất mỏng manh, chỉ cần những khó khăn rất nhỏ cũng đủ làm nó sụp đổ và chôn vùi chúng ta trong đồng hoang tàn. Bởi vì, nếu mọi thứ sách vở đều dạy ta rằng: chỉ có thể tin vào những nguồn tin tức chắc chắn và bao giờ cũng phải cảnh giác, thì đó chỉ là một lời khuyên thuần túy sách vở, chỉ là một thứ khôn ngoan làm nơi ẩn náu cho các

tác giả tôi, sáng tác ra các hệ tư tưởng và sách vở tôi.

Những tin tức đến tay chúng ta trong thời kỳ chiến tranh phần lớn trái ngược với nhau và phần lớn sai với sự thật, phần lớn không đáng tin cậy. Về vấn đề này, người ta chỉ có thể đòi hỏi người sĩ quan phải sáng suốt đến mức độ nào đó. Sự sáng suốt ấy chỉ dựa vào sự thành thạo về tâm lý, về nghề nghiệp và khả năng suy xét. Khi đánh giá các tin tức khác nhau, phải dựa vào tính chất có thể xảy ra của chúng. Khó khăn này không phải là không đáng kể khi xét đến những kế hoạch đầu tiên được dựng lên trong phòng kín và ngoài khu vực có chiến tranh thực sự; nhưng khó khăn lại càng vô cùng lớn hơn khi tin tức đến liên tiếp

giữa cảnh hỗn loạn của chiến tranh. Chúng ta hãy hài lòng khi nào, may mắn lắm, những tin tức này tuy trái ngược nhau song lại dẫn đến một sự cân bằng làm cho người chưa biết tới chúng có thể phê phán được một cách dễ dàng, tự nhiên. Điều kiện sẽ tồi tệ hơn nhiều nếu rủi mà mỗi tin tức mới đến lại nhấn mạnh, xác nhận, mở rộng thêm tin tức trước. Những tin tức ấy cũng như những màu sắc phụ, tô vẽ thêm cho một bức tranh; cùng với sự đòi hỏi của tình hình, nó làm cho anh ta phải quyết định ngay tức khắc và quyết định ấy rất mau trở thành một điều phi lý, cũng như các tin tức trên trở thành láo toét, bị thổi phồng, sai lầm, v.v. Tóm lại, phần lớn tin tức là sai sự thật, và tính bạc nhược của con

người lại là một nguồn tin láo toét và bậy bạ mới. Nói chung, mọi người thường hay tin vào những tin tức xấu hơn là những tin tức tốt. Mọi người có xu hướng thổi phồng những tin tức xấu, đến nỗi những tin tức nguy hiểm truyền đi chồng chất lên nhau không ngừng như sóng biển; và cũng như sóng biển, chúng quật trở lại ta mà không có nguyên nhân rõ ràng. Vững vàng và tin tưởng vào sự hiểu biết tình hình, người chỉ huy phải đứng vững như bàn thạch mặc cho sóng vỗ xung quanh. Đó là một nhiệm vụ khó khăn. Người nào mà trời chưa phú cho một trái tim trầm tĩnh và tài năng chưa được kinh nghiệm quân sự tôi luyện, chứng thực thì cần phải theo một quy tắc: tránh xa con đường sợ hãi, hướng về

phía hy vọng, mặc dù lòng tin bên trong của mình là thế nào đi nữa. Chỉ có cách ấy mới bảo đảm cho mình một thể cân bằng thực sự. Nếu ta nhìn thẳng vào khó khăn ấy một cách đúng đắn (khó khăn này là một trong những sự cọ xát lớn nhất trong chiến tranh), thì các sự kiện sẽ xuất hiện dưới một ánh sáng hoàn toàn khác hẳn.

Những cảm tưởng đó do giác quan đưa lại đều mạnh hơn những quan niệm do sự tính toán, suy nghĩ đưa tới. Đến nỗi, người chỉ huy khi nào cũng phải khắc phục những nghi ngờ mới, lúc bắt đầu thực hiện những mưu đồ quan trọng. Như vậy, con người bình thường thường hay tuân theo sự gợi ý bên ngoài và luôn luôn bị thực tiễn của các sự kiện làm cho

dao động. Anh ta cứ tưởng mình phải đương đầu với những điều kiện khác với những điều kiện mà anh ta tưởng tượng ra trước, nhất là anh ta lại hay bị người khác thúc giục. Song le, tác giả của một bản dự án lại hay bị lạc hướng khi chính mình nhìn vào bản dự án ấy. Anh ta cần giữ vững lòng tự tin không thể lay chuyển được làm thành trì chống lại sự thúc đẩy tạm thời bên ngoài. Những sự tin tưởng vững chắc lúc đầu của anh ta sẽ được xác minh trong quá trình tiến triển của sự vật, khi cái bình phong đặt ở phía trước sân khấu chiến tranh bị mất đi cùng một lúc với bao nhiêu nguy hiểm đã được tô vẽ thêm lên bằng nhiều màu sắc sắc sỡ, và cũng là lúc chân trời đã rộng mở. Đó là một trong những vực sâu ngăn cách

bản *dự án* với sự *thực hiện* bản dự án
ấy.

Chương 7

CỌ XÁT TRONG CHIẾN TRANH

Trong lúc bản thân mình chưa biết đến chiến tranh, người ta không nhận thức được tất cả những khó khăn và cũng không thể hiểu được rằng người chỉ huy cần thiên tài và khả năng trí tuệ phi thường để làm gì? Tất cả đều có vẻ đơn giản, tất cả những hiểu biết đều có vẻ nông cạn, tất cả những sự bố trí đều có vẻ vô nghĩa đến nỗi bài toán cao cấp nhỏ nhất cũng có vẻ có uy tín hơn, vì có vẻ khoa học hơn. Nhưng, khi người ta đã biết thế nào là chiến tranh thì mọi việc đều trở nên dễ hiểu. Song, rất khó miêu tả tại sao lại có sự thay đổi đó, rất khó nói rõ về cái yếu tố vô hình nhưng luôn luôn gây ra tác động đó.

Trong chiến tranh, tất cả đều đơn giản, nhưng cái đơn giản nhất lại là cái khó. Những khó khăn tích lũy và kéo theo chúng một sự cọ xát mà không ai hiểu được đúng đắn nếu chưa thấy chiến tranh. Ta hãy nghĩ đến người đi đường, sau một ngày đi bộ, tối đến còn muốn đi hai trạm nữa. Bốn hay năm giờ đi xe trên một đoạn đường: điều này không có nghĩa lý gì đối với anh ta. Nhưng trước khi đến chặng đường cuối, anh ta không tìm được ngựa hoặc chỉ được ngựa tồi; tiếp đó lại đến một vùng rừng núi, đường xấu. Trời tối đen, và người đi bộ rất lầy lội làm sung sướng đến trạm gần nhất, dù ở đó chỗ nghỉ chân tồi tàn cũng được. Trong chiến tranh cũng vậy, cái gì cũng hạ mức xuống vì có hằng hà sa số tình

huống thứ yếu mà người ta chỉ có thể xem xét trên giấy tờ, bởi thế người ta luôn luôn ở cách mục đích khá xa. Một ý chí mạnh mẽ, sắt đá vượt qua được sự cọ xát ấy; nó nghiền nát mọi trở ngại, nhưng cả bộ máy (quân sự - ND) cũng đi qua đây nốt. Chúng tôi sẽ có dịp nói nhiều về kết quả của sự cọ xát này. Ý chí cương nghị của một bộ óc đầy tự tôn đứng sừng sững, với mọi vẻ cao đẹp của nó ở trung tâm của nghệ thuật quân sự, như một đài kỷ niệm mà mọi đường phố trong thị trấn đều dẫn tới đó.

Khái niệm về cọ xát là khái niệm độc nhất phù hợp một cách tổng quát với sự phân biệt giữa chiến tranh thực sự và chiến tranh trong sách vở. Bộ máy quân sự, nghĩa là quân đội và tất cả những gì

phụ thuộc vào đó, nói cho cùng đều rất đơn giản và hình như dễ điều khiển. Nhưng phải nhớ rằng: không bộ phận nào của chiến tranh lại chỉ có một chi tiết, rằng tất cả đều gồm có nhiều cá nhân mà mỗi cá nhân lại duy trì sự cộ xát của bản thân mình dưới mọi hình thái của nó. Nghe lý thuyết thì cũng khá hay: người tiểu đoàn trưởng chịu trách nhiệm về mệnh lệnh đã phát ra, kỷ luật gắn toàn tiểu đoàn thành một khối và người chỉ huy phải là người rất nhiệt tình. Tất cả đều giống như quả lắc đưng đưng trên cái trục sắt của nó, với sự cộ xát ít nhất. Nhưng thực tế lại khác hẳn. Trong chiến tranh thường thiếu sự chân thực và việc thổi phồng các sự kiện thường lộ ra ngay lập tức. Cả tiểu đoàn vẫn là một khối hỗn

hợp gồm một số người nào đó, và nếu có yếu tố ngẫu nhiên can thiệp vào thì một kẻ bất tài nhất cũng có thể bắt nó ngừng chạy hoặc chạy không đều. Những nguy hiểm do chiến tranh đưa đến, những căng thẳng về thể lực do chiến tranh đòi hỏi làm cho khó khăn trở nên nghiêm trọng đến nỗi người ta có thể cho đây là nguyên nhân chính của mọi khó khăn, đau khổ.

Người ta không thể tập trung sự ma sát quá mức ấy vào một số điểm nhất định như trong khoa cơ khí, bởi vậy ở chỗ nào cũng có sự tiếp xúc với ngẫu nhiên. Sự ma sát ấy sinh ra nhiều hiện tượng không thể đoán trước, chính vì nó phụ thuộc phần lớn vào ngẫu nhiên. Thí dụ: một trong những yếu tố ngẫu nhiên đó

là thời tiết. Khi thì sương mù không cho phép ta phát hiện kẻ địch đúng lúc hoặc không cho một khẩu đại bác nổ đúng giờ quy định, không cho một bức thư đến tay người chỉ huy. Khi thì trời mưa khiến một tiểu đoàn không đến đúng vị trí và một tiểu đoàn khác không đến đúng lúc, vì đáng lẽ chỉ mất ba giờ thì nó đã phải đi đến tám giờ. Khi thì trời mưa lại làm cho kỵ binh xung phong không hiệu quả vì ngựa bị lún sâu vào bùn đất lầy lội, v.v.

Một vài chi tiết nêu lên kể trên cốt chỉ để nói lên một cách chính xác về các sự kiện nhằm làm cho người viết và người đọc đều chú ý đến vấn đề này. Nếu không, cần phải viết nhiều tập sách nói về những khó khăn đã kể.

Để có một ý niệm chính xác về vô số khó khăn nhỏ mà chiến tranh bắt buộc phải khắc phục, chúng tôi cần minh họa bằng nhiều thí dụ mà chúng tôi sợ rằng bạn đọc dễ phát ngán. Còn đối với những người đã hiểu chúng tôi từ lâu, đề nghị họ miễn thứ cho chúng tôi vì đã kể ra một vài thí dụ như vậy.

Hành động trong chiến tranh là một cuộc vận động được thực hiện trong một môi trường bị nhiều khó khăn làm cho trầm trọng thêm. Nếu như người ta không thể bước đi trong nước một cách dễ dàng và chính xác (mặc dầu đi lại là một cử chỉ đơn giản và tự nhiên) thì trong chiến tranh người ta cũng không thể bảo đảm cho công việc chạy đều (mặc dầu với tốc độ trung bình) nếu người ta chỉ dùng

những lực lượng bình thường. Đó là nguyên cớ tại sao nhà lý luận chân chính lại như một nhà dạy bơi bắt ta làm các cử động ấy có vẻ kỳ cục và thái quá đối với những người không nghĩ đến nước. Và cũng do đó, tại sao những nhà lý luận chưa bao giờ tự mình nhảy xuống nước hoặc không biết rút ra từ kinh nghiệm bản thân một ý niệm chung nào lại là những nhà lý luận vô ích (để không nói là lố lằng), bởi vì họ chỉ dạy những điều mà ai cũng đều biết cả rồi: cách đi trên mặt đất.

Ngoài ra, cuộc chiến tranh nào cũng có vô số hiện tượng đặc biệt, bởi vậy mỗi cuộc chiến tranh là một biển cả chưa được khai phá, lởm chởm đá ngầm mà người chỉ huy có thể cảm thấy nhưng

chính mắt lại chưa nhìn thấy bao giờ, hơn nữa ông ta lại phải vượt qua nó trong đêm tối. Nếu có cơn gió ngược chiều nổi lên, nói một cách khác: nếu có một sự ngẫu nhiên lớn chống lại, thì ông ta cần phải có nghệ thuật cao siêu, phải nhanh trí hết sức và cố gắng rất nhiều; nhưng mọi việc lại đều có vẻ êm thấm dưới mắt những kẻ đứng từ xa nhìn lại. Kinh nghiệm quân sự mà người ta hay đề cao và đòi hỏi ở một người tướng giỏi gồm phần lớn những hiểu biết về sự cọ xát ấy. Nói cho đúng, người tướng ưu tú không phải là người gây ra ý nghĩ quá đáng, khiến người ta sợ sự cọ xát ấy - trường hợp này xảy ra ở những ông tướng rụt rè, quá thận trọng, trong số đó loại có nhiều kinh nghiệm thường phạm phải nhiều

nhất. Người tướng phải biết đến sự cò xát để chiến thắng nó lúc có thể, và chính vì sự cò xát ấy nên ông ta đừng nên chờ đợi một sự chính xác không thể có được trong hành động của mình. Người ta không bao giờ có những hiểu biết lý thuyết đầy đủ về sự cò xát và ngay khi có những hiểu biết như thế, người ta vẫn luôn luôn thiếu sự rèn luyện của tư duy mà người ta gọi là sự lịch duyệt. Sự lịch duyệt này rất cần thiết trong một lĩnh vực đầy rẫy những chi tiết nhỏ nhất và khác nhau, còn trong những quyết định lớn thì bản thân mình có thể tự nghiên cứu hoặc hỏi ý kiến người khác. Cũng giống như con người thanh lịch luôn luôn nói, làm và cư xử theo đúng kiểu cách nhờ ở sự lịch duyệt đã trở thành thói quen suy nghĩ

của mình, chỉ những sĩ quan có nhiều kinh nghiệm về chiến tranh mới có những quyết định và cách bố trí thích hợp trong những trường hợp lớn, nhỏ khác nhau. Kinh nghiệm ấy, sự rèn luyện ấy hướng dẫn cho sự vận động của tư tưởng biết rõ điều nào là có thể và điều nào là không thể làm được. Như vậy, khó khăn không thể làm cho anh ta bị lung lay. Khó khăn vẫn đáng sợ vì nó làm ta bị lung lay, nếu nó xảy ra luôn.

Vậy thì sự cọ xát, hay cái mà người ta gọi như vậy, là cái gì làm cho những điều có vẻ dễ trở thành khó. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này; người ta sẽ thấy rằng muốn trở thành một người chỉ huy quân sự hoàn hảo thì ngoài kinh nghiệm và nghị lực, cần phải có nhiều đức tính đặc

biệt khác nữa.

Chương 8

KẾT LUẬN CỦA TẬP I

Chúng ta đã thấy rằng sự nguy hiểm, sự căng thẳng về thể lực, tình báo và cộ xát là những yếu tố tạo thành không khí chiến tranh, nó làm cho mọi hoạt động trở nên khó khăn hơn. Các yếu tố ấy chống lại các hoạt động trên, và căn cứ vào đó ta có thể tóm tắt chúng lại trong công thức của một sự cộ xát tổng quát. Nhưng có thứ dầu mỡ nào làm dịu bớt được sự cộ xát ấy không? Có một thứ mà không một vị tướng, một quân đội nào có thể tùy ý sử dụng theo quyền hạn của mình: đó là kinh nghiệm, là sự dày dặn trong chiến tranh. Sự dày dặn làm cho thân thể mạnh mẽ hơn lên trong sự căng thẳng về thể lực, làm cho tinh thần mạnh

mẽ hơn lên khi tiếp xúc với nguy hiểm, cũng như sự phán đoán làm cho người ta cảnh giác với cảm tưởng đầu tiên. Từ người lính bộ binh, pháo binh cho đến vị tướng chỉ huy sư đoàn, đều rút từ đó ra được một năng lực tư duy quý báu, làm cho công việc của người tổng chỉ huy dễ dàng hơn nhiều.

Trong đêm tối, con người của mắt mở rộng, nó thu hút chút ít ánh sáng còn lại, đến nỗi sau đó dần dần con mắt có lúc ít nhiều phân biệt được các đồ vật, và rốt cuộc cũng thấy đường đi một cách dễ dàng. Đối với người lính quen chiến trận cũng vậy, còn người mới tập sự thì chỉ thấy đêm tối mù mịt mà thôi.

Quen chiến trận là một việc mà

không người chỉ huy nào có thể ban phát cho quân đội mình, vì những cuộc tập trận trong thời bình chỉ thay thế được chiến tranh đến một mức độ rất ít. Nó ít so với kinh nghiệm thực sự của chiến tranh, nhưng lại không ít đối với một quân đội mà người ta chỉ cần dạy như dạy thú để đạt một sự thành thạo máy móc. Làm thế nào để một phần các cơ hội cọ xát đó trở thành nội dung của các cuộc tập luyện thời bình, làm thế nào để năng lực phán đoán, suy nghĩ, quyết định của những người chỉ huy khác nhau được thử thách, đó là những điều có tầm quan trọng nhiều hơn là người ta tưởng, nhất là đối với những người chỉ biết phong thanh về chiến tranh.

Đây là một điều hết sức quan trọng:

không nên để cho người lính chỉ tiếp xúc với thực tế khi đã xảy ra chiến tranh, vì mới tiếp xúc với thực tế lần đầu thì bao giờ cũng dễ bị bất ngờ và lúng túng. Trước khi có chiến tranh, nếu chỉ thấy thực tế có một lần thôi, anh ta cũng đã làm quen với nó được một nửa rồi. Điều này cũng đúng đối với những sự căng thẳng về thể lực. Cần phải luyện tập để cho thân thể và nhất là trí óc quen với chiến tranh. Trong chiến tranh, người lính mới hay có xu hướng coi việc đòi hỏi anh ta phải cố gắng quá sức như một hậu quả của những lỗi lầm và sơ suất lớn của các chỉ huy tối cao; điều đó còn làm cho tinh thần anh ta sa sút gấp bội. Nếu trong thời bình, anh ta được tập luyện cho quen với những cố gắng bất thường

ấy thì sẽ không xảy ra như thế.

Để xây dựng những thói quen thời chiến trong thời bình, còn có một biện pháp khác nữa, tuy không có tầm lớn như vậy song cũng không phải là kém quan trọng; đó là: kêu gọi các sĩ quan có kinh nghiệm của các quân đội khác đến giúp đỡ. Ít khi có hòa bình ở toàn bộ châu Âu, còn ở các lục địa khác thì chiến tranh không bao giờ chấm dứt. Bởi vậy, một nhà nước đã từng sống trong hòa bình lâu dài nên mời các sĩ quan từ các chiến trường ở các nước khác đến (với điều kiện: họ là những sĩ quan giỏi), hoặc phái sĩ quan của mình đến đó để làm quen với chiến trận.

Số lượng những sĩ quan này có thể

không có nghĩa lý gì so với đông đảo quân đội, nhưng ảnh hưởng của họ sẽ không phải là ít... Kinh nghiệm, hướng suy nghĩ, tính cách của họ được rèn giũa, sẽ tác động đến cấp dưới cũng như đến bạn bè của họ. Ngoài ra, ngay khi không thể để họ phụ trách những chức vụ quan trọng, người ta cũng có thể coi họ là những người thông thạo các chiến trường nhất định, trong nhiều trường hợp họ có thể cung cấp nhiều ý kiến có ích.

Chú thích:

[1] Điều kiện phụ thuộc (circonstances concomitantes): những điều kiện phụ thuộc của xã hội văn minh hoặc dã mang - N.D.

[2] Những cuộc chiến tranh thời Napô-lê-ông - N.D.

[3] Bản tiếng Pháp: royaume de l'abstraction. Dịch sát nghĩa là: vương quốc của trừu tượng - N.D.

[4] Lê-nin đã trích cả đoạn này vào bài Bút ký (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[5] Ca-mê-lê-ông (caméléon): một loại tắc kè có thể thay đổi màu da theo

màu cây xung quanh khi gặp nguy hiểm - N.D.

[6] Vì Ba ngôi (trinité): theo kinh thánh, Chúa Trời gồm có ba ngôi: Cha, Con, Thánh thần - N.D.

[7] Bản tiếng Pháp: “Le jeu du courage et du talent”, dịch sát nghĩa là: “trò chơi dũng cảm và tài năng - N.D.

[8] Ý tác giả muốn nói: trong chiến tranh, bên nào còn đủ lực lượng để chưa hoặc ít muốn hòa bình hơn bên kia, bên ấy sẽ có lợi - N.D.

[9] Ý tác giả muốn nói: trong chiến tranh, bên nào còn đủ lực lượng để chưa hoặc ít muốn hòa bình hơn bên kia, bên ấy sẽ có lợi - N.D.

[10] Ý muốn nói công tác hậu cần và các thứ công tác khác - N.D.

[11] Tác giả viết bằng tiếng Pháp trong nguyên bản tiếng Đức. Khái niệm này ở giữa “trực giác”.

[12] Tác giả viết bằng tiếng Pháp trong nguyên bản tiếng Đức.

[13] Tác giả viết bằng tiếng Pháp trong nguyên bản tiếng Đức.

[14] Đối trọng: một trọng lượng nối liền với một trọng lượng khác bằng một đòn bẩy - N.D.

[15] Bản tiếng Pháp: l'oblation repose sur la jouissance de l'objet. Dịch sát nghĩa là: tính ngoan cố dựa vào sự

hường thụ của mục tiêu.

[16] Bản tiếng Pháp: l'ennemi est généralement logé à la même enseigne. Dịch sát nghĩa: kẻ địch đại để cũng ở trong cùng một cửa hiệu.

[17] Ý của tác giả: có trí tưởng tượng thì mới có một hình ảnh tổng hợp và cụ thể về địa hình nơi tác chiến. Đó là điều rất cần thiết. Không nên cho như vậy là đánh giá thấp hoặc coi thường trí tưởng tượng. Tác giả mỉa mai những nhà thơ và họa sĩ có quan niệm cho rằng trí tưởng tượng chỉ nặn ra những cái gì cao siêu, không có trong thực tế - N.D.

[18] Puy-xê-guya: Giắc Phrăng-xoa dờ Sa-xtơ-nê, bá tước Puy-xê-guya (1655 - 1743), thống chế nước Pháp từ

1734, tác giả cuốn “Nghệ thuật chiến tranh theo nguyên tắc và quy tắc” (1743).

[\[19\]](#) Công tước Luy-xăm-buốc (1628- 1695): học trò của Công-dê, thống chế nước Pháp từ 1675.

[\[20\]](#) Ý tác giả muốn nói: bực hậu quân địch là việc tất nhiên, phải làm, không cần phải suy nghĩ nhiều N.D.

[\[21\]](#) Hăng-ri IV: Hăng-ri đờ Na-va, vua nước Pháp. Năm 1598, đã ký sắc lệnh công nhận đạo Can-vanh (Tân giáo) là đạo hợp pháp để điều hòa mâu thuẫn và chấm dứt nội chiến giữa đạo này với đạo Gia-tô (Cựu giáo).

Tác giả muốn nói: tính cách nghĩa hiệp của Hăng-ri IV chỉ có tác dụng ở trong nước Pháp, chứ chưa có thời gian để

phát huy ra ngoài nước - N.D.

[\[22\]](#) Ý tác giả muốn nói: tâm hồn vẫn bình thường, vẫn an hiểu được các sự kiện ở xung quanh như thường lệ - N.D.

[\[23\]](#) Ý tác giả muốn nói: các lực lượng được nhân lên gấp bội vì sự căng thẳng về vật chất N.D.

[\[24\]](#) Bản tiếng Pháp: stories, nghĩa đen là cặn bã, cứt sắt - N.D.

TẬP II

LÝ THUYẾT CHIẾN TRANH

Chương 1

BÀN VỀ NGHỆ THUẬT CHIẾN TRANH

Với nghĩa hẹp, chiến tranh chỉ là một cuộc chiến đấu.

Chiến đấu là hành động duy nhất có tính chất quyết định của các hoạt động nhiều màu nhiều vẻ, mà nói với nghĩa rộng hơn, người ta gọi là chiến tranh. Lại còn phải làm sao thông qua những hoạt động ấy để đánh giá cho đúng sức mạnh vật chất và tinh thần của đối phương. Dĩ nhiên không bao giờ được coi nhẹ yếu tố tinh thần vì trạng thái tâm lý có tác động quyết định đối với động lực chiến tranh.

Từ rất sớm, nhu cầu trong chiến đấu

đã thúc đẩy loài người phải có những phát minh nhằm đem lại cho mình những ưu thế trong chiến đấu, và cũng từ đó biết bao nhiêu cải biến vĩ đại đã được tiến hành. Nhưng dù cho tính chất của chiến đấu là thế nào đi nữa thì nó cũng chẳng hề mấy may làm thay đổi khái niệm của vấn đề vì chính bản thân nó đã cấu thành chiến tranh.

Những phát minh về vũ khí và tổ chức quân đội là những phát minh chủ yếu. Khi chiến tranh chưa bùng nổ, phải chế tạo vũ khí và huấn luyện quân đội. Bản chất của chiến đấu quyết định các công việc trên, và các công việc trên lại phải tuân theo những quy luật của bản chất của chiến đấu. Những công việc trên mới chỉ là sự chuẩn bị, chưa phải thực

sự là cuộc chiến đấu. Rõ ràng, vũ khí, khí tài và tổ chức không phải là bộ phận chủ chốt của chiến đấu, vì ngay một cuộc vật lộn tay bo giữa hai con người cũng có thể gọi là một cuộc chiến đấu rồi.

Chiến đấu quyết định trang bị, vũ khí và tổ chức quân đội, nhưng rồi lại cũng chính trang bị, vũ khí lại buộc người ta phải sửa đổi hình thức chiến đấu. Như vậy là có sự tác động qua lại giữa hai vấn đề.

Tuy vậy bản thân chiến đấu cũng vẫn là một loại hoạt động hoàn toàn đặc biệt, hơn nữa nó lại được tiến hành trong một môi trường rất đặc biệt, đó là môi trường của sự nguy hiểm.

Nếu cần phải thiết lập một sự phân

tách giữa những hoạt động có bản chất khác nhau, thì chính là ở đây (tức là phải căn cứ vào tính chất đặc biệt của chiến đấu - *ND*); và muốn chứng thực cho cái giá trị thực tiễn của sự phân tách này, chúng ta chỉ cần nói một cách kín đáo tới nhiều trường hợp mà năng lực cá nhân đã bộc lộ ra trong một mặt nào đó, còn đối với các mặt khác thì lại chỉ là những hành động gàn dở không thể tha thứ được.

Xét về mặt lý thuyết, phân tách riêng rẽ mọi hoạt động này khác không có gì là khó khăn khi người ta quan niệm các lực lượng vũ trang có trang bị như là những phương tiện mà ta chỉ cần biết những tác dụng chính yếu là đã có thể vận dụng được một cách có hiệu quả.

Theo nghĩa hẹp, nghệ thuật chiến tranh là nghệ thuật sử dụng trong chiến đấu những phương tiện nhất định và ta thấy chỉ có cách gọi nó là nghệ thuật *chỉ đạo chiến tranh* là cách nói đúng nhất. Thật ra, theo nghĩa rộng thì nghệ thuật chiến tranh lại bao gồm mọi hoạt động mà chiến tranh đòi hỏi, như vậy là bao gồm việc thành lập các lực lượng vũ trang; nghĩa là gồm cả việc tuyển mộ, việc tổ chức trang bị và việc huấn luyện binh sĩ.

Để lý luận soi rọi được thực tế, việc tách rời hai loại hoạt động này có tầm quan trọng chủ yếu. Vì như ta đã thấy, nếu nghệ thuật chiến tranh phải bắt đầu bằng việc tổ chức các lực lượng vũ trang, sau đó phối hợp chúng lại bằng

một mớ những quy tắc nhất định, thì chắc chắn là môn nghệ thuật ấy chỉ có thể áp dụng trong một số ít trường hợp, khi những lực lượng vũ trang ấy còn phù hợp hoàn toàn với các quy tắc kể trên. Còn nếu muốn có một lý thuyết để vận dụng cho có hiệu quả trong tuyệt đại đa số trường hợp và không bao giờ đến nỗi hoàn toàn vô dụng thì lý thuyết ấy phải dựa trên cơ sở những phương tiện chiến đấu thông dụng và những hiệu quả chủ yếu của nó.

Chỉ đạo chiến tranh bao gồm việc bố trí lực lượng và sự chỉ đạo chiến đấu. Nếu cuộc đấu tranh chỉ gồm có một hành động đơn độc thì mọi sự phân chia lý luận chỉ đạo chiến tranh chi tiết hơn nữa sẽ không còn ý nghĩa. Nhưng cuộc đấu

tranh lại gồm một loạt hoặc nhiều hoặc ít những *hành động hoàn chỉnh* để hình thành một tổng thể cao nhất, nhưng, hành động đó được gọi là những cuộc giao chiến riêng lẻ như chúng tôi đã trình bày ở chương I, tập I, và từ đó chúng ta sẽ tạo ra những đơn vị mới. Chính vấn đề này đã làm nảy sinh ra hai loại hoạt động hoàn toàn khác hẳn nhau: việc *tổ chức, điều khiển* những cuộc giao chiến riêng biệt, rồi đến việc *kết hợp* các cuộc giao chiến ấy với mục đích tổng quát của cuộc chiến tranh. Như vậy, loại trên ta gọi là *chiến thuật*, còn loại sau ta gọi là *chiến lược*.

Trong thực tiễn, sự phân định giữa chiến thuật và chiến lược ngày nay đã

hầu như rất phổ thông và ai cũng biết tương đối rõ ràng phạm vi của vấn đề này hay vấn đề kia, mặc dầu người ta không phân tích được cụ thể nguyên do của sự phân chia ấy... Và, dù có được thông dụng thường ngày vì những lý do không rõ, tất nhiên sự phân chia ấy vẫn phải có nguồn gốc sâu xa của nó. Chúng ta đã cố gắng tìm nguồn gốc ấy và chúng ta có thể khẳng định rằng chính cái quy tắc đa số ấy (tức là quy tắc: lý luận phải được ứng dụng trong đa số trường hợp - *ND*) đã dẫn ta đến nguồn gốc trên. Và lại, chúng tôi cho rằng những định nghĩa độc đoán mà một vài tác giả đã nêu ra đều không phù hợp với bản chất của đối tượng cũng như trong sự ứng dụng thực tiễn.

Theo sự phân loại của chúng tôi, chiến thuật là *lý luận về việc sử dụng các lực lượng vũ trang trong giao chiến*. Chiến lược là *lý luận về việc sử dụng các cuộc giao chiến ấy để phục vụ chiến tranh*.

Rồi đây, khi nghiên cứu kỹ lưỡng hơn về trận giao chiến, chúng ta sẽ hoàn toàn có thể phân định ranh giới khái niệm trận giao chiến riêng lẻ hoặc trận giao chiến độc lập và định ra những tiền đề để có thể có sự thống nhất của khái niệm đó. Bây giờ, chúng ta hãy tạm ghi nhận rằng: giới hạn thống nhất của một trận giao chiến trong không gian trùng hợp với *giới hạn chỉ huy của vị chỉ huy tương ứng*, còn giới hạn thống nhất về

thời gian (khi có những trận đánh kế tiếp nhau) thì kéo dài cho đến khi khắc phục được sự khủng hoảng nằm trong mỗi trận.

Cũng có thể xảy ra những trường hợp mà nhiều cuộc giao chiến có thể coi như là một, nhưng điều đó không có giá trị bác bỏ sự phân loại của chúng tôi, bởi vì ta cũng có thể có những lập luận tương tự đối với mọi sự phân loại những vật thể hiện thực mà sự khác biệt chỉ rõ rệt qua những biến thiên lâu dài chậm rãi. Có những hành động mà, chẳng cần phải thay đổi quan điểm, người ta vẫn có thể liệt chúng vào phạm trù chiến lược cũng được hay vào phạm trù chiến thuật cũng được, thí dụ như những trận địa bố phòng rất rộng, giống hệt như hệ thống một chuỗi đồn bốt, những việc bố trí cho

bộ đội vượt sông, v.v.

Sự phân loại của chúng tôi chỉ đơn thuần bao gồm việc *sử dụng các lực lượng vũ trang*, nhưng chiến tranh lại dung nạp vô số những hoạt động tuy phục vụ cho chiến tranh song lại không giống chiến tranh mặc dầu chúng cũng có nhiều nét gần gũi hoặc xa lạ với chiến tranh. Những hoạt động ấy đều có liên quan tới việc *nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang*. Việc thành lập các đội vũ trang cũng như việc tổ chức huấn luyện được tiến hành trước khi sử dụng, nhưng việc nuôi dưỡng lại vẫn phải tiến hành song song với việc sử dụng và đây là điều nhất thiết phải làm. Mọi hoạt động kể trên, xét cho kỹ phải coi là để chuẩn bị cho chiến đấu; việc chuẩn bị ấy thực ra

đã tiến sát tới hành động, kéo theo nó hành động chiến tranh và về thực tiễn nó cũng xen kẽ với hành động chiến tranh. Như vậy, ta có thể loại trừ những loại hoạt động này cũng như những loại hoạt động chuẩn bị khác ra khỏi nghệ thuật quân sự theo nghĩa hẹp và đúng đắn của danh từ chỉ đạo chiến tranh, bắt buộc ta phải làm như thế nếu ta muốn cho lý luận đóng được vai trò cơ bản của nó tức là phân biệt những cái gì không giống nhau. Vậy, tại sao ta lại cho vào lĩnh vực chỉ đạo chiến tranh một danh sách lê thê nhưng tổ chức tiếp tế, quân nhu và quản trị, hành chính chỉ vì một lý do độc nhất là chúng có quan hệ qua lại vững chắc với việc sử dụng quân đội, mặc dầu xét về bản chất, chúng lại hoàn toàn khác.

Trong chương 2 của tập I, chúng tôi đã nói rằng chiến đấu hoặc giao chiến mới là hoạt động độc nhất có một hiệu quả trực tiếp, và nó tập hợp các đầu mối của mọi hoạt động khác bởi vì mọi đầu mối đều quy tụ tại đây. Chúng tôi muốn nói ở trên là tất cả những hoạt động ấy đều phải có những mục đích cần phải đạt theo những quy tắc riêng biệt. Điều này cần được nói rõ thêm.

Ngoài giao chiến, còn có những hoạt động rất khác nhau về bản chất. Một số những hoạt động này có phần nào đó thuộc về chiến đấu, chúng giống hệt hoạt động chiến đấu, nhưng về mặt khác chúng lại được sử dụng trong việc nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang. Một số những hoạt động khác chỉ bao gồm việc

nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang và chính vì có sự tác động qua lại với những kết quả của chúng mà những hoạt động này có một ảnh hưởng đối với chiến đấu, tùy theo những điều kiện nhất định.

Vì một mặt nào đó, còn có những vấn đề thuộc về chiến đấu lúc *hành quân, trú quân, đóng trại* vì chúng bao gồm bằng ấy tình hình khác nhau của quân đội, và ý niệm của quân đội bao giờ cũng gọi lên ý niệm chiến đấu.

Những loại vấn đề khác, chỉ bao gồm việc nuôi dưỡng quân đội, là việc *tiếp tế, săn sóc người ốm, đổi mới vũ khí và trang bị*. Những cuộc hành quân đều hoàn toàn đồng nhất với việc sử

dụng quân đội. Hành quân trong chiến đấu, cái mà người ta thường gọi là vận động (manoeuvre), không hoàn toàn giống việc sử dụng vũ khí, nhưng lại có liên quan rất chặt chẽ và rất cần thiết đến nỗi nó thành một bộ phận thiết thân của cái gọi là giao chiến. Nhưng ngoài việc giao chiến, hành quân phải chăng là cái gì khác ngoài việc thực hiện kế hoạch chiến lược? Chính kế hoạch này đã vạch rõ là *khi nào, ở đâu và với lực lượng vũ trang nào* mà cuộc giao chiến sẽ tiến hành, và để thực hiện kế hoạch đó thì còn có cách nào khác, ngoài hành quân?

Hành quân, ngoài việc giao chiến, là một công cụ chiến lược nhưng lại không phải là đối tượng của chiến lược. Vì, nếu lực lượng chiến đấu trong khi hành quân

bất kỳ lúc nào cũng có thể giao chiến thì việc hành quân phải tuân theo những quy luật chiến thuật lẫn chiến lược. Quy định cho một binh đoàn nào đó đi theo con đường ven sông hoặc ven một dãy núi tức là chúng ta đã có một ý đồ chiến lược, vì chúng ta đã có ý định là: nếu đang hành quân mà cần thiết phải chiến đấu thì binh đoàn ấy chiến đấu ở phía bên này sẽ có lợi hơn ở phía bên kia.

Nhưng khi một binh đoàn, lẽ ra phải hành quân theo con đường giữa lòng thung lũng, lại tiến theo dọc các triền núi bao quanh và phân tán ra làm nhiều đơn vị nhỏ để cuộc hành quân được dễ dàng thì đây chỉ là sự sắp đặt chiến thuật, vì nó chỉ là phương pháp mà ta dự định sử dụng các lực lượng của binh đoàn khi

xảy ra tác chiến.

Thứ tự hành quân có quan hệ chặt chẽ với việc chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu; do đó nó có tính chất chiến thuật, vì dù sao nó cũng chỉ là sự sắp đặt đầu tiên, tạm thời để ứng phó với cuộc chiến đấu có thể xảy ra.

Hành quân là một công cụ nhờ đó chiến lược phân bổ các yếu tố tích cực của nó, tức là giao chiến, và giao chiến chỉ có trọng lượng bởi hiệu quả của nó chứ không phải sự bố trí này khác. Vì vậy, nhiều bản phân tích đã lẫn lộn công cụ với yếu tố tích cực (tức là hành quân với giao chiến - *ND*). Và, như thế có lúc người ta đã lại nói tới những cuộc hành quân quyết định, tài tình - thực chất chỉ

là những cuộc phối hợp quân sự mà những cuộc hành quân đó đã đạt được. Việc thay thế ý niệm nói trên là một điều quá tự nhiên và cách biểu hiện cũng gọn gàng sáng sủa để không đến nỗi bị bác bỏ. Nhưng dù sao đó cũng chỉ là một vài ý vắn tắt để thay thế cho một chuỗi ý niệm; mỗi người cần phải góp thêm phần suy luận riêng của mình để khỏi có sự lầm lạc.

Ta sẽ sai lầm nếu ta gán cho những sự phối hợp (combi-naisons) về chiến lược một khả năng độc lập với những kết quả chiến thuật. Người ta tổ chức các cuộc hành quân và các cuộc điều động, người ta đạt tới các mục tiêu đã quy định mà không xảy ra giao chiến, thế là người ta tưởng có thể kết luận rằng đã có những

phương pháp đánh thắng địch không cần trải qua chiến đấu. Và chỉ sau này, chúng ta mới có thể đánh giá được hết tính chất nghiêm trọng của sai lầm trên.

Hành quân có thể dứt khoát được coi như một bộ phận thiết thân của chiến đấu, nhưng do một vài khía cạnh không phải là chiến thuật hoặc không phải là chiến lược nên nó không thuộc vào chiến đấu. Thuộc vào phạm trù hành quân là tất cả những công trình chỉ nhằm để phục vụ cho quân đội thêm thuận tiện như việc làm cầu, việc làm đường, v.v. Đó chỉ là những điều kiện. Trong nhiều trường hợp, chúng đã gần giống như việc sử dụng quân đội, có lúc hầu như giống hệt với việc sử dụng quân đội, chẳng hạn trong trường hợp phải làm một cái cầu ở

ngay trước mắt quân địch. Nhưng xét riêng về bản thân chúng, những hoạt động kể trên lại có bản chất khác biệt, và lý thuyết về những vấn đề đó không hề có liên quan gì với thuyết về chỉ đạo chiến tranh.

Các trạm đồn trú tạm thời, ngược lại với các doanh trại, là những địa điểm mà các binh đoàn được tập trung để chuẩn bị chiến đấu nhưng lại đang ở trạng thái nghỉ ngơi, đang ở trong tình trạng phục hồi sức khỏe. Việc quy định địa điểm những nơi đồn trú này phải nằm trong quyết tâm chiến lược về nơi mà người ta đã có ý đồ tác chiến, và cách bố trí các nơi đồn trú là phác thảo của giao chiến; mọi cuộc chiến đấu phòng ngự đều phụ thuộc vào điều kiện này. Do đó, nơi đồn

trú tạm thời phải được coi là bộ phận chủ yếu trong chiến lược cũng như trong chiến thuật.

Việc đưa quân vào đóng trong doanh trại để không phải đồn trú ngoài trời sẽ tạo điều kiện tốt cho quân đội hồi phục; nó là vấn đề vừa có liên quan với chiến lược ở mỗi quan hệ về vị trí và diện tích, vừa có liên quan với chiến thuật ở mỗi quan hệ về tổ chức nội bộ hướng vào việc chuẩn bị cho chiến đấu.

Ngoài mục đích để cho quân đội hồi sức, việc đồn trú tạm thời ngoài trời hoặc trong doanh trại thường còn có mục đích khác, có thể là để bảo vệ một vùng hoặc giữ một vị trí nào đó; nhưng thông thường nó chỉ hướng vào mục đích thứ

nhất. Chúng ta nên nhớ rằng mục tiêu của chiến lược có thể có rất nhiều, vì bất cứ một thắng lợi nào cũng đều có thể phải đánh đổi bằng một cuộc giao chiến, và việc bảo vệ các công cụ để tiến hành chiến tranh (quân đội) lại thường phải là mục đích của nhiều cuộc phối hợp chiến lược riêng lẻ.

Trong những trường hợp như đã nêu ở trên, khi chiến lược chỉ đơn thuần phục vụ cho việc bảo tồn (conservation) quân đội điều đó không có nghĩa là chúng ta bước vào một lĩnh vực khác. Trái lại, bao giờ đây cũng chỉ là việc sử dụng các lực lượng vũ trang, vì mọi sự bố trí các lực lượng này ở bất cứ địa điểm nào của chiến trường cũng đều không thể có ý nghĩa nào khác.

Nhưng nếu duy trì quân đội trong các doanh trại hoặc những nơi đồn trú tạm thời mà phải có những hoạt động khác ngoài việc sử dụng các lực lượng vũ trang, ví như việc làm lán, dựng lều, tổ chức y tế và việc tổ chức tiếp tế cho những đơn vị đang đóng quân hạ trại, những hoạt động này không thuộc lĩnh vực chiến lược, cũng chẳng nằm trong lĩnh vực chiến thuật.

Vị trí và thiết bị hào lũy rõ ràng thuộc về những sự bố trí có liên quan đến chiến đấu nên thuộc về chiến thuật, nhưng đứng về mặt *xây dựng* (kết cấu) thì lại không thuộc về lý thuyết chỉ đạo chiến tranh. Những hiểu biết cũng như tài tháo vát để giải quyết những loại công việc đó đều là những cái mà các lực

lượng chiến đấu phải được huấn luyện thành thạo từ trước. Và đây là những tiền đề của kỹ thuật chiến đấu.

Xét các hoạt động liên quan tới việc đơn thuần bảo vệ các lực lượng vũ trang, không một loại nào lại nhập làm một với giao chiến. Việc tiếp tế cho quân đội là vấn đề gần gũi với giao chiến hơn cả vì nó được tiến hành hàng ngày cho tới từng cá nhân. Vấn đề tiếp tế thực ra thấm vào khắp mọi thành phần chiến lược của hành vi chiến tranh. Chúng tôi nói dứt khoát: mọi thành phần chiến lược vì, rất hãn hữu việc tiếp tế cho quân đội mới có đủ ảnh hưởng khiến ta phải sửa đổi kế hoạch giao chiến nếu ta tính riêng kế hoạch này ra, tuy đây không phải là, một vấn đề hoàn toàn không thể xảy ra. Tác

dụng qua lại quan trọng hơn cả là ở mối liên quan giữa chiến lược và việc tiếp tế cho các lực lượng chiến đấu, và thường thường người ta thấy những nhận định về binh lương trở thành một trong những yếu tố quyết định các nét lớn của một chiến dịch hoặc của một cuộc chiến tranh. Dù là bình thường hay có tác dụng quyết định, việc tiếp tế cho quân đội bao giờ cũng là một hoạt động khác về căn bản với việc sử dụng quân đội và sẽ chỉ ảnh hưởng tới việc sử dụng quân đội bằng kết quả của nó.

Những loại hoạt động quản trị, hành chính đã kể ở trên lại xa hơn nữa với việc sử dụng quân đội. Tổ chức y tế, tuy có tầm quan trọng căn bản trong việc bảo vệ sức khỏe của quân đội, cũng chỉ mới

giải quyết một phần nhỏ nhu cầu của quân đội, vì vậy chỉ có một ảnh hưởng yếu ớt và gián tiếp tới việc vận dụng những hoạt động khác. Việc thay thế và sửa chữa trang bị không phải là một hoạt động hàng ngày của các tổ chức vũ trang, mà sẽ chỉ được tiến hành vào những thời kỳ nhất định; vì vậy khi bàn tới kế hoạch chiến lược, người ta ít đề cập tới loại vấn đề này.

Ở đây cần đề phòng một sự ngộ nhận. Thật vậy, trong một vài trường hợp, những loại hoạt động này lại có tầm quan trọng quyết định. Khoảng cách của những bệnh viện, khoảng cách của kho vũ khí đạn dược sẽ là những yếu tố có giá trị cần được xem xét trong khi bàn đến một số quyết định chiến lược. Đây là một

vấn đề mà chúng tôi không cần nghĩ tới việc bác bỏ hoặc che giấu tầm quan trọng của nó. Nhưng vấn đề khiến chúng ta phải quan tâm ở đây không phải là sự việc cụ thể, trường hợp cá biệt, mà là một vấn đề trừu tượng thuộc về lý thuyết. Chúng tôi khẳng định là những ảnh hưởng như vậy rất ít khi có thể đưa đến cho lý thuyết liên quan tới các việc tổ chức y tế và tiếp tế vũ khí, đạn dược một tầm quan trọng, có ảnh hưởng tới lý thuyết chỉ đạo chiến tranh. Chúng tôi cũng phải gộp vào lý thuyết chỉ đạo chiến tranh những hệ thống tổ chức và phương pháp khác nhau mà hình như các lý thuyết ấy và kết quả của chúng biểu thị ra. Như vậy, chúng ta đã thấy rõ đó là những việc chúng ta không thể không làm để giải quyết vấn đề

tiếp tế cho quân đội.

Tóm tắt những sự phân tích ở trên, chúng ta có thể kết luận là những hoạt động chiến tranh phân chia thành hai hệ thống chính: loại hoạt động chỉ có tính chất *chuẩn bị* cho chiến tranh và loại hoạt động *thuộc vào bản thân chiến tranh*. Ngay cả trong lý thuyết cũng cần phải có sự phân loại như thế.

Mọi hiểu biết, mọi khả năng có liên quan đến việc chuẩn bị, sẽ được vận dụng trong việc tổ chức, việc huấn luyện và việc duy trì các lực lượng vũ trang. Đặt tên cho chúng như thế nào cho hợp là vấn đề chúng tôi chưa xét đến nhưng chắc là phải bao gồm pháo binh, pháo đài, thành lũy, chiến thuật mà người ta

gọi là sơ cấp, mọi việc tổ chức, việc quản trị hành chính của những lực lượng vũ trang và những vấn đề tương tự. Nhưng chính lý thuyết chiến tranh lại phụ trách việc vận dụng trong chiến tranh những phương tiện đã được hoàn chỉnh. Nó chỉ cần đến kết quả của những hoạt động thuộc loại thứ nhất kể trên, tức là nó phải biết được những tính chất chủ yếu của những phương tiện mà nó có thể sử dụng. Đây là cái mà, theo nghĩa hẹp, người ta gọi là nghệ thuật chiến tranh hoặc lý thuyết chỉ đạo chiến tranh hay phương pháp sử dụng các lực lượng vũ trang; nói như thế nào, theo chúng tôi, cũng vẫn chỉ là một.

Lý thuyết này sẽ đề cập tới việc giao chiến, theo nghĩa cụ thể, những cuộc hành

quân, trú quân, tức là những tình huống đã có những yếu tố ít nhiều giống như chiến đấu. Việc nuôi dưỡng quân đội, trái lại, không nằm trong phần này, song những hiệu quả của việc nuôi dưỡng cũng như nhiều trường hợp phụ thuộc khác là vấn đề phải xét đến.

Nghệ thuật chiến tranh theo nghĩa hẹp lại phân ra lĩnh vực chiến thuật và lĩnh vực chiến lược. Chiến thuật liên quan tới các hình thái chiến đấu, chiến lược đề cập tới việc vận dụng các cuộc chiến đấu. Cả hai lĩnh vực đều chỉ xét đến các điều kiện hành quân, trú quân, thiết lập doanh trại khi có dính dáng tới giao chiến và những vấn đề ấy sẽ thuộc vào phạm vi chiến thuật hay chiến lược là tùy theo lúc nó liên quan với hình thức

hoặc với ý nghĩa của giao chiến.

Có thể có nhiều bạn đọc cho rằng việc phân tách rạch ròi tỉ mỉ hai sự việc gần nhau như chiến thuật và chiến lược là hoàn toàn vô ích, khi mà những sự phân tích ấy chẳng có một tí ảnh hưởng trực tiếp nào tới việc chỉ đạo chiến tranh. Quả thật, phải rất khoác lác mới hy vọng tìm thấy những kết quả nhãn tiền của việc phân tích về mặt lý luận như vậy ở chiến trường.

Nhưng nhiệm vụ đầu tiên của mọi lý thuyết là phải phân giải cho có trật tự những ý niệm và những khái niệm lẫn lộn xen vào nhau, và phải nói là rất mơ hồ. Chỉ khi nào người ta đã thống nhất được với nhau với ý nghĩa của các danh từ và

khái niệm thì người ta mới hy vọng tiến hành dễ dàng và thuận lợi việc phân tích các vấn đề, và chỉ tới lúc ấy tác giả và người đọc mới có thể đứng trên cùng một quan điểm để nhận thức vấn đề. Chiến lược và chiến thuật là hai loại hoạt động hòa vào nhau cả trong không gian và thời gian, tuy về cơ bản lại hoàn toàn khác nhau, và sẽ không thể hiểu được đầy đủ những quy luật nói trên, những mối liên quan qua lại của hai vấn đề nếu không có một sự định nghĩa chính xác về hai loại hoạt động này.

Ai cho vấn đề ấy là không cần thiết, xin hãy cự tuyệt mọi lý thuyết hoặc đừng có bao giờ để lớn vồn trong trí óc những ý niệm mơ hồ và lộn xộn, không dựa trên một cơ sở vững chắc nào và cũng chẳng

đưa tới một kết quả khả quan nào. Chúng ta thường bị bắt buộc phải đọc và phải nghe những phiếm luận rỗng tuếch, khi thì nhạt nhẽo, khi thì kỳ quặc về vấn đề chỉ đạo chiến tranh. Thật ra, đó chỉ là vì từ trước tới nay vấn đề ấy không được đi sâu nghiên cứu một cách khoa học mà thôi.

Chương 2

BÀN VỀ LÝ THUYẾT CHIẾN TRANH

Danh từ “nghệ thuật chiến tranh” thoát kỳ thủy chỉ có nghĩa là việc chuẩn bị các lực lượng vũ trang.

Xưa kia, danh từ “nghệ thuật chiến tranh” hoặc “khoa học chiến tranh” chỉ có nghĩa là toàn bộ những hiểu biết và khả năng có liên quan tới những sự kiện vật chất. Việc thiết bị, việc chuẩn bị cũng như việc sử dụng các vũ khí, việc xây dựng các pháo đài, các hào lũy, việc tổ chức quân đội và những cơ chế hoạt động của những tổ chức này đã là đối tượng của những hiểu biết và khả năng nói trên để bồi đắp, tạo thành một lực

lượng vũ trang sẵn sàng cho chiến tranh. Đó là một sự việc cụ thể, một hoạt động đơn phương, nói cho cùng đã phát triển dần dà từ thủ công tới một nghệ thuật cơ giới tinh xảo hơn. Tất cả những hoạt động trên cùng với hoạt động chiến đấu thực sự có một mối quan hệ hết như mọi quan hệ giữa nghệ thuật của người mài kiếm và người sử dụng kiếm. Đây vẫn chưa phải là vấn đề sử dụng thứ vũ khí trên vào lúc nguy biến và với ảnh hưởng của tác động liên quan của nó, cũng chẳng phải là những hoạt động thực thụ của tư duy và lòng dũng cảm để hướng vào một chiều hướng đã định trước.

Chiến tranh xuất hiện trước tiên trong nghệ thuật tiến hành một cuộc vây đánh thành.

Chính bản phác thảo của công việc chỉ đạo chiến tranh lần đầu tiên đã thể hiện ra ở việc vây đánh thành: hoạt động của tư duy đã ngự trị ở đây. Phác thảo ấy chỉ rõ nét khi nó được thể hiện nhanh chóng, mau lẹ vào những thu hoạch (acquisitions) vật chất như hành quân tiếp cận, chiến hào, phản tiếp cận, pháo binh, v.v. và mỗi loại hoạt động ấy phải biểu thị bằng một kết quả nào đó. Đây mới là sợi dây cần thiết để nối liền những sáng tạo vật chất kể trên. Trong loại chiến tranh này, tài năng hầu như chỉ thể hiện trong những sáng kiến như vậy, và như thế cũng tạm đủ với nhu cầu.

Chiến thuật đi tiếp theo sau những dấu vết đó.

Về sau, chiến thuật muốn quy định cho cơ chế tổ chức những cuộc phối hợp của mình tính chất của một sự xếp đặt có giá trị phổ biến, xây dựng trên những đặc thù của công cụ (nghĩa là của quân đội). Điều đó đã dẫn chúng ta tới chiến trường, không phải bởi một hoạt động tự do của trí tuệ mà chỉ bởi tác động đơn giản của người chỉ huy vào một binh đoàn để tổ chức đội hình và bố trí chiến đấu, rút lại chỉ còn là một người máy mà hệ thống cơ học phải hoạt động như những bánh xe của một chiếc đồng hồ.

Việc chỉ đạo chiến tranh thực thụ chỉ xuất hiện một cách bất ngờ và vô danh.

Chỉ đạo chiến tranh thực thụ, việc sử

dụng tự do (tức là việc làm cho thích hợp với những nhu cầu đặc biệt nhất) những phương tiện chuẩn bị trước cho công việc ấy, từ lâu đã bị coi như là một vấn đề không một lý thuyết nào có thể lay chuyển và chỉ là những đức tính bẩm sinh của một số cá nhân. Dần dà, chiến tranh chuyển từ những hình thức đánh nhau bằng vũ khí thô sơ thời trung cổ tới một hình thức chính quy và phức tạp hơn, vấn đề này đã buộc người ta phải suy nghĩ. Nhưng những công việc này thường chỉ xuất hiện một cách hoàn toàn phụ thuộc và vô danh, nếu người ta có thể nói như vậy, trong những hồi ký và chuyện kể.

Những suy nghĩ về những biến cố chiến tranh tạo nên sự cần thiết của một lý thuyết.

Do những suy nghĩ về các biến cố quân sự ngày càng nhiều và sử học càng có tính phê phán nên có nhu cầu gay gắt là phải dựa vào những nguyên lý và quy tắc để làm cho nhiều cuộc tranh luận (rất tự nhiên trong lịch sử quân sự) và những ý kiến đang bàn cãi phải dẫn đến một kết luận nào đó. Một ý kiến vô bổ, phân tán, không dựa vào một đối tượng cụ thể nào và không tuân theo một quy tắc rõ rệt nào chỉ có thể gây cho con người một cảm tưởng dễ ghét.

Những cố gắng để sáng tạo ra một lý thuyết tích cực.

Từ những lý do đó, người ta cố gắng đề ra những nguyên lý, những quy tắc và cả những hệ thống lý luận về chỉ đạo

chiến tranh. Và từ đó, người ta nhằm một mục tiêu tích cực nhưng lại sao lãng những khó khăn phi thường về mặt này của sự chỉ đạo chiến tranh. Như chúng tôi đã giải thích, dù xoay sở với khía cạnh nào, việc chỉ đạo chiến tranh hầu như bao giờ cũng bị lạc trong những con đường lằng lắt; tuy nhiên mọi hệ thống, mọi cơ cấu lý thuyết đều có tính chất hạn chế của một sự tổng hợp. Điều đó đưa đến một sự đối kháng không thể cứu vãn giữa mô lý thuyết đó và thực tế.

Sự giới hạn vào những đối tượng vật chất.

Các nhà chế tạo ra lý thuyết đã lập tức cảm thấy những khó khăn của vấn đề, họ tưởng như có thể lảng tránh bằng cách

lại một lần nữa sáng tạo thêm những nguyên lý và những hệ thống mới, căn cứ vào những đối tượng vật chất và một loại hoạt động đơn phương. Cũng như trong mọi khoa học liên quan đến việc chuẩn bị chiến tranh, họ chỉ muốn thu được những kết quả chắc chắn, tích cực và tất nhiên chỉ căn cứ vào những dữ kiện có thể tính toán được.

Ưu thế về số lượng.

Ưu thế về số lượng là một dữ kiện cụ thể. Trong tất cả mọi yếu tố mà chiến thắng là sản phẩm, người ta chọn vấn đề ấy vì lý do chắc chắn là những sự phối hợp trong thời gian và trong không gian sẽ cho phép người ta rút gọn vấn đề vào trong những quy luật toán học. Người ta

tưởng có thể loại trừ tất cả những điều kiện khác, những điều kiện này ngang nhau ở cả hai mặt và tự trung hòa lẫn nhau. Chúng tôi thấy không có gì trở ngại; nhưng phải coi đó là cách làm tạm thời để có thể nghiên cứu yếu tố đơn độc đó trong tính ngẫu nhiên của nó; nhưng nếu vận dụng quan niệm đó một cách dứt khoát, dựa vào ưu thế về mặt số lượng như là một quy luật độc nhất có giá trị, và cho rằng mọi bí quyết của nghệ thuật quân sự đều nằm trong công thức: *trong một thời gian nhất định, tập trung một ưu thế và số lượng ở những địa điểm nhất định*, tức là đã hạn chế tới mức không thể chịu nổi sức mạnh của cuộc sống thực tế.

Việc tiếp tế cho quân đội.

Người ta đã định hệ thống hóa bằng con đường lý thuyết một yếu tố vật chất khác nhằm làm cho việc tiếp tế của quân đội, dựa trên một cơ cấu nào đó đã được giả định trước, trở thành một yêu cầu cao nhất của việc chỉ đạo chiến tranh trên quy mô lớn.

Bằng phương pháp đó, người ta còn trông cậy vào những con số và tất nhiên là phải như thế, nhưng lại là những con số dựa trên một mớ giả thuyết hoàn toàn mơ hồ, không thể đứng vững qua thử thách của thực tế.

Các căn cứ.

Có một bộ óc lấu cá^{[\[1\]](#)} đã định đầu

tóm một mớ hồ lồn đủ mọi thứ dữ kiện tinh thần và trí tuệ vào một khái niệm duy nhất: khái niệm về *căn cứ*. Ở đây người ta thấy đề cập đến việc tiếp tế cho quân đội, việc thay thế binh sĩ và trang bị, việc bảo đảm liên lạc với tổ quốc, việc bảo đảm an toàn cho rút lui khi cần thiết. Nghĩa là: trước hết lấy khái niệm căn cứ thay thế cho tất cả mọi nhiệm vụ đặc biệt kể trên, sau đó lấy diện tích thay thế cho căn cứ, rồi lại lấy các góc đo lực lượng vũ trang hình thành nên cùng với căn cứ để thay thế cho diện tích của căn cứ. Tất cả mọi ý đồ đó chỉ nhằm đạt một mục đích giản đơn là thu được một kết quả hoàn toàn hình học và không có giá trị. Tất nhiên, đó là điều không thể tránh khỏi, khi người ta tưởng rằng không một

sự thay thế nào là không xúc phạm đến chân lý và không để sót một phần những yếu tố của các khái niệm trước. Nhận thức về căn cứ rất quan hệ trong chiến lược: không ai có thể phủ nhận được giá trị của vấn đề, nhưng cũng không ai có thể thừa nhận được kiểu vận dụng đã nói trên. Vì kiểu vận dụng ấy không thể không đưa đến những kết quả hoàn toàn phiến diện nên các nhà lý luận nói trên đã hướng sự giải thích theo một hướng hoàn toàn vô lý, ví dụ như ưu thế tiên công dưới hình thức bao vây.

Những đường nội tuyến.

Người ta đã chống lại sự sai lầm bằng một nguyên lý hình học mà họ mệnh danh là những đường nội tuyến^[2]. Mặc

dầu nguyên lý này được xây dựng trên một miếng đất vững chắc, nghĩa là trên chân lý: chỉ có giao chiến mới là biện pháp độc nhất có hiệu quả trong chiến tranh, tính chất thuần túy hình học của nguyên lý ấy đã làm cho nó chỉ mở ra được một triển vọng phiến diện mới, không thể chế ngự được cuộc sống thực tế.

Cần phải vứt bỏ tất cả những toan tính đó.

Chỉ duy nhất phần phân tích của những toan tính lý thuyết, đó là có ít nhiều tiến bộ trong lĩnh vực thực tế; còn phần tổng hợp, phần quy thức và các quy tắc thì đều hoàn toàn vô dụng.

Điểm chính là chúng đều nhằm vào

những đại lượng vững chắc, nhưng trong chiến tranh mọi cái lại đều không thể định trước và mọi tính toán lại đều phải xây dựng với những đại lượng thay đổi.

Mặt khác, những lý thuyết ấy lại chỉ quan tâm đến những đại lượng vật chất cụ thể, nhưng trong chiến tranh thì sức mạnh về ảnh hưởng tinh thần lại thấm sâu vào tất cả mọi thứ.

Những toan tính về lý thuyết ấy chỉ quan tâm đến hoạt động của một bên (tham chiến - *ND*), nhưng trong thực tế, chiến tranh lại phải luôn luôn căn cứ vào những hoạt động không ngừng của bên này tác động đến bên kia.

Gạt bỏ thiên tài ra ngoài quy tắc chung.

Tất cả những cái mà sự thông minh tầm thường và phiến diện nói trên không thể đạt tới không phải nằm trong lĩnh vực khoa học mà lại thuộc vào *lĩnh vực thiên tài ở cao hơn quy tắc thông thường*.

Thật là bất hạnh cho chiến binh nào bị luẩn quẩn trong mê lộ của những quy tắc vô bổ chẳng những không đạt tới trình độ thiên tài, thậm chí lại còn thấp hơn cả khả năng của chính bản thân mình. Cái gì thiên tài làm được thì đấy là nguyên tắc đẹp nhất trong các nguyên tắc, và điều mà lý luận làm được tốt nhất là tìm cách giải thích được vì sao và làm thế nào để làm được như vậy. Thật là bất hạnh cho thứ lý thuyết nào đối lập với trí tuệ, nó có cố nhún mình để bù vào mâu thuẫn ấy cũng vô ích. Nó càng nhún mình thì sự

giấu cợt và khinh bỉ lại càng đuổi nó ra khỏi đời sống thực tế.

Những khó khăn mà lý luận sẽ gặp khi bàn tới những đại lượng tinh thần và trí tuệ.

Mọi lý luận đều sẽ rất lúng túng khi đề cập đến lĩnh vực của những đại lượng tinh thần và trí tuệ (*grandeurs morales et intellectuelles*). Ngành hội họa và kiến trúc sẽ hiểu rất rõ nội dung vấn đề của ngành mình khi họ chỉ giải quyết tính chất nghệ thuật của họ, sẽ chẳng hề có mấy may bất đồng trong lĩnh vực cấu trúc cơ học hoặc quang học. Nhưng khi người ta đề cập tới ảnh hưởng mà những tác phẩm của họ tác động đến trí tuệ, khi cần phải tạo ra những cảm xúc hoặc những rung

động của tâm hồn hay của trí tuệ thì mọi hệ thống phức tạp rắc rối của những quy tắc, những quy luật sẽ bị tan rã và trở thành những mớ công thức mơ hồ.

Y học chủ yếu nghiên cứu những hiện tượng vật chất. Nó phải đụng chạm đến cơ thể sinh vật, mà cơ thể sinh vật thì luôn luôn biến động và không bao giờ giống nhau trong hai thời điểm khác nhau; chính vấn đề đó đã làm cho nhiệm vụ của y học khó khăn biết bao nhiêu và khiến cho sự xét đoán của người thầy thuốc cao hơn mức hiểu biết của ông ta. Vấn đề sẽ lại càng trở nên phức tạp khi có yếu tố tinh thần xen vào và vị bác sĩ tâm thần sẽ càng đáng quý biết bao.

Những đại lượng tinh thần và trí

tuệ không thể bị gạt khỏi lĩnh vực chiến tranh.

Tuy nhiên, hoạt động chiến tranh không phải chỉ nhằm chống lại lực lượng vật chất mà thôi; nó phải đồng thời chống lại lực lượng tinh thần và lực lượng trí tuệ đang kích động thể chất đó, và ta không thể nào đem tách rời lực lượng này ra khỏi lực lượng kia.

Nhưng, đại lượng tinh thần và trí tuệ thì chỉ có thể thấy được bằng con mắt nội tâm khác nhau ở mỗi con người và thậm chí chúng còn thay đổi từng lúc ngay ở trong một con người.

Nếu như sự nguy hiểm trong chiến tranh là môi trường vận động của mọi sự vật thì chính lòng can đảm, ý thức về sức

lực của bản thân mình đã làm thay đổi sự phán đoán của chúng ta. Sự việc này giống hệt như một thấu kính pha lê cho phép các khái niệm xuyên qua trước khi đạt đến trí tuệ.

Tuy nhiên, chẳng còn nghi ngờ gì nữa là: chỉ một kinh nghiệm đơn giản về những sự việc đó cũng cho nó một vài giá trị khách quan.

Mọi người đều biết ảnh hưởng tinh thần của việc tiến công bất ngờ của việc tiến công vào bên sườn hay phía sau lưng; tinh thần dũng cảm của đối phương sẽ tụt xuống ngay khi họ đã quay lưng chạy, và người ta sẽ phó mặc cho may rủi, tùy theo người ta là người truy kích hay không phải là người truy kích kẻ

quay đầu chạy.

Mỗi người đều đánh giá địch thủ tùy theo tiếng tăm về tài năng, tuổi tác và kinh nghiệm chiến đấu của đối phương, và sẽ hành động cho phù hợp với sự đánh giá ấy. Mọi người đều nhìn sâu vào trạng thái tinh thần và lòng dũng cảm của quân đội mình và quân đội đối phương. Tất cả mọi phản xạ đó và mọi phản xạ khác trong lĩnh vực tinh thần của con người sẽ biểu lộ ra trong thực tiễn, sẽ luôn luôn tái diễn và cho phép ta coi đó như những đại lượng có thật (theo kiểu của nó). Và lý luận sẽ còn giá trị gì nữa nếu bỏ quá không chú ý đến chúng.

Có thể kinh nghiệm sẽ là tấm chứng chỉ gốc của các chân lý này. Nhưng

chẳng hề có một lý thuyết nào, cũng chẳng hề có một vị tướng nào lại có thể tự cho phép mình đi sâu vào những tiểu tiết tâm lý hay triết học.

Khó khăn chủ yếu của một lý thuyết về chiến tranh.

Để hiểu một cách rõ ràng khó khăn của việc khởi thảo một lý thuyết về chiến tranh, để có thể từ đó rút ra tính chất mà nó phải có, cần nghiên cứu kỹ lưỡng những đặc tính chủ yếu gắn liền với bản chất của hoạt động chiến tranh.

Đặc tính thứ nhất: các lực lượng, tinh thần và những ảnh hưởng của chúng (tình cảm thù địch).

Điểm đầu tiên của các đặc tính này

nằm trong các lực lượng tinh thần và những phản xạ của nó.

Mọi cuộc chiến đấu đều vốn là sự biểu hiện của *tình cảm thù địch*. Thật vậy, trong những cuộc chiến đấu lớn mà ta gọi là chiến tranh, tình cảm thù địch thường chỉ hạn chế trong *ý định thù địch*, nhưng trong một cá nhân thì lại không kèm theo tình cảm thù địch đối với một cá nhân khác. Tuy nhiên, không có cuộc chiến tranh nào lại không có loại tình cảm này xen vào. Lòng hằn thù dân tộc, cái mà những cuộc chiến tranh ngày nay ít khi tránh khỏi, đã thay thế đến một mức độ ít nhiều mạnh hơn lòng hằn thù giữa cá nhân này với cá nhân khác. Nhưng ngay cả trong những cuộc chiến tranh mà lòng hằn thù dân tộc chưa có, tính chất

quyết liệt cũng chưa xuất hiện ngay từ đầu, thì ý thức thù địch tự nó cũng đã nhen nhóm dần lên trong chiến đấu. Bởi lẽ, bạo lực mà quân địch sử dụng để chống chúng ta - theo mệnh lệnh của cấp trên - sẽ khơi lên trong chúng ta ý muốn chống cự, thúc đẩy chúng ta trả thù đối với kẻ trực tiếp hành động, trước khi chúng ta nghĩ đến quyền lực cấp trên nào đó đã ra lệnh cho kẻ ấy hành động. Trong lý thuyết, người ta đã quá quen thuộc với quan niệm coi cuộc chiến đấu như một sự ước tính trừu tượng về những lực lượng mà ở đáy tình cảm không có liên quan gì đến. Đó là một trong vô số sai lầm mà lý thuyết đã cố tình phạm phải vì không nhìn thấy được hậu quả của vấn đề.

Ngoài những loại tình cảm^[3] dựa trên tính chất của bản thân cuộc chiến đấu còn có những loại tình cảm khác nhau như tham vọng, ý thức muốn chiến thắng, mọi niềm phấn hứng khác, v.v. tuy không là một bộ phận của các vấn đề trên nhưng cũng có liên quan ít nhiều, bởi tính chất bà con thân thuộc của nó.

Ý thức về sự nguy hiểm (lòng dũng cảm).

Cuối cùng, cuộc chiến đấu đã đẻ ra một yếu tố nguy hiểm mà tất cả mọi hoạt động chiến tranh phải bám chắc và vận dụng như chim trên trời, như cá dưới nước. Tuy nhiên, tác động của sự nguy hiểm phản xạ vào cảm giác, hoặc trực tiếp một cách tự nhiên hoặc thông qua sự

suy nghĩ. Ở trường hợp thứ nhất, tác động này được thể hiện ra ở lòng mong muốn tránh thoát sự nguy hiểm và một khi không được như ước vọng thì thể hiện ra ở sự e ngại, khiếp đảm. Nếu những tác động đó không xảy ra thì chính lúc ấy lòng dũng cảm lại làm cân bằng cho cái bản năng ấy. Nhưng lòng dũng cảm lại không phải là hành động của trí thông minh mà chỉ là một thứ tình cảm, cũng như sự sợ hãi. Cái kia thể hiện sự phòng vệ tinh thần, cái này thể hiện sự phòng vệ vật chất. Lòng dũng cảm là một bản năng cao thượng hơn. Chính vì thế nên người ta không thể dùng nó như một công cụ bất động mà những ảnh hưởng chỉ tác động trong một phạm vi hết sức hạn chế. Lòng dũng cảm cũng không phải chỉ là trọng

lượng cân bằng cho sự nguy hiểm, được dùng để trung hòa những ảnh hưởng của sự nguy hiểm, mà là một đại lượng đặc biệt.

Phạm vi ảnh hưởng của sự nguy hiểm.

Nhưng nếu đã đánh giá đúng mức ảnh hưởng của sự nguy hiểm đối với những người chỉ huy thì không nên hạn chế ảnh hưởng của vấn đề ở sự nguy hiểm về thể xác ngay trước mắt. Nếu điều đó khiến người chỉ huy phải khuất phục, không phải chỉ là vì nó trực tiếp đe dọa ông ta mà còn bởi nó đe dọa sẽ giáng xuống tất cả mọi thuộc hạ mà người ta đã giao cho ông ta, không phải là ở vào thời điểm cụ thể nào đó lúc xảy

ra nguy hiểm thực sự, mà nhờ có óc tưởng tượng khi gặp những thời cơ ít nhiều có liên quan tới thời điểm đó. Sau nữa, nguy hiểm không phải chỉ tồn tại trực tiếp, bằng tự bản thân nó mà thôi, nó còn tồn tại gián tiếp bằng cách làm cho tinh thần trách nhiệm luôn luôn canh cánh bên lòng những người chỉ huy. Làm sao có thể bàn luận hoặc quyết định một trận đánh lớn mà đầu óc không ít nhiều băn khoăn về mối nguy hiểm sẽ đến và về trách nhiệm phải gánh vác? Ta có thể nói rằng: ở phạm vi mà hành vi chiến tranh là một hành động thực thụ chứ không phải là một sự tồn tại đơn thuần, thì không bao giờ nó có thể thoát khỏi được môi trường của sự nguy hiểm.

Những yếu tố tình cảm khác.

Khi nghiên cứu hết thấy mọi yếu tố tình cảm nảy sinh bởi sự thù địch và sự nguy hiểm như những yếu tố có liên quan đến chiến tranh, chúng tôi cũng không loại trừ những yếu tố tình cảm thường tình khác cùng đi với con người trên đường đời; những vấn đề đó sẽ được đề cập ở đây. Người ta có thể nói là chính ý thức và trọng trách của cuộc đời đã làm đẹp bớt lòng ham muốn thấp kém đi nhiều, nhưng điều đó chỉ có giá trị đối với những người chỉ huy cấp dưới. Khi bị thúc ép từ sự nguy hiểm này tới sự nguy hiểm khác, phải tiến từ cố gắng này tới cố gắng khác, họ sẽ sao lãng ngay mọi khía cạnh khác của cuộc sống, họ sẽ mất ngay thói quen đạo đức giả (thói quen đó thật chẳng có tí giá trị nào đối

với thân chết) và thế là họ sẽ rơi ngay vào cái tâm trạng bình dị hoàn toàn quân sự mà từ trước tới nay bao giờ cũng là khía cạnh đẹp nhất của võ nghiệp. Điều đó không hoàn toàn giống như thế ở những môi trường cao cấp, vì khi chỗ đứng càng cao thì người ta lại càng phải nhìn rộng ra xung quanh mình. Những quyền lợi đối lập nhau sẽ nảy sinh cùng một lúc với một loạt những sự mê say tốt hay xấu. Tính đồ kỵ và lòng độ lượng, tính kiêu căng và tính khiêm tốn, sự bức tức và nổi xúc động, tất cả có thể xuất hiện và quay cuồng trong tấn bi kịch lớn.

Đặc tính của trí tuệ.

Những đức tính tinh thần của người chỉ huy, bên cạnh những tâm tính riêng,

có một tầm quan trọng rất lớn. Điều mà người ta hy vọng chờ đợi ở một khối óc nông cuồng, dễ bốc, thiếu chín chắn không giống cái mà người ta có thể chờ đợi ở một khối óc trầm tĩnh và cứng rắn.

Cá tính tinh thần khác nhau đưa đến những con đường khác nhau để đạt tới mục đích.

Thường chỉ ở những cương vị cao, ảnh hưởng của cái tính thần khác biệt này mới hay xuất hiện, vì ảnh hưởng ấy tăng lên theo với cấp bậc, và chính từ đó đẻ ra những con đường khác nhau để đạt tới mục đích; đó là sự khác nhau nhiều màu nhiều vẻ mà chúng tôi đã đề cập trong tập I, ở đây sự may rủi và tính xác suất sẽ chỉ chiếm phần không đồng đều trong

sự tiến triển của các biến cố.

Đặc tính thứ hai: tính nhạy bén của sự phản ứng.

Đặc điểm thứ hai của hành động chiến tranh là tính nhạy bén của sự phản ứng, và kết quả qua lại sẽ nảy ra từ đó. Không thể coi đây là việc dự tính trước sự phản ứng đó, vì nó nằm trong những khó khăn đã kể ở trên khi ta coi những lực lượng tinh thần như những đại lượng, mà phải coi là hành động qua lại do bản chất của nó vượt ra ngoài các kế hoạch đã tính trước. Ảnh hưởng mà một thủ đoạn nào đó gây ra cho đối phương sẽ là dữ kiện có tính riêng biệt nhất trong tất cả mọi dữ kiện của hành động. Tuy nhiên, lý thuyết phải chú ý tới các loại

hiện tượng và không thể hiểu thấu những trường hợp hoàn toàn cá biệt, những trường hợp này thuộc về cách đánh giá và tài năng. Tất nhiên, trong một hành động như chiến tranh mà kế hoạch dựa trên những điều kiện phổ biến, sẽ luôn luôn bị xáo động bởi những hiện tượng cá biệt không lường trước được, ta cần phải dành một phần tương đối lớn cho tài năng hơn là dựa vào những *cảm nang giáo điều*.

Đặc tính thứ ba: tính không chính xác của mọi dữ kiện.

Tính không chính xác của mọi dữ kiện tạo nên một khó khăn đặc biệt của chiến tranh, vì mọi hành động sẽ được tiến hành (nếu ta có thể nói như vậy)

trong ánh sáng mờ mờ của hoàng hôn, thường làm cho sự vật có một bề ngoài mờ ảo, một tầm vóc quá đáng, một hình dáng kỳ quái.

Để bổ khuyết vào sự thiếu minh bạch do luồng ánh sáng yếu ớt như thế sinh ra, ta phải dựa vào tài phán đoán hoặc là phó cho may rủi. Ở trường hợp thiếu sự khôn khéo khách quan thì lại càng phải dựa vào tài năng hơn nữa, có khi phải dựa vào sự may rủi.

Một giáo lý tích cực là điều không thể có được.

Do bản chất của vấn đề, chúng ta cần phải thấy là: không thể hy vọng trang bị cho nghệ thuật chiến tranh một mớ giáo lý vững chắc như một cái giàn giáo,

khiến người hành động luôn luôn có một chỗ dựa bên ngoài. Mỗi khi thấy mình có thể dựa vào tài năng của chính mình, anh ta sẽ thoát ngay ra khỏi cái môi trường giáo lý ấy và thấy có mâu thuẫn với môi trường này. Dù có để ra được bao nhiêu điều đi nữa thì giáo lý ấy bao giờ cũng có những hậu quả như chúng tôi đã nói: tài năng và thiên tài hoạt động ở ngoài quy luật và lý thuyết là đối lập với thực tế.

Lối thoát cho phép ta xây dựng một lý thuyết^[4] (Khó khăn không phải bao giờ cũng nhiều như nhau).

Có hai lối thoát có thể giúp chúng ta vượt ra khỏi những khó khăn trên.

Trước hết, điều mà chúng ta đã bàn luận về vấn đề tính chất của hoạt động chiến tranh nói chung không thể áp dụng đồng loạt cho hết thấy mọi cấp bậc của loại hoạt động này. Ở cấp thấp, người ta thường yêu cầu lòng dũng cảm hy sinh cá nhân, còn những khó khăn thì thường ít hơn, nếu nói về mặt trí thông minh và óc phán đoán. Những hiện tượng đột biến thường rất có giới hạn. Mục đích và phương pháp ít hơn, những dữ kiện chính xác hơn và thường biểu hiện ra ở những sự vật cụ thể. Những cấp bậc càng cao thì khó khăn lại càng lắm và sẽ tập trung vào đỉnh cao nhất ở người tổng chỉ huy: đối với ông ta cái gì cũng là do thiên tài quyết định cả.

Mặt khác, nếu người ta phân loại

vấn đề theo *bản chất các yếu tố của chúng* thì ta sẽ thấy không phải ở đâu cũng giống nhau. Khó khăn sẽ giảm bớt khi ta tăng cường cố gắng trong lĩnh vực vật chất và sẽ tăng lên khi chuyển sang lĩnh vực tinh thần để trở thành những lý do tạo ra nghị lực. Điều đó giải thích tại sao việc quy định trật tự bên trong, việc quy định kế hoạch tiến hành và sự chỉ đạo một trận giao chiến bằng những quy tắc lý thuyết lại dễ hơn là việc quy định phương pháp sử dụng những thứ đó. Vũ khí vật chất được sử dụng ở đây, và tuy tinh thần là thứ không thể thiếu, ta cũng vẫn phải dành cho vật chất chỗ đứng của nó. Nhưng, ở đây chỉ nói đến bản chất tinh thần của ảnh hưởng của những cuộc giao chiến mà các kết quả vật chất đã trở

thành nguyên nhân.

Tóm lại, xây dựng một lý thuyết cho *chiến thuật* thường dễ hơn là cho *chiến lược*.

Lý thuyết chỉ có thể là những ý kiến gợi ý chứ không phải là một giáo lý.

Lối thoát thứ hai cho việc xây dựng một lý thuyết là: không được coi nó như một giáo lý tích cực, nghĩa là một phương pháp hành động. Loại trừ một số điểm thay đổi nhỏ và một số lớn những điều mà người ta muốn có những kết hợp khác nhau, mọi hoạt động trong nhiều trường hợp luôn luôn vận dụng vào những việc giống nhau và dùng những

phương pháp giống nhau vào những mục đích giống nhau, phải là những mục tiêu đề nghiên cứu kỹ càng. Chính việc nghiên cứu kỹ càng này sẽ là phần chủ yếu của *mọi lý thuyết* và có như thế mới xứng đáng với danh hiệu ấy. Đây là một việc đi sâu có tính chất phân tích để nắm cho chắc vấn đề và phải thường xuyên vận dụng vào thực tế, vào lịch sử chiến tranh làm cho ta quen dần với đối tượng này (chiến tranh - *ND*). Càng đạt tới điểm đó thì lý thuyết lại càng phải chuyển từ hình thái khách quan của hiểu biết sang hình thái chủ quan của khả năng và tác dụng lại càng bộc lộ rõ, dù cho bản chất của vấn đề không cho phép một quyết định nào khác ngoài quyết định của tài năng; chính bởi thông qua điểm này

mà lý thuyết trở thành có tác dụng. Khi lý thuyết nghiên cứu những đối tượng cấu thành chiến tranh và phân giải rõ hơn những cái gì có thể lẫn lộn với nhau trong lúc mới nhìn qua, khi nó xác định đầy đủ hơn những đặc tính của các phương tiện và tác dụng có thể có của chúng trong chiến tranh, khi nó giải thích rõ ràng tính chất cho những mục tiêu cần đạt và đem ánh sáng của một sự suy nghĩ có phê phán vào toàn bộ lĩnh vực chiến tranh, chỉ lúc đó lý thuyết mới thực hiện được nhiệm vụ chính của mình. Vì chỉ như thế lý thuyết mới có thể là người hướng dẫn cho bất cứ ai muốn làm quen với chiến tranh bằng đọc sách. Lý thuyết soi đường cho họ, tạo thuận lợi cho đường đi nước bước của họ, xây dựng trí

xét đoán cho họ và làm cho họ không đi lầm đường.

Một chuyên viên đã từng hy sinh một nửa cuộc đời mình để làm sáng tỏ phanh phui mọi tiểu tiết của một vấn đề rắc rối phức tạp, tất sẽ hiểu rành rõ về vấn đề ấy hơn là người nào muốn đề cập tới vấn đề trong một thời gian rất ngắn.

Lý thuyết được xây dựng không phải là để rồi trong mỗi trường hợp lại phải sắp xếp ổn định lại trật tự và tìm tòi lỗi đi, mà là để cho mọi người thấy rõ được vấn đề một cách có trật tự và sáng sủa. Lý thuyết được dùng để bồi dưỡng cho người chỉ huy tương lai của chiến tranh, có lẽ nên nói là để hướng dẫn cho họ tự rèn luyện chứ không phải là để cặp kè

bám theo họ ở chiến trường, hết như nhà sư phạm lão luyện hướng dẫn và giúp đỡ cho người học trò trẻ phát triển tài năng, chứ không phải là để dắt người đó lệch thếch theo mình suốt cả cuộc đời.

Nếu quy tắc và những nguyên tắc rút ra từ những nhận định của lý thuyết, nếu chân lý tự nó kết tinh để tạo thành lý thuyết đó thì lúc ấy lý thuyết sẽ không đối lập với quy luật tự nhiên của trí tuệ, như vậy nhịp cầu đặt trên khung vòm của nó chỉ làm tăng thêm sức mạnh cho quy luật này mà thôi. Nhưng dù sao lý thuyết cũng chỉ nhằm để thỏa mãn quy luật triết học của tư tưởng, làm sáng rõ giao điểm của mọi tuyến chứ không phải để từ đó rút ra một công thức đại số đem sử dụng ở chiến trường. Vì những quy tắc và

nguyên tắc này chỉ nhằm để giúp cho trí óc con người biết suy nghĩ về những nét chính của các hoạt động thường lệ chứ không phải là để cấm sẵn ra những cọc chuẩn, buộc nó phải làm theo khi tiến hành công việc.

Chỉ có quan điểm đó, mới có thể có lý thuyết và chỉ có như thế lý thuyết mới không đối lập với thực tế.

Quan điểm này mở đường cho một nền lý luận thỏa đáng về chỉ đạo chiến tranh, nghĩa là một lý luận có ích, không bao giờ mâu thuẫn với thực tế và chỉ cần biết khéo léo vận dụng vào thực tế là sẽ giải quyết được sự khác biệt ngớ ngẩn giữa lý thuyết và thực tế, một sự khác biệt thường là kết quả của một lý thuyết

thiếu hợp lý, xa lạ với lý trí lành mạnh, nhưng lại thường là chỗ dựa cho những đầu óc thiên cận, ngu dốt, bất lực từ bẩm sinh.

Lý thuyết quan tâm đến bản chất của những mục đích và phương tiện.

Mục đích và phương tiện của chiến thuật.

Lý thuyết phải tự giác quan tâm đến bản chất của những phương tiện và mục đích.

Trong lĩnh vực chiến thuật, phương tiện bao gồm mọi lực lượng vũ trang đã được huấn luyện và sẽ được dùng vào chiến đấu. Mục đích là chiến thắng. Chúng tôi sẽ nói rõ thêm ý kiến này khi

nói về giao chiến. Ở đây ta hãy tạm thỏa thuận với nhau là: dấu hiệu của chiến thắng xuất hiện khi địch thủ bỏ chạy khỏi chiến trường. Nhờ ở chiến thắng này mà chiến lược đạt được mục đích đã ấn định cho cuộc chiến đấu, và đó là ý nghĩa thực sự của nó. Một chiến thắng mà mục đích là tiêu hao lực lượng thù địch khác với một chiến thắng mà mục đích chỉ nhằm chiếm đoạt có một vị trí. Ý nghĩa một cuộc giao chiến có thể có một ảnh hưởng đáng kể tới kế hoạch và tới việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch; như vậy nó cũng là một vấn đề phải suy nghĩ trong lĩnh vực chiến thuật.

Những tình huống thường xảy ra cùng với việc sử dụng các phương tiện.

Khi sử dụng các lực lượng vũ trang, ta phải chú ý tới một số tình huống đặc biệt luôn luôn theo sát và ảnh hưởng đến cuộc giao chiến. Những tình huống ấy là: địa điểm, thời điểm trong ngày và những điều kiện thời tiết.

Điều kiện địa hình:

Điều kiện địa hình mà chúng ta hiểu là bản thân địa điểm và thổ nhưỡng, có thể nói một cách chặt chẽ, sẽ không có một tí ảnh hưởng nào nếu cuộc giao chiến được tiến hành trên một vùng hoàn toàn bằng phẳng và không trồng trọt.

Trong thực tế, ta thường chỉ có thể gặp trường hợp này ở những vùng đồng cỏ hoang, còn ở châu Âu văn minh thì khái niệm đó chỉ có thể có trong tương

tượng. Giữa các dân tộc văn minh, việc tác chiến trên một vùng hoặc trên một địa điểm không có một tí ảnh hưởng nào là điều kỳ quái, không thể hiểu được.

Thời điểm trong ngày:

Thời điểm trong ngày có ảnh hưởng tới giao chiến, do sự khác nhau giữa ban ngày và ban đêm; nhưng ảnh hưởng này vượt quá giới hạn của sự khác nhau đó, vì mỗi cuộc giao chiến đều chiếm một số thời gian gồm một số lớn giờ trong những trận lớn. Vấn đề cuộc tác chiến bắt đầu vào buổi sáng hay buổi chiều có một sự khác nhau mà người ta phải quan tâm đến khi đặt kế hoạch tác chiến.

Tuy nhiên, cũng có không ít những cuộc giao chiến mà vấn đề thời điểm

trong ngày không có tỷ quan trọng nào, và nếu có thì ảnh hưởng cũng thường là nhỏ bé.

Điều kiện thời tiết:

Lại càng hiếm trường hợp mà điều kiện thời tiết có một ảnh hưởng quyết định, và hầu như chỉ sương mù là có đôi chút ảnh hưởng khiến ta phải chú ý.

Mục đích và phương tiện trong chiến lược:

Đối với chiến lược; chiến thắng (nghĩa là thắng lợi chiến thuật) vốn chỉ là một phương tiện, và những yếu tố nào có thể đưa thắng đến hòa bình đều phải coi như là mục tiêu cuối cùng. Việc sử dụng những phương tiện chiến lược nhằm đạt

mục tiêu chiến lược thường phải kèm theo những điều kiện hoặc nhiều hoặc ít có ảnh hưởng.

Những tình huống đi cùng với việc sử dụng các phương tiện:

Những tình huống này là: địa phương và địa hình, bao gồm đất nước và nhân dân vùng xảy ra chiến tranh; sau nữa là thời điểm trong ngày và cũng là trong mùa, rồi đến những hiện tượng thời tiết, đặc biệt là những hiện tượng bất thường như băng giá mạnh, v.v.

Chúng cung cấp những phương tiện mới.

Khi kết hợp những yếu tố này với kết quả của một cuộc giao chiến, chiến lược

đem lại cho kết quả, và vì vậy cho giao chiến, một ý nghĩa đặc biệt, *nó định cho giao chiến một mục đích đặc biệt.* Nhưng, trong mức độ mục đích này không đưa thẳng đến hòa bình mà chỉ nhằm đạt một mục tiêu thứ yếu, ta cũng phải coi nó như một phương tiện. Trong chiến lược, những thắng lợi do những cuộc giao chiến hoặc chiến thắng thu được gồm nhiều ý nghĩa khác nhau, ta phải coi chúng như những phương tiện. Việc chiếm được một vị trí không có gì khác hơn là một thành công tương tự ứng dụng vào địa hình. Nhưng không phải chỉ những cuộc giao chiến khác nhau và những mục đích riêng biệt mới được ta coi là phương tiện. Mọi khái niệm cao cấp kết hợp các cuộc giao chiến lại

hướng chúng vào một mục đích chung, phải được coi như là một phương tiện. Một chiến dịch tiến hành vào mùa đông chỉ là một kiểu phối hợp cùng loại, vận dụng theo mùa mà thôi.

Như vậy, chỉ còn những vấn đề được coi như *dẫn thẳng* tới hòa bình mới là mục đích. Lý thuyết phải đề cập tới hết thấy mọi mục đích và mọi phương tiện ấy, căn cứ theo bản chất của những hiệu quả và những mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau.

Những mục đích và những phương tiện mà chiến lược nghiên cứu chỉ có thể tìm thấy trong kinh nghiệm.

Vấn đề trước tiên là phải hiểu: chiến

lược làm thế nào để có được một tổng kê tường tận về tất cả những sự việc ấy. Một cuộc nghiên cứu có tính chất triết học chỉ nhằm đạt một kết quả có tính chất tất yếu lô-gích sẽ không khỏi cảm thấy lúng túng trước những khó khăn phức tạp sẽ nảy ra, bởi lẽ một tất yếu lô-gích sẽ không có chỗ đứng trong lĩnh vực chỉ đạo và trong lý thuyết về chiến tranh. Như vậy, phải căn cứ vào kinh nghiệm thực tế và phải chuyên tâm nghiên cứu những cuộc phối hợp đã được ghi trong lịch sử quân sự. Có thể đó sẽ là một lý thuyết bị hạn chế, đúng thế, nhưng nó lại thích ứng được với những dữ kiện mà lịch sử quân sự sẽ cung cấp. Điểm hạn chế này quả thật khó tránh khỏi, không phải chỉ vì lý thuyết phải rút ra những kết luận và những điều

khẳng định của mình từ trong lịch sử quân sự, hay ít ra cũng phải có sự đối chiếu với lịch sử quân sự. Và lại điểm hạn chế này nói cho cùng có tính chất lý thuyết hơn là có tính chất thực tế.

Một trong những lợi ích chính của phương pháp này là ngăn ngừa lý thuyết khỏi sa vào những chuyện vụn vặt, nhỏ nhặt và hão huyền, khiến cho lý thuyết luôn luôn đứng vững trên miếng đất của thực tiễn.

Việc phân tích các phương tiện phải đi tới đâu?

Một vấn đề khác là phải hiểu được rằng: trong việc phân tích các phương tiện, lý thuyết sẽ phải đi đến đâu? Tất nhiên không đi xa hơn thói quen sử dụng

những đặc tính khác nhau của phương tiện. Tầm xa và hiệu lực của các loại vũ khí khác nhau là một điểm quan trọng đặc biệt đối với chiến thuật. Tuy rằng nhờ có chế tạo mới có vũ khí, song việc chế tạo lại chẳng hề có tý quan hệ nào, vì để tiến hành chiến tranh, người ta cần đến vũ khí hoàn chỉnh và hiệu quả của chúng chứ không phải là than, diêm sinh và diêm tiêu, đồng và kẽm để làm ra thuốc súng và đúc súng. Chiến lược phải dùng đến bản đồ nhưng chẳng cần bận tâm đến phép tính tam giác lượng. Nó cũng chẳng hề phải bận tâm nghĩ đến chế độ của đất nước cũng như phương pháp giáo dục và cai trị nhân dân để đảm bảo cho sự vững chắc của những thắng lợi quân sự. Nó vận dụng tất cả những vấn

đề đó với nguyên trạng có sẵn trong lòng xã hội châu Âu và chỉ chú ý tới điều kiện này hay điều kiện nọ, xem điều kiện nào sẽ có thể gây ra một ảnh hưởng đáng kể tới chiến tranh mà thôi.

Sự giản đơn cao độ của những điều hiểu biết.

Như vậy là ta đã dễ dàng nhận định được rằng số lượng những vấn đề mà lý luận đề cập tới sẽ rất hạn chế, điều đó cũng làm giảm bớt những kiến thức cần thiết cho việc chỉ đạo chiến tranh. Cái khối lượng rất lớn những kiến thức và những năng lực mà hoạt động quân sự đề ra là những cái rất cần thiết mà quân đội phải được trang bị đầy đủ trước khi đạt tới mục đích thực sự, thông qua chiến

tranh: nó hoàn toàn giống như những dòng suối đổ vào con sông trước khi chảy ra ngoài biển chỉ có những hoạt động lao thẳng vào biển cả chiến tranh là những cái mà người nào muốn chỉ đạo chúng phải nghiên cứu một cách chu đáo.

Điều đó giải thích việc đào tạo nhanh chóng những người chỉ huy vĩ đại của chiến tranh, và vì sao một người chỉ huy lại không phải là một học giả.

Kết luận đó của sự phân tích của chúng tôi cần thiết đến mức chúng tôi nghi ngờ sự chính xác của những kết luận khác. Chỉ có nó là giải thích được vì sao lại có những con người mà hoạt động trước kia thì hoàn toàn khác, nhưng trong

chiến tranh (ngay cả ở những cấp bậc cao, ngay cả những người tổng chỉ huy) họ lại đạt được những chiến công rực rỡ. Trên thực tế, những tướng lĩnh lớn đều không bao giờ xuất thân ở giai tầng những sĩ quan có học thức uyên bác hoặc những học giả; thông thường hoàn cảnh của họ không cho phép họ thu thập được những kiến thức rộng rãi. Vì vậy, bất cứ ai cho rằng việc đào tạo một người chỉ huy tương lai của chiến tranh nhất thiết phải bắt đầu bằng việc nhồi nhét cho anh ta mọi chi tiết tỉ mỉ, hoặc chỉ như thế mới có ích, người đó sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ bởi sự gàn dở của mình. Người ta có thể dễ dàng chứng minh rằng kiểu giáo dục như vậy là không tốt, vì trí tuệ con người sẽ hình

thành dần dần qua những kiến thức và khuynh hướng tư tưởng mà người ta giáo dục anh ta. Chỉ có sự vĩ đại là làm cho anh ta trở thành vĩ đại; còn sự thấp kém sẽ làm cho anh ta thấp kém, trừ phi anh ta cương quyết xa lìa chúng, coi như những cái gì xa lạ với bản chất của mình.

Những mâu thuẫn cũ.

Vì không thừa nhận sự đơn giản của những hiểu biết cần thiết cho chiến tranh, ngược lại còn lẫn lộn những hiểu biết với kiến thức và những khả năng thứ yếu trong con người nên người ta không giải quyết được những mâu thuẫn hiển nhiên khi đụng chạm với những hiện tượng của thế giới thực tế, ngoài cách đổ tất cả cho thiên tài, còn thiên tài thì lại chẳng thêm

đêm xia đến lý thuyết và lý thuyết cũng không phải biên soạn ra cho thiên tài.

Vì vậy người ta phủ nhận mọi tác dụng của hiểu biết và chỉ trông cậy vào thiên tài tự nhiên.

Những người có lương tri toàn vẹn đều cảm thấy khoảng cách vô hạn^[5] giữa một thiên tài tuyệt đỉnh với một nhà thông thái gàn dở. Họ sẽ đạt tới một thứ tự do tư tưởng gạt bỏ mọi lý thuyết và làm cho chiến tranh trở thành một nhiệm vụ tự nhiên của con người họ. Họ sẽ hoàn thành nhiệm vụ tốt hay xấu tùy theo họ đã ra đời với nhiều hay ít năng khiếu về chiến tranh. Ta chẳng thể chối cãi được rằng những người này còn gàn chân lý hơn là những người chỉ biết bo bo bám

vào mớ kiến thức sai lầm; tuy nhiên người ta sẽ sớm nhận thức được rằng ý kiến trên chỉ là một sự quá lời. Sẽ không thể có những hoạt động về trí tuệ nếu con người không có một số khái niệm, những khái niệm ấy không phải là tự trời sinh mà là do con người đã thu lượm, tích lũy, tạo thành tri thức riêng của mình. Như vậy, điều chủ yếu là cần phân biệt cho rõ những khái niệm ấy thuộc vào loại nào và phải biết hướng vào những cái sau này chiến tranh trực tiếp cần đến để mà thu lượm, tích lũy.

Kiến thức phải phù hợp với cấp bậc.

Trong lĩnh vực những hoạt động quân sự, các kiến thức nói trên phải biến

đổi cho tương xứng với cấp bậc của người chỉ huy. Ở những cấp dưới, nó thường chỉ là những vấn đề ít quan trọng và hạn chế, ở những cấp bậc cao các vấn đề lại quan trọng và rộng lớn hơn. Một số vị tổng chỉ huy có thể không xuất sắc gì lắm khi chỉ huy một trung đoàn kỵ binh, và ngược lại cũng thế.

Hiểu biết trong chiến tranh thật rất đơn giản, nhưng không phải bao giờ cũng rất dễ dàng.

Cái khiến cho sự hiểu biết trở thành rất đơn giản trong chiến tranh (nghĩa là áp dụng nó đối với rất ít đối tượng, hơn nữa lại chỉ cần căn cứ vào kết quả cuối cùng của nó) không có nghĩa là có thể dễ dàng áp dụng được nó trong thực tiễn.

Trong tập I, chúng tôi đã nêu ra những khó khăn mà hành động chiến tranh nói chung đã vấp phải; chúng tôi cũng không dừng lại ở đây để nói về những khó khăn mà ta chỉ có thể khắc phục bằng lòng dũng cảm. Chúng tôi muốn nói rằng, bản thân hoạt động trí tuệ chỉ đơn giản và dễ dàng ở những cấp bậc dưới, rằng khó khăn sẽ tăng lên theo chức vụ cho tới cấp bậc tối cao - cấp bậc tổng chỉ huy, loại hoạt động này là một trong những vấn đề khó khăn nhất mà trí tuệ con người phải đề cập, suy xét đến.

Bản chất của thứ hiểu biết ấy.

Vị tổng chỉ huy không cần thiết phải là nhà sử học thông thái hoặc là nhà văn, nhưng ông ta nhất thiết phải là người

thông hiểu những vấn đề lớn của quốc gia, ông ta phải hiểu và phải biết đánh giá đúng những khuynh hướng truyền thống, những quyền lợi phải thanh toán, những vấn đề phải giải quyết, những nhân vật lãnh đạo. Ông ta không cần phải là một nhà tâm lý học già dặn, một nhà quan sát tinh tế để tiến hành phân tích tỉ mỉ tâm tính con người, nhưng nhất thiết ông ta phải hiểu tâm tính, phương pháp suy nghĩ và những tập quán, những cá tính tốt xấu của những người dưới quyền. Ông ta không cần phải hiểu rõ từng chi tiết của việc chế tạo xe cộ, của việc đóng ngựa vào xe để kéo đại bác, nhưng nhất thiết là ông ta phải có một ý niệm rõ rệt về thời gian cần thiết cho một binh đoàn hành quân trong những điều kiện khác

nhau. Đây là những kiến thức không thể moi ra từ những công thức khoa học hoặc từ những hệ thống máy móc, mà chỉ có thể có được ở một trí xét đoán hoàn hảo vận dụng vào mọi sự vật và cuộc sống, cộng với tài năng của mình.

Những hiểu biết cần thiết cho một nhiệm vụ quân sự cao cấp chỉ có thể có được do một năng lực quan sát đặc biệt, nghĩa là một sự nghiên cứu suy nghĩ dựa vào một thứ bản năng trí tuệ để rút ra tinh túy của các hiện tượng trong cuộc sống, như con ong biết hút mật từ hoa. Thứ hiểu biết ấy không những có thể có được bởi sự quan sát và nghiên cứu, mà phải kinh qua cuộc sống nữa. Dù cho những lời giáo huấn của nó hết sức phong phú, cuộc sống cũng chẳng bao

giờ có thể sản sinh ra được một Niu-ton hoặc một Ô-le, nhưng cuộc sống lại có thể làm nảy ra những bài toán cao cấp của một Công-đê hoặc một Phrê-đê-rích Đại đế.

Quả là vô ích khi sử dụng đến những điều phản lại chân lý hoặc những lý lẽ gàn dở vô lý để bảo vệ cho phẩm giá tinh thần của hoạt động quân sự. Không hề có một người chỉ huy vĩ đại, xuất sắc nào mà đầu óc lại thiên cận, nhưng cũng đã có rất nhiều trường hợp trong đó nhiều người đã từng nổi bật ở các cấp bậc thấp song khi được cất nhắc lên cấp bậc cao thì lại chỉ đạt tới điểm trung bình, do thiếu năng lực trí tuệ. Vậy, tất nhiên là ngay trong các vị tổng chỉ huy cũng phải thiết lập một hệ thống thứ bậc,

tùy theo mức độ uy tín của họ.

Hiểu biết phải biến thành khả năng.

Chúng ta còn phải nghiên cứu một khía cạnh quan trọng hơn mọi khía cạnh khác của thứ hiểu biết có liên quan tới việc chỉ đạo chiến tranh. Đó là vấn đề phải làm sao để hiểu biết tự nó thấm vào trí tuệ một cách hoàn toàn nhuần nhuyễn chứ không phải chỉ tồn tại như một vật thể khách quan. Trong hầu hết mọi ngành nghệ thuật và mọi hoạt động khác của đời sống, con người hành động có thể đã có lần vận dụng được những chân lý mà anh ta chưa hiểu rõ tinh thần và ý nghĩa của chúng; những chân lý ấy được anh ta rút ra từ những sách vở đầy bụi bặm. Ngay

cả những chân lý mà anh ta vận dụng thường ngày cũng vẫn có thể hoàn toàn không phải là của anh ta^[6]. Khi nhà kiến trúc cầm bút tính toán những con số rắc rối về sức chịu đựng của một vòm chống, kết quả ấy là một sự thật không phải toát ra từ trí óc của ông ta. Trước tiên là ông ta phải vất vả tìm kiếm các dữ kiện, sau đó ông ta vận dụng trí óc vào một bài toán mà công thức không phải là tự ông ta đặt ra, và ông ta cũng chưa phải là đã thấy ngay lập tức tính tất yếu của nó, song ông ta đã vận dụng một cách máy móc trong phần lớn trường hợp. Trong chiến tranh, sự việc không bao giờ diễn ra như vậy. Phản xạ của trí não, sự biến đổi liên tục của sự việc khiến con người đương hành động phải luôn luôn vận

dụng mọi hiểu biết của mình để có thể bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng có thể tự mình rút ra những quyết định cần thiết.

Chính nhờ sự đồng hóa hoàn toàn trí tuệ với cuộc sống của chính mình mà hiểu biết đã biến thành khả năng thực sự. Đó là lý do vì sao mọi việc đều có vẻ dễ dàng đối với những con người tài giỏi trong chiến tranh và vì sao người ta lại gán cho nghệ thuật của họ là tài năng tự nhiên. Chúng tôi nói tài năng tự nhiên để phân biệt nó với thứ thiên tài được hình thành và hoàn thiện bởi sự quan sát và học tập.

Do những suy luận trên, chúng tôi nghĩ rằng mình đã nói rõ về nhiệm vụ của

lý thuyết chiến tranh và đã vạch ra phương hướng giải quyết vấn đề.

Chúng tôi đã chia sự chỉ đạo chiến tranh ra làm hai khu vực chiến thuật và chiến lược, và như chúng ta nhận xét: lý thuyết về chiến lược rõ ràng có những khó khăn lớn nhất. Vì chiến thuật chỉ gồm có một phạm vi hẹp còn chiến lược thì bao trùm những mục tiêu đưa thẳng tới hòa bình, lĩnh vực rộng lớn đầy những khả năng mọi hình mọi vẻ. Nhiệm vụ của vị tổng chỉ huy chủ yếu là phải tính toán và đề xuất ra các mục tiêu ấy, phần chiến lược mà ông ta chịu trách nhiệm lại bị khó khăn này chi phối một cách đặc biệt.

Trong chiến lược, ít hơn là trong chiến thuật, nhất là khi phải giải quyết

hoạt động hàng đầu, lý thuyết lại càng không chỉ đơn thuần nhận định sự vật. Lý thuyết làm cho chiến lược có tầm nhìn sáng sủa hơn, hòa hợp với hoạt động tư tưởng nhằm tuân theo một chân lý khách quan, khiến ta có những quyết định dễ dàng và vững vàng, không bao giờ làm cho chiến lược tự mâu thuẫn với bản thân nó.

1. D.H. Von Bulow (chú thích của người dịch ra tiếng Pháp).

2. De Jomini (chú thích của người dịch ra tiếng Pháp).

3. Bản tiếng Pháp: mouvement effectif, dịch sát nghĩa là: vận động tình cảm.

4. Bản tiếng Pháp: Issues qui permettent d'entrevoir une théorie. Dịch sát nghĩa là: Lối thoát cho phép ta ước đoán ra một lý thuyết - N.D.

5. Bản tiếng Pháp: L'immensité de la lacune. Dịch sát nghĩa là: khoảng mênh mông vô hạn của cái lỗ hổng - N.D.

6. Bản tiếng Pháp peuvent rester tout à fait extérieures à elles. Dịch sát nghĩa là: có thể vẫn hoàn toàn còn ở bên ngoài những chân lý ấy.

Chương 3

NGHỆ THUẬT CHIẾN TRANH HAY KHOA HỌC CHIẾN TRANH

Không có sự thống nhất trong việc dùng từ (khả năng và hiểu biết. Khoa học, khi để nói về hiểu biết; nghệ thuật khi nhằm nói về khả năng).

Điều này tuy có vẻ giản đơn, nhưng hình như người ta chưa nhất trí về việc lựa chọn danh từ và cũng không biết dựa vào lý do gì để làm cơ sở cho sự lựa chọn đó. Chúng tôi đã có dịp nói hiểu biết (savou) là một vấn đề, và khả năng (pouvou) lại là một vấn đề khác. Hai vấn đề hoàn toàn khác nhau đến nỗi ta không bị lẫn lộn nhiều lắm. Cái mà người ta có thể làm được thật ra không có trong sách

vở, cho nên từ “nghệ thuật”^[1] không bao giờ được là tên gọi của một cuốn sách. Nhưng người ta đã có thói quen tóm tắt những kiến thức cần thiết cho hoạt động của một ngành nghệ thuật (những kiến thức đó, khi viết riêng lẻ lại có thể là những môn khoa học đầy đủ, hoàn hảo) dưới danh nghĩa là tác phẩm lý luận của nghệ thuật hay gọn hơn là nghệ thuật, và như vậy cũng là hợp lý khi ta vẫn giữ sự phân chia đó và gọi là nghệ thuật những cái gì liên quan đến một khả năng sáng tạo, ví dụ nghệ thuật kiến trúc, và gọi là khoa học những cái gì chỉ đề cập tới sự hiểu biết, tới tri thức thuần túy như toán học, thiên văn học.

Bất cứ lý luận nghệ thuật nào cũng

bao gồm những khóa học đặc thù hoàn chỉnh, đó là điều nhất định rồi, và nó không làm cho ta lằm lẩn. Nhưng cần phải chú ý là không thể có một hiểu biết nào mà lại gạt nghệ thuật ra ngoài; thí dụ như toán học, số học và đại số là những môn nghệ thuật, nhưng nói như thế chưa giải quyết hết được vấn đề. Nguyên nhân là như sau: dù cho sự khác nhau giữa hiểu biết và khả năng có thô sơ và rất dễ thấy rõ đến đâu đi nữa thì ở giữa một đồng phức tạp những phạm trù tổng hợp thành những kiến thức của loài người, con người cũng khó có thể vạch được một đường giới tuyến hạn định rõ nét một cách hoàn hảo giữa hai phạm trù này.

Khó khăn khi phân tách trí tuệ (entendement) và óc phán đoán

(judgement).

(Nghệ thuật chiến tranh).

Thật ra, mọi hoạt động của tư tưởng đều là nghệ thuật. Nghệ thuật bắt đầu khi nhà lô-gích học vạch một vạch^[2], nơi đó chấm dứt những tiền đề kết quả của sự hiểu biết và nhường chỗ cho sự phán đoán. Hơn nữa: những nhận định của trí tuệ cũng là một sự phán đoán và như thế cũng là một nghệ thuật, và cuối cùng những hiểu biết mà ngũ quan ta đã thu lượm được tất nhiên cũng là nghệ thuật.

Nói gọn lại, một con người có năng khiếu hiểu biết mà lại không có khả năng suy xét cũng như ngược lại, là điều không thể có được. Không thể hoàn toàn

tách rời nghệ thuật và hiểu biết. Những phần tử nhỏ li ti của ánh sáng càng thành hình qua hình thái vũ trụ ngoại giới bao nhiêu thì vương quốc^[3] của chúng ta lại càng làm chúng xa lìa nhau bấy nhiêu. Một lần nữa: lĩnh vực của sự sáng tạo, của sản xuất là lĩnh vực của nghệ thuật, nhưng khi người ta nhằm vào để tìm hiểu và để hiểu biết thì lúc đó khoa học lại là chúa tể. Từ đây, ta nói nghệ thuật chiến tranh thì đúng hơn là nói khoa học chiến tranh.

Những điều chỉ dẫn đó đã đủ để làm sáng tỏ những quan niệm mà ta không thể bỏ qua. Nhưng chúng tôi không ngần ngại để khẳng định rằng chiến tranh không phải là một nghệ thuật, cũng chẳng phải

là một khoa học theo đúng nghĩa thực của nó và chính từ điểm đó mà người ta phạm sai lầm là hình dung chiến tranh như những loại nghệ thuật khác hoặc những loại khoa học khác, điều đó gây ra những cái giống nhau sai lầm (analogies-erronnées).

Đời xưa người ta đã cảm thấy như vậy và coi chiến tranh là một nghề, nhưng điều này có hại hơn là có lợi vì một nghề chỉ mới là một loại nghệ thuật ở cấp thấp, và như thế phải phục tùng những quy luật chặt chẽ và cứng rắn hơn. Thật ra, nghệ thuật chiến tranh trong một thời gian đã tiến triển với tâm lý của một nghề nghiệp, ở thời kỳ những condottieri^[4]. Nhưng đó chỉ là một chiều

hướng tồn tại bởi những lý do khách quan chứ không phải chủ quan, và lịch sử quân sự đã chứng minh rằng nó không tự nhiên và ít thỏa đáng như thế nào.

Chiến tranh là một hình thái của những mối quan hệ giữa người với người.

Như vậy chúng tôi nói rằng chiến tranh không thuộc lĩnh vực nghệ thuật và khoa học mà thuộc lĩnh vực đời sống xã hội. Chiến tranh là sự xung đột giữa những quyền lợi lớn phải giải quyết bằng đổ máu, và chính vì thế nên chiến tranh mới không giống với các loại xung đột khác. Ta hãy nên so sánh chiến tranh với thương mại hơn là với bất cứ một môn nghệ thuật nào khác vì thương mại cũng

là một sự xung đột giữa những quyền lợi và những hoạt động của con người. Chiến tranh lại càng gần gũi hơn với chính trị, bởi vậy cũng có thể coi chính trị (nếu không toàn bộ thì cũng một phần) như là một thứ thương mại ở quy mô lớn. Thêm nữa, chính trị còn là lòng mẹ trong đó chiến tranh phát triển; những nét phôi thai của chiến tranh đã bước đầu thành hình và vin vào chính trị hết như những thuộc tính của sinh vật nằm trong bào thai của nó.

Điểm khác nhau.

Điểm khác nhau chủ yếu là: chiến tranh không phải là hoạt động của ý chí tác động vào một vật thể bất động như trong công nghệ, cũng chẳng phải vào

một sinh vật thụ động và ngoan ngoãn, như là trí tuệ và tri giác của con người trong mỹ thuật, mà tác động vào một đối tượng đang sống và có sức chống trả. Thật là rõ như đập vào mắt khi thấy nếp tư duy khái quát^[5] của nghệ thuật và khoa học không thích hợp lắm với loại hoạt động này, và lòng ham muốn đề ra những quy tắc, tương tự như những quy tắc đã đề ra cho thế giới những vật vô tri, sẽ luôn luôn đề ra hết sai lầm này đến sai lầm khác. Thế mà người ta lại muốn đồng hóa nghệ thuật chiến tranh vào lĩnh vực công nghệ. Ta không cần bàn tới sự bắt chước mỹ thuật, loại hình này còn thiếu nhiều quy luật và quy tắc; những điều mà người ta đã dự định vận dụng đều không đầy đủ và khắp khiếm, cũng

như đã không ngừng bị các luồng tư tưởng, những tình cảm và những tập quán lật nhào và quét sạch.

Một cuộc xung đột của những yếu tố sinh vật, như cái mà người ta thấy hình thành và được giải quyết trong chiến tranh, có thể bị ép buộc tuân theo những quy luật chung và những quy luật ấy có thể đề ra được một quy tắc làm việc có ích cho hành động không? Đây là một phần công việc mà cuốn sách này tự xác định nhiệm vụ nghiên cứu. Một điều hiển nhiên là vấn đề này, cũng như tất cả những vấn đề khác, không vượt qua khả năng hiểu biết của chúng ta, có thể được soi sáng và trình bày nhiều hoặc ít trong sự thống nhất nội tại của nó nếu trí tuệ nghiên cứu; điều đó cũng đủ để xác minh

cho một lý thuyết.

Chú thích:

1. Theo tiếng Đức, từ *Kunst* chỉ nghệ thuật lại cùng gốc với từ *Konnen* chỉ khả năng (chú thích của Denise Naville - người dịch ra bản tiếng Pháp).

2. Tức là chuyển sang kết luận (Ban biên tập bản tiếng Nga).

3. Vương quốc (royaume), ý nói: môi trường trong đó chúng ngự trị - *ND*.

4. Condottieri (tiếng Ý): chỉ bọn lính đánh thuê thời trung cổ ở Ý và sau này người ta dùng để chỉ bọn lính đánh thuê nói chung - *ND*.

5. Bản tiếng Pháp viết: schémas

idéologiques, có thể hiểu là các lý thuyết về nghệ thuật và khoa học - *ND*.

Chương 4

CHỦ NGHĨA PHƯƠNG PHÁP

Muốn giải thích rõ ràng khái niệm về phương pháp và chủ nghĩa phương pháp (hai khái niệm này giữ một vai trò rất quan trọng trong chiến tranh), chúng tôi thấy cần phải điếm qua cái hệ thống lô-gích ngự trị trong thế giới của hành động.

Quy luật (loi) là phạm trù phổ biến nhất, ứng dụng vào sự hiểu biết cũng như vào hành động; thì rằng theo đúng nghĩa, nó có cái gì chủ quan và độc đoán, khái niệm này biểu hiện cái mà chúng ta cũng như mọi vật thể ở bên ngoài chúng ta phải phụ thuộc vào. Là đối tượng của hiểu biết, quy luật diễn tả mối liên quan

của sự vật và ảnh hưởng qua lại của chúng. Là đối lượng của ý chí, quy luật là sự xác định hành động và giống như *mệnh lệnh* và *sự ngăn cấm*.

Nguyên tắc (principe) cũng là quy luật liên quan đến hành động, nhưng không phải với *ý nghĩa triệt để về hình thức*; nó chỉ lấy tinh thần và ý nghĩa của quy luật để giúp cho sự phán đoán có một tầm quan trọng rộng rãi trong ứng dụng khi những sự khác biệt của thế giới hiện thực không thể quây gọn trong hình thái hoàn chỉnh của quy luật. Vì chính sự phán đoán cũng phải xác minh những lý do tại sao không thể vận dụng được nguyên tắc, vì vậy cho nên nguyên tắc đó cũng trở thành một điểm tựa, thành ngôi sao dẫn đường cho con người hành động.

Nguyên tắc có tính *khách quan* khi nó là kết quả của một sự thật khách quan, nghĩa là có giá trị cho tất cả mọi người; nguyên tắc có tính chủ quan khi nó phản ánh những mối quan hệ chủ quan, và như thế nó chỉ có giá trị riêng cho người đã xây dựng ra nó để sử dụng mà thôi; trong trường hợp ấy người ta thường gọi đó là một *châm ngôn* (maxime).

Quy tắc (règle) thường được coi như quy luật, và khi đó về ý nghĩa nó cũng có giá trị như nguyên tắc, vì người ta có thể nói: không có quy tắc nào là không có ngoại lệ, như thế nghĩa là quy tắc thường cho phép ta vận dụng một cách linh hoạt hơn, mềm dẻo hơn.

Trong một ý nghĩa khác, người ta sử

dụng quy tắc như một biện pháp để tìm hiểu một sự thật chưa được bộc lộ, nhờ một dấu hiệu riêng biệt gần hơn để gắn liền biểu hiện ấy vào quy luật hành động phù hợp với toàn bộ sự thật. Tất cả những quy tắc về trò chơi (jeu: danh từ toán học - *ND*), tất cả những phương pháp vẫn tắt ở toán học, v.v. đều như thế cả.

Điều lệnh (règlement) và *huấn lệnh* (instruction) là sự xác định hành động liên quan đến một mớ những tình huống nhỏ nhất, quá nhiều và vụn vặt nên không thể bao quát trong quy luật chung được.

Sau hết, *phương pháp*, *cách làm việc* là một phương sách bất biến lựa chọn trong những phương sách có giá trị

như nhau và *chủ nghĩa phương pháp* (méthodisme) vận dụng vào hành động đáng lẽ ra phải do những nguyên tắc chung hay những điều lệnh cá nhân quy định thì lại tuân theo các phương pháp. Điều này cho phép giả thiết là những trường hợp ứng dụng một phương pháp như vậy sẽ hoàn toàn giống nhau về những mặt chung nhất. Vì không thể bắt cứ trường hợp nào cũng như vậy nên điều quan trọng là ít ra càng có nhiều trường hợp như vậy càng tốt, nói một cách khác là phương pháp phải dựa trên *những trường hợp có thể xảy ra nhất*. Chủ nghĩa phương pháp không phải là xây dựng trên những tiền đề rõ rệt đặc biệt mà dựa vào tỷ lệ *xác suất trung bình* của những trường hợp giống nhau;

mục đích của chủ nghĩa phương pháp là tạo nên một chân lý trung bình mà sự áp dụng kiên trì, đồng đều sẽ sớm làm nảy sinh ra một loại năng lực máy móc và nhờ khả năng đó người ta làm được một cách hâu như không suy nghĩ những cái cần phải làm.

Trong chỉ đạo chiến tranh, người ta rất có thể bỏ qua khái niệm về quy luật có liên quan tới hiểu biết, vì những hiện tượng thường không đồng đều và những hiện tượng đồng đều thì lại không đủ phức tạp để khái niệm này tạo cho ta nhiều thuận lợi hơn chân lý thuần túy và đơn giản. Khi những khái niệm và ngôn ngữ đơn giản cũng đã đủ dùng thì những cách diễn giải và những ý kiến phức tạp trừu tượng tất trở thành quá hào nhoáng

và sáo rỗng, ứng dụng vào hành động, ý niệm về quy luật không thể dùng được trong lý thuyết chỉ đạo chiến tranh, do tính chất hay thay đổi và tính chất nhiều màu nhiều vẻ của các hiện tượng, nên không thể có cách kết hợp nào có tính chất phổ biến đến mức gọi là quy luật được.

Trái lại, nguyên tắc, quy tắc, điều lệnh và phương pháp là những khái niệm rất cần cho lý thuyết chỉ đạo chiến tranh, mức độ mà những lý thuyết đó đi tới một bài học tích cực, vì rằng chân lý chỉ có thể thâm nhập vào lý thuyết dưới hình thức kết tinh như vậy mà thôi.

Vì chiến thuật là một bộ phận của chỉ đạo chiến tranh mà từ đó lý thuyết có

thể xây dựng được một giáo lý tích cực, cho nên chính ở trong chiến thuật, người ta thường hay có những quan niệm này nhất.

Không sử dụng kỵ binh khi chưa cần thiết để đánh bộ binh còn nguyên vẹn, chỉ cho sử dụng súng khi bắt đầu thấy có hiệu lực chắc chắn; trong giao chiến, dự trữ thật nhiều lực lượng cho giai đoạn cuối: đó đều là những nguyên tắc chiến thuật. Tất cả những nguyên tắc đó không thể tuyệt đối ứng dụng vào mọi trường hợp ngoại lệ, nhưng có điều là chúng phải luôn luôn thường trực trong tâm trí người hành động để họ có thể lợi dụng những chân lý chứa đựng trong các nguyên tắc trên, khi những chân lý này có giá trị.

Khi thấy có sự náo động khác với thường ngày của một đạo quân, điều đó khiến ta nghĩ là nó sắp xuất quân; khi thấy sự bố trí đội hình chiến đấu có dấu hiệu của một cuộc nghi binh, phương pháp giúp ta nhận định ra sự thật đó được gọi là một quy tắc, vì chỉ qua một tình huống nhìn thấy mà ta có thể kết luận tình huống ấy nằm trong ý định gì.

Nếu thường thường người ta phải tiến công địch một cách mạnh mẽ hơn khi địch bắt đầu đưa pháo rút khỏi chiến trường, đó chính là vì sự kiện riêng này gắn với chuỗi hành động liên quan đến toàn bộ tình hình địch, tình hình mà sự việc vừa rồi đã giúp ta phán đoán chính xác: địch có chiều hướng bỏ chiến đấu, sửa soạn rút chạy và nó sẽ không hoạt

động bằng cách kháng cự kịch liệt, cũng chẳng bằng cách cố tránh đối phương bằng bất kỳ giá nào.

Điều lệnh và phương pháp dựa vào chiến tranh những lý thuyết đề chuẩn bị cho chiến tranh vì người ta truyền những lý thuyết này cho các lực lượng chiến đấu và coi chúng như những yếu tố luôn luôn tác động. Toàn bộ những huấn lệnh về đội hình, về huấn luyện, về hoạt động dã ngoại đều là những quy tắc và phương pháp.

Trong những huấn lệnh về huấn luyện, quy tắc sẽ chiếm ưu thế còn trong những huấn lệnh về dã ngoại thì phương pháp sẽ chiếm ưu thế. Thêm vào đó, sự chỉ đạo chiến tranh chính thức vận dụng

những cái đó như là một lề lối làm việc nhất định và do đây chúng được xếp vào phạm trù lý luận chỉ đạo chiến tranh.

Đối với những hoạt động không có chỗ đứng trong việc sử dụng các lực lượng đó thì không thể có điều lệnh, nghĩa là những chỉ dẫn rõ ràng, vì lẽ chúng gạt bỏ hành động tự do. Trái lại, phương pháp, một cách hành động phổ biến để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra và được xây dựng, như chúng tôi đã nói, trên cơ sở những xác suất trung bình, là sự ứng dụng triệt để các quy tắc và nguyên tắc; nó có thể xuất hiện trong lý thuyết chỉ đạo chiến tranh với điều kiện là người ta không được làm nó trở thành ngược lại với nó, nghĩa là một cách hành động tuyệt đối và bắt buộc (hệ thống),

mà dùng nó trong một hình thức chung tốt nhất, để cho nó chọn con đường ngắn nhất do quyết định của cá nhân tìm ra.

Việc luôn luôn ứng dụng các phương pháp trong chỉ đạo chiến tranh là việc rất cần thiết và không thể tránh được, nếu ta nghĩ đến khá nhiều hành động đã được thực hiện đơn thuần dựa vào phỏng đoán hoặc trong tình trạng mập mờ hoàn toàn. Vì rằng kẻ địch tìm mọi cách ngăn cản không cho ta biết hết mọi tình huống có thể ảnh hưởng đến quyết định của ta hoặc là chúng ta không có thời gian. Mà dù có biết hết mọi tình huống đi nữa, thì sự phát triển và tính phức tạp của nó cũng cao đến nỗi không thể làm cho mọi huấn thị đều phù hợp, cho nên những sắp xếp của ta phải luôn luôn làm sao thích ứng

với một số khả năng nhất định, khi người ta nghĩ đến vô số tình huống vạn vật phải xét tới vì chúng đụng chạm đến từng trường hợp một thì ta thấy chẳng còn cách nào khác là phải suy xét cẩn thận từ trường hợp này qua trường hợp khác và sẽ căn cứ vào cái chung nhất, cái có thể nhất để hạ quyết tâm. Số lượng sẽ quan sẽ càng nhiều khi ta lần xuống đến cấp bậc dưới, điều đó khiến cho ta có cơ sở để giảm dần lòng tin tưởng vào sự thấu triệt chính xác và khả năng chinh đôn nhận định trong hành động ở những môi trường bên dưới, ở những vị trí mà người ta không thể mong đợi tìm thấy những kiến thức nào khác ngoài những cái do điều lệnh và do kinh nghiệm tạo ra thì phải trông cậy vào thói quen của

chủ nghĩa phương pháp. Chủ nghĩa phương pháp sẽ làm chỗ dựa cho sự suy xét và làm hàng rào ngăn những ý nghĩ ngông cuồng và hoàn toàn sai mà ta phải hết sức đề phòng hơn cả trong một lĩnh vực mà kinh nghiệm phải trả giá đắt như vậy.

Chủ nghĩa phương pháp không phải chỉ là tất yếu, mà chúng ta phải thấy là nó có lợi ích thực tế; do sự vận dụng liên tục những hình thái của nó được lặp đi lặp lại không ngừng: người ta có được *sự nhanh nhẹn, sự chính xác, sự tự tin* trong chỉ đạo quân đội, cái đó làm giảm bớt sự lúng túng tự nhiên và làm cho bộ máy hoạt động dễ dàng.

Phương pháp, như vậy sẽ thông dụng

hơn, tất yếu hơn khi ta nhìn xuống các cấp bậc bên dưới, nhưng nếu ta nhìn ngược lên, sự thông dụng đó sẽ ít đi và sau cùng mất hẳn ở các cấp bậc cao nhất. Do ở đây nó có vị trí ở chiến thuật hơn là ở chiến lược.

Ở phương diện cao nhất, chiến tranh không phải chỉ gồm *một số lượng vô tận những biến cố nhỏ giống nhau* tuy có nhiều màu nhiều vẻ mà người ta có thể chế ngự nhiều hay ít tùy theo phương pháp tốt hay xấu, nhưng chiến tranh bao gồm *những biến cố đặc biệt có quy mô rộng lớn* và quyết định mà ta phải đề cập tới một cách riêng rẽ từng vấn đề một. Đó không phải là một cánh đồng lúa mì mà người ta gặt mau hay chậm với một lưỡi hái tốt hay xấu, không quan tâm đến

hình dáng của cây lúa. Trái lại, đó là những cây lớn mà ta phải chặt bằng rìu với mức độ chính xác tùy theo tính chất và độ nghiêng của mỗi cây.

Chủ nghĩa phương pháp có thể phát triển tới mức độ nào trong hoạt động quân sự? Cái đó không phải do cấp bậc quyết định mà do các sự việc quyết định, và nếu nó ít ảnh hưởng ở những cấp bậc cao thì đó chỉ là vì những hoạt động của họ có liên quan đến những sự việc rộng lớn hơn. Một mệnh lệnh chiến đấu không thay đổi, một tổ chức tiền vệ không thay đổi và những đòn tiền tiêu quá xa đều là những phương pháp mà người chỉ huy dùng không những để bó tay những người dưới quyền, mà trong trường hợp nào đó lại tự buộc cả tay mình. Thật ra, người

chỉ huy có thể tự mình sáng tạo ra những phương pháp và ứng dụng tùy hoàn cảnh, nhưng, với tư cách là thể chế căn cứ vào đặc tính chung của quân đội và của vũ khí, những phương pháp ấy cũng có thể là đối tượng của lý thuyết. Ngược lại, ta chẳng cần bàn đến và phải dứt khoát vứt bỏ mọi phương pháp xây dựng các kế hoạch chiến tranh hay chiến dịch theo kiểu hoạt động của một cái máy, làm sẵn đưa ra. Chừng nào còn chưa có một lý thuyết khả dĩ công nhận được, nghĩa là một phương pháp hợp lý để nghiên cứu chỉ đạo chiến tranh, chủ nghĩa phương pháp vẫn còn được dùng để xâm nhập vô hạn độ vào lĩnh vực hoạt động của cấp trên. Vì những người được lĩnh trách nhiệm đó luôn luôn không thể tự rèn

luyện bằng nghiên cứu và bằng sự tiếp xúc với những kiểu sinh hoạt của cấp trên; họ không biết cách tìm ra phương hướng trong những mớ lý luận không thích hợp và trái ngược của những lý thuyết và những sự phê phán, lương tri vững chắc của họ không cho phép họ tiếp thu những cái đó và họ sẽ không còn ánh sáng nào khác ngoài ánh sáng của kinh nghiệm. Vì vậy, trong những trường hợp cần thiết và phải công nhận một sáng kiến tự do và cá nhân, họ sẽ đi đến áp dụng những phương pháp do kinh nghiệm mà có, nghĩa là bắt chước phương pháp của vị tổng chỉ huy, như thế là chủ nghĩa phương pháp sinh ra từ chính bản thân nó. Khi thấy các tướng lĩnh của Phrê-đê-rích Đại đế bao giờ cũng chiến đấu theo

đội hình chềch, các tướng lĩnh của Cách mạng Pháp lại sử dụng các cuộc vận động bao vây theo tuyến chiến đấu được triển khai rộng rãi, còn các tướng lĩnh của Na-pô-lê-ông thì xông vào trận địa với uy lực dũng mãnh của sự tập trung lực lượng mạnh mẽ, chúng ta nhận thấy có những sự lặp đi lặp lại của một phương pháp, điều đó chứng minh rằng chủ nghĩa phương pháp có thể đạt tới những phạm vi cao cấp nhất của sự chỉ huy. Khi một lý thuyết ưu tú giúp cho việc nghiên cứu về chỉ đạo chiến tranh được dễ dàng hơn, khi lý thuyết đó đã rèn luyện trí tuệ và óc phán xét cho người ta bước lên đỉnh cao của hệ thống cấp bậc, lúc đó chủ nghĩa phương pháp sẽ không còn là một cái gì quá đáng đối

với người ta nữa, và trong mức độ cần thiết, ít ra nó cũng được rút ra từ lý thuyết chứ không phải là sản phẩm thuần túy của sự rập khuôn. Dù cho một người chỉ huy cỡ lớn có thực hiện công việc hoàn hảo thế nào đi nữa, bao giờ cũng có một khía cạnh chủ quan trong phương pháp tiến hành và nếu ông ta có phương pháp hành động riêng của mình thì phương pháp ấy cũng ẩn giấu một phần lớn cá tính của ông ta, không phải bao giờ nó cũng phù hợp với cá tính của người đi bắt chước. Tuy nhiên, ta không thể nào loại trừ hoàn toàn chủ nghĩa phương pháp chủ quan (hoặc cách hành động) ra ngoài chiến tranh và chính làm như thế cũng không đúng; ngược lại ta phải nhìn thấy ảnh hưởng của tính chất

chung của cuộc chiến tranh đối với những sự thật đặc biệt trong chiến tranh, và vì thiếu một lý thuyết có khả năng dự kiến trước nên ảnh hưởng đó chỉ có thể biểu thị bằng cách ấy. Còn có gì tất nhiên hơn là thấy cuộc chiến tranh cách mạng đề cập đến mọi vấn đề theo cách riêng của mình và lý thuyết nào có thể giải quyết được đặc điểm ấy? Điều bất tiện là một cách thức như vậy, nảy sinh trong một trường hợp riêng biệt, có thể tồn tại dễ dàng, vì nó đã tồn tại trong khi các tình huống lại dần dần thay đổi. Đây là điểm mà lý thuyết phải biết ngăn giữ bằng một sự phê phán sáng suốt và hợp lí. Nếu như năm 1806, các tướng lĩnh Phổ như hoàng tử Lu-i (Louis) ở Danphen (Saalfeld), tướng Tau-en-sin

(Tauentzien) ở mặt trận I-ê-ma (Jéna), tướng Gra-ve (Grawert) ở phía trước và tướng Ru-khen (Ruchel) ở phía sau làng Cáp-pen-doóc (Kappeldofl) đã áp dụng đội hình chiến đấu chéo của Phrê-đê-rích Đại đế, đều đã tự lao vào vực thẳm thất bại, thì đó không phải chỉ là do một phương pháp hành động lỗi thời. Sự vô cùng nghèo nàn về trí tuệ (chủ nghĩa phương pháp chưa bao giờ có thể sản sinh ra một sự nghèo nàn hơn thế được) đã tiêu diệt hoàn toàn quân đội của Hô-hen-lo-he (Hohenlohe); chưa bao giờ người ta lại thấy một đạo quân bị tiêu diệt trên chiến trường một cách thảm bại như thế!

Chương 5

SỰ CHỈ TRÍCH, PHÊ BÌNH

Ảnh hưởng của chân lý có tính lý thuyết vào đời sống thực tế luôn luôn thể hiện bằng sự phê bình hơn là bằng phương pháp giáo dục; vì lẽ phê bình là sự vận động chân lý lý thuyết vào các hiện tượng có thật. Không những nó làm cho việc vận dụng đó sát với đời sống mà còn dựa vào sự vận dụng thường xuyên để làm cho trí tuệ quen dần với những sự thật đó. Như thế, chúng tôi cảm thấy cần thiết, sau khi đã trình bày quan điểm của chúng tôi về phê bình, gọi lại những cái gì có liên quan với phê bình.

Phải biết phân biệt giữa *chuyện kể có phê phán* với chuyện kể thông thường

về một biên cố lịch sử, tức là sự chấp
nổi thuần túy những sự việc mà trong
trường hợp hoàn hảo nhất cũng chỉ có thể
đề cập đến những mối quan hệ nhân quả
gần nhất.

Sự phê bình đó có thể làm nảy sinh
ra ba hoạt động khác nhau của trí não.

Một là sự tìm tòi và xác lập những
sự kiện bị nghi vấn về mặt lịch sử, cái
đó rồi ra cũng chỉ là nghiên cứu lịch sử
chứ chẳng liên quan gì tới lý thuyết.

Hai là sự suy luận ra kết quả bằng
cách tìm ngược lên các nguyên nhân của
nó. Đó là *cách nghiên cứu, phê bình
chân chính*. Nó rất cần cho lý thuyết vì
rằng tất cả những gì đã có trong lý thuyết,
cần được xây dựng có tính chất nòng cốt

hoặc chỉ có tính chất chứng minh giải thích bằng kinh nghiệm, người ta chỉ có thể đi đến đích bằng cách ấy mà thôi.

Ba là, làm cho những phương pháp đã áp dụng được thử thách. Đó chính là *sự phê bình*. Sự phê bình đó có khen mà cũng có chê. Ở đây, chính lý thuyết đã giúp ích cho lịch sử hoặc hơn nữa giúp ích cho bài học rút ra từ lịch sử.

Trong hai phần cuối này của việc nghiên cứu phê phán thật sự lịch sử, trước hết phải đi sâu vào những sự việc, lần ngược lên tới những yếu tố đầu tiên, nghĩa là đi từ những sự thật không thể nghi ngờ, không dừng lại nửa vời như vẫn thường xảy ra, nghĩa là đứng lại ở một vị trí hoặc một giả thuyết tùy tiện.

Còn về sự phân tích các hậu quả thì thường vấp phải nỗi trở ngại bên ngoài không sao khắc phục được; nó biểu hiện ở chỗ; có khi ta hoàn toàn không biết được các nguyên nhân thật sự, không có trường hợp nào trong đời sống mà sự không hiểu biết đó lại luôn luôn xảy ra như trong chiến tranh, ở đây những biến cố và nhất là động cơ của chúng, họa hoằn lắm mới biết được một cách hoàn toàn; khi thì do những người gây ra biến cố cố tình che giấu, khi thì do tính chất ngắn ngủi và ngẫu nhiên làm cho những biến cố mất đi đối với lịch sử. Như thế, chuyện kể phê phán nhiều lúc phải đi đôi với nghiên cứu lịch sử; tuy nhiên sự khác biệt thường xuyên giữa nhân và quả không hề cho phép ta coi kết quả là kết

tính tất yếu của những nguyên nhân đã biết rồi. Như thế sẽ nảy ra nhiều thiếu sót không tránh được, nghĩa là những đúc kết lịch sử không có tác dụng cho huấn luyện. Tất cả những gì mà lý thuyết có quyền đòi hỏi, đó là việc nghiên cứu phải được tiến hành một cách nghiêm túc cho tới những chỗ thiếu sót ấy. Và một khi đã tới đó rồi thì phải bỏ hẳn mọi thứ suy luận. Sự tác hại sẽ chỉ nảy sinh khi người ta cứ muốn cho rằng: cái đã biết cũng có thể đủ để giải quyết những hậu quả mà người ta gán cho nó, tất nhiên đây chỉ là một thứ quan trọng giả tạo.

Sự khảo sát có tính chất phê phán sẽ vấp phải một khó khăn khác dính liền với nó: trong chiến tranh, nhiều kết quả không phải chỉ do một nguyên nhân giản

đơn mà do một mớ phức tạp nhiều nguyên nhân sinh ra. Và như vậy, nếu chỉ theo dõi một cách vô tư và trung thực nguồn gốc của các biến cố thì cũng chưa đủ, mà còn phải đặt cho đúng vị trí của mỗi nguyên nhân đã xảy ra. Việc đó dẫn ta đến chỗ phải xem xét thật kỹ bản chất của chúng, có như thế sự điều tra phê bình mới có thể đưa chúng ta tới lý thuyết thực sự.

Việc điều tra phê bình, nghĩa là điều tra những biện pháp, đưa ta đến vấn đề: những biện pháp đã được dùng đạt kết quả ra sao, và có phải những kết quả ấy nằm trong dự tính của người đang hành động không?

Những kết quả đặc biệt của các biện

pháp đưa ta đến chỗ nghiên cứu bản chất của chúng, nghĩa là chúng ta lại phải trở lại lý thuyết.

Chúng ta đã thấy: trong sự phê bình, vấn đề là phải đạt tới những chân lý không thể chối cãi được, như vậy không thể khur khur dựa vào những ý kiến đề xuất độc đoán chẳng có giá trị gì đối với người khác để rồi người ta cũng có thể dùng những lập luận cũng độc đoán để dập lại, bàn ra tán vào, đúng sai, phải trái, tất thấy đều không mang lại kết quả gì và tất nhiên cũng chẳng đem lại một bài học nào.

Chúng ta đã thấy: việc nghiên cứu những nguyên nhân cũng như việc xem xét các biện pháp đều dẫn cả hai tới lý

thuyết, nghĩa là đến lĩnh vực của chân lý phổ biến, chứ không phải chỉ trường hợp cá biệt. Nếu như có một lý thuyết có thể dùng được, sự khảo sát phê bình sẽ dựa vào cái mà lý thuyết đã xây dựng, và chỉ căn cứ vào đấy mà thôi. Nhưng khi không có một chân lý có tính lý thuyết, như vậy sự tìm tòi sẽ phải tiến hành tới những yếu tố cuối cùng của nó. Nếu sự cần thiết ấy luôn luôn xảy ra, người viết sẽ bị rối tinh rối mù bởi những chi tiết vụn vặt không bao giờ hết. Họ sẽ bị chìm đắm và gần như không có khả năng để chú trọng đến từng chi tiết. Thành ra, để giới hạn sự suy nghĩ của họ, họ sẽ buộc phải dừng lại ở những điều khẳng định tùy tiện, những điều đó nếu không phải là đến với chính bản thân mình thì cũng là

đến với người khác vì những điều khẳng định ấy không rõ ràng minh bạch và chẳng thể chứng minh được cái gì.

Vậy thì, một lý thuyết có thể dùng được sẽ là cơ sở căn bản cho sự phê bình và nếu không có sự hỗ trợ của một lý thuyết hợp lý, sự phê bình không thể có khả năng đi tới điểm mà ở đây sự phê bình bắt đầu có tác dụng giáo dục, nghĩa là trở thành một luận chứng có sự thuyết phục và *không thể bắt bẻ được*.

Nhưng sẽ chỉ là một ảo tưởng nếu ta nghĩ rằng có thể có một lý thuyết chứng minh được mọi chân lý và chỉ giành cho phê bình việc sắp xếp các chân lý đó vào quy luật thích hợp. Nếu muốn ép buộc sự phê bình phải quay trở lại mỗi

khi nó tới bờ của lý thuyết sẽ chỉ là thái độ gàn dở lỗ bịch. Tinh thần tìm tòi và phân tích - nguồn gốc của lý thuyết - phải hướng dẫn sự phê bình và có thể là phê bình phải luôn luôn xâm nhập và phạm vi của lý thuyết nhằm làm sáng tỏ những điểm cần thiết cho việc vận dụng của bản thân. Trái lại, phê bình có thể không đạt tới mục đích nếu người ta vận dụng lý thuyết một cách máy móc. Tất cả những kết quả cụ thể của sự tìm tòi bằng lý thuyết, tất cả những nguyên tắc, quy tắc, phương pháp sẽ dần dần kém tính phổ biến và tính chân lý tuyệt đối, khi mà nó được ứng dụng vào thực hành như một giáo lý tích cực. Những kết quả này xuất hiện lúc ta thấy cần và chính óc phán đoán phải quyết định xem nó có thích

hợp hay không? Sự phê bình không bao giờ nên coi những thành tựu của lý thuyết như những quy luật có thể làm thước mẫu cho tiêu chuẩn của mình, mà chỉ nên vận dụng nó theo tính chất mà nó phải có đối với con người hành động, nghĩa là coi nó như một phần điểm chuẩn để xây dựng *nòng cốt cho sự phán đoán của mình*. Về mặt chiến thuật, trong đội hình chiến đấu thông thường, nhất định là kỵ binh được xếp ở đằng sau chứ không phải ngang hàng với bộ binh. Nhưng nếu ta lên án tất cả những cách bố trí khác với cách nói trên thì cũng thật vô lý. Sự phê bình phải tìm cho ra những nguyên nhân làm cho người ta phải bố trí khác và chỉ khi nào thấy được nhược điểm của nó mới có quyền vận dụng những quy tắc mà

lý thuyết đã xây dựng nên. Mặt khác, về phương diện lý thuyết mà nói, một trận tiến công lẻ loi nhất định làm giảm điều kiện thắng lợi, nhưng khi một cuộc tiến công trùng hợp với một thất bại. Ta lại cho thất bại vì đã tiến công lẻ loi mà chẳng cần nghĩ rằng có nên kết luận như vậy hay không, thì cũng thật vô lý. Và, cũng lại rất vô lý khi thấy một trận đánh lẻ loi nhưng thành công để kết luận lại rằng lý thuyết là sai. Tinh thần tìm tòi của sự phê bình phải cảnh giác đề phòng để không phạm vào sai lầm này cũng như sai lầm kia. Sự phê bình chủ yếu dựa vào những kết quả của sự nghiên cứu phân tích tỉ mỉ mà lý thuyết tiến hành. Phê bình cần phải xét lại những vấn đề mà lý thuyết đã giải quyết và nếu lý thuyết đã

giải quyết những vấn đề ấy thì chính là để giúp cho sự phê bình thấy chúng ta được giải quyết.

Nhiệm vụ của phê bình là phải tìm xem kết quả này là do nguyên nhân nào và phương pháp này áp dụng có thích hợp với mục tiêu đã được dự tính hay không. Công việc sẽ rất dễ dàng nếu nguyên nhân và kết quả, phương pháp và mục đích không xa cách nhau mấy.

Khi một quân đội bị tiến công bất ngờ đến nỗi không thể phát uy được đầy đủ và hợp lý những khả năng của mình, thì hậu quả của cuộc tiến công thật đã rõ như ban ngày. Nếu lý thuyết nêu rằng: trong chiến trận, sự thành công do một trận bao vây đem lại sẽ lớn hơn nhưng

không chắc chắn bằng, thì ta phải tìm hiểu xem người chủ trương bao vây trước hết có nhìn vào quy mô to lớn của thắng lợi đó hay không; ở trường hợp này, biện pháp đã chọn là tốt. Nhưng nếu ông ta có ý định làm cho thắng lợi được chắc chắn hơn và nếu ý định đó không dựa vào những hoàn cảnh đặc biệt mà lại căn cứ vào bản chất chung của trận đánh bao vây, như vậy là ông ta không biết hết bản chất của biện pháp này và phạm vào một sai lầm đã được tái diễn hàng trăm lần.

Ở đây, việc tìm tòi và khảo sát quân sự sẽ dễ dàng và vẫn mãi mãi dễ dàng nếu người ta chỉ giới hạn vào những sự việc và những kết quả tức thì. Đó là điều người ta có thể làm theo ý muốn, với

điều kiện là không được xem xét sự vật liên quan tới toàn bộ, mà chỉ được tiến hành dưới góc độ này mà thôi.

Nhưng trong chiến tranh, cũng như mọi sự trên đời, cái gì cũng có liên quan đến cái toàn bộ, bởi vậy mỗi nguyên nhân, dù nhỏ đến đâu đi nữa, cũng đưa ảnh hưởng của chúng tới hành vi chiến tranh, làm thay đổi kết quả cuối cùng tới một mức độ nhất định nào đó. Như vậy, mỗi phương pháp sẽ có thể ảnh hưởng đến kết quả cho tới mục đích cuối cùng.

Ta có thể theo dõi xem xét những kết quả của một nguyên nhân, nếu thấy những kết quả đó đáng được lưu tâm và ta cũng có thể thăm dò một biện pháp không phải vì kết quả cụ thể của nó, nhưng vì để

ngiên cứu kết quả ấy, coi nó như một biện pháp chủ yếu để phục vụ một mục đích cao, và như vậy là lần ngược chuỗi mục tiêu phụ từ cái nọ đến cái kia cho tới khi tìm thấy được mục tiêu nào nổi rõ nhất. Không cần phải bàn cãi gì về sự cần thiết của nó nữa. Trong nhiều trường hợp, nhất là những trường hợp nói đến những biện pháp lớn có tác dụng quyết định, sự xem xét phải được tiến hành cho đến mục đích cuối cùng, mục đích nhằm trực tiếp chuẩn bị cho hòa bình.

Rõ ràng là ở sự leo thang này, những đợt dừng bước luôn luôn thay đổi, mở ra cho sự phán đoán những triển vọng mới khiến cho một biện pháp nào đó tỏ ra có lợi ở một quan điểm nào đó cần phải được loại trừ khi ta xét vấn đề dưới một

góc cạnh cao.

Trong việc xem xét phê phán một hành động, việc tìm ra những nguyên nhân của những biến cố và sự xem xét những phương pháp thích hợp để đi đến kết quả mà nó phục vụ luôn luôn đi đôi với nhau, vì chỉ riêng sự tìm tòi về nguyên nhân đã làm cho ta thấy những gì xứng đáng là mục tiêu cho cuộc nghiên cứu.

Việc đuổi theo sợi dây chuỗi dài của những nguyên nhân khi lên khi xuống này không phải không có nhiều khó khăn to lớn; vì cái nguyên nhân mà người ta tìm kiếm càng ở xa biến cố thì càng có nhiều nguyên nhân khác phải đồng thời nghiên cứu, phải tìm hiểu và phải loại bỏ bớt ra

tùy theo nó có dính líu nhiều hay ít vào biến cố. Vì một hiện tượng càng chiếm một địa vị cao trong cả chuỗi những nguyên nhân thì càng có nhiều lực lượng và hoàn cảnh khác nhau xác định hiện tượng ấy. Khi ta đã khám phá ra những nguyên nhân thất bại của một trận đánh thì rõ ràng cùng với việc này ta cũng thấy được một phần những nguyên nhân, những hậu quả mà thất bại đó gây ra cho toàn bộ cuộc chiến tranh. Nhưng chỉ là một phần thôi, vì tùy theo tình hình, hậu quả của những nguyên nhân khác sẽ đóng góp ít nhiều vào thành tựu cuối cùng.

Khi người ta tiến hành xem xét các biện pháp, rõ ràng chỉ bao giờ người ta dần dần tự đặt mình vào một quan điểm cao thì mới thấy những trạng thái khác

nhau của sự vật. Vì mục đích càng cao, biện pháp dùng đến lại càng phải nhiều để dễ dàng đạt được mục đích. Tất cả các đạo quân đều đồng thời theo đuổi một mục đích cuối cùng của chiến tranh; vì vậy cần phải nghiên cứu tất cả những cái gì đã hoặc có thể làm được để đạt được mục đích ấy.

Tất nhiên, điều đó mở ra một phạm vi rộng rãi cho sự nhận định; người ta rất dễ lạc hướng trong lúc có khó khăn và sẽ rất dễ sa vào một mớ những giả thuyết về các sự việc, những sự việc đó đã không xảy ra trong thực tế nhưng có thể sẽ như thế, chúng ta không được coi thường.

Tháng 3 năm 1797, khi Bô-na-pác cầm đầu đạo quân sang Ý, đi từ Ta-gli-a-

măng-tô để tiến công đại công tước Sác-lơ, ông ta làm như thế với ý định buộc đại công tước phải có một quyết định trước khi ông ta có quân tiếp viện từ nam sông Ranh đến. Nếu người ta chỉ cần cái quyết định tức khắc ấy thì biện pháp được dùng là đúng và kết quả đã chứng minh điều đó. Bởi lẽ đại công tước Sác-lơ lúc ấy còn quá yếu đến nỗi chỉ cố gắng chống cự được có một lần ở Ta-gli-a-măng-tô và khi đã thấy đối phương quá mạnh và quá cương quyết, ông ta đã bỏ trận địa và lúi vào để vượt dãy núi An-pơ Nô-Rích. Nhưng Bô-na-pác có ý định khuếch trương thắng lợi ấy vào chỗ nào? Ông ta xâm nhập vào trung tâm của nền quân chủ Áo nhằm làm cho hai đạo quân sông Ranh, do Mo-rô và Hô-sơ chỉ huy,

tiền quân được dễ dàng và dễ bắt liên lạc với hai đạo quân ấy! Đây, Bô-na-pác đã dự tính công việc như vậy, và với cách nhìn nhận sự việc như thế, ông ta đã có lý. Nhưng sự phê bình lại đặt mình vào quan điểm cao hơn quan điểm của việc Đốc Chính, viện này có thể và đáng lẽ phải thấy trước là chiến dịch sông Ranh chỉ sẽ bắt đầu sau sáu tuần; như vậy sự tiến quân của Bô-na-pác vượt sang bên kia dãy An-pơ Nô-rích chỉ có thể được xem như một ý nghĩ nông cuồng, vì nếu quân Áo đưa được từ sông Ranh đến Xti-ri những lực lượng to lớn để giúp đại công tước Sác-lơ tiến công đạo quân ở Ý thì chẳng những chỉ riêng đạo quân ở Ý bị tiêu diệt mà toàn bộ chiến dịch cũng sẽ thất bại. Chính cách

nhận định đó đã ảnh hưởng tới tâm trí Bô-na-pác lúc ông ta ở vùng Vin-lác. Nó đã thúc ông ta vội vã ký hiệp định đình chiến Lê-ô-ben.

Với một quan điểm cao hơn nữa, khi biết địch là quân Áo không có lực lượng dự bị nào ở giữa đạo quân của đại công tước Sác-lơ và thành phố Viên, sự phê bình chỉ ra rằng việc tiến quân của đạo quân ở Ý sẽ đe dọa thành phố này.

Giả thuyết rằng Bô-na-pác biết là thủ đô Viên bị hở, hơn nữa ông lại biết ưu thế quyết định mà ông ta giữ ở Xti-ri đối với công tước, việc tiến quân nhanh đến trung tâm nước Áo lúc đó sẽ có một ý nghĩa, vì tầm quan trọng của cuộc tiến quân đó tùy thuộc vào giá trị mà quân Áo

giành cho việc bảo vệ thành Viên. Nếu tầm quan trọng này lớn đến nỗi quân Áo sẵn sàng chấp thuận những điều kiện hòa bình mà Bô-na-pác đưa ra hơn là việc để mất thành Viên, thì sự uy hiếp thành Viên phải được coi như là mục đích cuối cùng. Nếu vì một lẽ nào khác mà Bô-na-pác đã biết sự tình đó, sự phê bình không cần thiết đi xa hơn nữa. Nhưng nếu sự việc xảy ra đang mới còn ở trong dự tính, sự phê bình phải tự tiến lên một quan điểm cao hơn và tự đặt câu hỏi: “Sẽ xảy ra như thế nào nếu những người Áo bỏ thành Viên và rút về các quốc gia rộng lớn mà họ còn giữ được?”. Nhưng người ta thấy ngay là không thể trả lời câu hỏi đó mà không xét đến sự việc chắc chắn sẽ xảy ra giữa hai đạo quân

sông Ranh. Vì quân Pháp có ưu thế không thể chối cãi được (130,000 chống lại 80,000) nên kết quả đã rõ như ban ngày; nhưng vấn đề sẽ nảy ra là phải tìm hiểu xem viên Đốc chính sẽ dùng chiến thắng ấy để làm gì? Phải chăng họ lợi dụng thành công ấy để tiến tới bên kia của nước quân chủ Áo để đi đến chỗ tiêu diệt nước này? Hay là họ chỉ muốn chiếm một vùng rộng lớn của nước này cũng như ở trường hợp kia, phải tính toán kết quả có thể có để từ đó tìm ra kết luận và sự chọn lựa có kết quả có thể có để từ đó tìm ra kết luận về sự lựa chọn có thể có của viên Đốc chính. Giả thiết là: kết luận những nhận định này, người ta cho rằng lực lượng quân đội Pháp còn quá yếu để có thể hoàn toàn tiêu diệt nước

quân chủ Áo, cho nên sự mưu tính đó có thể đi đến chỗ làm đảo lộn tình hình, và nếu chỉ có bản thân mình vừa chiếm đóng lại vừa đánh lán ra một khoảng đất rộng, quân đội Pháp sẽ tự đặt mình vào một tình thế chiến lược mà lực lượng của họ có thể sẽ không đối phó nổi; kết quả đó sẽ ảnh hưởng đến cách nhận định tình hình trong đó có nước Ý, nước này có thể sẽ nhìn thấy sơ hở của mọi hy vọng ngày càng giảm sút. Rõ ràng đó là cái khiến cho Bô-na-pác mặc dầu lúc đó đã biết rõ tình hình tuyệt vọng của đại công tước Sác-lô vẫn ký hòa ước Căm-pô Phoóc-mi-ô mà người Áo không bao giờ có thể chiếm lại được các tỉnh này, kể cả khi thu được thắng lợi sau một chiến dịch tốt đẹp nhất. Nhưng người Pháp đã không

thể trông cậy vào hiệp ước ấy, dù nó rất ôn hòa, cũng chẳng dùng nó làm mục tiêu cho cuộc hành quân táo bạo của họ nếu không có hai vấn đề được đề cập tới. Vấn đề thứ nhất là phải biết được tầm quan trọng mà người Áo giành cho những kết quả này khác mà chúng tôi đã nói ở trên. Và mặc dầu có thể có một kết thúc tốt đẹp ở một trong hai trường hợp, họ vẫn phải suy tính xem những kết quả ấy có cân xứng với những hy sinh họ phải chịu đựng hay không (nghĩa là những hy sinh trong lúc tiếp tục chiến tranh), những hy sinh mà họ có thể tránh được nhờ ở những điều kiện hòa bình không đến nỗi quá bất lợi. Vấn đề thứ hai là phải biết chính phủ Áo có nhận thức một cách đúng đắn những hậu quả có thể xảy

ra do sự chống cự đến cùng mà không để bị mất tinh thần vì những thất bại tạm thời.

Nhận định, mục tiêu của vấn đề thứ nhất, không phải là để đáp ứng với những điều kiện vụn vặt vô bổ, trái lại nó có tầm quan trọng thực tiễn đến nỗi, mỗi khi ấn định một kế hoạch mà mọi sự việc được đẩy tới cao điểm, thì chính nó lại thường thường sẽ ngăn cản sự thực hiện kế hoạch đó.

Nhận định thứ hai cũng rất cần thiết vì tiến hành chiến tranh không phải là để đánh một kẻ thù trừu tượng, mà để đánh một kẻ thù cụ thể ta phải luôn luôn để mắt đến. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa; Bô-na-pác táo tợn không phải không biết

điều này, nghĩa là ông ta biết tin tưởng vào sự khùng khiếp mà thanh kiếm của ông ta gây nên. Chính lòng tin ấy đã đưa ông ta đến Mát-xcơ-va năm 1812. Và chính ở đây, lòng tin đã từ bỏ ông ta vì uy lực của thanh kiếm đã giảm đi phần nào sau những trận chiến đấu khổng lồ. Vào năm 1797, lòng tin ấy còn mới nguyên vì điều bí mật về sức mạng của một cuộc kháng chiến dẻo dai, chịu đựng được mọi thử thách chưa được khám phá. Nhưng, ngay hồi năm 1797, sự táo bạo của ông ta cũng chỉ đưa đến một kết quả tiêu cực, như chúng tôi đã nói, nếu linh cảm của ông ta không đưa ông ta ra khỏi chỗ bí là ký hòa ước ôn hòa ở Căm-pô Phoóc-mi-ô.

Đến đây, chúng ta cần chấm dứt

những suy nghĩ của chúng ta. Những suy nghĩ này đã đủ chứng minh cho tầm rộng lớn, sự khác nhau và khó khăn mà việc nghiên cứu phê bình có thể nêu ra khi người ta đi ngược lên tới mục tiêu cuối cùng, nghĩa là khi phải chủ trương dùng những biện pháp có tầm quan trọng lớn và quyết định, và dứt khoát là những biện pháp ấy phải đi tới mức độ như vậy. Nhưng suy nghĩ của chúng ta lại cũng đã đủ chứng minh thêm những hiểu biết lý thuyết của vấn đề: tài năng tự nhiên quyết định phần lớn giá trị của việc nghiên cứu phê bình vì chính là tài năng đó phải làm bật ra nguyên nhân của các sự việc bằng cách sàng lọc hàng hà sa số những biến cố để tìm xem cái nào là cái quan trọng chủ yếu nhất. Nhưng lại còn có thể sử

dụng tài năng bằng một cách khác nữa. Việc nghiên cứu phê bình không phải chỉ là sự phân tích những biện pháp đã được áp dụng thực sự mà phải phân tích tất cả mọi biện pháp có thể được áp dụng, cho nên trước hết phải nêu rõ tính chất của từng biện pháp, nghĩa là sáng tạo ra, và lại ta không được loại bỏ một biện pháp nào nếu chưa thay thế nó bằng biện pháp khác tốt hơn. Nhưng trong nhiều trường hợp, số biện pháp dự tính dù ít đi nữa cũng không thể chối cãi được rằng việc xây dựng những biện pháp người ta chưa dùng đến không phải chỉ là sự phân tích đơn giản những sự vật hiện có, mà là sự chủ động sáng tạo, không tuân theo một quy định nào cả, song lại tùy thuộc vào sự phong phú của trí tuệ.

Chúng ta không nên trông đợi thiên tài bộc lộ ra khi mọi sự thể rút gọn vào vài việc kết hợp có thể có trong thực tiễn, tuy chúng rất đơn giản và rất ít. Cho rằng việc vu hồi một vị trí là một nét của thiên tài, vì nó mới mẻ, quả là điều rất đáng buồn cười, tuy người ta vẫn thường làm như thế; nhưng sự suy nghĩ có tính sáng tạo đó lại là cần thiết vì nó góp phần chủ yếu vào việc xác định giá trị của sự nghiên cứu phê bình.

Ngày 30 tháng 7 năm 1796, khi Bô-na-pác quyết định thôi không bao vây Măng-tu, đưa quân đón đánh Uyéc-xe và tập trung toàn lực để tiến công các đạo quân của Uyéc-xe đang bị chia cắt bởi hồ Gác-dơ và sông Min-xi-ô, điều đó hình như là con đường chắc chắn nhất để

đi đến những thắng lợi rực rỡ nhất. Những thắng lợi ấy đã thực sự xảy ra và đã lặp lại rực rỡ hơn nữa, khi mà sau này người ta định dùng cách trên để hy vọng giải tỏa pháo đài Măng-tu. Hết thấy dư luận đều nhất trí như vậy và chỉ biểu hiện ra bằng những sự ngợi khen không tiếc lời.

Nhưng ngày 30 tháng 7, Bô-na-pác chỉ có thể đi theo con đường ấy bằng cách hoàn toàn bỏ ý định bao vây Măng-tu vì không cứu nổi đoàn xe phục vụ cho cuộc vây thành, vả lại cũng không thể tổ chức ngay đoàn xe khác trong quá trình chiến dịch. Về sau này, cuộc công thành chỉ còn là một cuộc phong tỏa và vì vậy, nếu bị vây liên tục thì chỉ trong 8 ngày, thành này sẽ bị thất thủ. Nhưng nó đã

kháng cự được tới 6 tháng mặc dầu quân của Bô-na-pác thắng lớn ở nhiều vùng bằng phẳng khác.

Vì không đề ra được một biện pháp đề kháng nào tốt hơn, sự phê bình đã coi sự việc ấy như một tai họa hoàn toàn không thể tránh khỏi.

Việc tổ chức đề kháng chống lại một đạo quân tiếp viện ở bên trong tuyến chiến hào của quân vây thành đã bị người đời coi thường, và bị rẻ rúng đến nỗi bị bỏ rơi hoàn toàn. Thế nhưng, dưới thời vua Louis XIV, biện pháp ấy đã luôn được ứng dụng thành công đến nỗi phải coi là một sự thay đổi thất thường của thời thượng (mode) nếu như hàng trăm năm sau không ai *ngĩ đến sử dụng biện*

pháp ấy ngang hàng với các biện pháp khác. Nếu người ta chấp nhận khả năng đó thì sự xem xét kỹ càng mọi trường hợp đã chứng minh rằng 40.000 lính bộ binh vào loại tinh nhuệ của thế giới, dưới quyền chỉ huy của Bô-na-pác tổ chức chiến hào vây chặt thành Măng-tu sẽ không sợ gì 50.000 quân Áo do Uyéc-xe chỉ huy đến thành này. Và quân Áo cũng khó dám phác họa, dù chỉ là một ý định tiến công vào những chiến hào Bô-na-pác. Không cần phải nói tỉ mỉ về chủ trương đó, chỉ nói như vậy cũng đủ để chứng tỏ rằng biện pháp ấy cần được quan tâm. Chính Bô-na-pác có nghĩ tới biện pháp ấy trong lúc hành động không? Chúng ta không bao giờ biết được điều đó, vì chẳng hề tìm thấy vết tích gì trong

hồi ký hoặc trong những tài liệu mà ông ta đã viết. Sau này, sự phê bình đã không nghĩ đến nó, biện pháp trên đã hoàn toàn biến mất trong phạm vi chú ý của sự phê bình. Không phải tài cán gì lắm mới trở lại vấn đề này được; chỉ cần biết tách ra khỏi những yêu cầu của thời thượng (mode) là đủ. Tuy nhiên, cần phải suy nghĩ mới lưu ý tới nó được, và phải so sánh nó với biện pháp mà Bô-na-pác đã áp dụng. Dù kết quả của việc so sánh ấy thế nào, sự phê bình cũng không được bỏ qua.

Năm 1814, sau khi thắng họ ở Ê-tô-giơ, Săm-pô-be, Mông-Mia-ria, v.v..., Bô-na-pác đã quay lưng với quân đội ở Bluy-khe để tiến quân đồn Svác-đen-béc và đánh bại ông này ở Mông-tơ-rô mà

Moóc-măng. Tất cả mọi người đều hết sức thán phục hành động đó vì Bô-na-pác đã khéo léo phối hợp để tung lực lượng chủ yếu của quân đội mình lần lượt đánh hết kẻ địch ở bên này rồi lại đến kẻ địch ở bên kia. Bô-na-pác đã khéo léo lợi dụng sự sai lầm của quân Liên Minh ở chỗ họ đã tiến quân riêng lẻ. Người ta cho rằng, với những đòn căn bản tung ra từ phía như vậy mà cũng không cứu nổi ông ta, đó không phải là lỗi của Bô-na-pác. Cho đến nay, chưa một ai đã tự hỏi: cái gì sẽ xảy ra nếu Bô-na-pác tiếp tục đón đánh Bluy-khe và truy kích tới sông Ranh chứ không quay lại đánh Svác-den-béc? Chúng tôi hoàn toàn tin rằng điều đó sẽ làm đảo lộn hoàn toàn tình thế của chiến dịch, và Đại quân

(quân liên minh châu Âu) đáng lẽ tiến vào Pa-ri, sẽ phải vượt sông Ranh lần nữa. Chúng tôi không mong mọi người đồng tình với chúng tôi, nhưng vấn đề đã đặt ra như thế, không một chuyên viên nào còn băn khoăn về việc phải giành cho nó một chỗ đứng nữa.

Phương pháp so sánh ở đây có giá trị nhiều hơn là ở trường hợp trước. Người ta đã cố tình bỏ qua, phần vì thiên vị cũng có, phần vì nhắm mắt bước theo con đường đã được vạch sẵn cũng có.

Sự cần thiết phải vạch ra một biện pháp tốt hơn để thay thế biện pháp đã bị lên án, làm nảy sinh ra cách phê bình này, hầu như chỉ có một mình nó là còn đặc dụng: nó chỉ nêu lên cách làm gọi là

tốt nhất, mà không có bằng chứng thật sự nào cả. Vì vậy, người thì công nhận, người không, làm nảy ra nhiều cuộc bàn cãi đông dài thiếu cơ sở lý luận. Sách báo quân sự đã đầy rẫy những chuyện như vậy.

Cái *bằng chứng* chúng tôi yêu cầu là rất cần thiết trong những khi mà cái lợi của biện pháp đề nghị không đủ để đánh bại những điều nghi ngờ. Lúc đó cần xem xét cả hai biện pháp, tìm hiểu những nét độc đáo của chúng, rồi cân nhắc chúng với mục tiêu đã nhằm. Một khi sự việc đã được rút gọn vào những chân lý giản đơn thì phải thôi bàn cãi hay ít ra cũng phải có những *kết luận* mới, nếu không làm như thế, cứ tiếp tục nữa thì bên công nhận cũng như bên phủ nhận chỉ cần xé

lẫn nhau vô ích mà thôi.

Nếu chúng ta chưa thỏa mãn với những điều khẳng định đã nêu ở trên, chúng ta muốn chứng minh rằng nếu Na-pô-lê-ông cứ kiên quyết đuổi đánh quân của Bluy-khe thì vẫn hơn là quay lại đánh Svác-den-béc, chúng ta sẽ phải dựa vào những sự thật rất đơn giản như sau:

1. Thông thường, cứ tiếp tục tập trung tiến công vào một hướng lợi hơn là phân tán lực lượng sang trái, sang phải, vì phân tán như thế làm mất thời gian: hơn nữa khi sức mạnh tinh thần đã bị giảm sút sau những tổn thất to lớn, thắng lợi mới sẽ dễ đạt được hơn miễn là không có phần nhỏ nào của ưu thế không được sử dụng.

2. Vì rằng, tuy Bluy-khe ít quân hơn Svác-den-béc nhưng lại có tinh thần dũng mãnh, lại là kẻ địch đáng sợ hơn; chính ông là trọng tâm thu hút những lực lượng còn lại vào quỹ đạo của mình.

3. Vì rằng, những tổn thất mà Bluy-khe phải chịu tương đương với một cuộc bại trận, điều đó đem lại cho Bô-na-pác một ưu thế, khiến cho việc lui quân về sông Ranh là rất chắc chắn và trên tuyến đường này không có lực lượng tăng viện nào đáng kể.

4. Vì rằng, không có một thắng lợi nào khác đã tỏ ra ghê gớm như thế, không có một thắng lợi nào khác đã làm nảy ra trong trí óc con người một cảm tưởng không cân đối như thế: điều này là chủ

yếu khi bộ chỉ huy đã do dự, nhút nhát như trường hợp của Svác-den-béc. Hoàng thân Svác-den-béc tất phải biết rõ về những tổn thất của thái tử xứ Uyéc-ten-béc ở Mông-tơ-rô, của tử tước Vít-ghen-xtanh ở Moóc-măng; nhưng những điều không may xảy đến cho Bluy-khe trên một mặt trận tuyến dài bị cắt khúc, cô lập kéo dài từ sông Mác tới sông Ranh thì chỉ mãi sau này nhờ một cơn bão của dư luận đồn đại, ông ta mới được biết. Cuộc chuyển quân tuyệt vọng của Bô-na-pác tới Vi-tơ-ri hồi cuối tháng 3, để thăm dò ảnh hưởng của sự đe dọa của một cuộc bao vây chiến lược đối với quân Liên minh sau những thất bại của ông ta ở La-ông và Ác-xít, rõ ràng đã xây dựng trên nguyên tắc khủng bố,

nhưng ở trong những điều kiện hoàn toàn khác, lúc ấy Bluy-khe có 100.000 lính ở cạnh Svác-den-béc.

Chắc chắn sẽ có người không để cho những lý lẽ trên thuyết phục, nhưng ít ra họ cũng không thể cãi lại rằng: “trong khi Bô-na-pác đe dọa căn cứ của Svác-den-béc bằng cách tiến quân về sông Ranh, Svác-den-béc lại uy hiếp Pa-ri tức là uy hiếp căn cứ của Bô-na-pác, vì những lý do vừa nêu ra cốt để chứng minh là Svác-den-béc có thể không có ý định tiến quân về Pa-ri.

Về thí dụ chúng tôi đã nêu, lấy trong chiến dịch năm 1796, chúng tôi nói: Bô-na-pác coi đường lối mình đã vận dụng là biện pháp đảm bảo nhất để đánh bại

quân Áo. Nếu kết quả thật như thế đi nữa thì mục tiêu mà ông ta sẽ đạt tóm lại cũng chỉ là một vinh quanh quân sự hão, không có ảnh hưởng lớn quyết định sự thất thủ của pháo đài Măng-tu. Con đường chúng tôi đã chọn, theo ý chúng tôi, sẽ tốt hơn để khỏi phải huỷ bỏ trận công thành Măng-tu; nhưng cũng giống như ông tướng Pháp, nếu chúng tôi không công nhận nó như thế và theo ý chúng tôi, bảo đảm chắc thắng sẽ ít hơn, vấn đề sẽ tóm tắt lại như sau: đó là một trong các trường hợp chắc có thắng lợi, nhưng lại gần như vô dụng, nghĩa là thắng lợi rất nhỏ; trong trường hợp khác, thắng lợi không chắc, nhưng to hơn rất nhiều. Nhận định theo kiểu ấy, lòng dũng cảm sẽ lựa chọn giải pháp thứ hai, điều đó hoàn toàn

trái ngược với cái nhìn nông cạn đã khiến ta nghĩ như thế. Tâm ý của Bô-na-pác chắc không phải là kém táo bạo và không còn nghi ngờ gì là ở trường hợp đó, tính chất và hậu quả gây ra đã không xuất hiện trong trí óc Bô-na-pác một cách sáng sủa như đã xuất hiện trong trí óc chúng ta, người đã biết những vấn đề đó qua kinh nghiệm.

Dĩ nhiên là trong lúc tiến hành xe xét mọi phương pháp, sự phê bình thường phải viện dẫn chúng trong lịch sử quân sự, vì trong chiến tranh, kinh nghiệm có giá trị hơn bất cứ chân lý triết học nào. Nhưng các bằng chứng của lịch sử ấy phải tuân theo những điều kiện riêng của nó mà chúng tôi sẽ nói trong một chương riêng và điều bất hạnh là những điều kiện

ấy thường ít khi đầy đủ, cho nên nhiều khi những dẫn chứng lịch sử chỉ làm cho các ý kiến rối loạn thêm.

Chúng ta chỉ còn phải phân tích một vấn đề quan trọng nữa là sự phê bình có quyền (hơn nữa có bốn phận) đến mức độ nào, khi đánh giá một trường hợp riêng biệt, vận dụng những quan điểm cao vào mọi việc, cũng tức là vận dụng những bằng chứng do thắng lợi đưa ra; khi nào và ở chỗ nào, sự phê bình, trái lại, phải không cần đếm xỉa đến những cái đó để hoàn toàn đứng vào địa vị người hành động.

Nếu sự phê bình muốn khen hay chê hiển nhiên là nó phải tự đặt đúng vào quan điểm của người hành động, nghĩa là

phải thu thập tất cả những cái gì người ấy biết và cái gì là động cơ hành động của họ; phần khác, sự phê bình phải không được vin vào những gì mà người hành động không biết hoặc không được biết, mà trước hết là sự thắng lợi. Nhưng đây chỉ là mục tiêu mà người ta tự đề ra, chắc là không đạt được hoàn toàn vì tình huống của sự việc từ đó nảy ra một biến cố không bao giờ hiện ra trước mắt sự phê bình đúng hết như nó đã hiện ra trước mắt người hành động. Một lô những tình huống nhỏ nhất đã có thể làm nghiêng cán cân của quyết định lúc ấy đã biến mất và nhiều nguyên nhân chủ quan cũng không bao giờ được nói rõ. Người ta chỉ còn biết những cái đó qua những Hồi ký của người hành động hay của

những người tâm phúc của họ. Trong những hồi ký ấy, sự việc thường được thuật lại rất chung chung nếu không phải là cốt tình diễn tả không đúng. Như thế, nhiều việc đáng kể của người hành động sẽ lọt ra ngoài sự phê bình.

Phản khác, sự phê bình đã rất khổ tâm khi phải nói một cách trừu tượng cái mà mình đã biết rất rõ. Điều đó chỉ dễ dàng đối với những cái gì có liên quan tới những hoàn cảnh ngẫu nhiên, những hoàn cảnh không do tự bản thân tình hình đẻ ra, tuy cũng có liên quan tới tình hình; còn đối với cái gì có dính líu tới những vấn đề cốt yếu, điều đó là rất khó và gần như không thể thực hiện được.

Trước hết chúng ta hãy xét vấn đề

thắng lợi, cuối cùng. Nếu không phải do ngẫu nhiên (hầu như không thể có được), sự nhận thức ra nó lại không có ảnh hưởng tới việc đánh giá những điều kiện sản sinh ra nó, vì chúng ta quan sát những điều kiện ấy bằng ánh sáng của kết quả, và ít ra nhờ phần nào của kết quả mà chúng ta biết và đánh giá đúng những điều kiện ấy. Lịch sử quân sự, với một sự kiện mà nó mang theo, là một *nguồn giáo huấn* cho chính bản thân sự phê bình, tất nhiên là vì nó biết được toàn bộ, nó soi sáng vào những sự kiện riêng biệt. Đã có những trường hợp mà người phê bình không muốn căn cứ vào lịch sử quân sự. Như vậy, việc phê bình sẽ chẳng bao giờ có thể thành công hoàn toàn được.

Sự việc sẽ xảy ra như thế, không phải chỉ riêng đối với thắng lợi, đối với cái sẽ nảy sinh ra sau này, mà còn xảy ra đối với những cái hiện đang nảy sinh, nghĩa là đối với những dữ kiện xác định hành động. Trong nhiều trường hợp, người phê bình lại có nhiều dữ kiện hơn là người hành động. Bởi vậy người ta tưởng rằng có thể bỏ qua vấn đề đó, tuy sự thật không phải là như thế. Sự hiểu biết về những hoàn cảnh đã qua và tiếp theo, không những chỉ dựa trên những tin tức chính xác mà còn dựa trên một số lớn những giả định hay giả thuyết. Chúng ta cũng có thể nói rằng: trong những tin tức không dính líu gì đến các sự việc hoàn toàn ngẫu nhiên, hầu như không có tin tức nào là không có giả định hoặc giả thuyết

được đề ra trước, nhưng rồi chúng vẫn cứ thay thế cho giả định và giả thuyết, bởi lẽ không có tin tức xác thực. Như vậy, người ta phải nhận thức rằng: việc phê bình những cái đã qua và những cái tiếp theo không nên bị mắc lừa lúc tự hỏi về những điều kiện chưa biết, nghĩa là những điều kiện mà người ta cho là có thể có lúc đang hành động. Chúng tôi thấy: vì thắng lợi và cũng vì những lý lẽ đã nêu, chúng ta không thể hoàn toàn bỏ qua những điều kiện ấy.

Cho nên, khi khen hay chê một hành động cá biệt, người phê bình không bao giờ có thể hoàn toàn đứng vào địa vị của người hành động. Đôi khi, người phê bình có thể làm được như vậy nhưng chỉ là để thỏa mãn những nhu cầu thực tiễn,

còn trong những trường hợp nhất định, nó tuyệt đối không thể nào như vậy được, và chính đó là điều mà ta không nên sao nhãng.

Nhưng không cần thiết và cũng chẳng nên ước mong là phê bình phải hoàn toàn đồng hóa với người hành động. Trong chiến tranh cũng như trong những hoạt động khác đòi hỏi sự khéo léo, cần phải phát triển một số khả năng tự nhiên mà người ta gọi là thiên tài. Cái đó có thể hoặc lớn hoặc nhỏ. Trong trường hợp thứ nhất, nó dễ dàng vượt qua thiên tài của sự phê bình quân sự, vì ai là người có thể tự khoe rằng mình có thiên tài như Phrê-đê-rích Đại đế hay như Bô-na-pác? Nếu sự phê bình không muốn bị ngăn cấm bày tỏ ý kiến về một tài năng lỗi lạc,

thì phải cho phép nó sử dụng lợi khí ưu thế, tức là tầm quan sát rộng rãi của nó. Vậy thì phê bình không thể dùng những dữ kiện của một vị tướng lớn để giải quyết nhiệm vụ của ông này theo kiểu thử lại một bài toán. Cùng với thắng lợi, căn cứ vào những chứng cứ do các biến cố đưa đến, việc trước tiên là phê bình phải cúi đầu thán phục kết quả của hoạt động trác việt của một thiên tài và sau đó đi dần vào xem xét cả chuỗi các sự việc mà thiên tài đã có thể tự nhiên linh cảm thấy.

Nhưng muốn đạt tới một tài ba nào đó, dù nhỏ đến đâu đi nữa, sự phê bình cũng phải luôn luôn đứng vào vị trí của quan điểm cao hơn để có thể sử dụng được nhiều yếu tố khách quan làm cho sự phán đoán của mình càng ít chủ quan

càng tốt, và trí óc hạn chế của phê bình không bị dẫn dắt đến chỗ tự coi mình là trọng tài.

Thái độ cao thượng đó của phê bình, khen chê đúng với sự hiểu biết thấu đáo nguồn gốc của vấn đề, không khiến ta phật ý; sự khen chê đó chỉ làm ta phật ý khi nào nó tự ưỡn ngực tuyên bố rằng những kiến thức thu thập được là nhờ ở sự hiểu biết một cách hoàn hảo các sự kiện và nó phản ánh thiên tài của chính người phê bình. Sự xảo trá đó quả là thô bạo, nhưng thường lại được sự tự kiêu bao che và ta không nên lấy làm lạ về sự công phần nó sẽ gây ra. Một sự tự cao như thế, tuy không cố ý, thường được người đọc gán ghép cho người phê bình và nếu người đó không có những bảo

đảm chắc chắn, tức thì người ta buộc cho họ là bất lực, có thiếu sót trong sự suy xét.

Khi người phê bình nói đến một vài sai lầm nào đó của Phrê-đê-rích Đại đế hay của Bô-na-pác, điều đó không có nghĩa là ông ta sẽ không phạm vào sai lầm tương tự. Ông ta có thể tự thấy nếu đứng vào vị trí của các vị tướng kia, ông ta sẽ có thể phạm phải những sai lầm nặng hơn nhiều, nhưng ông ta nhìn thấy những sai lầm ấy nổi bật lên trong mối liên hệ của các sự vật và ông ta đòi hỏi sự minh mẫn nhạy bén của vị tướng phải phát hiện ra.

Như vậy chúng ta đứng trước một nhận định được hình thành nhờ ở mối

liên hệ của những biến cố, và tất nhiên ***nhờ ở thắng lợi***. Nhưng lại còn có ảnh hưởng khác hẳn, đó là ảnh hưởng mà thắng lợi gây ra đối với sự suy xét, nghĩa là thắng lợi được đưa ra để chứng minh cho sự đúng sai của một hành động. Đó là cái mà người ta có thể gọi là ***sự suy xét phụ thuộc vào thắng lợi***. Thoáng nghĩ, tưởng sự suy xét đó không có tí giá trị gì, nhưng thật ra không phải như thế.

Năm 1812, khi Na-pô-lê-ông tiến vào Mát-xcơ-va, tất cả đều tùy thuộc vào vấn đề tìm hiểu xem sau khi thủ đô bị chiếm và cộng với tất cả những gì đã xảy ra trước cuộc xâm lăng, hoàng đế A-lếch-xan sẽ quyết định ký hiệp ước đình chiến hay không, như ông đã làm năm 1807 sau trận Phrit-lan và như Bô-na-

pác đã buộc hoàng đế Phrăng-xoa ký hòa ước năm 1805 và năm 1809 sau những trận ở Au-xtéc-lít và ở Va-gram. Vì nếu Bô-na-pác không đạt được hòa bình ở Mát-xcơ-va thì chỉ còn độc một con đường thoái lui, nghĩa là một thất bại chiến lược. Đừng hỏi chúng tôi là Nápô-lê-ông đã làm gì để đi tới Mát-xcơ-va, cũng đừng hỏi là trong lúc tiến quân ông ta có bỏ lỡ những cơ hội tốt để thúc đẩy hoàng đế A-lếch-xan ký kết hòa bình hay không? Chúng tôi cũng bỏ qua những tình huống tai hại mà ông ta vấp phải trong lúc rút lui, những tình huống mà nguyên nhân có thể ở ngay trong việc chỉ đạo chiến tranh. Vấn đề sẽ vẫn chỉ là một; vì dù cho kết quả của việc tiến quân đến Mát-xcơ-va có rục rở đến đâu cũng

chưa phải đã làm cho hoàng đế A-lêch-xan khiếp sợ đến nỗi phải chấp nhận hòa bình; và nếu việc lui quân không gây mầm mống cho sự thất bại như thế thì nó cũng sẽ mãi mãi chỉ là một sự thất bại lớn về chiến lược. Nếu hoàng đế A-lêch-xan đã nhận một hòa ước không có lợi cho ông, chiến dịch 1812 sẽ được xếp cạnh những trận Au-xtéc-lit, Phrít-lan và Va-gram (những trận thắng lớn của Na-pô-lê-ông - ND). Nhưng nếu những trận đó đã không đi được đến hòa bình thì cũng kết thúc bằng những tai họa tày trời giống nhau. Dù cho kẻ đi chinh phục thế giới (chỉ Na-pô-lê-ông - ND) đã tỏ ra hùng mạnh, khôn khéo, tài giỏi đến thế nào đi nữa, thì câu hỏi cuối cùng gửi cho số mệnh này ở đâu cũng không thay đổi.

Vậy có nên loại bỏ những chiến dịch năm 1805, 1807 và 1809 và cho rằng vì chiến dịch năm 1812 nên những trận đánh của mấy năm trước hoàn toàn chỉ là hành động không suy nghĩ, và thắng lợi của chúng là trái với quy luật phát triển tự nhiên của sự vật, rằng đến năm 1812 cái công lý chiến lược cuối cùng đã thắng cái may mắn mù quáng? Đó là một nhận định không có cơ sở, một sự suy xét độc đoán mà có đến một nửa những dẫn chứng còn phải được tìm tòi thêm, vì chẳng có con mắt người trần tục nào có khả năng theo dõi mối liên hệ tất yếu của các biến cố đưa đến sự quyết định cuối cùng của những đấng vua bị đánh bại.

Lại càng sai hơn nữa nếu ta cho rằng chiến dịch 1812 cũng đáng đi đến thắng

lợi như những chiến dịch khác, và nếu nói ngược lại là không tự nhiên; vì người ta không thể coi tính khiêm nghị của hoàng đế A-lếch-xan như một sự vật trái tự nhiên.

Còn có gì tự nhiên hơn là nói rằng năm 1805, 1807 và 1809, Bô-na-pác đã đánh giá đúng đối phương của mình nhưng đến năm 1812 thì ông ta đã nhầm? Những lần đầu ông ta làm đúng, lần sau ông ta làm sai và ở trường hợp này cũng như ở trường hợp kia, ***bằng chứng đã do các thắng lợi cung cấp.***

Như chúng tôi đã nói, trong chiến tranh hành động nào cũng đều nhằm vào những thắng lợi có thể chứ không thể nhằm vào những thắng lợi chắc chắn. Đối

với cái phần chắc chắn hiện thời còn thiếu, thì phải trông cậy vào số phận hay may rủi, bất kể gọi là cái gì cũng được. Dĩ nhiên người ta có thể yêu cầu cái phần ấy càng thật nhỏ càng hay nhưng không phải chỉ trong một trường hợp đặc biệt: nghĩa là trong trường hợp đặc biệt đó thì có thể lại càng thật nhỏ. Không phải là vì người ta thích trường hợp nào ít chắc chắn hơn. Đó là một sai lầm kinh khủng, lý lẽ chúng tôi sẽ trình bày sau này. Trong vài trường hợp, cái nguy hiểm lớn nhất thường lại tương ứng với cái trí thông minh nhất.

Một khi mà sự quyết định được đặt trong tay số mệnh thì công lao, thành tích và tất nhiên trách nhiệm của người hành động hình như không còn liên quan gì cả.

Tuy nhiên, chúng ta không thể tránh một sự đặc ý ngầm mỗi khi điều dự tính của ta được thực hiện, hoặc một sự khó chịu trong tâm trí mỗi khi thấy điều dự tính ấy không đúng. ***Đó là tất cả cái gì chúng tôi muốn nói khi chúng ta phân xét một hành động đúng hay sai, sự phân xét đó chỉ đơn thuần căn cứ vào thắng lợi của hành động, hoặc hơn nữa là dựa vào cái gì chúng ta thấy được.***

Nhưng không thể chối cãi được rằng sự thích thú do thắng lợi và sự bức bối do thất bại dù sao cũng chỉ dựa trên cảm giác mờ ảo, rằng giữa cái thắng lợi do may rủi và cái thắng lợi do thiên tài của người hành động có một mối quan hệ mà nhãn quan của trí tuệ không thể nhìn thấy

sự dự tính lại là một nguồn thích thú. Cái khiến cho ta xác nhận ý niệm ấy chính là do tại cảm tính của ta phát triển và trở nên một tình cảm rõ nét khi thắng lợi hay thất bại tái diễn nhiều lần trong một con người. Do đó, người ta hiểu vì sao sự may rủi trong chiến tranh lại có tính chất cao quý hơn là sự may rủi ở sòng cờ bạc. Trừ phi cảm tính của ta có vấn đề gì khác hạn chế, bao giờ chúng ta cũng thấy thích thú được theo dõi một quân nhân trong sự nghiệp may mắn của họ.

Sau khi đã cân nhắc tất cả những cái gì đi vào trong những dự tính và những điều tin tưởng của con người, sự phê bình tin cậy ở kết thúc của các biến cố, hay ít ra ở bộ phận của các biến cố mà mối liên hệ sâu sắc và kín đáo lại không

thể hiện trong những hiện tượng có thể sờ mó thấy được. Cấp trên có thể ngừng lại một cách lặng lẽ ở điểm này: sự phê bình tránh những ý kiến ồn ào và tầm thường đối với ông ta đồng thời cũng vứt bỏ được những sự lạm dụng thô bạo mà người ta có thể y vào cái quyền thẩm xét tối cao ấy (phê bình - ND) mà gây ra.

Vậy thì sự phán quyết của thắng lợi là nhằm để thay thế cho bất cứ cái gì mà trí óc minh mẫn của con người không thể khám phá được; sức mạnh và hành động tinh thần buộc phải sử dụng nó (sự phán quyết của thắng lợi - ND) vì chính sức mạnh và hành động tinh thần là cái khó đánh giá đúng mức nhất, một phần vì mối quan hệ chặt chẽ của chúng với ý chí, khiến chúng dễ xác định được ý chí. Khi

mà sự khiếp đảm hoặc lòng dũng cảm đã quyết định thì chẳng còn gì là khách quan để can thiệp giúp cho bên này hoặc bên kia nữa^[1] và như thế cũng chẳng còn gì để cho sự minh mẫn hoặc sự tính toán có thể hy vọng đưa lại một kết quả có thể có.

Chúng tôi xin có vài nhận xét về công cụ của phê bình, nghĩa là ngôn ngữ sử dụng trong phê bình, thứ ngôn ngữ này sát cánh với hành động chiến tranh và sự phê bình nói cho cùng chỉ là sự suy nghĩ trước khi hành động. Cho nên, theo chúng tôi, điều cốt yếu là ngôn ngữ phê bình phải có cùng tính chất với sự suy nghĩ trong chiến tranh. Nếu không như thế, nó sẽ trở thành vô dụng trong thực

tiền và bịt lối không cho sự phê bình tiếp xúc với đời sống.

Qua những ý kiến của chúng tôi về lý thuyết chỉ đạo chiến tranh, chúng tôi đã nói là nó phải có nhiệm vụ rèn luyện trí tuệ cho người chỉ đạo chiến tranh, hay nói đúng hơn là phải hướng dẫn sự rèn luyện ấy chứ không phải chỉ đưa cho ông ta những giáo lý và những hệ thống lý luận tích cực để ông ta sẽ sử dụng như những khí cụ tinh thần. Khi ta muốn suy xét về một biến cố chiến tranh nhất định thì việc xây dựng một hệ thống điểm chuẩn có tính khoa học là không cần thiết và cũng chẳng nên có; khi sự thật không bộc lộ dưới một hình thái có hệ thống, khi chẳng bao giờ người ta *gián tiếp* thấy mà chỉ *trực tiếp* thấy chân lý nhờ

nhân lực tự nhiên của trí óc, thì nghiên cứu phê bình *cũng phải làm như thế*.

Thật vậy, chúng ta đã thấy rằng trong trường hợp mà việc đi sâu vào bản chất của những hoàn cảnh sẽ đưa ta đi quá xa, lúc đó sự phê bình phải tin tưởng vào chân lý mà lý thuyết đã dựng lên. Nhưng ngay cả trong chiến tranh, người hành động vẫn tuân theo những chân lý có tính lý thuyết này, cũng chỉ bằng cách để cho trí tuệ của mình thấm nhuần tinh hoa của chân lý, chứ không coi nó như một luật lệ bất di bất dịch, thuần túy khách quan, sự phê bình cũng không được sử dụng nó như một luật lệ xa lạ hay như một công thức đại số mà lúc ứng dụng không cần phải chứng minh lại; trái lại sự phê bình phải luôn luôn sàng lọc chân lý đó, giành

cho lý thuyết nhiệm vụ giải thích những chi tiết phức tạp hơn. Như vậy sự phê bình sẽ tránh được kiểu văn chương tối mò, bí hiểm và sẽ dùng lời lẽ giản dị để minh họa những ý kiến sáng sủa, nghĩa là những mối liên hệ có thể thấy rõ.

Có thể là điều đó sẽ không luôn luôn được như thế nhưng mục đích của phần thuyết minh phê bình thì bao giờ cũng phải như thế. Nên ít vận dụng những hình thái phức tạp của tri thức và không bao giờ được dựng lên những cấu trúc khoa học để rồi sẽ sử dụng chúng như một hệ thống những khoa học trời cho, mà phải tiến hành bằng phương pháp hoạt động thoải mái và tự nhiên của trí tuệ.

Song le, rất ít khi ta thấy được sự cố

gắng đáng tôn kính đó (nếu có thể nói như vậy) thể hiện trong các bản phân tích phê bình. Phần lớn các tác giả đã bị lôi cuốn bởi một thứ tự cao tự đại và sa vào trạng thái phô trương rỗng tuếch của trí tuệ.

Khuyết điểm thường xảy ra là họ đã sử dụng một cách vụng về, hoàn toàn không thể tha thứ được, những hệ thống (lý thuyết - ND) phiến diện, như một bộ luận thực thụ. Nhưng chẳng có gì khó khăn lắm cũng phải giải thích được sự thiếu sót của những hệ thống trên: chỉ nội điều này cũng đủ bác bỏ hoàn toàn sự phán quyết của bộ luật. Đây là một việc rất rõ ràng; và cũng do số hệ thống (lý thuyết) có thể công nhận được rất cuộc lại rất ít nên sự tác hại đầu sao cũng

không lớn lắm.

Song, những tác hại lớn nhất lại là do một mớ **thuật ngữ, từ ngữ**, những **thí dụ** rỗng tuếch đầy dẫy trong những hệ thống (lý thuyết) ấy, đó là những ký sinh trùng không mong đợi, len lỏi vào khắp nơi, tung hoành như lũ cướp được tháo khoán. Bất cứ nhà phê bình nào nếu không tự vươn tới trình độ hệ thống đầy đủ, hoặc do không thích thú hệ thống nào cả, hoặc không có dịp để thâm nhuần một hệ thống đầy đủ, thì ít ra cũng cố vận dụng lấy một đoạn như người ta vận dụng một quy tắc để vạch ra những sai lầm mà người tướng mắc phải. Phần nhiều những người phê bình đều thường không đủ khả năng phân tích nếu không luôn luôn dựa vào từng đoạn của lý thuyết khoa học

quân sự. Những mẫu nhỏ nhất của những đoạn đó, những thuật ngữ hay những sự so sánh, thường chỉ là những sự thêu dệt của việc kể chuyện phê bình. Song lẽ, mọi từ ngữ kỹ thuật, mọi thuật ngữ thuộc về một hệ thống lý thuyết sẽ mất đi (nếu nó có) cái đặc tính và sự đúng đắn của nó ngay từ khi người ta lôi nó ra khỏi hệ thống nói trên nhằm dùng nó như một tiên đề có tính phổ biến hay như một mẫu tinh thể nhỏ của chân lý, để được tiếng là có tính thuyết phục hơn là những lời lẽ bình thường.

Đây, lý do tại sao thường xảy ra chuyện những công trình lý thuyết và bình luận của chúng ta, đáng lẽ là những luận văn sáng sủa và đơn giản - trong đó tác giả ít ra cũng biết mình nói gì và đọc

giả ít ra cũng biết mình đọc gì - thì lại đầy đầy những từ ngữ kỹ thuật, tạo nên những ngã tư tối tăm mà tác giả thì một nơi còn đọc giả thì một nẻo. Nhưng thường lại còn có những cái tệ hơn nữa, nghĩa là những cái vô trứng rỗng. Bản thân tác giả cũng không biết rõ những cái ấy nghĩa là gì, và họ tự thỏa mãn với những thứ chung bày lộn xộn mà chính họ cũng không ưng ý ngay trong ngôn ngữ thông thường.

Khuyết điểm thứ ba của phê bình là sự lạm dụng những dẫn chứng lịch sử và sự phô trương biết rộng hiểu nhiều. Nghệ thuật quân sự là gì, chúng tôi đã trình bày và chúng tôi sẽ giành những chương riêng để nói lên nhận thức của chúng tôi về những dẫn chứng lịch sử và về lịch sử

quân sự nói chung. Một sự việc, mà người ta mới đặng nhẹ đến khi lướt qua, có thể dùng làm chỗ dựa cho ***những quan điểm rất trái ngược nhau***; ba hoặc bốn những sự việc loại đó mà người ta tìm ở các nước hoặc ở những thời quá khứ xa xôi nhất, thuộc vào những hoàn cảnh khác biệt nhau nhất sẽ làm cho ta đi lạc hướng và lạc cả sự phán đoán mà chẳng giải thích được điều gì. Bởi lẽ, xét cho kỹ thì đó hầu hết thường chỉ là một mớ lộn xộn; cốt để khoe sự hiểu biết lung tung của tác giả.

Cuộc sống thực tế có thể rút ra được bài học gì trong những quan điểm tối mò, chỉ đúng có một nửa, lại lộn xộn và độc đoán ấy? Quả thật là chúng không giúp

ích được gì mấy cho cuộc sống^[2], vì lý thuyết, từ khi ra đời, đã luôn luôn là một phản đề của thực hành và luôn luôn là trò cười đối với những người mà không ai có thể nghi ngờ gì được về các thành tích ở chiến trường của họ.

Điều đó không bao giờ có thể xảy ra được nếu lý thuyết cố gắng xây dựng cái gì có thể xây dựng bằng ngôn ngữ đơn giản, nhận định một cách tự nhiên những sự vật cấu thành sự chỉ đạo chiến tranh; nếu, lý thuyết cố gắng tránh sự tự phụ giả tạo bằng việc phô trương những công thức khoa học, những đối chiếu lịch sử một cách lộ bịch, và nếu lý thuyết cứ ở trong lĩnh vực của mình, tay trong tay cùng tiến với những người có trách

nhiệm ở chiến trường để điều khiển mọi công việc với vốn liếng của chính trí tuệ của mình.

Chương 6

BÀN VỀ NHỮNG DẪN CHỨNG

Những dẫn chứng lịch sử làm sáng tỏ tất cả; hơn nữa nó có khả năng giải thích tốt nhất về khoa học thực nghiệm. Điều này được nghiệm trong nghệ thuật chiến tranh hơn là trong các lĩnh vực khác. Tướng Sác-hoóc^[3], người đã viết những bút ký nổi tiếng về chiến tranh, đã nói: dẫn chứng lịch sử là yếu tố quan trọng nhất để thấu hiểu khoa học quân sự, và chính ông đã sử dụng rất tài tình các dẫn chứng lịch sử. Nếu ông không ngã xuống trong chiến tranh, chắc ông sẽ cho ta bằng chứng đẹp nhất về óc quan sát và phương pháp đi sâu mà ông đã dùng để rút ra bài học của kinh nghiệm ấy.

Nhưng ta thấy rất hiếm các nhà lý luận vận dụng những dẫn chứng lịch sử theo kiểu ấy. Phương pháp mà họ sử dụng hầu như không những thỏa mãn được trí tuệ, mà lại còn như thóa mạ nó. Do đấy, chúng tôi thấy dành hẳn một chương đề đặc biệt phân tích về việc sử dụng đúng đắn hay lạm dụng những dẫn chứng có lẽ cũng là việc có ích.

Những kiến thức làm nền tảng cho nghệ thuật chiến tranh chắc chắn là thuộc về khoa học thực nghiệm, vì tuy những kiến thức đó phần nhiều bắt nguồn từ bản chất của sự việc, nhưng thường thường chúng ta lại phải trải qua kinh nghiệm mới biết được bản chất ấy; hơn nữa biết bao nhiêu hoàn cảnh đặc biệt đã xảy ra khiến cho sự ứng dụng thực tiễn phải sửa

đổi, thực tiễn đã làm cho ta không bao giờ hiểu được hoàn toàn những kết quả nếu chỉ nhờ có bản chất độc nhất của biện pháp mà thôi.

Chỉ có kinh nghiệm mới đem lại cho chúng ta sự hiểu biết về hiệu quả của thuốc súng - nhân tố lớn lao - trong hoạt động quân sự của chúng ta, và hiện giờ người ta vẫn tiếp tục thí nghiệm để khảo sát thêm nữa hiệu quả đó. Một quả đạn sắt tròn do thuốc nổ bắn đi với tốc độ 1.000 đô^[4] một giây sẽ quét sạch mọi sinh vật trên đường đi của nó, điều đó dễ thấy, không cần dựa vào kinh nghiệm. Thế nhưng, kết quả ấy lại do hàng trăm hoàn cảnh thứ yếu xác định, một số hoàn cảnh lại chỉ có qua kinh nghiệm mới biết.

Hơn nữa, cái làm cho ta quan tâm chính là ảnh hưởng tinh thần, chứ không phải chỉ có ảnh hưởng vật chất. Còn muốn biết và đánh giá ảnh hưởng tinh thần một cách đúng đắn thì không có cách nào khác ngoài ***kinh nghiệm***. Thời trung cổ, khi người ta mới phát sinh ra súng, vì cách chế tạo chưa hoàn chỉnh nên ảnh hưởng vật chất ít hơn ngày nay, nhưng ảnh hưởng tinh thần lúc ấy lại hơn ngày nay rất nhiều. Phải tận mắt nhìn thấy các khối binh lính do Bô-na-pác huấn luyện và chỉ huy nhằm đi chinh phục, kiên trì chịu đựng những đợt pháo hỏa dữ dội và dai dẳng, ta mới có được ý niệm rõ về cái mà những đạo quân được tôi luyện trong thử thách lâu dài với nguy hiểm có thể đưa lại. Phải tận mắt nhìn thấy như

vậy, ta mới hiểu rằng việc đạt được rất nhiều chiến thắng đã đưa đến cái quy tắc cao quý này: phải đòi hỏi ở bản thân mình những hy sinh ngày càng lớn. Chỉ có trí tưởng tượng thôi thì không thể quan niệm được điều đó. Mặt khác, người ta biết rất rõ rằng trong một số quân đội châu Âu ngày nay còn có những toán quân Tác-ta, Cô-dắc, Crô-át chỉ mới nghe thấy tiếng đại bác là đã tan vỡ, tán loạn. Nhưng không một khoa học thực nghiệm nào và vì vậy, không có một lý thuyết về nghệ thuật chiến tranh nào, lại luôn luôn có thể chứng minh chân lý của mình bằng những dẫn chứng lịch sử. Điều đó không thể thực hiện được, phần vì phải đưa ra quá nhiều dẫn chứng, phần vì khó có thể đối với mỗi hiện tượng lại

viện ra một dẫn chứng phù hợp. Trong chiến tranh, nếu thấy một biện pháp nào dùng có kết quả là người ta sẽ dùng nhau, người nọ bắt chước người kia và trở thành một cái “mốt”. Biện pháp ấy sẽ bước vào cuộc sống thông dụng, được kinh nghiệm hỗ trợ và có ngay chỗ đứng trong lý thuyết, rồi lý thuyết lại thường viện đến kinh nghiệm để chỉ ra nguồn gốc của nó, chứ không phải để chứng minh tính chính xác của nó.

Sự việc sẽ khác hẳn nếu ta dựa vào kinh nghiệm để phá bỏ một thông tục, để xây dựng nên một biện pháp đang còn nghiên cứu hay để đưa ra một cái mới, lúc ấy phải vận dụng dẫn chứng lịch sử làm bằng cứ.

Nhưng, khi xem xét kỹ cách sử dụng một dẫn chứng lịch sử, ta có thể dễ dàng thấy ngay bốn quan điểm khác nhau.

Trước hết, người ta có thể dùng nó như một lời **giải thích** giản đơn cho một ý kiến. Vì rằng, trong mọi lập luận trừu tượng, người ta có thể dễ bị hiểu lầm, hoặc tệ hơn nữa, không ai hiểu gì được cả. Muốn phòng ngừa điều bất tiện đó, tác giả dùng một dẫn chứng lịch sử để soi sáng ý kiến của mình và để đảm bảo cho người đọc có thể hiểu được mình.

Hai là, họ có thể chú giải **sự ứng dụng của ý kiến** nói trên, vì một dẫn chứng tạo ra thời cơ để dựa vào những tình huống nhỏ nhất mà ý kiến chính không thể bao trùm được; đó chính là

chỗ khác nhau giữa lý thuyết và kinh nghiệm. Hai trường hợp trên là những dẫn chứng chính cồng; hai trường hợp sau đây là thuộc vào phạm trù của những bằng chứng lịch sử.

Vì, ba là người ta có thể dựa vào một sự kiện lịch sử để xác nhận điều người ta nói. Ở mọi trường hợp mà người ta muốn trình bày *khả năng* độc nhất của một hiện tượng hay một hậu quả thì chỉ như thế là đủ.

Sau cùng, sự trình bày tỉ mỉ một biến cố lịch sử và sự ghép liền nhiều biến cố có thể dùng làm nòng cốt cho một lý thuyết, lý thuyết ấy tìm thấy sự chứng minh trong dẫn chứng được nêu ra.

Trong trường hợp thứ nhất, thường

chỉ cần nói lướt qua một sự việc được soi sáng từ một khía cạnh nào đó. Có thể là chính bản thân sự thật lịch sử cũng không quan trọng, một dẫn chứng tự đặt ra lại cũng có thể có tác dụng như vậy. Nhưng dẫn chứng lịch sử bao giờ cũng có thuận lợi hơn vì thực tế hơn, vì nó làm cho ý kiến mà nó cần chứng minh thâm nhập vào cuộc sống thực tiễn.

Cách dùng thứ hai cho phép trình bày rõ hoàn cảnh chi tiết của những biến cố; nhưng lúc đó sự chính xác thành ra phụ thuộc, về vấn đề này, chúng tôi lặp lại những gì mà chúng tôi đã nói ở trường hợp thứ nhất.

Trong cách dùng thứ ba, chỉ cần đơn giản nêu lên một việc không ai ngờ vực

được cũng là đủ. Khi người ta tuyên bố là trong những điều kiện nào đó, những vị trí phòng thủ vững chắc có thể đạt được mục đích của họ thì chỉ cần nhắc đến Bun-đen-vít để làm chỗ dựa cho lời khẳng định này. Nhưng nếu việc trình bày một trường hợp lịch sử dùng để chứng minh cho một vài sự thật có tính chất chung thì trường hợp đó phải được phát triển đúng và tỉ mỉ về mọi điểm liên quan đến điều khẳng định, có thể nói nó phải được dựng lại dưới con mắt của độc giả. Càng không làm được như đã nói trên, dẫn chứng càng yếu, thì lại càng phải tăng cường sức chứng minh của trường hợp cá biệt bằng số lượng của những trường hợp được nêu ra, vì người ta giả thiết rất có lý rằng những chi tiết

của tình huống mà ta không thể kể ra hết sẽ được thay thế về mặt kết quả của chúng bởi số lượng những trường hợp được nêu.

Khi người ta muốn chứng minh bằng kinh nghiệm rằng: xếp kỵ binh ở phía sau bộ binh tốt hơn là xếp ở bên sườn bộ binh, rằng quả là hết sức nguy hiểm khi thiếu một ưu thế về số lượng quyết định để tiến hành trên chiến trường hay trên trận địa (tức là có tính chất chiến lược hay chiến thuật) một cuộc vận động bao vây với trung đội riêng rẽ, thì, ở trường hợp thứ nhất, nêu ra vài trận thất bại trong đó kỵ binh được xếp ở bên sườn và vài trận thành công mà kỵ binh được xếp ở phía sau bộ binh cũng chưa đủ, và trong trường hợp thứ hai, nhắc lại những

trận ở Ri-vô-li^[5] hoặc ở Va-gram^[6], những trận thâm nhập của quân Áo vào chiến trường nước Ý năm 1796 hay quân Pháp vào chiến trường nước Đức cùng năm ấy cũng chưa đủ. Phương pháp, mà những hình thức bố trí và tổ chức tiến công kể trên đã dùng và chủ yếu góp phần gây ra kết quả bất lợi cho các trường hợp riêng biệt, phải được chứng minh bằng cách thuật lại một cách chính xác mọi tình huống và mọi sự kiện lẻ loi. Như vậy, người ta sẽ thấy các hình thức đó tai hại **đến chừng nào**; đó là điều cần được xác nhận, vì một sự buộc tội chung chung thì bất cứ trường hợp nào cũng không phù hợp với chân lý.

Chúng ta đã thừa nhận rằng: sự thiếu

sức mạnh chứng minh, do không thể trình bày được rõ ràng, tỉ mỉ một sự việc, có thể được bù đắp bằng số lượng những dẫn chứng; đó là một cách gỡ bí rất nguy hiểm mà người ta thường hay lạm dụng. Đáng lẽ chỉ cần một dẫn chứng được phê phán phân tích kỹ lưỡng thì người ta lại nói ***lót phốt*** tới ba hoặc bốn dẫn chứng, điều đó chỉ nhằm gây ra ***ảo tưởng*** là có chứng cứ chắc chắn. Nhưng có những vấn đề được nêu ra đến hàng tá chứng cứ mà cũng vẫn chẳng chứng minh được điều gì; đó là những vấn đề ta luôn luôn gặp, và ở đây ta cũng có thể viện ra hàng tá trường hợp mà kết quả ngược lại cũng chứng minh được luận điểm đối lập với những luận điểm của họ. Nếu có người nào kể ra đến một tá trường hợp thất bại

vì tổ chức tiến công bằng các tung đội riêng rẽ, chúng tôi sẽ có ý kiến đối lập mà bằng cách nêu ra một tá trường hợp thành công mà người ta cũng áp dụng đội hình dàn quân như thế. Rõ ràng, theo cách ấy người ta chẳng đi đến kết quả gì.

Khi suy nghĩ kỹ về những điều kiện khác nhau kể trên, người ta sẽ dễ dàng thấy là mình đã lạm dụng quá bừa bãi những dẫn chứng.

Một biên cố không được diễn tả lại với đầy đủ mọi khía cạnh của nó mà chỉ được nêu ra một cách qua loa thật chẳng khác gì một vật thể ta nhìn thấy ở quá xa; mọi góc cạnh của nó đều hiện ra như là một, do đó người ta không phân biệt được kết cấu của từng bộ phận. Trong

thực tế, những loại dẫn chứng như vậy đều đã được dùng làm nòng cốt cho các ý kiến hết sức chống đối nhau. Theo người này thì những trận đánh của Đạo [\[7\]](#) là mẫu mực về sự khôn ngoan và tính thận trọng. Theo người khác thì đó lại là thí dụ về sự rụt rè và do dự. Năm 1797, cuộc vượt núi An-pơ Nô-rích của Bô-na-pác có thể coi như một quyết tâm tuyệt vời, nhưng cũng có thể coi như một hành động ngông cuồng thật sự. Cuộc thảm bại chiến lược của ông ta năm 1812 có thể coi như hậu quả của một nghị lực quá tràn trề mà cũng có thể coi như hậu quả của sự thiếu nghị lực. Tất cả những nhận định ấy ra đời và người ta hiểu rất rõ chúng ra đời như thế nào, vì mỗi người có một cách quan niệm của mình

về mối liên hệ giữa các sự vật. Những ký kiến đối lập nhau như vậy không thể cùng nhau thỏa hiệp, dung hòa; một trong hai ý kiến dứt khoát phải là ý kiến sai lầm.

Chúng ta rất biết ơn hầu ước Phơ-ki-e^[8] xuất sắc vì những dẫn chứng trong cuốn *Hồi ký* của ông đã để lại cho chúng ta nhiều chất liệu lịch sử đáng lẽ có thể bị mai một đi, vì ông là người đầu tiên đã cố gắng làm cho những ý niệm lý thuyết, nghĩa là những ý niệm trừu tượng, xích lại gần với đời sống thực tiễn một cách hữu ích. Những dẫn chứng của ông đã nêu ra phải được coi như là những sự giải thích và những định nghĩa rõ rệt hơn cho sự khẳng định của lý thuyết. Song, mặc dầu như vậy, người ta vẫn khó công

nhận được rằng: đối với độc giả vô tư, ông đã đạt mục đích là muốn dựng lên những chân lý có tính lý thuyết bằng các dẫn chứng lịch sử. Vì tuy ông đã diễn tả lại những biến cố một cách rất tỉ mỉ, nhưng tiếc rằng những suy luận mà ông rút ra từ đó còn xa lắm mới toát lên được từ những mối liên hệ bên trong của các sự việc.

Chỉ đơn thuần nêu lại những biến cố lịch sử còn có một điều bất lợi khác là, một phần độc giả không biết hoặc không nhớ rõ những biến cố ấy để có thể nắm được ý định của tác giả đến nỗi họ chỉ còn cách nhắm mắt tin vào những điều khẳng định của tác giả hoặc không tin gì cả.

Thật vậy, khó có thể dựng lại hoặc cho diễn lại những biến cố lịch sử trước mắt độc giả để họ có thể dùng biến cố đó làm bằng chứng. Vì các nhà văn vẫn thường thiếu phương tiện, thiếu cả thời gian và không gian cần thiết. Nhưng chúng tôi vẫn cho rằng khi kiến lập một nhận định mới hoặc không chắc chắn thì chỉ có một biến cố được phân tích tỉ mỉ cũng có tính giáo dục tốt hơn mười lần chúng được kể lại một cách qua loa đại khái. Cái nguy hại nhất của những sự kể lại nông cạn ấy không phải là tại tác giả đã có kỳ vọng không đúng chỗ muốn dùng chúng làm chứng cứ cho sự giải thích của mình, mà là tại họ không bao giờ có sự hiểu biết sâu sắc về những biến cố ấy và cách nghiên cứu lịch sử

hời hợt, nông cạn sẽ để ra hàng trăm nhận thức sai lầm và các cấu trúc lý thuyết sẽ không bao giờ ra đời được nếu người viết cho rằng bản phận mình là luận ra một lý thuyết mới mà họ muốn chứng minh bằng lịch sử, những mối liên hệ hoàn toàn tự nhiên của các biến cố.

Khi ta đã nhận thấy những khó khăn khi sử dụng dẫn chứng lịch sử cũng như tính không khoan nhượng cần phải có, ta sẽ nhận thấy lịch sử các cuộc chiến tranh gần đây luôn luôn là những bảo đảm tốt nhất để cho ta lựa chọn những dẫn chứng ấy, với điều kiện là chúng phải được suy nghĩ, nghiền ngẫm kỹ.

Không phải chỉ những thời kỳ xa xôi nhất, có nhiều điều kiện khác biệt (tức là

một phương thức chỉ đạo chiến tranh khác) mới bao gồm những biến cố ít có tính giáo dục về phương diện lý thuyết và thực hành. Rất tự nhiên là trong lịch sử quân sự hoặc trong lịch sử các lĩnh vực khác, cũng có vô vàn những nét và những chi tiết phụ đã xuất hiện trong lịch sử từ lúc ban đầu song đã mờ dần với thời gian, làm cho lịch sử phai màu và thiếu sinh khí, hết như một bức họa đã bị bạc màu và xỉn đi, ngẫu nhiên còn giữ lại được những mảng màu, những đường viền lớn theo những tỷ lệ quá đáng.

Nhận định tình hình hiện tại về sự chỉ đạo chiến tranh, chúng tôi thấy chính là những cuộc chiến tranh trước Chiến tranh Kế vị ở nước Áo đã có những nét giống những cuộc chiến tranh ngày nay, ít

ra là về mặt vũ khí, và tuy đã có những sự thay đổi hoặc lớn hoặc nhỏ, chúng vẫn còn khá gần gũi với các cuộc chiến tranh hiện tại và người ta có thể rút ở đó ra được nhiều điều bổ ích để học tập. Chiến tranh Kế vị ở Tây Ban Nha thì lại khác, thời ấy súng còn chưa phát triển và kỵ binh vẫn là vũ khí quan trọng nhất. Càng lùi lại quá khứ bao nhiêu, lịch sử chiến tranh lại càng thành ra vô dụng, càng nghèo nàn và bấp bênh bấy nhiêu. Lịch sử vô dụng nhất và bấp bênh nhất, chắc chắn là lịch sử cổ đại.

Tuy nhiên, tính vô dụng đó không phải là tuyệt đối, nó chỉ thích hợp với các sự vật dính líu đến sự hiểu biết chính xác về những hoàn cảnh hoặc những chi tiết của việc chỉ đạo chiến tranh nay đã

thay hình đổi dạng rồi. Chúng ta biết rất ít về diễn biến những trận tiến công của quân Thụy Sĩ và quân Áo, quân Buốc-ghi-nhông và quân Pháp. Những trận đó lần đầu tiên đã làm nổi bật lên một cách chắc chắn, không thể làm lẫn được rằng: một đơn vị bộ binh giỏi thì trội hơn hẳn một đơn vị kỵ binh tinh nhuệ. Liếc nhìn qua thời kỳ của bọn lính đánh thuê (condottieri), ta có thể thấy là mọi phương thức chỉ đạo chiến tranh đều phụ thuộc vào công cụ mà người ta sử dụng, vì không có thời kỳ lịch sử nào mà các lực lượng vũ trang lại có một tính chất tự trị như thế, không bao giờ nó lại được độc lập như thế trong đời sống xã hội và chính trị. Trong cuộc Chiến tranh Pun-[ních](#)^[9] lần thứ hai giữa La Mã và Các-

ta-giơ, cách đánh lạ lùng mà La Mã dùng để đánh Các-ta-giơ ở Tây Ban Nha và châu Phi (trong lúc ở Ý, Han-ni-ban^[10] vẫn chưa thất bại) có thể là đề tài của một công trình nghiên cứu rất bổ ích vì những quan hệ bình thường giữa các nhà nước và các đạo quân tổ chức ra cuộc kháng chiến gián tiếp ấy đã được người ta biết khá đầy đủ.

Nhưng càng đi sâu vào chi tiết bao nhiêu trong khi xa rời những nét tổng quát lớn, người ta thường càng ít có thể dùng được những dẫn chứng và những kinh nghiệm của những thời kỳ xa xôi bấy nhiêu, vì chúng ta khó có thể đánh giá một cách đúng đắn những biến cố giống nhau ấy cũng như sử dụng chúng với

những phương tiện hoàn toàn khác.

Nhưng điều không may là nhiều nhà viết sử đã luôn luôn có chiều hướng gọi lại những biến cố thời Cổ đại. Chúng ta không cần tìm tòi ở đây khía cạnh của sự khoe khoang và của những thủ đoạn lừa gạt, trong nhiều khi người ta bắn khoăn về sự thiếu ý định thật thà, thiếu một ý muốn quyết tâm đi sâu vào thuyết phục, đến nỗi những hàm ý ấy chỉ có thể xuất hiện như những nét tô điểm dùng để che đậy cho những thiếu sót và sai lầm.

Việc giảng dạy nghệ thuật chiến tranh chỉ bằng các dẫn chứng lịch sử như hầu tước Phơ-ki-e đã tự đề ra thật đáng khen ngợi. Nhưng ít ra người ta cũng phải dành cả một cuộc đời để làm việc

ấy, vì muốn làm như vậy thì người ta phải khởi đầu bằng cách tích lũy lâu dài những kinh nghiệm quân sự.

Người nào, tuân theo một sự thúc đẩy bên trong, khi bắt tay làm việc này, phải sửa soạn cho công trình cao quý ấy như chuẩn bị cho một chuyến đi hành hương dài ngày. Họ không được lùi bước trước sự hy sinh thì giờ, không nản chí trước bất kỳ khó khăn nào, không khuất phục trước bất kỳ uy lực nào, trước bất kỳ một quyền lực thế tục nào và vượt qua mọi sự khoe khoang cá nhân cũng như sự rụt rè giả tạo để nói lên, như kiểu nói của bộ luật nước Pháp: ***sự thật, chỉ có sự thật, tất cả sự thật.***

Chú thích:

[1] Điều kiện phụ thuộc (circumstances concomitantes): những điều kiện phụ thuộc của xã hội văn minh hoặc dã mang - N.D.

[2] Điều kiện phụ thuộc (circumstances concomitantes): những điều kiện phụ thuộc của xã hội văn minh hoặc dã mang - N.D.

[3] Gerhart Von Sharnhorst, tướng Phổ (1755 - 1813), người đã có nhiều công trạng trong việc cải tổ quân đội Phổ sau hiệp ước Tin-dít. Thầy học của Clau-dơ-vít và là tham mưu trưởng của Bluy-khe. Chết trận năm 1813 - N.D. Lê-nin ghi bằng tiếng Đức trong bút ký: “Tướng

Sác-hoóc đã viết về chiến tranh chân thực hơn ai hết trong cuốn Bàn đường của ông (Lê-nin gạch dưới). Bên lề ghi đoạn ghi chú này, Lê-nin viết: “Trong số những người khác” (Ban biên tập bản tiếng Nga).

[4] Đơn vị đo chiều dài cũ của phương Tây, tương đương 0,324m - N.D.

[5] Ri-vô-li: một làng ở nước Ý. Năm 1797, Na-pô-lê-ông đánh thắng quân Áo ở đây.

[6] Va-gram: một làng ở nước Áo, gần thành phố Viên. Năm 1809, Na-pô-lê-ông đánh thắng đại công tước Áo Sác-lơ ở đây.

[7] Joseph Marie Léopold Daun, bá

tước, thống chế nước Áo, hoàng tử xứ Thi-a-nô (1705 - 1766). Năm 1757 đã chiến thắng vua Phổ Phrê-đê-rích II ở Côn-lin (Tiệp Khắc) - N.D.

[8] Antoine - Manassès de Pas, hầu tước xứ Phơ-ki-e, trung tướng (1618 - 1711), tác giả cuốn “Những hồi ức về chiến tranh để giáo dục con trai”, xuất bản năm 1736.

[9] Chiến tranh Pu-ních: tên gọi cuộc xung đột dài ngày giữa La Mã và Các-ta-giơ xảy ra trước Công nguyên. Sau ba đợt chiến tranh dữ dội (264 - 241 trước CN, 218 - 201 trước CN và 149 - 146 trước CN), Các-ta-giơ đã bị tiêu diệt - N.D.

[10] Hannibal: tướng nổi tiếng của

xứ Các-ta-giơ (Bắc Phi). Là người đầu tiên dùng chiến thuật hợp vây. Trong trận Can-nơ (218 - 216 trước CN), vì biết hợp vây nên dù số quân ít hơn, vẫn thắng quân La Mã do Va-rông chỉ huy - N.D.

TẬP III
BÀN VỀ CHIẾN LƯỢC NÓI
CHUNG

Chương 1

CHIẾN LƯỢC

Khái niệm về chiến lược đã được định nghĩa trong chương 2, tập II. Chiến lược là sử dụng giao chiến để đạt mục đích chiến tranh. Nói cho đúng, chiến lược chỉ nói đến giao chiến, nhưng lý thuyết về chiến lược phải bao hàm yếu tố quyết định loại hoạt động đặc biệt này, tức là bản thân các lực lượng vũ trang và các mối liên hệ chính của nó; chính giao chiến là do lực lượng vũ trang quyết định, và ảnh hưởng trực tiếp và tức thời đến lực lượng vũ trang. Kết quả có thể của nó sẽ ra sao, những lực lượng tinh thần và trí tuệ quan trọng nhất mà nó huy động được sẽ ra thế nào, phải nghiên cứu giao chiến dưới những góc độ của nó.

Chiến lược là sử dụng giao chiến để đạt mục đích chiến tranh. Nó phải quy định cho toàn bộ hành vi chiến tranh một mục đích phù hợp với đối tượng chiến tranh. Nghĩa là nó vạch ra kế hoạch chiến tranh và quy định hàng loạt hành động để đạt mục đích nói trên. Nó vạch ra các kế hoạch chiến dịch khác nhau và tổ chức các trận giao chiến trong chiến dịch. Vì tất cả các quyết định ấy phần lớn chỉ dựa vào các giả định (các giả định này có khi nào cũng được thực hiện), vì rất nhiều sự bố trí chi tiết khác không thể đề ra trước được nên chiến lược phải theo quân đội ra chiến trường để bố trí tại chỗ các chi tiết và tiến hành những sự điều chỉnh chung, đây là điều luôn luôn cần thiết. Như vậy, chiến lược

không lúc nào được tách rời với hành động quân sự. Nhưng quan niệm này không phải khi nào cũng chiếm ưu thế, vì xưa kia người ta có thói quen ngồi trong phòng chứ không đến gần quân đội để giải quyết các vấn đề chiến lược. Người ta cũng có thể làm như thế với điều kiện là phòng làm việc ở gần quân đội đến nỗi có thể coi đó là đại bản doanh của quân đội.

Như vậy, lý thuyết phải bám sát chiến lược lúc vạch kế hoạch nói trên, hay nói đúng hơn, nó soi sáng bản chất các sự kiện và các mối quan hệ giữa chúng với nhau, nhấn mạnh một số nguyên tắc và quy tắc rút ra từ các sự kiện và các mối quan hệ ấy.

Nếu người ta còn nhớ những điều chúng tôi nói trong chương đầu^[1] về số lượng các vấn đề quan trọng bậc nhất liên quan đến chiến tranh thì người ta mới hiểu được rằng: cần một bộ có có tầm rộng lớn hiếm có mới nhìn bao quát được tất cả các vấn đề ấy.

Một hoàng thân hoặc một vị tướng muốn chứng tỏ ra có thiên tài thì tốt nhất là biết tổ chức cuộc chiến tranh của mình thế nào cho phù hợp với các phương tiện và mục đích của mình, không thái quá mà cũng không bất cập. Song, những kết quả của thiên tài không phải biểu hiện nhiều nhất ở các hình thái hoạt động mới sáng tạo hoặc nổi bật, mà chính là ở kết quả tốt đẹp của toàn bộ. Đó là sự nghiêm

đúng các giả định mặc nhiên, đó là sự hài hòa thâm lặng của toàn bộ phong cách hoạt động mà chúng ta muốn ca ngợi và chỉ biểu hiện trong kết quả tổng quát.

Nhà viết sử không biết khám phá sự hài hòa này từ kết quả tổng quát thì thường chỉ tìm thiên tài ở chỗ nó không có và không thể có được.

Vì chiến lược sử dụng các hình thái và phương tiện rất đơn giản, rất quen thuộc trước con mắt của lương tri bình thường nên sự phê bình sẽ trở thành lố bịch nếu như trình trọng thời phòng nó lên một quá đáng. Một cuộc vận động bao vây đã lặp đi lặp lại nghìn lần có khi được ca tụng như một nét hiếm có của

thiên tài, có khi được coi như một sự sáng suốt sâu sắc, hơn nữa có khi lại được coi là một sự uyên bác. Trong giới văn chương, có ai có thể tưởng tượng ra điều gì ngu ngốc kinh khủng hơn không?

Điều lỗi bịch hơn cả là: cùng đồng tình với dư luận tầm thường nhất, kiểu phê bình trên loại trừ ra khỏi lý thuyết tất cả các dữ kiện tinh thần, và chỉ muốn thừa nhận các lực lượng vật chất; đến nỗi tất cả mọi vấn đề chỉ còn tóm lại trong một vài tỷ lệ toán học về cân bằng và ưu thế, về thời gian và không gian, về góc độ và đường thẳng. Nếu quả thật như vậy thì một điều vụn vặt kiểu đó không đủ để cho một cậu học trò làm một bài tập khoa học.

Chúng ta đừng lầm lẫn: ở đây không phải là vấn đề công thức và đề tài khoa học. Trên thực tế, các quan hệ vật chất thường rất đơn giản. Khó hơn là hiểu cho được vai trò của các lực lượng tinh thần. Nhưng kể cả trong các lực lượng này, những điều phức tạp nhiều màu nhiều vẻ của các đại lượng và các dữ kiện tinh thần thường chỉ có trong những môi trường siêu việt của chiến lược: ở đó nó tiến sát, hay nói đúng hơn nó trùng khít với chính trị và nền cai trị của quốc gia, và như chúng tôi đã nói, ở đó nó đề cập đến các vấn đề thêm hoặc bớt hơn là các hình thái thực hiện. Khi các hình thái này chiếm ưu thế, như trong các hành động lớn nhỏ khác nhau của chiến tranh, số lượng các dữ kiện tinh thần chỉ còn lại

khá ít.

Như vậy, trong chiến lược mọi việc đều rất đơn giản nhưng như thế không có nghĩa là mọi việc đều rất dễ dàng.

Một khi các điều kiện của quốc gia cho phép ta xác định là chiến tranh phải và có thể dẫn đến đâu thì ta có thể tìm ra đường lối và biện pháp một cách dễ dàng. Nhưng việc kiên trì theo đuổi con đường đã định, việc thực hiện kế hoạch đã vạch mà không sao nhãng một phút nào (tuy có hàng nghìn cơ hội để sao nhãng) đòi hỏi ta phải có nghị lực, sáng suốt và kiên định về mặt tinh thần. Trong hàng nghìn nhân vật lỗi lạc, người thì lỗi lạc vì thông minh, người vì sáng suốt, người khác lại vì tinh thần dũng cảm và

ngiht lực, có thể không có người nào có đủ tất cả các đức tính cần thiết để nâng họ lên cao hơn tầm trung bình trong sự nghiệp của một vị tướng.

Điều đó quả có vẻ dị kỳ, nhưng đối với ai hiểu biết chiến tranh về phương diện ấy đều thấy rõ rằng một quyết định chiến lược quan trọng thường đòi hỏi nhiều nghị lực hơn là một quyết định chiến thuật. Trong chiến thuật có những việc tức thời lôi cuốn, người chỉ huy cảm thấy mình bị kéo theo một dòng nước chảy mạnh, cưỡng lại là gặp nguy hiểm lớn. Ông ta phải đẩy lùi những mối hồ nghi chớm nở và anh dũng tiến lên phía trước. Trong chiến lược, mọi việc đều diễn ra chậm chạp hơn; nó dành nhiều chỗ trống cho những mối hồ nghi từ

người khác hoặc từ bản thân mình đưa đến, cho những lời phê phán hoặc nhận xét, và vì vậy những điều tiếc rẻ đáng ghét cũng không phải là ít. Trong chiến thuật, người ta mắt thấy tai nghe được một nửa sự kiện, còn trong chiến lược, mọi việc đều phải dự đoán và giả thiết, do đó việc tin tưởng cũng không vững chắc bằng. Cũng vì vậy nên khi phải hành động thì phần lớn các vị tướng lại thường bị sa lầy trong sự rụt rè, e ngại.

Chúng ta hãy nhìn qua lịch sử, nhìn vào chiến dịch năm 1760 của Phrê-đê-rích Đại đế: theo các nhà bình luận, chiến dịch này nổi tiếng vì những cuộc điều động và những cuộc hành quân tuyệt vời, những kiệt tác thật sự của nghệ thuật chiến lược. Nhà vua muốn vu hồi Dao về

phía sườn phải, rồi về phía sườn trái, rồi lại về phía sườn phải, v.v. Điều đó có gì có thể làm cho ta phục sát đất? Có phải đó là dấu hiệu của một sự khôn ngoan rất mực không? Không phải thế, để nhận xét một cách lạnh mạnh và không kiêu cách, chúng tôi không tán thành thái độ như vậy. Trái lại, chúng ta hãy nên khen ngợi nhà vua vì ngài đã theo đuổi một mục đích lớn với những phương tiện ít ỏi mà lại không lao theo cái gì quá sức; ngài chỉ làm *điều gì đáng làm* để đạt mục đích. Tài ba của ngài không phải chỉ biểu hiện trong chiến dịch này mà còn cả trong ba cuộc chiến tranh mà vị vua vĩ đại đã tiến hành trước đó.

Giữ lấy Xi-lê-di nhờ đó là một nền hòa bình được bảo đảm: đó là mục tiêu

của ngài.

Cầm đầu một quốc gia nhỏ, giống như các quốc gia khác về hầu hết mọi phương diện, chỉ khác trong một vài ngành cai trị, ngài không thể trở thành A-lếch-xan đơ và nếu ngài theo gương Sác-lơ XII thì có lẽ ngài cũng đã mất đầu như ông này. Người ta thấy tổng sự chỉ đạo chiến tranh của ngài cái nghị lực luôn luôn đúng mức, luôn luôn cân đối, không bao giờ thiếu vững mạnh và ở những lúc khủng hoảng, ngài tiến hành được những biện pháp diệu kỳ, rồi sau đó lại trở lại trạng thái bình thường ngay để thích nghi với mọi vận động nhỏ nhất nhất của các biến cố chính trị. Tính kiên cường, lòng tham vọng cũng như lòng căm thù không làm cho ngài đi chệch con

đường này và chính vì vậy mà thắng lợi được đảm bảo.

Mấy dòng trên đây còn xa lắm mới xứng đáng với sự vĩ đại của vị tướng quân ấy! Lúc nghiên cứu kết quả diệu kỳ của chiến dịch này, lúc tìm nguyên nhân của thắng lợi, người ta không thể không nghĩ rằng: chỉ có sự sáng suốt của nhà vua mới giúp ngài vượt qua được mọi thác ghềnh để đi đến kết quả cuối cùng.

Trên đây là một mặt của vị tướng quân vĩ đại mà chúng ta khâm phục trong chiến dịch 1760 cũng như trong những chiến dịch khác, nhưng nhất là trong chiến dịch này vì không đâu bằng ở đây, ngài phải đương đầu với một cường quốc thù địch lớn hơn là lại ít tốn phí đến như

thể.

Mặt khác là khó khăn trong khi thực hiện. Những cuộc hành quân nhằm vu hồi qua sườn phải hoặc sườn trái không khó vạch ra lắm; ý kiến nhằm giữ cho đạo quân của mình luôn luôn kiên cố để đối phó với kẻ địch phân tán, nhân lực lượng lên nhiều lần bằng cách cuộc vận động thần tốc là không khó lắm trong khi quan niệm cũng như trong khi thể hiện. Vì vậy, sự sáng tạo này không có gì làm cho ta phải khâm phục và tất cả những điều mà người ta có thể nói về những vấn đề quá giản dị này là: nó thật là giản dị.

Nhưng, một vị tướng nào đó hãy thử bắt chước Phrê-đê-rích Đại đế về mặt này xem? Mãi về sau, nhiều nhà sử học

được chứng kiến chiến dịch, đã nói đến sự nguy hiểm của cách đồn trại của nhà vua (họ cũng đã nói đến sự thiếu thận trọng của việc bố trí các đồn trại này) và chắc chắn rằng, lúc nhà vua lập đồn trại thì nguy hiểm còn nhiều gấp ba lần!

Những cuộc hành quân dưới con mắt địch, có lúc dưới tầm đại bác của địch cũng vậy. Nếu Phrê-đê-rích Đại đế vẫn cứ thành lập đồn trại và tiến hành các cuộc hành quân như vậy, chính vì ngài đã thấy trong biện pháp, trong cách tổ chức, trong tinh thần trách nhiệm, trong tính tình của Đạo những đảm bảo đầy đủ để thấy rằng các công việc nói trên có mạo hiểm nhưng không khờ dại. Nhưng muốn làm được như vậy, muốn không đi chệch hướng và không bị thất vọng vì những

điều nguy hiểm mà ba mươi năm sau người ta vẫn còn nói đến, thì cần phải có sự táo bạo, tính quyết đoán và nghị lực của nhà vua. Ở địa vị của ngài, ít có vị tướng nào lại có thể thấy rằng những biện pháp chiến lược đơn giản ấy lại có thể thực hiện được.

Chúng ta hãy trở lại một khó khăn khác khi thực hiện: trong chiến dịch này, quân đội nhà vua luôn luôn vận động. Đánh đuổi Đao và bị La-xi^[2] đuổi đánh trên những con đường rất xấu, quân đội này đã hai lần đi từ En-bơ đến Xi-lê-đi (đầu tháng 7 và đầu tháng 8). Nó luôn luôn phải sẵn sàng chiến đấu và phải hành quân với một nghệ thuật rất điêu luyện: phải cố gắng rất lớn mới làm

được như thế. Tuy có hàng nghìn cỗ xe nặng nề đi theo, việc tiếp tế vẫn vô cùng bấp bênh. Ở Xi-lê-đi, trước trận Lê-nhít, trong 8 ngày liền, nó phải hành quân đêm, đi đi lại lại trước trận tuyến của quân địch, tất cả những điều đó đòi hỏi rất nhiều hy sinh gian khổ và cố gắng phi thường.

Chiến tranh được tiến hành như thế nhất định sẽ có những cọ xát ghê gớm trong bộ máy. Người chỉ huy không thể quan niệm những cuộc vận động ấy dễ dàng như người đo đạc sử dụng máy ngắm thiên văn.

Muôn vàn đau khổ của các chiến hữu nhìn đói nhìn khát có làm cho các vị tướng và vị tổng chỉ huy nhức nhối trong

tim hay không? Phải chăng là họ lạnh
lùng trước mọi rên siết và không biết
hoài nghi? Một người bình thường có đủ
can đảm để đòi hỏi những hy sinh lớn
như thế không? Phải chăng những cố
gắng như thế rồi sẽ làm cho quân đội mất
tinh thần, phá vỡ kỷ luật, tóm lại làm cho
mất đạo đức quân sự nếu lòng tin vào
tâm rộng lớn và sự sáng suốt vô biên của
vị tổng chỉ huy không phải là một lực cân
bằng đầy đủ? Đó là những điều làm cho
ta phải kính trọng. Thực hiện diệu kỳ như
thế càng đáng khâm phục. Nếu bản thân
chúng ta chưa thể nghiệm trước thì không
thể mừng tượng được những điều đó.
Đối với những người chỉ biết chiến tranh
qua sách vở và các cuộc tập trận, thì tất
cả những mặt trái ấy của hành động đều

là không có. Chúng tôi khẩn khoản yêu cầu họ tin ở chúng tôi và tin ở những điều mà, vì thiếu kinh nghiệm nên họ không biết.

Nhờ những thí dụ trên, chúng tôi muốn làm cho lập luận của chúng tôi trong sáng hơn và để kết luận chương này, chúng tôi phải vội nói rằng: trong lúc trình bày về chiến lược, chúng tôi đã mô tả theo cách của chúng tôi những phương diện khác nhau mà chúng tôi cho là quan trọng nhất, dầu nó ở trong phạm trù vật chất hoặc tinh thần. Chúng tôi đã đi từ đơn giản đến phức tạp để kết thúc bằng hệ thống rường cột của mọi hành vi chiến tranh, nghĩa là kế hoạch chiến tranh hay chiến dịch.

Chỉ riêng việc bố trí những lực lượng vũ trang ở một điểm nào đó cũng làm một cuộc giao chiến có thể xảy ra, nhưng không phải nhất thiết khi nào giao chiến cũng xảy ra. Như vậy, phải chăng ta coi khả năng đó như là một hiện thực, như một sự việc đã xảy ra thật sự? Nhất định phải như vậy. *Vì các hậu quả, các ảnh hưởng của sự việc ấy đều sao đi nữa cũng vẫn cứ tác động.*

Vì hậu quả của nó, những cuộc giao chiến có thể xảy ra phải được coi như là đã thật sự xảy ra.

Khi một đạo quân được biệt phái đi làm nhiệm vụ cắt đứt đường rút lui của quân địch, và bọn này phải đầu hàng không chống cự, sự đầu hàng đó đó sở dĩ

đó được là vì đạo quân biệt phái sẵn sàng giao chiến.

Nếu một phần quân đội của chúng ta làm cho địch mất rất nhiều phương tiện tăng cường lực lượng bằng cách chiếm đóng một vùng đất đai mà địch không phòng ngự nếu địch muốn lấy lại vùng này thì chỉ có cách dùng giao chiến để đe dọa, quân đội của chúng ta mới đảm bảo giữ được vùng đó.

Trong cả hai trường hợp, khả năng xảy ra giao chiến, đã có những hậu quả mà người ta cho vào phạm trù của những sự việc đã xảy ra thật sự. Trong cả hai trường hợp, chúng ta hãy cho rằng kẻ địch đã đem quân ra đánh với chúng ta, nên chưa giao chiến đã phải bỏ mục tiêu.

Như vậy là bản thân mục đích của chúng ta không đạt, nhưng cuộc giao chiến mà chúng ta mong địch phải chấp nhận lại không phải không có ảnh hưởng vì địch đã buộc phải bộc lộ lực lượng kể cả những lúc mà toàn bộ hành động của chúng đã đi đến chỗ thất bại, người ta cũng không thể nói: những việc tỏ rõ thái độ như thế, những *cuộc giao chiến có thể có ấy*, không gây ảnh hưởng gì cả. Cái ảnh hưởng ấy cũng giống như một cuộc giao chiến thất bại.

Như vậy chúng tỏ rằng: việc tiêu diệt lực lượng tác chiến của địch và phá hủy sức mạnh của nó chỉ có thể thực hiện được nhờ ảnh hưởng của giao chiến, dù có giao chiến thật sự hoặc chỉ có đe dọa giao chiến mà không được chấp nhận.

Mục tiêu của giao chiến có hai mặt.

Nhưng bản thân những ảnh hưởng trên cũng có hai mặt: trực tiếp và gián tiếp. Nó là gián tiếp nếu có những yếu tố khác can thiệp vào và trở thành mục đích của giao chiến; bản thân các yếu tố này không thể coi như sự tiêu diệt lực lượng địch nhưng phải dẫn đến điểm đó, tuy bằng con đường vòng nhưng lại càng rất mạnh mẽ. Việc chiếm được các tỉnh, thành, pháo đài, đường sá, cầu cống, kho tàng có thể coi là mục tiêu trước mắt của giao chiến, nhưng không hề là mục tiêu cuối cùng. Những sự kiện trên phải được xem như những biện pháp nhằm chiếm ưu thế để cuối cùng đạt được những điều kiện giao chiến tốt cho ta đến nỗi địch

không thể chấp nhận được. Như vậy, những mục tiêu này phải coi như là những khâu trung gian, giống giống như những sự hướng dẫn đến yếu tố có hiệu lực nhưng không bao giờ nên coi như đó là bản thân các yếu tố ấy.

Dẫn chứng

Năm 1814, lúc thủ đô của Bô-na-pác bị chiếm đóng, mục đích chiến tranh đã đạt. Những phe phái chính trị có cơ sở ở Pa-ri lại hoạt động, và một lỗ hổng khổng lồ đã làm cho quyền chính của Hoàng đế sụp đổ. Nhưng phải chú ý đến sự kiện này: lực lượng tác chiến và sức kháng cự của Bô-na-pác đột nhiên bị giảm sút đi bao nhiêu thì ưu thế của quân Liên minh vì thế lại được tăng lên bấy

hiều, do đó sau này quân Pháp không còn khả năng chống cự nữa. Chính việc này là nguyên nhân của nền hòa bình với nước Pháp. Nếu vì những lý do bên ngoài, lực lượng vũ trang của Liên minh cũng bị giảm sút theo tỷ lệ trên, ưu thế của họ cũng tiêu tan và như vậy thì toàn bộ ảnh hưởng, toàn bộ kết quả của việc chiếm được Pa-ri cũng tiêu tan luôn.

Chúng tôi đã lập luận như thế để làm cho cách xem xét độc nhất của các sự vật được nổi bật lên một cách tất yếu, và để chỉ rõ tầm quan trọng của các sự vật từ đâu mà có. Cách xem xét này luôn luôn dẫn ta trở lại vấn đề: trong mỗi thời gian của chiến tranh và của chiến dịch thì kết quả có thể có của mỗi cuộc giao chiến lớn nhỏ đối với mỗi bên đối địch sẽ là

như thế nào? Trong lúc vạch kế hoạch chiến dịch và chiến tranh thì vấn đề đó là vấn đề độc nhất quyết định những biện pháp cần chủ trương.

Vì không theo quan điểm này, nhiều yếu tố khác có một tầm quan trọng mà đáng lẽ chúng không có.

Nếu người ta không quen xem xét chiến tranh, và trong chiến tranh, người ta lại không quen xem xét một chiến dịch riêng biệt như trong một bánh xe răng khế gồm có nhiều cuộc giao chiến mà cuộc giao chiến này chỉ huy cuộc giao chiến kia, nếu người ta nghĩ rằng bản thân việc chiếm đóng một số điểm địa lý - thí dụ như chiếm đóng một tỉnh không được bảo vệ - là có một giá trị nào đó,

thì người ta cũng sẽ coi việc chiếm đóng ấy là một thắng lợi: đi qua bỏ vào túi cũng chẳng sợ gì cả. Và nếu người ta xem xét chiến tranh theo kiểu ấy chứ không phải quan niệm rằng chiến tranh là một mắt xích trong một chuỗi dây chuyền sự kiện, người ta sẽ quên tự hỏi xem sự chiếm đóng này có lôi kéo theo những bất lợi nghiêm trọng trong tương lai không. Trong lịch sử quân sự, biết bao lần người ta đã phạm sai lầm ấy! Nói như sau hấp dẫn biết bao nhiêu: một người đi buôn đã không thể để riêng và giấu kỹ món tiền lãi của một chuyến buôn thì trong chiến tranh cũng vậy, một thắng lợi cũng không thể tách riêng ra khỏi toàn bộ chiến thắng; người đi buôn bao giờ cũng phải kinh doanh với toàn bộ tài sản

của mình thì trong chiến tranh chỉ có bản tổng kết cuối cùng mới làm rõ được lỗi, lỗ của mỗi một trận đánh.

Nhưng nếu trí óc có thể dự đoán được cả một hệ thống giao chiến đến một mức độ nào đó và chỉ lo đến hệ thống này mà thôi thì trí óc cũng không rời bỏ con đường đã trực tiếp dẫn đến mục đích và vì vậy làm cho lực lượng đang vận động có tốc độ lớn hơn nhiều, nghĩa là có ý chí hơn nhiều: hành động cũng có nghị lực hơn: mục tiêu đòi hỏi nghị lực này và gạt bỏ mọi ảnh hưởng từ ngoài đến.

Chương 2

CÁC YẾU TỐ CỦA CHIẾN LƯỢC

Như vậy, trong chiến lược, người ta có thể phân chia cho các nguyên nhân quyết định việc phải sử dụng giao chiến ra từng loại yếu tố có bản chất khác nhau, như: yếu tố tinh thần, vật lý, toán học, địa lý và thống kê.

Loại đầu tiên có tất cả những yếu tố phụ thuộc vào các đức tính và hiệu quả tinh thần và trí tuệ; loại thứ hai gồm quy mô các lực lượng này và tầm quan trọng tương đối của các binh chủng, .v.v.; loại thứ ba gồm có góc độ của các tuyến tác chiến, các cuộc vận động đồng tâm và ly tâm; bản chất hình học của các loại vận động này càng có một tầm quan trọng nào

đó trong cách tính toán của chúng ta thì chúng lại càng thuộc vào loại thứ ba; loại thứ tư: ảnh hưởng của địa hình, các điểm cao, núi non, sông ngòi, rừng rú và đường sá; loại thứ năm (loại cuối cùng): các phương tiện tiếp tế, v.v. Ngừng lại một lần để xem xét riêng từng yếu tố ấy cũng không phải là điều không lợi; như vậy, người ta sẽ có một ý niệm rõ ràng hơn là về các yếu tố và lúc lướt qua, người ta có thể đánh giá được các yếu tố nói trên. Vì nếu ta xem xét các yếu tố riêng rẽ với nhau thì có một số yếu tố tự nhiên sẽ mất đi tầm quan trọng giả tạo của nó; thí dụ; người ta cảm thấy rất rõ ràng giá trị của một căn cứ tác chiến (kể cả lúc người ta chỉ nghĩ đến vị trí của tuyến tác chiến) phụ thuộc ít hơn nhiều

(kể cả trong hình thái đơn giản nhất) vào góc hình học giữa các tuyến ấy, nhưng nó lại phụ thuộc rất nhiều vào tính chất đường sá và địa hình chúng đi qua.

Tuy nhiên, muốn nghiên cứu chiến lược bằng các yếu tố ấy lại là việc lỗi thời nhất đời, vì trong phần lớn các hành vi chiến tranh đơn độc, các yếu tố ấy trộn lẫn với nhau rất mật thiết bằng vô số cách khác nhau. Người ta sẽ ngập sâu trong các cuộc phân tích vô bổ và như trong một cơn ác mộng, người ta phải cố gắng hết hơi hết sức giương một cánh cung, để từ căn cứ trừu tượng đi đến những sự kiện của đời sống thực tế. Trời hãy phù hộ ta, đừng bắt ta làm những công việc như vậy! Chúng tôi chỉ đi vào thế giới những hiện tượng phức tạp và

không để cho sự phân tích vượt quá xa những yêu cầu tất yếu của các ý kiến được trình bày; những ý kiến này không phải đưa ra để thỏa mãn những tìm tòi triết lý đơn thuần, nhưng vì chiến tranh là một hiện tượng tổng quát nên không thể không có những ý kiến ấy.

Chương 3

ĐẠI LƯỢNG TINH THẦN

Chúng tôi phải trở lại đề tài này tuy nó đã được gọi lên trong chương 3 của tập II^[3], vì yếu tố tinh thần là một trong những yếu tố quan trọng nhất của chiến tranh. Chính tinh thần thấm nhuần vào toàn bộ cuộc chiến tranh. Chính tinh thần bắt ý chí vận động và hướng dẫn toàn bộ lực lượng; tinh thần và lực lượng là một, vì chính ý chí cũng là một đại lượng tinh thần. Khốn một nỗi, chỉ hiểu biết sách vở thôi thì không phân tích được tinh thần vì không thể đo đếm và xếp loại tinh thần được; nó đòi hỏi người ta phải quan sát, phải cảm thấy nó.

Tinh thần, cũng như mọi đức tính của

một quân đội, của một vị tướng, của các chính phủ, cũng như trạng thái tinh thần của dân chúng tham gia chiến tranh, cũng như ảnh hưởng tinh thần của thắng lợi hoặc của thất bại, là những nhân tố có bản chất khác nhau; đối với mục đích và vị trí của chúng ta, nó cũng có thể có những ảnh hưởng khác nhau.

Tuy sách vở không nói gì nhiều lắm, hoặc không nói gì đến, các sự kiện ấy vẫn cứ là bộ phận của lý thuyết về nghệ thuật chiến tranh ngang hàng với mọi bộ phận cấu thành chiến tranh. Cần phải nhắc lại rằng cái lối triết lý theo kiểu cũ sau đây là một lối triết lý kém cỏi: nó gạt mọi yếu tố tinh thần ra ngoài các quy tắc và nguyên tắc của nó, và khi các dữ kiện này (các yếu tố tinh thần - ND) xuất hiện

thì nó lập tức thông kê các điểm ngoại lệ và giải thích một cách khoa học các điểm ngoại lệ này bằng cách biến chúng thành những quy tắc. Khi nào triết học bất lực thì người ta lại nhờ đến thiên tài, vì thiên tài thì ở trên mọi quy tắc, do đó người ta làm cho kẻ khác hiểu rằng: quy tắc chỉ được viết ra cho bọn ngu dốt và bản thân quy tắc cũng chỉ là những điều dân dốt mà thôi.

Nếu lý thuyết về nghệ thuật chiến tranh chỉ nhắc lại sự tồn tại của các yếu tố trên, và chỉ để chứng minh rằng cần đánh giá đúng và chú ý sử dụng các yếu tố tinh thần thì lý thuyết cũng có thuận lợi là đã mở rộng lĩnh vực của mình đến cái môi trường trí tuệ này. Và nếu chỉ thừa nhận tầm quan trọng của quan điểm đó

thì lý thuyết cũng đã lên án những ai muốn biện hộ cho việc chỉ thừa nhận những tương quan lực lượng đơn thuần vật chất.

Cũng chính vì tất cả những cái gọi là quy tắc khác mà lý thuyết không có quyền gạt các yếu tố tinh thần ra ngoài, vì ảnh hưởng của các lực lượng vật chất hoàn toàn hòa hợp với ảnh hưởng của các lực lượng tinh thần và không thể tách rời chúng ra bằng một quá trình hóa học như đối với một hợp kim. Trong bất kỳ quy tắc nào nói về các lực lượng vật chất, lý thuyết cũng phải chú ý đến phần giành cho lực lượng tinh thần, nếu không nó sẽ phải đưa ra những công thức quá quyết đoán, khi thì quá yếu hèn và hạn chế, khi thì quá xác xược và vô hạn độ. Ngay cả

những lý thuyết nhạt nhẽo nhất cũng đã vô tình xâm nhập vào phạm vi của trí tuệ, vì không bao giờ ảnh hưởng của một chiến thắng - nói ví dụ như thế - lại có thể giải thích được hoàn toàn nếu người ta không chú ý đến những cảm giác thuộc về phạm vi tinh thần. Phần lớn các đề tài chúng tôi bàn đến trong quyển sách này đều gồm có nguyên nhân và kết quả nửa vật chất, nửa tinh thần; và người ta có thể nói rằng: nhân quả vật chất chỉ là một cái cán gõ còn nhân quả tinh thần mới là vũ khí thực sự, là phần lưỡi sáng loáng rèn bằng thứ kim loại quý.

Lại chính lịch sử đã chứng minh rõ hơn hết giá trị của các đức tính tinh thần nói chung và ảnh hưởng thường thường không thể tưởng tượng được của chúng;

đó là bài học thật sự nhất, cao quý nhất mà vị tướng có thể rút ra từ lịch sử. Về vấn đề này, chúng ta hãy ghi thêm rằng: không phải những điều chứng minh, những điều phân tích phê phán hoặc những luận văn bác học làm nảy nở những mầm mống của tài đức giúp cho trí tuệ thêm phong phú, mà chính là những cảm giác tổng quát và những trực giác sáng chói làm công việc ấy nhiều hơn.

Chúng tôi có thể duyệt qua một lượt những hiện tượng chính về tinh thần và phân tích điều tốt cũng như điều xấu của mỗi hiện tượng như một giáo sư cẩn thận và tỉ mỉ. Nhưng phương pháp đó làm cho ta dễ dàng rơi vào những điều sáo rỗng tầm thường; nó gạt bỏ mất tinh thần tìm

tôi thực sự đến nỗi dần dần người ta chỉ kể ra những sự việc mà mọi người đều đã biết. Ở đây, hơn là trong các lĩnh vực khác, chúng tôi muốn một cách không hoàn chỉnh, tự giới hạn mình trong những điều chủ yếu, nhấn mạnh đến tầm quan trọng chung của sự việc và chỉ ra tinh thần chính của các ý kiến trình bày trong quyển sách này.

Chương 4

NHỮNG SỨC MẠNH TINH THẦN CHÍNH

Đó là những sức mạnh sau đây: *tài năng của người chỉ đạo chiến tranh, dũng khí và tinh thần quốc gia của quân đội*. Trong tất cả các giá trị này, không ai có thể xác định giá trị nào là cao nhất, bởi vì nói một điều gì đó về sức mạnh của nó đã là rất khó, so sánh giá trị này với giá trị kia lại càng khó hơn. Tốt hơn hết là đừng đánh giá thấp cái nào cả: tật xấu của con người hay phạm phải vì họ có thói quen hết nghiêng bên này lại ngã sang phía kia. Tốt hơn hết là đưa ra những chứng cứ lịch sử xác định được hiệu quả không thể chối cãi

của cả ba giá trị.

Tuy nhiên, nói cho đúng, trong thời kỳ hiện đại, tất cả các quân đội châu Âu hầu hết đã đạt trình độ ngang nhau về mặt kỹ thuật và huấn luyện. Nói như nhà triết học, sự chỉ đạo chiến tranh phát triển tự nhiên đến nỗi, tuy đã đạt được những phương pháp chung hầu như tất cả các quân đội, của người thủ lĩnh chiến tranh cũng không nên nghĩ đến việc sử dụng những thủ thuật đặc biệt theo nghĩa hẹp của danh từ này (như đội hình chéo của Phrê-đê-rích II). Vì vậy, người ta không thể chối cãi được rằng trong tình hình hiện nay, ảnh hưởng của tinh thần quốc gia và của kinh nghiệm chiến đấu lại càng tác động rộng rãi hơn. Một thời kỳ hòa bình lâu dài có thể thay đổi tình

trạng ấy.

Tinh thần quốc gia của quân đội (phấn khởi, cuồng nhiệt tin tưởng, dư luận) chủ yếu triển khai trong chiến tranh ở vùng núi: ở đây mỗi người, kể cả người lính bình thường, đều phải tự mình xoay sở lấy. Vì vậy, những nước có nhiều núi non là những vũ đài phù hợp nhất cho việc vũ trang nhân dân.

Sự khéo léo có tính chất kỹ thuật của quân đội và lòng dũng cảm sắt đá gắn liền hàng ngũ như đúc trong một khuôn, biểu hiện ra rõ nhất ở vùng đồng bằng trống trải.

Chính ở những vùng có địa hình lượn sóng, lắm chướng ngại, người làm tướng mới có nhiều cơ hội tốt để phát

triển tài năng của mình. Ở vùng núi non, người tướng không làm chủ được những bộ phận khác nhau của quân đội mình và việc chỉ huy toàn bộ thường vượt quá sức của ông ta; ở vùng đồng bằng thì việc chỉ huy lại quá đơn giản và ông ta không sử dụng hết khả năng của mình.

Xu thế không thể chối cãi và có chọn lọc này phải giữ vai trò chủ đạo trong việc vạch ra các kế hoạch.

Chương 5

ĐẠO ĐỨC QUÂN SỰ CỦA QUÂN ĐỘI

Nó khác với lòng dũng cảm đơn thuần và lại càng khác với sự phấn khởi với sự nghiệp chiến tranh. Lòng dũng cảm đúng là một bộ phận cấu thành và cần thiết của đạo đức quân sự. Nó là xu thế tự nhiên của cá nhân. Nhưng ở người chiến sĩ, nó cũng có thể do thói quen và tập luyện mà có, vì người chiến sĩ là một bộ phận nhỏ của quân đội. Ở người chiến sĩ, lòng dũng cảm cũng có thể đi theo một chiều hướng khác đối với người bình thường. Nó không còn là một thứ thèm khát hoạt động vô tổ chức, tiêu phí lực lượng theo ý muốn cá nhân, mà phải

phục tùng những đòi hỏi của cấp trên, có tuân lệnh, có quy tắc, có trật tự, có phương pháp. Lòng phấn khởi vì sự nghiệp làm cho đạo đức quân sự của quân đội như có ngọn lửa sinh động, nhưng nó không phải là một yếu tố mà đạo đức quân sự nhất thiết phải có.

Chiến tranh là một nghề nghiệp chính xác. Nếu công việc của chiến tranh có phổ thông đến đâu đi nữa, kể cả trong trường hợp tất cả mọi người có thể làm nghĩa vụ quân sự đều gia nhập quân đội, thì chiến tranh cũng vẫn khác và tách biệt ra khỏi các hoạt động khác. Thâm nhuần tinh thần và tinh hoa của nghề nghiệp; kêu gọi, rèn luyện và hấp thụ vào trong bản thân mình tất cả những lực lượng có thể triển khai trong chiến tranh, ứng dụng

trí thông minh và nghề nghiệp, nhờ rèn luyện để đạt trình độ vững chắc và điều luyện làm cho tất cả năng khiếu này nảy nở, chuyển từ chức năng của một con người sang chức năng của một bánh xe trong bộ máy, đối với từng cá nhân; đó là đạo đức quân sự của từng cá nhân trong quân đội.

Dù có muốn quan niệm sự tồn tại riêng biệt của người chiến sĩ và của người lính trong cùng một cá nhân, có muốn quốc gia hóa chiến tranh đến mức độ nào, có muốn quan niệm chiến tranh hoàn toàn xảy ra trong những điều kiện khác hẳn với đời xưa thì người ta cũng không bao giờ bỏ được những đặc tính riêng biệt của tập quán. Và vì không thể làm được như thế nên những người tham

gia chiến tranh luôn luôn tự coi mình như những người lính đứng đầu hàng ngũ, vô cùng thuận tiện^[4] cho việc biểu thị các mệnh lệnh, các điều lệnh và thói quen chiến tranh. Công việc đã thật sự xảy ra thế. Dầu người ta có muốn giữ một quan điểm cao nhất về chiến tranh đến bao nhiêu thì người ta vẫn phạm sai lầm lớn nếu coi thường cái “tinh thần đội ngũ” (esprit de corps) ấy: tinh thần này ít hay nhiều đều có trong bất kỳ quân đội nào. Tinh thần đội ngũ là xi-măng của các lực lượng tự nhiên xuất hiện trong cái mà chúng tôi gọi là đạo đức quân sự của quân đội. Nhờ có tinh thần này mà đạo đức quân sự kết tinh được dễ dàng hơn.

Một quân đội vẫn giữ được hàng ngũ

chỉnh tề dưới hỏa lực tàn phá nhất, một quân đội không lùi bước trước những cơn sợ hãi tưởng tượng và biết chống lại những cơn sợ hãi có căn cứ, một quân đội tự hào về những chiến thắng của mình, trong tai họa vẫn biết tuân lệnh, biết kính trọng và tin tưởng vào người chỉ huy, một quân đội mà thể lực được rèn luyện trong sự thiếu thốn và sự cố gắng như bắp thịt của một lực sĩ, một quân đội cho sự cố gắng là một phương tiện của chiến thắng chứ không phải là một tai họa gắn chặt vào ngọn cờ, một quân đội mà chỉ có một công thức ngắn, công thức về chiến thắng, cũng đủ làm cho mọi người thấy nghĩa vụ và đạo đức - một quân đội như thế mới thật là có tinh thần thượng võ.

Người ta có thể đánh nhau rất dũng cảm như người Văng-đê-ăng^[5], người ta có thể làm nên sự nghiệp lớn như người Thụy Sĩ, người Mỹ, người Tây Ban Nha, nhưng vẫn không phát triển được đạo đức quân sự. Một tướng chỉ huy quân đội thường trực có thể thu được thắng lợi như Ô-gien^[6] và Mác-bô-rao^[7] mà vẫn không có sự ủng hộ của đạo đức quân sự. Vì vậy, người ta không hề khẳng định rằng: không thể có chiến tranh thắng lợi nếu không có đạo đức quân sự. Chúng tôi đề nghị chú ý đến điểm này để nói rõ hơn đặc tính của quan niệm chủng tộc, để người ta không cho đạo đức quân sự là một thứ thuốc trị bá chứng. Nó không phải thế đâu. Đạo đức quân sự của một quân đội là một sức mạnh tinh thần đã

được xác định, người ta không thể coi nó như là không có, người ta có thể đánh giá được ảnh hưởng của nó cũng như người ta có thể tính được hiệu suất của một công cụ.

Sau khi đã nói đến đặc tính của đạo đức quân sự, chúng ta hãy nói rõ về ảnh hưởng của nó và các biện pháp rèn luyện.

Đạo đức quân sự đối với các bộ phận cũng như thiên tài của người chỉ huy đối với toàn bộ. Người chỉ huy chỉ có thể chỉ đạo toàn bộ chứ không thể chỉ đạo từng bộ phận riêng biệt, và ở bộ phận nào mà người chỉ huy không điều khiển được thì phải có tinh thần quân sự hướng dẫn. Người chỉ huy được chọn ra

vì có danh tiếng và vì có những đức tính ưu việt; những nhà lãnh đạo lỗi lạc của quần chúng rộng rãi được chọn lựa sau nhiều lần sàng lọc tỉ mỉ. Nhưng, nếu ta càng đi xuống trong hệ thống quân hàm thì sự chọn lựa này càng giảm đi, và vì vậy người ta lại càng ngày càng không thể dựa vào khả năng cá nhân: sự giảm sút này phải được đạo đức quân sự bù lại. Đó là nhiệm vụ của các đức tính tự nhiên của một dân tộc sẵn sàng chiến đấu: *lòng dũng cảm, sự khéo léo, tinh thần chịu đựng và sự phấn khởi*. Những đức tính này có thể thay thế cho tinh thần quân sự (đạo đức quân sự - ND), và ngược lại. Do đó, có những nhận xét sau:

1. Đạo đức quân sự là một đức tính riêng của các quân đội thường trực - loại

quân đội cần đến nó nhất. Khi có động viên toàn bộ hoặc có chiến tranh thì nó được các đức tính tự nhiên thay thế; các đức tính tự nhiên này phát triển mạnh hơn.

2. Một quân đội thường trực chống lại một quân đội thường trực khác có thể không cần đến nó nhiều bằng một quân đội thường trực chống lại cả một dân tộc được vũ trang, vì trong trường hợp này, các lực lượng đều bị phân tán hơn nhiều và mỗi bộ phận thường được thả lỏng hơn nhiều. Nếu quân đội vẫn được tập trung, thiên tài của vị tướng thường đóng một vai trò lớn hơn và thay thế vào những chỗ mà tinh thần quân đội còn thiếu. Nói chung, nếu như chiến trường và các tình huống khác càng làm cho

chiến tranh phức tạp và càng làm cho lực lượng phân tán thì đạo đức quân sự lại càng cần thiết.

Từ những chân lý ấy, chỉ có thể rút ra một kết luận sau đây; nếu trong quân đội không có đức tính này thì phải tổ chức chiến tranh thế nào cho nó càng đơn giản càng tốt, hoặc tăng cường chú ý đến các điểm khác của hệ thống quân sự, và không chờ đợi ở cái danh hiệu quân đội thường trực những thành tích mà chỉ bản thân quân đội xứng đáng với danh hiệu đó mới có thể thực hiện được^[8]. Vì vậy, đạo đức quân sự là một trong những lực lượng tinh thần quan trọng nhất của quân đội trong chiến tranh, nếu không có nó thì phải thay thế bằng một lực lượng khác -

tài ba lỗi lạc của người chỉ huy, hoặc sự phấn khởi của nhân dân - nếu không người ta sẽ thấy kết quả không tương xứng với cố gắng.

Chúng ta có những thí dụ rạch ròi về những quân đội vĩ đại có tinh thần nói trên vì có cái giá trị thực sự, cái tinh chế làm cho quặng trở thành kim loại sáng loáng: những người Ma-xê-dô-niêng dưới quyền A-lếch-xan^[9], những đội Lê-dương La Mã dưới quyền Xe-da, bộ binh Tây Ban Nha dưới quyền A-lếch-xan Phác-ne^[10], người Thụy Điển dưới quyền Guyxta-vơ A-đôn-phơ và Sác-lơ XII, người Phổ dưới quyền Phrê-đê-rích Đại đế và người Pháp dưới quyền Bô-na-pác, chỉ có cố tình nhắm mắt trước

mọi dẫn chứng lịch sử mới không thừa nhận rằng: những thắng lợi huy hoàng và tính ưu việt mà các vị tướng ấy đã biểu lộ ra trong những tình huống khó khăn nhất đều chỉ có thể đạt được do có những đức tính kể trên của quân đội.

Đạt được tinh thần nói trên là nhờ có hai nguồn, và hai nguồn này phải đồng thời cùng chung sức mới sản sinh ra được tinh thần ấy. Nguồn thứ nhất là một loạt những cuộc chiến tranh và chiến thắng, nguồn thứ hai là sự cố gắng tuyệt vời của quân đội trong mọi hoạt động. Chỉ có như thế, người chiến sĩ mới học tập được cách tận lực phát huy các khả năng của mình. Một vị tướng càng có thói quen đòi hỏi cố gắng bao nhiêu thì sự cố gắng ấy lại càng chắc chắn được

thực hiện bấy nhiêu. Vượt qua được khó khăn thì người lính cũng tự hào khi thoát khỏi cơn nguy hiểm. Như vậy, chỉ có hoạt động và cố gắng liên tục mới là miếng đất tốt cho cái mầm ấy nảy nở; tuy nhiên còn cần có thêm ánh sáng của mặt trời chiến thắng. Một khi cái mầm đã phát triển thành một ngọn cây vững chắc thì nó có thể chống chọi nổi với cả những dòng thác tệ hại của tai họa và thất bại, và ít ra là trong một thời gian, nó chống chọi với cả sự ăn không ngồi rồi, nhàn rỗi vô sự thời bình. Vì vậy, nó chỉ có thể nảy nở trong chiến tranh và theo quỹ đạo của những vị tướng lớn, nhưng nó có thể tồn tại ít ra là trong nhiều thế hệ, kể cả dưới thời những vị tướng tầm trung bình và trong những thời kỳ hòa bình kéo dài.

Không thể nào so sánh được cái tinh thần đội ngũ rộng rãi, cao quý của các chiến sĩ dày dạn, đầy thương tích với cái tính hờn hĩnh, khoe khoang của những quân đội thường trực chỉ thống nhất được vì các điều lệnh đội ngũ và huấn luyện. Sự nghiêm khắc nặng nề và kỷ luật ráo riết có thể kéo dài sự tồn tại của đạo đức quân sự nhưng không thể tạo ra nó được. Nghiêm khắc và kỷ luật có một giá trị nhất định nhưng không nên đánh giá chúng cao quá. Trật tự, lịch sự, thiện chí, cùng với một lòng tự hào nào đó và một tinh thần ưu việt: đó là đức tính của một quân đội được tập luyện tốt trong thời bình; phải thấy giá trị của những đức tính này nhưng tự thân nó không có giá trị gì cả. Cái toàn bộ duy trì cái toàn bộ, và

giống như thủy tinh bị lạnh đi đột ngột, chỉ cần một chỗ rạn nhỏ cũng đủ làm vỡ tan tành. Gặp trở ngại đầu tiên, tinh thần cao nhất cũng mau chóng trở thành yếu hèn, trở thành một thứ sợ hãi khuếch đại, điều mà người Pháp gọi là: *manh ai nấy chạy* (sauve qui peut). Một quân đội kiêu như thế mà lập được chiến công lớn chẳng qua chỉ là nhờ ở người chỉ huy, chứ không bao giờ là do chính bản thân nó cả. Quân đội đó phải được chỉ huy khôn khéo gấp nhiều lần cho đến khi, nhờ thử thách và chiến thắng, dần dần sự vững chắc mới thấm qua lần áo giáp nặng nề. Vì vậy, chúng ta hãy cẩn thận, đừng làm lấn trạn thái tinh thần và tinh thần của một quân đội.

Chương 6

LÒNG DỮNG CẢM

Vị trí và nhiệm vụ của lòng dũng cảm trong hệ thống động lực (nó đối lập với sự khôn ngoan và tính cẩn thận) đã được định nghĩa trong chương nói về bảo đảm thắng lợi^[11], và chúng tôi đã chỉ rõ trong chương ấy rằng lý thuyết không được quyền đề ra bất cứ một luật lệ nào hạn chế lòng dũng cảm.

Nhưng, lực lượng kích thích cao quý ấy (nhờ có nó con người ta mới đương đầu được với những nguy hiểm kinh khủng nhất) cũng phải được coi như một yếu tố tác động đặc biệt. Thấy vậy, có phạm vi hoạt động nào của con người mà lòng dũng cảm lại có thể đặc dụng hơn là

chiến tranh không?

Từ người lính hậu vệ và người lính đánh trống cho đến vị tổng chỉ huy, nó là đạo đức cao quý nhất, là thứ tháp tốt nhất làm cho vũ khí sáng ngời và sắc bén.

Phải thừa nhận rằng: trong chiến tranh, lòng dũng cảm có những *đặc quyền* lớn. Vượt qua những kết quả của tính toán về không gian, thời gian, số lượng, phải dành riêng một tỷ lệ phần trăm nào đó cho lòng dũng cảm, tỷ số này rút ra từ sự yếu hèn của quân địch, một khi nó có ưu thế hơn về dũng cảm. Nó thực sự là một lực lượng sáng tạo. Điều này không khó chứng minh lắm, kể cả về phương diện triết học. Một khi lòng dũng cảm gặp sự hèn nhát đã là sự mất thăng

bằng. Chỉ khi nào lòng dũng cảm gặp sự thận trọng có suy tính (người ta nói rằng loại đức tính này cũng là *dũng cảm*, ít nhất cũng mạnh mẽ và vững chắc như dũng cảm), nó mới chịu thua. Song những trường hợp này lại hiếm có. Trong những người thận trọng, có một số lớn thường thận trọng vì nhất[\[12\]](#).

Trong nội bộ quân chúng rộng rãi, việc rèn luyện lòng dũng cảm không bao giờ làm hại đến các lực lượng khác vì quân chúng rộng rãi bị buộc chặt vào khuôn khổ và cơ cấu của tác chiến và phải phục vụ cho một ý chí cao hơn; vì vậy họ thường bị một khối óc ngoại lai chỉ huy. Trong trường hợp này, lòng dũng cảm giống như một cái lò xo sẵn sàng bật

lên nếu có một tí buông lơi nào đó.

Cấp bậc càng cao thì lòng dũng cảm càng phải đi đôi với sự suy nghĩ: như thế nó mới không vô ích, không sa vào sự say mê mù quáng; vì cấp bậc càng cao thì càng không có vấn đề hy sinh bản thân mình mà chỉ có vấn đề bảo toàn người khác và lợi ích toàn bộ. Trong quân chúng rộng rãi, cái gì đã có quy tắc phục vụ xác định và đã trở thành bản chất thứ hai thì, ở người chỉ huy, nó phải xuất phát từ sự suy nghĩ - và nếu chỉ dũng cảm trong một hành động thì sẽ mau chóng trở thành một sai lầm. Nhưng như thế cũng vẫn là một sai lầm tốt đẹp, không nên xem sai lầm này như mọi sai lầm khác. Quân đội nào hay có biểu hiện dũng cảm không hợp thời là quân đội tốt, nó là cây

cổ đang lớn bộc, chứng tỏ đất đai rất màu mỡ^[13]. Cũng không thể coi thường ngay cả sự liều lĩnh, nghĩa là sự dũng cảm không suy nghĩ; thật ra đó cũng là một lực lượng tinh thần, nhưng tung hoành trong một thứ mê say, không có lý trí kiểm soát. Chỉ khi nào lòng dũng cảm không chịu phục tùng sự sai khiến của lý trí, khi nó cố tình từ chối và khinh thường, không chịu phục tùng quyền lực cao hơn thì khi ấy mới xem nó như một điều tai hại và nguy hiểm, không phải vì bản thân nó, mà vì nó không tuân lệnh: trong chiến tranh không nguyên tắc nào lại quan trọng bằng sự tuân lệnh.

Nếu cùng có một trình độ kiến thức ngang nhau, thì sự sợ hãi tác hại gấp

nghìn lần so với lòng dũng cảm. Chúng tôi phát biểu chân lý hiển nhiên trên chỉ để đảm bảo sự đồng ý của người đọc.

Nói đến cùng, sự can thiệp của một mục đích hợp lý đáng lẽ làm cho lòng dũng cảm dễ dàng phát huy hơn, vì vậy bớt chân giá trị của nó đi nhiều, thế mà chính điều ngược lại mới là đúng sự thật.

Trí tuệ minh mẫn, hay nói đúng hơn ưu thế của lý trí, tước đoạt một phần lớn sức mạnh của các lực lượng cảm tính. Điều đó giải thích tại sao khi *cấp bậc càng lên cao thì lòng dũng cảm lại càng hiếm*. Tuy không nhất thiết cấp bậc càng cao thì thông minh và có lương tri hơn người khác, nhưng cấp bậc càng cao thì các *dữ kiện khách quan, các tình*

huống và các mối liên hệ bên ngoài lại càng nhiều và càng nặng trong lúc về mặt tinh thần, các điều kiện trên lại nhẹ bớt. Đó là căn cứ chủ yếu trong chân lý của câu cách ngôn Pháp: Có người nổi bật ở hàng hai thì lại mờ đi ở hàng đầu. Trong lịch sử, phần đông những ông tướng tầm thường hoặc rụt rè, trước đó đã nổi bật lên vì dũng cảm và quyết đoán, lúc họ ở cấp bậc thấp hơn.

Cần phải phân biệt các loại động cơ của những hành động dũng cảm tiến hành dưới áp lực của nhu cầu. Nhu cầu có nhiều mức độ khác nhau. Khi nó là cấp bách, và để tiến tới mục đích, con người hành động phải mạo hiểm nhiều để thoát khỏi những nguy cơ cũng lớn như thế thì người ta chỉ có thể khâm phục lòng quyết

đoán của ông ta: tính quyết đoán này không phải là không có giá trị. Khi một người thanh niên nhảy qua vực sâu để tỏ ra mình cưỡi ngựa giỏi, anh ta tỏ ra dũng cảm; nếu anh ta cũng thực hiện được chiến công ấy trong lúc bị bọn Gia-nít-xe^[14] giết người đuổi bắt thì anh ta chỉ là người quyết đoán. Nhưng khoảng cách giữa nhu cầu và hành động càng dài, trí óc càng phải bao quát nhiều tình huống để hiểu thấu được khoảng cách ấy thì lại càng không có hại gì cho dũng cảm. Năm 1756, khi Phrê-đê-rích Đại đế cho rằng chiến tranh là điều không thể tránh được nữa và muốn thoát khỏi cảnh bị tiêu diệt thì chỉ có cách đi nước trước, ngài bắt buộc phải tự mình bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh. Tuy vậy, đó cũng vẫn là một

hành động rất táo bạo, vì trong điều kiện của ngài lúc bấy giờ, ít ai đã dám làm như thế.

Tuy chiến lược là lĩnh vực hoạt động của các vị tổng chỉ huy hoặc của các vị tướng cao nhất, lòng dũng cảm của mọi thành viên khác trong cũng đội cũng thiết thân cho quân đội như những đạo đức quân sự khác. Với một quân đội từ nhân dân anh dũng mà ra, và lòng dũng cảm luôn luôn được vun trồng thì người ta có thể làm được những điều khác hẳn với một quân đội không biết gì đến dũng cảm cả. Chính vì vậy nên chúng tôi thấy cần thiết phải đề cập tới nó trong mối quan hệ chặt chẽ với quân đội. Nhưng thật ra, đối tượng trình bày của chúng tôi là lòng dũng cảm của người cầm đầu, và

sau khi đã cố gắng cao nhất để xác định tính chất của đức tính này, chúng tôi thấy không cần phải nói thêm gì nhiều hơn nữa.

Cấp bậc càng cao, vị trí của trí tuệ, của sự thông minh, của sự hiểu biết trong hành động ngày càng lớn thì lòng dũng cảm, đặc tính của tính tình, càng bị đẩy lùi ra phía sau. Bởi vậy, lòng dũng cảm thường ít khi có ở những cấp bậc cao nhất; song nếu có thì lại càng đáng được khâm phục. Lòng dũng cảm lại có trí thông minh chiếm ưu thế và hướng dẫn là dấu hiệu của người anh hùng. Loại dũng cảm này không bao hàm những hành vi táo bạo, trái với bản chất sự vật, ngược hẳn với quy luật của tính xác suất; chúng nó lại là chỗ dựa mạnh mẽ của loại tính

toán cao cấp này, loại tính được thực hiện trong nháy mắt nhờ có thiên tài, nhờ đánh giá theo trực giác, loại tính dẫn đến quyết định một cách hầu như không tự giác. Lòng dũng cảm càng chấp cánh cho trí tuệ và cho sự hiểu biết thì tầm bay của chúng càng cao, tầm nhìn càng rộng và kết quả càng chính xác. Tuy vậy cũng không nên quên rằng, mục đích càng lớn hơn thì nguy hiểm cũng nhiều hơn. Không nói đến những kẻ yếu hèn và do dự, người bình thường cũng sẽ đạt được kết quả chính xác trong mức độ có thể được, trong điều kiện không có kinh nghiệm sống, nếu họ theo đuổi một thứ hoạt động tưởng tượng trong bàn giấy, xa mọi thứ nguy hiểm, mọi thứ trách nhiệm. Nhưng khi họ thấy nguy hiểm và trách nhiệm thì

họ không còn thấy triển vọng gì nữa, và dù người khác có ban cho họ triển vọng nào đó, họ cũng mất đi tính *quyết đoán*, vì về điểm này thì không ai giúp đỡ họ được cả.

Chúng tôi nghĩ rằng không thể tưởng tượng được một vị tướng tài giỏi mà lại không dũng cảm, nghĩa là không ai trở nên dũng cảm cả nếu như từ lúc mới ra đời họ không có loại sức mạnh đặc biệt của tính tình (tức là lòng dũng cảm - ND) mà chúng tôi cho là điều kiện đầu tiên của nghề nghiệp này. Vấn đề thứ hai là phải xét xem; cái sức mạnh bẩm sinh ấy còn lại những gì sau khi đã phát triển và thay đổi trong quá trình giáo dục của đời sống cho đến khi đã đạt được chức vụ cao cấp ấy. Sức mạnh này càng lớn thì

đôi cánh của thiên tài càng mạnh mẽ và tầm bay càng cao. Nguy hiểm luôn luôn lớn hơn nhưng đồng thời mục đích cũng cao hơn. Dầu hành động là do một sự cần thiết xa xôi quy định cho nó một hướng nhất định, dầu hành động có kết thúc ở điểm mấu chốt của cái lâu đài do tham vọng xây dựng nên, dầu tên người hành động là Phrê-đê-rích hay A-lếch-xan thì cũng như nhau cả đối với người đi sau phê phán. Nếu tình huống thứ hai kích thích trí tưởng tượng nhiều hơn vì nó có tính chất táo bạo hơn thì tình huống thứ nhất thỏa mãn lý trí hơn vì nó đáp ứng một nhu cầu bên trong hơn.

Chúng ta còn phải xét đến một trường hợp quan trọng khác.

Lòng dũng cảm có thể ngự trị trong một quân đội hoặc vì đó là đặc tính của nhân dân, hoặc vì đó là kết quả của một cuộc chiến thắng do những người cầm đầu dũng cảm điều khiển; trong trường hợp sau, lúc đầu quân đội thường thiếu dũng cảm.

Nhưng, ở trong thời đại chúng ta, ngoài chiến tranh, không còn cách nào khác để giáo dục tinh thần nhân dân, với điều kiện là phải tiến hàng chiến tranh một cách táo bạo. Chỉ có chiến tranh là có thể ngăn chặn được sự yếu ớt, ngăn chặn được tính cầu an, đã làm cho một dân tộc bị hủ bại đi chỉ vì sự thịnh vượng, buôn bán đường ở trên con đường tiến lên.

Chỉ khi nào tinh thần quốc gia và thói quen chiến tranh luôn luôn tác động lẫn nhau thì một dân tộc mới có thể hi vọng rằng một ngày kia mi nhf sẽ chiếm được một vị trí mạnh mẽ trong thế giới chính trị.

Chương 7

TÍNH KIÊN TRÌ

Người đọc chờ đợi, tưởng được nghe nói đến góc và đường thẳng, nhưng người ta không nói đến hững công dân của thế giới khoa học ấy (tức là các góc và đường thẳng - N D) mà chỉ giới thiệu những nhân vật của đời sống bình thường, ngày nào ta cũng có thể gặp được. Dầu chỉ cần một chỗ nhỏ như sợi tóc, tác giả cũng không thể nói đến toán học trong lúc đề tài chưa đòi hỏi, như thế vẫn không sợ làm cho người đọc ngạc nhiên.

Trong chiến tranh, hơn tất cả các lĩnh vực khác, sự việc xảy ra khác với những điều người ta tưởng, và đứng gần

thì thấy khác đứng xa. Nhà kiến trúc có thể nhìn tác phẩm của mình lớn lên theo hình dáng của bản thiết kế mà lòng vẫn bình tĩnh biết bao! Người thầy thuốc, tuy phụ thuộc nhiều điều kiện và nhiều ngẫu nhiên không thể hiểu được, vẫn biết rõ hậu quả và hình thái của các biện pháp mình dùng. Trong chiến tranh, người đứng đầu của một tổng hợp to lớn luôn luôn ở vào tình thế bị lôi cuốn trong những cơn lốc của những tin tức đúng hay sai, của những lỗi lầm phạm phải vì sợ hãi, vì câu thả hoặc vì vội vã, của những hành động không phục tùng vì có ý kiến đúng hay sai, vì không muốn làm, vì tinh thần trách nhiệm hiểu đúng hay sai, vì lười nhác hay mệt mỏi, vì ngẫu nhiên không ai có thể ngờ tới được. Nói tóm

lại, người đứng đầu đứng trước trăm nghìn cảm giác: phần lớn những cảm giác này đều gây ra lo ngại, chỉ có một vài cảm giác là có vẻ khuyến khích. Các hiện tượng trên được đánh giá đúng và nhanh chóng nếu ta có bản năng đạt được trong kinh nghiệm lâu dài về chiến tranh. Có tinh thần anh dũng và có nghị lực là đương đầu được với chúng, như tảng đá chống chọi với sóng biển. Ai lùi bước trước những cảm giác ấy thì trong bất kỳ công việc gì cũng sẽ không thành công. Khi chưa có lý do khẩn thiết để hành động theo hướng ngược lại thì việc *kiên trì* trong hành động đã bắt đầu, là một lực lượng cân bằng cần thiết. Hơn nữa, hầu như không có chiến công vẻ vang nào lại có thể thực hiện được mà không

phải trả bằng những cố gắng vô hạn, bằng gian khổ và hy sinh: con người vật chất và tinh thần luôn sẵn sàng nhượng bộ và cũng chỉ có nghị lực biểu lộ ra bằng tính *kiên trì* thì thế giới và đời sau mới khâm phục và mới dẫn ta đến mục đích.

Chương 8

ƯU THẾ VỀ SỐ QUÂN

Trong chiến thuật cũng như trong chiến lược, ưu thế về số quân là nguyên tắc chung nhất để chiến thắng; vì vậy chúng ta hãy nghiên cứu trước tiên quan điểm chung ấy. Để làm việc này, chúng ta hãy theo trình tự phát triển sau đây:

Chiến lược quyết định nơi đánh và lúc đánh, đồng thời cũng quyết định các lực lượng cần thiết để tác chiến. Quyết định ấy bao gồm có ba phần: ở đâu? Lúc nào? Và như thế nào? Nó làm cho chiến lược có ảnh hưởng chủ yếu đến kết quả của trận đánh. Một khi chiến thuật đã tác chiến thì, dầu thắng lợi hay thất bại, kết quả đưa lại cũng được chiến lược sử

dụng theo khả năng của nó, phù hợp với mục đích cuối cùng của chiến tranh. Dĩ nhiên, mục đích này thường là rất xa; ít khi nó ở trong tầm tay của ta. Cả một loạt mục đích khác dùng làm phương tiện đều phụ thuộc vào mục đích cuối cùng. Những mục đích này đồng thời là phương tiện của những mục đích cao hơn có thể biến đổi trong thực tiễn. Bản thân mục đích cuối cùng, tức là mục đích của toàn bộ cuộc chiến tranh, hầu như khi nào cũng thay đổi từ cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác. Chúng ta sẽ dần dần làm quen với những điều đó khi chúng ta nói đến những đối tượng khác nhau có liên quan đến vấn đề này; vì chúng tôi không có ý nói đến ở đây toàn bộ đề tài bằng cách liệt kê ra tất cả, kể

cả khi người ta làm được như vậy. Vì thế chúng tôi tạm thời gạt ra ngoài việc sử dụng đến giao chiến.

Sự việc không đơn giản đến nỗi chỉ một lần phân tích cũng có thể thu tóm được hết, kể cả những sự việc nhờ đó chiến lược tác động đến giao chiến bằng cách quyết định nó (có thể nói chiến lược ra nghị quyết để giao chiến). Khi quy định thời gian, địa điểm và lực lượng, chiến lược có thể phải có những quyết định thực tế hoàn toàn khác nhau: mỗi quyết định này theo kiểu riêng của mình lại là một điều kiện của kết quả và thắng lợi của giao chiến. Vì vậy, chúng ta chỉ biết những việc trên dần dần, nghĩa là khi có những vấn đề liên quan đặc biệt đến thực tiễn.

Nên chúng ta trút bỏ ra ngoài giao chiến tất cả những thay đổi do động lực và điều kiện của nó đưa đến, nếu chúng ta lại không kể đến giá trị của quân đội (đây cũng là một yếu tố cho trước) thì chỉ còn có khái niệm đơn thuần về giao chiến, nghĩa là một khái niệm về một trận đánh không có hình dáng rõ rệt mà chúng ta chỉ còn nhớ đến số quân tham chiến.

Chính số quân này sẽ quyết định thắng lợi. Để đi đến đó, chúng ta đã bắt buộc phải trừu tượng hóa rất nhiều lần: điều này chứng minh rằng ưu thế về số quân trong giao chiến chỉ là một yếu tố sản sinh ra thắng lợi. Hoàn toàn không phải chúng ta đã đạt được tất cả (hoặc đạt được điều chủ yếu) nhờ có ưu thế về số quân: ưu thế này có thể không dẫn ta

đến việc gì lớn lắm và tầm quan trọng của nó tùy thuộc vào những tình hình tiếp theo.

Nhưng ưu thế cũng có nhiều mức độ; nó có thể gấp đôi, gấp ba, gấp tư, v.v. và ai cũng sẽ hiểu rằng với nhịp độ này thì nó đè bẹp tất cả các yếu tố khác.

Về điểm này, phải thừa nhận rằng ưu thế về số quân là yếu tố quan trọng nhất của kết quả giao chiến, với điều kiện là nó đủ lớn để thắng bằng những điều kiện khác. Vì vậy người ta có thể kết luận rằng: lúc giao chiến, cần phải tập trung số quân càng nhiều càng tốt ở điểm quyết định.

Sau cùng, dầu số quân trên có đầy đủ hay không thì ít nhất về phương diện

này chúng ta cũng sẽ phải làm những điều gì có thể làm được. Đó là nguyên tắc chiến lược đầu tiên. Trình bày dưới một dạng chung như thế, nó phù hợp với người Hy Lạp cũng như với người Ba Tư, với người Anh cũng như với người Ma-rát^[15], với người Pháp cũng như với người Đức. Nhưng chúng tôi chỉ giới hạn trong những điều kiện quân sự của châu Âu, để có thể nói rõ ý kiến của chúng tôi hơn.

Ở châu Âu các quân đội giống nhau nhiều hơn về các mặt: trang bị, tổ chức và các loại kiến thức kỹ thuật. Về các mặt sau thì sự khác nhau có thể có nhiều hơn: chất lượng quân sự của quân đội và tài năng của vị tổng chỉ huy. Nếu chúng

ta duyệt qua lịch sử quân sự của châu Âu hiện đại, chúng ta sẽ không thấy một trận Ma-ra-tông^[16] nào cả.

Với độ 30.000 người, Phrê-đê-rích Đại đế phá tan 80.000 quân Áo ở Lơ-then; với 25.000 người ngài đánh thắng độ 50.000 quân liên minh ở Rốt-bắc^[17]. Chỉ có hai thí dụ ấy là nói lên những chiến thắng đạt được đối với quân địch đông gấp hai, và hơn gấp hai lần. Chúng tôi không thể kể đến chiến dịch của Sác-lơ XII ở Nác-va^[18]. Ở thời kỳ ấy, người ta chưa thể cho người Nga là người Âu; vả lại, những điều kiện (kể cả điều kiện quan trọng nhất), của trận đánh cũng không được biết một cách rõ ràng. Ở Dre-xđen^[19], Bô-na-pác có 120.000

người để chống với 220.000 quân địch cũng chưa đông đến gấp đôi.

Ở Cô-blin, Phrê-đê-rích Đại đế cũng chưa thành công với 30.000 người chống với 50.000 người Áo; trong trận đánh tuyệt vọng ở Lép-dích, Bô-na-pác cũng không thành công với 160.000 người chống với 280.000: như vậy ưu thế còn xa mới đến gấp đôi.

Tất cả những điều ấy chứng minh rằng ở châu Âu hiện nay, người tướng tài giỏi nhất cũng phải khó khăn lắm mới giành giật được chiến thắng trước một quân địch mạnh gấp đôi. Nếu chúng ta thấy những lực lượng tác chiến đông hơn gấp đôi ném toàn bộ trọng lượng của mình vào cán cân của trận đánh để chống

với những vị tướng lớn nhất thì không nghi ngờ gì nữa, trong những trận giao chiến lớn nhỏ, chỉ một ưu thế lớn về số quân (tuy vậy cũng không cần quá gấp đôi) cũng đủ để bảo đảm chiến thắng, dầu các điều kiện khác như thế nào đi nữa. Người ta có thể tưởng tượng ra một đường hầm độc đạo trong núi, ở đó một lực lượng đông gấp mười lần cũng không chiến thắng nổi quân địch: điều ấy có thật; nhưng trong trường hợp này thì người ta cũng không còn có thể nói đến giao chiến.

Vì vậy chúng tôi nghĩ rằng, trong điều kiện của chúng ta hiện nay và trong những điều kiện gần như thế, lực lượng được đưa đến điểm quyết định có tầm quan trọng chủ yếu trong các trường hợp

nói chung. Yếu tố này rõ ràng là yếu tố quan trọng nhất. Lực lượng có thể sử dụng ở điểm quyết định phụ thuộc vào lực lượng tuyệt đối của quân đội, vào sự khéo léo trong việc sử dụng quân đội. Như vậy quy tắc đầu tiên là bắt đầu chiến dịch bằng một quân đội càng mạnh càng tốt. Điều này có vẻ là một điều sáo rỗng, nhưng thật ra không phải thế đâu.

Để chứng minh rằng trong một thời gian rất dài, quy mô của các lực lượng quân sự đã không được coi là yếu tố chủ yếu thì chỉ cần thấy rằng trong phần lớn các bộ sử quân sự của thế kỷ thứ XVIII, kể cả những bộ sử tỉ mỉ nhất, sức mạnh của các đạo quân không bao giờ được nói rõ, hoặc chỉ được nói một cách phụ thuộc, và không bao giờ người ta cho

rằng sức mạnh ấy có một tầm quan trọng đặc biệt. Trong quyển “*Lịch sử của cuộc Chiến tranh bảy năm*”. Tem-pen-hốp^[20] là người đầu tiên nói đến vấn đề này một cách đều đặn, mặc dầu cũng rất nông cạn.

Cả Mét-xen-bắc^[21], trong rất nhiều nhận xét phê phán về các chiến dịch Phổ năm 1793 và 1794 ở núi Vốt^[22] (Rừng Đen), cũng nói rất nhiều về núi non, thung lũng, đường sá, nhưng lại không nói một lời nào về các lực lượng đối chiến.

Một bằng chứng khác của điều chúng tôi nói nằm trong ý kiến lạ kỳ ám ảnh một số nhà bình luận quân sự, theo ý kiến này thì một quy mô nào đó là số

lượng tiêu chuẩn tốt nhất; vượt quá quy mô này thì lực lượng tác chiến sẽ có hại nhiều hơn là có lợi[23].

Có rất nhiều trường hợp trong đó các lực lượng tác chiến không được thực sự tận dụng trong trận đánh hoặc trong chiến tranh, vì ưu thế về số quân không được coi là có tầm quan trọng như bản chất sự vật đòi hỏi.

Nếu người ta tin tưởng chắc chắn rằng có ưu thế lớn và bằng cách nỗ lực chiến đấu là ta có thể đạt được tất cả, lòng tin tưởng này sẽ ảnh hưởng đến công việc chuẩn bị chiến tranh; vì người ta sẽ muốn giành thắng lợi với càng nhiều lực lượng càng tốt và muốn bản thân mình đạt được ưu thế này, hoặc chí

ít cũng tự đề phòng được ưu thế của đối phương. Đó là những điều có thể nói về lực lượng tuyệt đối để tiến hành chiến tranh.

Mức độ của lực lượng tuyệt đối này do chính phủ quy định: tuy có quy định này tức là đã bắt đầu có hoạt động chiến tranh thực sự và chính nó là một bộ phận chủ yếu của chiến lược, hầu như bao giờ vị tướng điều khiển lực lượng tác chiến ấy cũng phải coi quy mô tuyệt đối của lực lượng này là một số lượng cho trước, hoặc là vì ông ta không được tham dự vào sự quy định nói trên, hoặc là vì tình hình không cho phép lực lượng này phát triển đầy đủ.

Khi không thể đạt được ưu thế tuyệt

đôi thì chỉ còn cách là đảm bảo bằng được ưu thế tương đối ở những điểm quyết định, bằng cách sử dụng lực lượng hợp lý nhất.

Về mặt này, việc xác định thời gian và địa điểm là điều quan trọng nhất; chính vì vậy mà người ta đi đến chỗ cho rằng trong chiến lược, chỉ riêng yếu tố này cũng đã bao hàm hầu hết nghệ thuật sử dụng lực lượng quân sự. Người ta cũng đi đến chỗ phú cho một số tướng lĩnh giỏi một chức năng trí óc đặc biệt phù hợp với những nhu cầu này của chiến lược và chiến thuật.

Nhưng sự phối hợp giữa thời gian và địa điểm, tuy là cơ sở của tất cả mọi việc và có thể nói là miếng ăn hàng ngày

của chiến lược, cũng vẫn không phải là vấn đề khó nhất và quyết định nhất của các nhiệm vụ chiến lược.

Nếu người ta đọc qua lịch sử quân sự với một con mắt vô tư, người ta sẽ thấy rằng: những trường hợp do tính toán sai theo kiểu trên đã gây ra tổn thất lớn thật ra rất hiếm, ít nhất là trong chiến lược. Nhưng, nếu sự phối hợp hợp lý giữa thời gian và địa điểm là một khái niệm bao gồm tất cả các trường hợp mà một vị tướng tích cực và quyết đoán, nhờ những cuộc hành quân cấp tốc, đánh tan nhiều kẻ địch chỉ bằng một đạo quân (Phrê-đê-rích và Bô-na-pác), thì chúng ta chỉ tự mình làm cho mình lúng túng một cách vô ích trong một thứ ngôn ngữ ước lệ. Sự trong sáng và phong phú của

các ý kiến đòi hỏi (ta) phải gọi các sự việc theo đúng tên thật của nó.

Đánh giá đúng kẻ địch (Đao, Svác-den-béc), dám mạo hiểm đối phó với địch trong một thời gian bằng một lực lượng tác chiến nhỏ, có nghị lực cần thiết để hành quân thần tốc, dám táo bạo tiến công nhanh chóng, tăng cường hoạt động, tức là sự nghiệp của những tâm hồn lớn lúc có nguy hiểm - đó là những lý do của các chiến thắng ấy; chúng có dính líu gì đến năng khiếu phối hợp đúng đắn những sự việc quá đơn giản như thời gian và địa điểm không?

Nếu chúng ta muốn tỏ ra rõ ràng và chính xác thì phải nói rằng: ngay cả trò chơi phản ứng dây chuyền giữa các lực

lượng này (trong đó các chiến thắng Rôt-bắc và Mông-mia-ray^[24] dẫn đến chiến thắng Lơ-then và Mông-tơ-rô^[25], và những vị tướng lớn cũng thường hay tin tưởng vào cái trò chơi này trong phòng ngự) cũng chỉ là một tình huống rất hiếm có trong lịch sử.

Ưu thế tương đối, nghĩa là sự tập trung lực lượng để chiếm ưu thế ở những điểm quyết định, thường thường là do biết đánh giá đúng các điểm đó, do biết định hướng hợp lý cho các lực lượng đó ngay từ đầu, do có sự quyết đoán cần thiết để hy sinh cái phụ cho cái chủ yếu, nghĩa là để tập trung lực lượng đến cao độ. Đó cũng là đặc tính của Phrê-đê-rích Đại đế và Bô-na-pác.

Như thế, chúng tôi nghĩ rằng mình đã trả lại cho vấn đề ưu thế về số quân cái tầm quan trọng mà nó có. Phải coi đó là tư tưởng cơ bản, phải luôn luôn tìm cách thực hiện nó trước tiên cho bằng được.

Nhưng, người ta sẽ hiểu lầm rất lớn về ý nghĩa của sự phân tích của chúng tôi, nếu như người ta cho rằng đó là điều kiện không thể thiếu để chiến thắng. Từ sự trình bày của chúng tôi, chỉ có thể rút ra kết luận về tầm quan trọng của quy mô các lực lượng tác chiến trong giao chiến. Chỉ cần làm cho các lực lượng này càng lớn càng tốt là đã thi hành đúng nguyên tắc, và chỉ có những điều kiện tổng quát mới cho phép ta nói rằng có nên giao chiến hay không vì lý do không đủ lực lượng.

Chương 9

BẤT NGỜ

Riêng đề tài của chương trước - ý định chung nhằm đạt ưu thế tương đối - tạo nên một ý định cũng hoàn toàn có bản chất chung như thế, đó là ý định làm cho địch *bất ngờ*. Không nhiều thì ít, nó là cơ sở của tất cả các hành động vì không có bất ngờ thì không thể quan niệm được ưu thế ở một điểm quyết định.

Vì vậy, bất ngờ trở thành một biện pháp để đạt ưu thế, nhưng vì nó có ảnh hưởng tinh thần lớn nên phải coi nó như một nguyên tắc độc lập. Khi thành công, nó làm cho bên địch hỗn loạn và dễ gây sự dũng cảm của địch; không thiếu những thí dụ lớn nhỏ đã chứng minh rằng điều

đó làm cho thắng lợi được nhân lên gấp bội. Đây không phải là cú đánh chính công, cú đánh chính công đã là bộ phận của tiến công rồi; đây là ý định làm cho địch bị bất ngờ về những biện pháp tổng quát và nhất là về cách phân bố lực lượng; điểm này cũng thấy rõ trong phòng ngự, nó là một vấn đề quan trọng vào bậc nhất trong phòng thủ chiến thuật.

Chúng tôi nói rằng bất ngờ là cơ sở cho mọi hành động, không trừ trường hợp nào cả; nhưng nó khác nhau rất nhiều về mức độ tùy ở bản chất của hành động và các tình hình tiếp theo.

Thật vậy, sự khác nhau này bắt đầu với chất lượng của quân đội, của người đứng đầu, có khi của cả chính phủ.

Bí mật và nhanh chóng là hai thừa số của tích số trên: cả hai đều bao hàm một nghị lực lớn trong chính phủ và người tổng chỉ huy; về phía quân đội thì phải có ý thức rất sâu sắc về nhiệm vụ quân sự của mình. Nhu nhược và không có nguyên tắc cứng rắn thì đừng có đánh bất ngờ, chỉ vô ích thôi! Tuy việc tìm cách đánh bất ngờ là rất phổ biến và cần thiết, tuy việc đánh bất ngờ khi nào cũng có tác dụng nhất định (nghĩ như thế là hợp lý), nhưng phải nói rằng: đánh bất ngờ mà thành công *hoàn toàn* chỉ là ngoại lệ; kết luận này được rút ra từ bản chất của vấn đề. Vì vậy, sẽ phạm sai lầm nếu cho rằng đó là biện pháp tốt nhất để đạt điều mình muốn trong chiến tranh. Ý kiến ấy (đánh bất ngờ là biện pháp tốt nhất - ND) quả

rất hấp dẫn, nhưng trong thực tiễn, sự cò xát của toàn thể bộ máy phần nhiều đã làm cho nó không thành công.

Bất ngờ có lẽ là bộ phận của lĩnh vực chiến thuật, vì một lý lẽ rất đơn giản là các dữ kiện về thời gian và địa điểm trong chiến thuật thường ngắn hơn nhiều. Trong chiến lược, các biện pháp càng gần lĩnh vực chiến thuật thì bất ngờ càng dễ thực hiện, còn nếu chúng đã lên đến trình độ của chính trị thì bất ngờ lại càng khó thực hiện. Mọi việc chuẩn bị chiến tranh thường đòi hỏi nhiều thời gian, việc tập trung quân đội ở những vị trí chính hâu như khi nào cũng đòi hỏi phải xây dựng các kho tàng đồng thời những cuộc hành quân lớn cũng làm cho người ta có thể đoán trước hướng đi khá lâu.

Vì vậy, rất hiếm có trường hợp một Quốc gia lại có thể làm cho một Quốc gia khác bị bất ngờ vì chiến tranh hoặc vì phương hướng (hành động - ND) chung của các lực lượng. Ở thế kỷ 17 và 18, khi chiến tranh phần nhiều còn xoay quanh việc vây hãm thành trì^[26] việc bao vây bất ngờ một vị trí có công sự phòng thủ là một mục đích thông thường và là một chương đặc biệt và quan trọng của nghệ thuật chiến tranh; kể cả trong trường hợp này, việc bao vây bất ngờ nói trên cũng ít khi thành công.

Ngược lại, những sự việc có thể thực hiện trong ngày một ngày hai thì lại làm cho địch bị bất ngờ một cách dễ dàng hơn nhiều. Vì vậy, giấu kín một

cuộc hành quân, rồi đi tới giấu kín một vị trí, một nơi nào đó của một địa điểm, một con đường, .v.v... là những việc thường không đến nỗi khó lắm. Nhưng, dĩ nhiên bất ngờ càng dễ thì hiệu quả càng ít và ngược lại, bất ngờ càng khó thì hiệu quả càng nhiều. Những bất ngờ ở mức độ nhỏ ấy có thể là điểm xuất phát của những sự việc lớn (như một chiến dịch thắng lợi hoặc chiếm được một kho quan trọng): nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng điều đó lại chưa được lịch sử xác minh. Vì, nói chung, người ta ít thấy có những sự việc lớn là kết quả của một sự bất ngờ như thế. Bởi vậy, điều trên cho phép chúng tôi nghĩ rằng khó khăn là thuộc về bản chất của vấn đề.

Người nào muốn hỏi lịch sử về

những vấn đề như vậy dĩ nhiên không nên chỉ chú ý đến những đoạn hùng biện của nhà phê phán lịch sử, hoặc những công thức, những câu chữ cầu kỳ của họ. Chúng ta hãy nhìn thẳng vào sự việc. Thí dụ: hãy chọn một ngày nào đó của chiến dịch Xi-lê-di năm 1761 đã nổi tiếng về mặt này. Đó là ngày 22 tháng 7, ngày Phrê-đê-rích Đại đế cướp từ tay tướng Lô-đông^[27] cuộc hành quân tiến về Môt-xen gần Nét-xơ; theo người ta nói, việc này đã ngăn chặn không cho quân đội Áo và Nga gặp nhau ở Xi-lê-di thượng, khiến nhà vua nghỉ ngơi được trong bốn tuần lễ. Nếu người ta chịu khó đọc kỹ các ký sự về sự kiện này của những nhà viết sử chính thống^[28], và nếu người ta không có thiên kiến thì cuộc hành quân

ngày 22 tháng 7 hoàn toàn không có ý nghĩa như vậy; nói chung, những lý lẽ nổi tiếng về vấn đề này đều mang đầy dẫy mâu thuẫn. Một mặt khác, người ta sẽ thấy rằng một số cuộc điều quân do Lô-đông thực hiện trong thời kỳ cơ động nổi tiếng này cũng không thiếu những điều vô lý. Chúng ta phải bác bỏ những chứng cứ lịch sử theo kiểu đó, nếu chúng ta còn thấy cần phải giữ lấy chân lý và sự tin tưởng tối thiểu.

Người ta hi vọng ở những hiệu quả lớn của nguyên tắc bất ngờ áp dụng trong quá trình tiến hành một chiến dịch, chính là vì nó gợi nên những biện pháp để đạt mục đích như: hoạt động mạnh mẽ, quyết định nhanh chóng, hành quân gấp. Song những yếu tố này không phải khi nào

cũng dẫn đến những kết quả mong muốn, kể cả lúc nó tồn tại ở một trình độ cao. Đó là điều đã được chứng minh bởi Phrê-đê-rích Đại đế và Bô-na-pác - hai vị tướng mà người ta thường đánh giá rất đúng là có tài năng lớn về mặt này. Tháng 7 năm 1760, khi Phrê-đê-rích Đại đế bất thành lĩnh nhảy từ Bô-den đến La-xi^[29] rồi quay lại đánh Dre-xđen, ông thấy cái trò đùa^[30] này chẳng có ích lợi gì cả, trong lúc ấy thì việc thất thủ Gơ-lát^[31] lại làm cho toàn bộ tình hình trở nên nguy hiểm.

Năm 1813, Bô-na-pác từ Dre-xđen hai lần quay lại đánh Bluy-khe, chưa kể đến việc từ Luy-dát thượng xâm lược Bô-hêm: cả hai lần đều không đạt kết quả

mong muốn. Đó chỉ là chuyện lấy gươm chém nước: nó làm cho ông ta tốn lực lượng, tốn thời gian mà lại khá nguy hiểm nhất là ở Dre-xden.

Trong lĩnh vực này, sự thành công lớn về bất ngờ không tùy thuộc ở hoạt động tích cực đơn thuần, ở lực lượng và tính quyết đoán của bộ chỉ huy. Phải có những điều kiện thuận lợi khác. Chúng tôi hoàn toàn không nghĩ đến chuyện phủ nhận sự thành công (của yếu tố bất ngờ - ND). Nhưng chúng tôi nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có những điều kiện thuận lợi và những điều kiện này lại rất hiếm có, còn người chỉ huy thì ít khi tạo ra được những điều kiện ấy.

Mỗi vị tướng nói trên lại cho ta một

chứng minh nổi bật về điểm đó. Trước hết hãy nói đến thí dụ của Bô-na-pác năm 1814, trong trận ông ta đánh lại đạo quân Bluy-khe tách khỏi đại quân và đang xuôi theo sông Mác. Một cuộc hành quân hai ngày để bất ngờ đánh địch khó lòng đưa lại những kết quả tốt hơn. Đạo quân của Bluy-khe, rải ra trên một chặng đường ba ngày hành quân, bị đánh từng khúc một và chịu những tổn thất nặng nề ngang với một sự thất bại lớn. Điểm này là kết quả của bất ngờ, vì nếu Bluy-khe thấy mình có thể bị tiến công ngay như thế thì ông đã tổ chức hành quân khác hẳn. Cần phải thấy Bô-na-pác cũng không biết tình hình ấy, thực ra ông ta đã được hưởng một sự may mắn hiếm có.

Trận Lê-nhút năm 1760 cũng như

vậy. Nếu Phrê-đê-rích Đại đế đã thắng lợi trong trận này thì chính là vì ông đã thay đổi trong đêm một vị trí mới chiếm được: trong trận đánh, Lô-đông hoàn toàn bị bất ngờ, điều đó làm ông ta mất 70 khẩu đại bác và 10.000 người. Tuy trong thời kỳ này, Phrê-đê-rích Đại đế có nguyên tắc là luôn luôn vận động ở cả mọi phía để tránh mọi trận đánh hay ít nhất để phá rối kế hoạch của địch, nhưng không phải vì lý do này mà nhà vua đã thay đổi vị trí trong đêm 14 rạng ngày 15. Chính bản thân nhà vua đã nói là: vị trí ngày 14 không làm cho ông hài lòng. Ở đây cũng vậy, ngẫu nhiên đã đóng một vai trò lớn. Nếu không có sự trùng lặp giữa cuộc tiến công, sự thay đổi vị trí ban đêm và tính chất hiểm trở của địa

điểm thì kết quả không được như thế.

Về mặt chiến lược ở trình độ cao và cao nhất, cũng có những thí dụ về thành công bằng đánh bất ngờ. Chúng tôi chỉ kể cuộc chinh phạt rực rỡ của vị Cử tri Lớn^[32] chống người Thụy Điển từ Phran-cô-ni^[33] đến Po-mê-ra-ni^[34] và tỉnh Bran-đơ-buốc đến sông Prê-gen^[35], của Phrê-đê-rích trong chiến dịch năm 1757, và cuộc vượt núi An-pơ nổi tiếng năm 1800 của Bô-na-pác. Ở đây, cả một đạo quân phải đầu hàng và mất toàn bộ chiến trường; năm 1757 suýt nữa một đạo quân khác chẳng những phải nộp cả toàn bộ chiến trường mà còn phải tự nộp mình nữa. Cuối cùng, việc Phrê-đê-rích Đại đế xâm nhập vào Xi-lê-di cũng minh

họa cho một cuộc chiến tranh hoàn toàn bất ngờ. Trong tất cả các trường hợp trên, thắng lợi đều đến như sét đánh; nhưng lịch sử không có nhiều thí dụ như thế nếu như người ta không lẫn lộn chúng với trường hợp của một quốc gia vì thiếu nhiệt tình và nghị lực (xứ Xắc năm 1756 và nước Nga năm 1812) nên không chuẩn bị xong, không sẵn sàng chiến đấu đúng lúc.

Chỉ còn một nhận định thêm về nội dung của vấn đề Hậu quả của bất ngờ chỉ có thể đến từ người điều khiển được đối phương; và muốn điều khiển được thì phải hoạt động đúng cung cách. Nếu chúng ta làm cho địch bị bất ngờ bằng những cuộc hành quân sai lầm thì chẳng những chúng ta không thu được thắng lợi

mà còn có thể bị thất bại nặng nề; dầu thế nào, kẻ địch cũng không cần phải lo lắng nhiều đến “cú” đánh bất ngờ của ta và chính sai lầm của ta lại cho họ biện pháp để tránh đòn. Vì tiến công bao hàm nhiều hành động tích cực hơn phòng ngự, đánh bất ngờ là công việc của bên tiến công, nhưng không phải khi nào cũng như thế, chúng tôi sẽ có dịp chứng minh điều này sau. Vì vậy, chúng ta có thể thấy cả bên tiến công cũng như bên phòng ngự đều đánh bất ngờ và ở trường hợp này thì ai đánh trúng là kẻ ấy thắng.

Sự việc đáng lẽ xảy ra như thế; nhưng không phải khi nào đời sống thực tế cũng đi theo con đường ấy vì một lý do rất đơn giản. Đối với người sử dụng nó, ảnh hưởng tinh thần của yếu tố bất

ngờ thường biến những nguyên nhân xấu nhất thành một việc tốt và không để cho phía bên kia có đủ thì giờ để đề ra được một quyết định hợp lý. Ít hơn mọi nơi khác, ở đây chúng tôi chỉ nghĩ đến các vị tổng chỉ huy; chúng tôi cũng nghĩ đến mỗi cá nhân nói riêng vì sự bất ngờ có một kết quả rất lạ kỳ là làm cho các mối liên hệ dẫn ra, cho nên cá tính của mỗi người bộc lộ ra rõ ràng hơn.

Điều quan trọng ở đây là mối quan hệ chung giữa hai bên đối địch. Nếu ưu thế tinh thần chung cho phép làm địch nản chí và đè bẹp được chúng thì có thể sử dụng kết quả của bất ngờ để thu thắng lợi nhiều hơn trong những điều kiện đáng lẽ có thể gây nên rối ren.

Chương 10

MƯU CHƯỚC

Mưu chước bao hàm một ý định được giấu đi và vì vậy nó trái với thái độ thẳng thắn đơn giản, nghĩa là trực tiếp, cũng như một lời nói nhanh trí đối lập với sự chứng minh trực tiếp. Vì vậy nó khác hẳn với các biện pháp thuyết phục, các biện pháp mang tính chất của quyền lợi và sức mạnh, nhưng giống với sự phản trắc về nhiều mặt: sự phản trắc cũng giấu ý định của mình. Nói cho cùng, mưu chước cũng là một thứ phản trắc một khi công việc đã xong xuôi, nhưng lại khác phản trắc ở chỗ nó không trực tiếp phản lại lời hứa của mình. Kẻ sử dụng mưu chước nhằm làm cho người mình muốn lừa phạm phải những sai lầm

trong suy nghĩ, những sai lầm này cuối cùng sẽ tập chung vào một kết quả độc nhất và đột nhiên biến đổi trước mắt mình bản chất của sự vật. Vì vậy người ta có thể nói rằng: lời nói nhanh trí là một mảnh lối về hành động.

Mới nhìn qua, hình như danh từ stratégie (chiến lược) là do danh từ stratagème (mưu chước để lừa địch) sinh ra, và mặc dầu từ thời cổ Hy Lạp đến nay đã trải qua không biết bao nhiêu biến hoá thật sự và rõ rệt, danh từ này vẫn phù hợp với bản chất sâu sắc nhất của sự việc.

Nếu người ta dành cho chiến thuật nhiệm vụ thi hành các “cú” đánh, nghĩa là các cuộc giao chiến, và cho rằng chiến

lược là nghệ thuật sử dụng hợp lý các khả năng do các “cú” đánh và các cuộc giao chiến đưa đến, nếu người ta bỏ ra ngoài vài lực lượng tinh thần như tham vọng nồng nhiệt luôn luôn thúc đẩy, hoặc ý chí sắt đá không bao giờ lùi bước trước khó khăn, v.v. thì không một năng khiếu tự nhiên nào lại phù hợp với việc điều khiển và kích động các hoạt động chiến lược bằng mưu chước. Ý muốn rất phổ biến về đánh bất ngờ mà chúng tôi nói ở chương trên đã cho phép kết luận như thế; vì sự bất ngờ nào cũng bao hàm một mức độ mưu chước nhất định (mặc dầu có thể rất ít).

Nhưng mặc dầu chúng tôi có thiên hướng chú ý đến những người cầm đầu chiến tranh cố gắng vượt bậc về mặt giáo

hoạt, khôn khéo và giả trá, chúng tôi cũng phải thừa nhận rằng các đức tính này rất ít biểu hiện trong lịch sử cũng như trong hàng loạt những sự kiện và tình huống.

Tìm cho ra nguyên nhân của vấn đề này không khó lắm: nó cũng gần như đối tượng nghiên cứu của chương trước.

Chiến lược chỉ hoạt động để tổ chức giao chiến và thực hiện các biện pháp liên quan đến giao chiến. Trái với những điều xảy ra trong đời sống thông thường, chiến lược không biết đến những hoạt động bằng lời nói đơn thuần, nghĩa là bằng diễn văn, tuyên bố, v.v.. Thế nhưng chính lời nói, tuy không mất tiền mua, lại được người lắm mưu chước sử dụng để

đánh lừa thiên hạ.

Trong chiến tranh, nhiều cái giống như lời nói: mệnh lệnh và kế hoạch giả trá, tin tức bịa đặt truyền đi cho địch nghe, v.v. thường rất ít có hiệu quả về mặt chiến lược, đến nỗi người ta chỉ có thể dùng nó trong một vài trường hợp lẻ tẻ tự nó xuất hiện. Đó không phải là đối tượng cho hoạt động độc lập của con người hành động.

Nhưng đẩy mạnh tổ chức giao chiến đến mức làm cho địch phải gồm, để đòi hỏi phải tiêu phí nhiều thời gian và nghị lực; sự tiêu phí này càng lớn nếu mục đích càng cao. Vì thường thường người ta không ai muốn hi sinh như thế, cho nên về mặt chiến lược phần nhiều những cái

gọi là biểu dương lực lượng ấy đều không đạt được kết quả mong muốn. Thật vậy, sử dụng một cách hình thức những lực lượng lớn trong một khoảnh khắc nhỏ là rất nguy hiểm. Làm như thế có thể là vô ích và sau này người ta sẽ thấy thiếu các lực lượng nói trên ở điểm quyết định.

Con người hành động luôn luôn thấy được chân lý đơn giản đó, và vì vậy họ không muốn chơi cái trò đùa dựa trên một sự khéo léo giả trá ấy. Sự cần thiết gay gắt và nghiêm túc làm cho hành động trực tiếp cấp bách đến nỗi không thể nào có chỗ đứng cho cái trò đùa ấy được. Tóm lại: trên bàn cờ, các con cờ không có sự khéo léo ấy, nó chính là bản chất của mưu chước và giao hoạt.

Từ đó chúng ta rút ra kết luận: người làm tướng cần có cái nhìn đúng và sâu sắc; đức tính này cần thiết và ích lợi hơn mưu chước, nhưng mưu chước cũng chẳng có hại gì nếu nó không gây ra trở ngại đối với các đức tính khác (điều này rất hiếm có).

Nhưng các lực lượng đặt dưới sự điều khiển của chỉ đạo chiến lược càng yếu thì chỉ đạo chiến lược lại càng có thể dùng đến mưu chước. Người nào rất yếu đuối, rất bé nhỏ, đến nỗi sự khôn ngoan và sự sáng suốt cũng chẳng có ích lợi gì nữa, đến nỗi mọi phương tiện của nghệ thuật (chiến tranh - ND) hình như cũng đã từ bỏ anh ta thì mưu chước càng trở nên biện pháp cuối cùng. Tình hình càng bi đát thì anh ta lại càng muốn đánh “một

cú” tuyệt vọng cuối cùng và mưu chước lại càng dễ hòa hợp với tảo bạo.

Không cần tính toán, không cần lo đến sự trừng phạt mai hậu, tảo bạo và mưu chước tăng cường lẫn cho nhau bằng cách tập trung vào một điểm, tia hy vọng tuy nhỏ nhất nhưng vẫn còn có thể bùng lên.

Chương 11

TẬP TRUNG LỰC LƯỢNG TRONG KHÔNG GIAN

Chiến lược tốt nhất là *luôn luôn phải rất mạnh*, trước tiên là mạnh về mặt tổng quát, sau đó là mạnh ở điểm quyết định. Ngoài sự cố gắng cần thiết để thành lập các đạo quân (việc thành lập này không phải khi nào cũng phụ thuộc vào người tướng), phép tắc cao nhất và đơn giản nhất của chiến lược là *tập trung lực lượng*. Không thể để một tý lực lượng nào tách ra khỏi đạo quân chính nếu không có ý do *cấp bách*. Chúng tôi sẽ giữ vững tiêu chuẩn này, coi đó là người hướng dẫn đáng tin cậy. Dần dần, chúng ta sẽ thấy những lý do nào có

thể là hợp lý để phân tán lực lượng. Khi ấy chúng ta sẽ hiểu rằng: nguyên tắc này không phải khi nào cũng có kết quả như nhau, song kết quả khác nhau còn tùy theo mục đích và phương tiện.

Điều này khó tin thật, thế mà trong hành động, dễ có đến hàng trăm lần các lực lượng vũ trang đã bị chia nhỏ vì người ta đã tuân theo một thứ truyền thống mơ hồ nào đó mà chẳng hiểu tại sao cả.

Nếu việc tập trung mọi lực lượng vũ trang được thừa nhận là tiêu chuẩn, nếu mọi sự tách biệt và phân chia được coi như một sai biệt cần có lý do, thì chẳng những người ta tránh được sự ngu ngốc này mà rất nhiều lý do sai lầm về phân

chia cũng sẽ được loại bỏ.

Chương 12

TẬP TRUNG LỰC LƯỢNG TRONG THỜI GIAN

Lúc được cụ thể hóa trong đời sống thực tế, khái niệm mà chúng ta nói ở đây đã làm nảy sinh ra nhiều ảo tưởng. Vì vậy, chúng tôi tin rằng định nghĩa và phát triển ý kiến chúng tôi về đề tài này là có ích; do đó chúng tôi đề nghị được phép tiến hành một cuộc phân tích nhỏ nữa.

Chiến tranh là sự va chạm giữa các lực lượng đối địch, do đó lực lượng mạnh mẽ hơn không những phá tan lực lượng yếu hơn mà còn cuốn phăng nó đi theo đà tiến của mình: đó là điều rất tự nhiên. Điều này thật ra đã loại trừ lối sử dụng binh lực kéo dài trong thời gian,

trái lại, việc sử dụng đồng thời tất cả các lực lượng vào một cuộc xung đột độc nhất là quy luật cơ bản của chiến tranh.

Thật vậy, sự việc xảy ra như thế, nhưng chỉ trong mức độ trận đánh giống như một sự va chạm cơ giới; khi va chạm này bao hàm tác động qua lại lâu dài giữa các lực lượng phá hoại lẫn nhau thì người ta có thể quan niệm được tác động liên tiếp của chúng. Điều này xảy ra trong chiến thuật, trước hết vì khẩu súng là cơ sở chính của mọi chiến thuật, nhưng cũng vì nhiều lý do khác. Trong một cuộc giao chiến bằng súng, 1.000 người đối chọi với 500, tổn thất của họ là tổng số tổn thất của lực lượng địch và lực lượng mình. Thật vậy, 1.000 người bắn được gấp hai lần số phát súng so với

500 người - nhưng số đạn bắn trúng vào 1.000 người lại nhiều hơn vào 500 người, vì người ta có thể cho rằng hàng ngũ của 1.000 người đông đặc hơn. Nếu ta cho rằng đạn trúng đích hai lần nhiều hơn thì cả hai bên tổn thất ngang nhau. Về bên 500, có 200 bị loại khỏi vòng chiến đấu và bên 1.000 cũng như thế. Nhưng nếu bên 500 người lại có 500 người dự trữ hoàn toàn ở ngoài vòng lửa đạn thì cả hai bên đều có mỗi bên 800 người để đưa ra chiến đấu nữa; nhưng một bên có 500 người hoàn toàn mới còn sung sức, có đủ súng đạn, còn phía bên kia có 800 người đã bị phá hoại về tổ chức, súng đạn không đầy đủ và đã mất đi một phần sức lực. Nói cho đúng, giả thiết cho rằng nên 1.000 người do đông

gấp hai lần nên bị tổn thất nhiều hơn bên kia hai lần là không chính xác; vì vậy, sự tổn thất nhiều hơn của phía giữ lại một nửa số quân dự bị phải coi như là một điều không thuận lợi. Cũng phải thừa nhận rằng trong phần lớn các trường hợp, 1.000 người ngay từ lúc đầu có thể đuổi địch ra khỏi vị trí và buộc chúng phải rút lui. Còn về việc so sánh xem hai thuận lợi này có bù được điều bất lợi là phải chiến đấu với một đội quân 800 người đã bị phá hoại về tổ chức chống với một kẻ thù yếu hơn một ít lại có 500 người còn sung sức hay không: điều này chưa thể phân tích trước được. Chúng ta cần phải dựa vào kinh nghiệm, và người ta cũng không thể thấy được người sĩ quan giàu kinh nghiệm nào lại không muốn

theo cách bố trí nhằm có nhiều binh sĩ còn sung sức.

Như vậy, người ta sẽ hiểu được tại sao việc sử dụng quân đội quá đông có thể trở thành một điều bất lợi. Dù ưu thế ban đầu có cho ta một số thuận lợi, sau đó chúng ta cũng vẫn có thể phải trả bằng một giá rất đắt.

Nhưng nguy cơ đó cũng không vượt quá tình trạng *mất trật tự, tình trạng rệu rã* và *suy yếu*, tóm lại: *sự khủng hoảng* theo sau một cuộc chiến đấu, kể cả lúc *chiến đấu thắng lợi*. Nếu ta chú ý đến tình trạng suy yếu này thì sự tham gia của quân đội còn tương đối sung sức là một yếu tố nhất định.

Nhưng nếu sự rệu rã do thắng lợi

đưa đến đã chấm dứt, nếu (bên thắng trận - ND) chỉ còn lại ưu thế tinh thần của thắng lợi thì các lực lượng còn sung sức (của bên thất trận - ND) cũng chẳng hạn gấn được các tổn thất, chúng cũng bị cuốn đi trong ngọn triều thắng lợi... Một đạo quân thất trận không thể thắng lợi được trong ngày hôm sau nhờ có dự bị mạnh. Ở đây, chúng ta thấy căn nguyên của sự khác nhau rất chủ yếu giữa chiến thuật và chiến lược.

Nhưng kết quả chiến thuật, kết quả nằm ở bên trong giao chiến và trước khi giao chiến kết thúc, phần nhiều thuộc về giai đoạn rệ rã và suy yếu này; còn kết quả chiến lược, nghĩa là kết quả toàn bộ, bất kỳ thắng lợi nhỏ hoặc lớn nào, đều ở

ngoài giai đoạn ấy. Chỉ khi nào tất cả kết quả của các cuộc giao chiến bộ phận đã hòa hợp thành một tổng thể độc lập thì mới xuất hiện kết quả chiến lược. Nhưng khi ấy thì tình trạng khủng hoảng không còn nữa, các lực lượng trở lại hình thái ban đầu và chỉ mất đi bộ phận thật sự bị phá hoại.

Kết quả của sự khác nhau này là: chiến thuật có thể sử dụng lực lượng theo cách nối tiếp, còn chiến lược thì phải sử dụng các lực lượng cùng một lúc.

Nếu trong chiến thuật đánh thắng trận đầu không phải là quyết định, nếu có lo ngại cho thời gian sắp tới, thì dĩ nhiên người ta không phải vì muốn đánh thắng trận đầu mà sử dụng nhiều quân đội quá

sự cần thiết; người ta cũng sẽ đồng thời đề những lực lượng dự trữ ra ngoài vùng lửa đạn, ra ngoài vùng giáp là cà đề sau này có thể đem lực lượng sung sức đối chọi với lực lượng sung sức, hoặc đề dùng lực lượng sung sức này đánh thắng các lực lượng suy yếu khác.

Trong chiến lược thì không như thế được. Một mặt, như chúng tôi đã chứng minh, khi đã thu được thắng lợi thì chiến lược không sợ hành động trả đũa của quân địch, vì thắng lợi này tức là sự kết thúc của cuộc khủng hoảng; một mặt khác, tất cả những lực lượng được sử dụng một cách chiến lược không nhất thiết bị suy yếu. Chỉ những lực lượng tham gia cuộc xung đột *chiến thuật* với kẻ địch (nghĩa là tham gia chiến đấu bộ

phận) mới bị suy yếu (trừ khi người ta tiêu hao lực lượng một cách vô ích thì không kể); sự mất mát này chỉ giới hạn trong phạm vi ít nhất, không đụng chạm đến tất cả các lực lượng tham gia cuộc xung đột chiến lược với kẻ địch. Những đạo quân ít chiến đấu hoặc không chiến đấu vì có ưu thế về số quân (sự có mặt của họ cũng đã làm nghiêng cán cân) thì vẫn y như cũ và vẫn có thể được sử dụng lại giống như khi chúng không hoạt động gì cả. Những đạo quân này là ưu thế của chúng ta, chúng có thể góp phần vào thắng lợi cuối cùng đến mức nào, đó là điều rất hiển nhiên (ý nói: chúng góp phần rất lớn và thắng lợi cuối cùng - N D). cũng rất dễ hiểu tại sao chúng có thể làm giảm bớt rất nhiều tổn thất của các

lực lượng tham chiến của chúng ta trong xung đột chiến thuật.

Trong chiến đấu, vì sự tăng thêm tổn thất và số quân được sử dụng không đi đôi với nhau, trái lại, nhiều khi số quân càng đông thì tổn thất càng ít, một mặt khác số quân càng đông thì càng quyết định (thắng lợi - N D) càng chắc chắn đối với chúng ta, cho nên dĩ nhiên chúng ta phải kết luận rằng người ta không bao giờ có thể sử dụng quá nhiều lực lượng, rằng các lực lượng mà ta bố trí cần được sử dụng *đồng thời vào một lúc*.

Chúng tôi lại phải bảo vệ luận điểm này về một quan điểm khác nữa. Cho đến bây giờ, chúng tôi mới chỉ nói đến bản thân vấn đề giao chiến; đó là hoạt động

chiến tranh chính công. Nhưng cũng cần phải tính đến con người, thời gian và không gian, tức là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể của giao chiến, và chú ý đến kết quả tác động của chúng.

Tuy về thực chất không liên quan đến bản thân cuộc chiến đấu, song những gian khổ, căng thẳng, thiếu thốn trong chiến tranh cũng là một yếu tố phá hoại đặc biệt, ít nhiều gắn liền với chiến đấu, và lại nó là yếu tố chủ yếu thuộc lĩnh vực chiến lược. Đúng ra, trong chiến thuật người ta cũng gặp khó khăn, căng thẳng, thiếu thốn, nhưng vì các hành động chiến thuật có thời hạn ngắn hơn nên ảnh hưởng của những hy sinh và căng thẳng đối với nó không rõ rệt lắm. Nhưng trong chiến lược, với thời gian và không gian rộng

lớn hơn nhiều, thì ảnh hưởng của chúng chẳng những luôn rõ rệt mà thường thường lại hoàn toàn có tính chất quyết định. Ta không lạ lắm khi thấy một đạo quân chiến thắng bị tổn thất vì bệnh tật nhiều hơn là bị tổn thất trên chiến trường.

Nếu chúng ta tính toán đến phạm vi của sự phá hoại này trong chiến lược cũng như khi ta tính toán đến hỏa lực và đánh giáp lá cà trong chiến thuật, thì chúng ta có thể tưởng tượng một cách dễ dàng rằng: đến cuối một chiến dịch hoặc một giai đoạn chiến lược, tất cả những gì chịu chi phối bởi sự phá hoại đó sẽ bị suy yếu đến nỗi sự có mặt của các lực lượng sung sức sẽ giữ vai trò *quyết định*. Như vậy, người ta có thể đi đến kết luận là: trong trường hợp sau cũng như

trường hợp trước, phải tìm cách đạt được thắng lợi đầu tiên với những phương tiện càng ít càng tốt để giành các lực lượng sung sức cho giai đoạn cuối.

Để đánh giá đúng ý kiến này (trong thực tế nó thường thường có vẻ phù hợp với chân lý), cần phải dừng lại ở nhiều mặt khác của vấn đề. Trước hết, không nên lẫn lộn khái niệm về viện binh đơn thuần với khái niệm về một lực lượng sung sức nguyên vẹn. Chiến dịch kết thúc thì bên thắng cũng như bên bại phần nhiều đều rất muốn tăng cường lực lượng. Đó không phải là điều chúng tôi muốn nói vì việc tăng cường lực lượng ấy sẽ không cần thiết nếu ngay từ đầu ưu thế về số quân đã rất lớn. Nhưng sẽ trái với mọi kinh nghiệm nếu thừa nhận rằng

một đạo quân vừa mới đến chiến trường lại có một giá trị tinh thần lớn hơn một đạo quân đã có mặt ở đấy, và ngược lại một đội dự bị chiến thuật lại có giá trị hơn một đạo quân đã chịu đựng nhiều trong chiến đấu. Một chiến dịch thất bại làm cho quân đội mất anh dũng và mất tinh thần bao nhiêu thì một chiến dịch thắng lợi lại làm cho họ thêm anh dũng bấy nhiêu. Cho nên, phần nhiều những ảnh hưởng này đền bù cho nhau và ngoài ra, sự dày dạn trong tác chiến lại là một món lợi ròng. Hơn nữa, ở đây cần phải chú ý đến những chiến dịch thắng lợi nhiều hơn là những chiến dịch thất bại vì nếu triển vọng nghiêng về thất bại thì suy cho cùng cũng là do lực lượng không đầy đủ, và vì vậy cũng không thể có vấn đề

dành một phần lực lượng để sử dụng sau này.

Sau khi đã giải quyết xong điểm trên, ta cần biết những tổn thất do cố gắng và thiếu thốn gây nên có tăng thêm khi quy mô của chúng tăng thêm như thường thấy trong giao chiến hay không? Đối với câu hỏi này phải trả lời: “Không”.

Không ít thì nhiều, nguy hiểm thấm vào từng lúc của hành vi chiến tranh: đó là nguyên nhân của phần lớn các cố gắng. Đương đầu với vô số những nguy cơ hiểm nghèo ấy mà vẫn tiếp tục được quá trình hành động một cách vững chắc, đó là mục đích của vô số hoạt động của các cơ quan chiến thuật và chiến lược trong

quân đội. Hoạt động của các cơ quan nói trên càng khó khăn thì quân đội càng yếu, hoạt động đó càng dễ dàng thì ưu thế của quân đội đối với kẻ thù càng cơ bản. Nghi ngờ thế nào được? Một chiến dịch chống một kẻ địch yếu hơn mình nhiều thì chỉ cần bỏ ra ít cố gắng hơn là một chiến dịch chống một đối phương có lực lượng bằng mình hoặc mạnh hơn mình.

Đó là vấn đề cố gắng. Còn về vấn đề thiếu thốn thì hơi khác. Có hai thứ thiếu thốn: thiếu tiếp tế, thiếu chỗ trú quân cho quân đội (kể cả doanh trại hoặc nơi đồn trú ở dã ngoại). Dĩ nhiên, quân đội càng đông và càng tập trung vào một điểm thì khó khăn này càng tăng. Thế nhưng, phải chăng chính vì có ưu thế về lực lượng nên mới có phương tiện tốt

nhất để rải rộng ra và tìm được nơi đồn trú nhiều hơn, vì vậy lại tìm ra nhiều phương tiện ăn ở hơn?

Năm 1812, khi Bô-na-pác tiến quân trên đất Nga, ông ta tập hợp phần lớn quân đội vào một đường tiến (từ trước tới giờ chưa ai từng thấy như thế) và vì vậy quân đội phải chịu đựng những thiếu thốn chưa hề có; ở đây, ông ta cũng hành động theo nguyên tắc: ở điểm quyết định thì can đảm chừng nào càng tốt chừng ấy.

Ở đây ta không nghiên cứu đến vấn đề: nguyên tắc nói trên có được thi hành một cách thái quá không; nhưng chắc chắn rằng muốn tránh thiếu thốn thì Bô-na-pác chỉ cần tiến quân trên một mặt

trận rộng hơn. Ở Nga không thiếu chỗ, và các nơi khác cũng vậy thôi. Bởi thế lý do trên không chứng minh rằng: sử dụng đồng thời một số quân có ưu thế lớn hơn thì nhất thiết phải gây ra một sự suy yếu lớn hơn. Nhưng chúng ta hay giả thiết: mưa nắng và mệt nhọc không tránh khỏi trong chiến tranh cũng đã làm tổn hại đến cả bộ phận quân đội đáng lẽ phải dự trữ để dùng làm lực lượng bổ sung sau này. Dù rằng bộ phận quân đội đó có thể đỡ được gánh nặng cho toàn bộ, chúng tôi vẫn phải nhìn bao quát toàn bộ tình hình và đặt câu hỏi theo kiểu sau: việc giảm lực lượng này có giá trị bằng việc tăng lực lượng do ưu thế về số quân ở nhiều điểm khác đưa đến không?

Tuy vậy chúng ta vẫn cần xem xét

đến một vấn đề quan trọng nữa. Nếu chỉ có một cuộc giao chiến cục bộ, người ta có thể dự tính gần đúng các lực lượng cần thiết để đạt thắng lợi quan trọng mà người ta mong muốn, do đó có thể dự tính được các lực lượng còn thừa. Về chiến lược thì không thể làm như vậy vì kết quả chiến lược không có đối tượng rõ ràng và giới hạn chật hẹp như thế. Cái gọi là lực lượng thừa trong chiến thuật thì trong chiến lược phải gọi là phương tiện để mở rộng thắng lợi nếu có cơ hội. Nhưng tỉ số lợi nhuận thêm với quy mô của thắng lợi, cho nên ưu thế về số quân có thể mau chóng đạt tới những thành tựu mà dầu có tiết kiệm lực lượng tỉ mỉ đến mấy cũng không đạt được.

Nhờ có ưu thế về số quân nên năm

1812, Bô-na-pác đã tiến đến tận Mát-xcơ-va và chiếm lấy thủ đô quan trọng này. Hơn nữa, nếu ông ta nhờ có ưu thế ấy mà tiêu diệt được hoàn toàn quân đội Nga thì ông ta đã đạt được hòa bình ở Mát-xcơ-va, đến nỗi bất kỳ biện pháp nào cũng không thể đạt được kết quả như thế. Chúng tôi đưa thí dụ này để giải thích chứ không phải để chứng minh cho tư tưởng của chúng tôi vì chứng minh điều này rất phức tạp, ở đây không phải chỗ để làm việc ấy.

Tất cả những điều suy nghĩ trên chỉ minh họa cho ý niệm về sự sử dụng kế tiếp số quân chứ chưa phải là khái niệm thực sự về dự bị; những điều suy nghĩ đó luôn luôn đi bên cạnh khái niệm về dự bị nhưng lại dính liền với những ý niệm

khác mà chúng ta sẽ thấy ở chương sau. Chúng tôi muốn chỉ rõ là: trong chiến thuật, lực lượng chiến đấu chỉ bị giảm chỉ vì thời hạn sử dụng thực sự, và vì vậy thời gian là một yếu tố kết quả, điểm này không thật đúng đối với chiến lược. Hiệu quả phá hoại của thời gian (cũng tồn tại trong chiến lược) một phần bị bớt đi vì khối lượng của các lực lượng chiến đấu nhưng một phần lại được bù lại bằng những biện pháp khác; tự bản thân chiến lược không thể tự tìm đồng minh trong thời gian bằng cách sử dụng quân đội theo thứ tự nối tiếp.

Chúng tôi nói: tự bản thân chiến lược, bởi lẽ có nhiều điều kiện khác do thời gian đưa đến nhưng lại khác hẳn với thời gian (nhất định thời gian có tầm

quan trọng đối với một trong hai bên đối địch); tầm quan trọng này không phải là vô nghĩa hoặc quá nhỏ và sẽ là đối tượng của sự phân tích sau này.

Đây là quy luật mà chúng ta muốn rút ra: tất cả các lực lượng có thể nhằm đạt một mục đích chiến lược phải được sử dụng cùng một lúc, và nếu tất cả được dồn vào một hành động, vào một khoảng thời gian thì việc sử dụng lại càng hoàn hảo.

Nhưng trong chiến lược, áp lực và hiệu quả liên tục không phải vì thế mà không tồn tại. Chúng ta không có quyền coi thường chúng: đó là biện pháp chủ yếu để đạt thắng lợi cuối cùng, biện pháp này không ngoài sự phát triển của các

lực lượng mới. Chúng ta sẽ nghiên cứu điểm này trong một chương riêng [\[36\]](#), và chúng tôi nhắc đến nó ở đây là để cho bạn đọc khỏi lầm lẫn.

Bây giờ chúng tôi đề cập đến một vấn đề gắn chặt với những nhận xét trước đây của chúng tôi; nó sẽ hoàn thành việc làm cho những kết luận tổng quát của chúng tôi bị bộc lộ bản chất thực sự của chúng; chúng tôi muốn nói đến vấn đề: *dự bị chiến lược*.

Chương 13

DỰ BỊ CHIẾN LƯỢC

Một lực lượng dự bị có hai chức năng khác hẳn nhau: chức năng thứ nhất là kéo dài và đổi mới chiến đấu, chức năng thứ hai là phục vụ trong trường hợp bất ngờ. Chức năng thứ nhất bao gồm việc sử dụng nối tiếp quân số một cách có ích, và vì vậy không thể xảy ra trong chiến lược. Phái một đạo quân từ hậu phương đến một điểm sắp mất: việc này hiển nhiên thuộc về chức năng thứ hai vì sự chống cự của địch chưa được dự kiến đầy đủ.

Nhưng một đạo quân chỉ dùng để kéo dài chiến đấu, và vì vậy người ta đặt làm dự bị ở hậu phương, thì sẽ chỉ ở

ngoài tuyến lửa. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà nó không chịu sự điều khiển và bố trí của người chỉ huy cao nhất của trận đánh. Như vậy, đạo quân này là đội dự bị chiến thuật chứ không phải chiến lược.

Nhưng yêu cầu phải có một lực lượng sẵn sàng can thiệp khi xảy ra bất ngờ cũng có thể có trong chiến lược; như vậy cũng có thể có một lực lượng dự bị chiến lược, song chỉ đặt ở những nơi mà người ta có thể nghĩ đến các tình huống bất ngờ. Trong chiến thuật phần nhiều chỉ thấy được sự bố trí của địch bằng cách nhìn trực tiếp: một khu rừng, một thung lũng của vùng đồi núi có thể dùng để che giấu lực lượng được bố trí; vì vậy, dĩ nhiên phải luôn luôn hoặc ít hoặc nhiều

nghĩ đến những trường hợp bất ngờ, để tăng cường lực lượng ở những điểm hình như quá yếu và có thể tổ chức một cách tổng quát các lực lượng của ta cho tương xứng với các lực lượng của địch.

Những trường hợp tương tự cũng có thể xảy ra trong chiến lược, vì hành động chiến lược trực tiếp gắn liền với hành động chiến thuật. Trong chiến lược cũng vậy, nhiều biện pháp được đề ra do nhìn sự việc được trực tiếp, có nhiều tin tức không chắc chắn dồn dập đến từ ngày này sang ngày khác, giờ này sang giờ khác, và cuối cùng là do kết quả thực sự của giao chiến. Giành một số quân phù hợp với mức độ bấp bênh để sau này sử dụng, đó là một điều kiện cần thiết của bộ chỉ huy chiến lược.

Trong phòng ngự nói chung, nhất là trong phòng như một số vùng đất đai có chướng ngại như sông, núi, v.v; thì điều này thường xảy ra luôn, như người ta đã biết.

Nhưng hoạt động chiến lược càng xa hoạt động chiến thuật thì tính chất bấp bênh nói trên lại càng bớt đi để rồi mất hẳn trong những khu vực gần gũi với chính trị.

Hướng mà các đạo quân địch tiến vào trận đánh chỉ có thể biết được bằng cách nhìn trực tiếp: địa điểm quan địch vượt sông có thể biết được nhờ những sự bố trí ngay trước đó; còn quân địch sẽ xâm lược nước ta bằng phái nào thì các báo đã nói đến ngay từ trước khi nổ ra

một phát súng ngắn. Quy mô của công việc chuẩn bị càng lớn thì tính chất bất ngờ càng giảm bớt đi. Thời gian và không gian rất rộng rãi, các điều kiện từ đó sinh ra hành động rất vững chắc và rõ ràng, đến nỗi kết quả được biết rất đúng lúc hoặc rất dễ khám phá ra.

Một mặt khác, nếu như việc chuẩn bị càng có tính chất tổng quát thì việc sử dụng lực lượng dự bị (giả thiết rằng lực lượng dự bị ấy là có thật) trong môi trường này của chiến lược càng ít có hiệu quả.

Chúng ta đã thấy rằng: quyết định của một cuộc giao chiến cục bộ tự nó chẳng là cái gì cả, và mọi cuộc giao chiến cục bộ chỉ được giải quyết dứt

khoát trong quyết định của cuộc giao chiến toàn bộ.

Thế nhưng, cả quyết định của cuộc giao chiến toàn bộ nói trên cũng chỉ có một tầm quan trọng tương đối; tầm quan trọng này khác nhau rất nhiều về mức độ, tùy theo lực lượng bị đánh bại là một bộ phận lớn hay không lớn, quan trọng hay không quan trọng của toàn bộ. Một trận đánh thất bại của một đạo quân có thể được đền bù bằng sự thắng trận của toàn quân và cũng có khi sự thất bại của một đạo quân chẳng những được đền bù mà còn biến thành một sự kiện thắng lợi nhờ ở chiến thắng của một đạo quân lớn hơn (hai ngày chiến đấu ở Cun-mo^[37]). Đó là điều không thể nghi ngờ được, và cũng

rất hiển nhiên là bên phía thất bại càng có tầm quan trọng bao nhiêu thì trọng lượng của mỗi thắng lợi (kết quả thắng lợi của mỗi cuộc giao chiến toàn bộ) lại càng có tính chất độc lập bấy nhiêu, vì vậy khả năng bù đắp vào tổn thất bằng một sự kiện sau này càng bị giảm bớt đi bấy nhiêu. Chúng ta sẽ nghiên cứu vấn đề này kỹ càng hơn vào một lúc khác. Bây giờ, chúng ta hãy chỉ nhấn mạnh đến sự tồn tại của sự tiến triển không thể tránh được này.

Thêm vào hai nhận định trên, chúng tôi đưa ra nhận định thứ ba trong chiến thuật, việc sử dụng nối tiếp các lực lượng luôn luôn đặt quyết định chủ chốt vào cuối hành động tổng quát; trái lại, trong chiến lược, quy luật về sử dụng

đồng thời lại gần như bao giờ cũng làm cho quyết định chủ yếu (không nhất thiết quyết định này là quyết định cuối cùng) tham gia vào lúc khởi đầu của hành động lớn. Ba kết luận trên cho chúng tôi những lý do đầy đủ để nghĩ rằng mục đích càng *tổng quát* thì lực lượng dự bị chiến lược càng thừa, càng vô ích và nguy hiểm.

Ý niệm về dự bị chiến lược bắt đầu trở thành mâu thuẫn ở điểm nào? Không khó tìm lắm; nó nằm ở trong *quyết định chính*, tất cả mọi lực lượng đều phải góp sức vào quyết định chính, và dành lại mọi lực lượng dự bị (số quân còn có thể có) để sử dụng sau quyết định này là một sự phi lý.

Trong lúc các lực lượng dự bị chẳng

những cung cấp cho chiến thuật biện pháp đối với những sự bố trí bất ngờ của địch mà con bù đắp cho kết quả không thể dự kiến trước của giao chiến nếu kết quả đó xấu, thì chiến lược không thể dùng biện pháp trên, ít nhất là trong các vấn đề có liên quan đến quyết định lớn. Nói chung, chiến lược chỉ có thể chữa lại những tác hại đã xảy ra ở một điểm nào đó nhờ các thắng lợi đạt được ở các điểm khác và đôi lúc nhờ việc chuyển quân từ nơi này sang nơi khác, nhưng không bao giờ nó lại nên và có thể nghĩ trước đến việc tránh tác hại này bằng một lực lượng dự bị.

Chúng tôi đã nói rằng ý niệm về một lực lượng dự bị chiến lược vắng mặt trong hành động chính quả là một điều

phi lý, nó rõ ràng đến nỗi chúng tôi sẽ không phân tích vấn đề này như chúng tôi đã làm trong hai chương trên, nếu ý niệm này thường thường xuất hiện dưới sự bao che của những khái niệm khác làm cho nó có cái vẻ bề ngoài đúng đắn hơn. Người này thì cho đó là tinh túy của sự khôn ngoan và sự thận trọng có tính chất chiến lược, còn người thì bác bỏ tất cả ý đồ về lực lượng dự bị, nghĩa là bác bỏ cả dự bị chiến thuật. Những ý niệm lẫn lộn này đã đi vào đời sống thực tế. Thí dụ về nước Phổ là một chứng minh rạch ròi. Năm 1806, nước Phổ duy trì một lực lượng dự bị gồm 20.000 người đóng ở Bran-đơ-buốc, dưới quyền chỉ huy của hoàng thân Ô-gien-đờ-Uyêc-tăng-béc. Lực lượng dự bị này không hề đến sông

Xan kịp thời, trong lúc một đạo quân khác bao gồm 25.000 người cũng của cường quốc này (Phổ - N D) thì ở lại Đông Phổ và Nam Phổ; ý đồ của bộ chỉ huy là: chỉ sau này mới cần cho nó sẵn sàng chiến đấu để làm lực lượng dự bị.

Sau những thí dụ như thế, người ta sẽ không còn buộc tội được cho chúng tôi là đã làm một công việc gàn dở, vô ích nữa[\[38\]](#).

Chương 14

TIẾT KIỆM LỰC LƯỢNG

Như chúng tôi đã nói trên, ít khi con đường suy nghĩ lại bị các nguyên tắc và dư luận rút gọn vào đường thẳng liên tục đơn thuần toán học. Bao giờ cũng vẫn còn một khoảng trống^[39] nào đó. Phải chăng nghệ thuật thực tiễn nào của đời sống cũng là như vậy? Những đường nét của sắc đẹp trông biết đến tung độ, hoành độ; người ta không vạch đường tròn và đường en-líp bằng các công thức đại số. Con người hoạt động đôi khi phải tin vào sự nhạy cảm của mình; sự nhạy cảm này được xây dựng trên sự sáng suốt tự nhiên của bản thân và được sự suy nghĩ mài sắc thêm, có thể hầu như vô tình mà đạt

trúng đích; và đôi khi nó phải đơn giản hóa quy luật bằng cách rút gọn quy luật vào trong một vài điều chỉ dẫn rõ ràng tạo thành những quy tắc; đôi khi nó lại còn làm phải làm cho các quy tắc chỉ đạo của mình phù hợp với các phương pháp truyền thống.

Cần phải làm thế nào để tất cả các lực lượng phối hợp chặt chẽ với nhau, nói một cách khác không thể để một phần lực lượng nào đó không hoạt động: nguyên nhân này là một loại chỉ dẫn đơn giản hóa như chúng tôi đã nói ở trên, một loại phương pháp tính nhẩm. Ai giữ một phần số quân ở những nơi không cần thiết, ai để một phần quân đội của mình đi hành quân, nghĩa là giữ nó trong tình trạng của một trọng lượng chết, trong khi

lực lượng của đôi phương đã bước vào chiến đấu, tức là người ấy sử dụng lực lượng không tốt. Về mặt này, người ta có thể nói rằng: việc lãng phí lực lượng còn gây ra tác hại xấu hơn là việc sử dụng không đúng lúc. Trong lúc cần phải hành động thì điều kiện chủ yếu là tất cả các bộ phận đều phải lao vào hành động vì hành động (kể cả hành động không đúng thời cơ) giữ chân và phá hoại một phần lực lượng địch. Trái lại, nếu như các đơn vị quân đội chỉ nằm một chỗ thì ngay trong lúc đó đã tỏ ra là hoàn toàn vô tích sự. Ý kiến này rõ ràng gắn liền với các nguyên tắc của ba chương cuối; cũng là chân lý đó nhưng dựa trên một quan điểm rộng rãi hơn và tập trung vào một khái niệm duy nhất.

Chương 15

YẾU TỐ HÌNH HỌC

Yếu tố hình học (hay là hình thái trong đó các lực lượng quân sự được bố trí) sẽ có một quy mô lớn để trở thành một nguyên tắc chỉ đạo, điều đó biểu hiện rất rõ trong nghệ thuật trúc thành, trong đó cái gì cũng theo hình học, từ những việc lớn nhất cho đến những việc nhỏ nhất. Trong chiến thuật, hình học cũng giữ một vị trí rất rộng rãi. Nó là cơ sở của chiến thuật theo nghĩa hẹp nhất, tức là theo nghĩa: lý thuyết về các cuộc vận động quân đội. Trong các công trình trúc thành dã chiến và trong lý thuyết về các vị trí và tiến công vị trí, các góc và đường thẳng đã trở thành những nhà lập pháp toàn quyền, những trọng tài của

cuộc chiến đấu. Trong lĩnh vực này, nhiều điều bị áp dụng sai còn nhiều điều khác thì lại chỉ là trò trẻ con. Thế nhưng, chính trong chiến thuật hiện nay, lúc mà mỗi cuộc giao chiến đều có mục đích bao vây kẻ địch, yếu tố hình học lại có một tầm quan trọng hàng đầu, dưới một hình thức ứng dụng rất đơn giản nhưng lại được lặp lại luôn. Tuy nhiên, vì trong chiến thuật cái gì cũng linh động hơn, các lực lượng tinh thần, các cá tính và yếu tố ngẫu nhiên đều gây tác động nhiều hơn so với chiến tranh công thành nên yếu tố hình học không bao giờ đạt được mức độ ưu thế như trong công thành. Trong chiến lược, ảnh hưởng của nó lại càng ít hơn nữa. Dĩ nhiên, cách bố trí quân đội, hình thế các vùng và các quốc gia cũng có

tâm quan trọng lớn, nhưng ở đây yếu tố hình học không quyết định như trong nghệ thuật trúc thành và còn xa lắm mới quan trọng bằng trong chiến thuật. Ảnh hưởng của yếu tố này bộc lộ ra bằng cách nào? Điều này chỉ có thể chỉ ra dần dần, lúc nó xuất hiện và lúc người ta cần chú ý đến nó. Bây giờ, chúng tôi chỉ muốn lưu ý về sự khác nhau về mối liên quan đó giữa chiến thuật và chiến lược.

Trong chiến thật, thời gian và không gian mau chóng rút gọn vào trong cái tối thiểu tuyệt đối của chúng. Khi một đạo quân bị tiến công từ bên sườn và phía sau; nó nhanh chóng đi đến chỗ không còn rút lui được nữa; một tình hình như thế là rất gần với việc mất khả năng tuyệt đối để tiếp tục chiến đấu, nó buộc đạo

quân phải thoát bằng được ra khỏi hoàn cảnh đó hoặc tránh rơi vào tình trạng đó. Chính vì vậy, mọi cách bố trí nhằm đạt mục đích đó tất nhiên có một tầm quan trọng lớn, trước hết là do địch phải lo ngại đến hậu quả của các cách bố trí ấy. Điều đó giải thích tại sao sự bố trí hình học của bộ đội lại có một ảnh hưởng to lớn đến như thế đối với kết quả.

Tất cả những điều trên chỉ phản ánh một cách yếu ớt trong chiến lược: ở đây, thời gian và không gian có quy mô lớn hơn nhiều. Người ta không bắn súng từ chiến trường này sang chiến trường khác và mọi cuộc vu hồi chiến lược (contournement stratégique) trong kết hoạch thường phải qua nhiều tuần nhiều tháng mới trở thành hiện thực. Ngoài ra,

các khoảng cách đều rất lớn đến nỗi, dầu ta chuẩn bị tỉ mỉ như thế nào đi nữa, xác suất đánh đúng chỗ cũng vẫn rất thấp.

Trong chiến lược, giá trị của các kiểu biện pháp trên (nghĩa là yếu tố hình học của các cách bố trí) rất yếu, và chính vì vậy mà cái gì đã đạt được tạm thời ở một điểm nhất định lại càng có tầm quan trọng lớn hơn. Thuận lợi ấy có thì giờ để phát huy hiệu quả của nó trước khi bị ngăn trở, hoặc có thể bị phá hủy bởi những lo ngại ngược lại. Vì vậy chúng ta không hề ngần ngại để nhận định sự kiện sau đây như một chân lý không thể bác bỏ: trong chiến lược, số lượng và quy mô của các cuộc giao chiến thắng lợi quan trọng hơn nhiều so với hình thành của các tuyến lớn nối liền chúng với

nhau.

Ý kiến chiếm ưu thế trong học thuyết hiện đại đối lập hẳn với chúng tôi, vì người ta tưởng rằng có như thế mới coi chiến lược là quan trọng và có như thế chiến lược mới trở thành một chức năng cao cấp của trí tuệ; người ta tưởng có làm như thế chiến tranh mới trở thành cao quý hơn và, theo một kiểu hoán dịch ý kiến gần đây nhất, như thế mới là *khoa học hóa* chiến tranh. Chúng tôi nghĩ rằng một trong những nhiệm vụ chính của hệ thống học thuyết hoàn chỉnh là vạch trần loại sai lệch lớn này. Yếu tố hình học là ý niệm cơ bản từ đây chúng thường xuất hiện, cho nên chúng tôi chú ý nhấn mạnh đặc biệt đến điểm đó.

Chương 16

BÀN VỀ NHỮNG ĐỢT NGỪNG CHIẾN

Nếu người ta coi chiến tranh là một hành vi tiêu diệt lẫn nhau thì tất nhiên cần phải thấy rằng hai bên đều tiến lên một cách tổng quát: nhưng đối với mỗi khoảnh khắc nối tiếp thì lại phải đồng thời (điều này cũng là tất yếu) thấy rằng có một bên đang chần chừ và chỉ có bên kia là tiến lên vì không bao giờ tình trạng của cả hai bên lại hoàn toàn giống nhau, hay ít nhất nó sẽ không giống nhau. Dần dà, sẽ sinh ra một sự thay đổi, sau đó khoảnh khắc hiện tại sẽ thuận lợi cho một bên hơn là cho bên kia. Nếu ta giả thiết rằng cả hai vị tổng chỉ huy của cả hai bên

đầu hoàn toàn nắm được tình hình ấy, thì sự hiểu biết này sẽ là lý do hành động đối với một bên nhưng nó cũng lại là lý do chờ đợi đối với bên kia. Vì vậy, cả hai bên không thể cùng một lúc có chung một điểm lợi là tiến lên, và chờ đợi cũng không thể cùng có lợi cho cả hai bên. Sự loại trừ lẫn nhau trong cùng một mục tiêu ấy không phải rút ra từ nguyên tắc phân cực tổng quát của chúng tôi, và vì vậy không mâu thuẫn với điều khẳng định ở chương 5 của tập II^[40] nhưng nó lại được rút ra từ việc: cùng một sự kiện, đối với cả hai vị chỉ huy, thực tế đã trở thành lý do quyết định trong xác suất làm cho tình hình tốt hơn hoặc xấu hơn bởi hành động tương lai.

Ngay cả khi thừa nhận rằng có khả năng là tình hình của hai bên giống nhau hoàn toàn, rằng vì cả hai vị chỉ huy đều không biết đầy đủ về các tình huống qua lại giữa hai bên nên có ảo tưởng về sự giống nhau hoàn toàn này, thì khả năng ngừng chiến đấu cũng vẫn vì thủ tiêu vì mục tiêu chính trị khác nhau. Về mặt chính trị mà nói, một trong hai bên phải là kẻ xâm lược vì nếu cả hai bên đều có ý muốn phòng ngự thì không bao giờ xảy ra chiến tranh. Thế nhưng, bên xâm lược lại có mục đích tích cực còn bên phòng ngự thì lại chỉ có mục đích tiêu cực. Hành động tích cực mới đạt được mục đích tích cực. Trong trường hợp mà tình hình hoàn toàn như nhau đối với cả hai bên, mục đích tích cực thúc đẩy kẻ xâm

lược phải hành động.

Dưới góc độ ấy và nhìn thật gần, việc ngừng hành vi chiến tranh là mâu thuẫn với chính bản thân mình vì hai quân đội, như hai yếu tố không thể hòa hợp, phải tự cắn xé lẫn nhau không ngừng, như nước với lửa không bao giờ cân bằng nhau, cho đến khi một bên bị tiêu diệt hẳn. Người ta sẽ nói như thế nào về hai đồ vật ôm lấy nhau trong một thời gian dài mà không cử động gì cả? Vì vậy, hành vi chiến tranh như một bộ máy đồng hồ đã lên hết dây cót, phải tự làm cho sự chuyển động của mình tiếp tục vĩnh viễn. Thế nhưng, dầu bản chất của nó man rợ đến đâu, chiến tranh cũng phải mang dấu ấn của sự yếu hèn của con người, và sẽ không ai ngạc nhiên về mâu thuẫn mà

chúng ta thấy ở đây, tức là con người tìm kiếm và sáng tạo ra nguy hiểm đồng thời lại sợ nguy hiểm.

Nếu chúng ta nhìn qua lịch sử quân sự nói chung, chúng ta sẽ thấy rằng trong thực tế người ta không phải là tiến lên không ngừng đến mục đích, rằng sự *ngừng lại và không hoạt động* hiển nhiên là *trạng thái bình thường* của quân đội trong chiến tranh và hành động là một sự việc *hiếm có*. Chỉ một tý nữa thôi, bản thân chúng tôi cũng có thể nghi ngờ quan niệm của chúng tôi. Lịch sử quân sự kể lại rất nhiều sự kiện: điều này gây ra những nghi ngờ nói trên, nhưng chính một chuỗi sự kiện gần đây nhất lại tự nó xác minh quan niệm của chúng tôi. Nhưng cuộc chiến tranh của Cách mạng

Pháp đã minh họa điều này quá đầy đủ và chứng tỏ một cách rất rõ ràng rằng căn cứ vững chắc của nó. Chính trong các cuộc chiến tranh nói trên và trong các chiến dịch của Bô-na-pác, chiến tranh đã đạt tới mức độ ác liệt mà chúng tôi coi như quy luật tự nhiên và sơ đẳng của nó. Như vậy sự ác liệt này có khả năng xảy ra, và chính vì nó có khả năng xảy ra nên nó là tất yếu.

Thật vậy, với cách nhìn của lý trí thì làm sao giải thích được sự tiêu phí lớn lao của các lực lượng mà không thừa nhận rằng nó nhất thiết sẽ dẫn đến hành động! Người làm bánh mì đốt lò lên để nướng bánh, người ta chỉ buộc ngựa vào xe khi muốn lên đường. Trong chiến tranh, tại sao lại phải cố gắng lớn lao

như thế để rồi chỉ thu nhận được những cố gắng tương tự về phía địch?

Tất cả những điều trên nhằm để giải thích nguyên tắc chung trước khi nói đến những biến đổi của nguyên tắc ấy trong phạm vi có liên quan đến bản chất của sự vật chứ không phải đến những trường hợp cá biệt.

Người ta thấy ở đây ba nguyên nhân được xem như những trọng lượng cân bằng bên trong, có thể hãm sự chuyển động của bộ máy đồng hồ nhanh quá hoặc liên tục quá.

Nguyên nhân thứ nhất là nguyên nhân gây ra một thiên hướng nghỉ ngơi liên tục và vì vậy trở thành một yếu tố trì hoãn, đó là bản chất nhút nhát, sự ngập ngừng

của bộ óc con người - thứ trọng lượng tinh thần không phải từ lực hấp dẫn nhưng lại từ các lực đẩy ra mà có, nghĩa là từ sự sợ hãi nguy hiểm và trách nhiệm mà có.

Yếu tố chiến tranh là lửa, nghĩa là một yếu tố trong đó những bản chất bình thường trở thành nặng nề; sức thúc đẩy vì vậy phải mạnh hơn và nhiều hơn để sự chuyển động được liên tục. Những người lính được vũ trang để đánh một mục đích: ít khi họ chỉ nghĩ đến mục đích này mà chiến thắng được sức ỳ kể trên; nếu họ không được một tinh thần thượng võ và mạo hiểm chỉ đạo (tinh thần này vận động trong chiến tranh như cá ở trong nước) và nếu như họ không chịu sức ép của một trách nhiệm lớn từ trên đưa

xuống, thì việc ngừng chiến sẽ là quy luật còn sự tiến lên sẽ là ngoại lệ.

Nguyên nhân thứ hai là do sự hiểu biết và óc phán đoán của con người không được hoàn hảo, cái không hoàn hảo này càng lộ rõ trong chiến tranh hơn bất kỳ nơi nào khác vì người ta không biết được rõ tình hình chính xác của từng lúc, còn về tình hình địch thì chỉ đoán định được qua bức màn của một số dự đoán. Sau đó, cả hai bên thường thường đều cho rằng có một mục tiêu có lợi cho cả hai bên, nhưng trong thực tế, quyền lợi của bên này lại lấn hấn quyền lợi của bên kia. Cho nên mỗi bên đều có thể tin rằng việc đợi thời cơ tốt là khôn ngoan, như chúng tôi đã nói ở chương 5, tập

Nguyên nhân thứ ba giống như cái chốt hãm chặn đứng bánh xe của bộ máy đồng hồ và đôi khi dẫn đến ngừng hẳn hoàn toàn, đó là ưu thế lực lượng của bên phòng ngự. A có thể cảm thấy quá yếu nên không tiến công B, nhưng như thế không có nghĩa là B đủ mạnh để tiến công A. Lực lượng bổ sung của bên phòng ngự không chỉ mất đi khi chuyển qua tiến công, nhưng lại trở thành có lợi cho địch, cũng như theo nghĩa bóng, hiệu số giữa $a + b$ và $a - b$ bằng $2b$. Vì vậy có thể xảy ra tình trạng: cùng một lúc cả hai phe đều cảm thấy rằng nếu tiến công thì họ quá yếu (và trong thực tế cũng như vậy).

Để tự đề cao và để kìm hãm sự sôi sục sơ đẳng của chiến tranh, sự khôn ngoan, lo xa, sự sợ hãi thái quá trước nỗi nguy hiểm quá lớn đã tìm thấy bạn đồng minh tiện lợi ở chính ngay trong nghệ thuật chiến tranh.

Thế nhưng, những nguyên nhân trên không thể giải thích được những cuộc ngừng chiến dài ngày trong các cuộc chiến tranh thời xưa: không có nguyên nhân lớn nào quyết định các cuộc chiến tranh ấy, trong đó chín phần mười thời gian, quân đội sống trong nhàn rỗi. Nguyên nhân đầu tiên của hiện tượng này là ảnh hưởng của những đòi hỏi của một bên, tình hình và tính nết của phía bên kia tác động đến sự chỉ đạo chiến tranh như chúng tôi đã nói trong chương trình

bày về vấn đề: bản chất và đối tượng của chiến tranh.

Những sự việc trên có thể có ưu thế đến nỗi nó biến chiến tranh thành một thứ lai căng. Chiến tranh thường thường chỉ là một sự trung lập có vũ trang, hoặc là một thái độ đe dọa nhằm làm chỗ dựa cho các cuộc đàm phán, hoặc là một âm mưu vừa phải để đạt một thắng lợi nhỏ nào đó trong lúc chờ đợi kết quả, hoặc là một nghĩa vụ khó chịu đối với một kẻ đồng minh mà người ta giúp đỡ càng ít càng tốt.

Trong tất cả những trường hợp trên, sự thúc đẩy của quyền lợi thường rất nhẹ nhàng, hoặc nguyên tắc thù địch yếu, hoặc người ta không chủ tâm làm hại

nhiều đến kẻ địch và cũng không có gì phải sợ kẻ địch nhiều lắm; tóm lại, vì không có lý do mạnh mẽ thúc đẩy và kích thích nên các chính phủ mới từ chối không muốn liều lĩnh, và vì vậy mới có thứ chiến tranh hạn chế, trong đó hoàn toàn không có tinh thần phục thù của chiến tranh thực sự.

Chiến tranh càng trở thành chiến tranh nửa vờ, thì lý thuyết của nó lại càng mất cơ sở và mất những cột trụ cần thiết cho lý thuyết; yếu tố tất yếu càng bớt dần, tính bất thường ngày càng lớn thêm.

Tuy vậy, loại chiến tranh này cũng có lô-gích riêng của nó. Các kiểu cách bố trí của nó có thể có nhiều vẻ và rộng

rãi hơn trong loại chiến tranh kia. Cuộc đánh bạc để đạt từng chuỗi tiền vàng hình như đã trở thành một trò buôn bán lỗ lãi vài xu. Chính trong lĩnh vực này, chiến tranh diễn biến dưới những hình thái phụ thuộc^[42] như những trận đột kích vào các vị trí tiền tiêu nửa nghiêm túc, nửa khôi hài, hoặc những cuộc vận động dài dằng dặc không đạt được cái gì cả, như những cuộc đồn trú và hành quân mà sau đó người ta tuyên bố là rất thông thái vì lý do rất đơn giản là người ta đã mất hút nguyên nhân vô cùng nhỏ bé của nó, còn lương tri thông thường thì thấy nó là vô dụng: chính trong lĩnh vực này nhiều nhà lý thuyết của chiến tranh chính cống đã tìm thấy lập luận của mình^[43]. Đối với những nhà lý thuyết này thì

những sự giả vờ, những cuộc né tránh hoặc những cú đánh nửa vờ hoặc chưa được nửa vờ trong các cuộc chiến tranh cũ là mục đích của mọi lý thuyết, là ưu thế của tinh thần đối với vật chất; đối với ưu thế này thì các cuộc chiến tranh gần đây, theo họ, là những sự đụng đầu thô bạo không đem lại bài học nào và cũng theo họ thì đó chỉ là quay trở lại thời man rợ. Ý kiến này cũng như đối tượng của nó đều rất vụn vặt. Không có những nghị lực lớn, những say mê lớn thì sự sáng suốt phát triển dễ dàng hơn. Nhưng việc sử dụng những lực lượng lớn, việc lái con tàu qua gió cả sóng cao không phải là hoạt động cao cấp của tinh thần hay sao? Cái thứ đấu gươm kia há không phải đã được bao gồm trong việc chỉ đạo

các loại chiến tranh trên ở tầm cao hay sao? Việc chỉ đạo chiến tranh phải chăng cũng như bản thân sự chuyển động của con tàu? Bởi vì loại chiến tranh cấp thấp này chỉ có thể tồn tại được với điều kiện mặc nhiên là kẻ địch cũng chấp nhận nó. Và làm sao mà biết được rằng kẻ địch sẽ giữ lời cam kết trong bao lâu? Phải chăng Cách mạng Pháp đã đến tiến công vào chúng ta giữa lúc chúng ta đang sống trong cảnh an toàn giả tạo của hệ thống lỗi thời của chúng ta, rồi lại đánh đuổi chúng ta từ Sa-lông^[44] đến Mát-xcơ-va? Phải chăng Phrê-đê-rích Đại đế cũng đã đánh bất ngờ như vậy vào người Áo: ngài đã làm rung chuyển nền quân chủ Áo lúc bọn họ đang yên nghỉ trên truyền thống quân sự cũ kỹ của họ? Tai hại thay

cho những Bộ (trong chính phủ - ND) dám lấy một thứ chính trị nửa vời và một thứ hệ thống quân sự nửa vời để đương đầu với một kẻ địch mạnh như vũ bão, chỉ biết lấy sức mạnh của bản thân mình làm quy luật! Một lầm lỗi nhỏ trong hoạt động hoặc trong cố gắng cũng đủ làm cho cán cân nghiêng về phía có lợi cho địch.

Chuyên thái độ của người đấu gươm sang thái độ của người lực sĩ quả không phải là chuyện dễ, và một sự đụng chạm nhẹ cũng đủ làm đổ vỡ tan tành tất cả.

Từ tất cả những nguyên nhân mà chúng tôi vừa nói, ta có thể thấy rằng: hành vi chiến tranh trong một chiến dịch không diễn ra như một sự chuyển động liên tục, nhưng lại tiến lên bằng nhảy vọt,

giữa những hành động đồ máu khác nhau có nhiều khoảng thời gian dùng để quan sát, trong đó hai bên đều ở vào thế phòng ngự, cũng như một mục tiêu cao cấp bất một trong hai phía phải theo nguyên tắc tiến công và phải có một thái độ chung nhằm mục đích tiến lên, do đó cách hoạt động của bên tiến công phải thay đổi ít nhiều.

Chương 17

TÍNH CHẤT CỦA CHIẾN TRANH HIỆN ĐẠI^[45]

Cần phải chú ý rằng tính chất của chiến tranh hiện đại có một ảnh hưởng lớn trên nhiều mặt, nhất là đối với mặt chiến lược. Cũng như trong khi vận hội và tính táo bạo của Bô-na-pác đã làm đảo lộn các phương pháp cũ có tính chất công thức, trong khi những quốc gia hạng nhất đều bị tiêu diệt cùng một lúc thì người Tây Ban Nha, nhờ cuộc chiến đấu quyết liệt của họ, cũng đã chỉ rõ rằng: vũ trang toàn thể dân tộc và những biện pháp nổi dậy trên một quy mô lớn có thể có hiệu quả, mặc dầu trong chi tiết vẫn có chỗ yếu ớt và mơ hồ. Cũng tương tự

như trên, nước Nga nhờ chiến dịch năm 1812, đã dạy cho chúng ta rằng: trước hết, một đế quốc rộng lớn không thể nào bị chinh phục được (đáng lẽ người ta đã biết trước điều này), rằng khả năng thắng lợi cuối cùng không phải khi nào cũng giảm bớt đi lúc ta bị thua nhiều trận, lúc ta bị mất thủ đô và nhiều tỉnh (cho đến lúc bấy giờ, đây vẫn là một nguyên tắc bất di bất dịch đối với tất cả các nhà ngoại giao và thúc đẩy họ chấp nhận ngay lập tức một thứ hòa bình không tốt và tạm thời nào đó^[46]). Trái lại, nước Nga đã chứng minh rằng: một dân tộc thường mạnh nhất ở giữa lòng đất nước của mình khi sức mạnh tiến công của địch đã mòn mỏi, rằng: chính lúc này bên phòng ngự lại có thể tung ra một lực

lượng tiền công lớn đến chừng nào. Hơn nữa, nước Phổ (1813) đã chứng minh rằng những cố gắng đột xuất có thể tăng lực lượng một quân đội lên gấp sáu lần nhờ có dân binh và đạo dân binh này có thể sử dụng được cả ở ngoài nước lẫn trong nước. Cuối cùng, tất cả những sự kiện này đã chỉ rõ: trong tích số các lực lượng của một Quốc gia, của chiến tranh và chiến đấu, trái tim và tình cảm của một dân tộc có thể trở thành một nhân tố rộng lớn đến chừng nào, rằng bây giờ các chính phủ đã biết được những biện pháp bổ sung đó thì đừng nên tưởng rằng họ sẽ xếp chúng vào một xó, không dùng đến chúng trong chiến tranh tương lai, nếu tai họa đe dọa sự tồn tại của họ hoặc lòng tham vọng nóng bỏng lôi kéo họ.

Rất dễ hiểu rằng: một cuộc chiến tranh có sức mạnh của toàn thể dân tộc phải được chỉ đạo theo những nguyên tắc khác với những cuộc chiến tranh trong đó tất cả đều tính toán theo những mối quan hệ qua lại giữa các quân đội thường trực. Mới đây, các quân đội thường trực còn giống như hạm đội, và các lực lượng lục quân còn giống như các lực lượng hải quân trong những mối quan hệ của chúng với bộ phận còn lại của Quốc gia. Nghệ thuật chiến tranh trên đất liền có một cái gì giống như chiến thuật hải quân. Hiện nay thì nó mất hẳn sự giống nhau này đi rồi.

Chương 18

CĂNG THẲNG VÀ NGHỈ NGƠI

(Quy luật của động lực chiến tranh)

Chúng ta đã thấy ở chương 16 của tập này rằng: trong phần lớn các chiến dịch, thời gian tạm hoãn và nghỉ ngơi dài hơn thời gian hành động. Hiện nay, như chúng tôi đã nói trong chương trước, nhiều cuộc chiến tranh có một tính chất khác hẳn; tuy vậy, giữa các hoạt động thực sự vẫn có những cuộc nghỉ ngơi dài hoặc ngắn, do đó chúng ta phải nghiên cứu kỹ hơn hai thái độ này.

Khi hành vi chiến tranh ngừng lại, nghĩa là không bên nào có ý muốn tích cực, thì có nghỉ ngơi, nghĩa là có tình trạng cân bằng (tuy theo nghĩa rất rộng)

bao gồm không những các lực lượng chiến đấu vật chất và tinh thần mà còn cả toàn bộ tình hình và quyền lợi nữa. Khi một trong hai bên lại muốn có một mục đích tích cực và bắt đầu hoạt động để đạt mục đích ấy, đầu chỉ là những công việc chuẩn bị đơn giản, và khi phía bên kia bắt đầu đối phó lại, thì có tình hình căng thẳng giữa các lực lượng; sự căng thẳng này sẽ kéo dài cho đến khi có một quyết định, nghĩa là cho đến khi một bên từ bỏ mục đích của mình hoặc là bên kia chịu nhượng bộ.

Kết quả của các cuộc giao chiến đối với cả hai bên là nguyên nhân của quyết định ấy, và theo sau quyết định khi nào cũng có một cuộc vận động theo hướng này hoặc hướng khác.

Khi cuộc vận động này bị mòn mỏi đi do gặp những khó khăn cần phải khắc phục, kể cả sự cọ xát trong bản thân mình, hoặc do có những trọng lượng cân bằng khác, thì sinh ra một cuộc vận động mới; phần nhiều là theo hướng ngược lại.

Sự phân biệt có tính cách lý luận đó giữ cân bằng, căng thẳng và vận động có một tầm quan trọng chủ yếu đối với hành động thực tiễn hơn là người ta tưởng lúc mới nhìn qua.

Trong tình trạng nghỉ ngơi và cân bằng, có thể vẫn tồn tại rất nhiều hoạt động, nhất là những hoạt động có nguyên nhân tạm thời và không nhằm mục đích thay đổi lớn. Loại hoạt động này có thể bao gồm những cuộc giao chiến quan

trọng, kể cả những chiến dịch chủ yếu, nhưng bản chất của nó vẫn thuộc một phạm trù khác và vì vậy, hiệu quả cũng thuộc một phạm trù khác.

Khi có căng thẳng thì quyết định bao giờ cũng có hiệu quả hơn một phần, vì ở đây ý chí mạnh mẽ hơn, áp lực của tình hình cũng nặng hơn, một phần vì ở đây tất cả đều chuẩn bị và hướng về một cuộc vận động lớn. Quyết định lúc bấy giờ giống như hiệu quả của một quả mìn chôn sâu và nhồi đầy thuốc, còn một sự kiện khác tuy bản thân nó cũng quan trọng nhưng xảy đến trong giai đoạn nghỉ ngơi thì lại ít nhiều giống như một liều thuốc súng tự do nổ ngoài trời.

Dĩ nhiên, cần phải thấy tình trạng

căng thẳng như một tình trạng khác nhau về cường độ; nó có thể nhích từng bước tới gần tình trạng nghỉ ngơi đến nỗi cuối cùng nó không khác tình trạng nghỉ ngơi là mấy.

Bài học chủ yếu mà chúng ta rút ra được từ những suy nghĩ trên là: các biện pháp chủ trương lúc căng thẳng là quan trọng hơn, có hiệu quả hơn lúc có tình trạng cân bằng, và tầm quan trọng này vô cùng lớn hơn khi tình hình căng thẳng lên đến tột độ.

Trận bắn pháo Van-my^[47] có tính chất quyết định hơn là chiến dịch Hốc-kiéc^[48].

Trong một vùng địch đã bỏ đi vì

không giữ được, chúng ta có thể đến đồn trú một cách khác hơn là lúc quân địch rút lui chỉ nhằm để đạt một quyết định tốt hơn trong những điều kiện thuận lợi hơn. Khi một cuộc tiến công chiến lược đang được thực hiện, một vị trí xấu, hoặc chỉ một cuộc hành quân lầm lỗi cũng có thể có những kết quả quyết định, còn lúc ở tình trạng cân bằng thì những lầm lỗi này phải quá lộ liễu mới gây ra một vài hoạt động về phía địch.

Như chúng tôi đã nói trên, phần lớn các cuộc chiến tranh đã qua đều ở trong tình trạng cân bằng ấy hay ít nhất cũng ở trong tình trạng căng thẳng rất nhẹ nhàng, rất xa xôi, có ảnh hưởng yếu ớt đến nỗi các sự kiện xảy ra ít khi gây nên những hậu quả nghiêm trọng: có khi đó là một

cuộc thao diễn nhân dịp một lễ kỷ niệm nhà vua (Hốc-kiếc), có khi đó chỉ là một cử chỉ đơn thuần để thỏa mãn danh dự nhà binh (Cu-ne-xđoóc^[49]) hoặc để thỏa mãn tính khoe khoang của vị chỉ huy (Phrê-be^[50]).

Theo ý chúng tôi, điều chủ yếu là người chỉ huy phải nắm được tình trạng đó, phải có đủ nhạy cảm để hành động cho phù hợp, và chiến dịch 1806 đã dạy cho chúng ta rằng: có lúc chúng ta đã thiếu đức tính ấy biết chừng nào. Giữa lúc xảy ra tình hình căng thẳng ghê gớm, giữa lúc tất cả đang tập trung để đi đến quyết định cuối cùng, đáng lẽ quyết định này với tất cả những hậu quả của nó phải là nỗi lo lắng duy nhất của người chỉ huy,

thì người ta lại đề nghị và bắt đầu áp dụng một số biện pháp (như việc đi thám sát về phía Phran-cô-ni). Trong thời kỳ cân bằng, các biện pháp này chỉ là một trò đùa qua lại vô ích.

Qua tất cả những cách nhìn và những biện pháp mơ hồ thu hút mọi hoạt động của quân đội kẻ trên, những biện pháp độc nhất có thể cứu vãn quân đội đều đã bị bỏ rơi.

Sự phân biệt có tính chất lý thuyết mà chúng tôi vừa chú ý lại càng rất cần thiết cho lý thuyết tiến lên, vì những điều chúng tôi cần nói về mối quan hệ giữa tiến công và phòng ngự và về sự thực hiện hành vi hai mặt này có liên quan chặt chẽ đến tình trạng khủng hoảng của

các lực lượng trong thời kỳ căng thẳng và vận động, và vì mọi hoạt động xảy ra trong thời kỳ cân bằng chỉ được xem xét và nghiên cứu như một hệ quả. Vì cuộc khủng hoảng này mới là chiến tranh thực sự, còn tình trạng cân bằng kể trên chỉ là phản ánh mà thôi.

Chú thích:

[1] Có lẽ ở chương 1, tập I. Vì bố cục cuốn sách về sau thay đổi luôn cho nên những chỗ Clau-dơ-vít dẫn các chương mục khác thường không chính xác -B.T.

[2] La-xi (Lacy): bá tước, thống chế Áo (1725 - 1801).

[3] Thực ra là ở chương 2, tập I - B.T.

[4] Lê-nin trích cả đoạn này, gạch dưới dòng thứ ba và thứ tư (*ban biên tập bản tiếng Nga*)

[5] Văng-đê-ăng (Vendéens): nông dân vùng Văng-dê nổi loạn chống cách

mạng tư sản Pháp (do bọn Anh và bọn bảo hoàng xúi giục)

[6] Ô-gien (Eu gène) (1663 - 1736): hoàng thân, nhà quân sự có tài của Áo.

[7] Mác-bô-rao (Marlborough): tướng Anh.

[8] Câu này muốn nói: có tên mà không có thực thì không làm nên trò trống gì cả - N.D.

[9] Ma-xê-đô-niêng (Macédoniens): người xứ Ma-xê-đoan; dưới thời A-léc-xan, xứ này đô hộ H Lạp. Hiện nay một vùng của Hy Lạp, của Nam Tư và Bun-ga-ri - N.D.

[\[10\]](#) A-lêch-xan Phác-ne (Alexandre Farnèse) (1545 - 1592): nhà quân sự thiên tài của Tây Ban Nha, kẻ thù số một của vua Pháp thời bấy giờ. Cai trị Pê-i Ba - N.D.

[\[11\]](#) Trong sách không có chương riêng này - B.T.

[\[12\]](#) Lê-nin trích câu này, ghi bên lề bằng tiếng Nga “tính thận trọng và sự hèn nhát” (*ban biên tập bản tiếng Nga*)

[\[13\]](#) Bản tiếng Pháp: đó là một sự phình to quá tươi tốt, chứng tỏ đất đai rất màu mỡ.

[\[14\]](#) Gia-nít-xe (Janissaires): lính bộ binh của vua Thổ Nhĩ Kỳ - N.D.

[\[15\]](#) Ma-rát (les Mahrattes): một dân tộc rất thiện chiến ở Ấn Độ - N.D.

[\[16\]](#) Ma-ra-tông (Marathon): một làng của Hy Lạp cổ, nổi tiếng vì ở đây đã diễn ra trận chiến thắng của Hy Lạp đối với Ba Tư năm 490 trước Công Nguyên - N.D.

[\[17\]](#) Rốt-bắc (Rossbach): làng của tỉnh Xắc ở Đức - N.D.

[\[18\]](#) Nác-va (Narva): Cửa biển gần vịnh Phần Lan, nay thuộc về Extô-ni (Liên Xô). Ở đây, năm 1706, vua Thụy Điển Sác-lơ XII đã bị vua Nga Pi-e Đại đế đánh bại - ND.

[\[19\]](#) Dre-xden (Dresden): thành phố Đức.

[\[20\]](#) Tem-pen-hốp (Georg Friedrich Von Tempelhoff): tướng Phổ (1737-1807), người dịch và viết tiếp bộ Lịch sử cuộc Chiến tranh bảy năm ở Đức, mà Lôi (Lloyd) sơ thảo.

[\[21\]](#) Mét-xen-bắc (Christian Karl Von Massenbach): đại tá Phổ (1738 - 1827), tác giả nhiều quyển sách nói về chiến tranh chống cách mạng Pháp và Bô-na-pác.

[\[22\]](#) Vốt (Vosges): dãy núi ở vùng đông - bắc nước Pháp, giáp giới nước Đức.

[\[23\]](#) Về vấn đề này, chúng tôi nghĩ nhiều đến Tem-pen-hốp và Mông-ta-lăm-be; người thứ nhất, trong một đoạn của

phần đầu cuốn sách của ông ta; người thứ hai, trong những bức thư về kế hoạch tác chiến của người Nga năm 1759 (chú thích của Clau-dơ-vít). Mông-ta-lăm-be (Marc René): hầu tước Mông-ta-lăm-be (1714 - 1800), tướng và kỹ sư, tác phẩm chính: Pháo đài thẳng góc (1776 - 1778).

[\[24\]](#) Mông-mia-ray (Montmirail): thị trấn nhỏ ở Pháp - ND.

[\[25\]](#) Mông-tơ-rô (Montereau): thị trấn nhỏ ở Pháp - ND.

[\[26\]](#) Bản tiếng Pháp viết: pivot essentiel de la guerre, tức là trục chủ yếu của chiến tranh.

[\[27\]](#) Lô-đông: Gideon, Ernest von Laudon (1717 - 1790), thống chế Áo.

[\[28\]](#) Tempelhoff - Der Veteran Friedrich der Grosse (chú thích của Clau-dơ-vít).

[\[29\]](#) Bô-den (Bautzen) và La-xi (Lacy): hai thành phố Đức - ND.

[\[30\]](#) Trong bản tiếng Pháp, người dịch dùng chữ intermède, tức trò giải trí, kịch nhỏ giữa hai màn kịch của một tối biểu diễn sân khấu - ND.

[\[31\]](#) Gơ-lát (Glatz): thành phố Phổ cũ ở Xi-lê-di - ND.

[\[32\]](#) Cử tri (électeur): những hoàng thân có quyền bầu hoàng đế Đức xưa. Cử tri Lớn là hoàng thân cai trị vùng Bran-đơ-buốc - ND.

[\[33\]](#) Phran-cô-ni (Franconie): một vùng của nước Đức - ND.

[\[34\]](#) Po-mê-ra-ni (Poméranie): một tỉnh của Ba Lan - ND.

[\[35\]](#) Prê-gen (Prézel): sông của nước Phổ cũ - ND.

[\[36\]](#) Trong tác phẩm của Clau-dơ-vít không có một chương riêng nào như vậy - BT.

[\[37\]](#) Cun-mơ (Kulm): một địa phương thuộc nước Tiệp Khắc, nơi xảy ra trận đánh ngày 17 và 18 tháng 8 năm 1813. Sau khi đánh tan quân đội đồng minh ở Đre-xđen, Na-pô-lê-ông phái quân đoàn của tướng Văng-đam đến Cun-mơ (trên đường từ Đre-xđen về Pra-ha)

để cắt đường rút lui của quân đồng minh. Tiếp đó, Na-pô-lê-ông hầu như không bám sát truy kích, nên quân đồng minh mang toàn bộ lực lượng tiến công quân đoàn Văng-đam, bắt được toàn bộ pháo binh, 12.000 tù binh trong đó có cả Văng-đam. Như vậy là đối với đồng minh, trận thua ở Dre-xden đã chuyển thành thắng lợi (chú thích của ban biên tập bản tiếng Nga).

[\[38\]](#) Theo bản tiếng Pháp: ... on ne nous accusera pas de nous être battus contre des moulins à vent. Dịch sát nghĩa là: ... người ta sẽ không còn buộc tội chúng tôi là đã chiến đấu chống những cái cối xay gió nữa - N.D.

[\[39\]](#) Khoảng trống: bản dịch tiếng

Pháp dùng chữ “marge” tức là khoảng lề trắng, phần nhiều ở phía bên trái tờ giấy viết - N.D.

[40] Thật ra ở chương 1, tập I (*ban biên tập tiếng Nga*).

[41] Thật ra ở chương 1, tập I (*ban biên tập bản tiếng Nga*)

[42] Bản tiếng Pháp dùng chữ fioriture. Dịch sát nghĩa là: những hình trang trí phụ thuộc. Ở đây, tác giả muốn nói chiến tranh không ác liệt, không diễn biến dưới những hình thái phụ thuộc - N.D.

[43] Bản tiếng Pháp viết: c'est dans ce domaine là que certains théoriciens trouvent leur pâture. Dịch sát nghĩa là:

chính trong phạm vi đó, một số nhà lý thuyết tìm thấy thức ăn của mình. Ý tác giả muốn nói: các nhà lý thuyết lấy tư liệu, thu thập ý kiến từ những cuộc chiến tranh cũ để xây dựng lý thuyết của mình chứ không dám đi sâu vào các cuộc chiến tranh gần đó - N.D.

[\[44\]](#) Sa-lông (Châlons) thành phố Pháp.

[\[45\]](#) Clau-dơ-vít phân tích vấn đề này kỹ hơn ở chương 3, tập VIII (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[\[46\]](#) Ý tác giả muốn nói: trong các cuộc chiến tranh thời bấy giờ, người ta vẫn cho rằng: trong chiến tranh, một nước đã bị thua nhiều hoặc bị mất thủ đô

và nhiều tỉnh thì không thể nào thắng được đối phương nữa N.D.

[\[47\]](#) Van-my (Valmy): tên một làng Pháp. Năm 1792, quân đội cách mạng Pháp đánh bại quân can thiệp Phổ ở đây.

[\[48\]](#) Hốc-kiéc (Hochkirch): làng xứ Xắc (Đức). Ở đây, thống chế Dao nước Áo đã đánh bại Phrê-đê-rích II.

[\[49\]](#) Cu-ne-xdoóc (Kunersdorf): làng của Phổ. Ở đây, năm 1759, quân đội Áo - Nga đánh bại quân của Phrê-đê-rích II.

[\[50\]](#) Phrê-be (Freiberg): thành phố Đức.

TẬP IV

GIAO CHIẾN

Chương 1

KHÁI QUÁT

Sau khi đã nghiên cứu trong tập trước các vấn đề mà ta có thể coi như những yếu tố cơ bản của chiến tranh, bây giờ chúng ta đề cập tới vấn đề giao chiến, một hoạt động thực sự chiến tranh bao trùm hoàn toàn mục tiêu của chiến tranh bằng kết quả vật chất và tinh thần, lúc thì rất giản đơn, lúc lại quá phức tạp. Những yếu tố ấy sẽ luôn luôn xuất hiện trở lại trong hoạt động này cũng như trong ảnh hưởng của nó.

Cơ cấu của giao chiến thuộc về chiến thuật, ở đây chúng ta cần nhìn qua để có một ý niệm bao quát. Trong thực tiễn, những mục tiêu trước mắt nhất sẽ

làm cho mỗi cuộc giao chiến có một hình thái riêng biệt. Sau này chúng ta sẽ nghiên cứu thêm. Những hình thái độc đáo ấy phần nhiều không có nghĩa lý gì đối với những tính chất chung của một cuộc giao chiến, đến nỗi phần lớn những tính chất chung ấy lại tương tự như nhau. Để thỉnh thoảng khỏi phải nhắc lại những khái niệm chung ấy. Chúng ta cần nghiên cứu tìm hiểu chúng trước khi đi vào ứng dụng trong thực tế.

Chương sau, chúng tôi sẽ đứng về phương diện diễn biến chiến thuật để nói một vài lời về những đặc điểm của chiến tranh hiện đại, vì vấn đề này là cơ sở cho nhận thức của chúng tôi về giao chiến.

Chương 2

TÍNH CHẤT CỦA TÁC CHIẾN

HIỆN ĐẠI

Qua chiến thuật và chiến lược, chúng ta đã nhận thức được rằng mọi biến đổi xảy ra trong bản chất của chiến thuật nhất định, sẽ tác động vào chiến lược. Nếu trong trường hợp nào đó những hiện tượng chiến thuật có tính chất hoàn toàn khác với các trường hợp khác thì sự tình cũng sẽ xảy ra như thế trong các hiện tượng chiến lược, nếu không chúng sẽ không hợp lý và không có hệ thống. Cần thử phác ra hình thái hiện nay của trận đánh chủ yếu trước khi làm quen với việc sử dụng nó trong chiến lược.

Ngày nay, trong một trận đánh lớn,

vấn đề gì sẽ xảy ra? Người ta bố trí thành những khối lớn, khối này cạnh khối kia, và khối này sau khối khác. Người ta chỉ triển khai một phần tương đối nhỏ so với toàn thể, và bất bộ phận này chịu đựng hàng giờ dưới lửa đạn liên tục tuy vẫn có những cuộc xáo động nhỏ do các nhịp xung kích, do kỵ binh xung phong hoặc giáp lá cà làm đứt quãng hoặc làm di chuyển đi đôi chút. Tới khi bộ phận ấy đã bị tiêu hao, tinh thần chiến đấu giảm sút và chỉ còn là những đám tàn binh^[1], người ta rút chúng ra khỏi trận địa và thay thế bằng những bộ phận khác.

Trận đánh cứ tiêu hao dần đi như vậy theo một nhịp độ đều đều như thuốc súng bị ẩm cho tới lúc màn đêm buộc

mọi người ngừng tay, lúc ấy chẳng còn ai nom thấy gì và lại cũng chẳng còn ai muốn phỏ mình cho may rủi. Mỗi bên đều tiến hành thống kê số quân còn khả năng chiến đấu, nghĩa là những bộ phận còn chưa bị hoàn toàn tan nát như những núi lửa bị tắt vì đá lở lấp kín miệng. Người ta tính toán lại bộ phận đất đai đã chiếm được hoặc đã mất đi và sự an toàn của hậu phương, rồi sau đó cộng những số liệu ấy với hiện trạng về lòng dũng cảm và sự hèn nhát, về sự sáng suốt hoặc ngu ngốc mà người ta phát hiện được ở phía mình hoặc ở phía địch, tóm tắt lại trong một cảm tưởng bao quát: từ đó sẽ rút ra quyết tâm phải rút khỏi chiến trường hoặc sẽ lại tiếp tục giao chiến vào ngày hôm sau.

Diễn tả như vừa nói, không mong vẽ được một bức tranh hoàn hảo về một trận đánh hiện đại mà chỉ để trình bày mấy nét chung, phù hợp cả cho phòng ngự và tiến công; người ta có thể đưa thêm vào đó những nét đặc thù của mục tiêu theo đuổi, do đặc điểm địa phương, v.v. mà không làm cho những nét đó bị ảnh hưởng.

Không phải tình cờ mà chiến đấu hiện đại có sắc thái ấy. Chúng có sắc thái ấy là do các bộ phận đối mặt đã đạt đến trình độ tổ chức quân sự và nghệ thuật chiến tranh gần như nhau, và vì bạo lực chiến tranh được những lợi ích to lớn của các quốc gia đảm bảo đã phá vỡ những bức rào nhân tạo để đi theo con đường phát triển tự nhiên của nó. Với hai

điều kiện đó, những trận đánh sẽ mãi mãi giữ tính chất ấy.

Sau này, nhận thức chung đó về chiến tranh hiện đại sẽ giúp chúng ta rất nhiều khi cần xác định giá trị những hệ số khác nhau về lực lượng, đất đai, v.v.

Sự diễn đạt của chúng tôi chỉ nhằm vào những trận giao chiến lớn có tính chất chung và quyết định, cũng như những cái gì có liên quan tới nó; những trận giao chiến nhỏ cũng đã thay đổi tính chất theo cùng chiều hướng, song không thay đổi nhiều như những trận lớn; chúng ta sẽ còn có dịp làm sáng tỏ một vài khía cạnh của vấn đề này.

Chương 3

BÀN VỀ GIAO CHIẾN NÓI CHUNG

Giao chiến là hoạt động chiến tranh đích thực, mọi hoạt động khác chỉ là đề hỗ trợ. Vì vậy chúng ta hãy nghiên cứu kỹ hơn bản chất của giao chiến.

Giao chiến nghĩa là chiến đấu, và mục tiêu thực thụ của chiến đấu là tiêu diệt hoặc đánh bại đối phương; thông thường trong mỗi cuộc giao chiến riêng biệt, đối phương là lực lượng quân sự đối địch với ta.

Đây chỉ là khái niệm đơn thuần. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này; vì vậy không thể không đề cập tới một loạt các khái niệm khác.

Nếu chúng ta hình dung mỗi quốc gia và lực lượng quân sự của nó như một đơn vị thì tự nhiên ta hình dung chiến tranh như một cuộc giao tranh lớn duy nhất; trong những điều kiện sinh hoạt sơ đẳng của các dân tộc dã man, sự việc đã diễn biến gần như thế. Nhưng những cuộc chiến tranh của chúng ta lại là một chuỗi những cuộc giao chiến lớn và nhỏ, đồng thời hoặc kế tiếp nhau và sự phân tán hoạt động trong những hành động đặc biệt như thế phải dựa vào những tình huống rất khác nhau do chiến tranh đưa đến.

Thật vậy, mục tiêu cuối cùng của mọi cuộc chiến tranh, tức là bản thân mục tiêu chính trị, không bao giờ hoàn toàn giản đơn và nếu như có giản đơn đi

nữa thì nó cũng dính dáng đến một số điều kiện và lý do, nhiều đến nỗi chúng ta sẽ không đạt được mục tiêu nếu chỉ có một hành động ở quy mô rộng lớn mà không sử dụng nhiều hành động có tầm quan trọng khác nhau, những hành động ấy gộp thành một tổng thể. Mỗi hành động riêng biệt ấy phải là một phần của cái toàn thể và đều có những mục tiêu riêng biệt nhưng có liên quan tới cái toàn thể ấy.

Chúng tôi đã nói rằng mọi hành động chiến lược đều không có gì hơn là việc sử dụng lực lượng quân sự với ý niệm giao chiến và ý niệm giao chiến này lại phải căn cứ vào lực lượng quân sự. Trong lĩnh vực chiến lược, mọi hành động chiến tranh có thể rút gọn vào đơn

vị, tức là giao chiến tay đôi, vì vậy chúng ta chỉ cần chú ý tới mục tiêu của loại giao chiến này mà thôi.

Chúng ta chỉ dần dần biết được những mục tiêu riêng biệt ấy khi chúng ta đề cập tới những nguyên nhân của chúng. Chúng ta hãy chú ý là mỗi cuộc giao chiến, nhỏ hoặc lớn, đều có mục tiêu riêng của nó, mục tiêu ấy có liên quan tới mục tiêu chung. Nếu quả đúng như thế thì việc tiêu diệt và việc khuất phục đối phương phải được coi là những biện pháp để đạt những mục tiêu ấy. Lẽ đương nhiên là phải như vậy.

Nhưng kết luận này chỉ đúng trong cách lập luận lô-gích này mà thôi và chỉ có ý nghĩa trong mối quan hệ tổng quát

thâu tóm mọi khái niệm chặt chẽ và chúng ta phân tích nó chính là để có thể loại trừ nó.

Khuất phục đối phương là thế nào? Đó chỉ là sự tiêu diệt lực lượng quân sự của họ hoặc bằng thương vong hoặc bằng bất cứ biện pháp nào khác, việc tiêu diệt phải hoàn toàn hoặc đủ làm cho đối phương không thể tiếp tục chiến đấu được nữa. Trừ trường hợp cuộc giao chiến có một mục tiêu riêng biệt, ta có thể coi việc tiêu diệt hoàn toàn hoặc chỉ một bộ phận của đối phương như là mục đích duy nhất của mọi cuộc giao chiến.

Nhưng chúng tôi cho rằng: trong phần lớn các trường hợp, và nhất là trong những cuộc giao chiến quan trọng, mục

tiêu riêng (nhờ đó cuộc giao chiến ấy có một tính chất đặc biệt có liên quan tới cái toàn thể) chỉ là một sự thay đổi nhỏ của mục tiêu chung, hoặc là một mục tiêu thứ yếu có liên quan tới mục tiêu chung, nhưng dù tầm quan trọng có đủ khiến cho cuộc giao chiến có một tính chất đặc biệt thì cũng vô nghĩa so với mục tiêu chung, đến nỗi dù có đạt mục tiêu phụ này, nhiệm vụ của nó cũng chỉ mới hoàn thành một cách không đầy đủ. Nếu nhận định này đúng, ta thấy ý kiến cho rằng “tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù chỉ là biện pháp, còn mục đích luôn luôn là ở chỗ khác kia”, rõ ràng chỉ đứng về hình thức; ý kiến ấy sẽ dẫn đến những kết luận sai lầm nếu người ta quên rằng việc tiêu diệt các lực lượng thù địch nói trên

chính là mục đích, và mục đích này chỉ còn là một sự thay đổi nhỏ của mục đích kia.

Trong thời gian trước các cuộc chiến tranh của thời-đại gần đây, sự lãng quên này đã gây ra nhiều nhận định hoàn toàn sai lầm, thậm chí có những khuynh hướng và những bộ phận của hệ thống (nghệ thuật quân sự - ND) trong đó lý thuyết tưởng như có thể tự bốc lên cao hơn hoạt động thực tế nên đã không quan tâm tới việc trang bị cho mình một công cụ riêng, tức là vấn đề tiêu diệt những lực lượng vũ trang của kẻ thù.

Một hệ thống (nghệ thuật quân sự - ND) như vậy tất nhiên cũng không thể hình thành được nếu nó không dựa vào

những giả thuyết sai lầm khác và nêu việc tiêu diệt những lực lượng thù địch không được thay thế bằng những việc khác: người ta đã gán cho chúng một tầm quan trọng mà chúng không có. Chúng tôi sẽ đấu tranh với những giả thuyết trên mỗi khi có điều kiện, nhưng chúng tôi không thể phân tích vấn đề giao chiến mà không nhấn mạnh vào tầm quan trọng và giá trị thực của nó hoặc không nhắc nhở người đọc đề phòng những sai lầm do một sự thật hoàn toàn hình thức đưa đến.

Nhưng làm thế nào để chứng minh rằng, trong phần lớn trường hợp và trong những trường hợp quan trọng nhất, việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang thù địch là vấn đề chính? Làm thế nào để bác bỏ được ý kiến vô cùng tế nhị cho rằng nhờ

một phương pháp đặc biệt khôn khéo có thể gián tiếp đạt được một cuộc phá hoại lớn bằng một cuộc phá hoại nhỏ và trực tiếp, hoặc cũng có thể làm cho các lực lượng địch bị tê liệt, ý chí của địch bị lung lay bằng những cuộc tiến công nhỏ đặc biệt thông minh, đến nỗi có thể cho rằng phương sách ấy sẽ rút ngắn đoạn đường phải đi rất nhiều.

Cố nhiên mỗi cuộc giao chiến có thể có tầm quan trọng ở chỗ này lớn hơn ở chỗ khác, có một phương sách khôn khéo để phối hợp các cuộc giao chiến lại, ngay cả trong chiến lược, và chiến lược tất nhiên cũng chỉ là như vậy. Chúng tôi không muốn chối cãi điều đó nhưng chúng tôi khẳng định rằng: bất cứ ở đâu, việc tiêu diệt trực tiếp mọi lực lượng

quân sự của kẻ thù cũng là yếu tố chủ yếu. Chúng tôi chỉ muốn làm nổi bật tầm quan trọng chủ yếu của nguyên tắc tiêu diệt ấy, chứ không phải là muốn cái gì khác.

Tuy vậy, cần phải nhớ rằng chúng ta đang nói tới chiến lược chứ không phải chiến thuật, rằng chúng ta không nói tới những phương tiện chiến thuật được sử dụng để tiêu diệt một lực lượng lớn của quân địch một cách ít tốn kém. Lúc nói tiêu diệt trực tiếp, chúng tôi muốn nói đến những thắng lợi chiến thuật và vì vậy điều khẳng định của chúng tôi có nghĩa là: chỉ những thắng lợi chiến thuật to lớn mới có thể đưa đến những thắng lợi chiến lược to lớn; hoặc, để nhắc lại điều chúng tôi đã từng nói một cách rõ ràng

hơn, là: những thắng lợi chiến thuật có ý nghĩa hàng đầu trong chiến tranh.

Tìm bằng chứng cho những nhận định trên không phải là khó lắm; bằng chứng ấy nằm ngay ở trong thời gian mà mọi cuộc phối hợp phức tạp đòi hỏi. Có thể khẳng định một cách không ngần ngại rằng: nếu kẻ thù hoàn toàn bị động thì một cuộc tiến công phức hợp, tài trí có hiệu quả hơn là một cuộc tiến công đơn giản. Nhưng mọi cuộc tiến công phức hợp lại đòi hỏi nhiều thời gian hơn: chúng ta phải chủ động về vấn đề này (vấn đề thời gian - ND) để khi địch phản công bộ phận không thể làm tổn hại đến toàn thể trong lúc ta đang chuẩn bị cho kết quả mong muốn. Song le, nếu đối phương định tiến hành một cuộc tiến

công đơn giản không cần nhiều thời gian, họ sẽ tiến nhanh hơn chúng ta và sẽ làm đảo lộn các kế hoạch của chúng ta. Khi nghiên cứu giá trị của một cuộc tiến công phức hợp, cần phải thấy rằng khi chuẩn bị có thể sẽ gặp nhiều nguy hiểm và chỉ được vận dụng kiểu tiến công ấy với điều kiện là địch không thể làm đảo lộn kế hoạch bằng một cuộc tiến công nhanh chóng hơn ta. Mỗi khi nguy cơ này xuất hiện, cần phải tự mình chọn một kế hoạch nhanh nhất và rút ngắn thời gian tới mức độ cần thiết; mức độ ấy sẽ do tính chất và tình hình quân thù quyết định. Nếu ta gạt sang một bên cái cảm tưởng mơ hồ do những nhận thức trừu tượng đẻ ra để đứng hẳn vào cuộc sống thực tiễn, chúng ta thấy rằng một đối phương kiên quyết,

dũng cảm và nhanh nhẹn sẽ không bao giờ cho chúng ta có thời gian tiến hành những cuộc phối hợp khéo léo, dài hơi, và lý luận chúng ta nghiên cứu chính là để đối phó với loại kẻ thù ấy; như thế cũng đã đủ để chúng ta chọn những thắng lợi đơn giản và tức thời hơn là những kết quả phức tạp.

Như vậy, chúng tôi cho rằng một cuộc tiến công đơn giản nhất không phải là một cuộc tiến công tốt nhất, và ta không nên nhằm vào cái gì quá khả năng của mình, rằng việc vận dụng nguyên tắc này bao giờ cũng dẫn tới cuộc chiến đấu trực tiếp tùy theo địch thủ có tinh thần chiến đấu cao hơn hay không. Vì vậy không nên tìm cách vượt đối phương bằng những kế hoạch rắc rối mà trái lại

bao giờ cũng phải tìm cách đi trước họ theo chiều ngược lại.

Nếu chúng ta xét các cơ sở cuối cùng của những mâu thuẫn nói trên, ta sẽ thấy chúng tồn tại ở người này trong trí tuệ, ở người kia trong dũng khí. Đương nhiên, quả là thích thú khi nghĩ rằng một dũng khí vừa phải cộng với một trí tuệ tuyệt vời sẽ cho phép ta đạt hiệu quả cao hơn là một trí tuệ vừa phải kết hợp với một dũng khí tuyệt vời. Nhưng, trừ phi ta lý giải những yếu tố ấy một cách mất cân đối không lô-gích, ta không có quyền công nhận cho trí tuệ có một ưu thế như vậy so với dũng khí trong một lĩnh vực đã được mệnh danh là sự nguy hiểm, lĩnh vực tuyệt vời của dũng khí.

Sau những nhận xét trừu tượng này, chúng tôi chỉ còn cần nói thêm rằng kinh nghiệm đã không dẫn ta đến những kết luận khác, trái lại, chính kinh nghiệm đã thúc đẩy chúng tôi sử dụng đường lối trên, chính kinh nghiệm đã chỉ rõ cho chúng tôi những nhận định trên.

Bất cứ ai không có định kiến khi đề cập tới lịch sử cũng sẽ không thể không thừa nhận rằng: trong bất kỳ thời đại nào, đạo đức quân sự, *ngệ lực chỉ đạo chiến tranh* bao giờ cũng đưa quang vinh và thắng lợi đến cho võ nghiệp nhiều nhất.

Sau này, chúng tôi sẽ giải thích phương pháp vận dụng nguyên tắc: tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch không những là vấn đề chính của toàn bộ

cuộc chiến tranh mà còn là vấn đề chính của cả mỗi cuộc giao chiến riêng biệt.

Chúng tôi cũng sẽ nói về phương pháp vận dụng vào những hình thái và điều kiện khác nhau của tình hình chiến tranh. Trước mắt, chúng ta chỉ cần nhấn mạnh tầm quan trọng phổ biến của nguyên tắc nói trên. Vấn đề này nói xong, chúng ta hãy trở lại vấn đề giao chiến.

Chương 4

BÀN VỀ GIAO CHIẾN NÓI CHUNG (Tiếp)

Trong chương trước, chúng tôi đã nói nhiều về vấn đề tiêu diệt đối phương phải là mục đích của giao chiến, và chúng tôi đã cố gắng chứng minh bằng một cuộc khảo sát đặc biệt là: điều đó đã được xác minh trong phần lớn các trường hợp và trong những cuộc giao chiến có qui mô nào đó, bởi vì việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của đối phương bao giờ cũng là yếu tố chủ yếu trong chiến tranh. Trong chương sau, chúng tôi sẽ xác định tính chất của những mục đích khác, những mục đích này có thể hòa lẫn trong việc tiêu diệt lực lượng địch, có

khi có thể giữ vai trò chủ yếu, và chúng ta sẽ dần dần đi sâu tìm hiểu chúng nhiều hơn. Trước mắt, chúng ta sẽ tách hoàn toàn giao chiến ra khỏi những mục đích ấy và coi việc tiêu diệt đối phương như một mục đích hoàn bị của các cuộc giao chiến riêng biệt.

Phải quan niệm việc tiêu diệt lực lượng vũ trang của địch như thế nào? Tỷ lệ lực lượng địch bị tiêu hao phải cao hơn tỷ lệ tiêu hao của ta. Nếu chúng ta có một ưu thế lớn về số quân, nếu về mặt tuyệt đối, hai bên chịu tổn thất ngang nhau thì tỷ lệ tổn thất của ta sẽ nhỏ hơn của địch. Vì ở đây chúng ta chỉ nghiên cứu giao chiến đơn thuần và gạt bỏ ra ngoài mọi mục đích của giao chiến nên cũng phải gạt bỏ luôn cả trường hợp

trong đó giao chiến chỉ được sử dụng một cách gián tiếp để tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch nhiều hơn. Bởi vậy, chỉ riêng các khoản lãi trực tiếp thu được trong quá trình tiêu diệt lẫn nhau mới được coi như mục đích vì đó là một món lãi tuyệt đối; nó được rải ra trong suốt thời gian chiến dịch, và chỉ kết toán lúc kết thúc chiến dịch bằng một khoản thực lãi. Mọi loại chiến thắng khác sẽ được giải thích bởi những mục đích khác mà chúng tôi không đề cập ở đây, hoặc sẽ chỉ đưa tới một thắng lợi tương đối và tạm thời. Dẫn chứng dưới đây sẽ giải thích ý nghĩ của chúng tôi.

Khi ta dồn đối phương vào một tình thế khó khăn bằng một sự bố trí khéo léo, đến nỗi nguy hiểm sẽ đến với họ nếu họ

cứ tiếp tục theo đuổi cuộc giao chiến và rốt cuộc cũng phải rút lui sau vài đợt chống cự, chúng ta có thể nói là chúng ta đã thắng đối phương ở điểm đó. Nhưng nếu cuộc giao chiến ấy làm cho ta cũng bị tiêu hao lực lượng như đối phương thì chiến thắng trên chẳng còn ý nghĩa gì nữa - nếu có thể gọi đó là chiến thắng. Bản thân việc khuất phục đối phương nghĩa là dồn đối phương vào tình thế buộc phải từ bỏ cuộc giao chiến (nghĩa là rút lui - ND) không có một tầm quan trọng nào cả và vì vậy không thể nằm trong định nghĩa của mục đích. Như vậy chỉ còn, như chúng tôi đã nói: cái kết quả trước mắt vừa thu được trong quá trình diễn biến của việc tiêu diệt địch. Nó không chỉ đơn thuần bao gồm những tổn thất trong khi

giao chiến mà còn bao gồm cả những tổn thất sau khi bên thua trận rút lui: những tổn thất này là hậu quả trực tiếp của cuộc rút lui.

Nhưng kinh nghiệm cho thấy rằng: trong cả quá trình giao chiến, tổn thất của bên thắng và bên bại không chênh lệch nhau lắm. Thường thường không có sự chênh lệch và đôi khi lại chênh lệch ngược chiều. Về phía người bại trận, chỉ có tổn thất quyết định vào lúc bắt đầu rút lui và vì vậy, người thắng trận không bao giờ lại chịu tổn thất như họ. Kỵ binh tiêu diệt nốt tàn quân của các tiểu đoàn đã bị lung lay, binh lính mệt mỏi quá sức tan tác trên chiến trường, pháo và đạn phải bỏ lại, nhiều thứ khác không thể kéo đi được và bị kỵ binh chiếm đoạt; một vài

toán quân lạc trong đêm tối bị tước vũ khí và rơi vào tay quân thù. Thường thường là như vậy: chiến thắng chỉ trở thành thực tế sau khi nó đã được quyết định. Điều này rất trái lẽ nếu nó không được giải thích theo kiểu sau đây.

Trong quá trình giao chiến, không phải chỉ duy nhất có lực lượng vũ trang của cả hai bên là bị mất mát mà lực lượng tinh thần cũng bị lay chuyển, bẻ gãy và phá hủy. Khi xét đến vấn đề có nên tiếp tục giao chiến hay không thì không phải chỉ đơn thuần xét đến những tổn thất về người, về đại bác mà phải chú ý tới sự thiếu trật tự, thiếu dũng khí, thiếu tin tưởng, thiếu đoàn kết và thiếu tổ chức. Lực lượng tinh thần phải được đề cập đến trước tiên, và trong trường hợp

mà kẻ thắng cũng như kẻ bại đều bị tổn thất như nhau thì chính lực lượng tinh thần là cái quyết định^[2].

Dù thế nào đi nữa, về mặt tổn thất vật chất, tỷ lệ so sánh cũng rất khó đánh giá trong quá trình giao chiến, nhưng về mặt tổn thất tinh thần thì không phải như thế. Đó là do hai vấn đề. Trước hết là do bị mất khoảng đất xảy ra cuộc chiến đấu, sau nữa là do ưu thế về lực lượng dự bị của đối phương. Lực lượng dự bị của chúng ta càng giảm so với lực lượng của đối phương thì chúng ta càng phải tiêu hao lực lượng để duy trì thế thăng bằng; thử riêng điều đó cũng chứng minh ưu thế tinh thần của đối phương và không thể không gây ra một vài điều buồn phiền và

ngán ngấm cho người chỉ huy đối với đơn vị mình. Nhưng vấn đề chính là những đơn vị đã tác chiến liên tục thì ít nhiều đều bị xộc xệch; những bộ phận đó không còn đủ súng đạn; lực lượng vật chất và tinh thần đã bị tiêu hao và ngay cả dũng khí cũng đã bị bẻ gãy. Không kể đến việc giảm sút về số quân, một bộ đội như vậy không còn là một tổng thể hữu cơ như trước lúc giao chiến; và điều đó giải thích vì sao việc tiêu hao lực lượng tinh thần lại cũng có thể tính toán được như đo bằng thước - nếu đem so với lực lượng dự bị bị tiêu hao.

Mất đất và thiếu lực lượng dự bị nguyên vẹn thường là hai lý do chính của việc rút lui, tất nhiên ta không loại trừ hoặc đánh giá thấp những lý do khác có

thể nằm trong sự phối hợp chuệch choạc giữa các bộ phận trong kế hoạch chung, v.v.

Như vậy mỗi cuộc giao chiến là một cuộc đấu tranh đẫm máu, phá hoại cả lực lượng vật chất lẫn tinh thần. Cuối cùng, ai còn nhiều lực lượng vật chất và tinh thần hơn là người ấy thắng.

Trong giao chiến, tổn thất lực lượng tinh thần là nguyên nhân quyết định chủ yếu; sau điểm quyết định, những tổn thất này vẫn tiếp tục tăng lên và chỉ đi tới điểm cao nhất khi hoạt động này hoàn toàn kết thúc. Như vậy, qua việc phá hoại các lực lượng vật chất, những tổn thất tinh thần trở thành phương tiện để tiêu diệt lực lượng kẻ thù nhiều hơn: đó

là mục đích thực sự của giao chiến.

Rối trật tự và không thống nhất cũng thường làm cho việc chống đỡ của cá nhân trở nên có hại; dũng khí của toàn thể bị sụp đổ, sự kích thích ban đầu của thắng lợi và tổn thất từng làm tạm quên mọi nguy hiểm, giờ đã biến mất và, đối với số đông, mọi nguy hiểm xuất hiện: nó không còn là một lời kêu gọi lòng dũng cảm nữa mà đã trở thành một hình phạt thảm khốc. Các công cụ đã bị yếu và bị cùn đi ngay từ phút đầu, lúc đối phương chiến thắng không còn đủ sức đương đầu với nguy hiểm nữa.

Kẻ chiến thắng phải lợi dụng khoảnh khắc này để lấy lãi thực sự: phá hoại lực lượng vật chất của địch; đối với kẻ chiến

thắng chỉ có món lợi này mới thực sự là của mình. Nhưng rồi, lực lượng tinh thần của đối phương cuối cùng cũng sẽ được củng cố; trật tự dần dà rồi cũng sẽ được ổn định, dũng khí sẽ được hâm nóng và trong phần lớn trường hợp chỉ còn lại một phần rất nhỏ của ưu thế đoạt được, nhiều khi chẳng còn gì, và trong vài trường hợp hiếm có, chí phục thù và hành động cừ địch mãnh liệt hơn lại có thể gây ảnh hưởng ngược lại. Trái lại, nếu ta đã làm cho địch bị giết, bị thương, bị bắt làm tù binh, bị mất pháo nhiều hơn ta thì tất cả những điều lợi ấy không còn có thể xóa bỏ đi được nữa.

Những tổn thất xảy ra ngay trong trận đánh là số thương vong, còn tổn thất xảy ra sau trận đánh là đại bác và tù binh.

Tồn thất thuộc loại thứ nhất ít nhiều đều là tồn thất chung đối với cả kẻ chiến thắng lẫn kẻ chiến bại; tồn thất thuộc loại sau lại không phải như vậy; người ta có thể nói rằng loại này thường chỉ xảy ra ở một trong hai phía hoặc ít ra, nặng hơn rất nhiều ở một phía.

Vì vậy đại bác và tù binh bao giờ cũng là những chiến lợi phẩm thực sự của thắng lợi; và từ đây người ta biết được mức độ của chiến thắng vì chính những thứ đó là sự biểu thị hùng hồn nhất của thắng lợi. Chúng cho phép ta đánh giá đúng đắn nhất mức độ của ưu thế tinh thần, nhất là so với số lượng thương vong: đây lại là một yếu tố nữa của sức mạnh tinh thần.

Chúng tôi đã nói rằng: trong giao chiến, những tổn thất tinh thần cũng như những hậu quả đầu tiên của chúng sẽ được phục hồi dần dần và thường không còn để lại vết tích; đối với những bộ phận nhỏ của toàn bộ thì thường được phục hồi như thế, nhưng đối với những bộ phận lớn hơn thì sự phục hồi sẽ khó khăn hơn nhiều. Quân đội có thể được phục hồi như thế, nhưng các quốc gia và chính phủ thì ít khi hoặc không bao giờ phục hồi như thế. Vì ở đây, người ta nhận định tình hình vô tư hơn, với một quan điểm cao hơn, và số lượng chiến lợi phẩm bị quân thù chiếm đoạt, mối tương quan của chúng với số lượng thương vong đã là một chỉ số quá rõ rệt về những yếu kém và bất lực của chúng ta.

Nói chung, không nên lấy có là sự thắng bằng không có giá trị tuyệt đối và không phải khi nào nó cũng xuất hiện trong tổng số thắng lợi để đánh giá quá thấp sự mất thắng bằng của những lực lượng tinh thần. Trái lại, nó có thể có một tầm quan trọng ghê gớm đến nỗi có thể lật nhào tất thảy với một sức mạnh không gì chống đỡ nổi. Vì vậy nó thường có thể trở thành động cơ của một hoạt động, chúng tôi sẽ nói rõ thêm ở một chỗ khác. Chúng ta còn phải có thêm vài nhận xét chung về vấn đề này.

Ảnh hưởng tinh thần của một trận thắng không phải chỉ tăng lên tương xứng với quy mô của các lực lượng vũ trang mà còn hơn nữa, vì nó phát triển không phải chỉ về bề rộng mà còn cả về cường

độ. Trong một sư đoàn thua trận, trật tự được nhanh chóng phục hồi. Hệt như cánh tay bị tê cóng được sức nóng của cơ thể sưởi ấm, dũng khí của một sư đoàn thua trận sẽ được phục hồi dễ dàng nhờ dũng khí của quân đội nếu được cùng nhau đoàn tụ. Ảnh hưởng của một cuộc chiến thắng nhỏ không phải biến mất hoàn toàn, tuy đã mất một phần đối với đối phương. Nhưng điều đó không xảy ra như thế khi toàn thể quân đội cũng bị suy sụp trong một chiến dịch thất bại; tất cả đều đồng thời sụp đổ. Độ nóng của một đám cháy lớn khác hẳn với độ nóng của nhiều lò lửa nhỏ.

Một mối tương quan khác quyết định sức nặng tinh thần của thắng lợi, đó là mối tương quan của các lực lượng vũ

trang đang đương đầu với nhau. Một số nhiều người bị một số ít người đánh thua chạy không đơn thuần là một kết quả gấp đôi, mà còn chứng tỏ một ưu thế có tính chất phổ biến làm cho kẻ bại trận luôn luôn kiêng nể khiếp sợ. Trên thực tế, ảnh hưởng này tuy vậy vẫn rất khó thấy khi nó xảy ra. Trong quá trình hoạt động, người ta có một ý niệm rất không rõ rệt về sức mạnh thực sự của đối phương và thường lại có một ý niệm rất sai về thực lực của chính mình, nên người mạnh hơn thường hoàn toàn khước từ không công nhận sự không cân xứng hoặc ít ra cũng không công nhận nó như thực tế; và vì vậy họ thường tránh được các tổn thất tinh thần lẽ ra dành cho họ. Chỉ sau này, trong lịch sử, sức mạnh ấy mới bị bật ra

khỏi bóng tối mà trước kia sự u mê, tính
kiêu căng, có thể có cả sự tính toán được
dự kiến trước đã ghìm nó lại. Lúc ấy sức
mạnh đó sẽ làm cho quân đội và người
đứng đầu của họ vinh quang thêm nhưng
sức nặng tinh thần của nó đã chẳng làm
thay đổi mấy may những biến cố của quá
khứ.

Chính vì việc bắt tù binh, thu đại
bác là yếu tố chủ yếu để cụ thể hóa thắng
lợi và làm cho thắng lợi có kết tinh lại
nên nó sẽ quyết định kế hoạch giao
chiến. Ở đây, việc tiêu diệt đối phương
bằng thương vong chỉ còn là một biện
pháp đơn thuần.

Vấn đề trên có ảnh hưởng như thế
nào đối với việc bố trí giao chiến? Câu

hỏi này không có quan hệ gì với chiến lược; nhưng bản thân việc bố trí cuộc giao chiến có liên quan chặt chẽ với chiến lược, không phải chỉ ở chỗ để bảo vệ hậu phương của chúng ta và đe dọa hậu phương của quân thù. Số lượng tù binh và đại bác chiếm được phụ thuộc phần lớn vào vấn đề này, trong một vài trường hợp đã vượt quá vấn đề chiến thuật, nhất là khi những tình huống chiến lược có vẻ quá bất lợi đối với chiến thuật. Nỗi khó khăn khi phải đồng thời giao chiến ở cả hai phía, mỗi nguy hiểm lại trầm trọng hơn khi thấy đường rút lui bị cắt đứt: đó là những điều làm tê liệt mọi hoạt động và ảnh hưởng tới sự thành bại. Hơn nữa, nếu bị thất bại, tổn thất sẽ tăng lên và thường tăng lên tới cực điểm,

tức là tới chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn. Việc uy hiếp hậu phương sẽ làm cho thất bại trở thành dễ dàng và có tính chất quyết định hơn.

Đó là điều làm nảy sinh ra một bản năng thực sự về những cái gì có liên quan đến việc chỉ đạo chiến tranh, nhất là trong những cuộc giao chiến lớn và nhỏ, thí dụ như: việc bảo vệ đường rút lui của ta và việc chặn đường rút của quân địch. Bản năng đó sinh ra từ nhận thức về chiến thắng, và như chúng ta đã thấy, không phải tương đương với một cuộc giết chóc giản đơn. Như vậy sự cố gắng này làm rõ thêm mục tiêu thứ nhất, có tính chất phổ biến, của chiến đấu. Không thể mừng tượng được một cuộc giao chiến mà sự cố gắng ấy, dưới

phương diện kép hoặc giản đơn của nó, lại không cùng đi với việc sử dụng bạo lực sơ đẳng. Một đơn vị nhỏ nhất cũng phải chú ý để không lao vào đánh kẻ địch mà không nghĩ đến đường rút lui và trong phần lớn các trường hợp lại còn tìm cách buộc địch phải rút lui.

E rằng chúng ta sẽ đi lạc quá xa vấn đề nếu chúng ta cứ muốn chứng minh rằng, trong những trường hợp phức tạp, bản năng trên bị ngăn chặn đến mức độ nào, và nó phải lần tránh trước những khó khăn do những nhận định cao hơn đem lại. Hãy tạm xác nhận rằng đây là một quy luật tất nhiên về tổng quát của giao chiến.

Điều đó ảnh hưởng vào khắp nơi

bằng cả sức nặng tự nhiên của mình và đương nhiên trở thành trụ cột của hầu hết mọi cuộc điều động chiến thuật và chiến lược.

Chúng ta hãy tạm dừng một lát ở ý niệm chiến thắng nói chung; chúng ta thấy ở đó ba yếu tố:

1. Quân thù đã chịu những tổn thất vật chất lớn hơn.

2. Quân thù đã chịu những tổn thất tinh thần lớn hơn.

3. Quân thù công khai công nhận điều ấy và từ bỏ mọi ý đồ của chúng.

Ở bên này cũng như ở bên kia, những báo cáo về con số thương vong không bao giờ chính xác, rất ít trung

thực, và thường là bị cố ý cắt xén. Con số chiến lợi phẩm cũng vậy, ít khi đúng sự thực và nếu con số ấy không quá lớn, nó cũng có thể khuấy lên những ngờ vực đối với thắng lợi. Không một cái gì có thể đo được những tổn thất tinh thần, trừ chiến lợi phẩm. Trong nhiều trường hợp, việc bỏ cuộc chiến đấu là một tiêu chuẩn thực sự và duy nhất để xác nhận chiến thắng. Việc bỏ mất quân kỳ là một lời thú tội và qua trường hợp đặc biệt ấy, người ta thừa nhận quyền hành và ưu thế của đối phương; cái yếu tố nhục nhã và đáng hổ thẹn ấy, là một nét đặc trưng chủ yếu của chiến thắng^[3], khác với mọi ảnh hưởng tinh thần do sự đảo lộn thắng bằng đưa lại.

Chỉ riêng có một mình nó gây tiếng vang trong dư luận công chúng ngoài quân đội, trong nhân dân và chính phủ của hai quốc gia đối địch, và trong tất cả những nước tham chiến khác.

Nhưng từ bỏ ý định của mình không hoàn toàn giống việc từ bỏ chiến trường, ngay cả khi cuộc chiến đấu đã kéo dài và ác liệt. Chẳng ai lại có thể quy kết một vị trí tiền tiêu về tội từ bỏ nhiệm vụ nếu họ rút khỏi vị trí, sau khi đã chống cự dữ dội. Ngay cả đối với những cuộc giao chiến nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang của kẻ thù, việc rời khỏi chiến trường không phải bao giờ cũng là dấu hiệu của một sự từ bỏ nhiệm vụ như vậy; thí dụ: trong trường hợp những cuộc rút lui đã được dự kiến trước, nhưng trong chiến

đầu vẫn phải giành giật nhau từng tấc đất. Tất cả những cái đó là bộ phận những mục tiêu riêng biệt của giao chiến. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn mọi người chú ý là việc từ bỏ ý đồ hâu như bao giờ cũng khó phân biệt được với việc từ bỏ chiến trường, và ta không nên đánh giá thấp ấn tượng do việc từ bỏ này gây ra ở trong và ngoài quân đội.

Đối với những vị tướng và những quân đội mà danh tiếng chưa được củng cố vững vàng thì đây là một khía cạnh đặc biệt khó xử của một phương pháp lệ thuộc vào những tình huống khách quan và do đây một loạt những cuộc giao chiến phải kết thúc bằng rút lui có thể bị coi như những cuộc bại trận, tuy thực tế lại hoàn toàn không phải như vậy; nhưng

cái vẻ bề ngoài đó có thể có những ảnh hưởng tai hại. Kẻ nào chịu bỏ trận địa sẽ rơi vào tình trạng không thể ngăn chặn được ấn tượng tinh thần bằng cách nói rõ ý đồ thật của mình, vì muốn cho lời giải thích này có hiệu lực, thì họ cần phải nói hết mọi kế hoạch: hiển nhiên đó là điều trái với quyền lợi cơ bản của mình.

Muốn chứng minh thêm tầm quan trọng của quan niệm trên về thắng lợi, chúng ta chỉ cần nêu dẫn chứng bằng trận chiến đấu ở Xo-rơ: trong trận này, chiến quả thật không đáng kể (vài nghìn tù binh, 20 đại bác) và Phrê-đê-rích Đại đế khẳng định thắng lợi của mình bằng cách ở lại chiến trường thêm 5 ngày nữa, tuy việc rút quân về hướng Xi-lê-di đã được quyết định và tình hình lúc đó buộc phải

như thế. Và như ngài đã nói, ngài tin tưởng rằng sức nặng tinh thần của thắng lợi ấy sẽ làm cho chiến tranh kết thúc nhanh hơn. Tuy vẫn còn cần phải đạt thêm vài chiến thắng nữa trước khi đạt được hòa bình - đó là những chiến thắng mà ngài đoạt được trong những trận giao chiến ở Ka-ten-lít-sơ Hen-néc-xđoóc, ở Luy-dát và trong trận Két-xen-đoóc - người ta vẫn nhầm lẫn hoàn toàn nếu cho rằng ảnh hưởng tinh thần của trận Xo-rơ là không đáng kể.

Nếu chỉ có lực lượng tinh thần mới bị chiến thắng làm cho nghiêng ngả và nếu chiến lợi phẩm đã đạt tới những quy mô kinh khủng thì cuộc giao chiến không thành công chuyển thành thất bại, và như vậy sự thất bại không phải là ngược lại

với bất kỳ một chiến thắng nào. Rõ ràng sau trận thất bại như vậy, lực lượng tinh thần của kẻ bại trận bị sa sút nhiều hơn và thường đưa đến tình trạng sức đề kháng bị tê liệt hoàn toàn và về mặt hoạt động thì chỉ còn vẩn đề lẫn tránh những cuộc va chạm, nghĩa là chỉ còn lẫn trốn.

Trận I-ê-na và trận Oa-téc-lô là những trận thất bại nhưng trận Bô-rô-đi-nô lại không phải như thế. Nếu sự việc chỉ khác nhau ở mức độ thì ta không thể nào vạch đường ranh giới cho rõ ràng được. Tuy vậy, việc giữ vững nhận thức là cần thiết để làm sáng tỏ những ý niệm lý thuyết của chúng tôi, và nếu chỉ có mỗi một danh từ để chỉ sự thất bại hoàn toàn của quân địch cũng như để chỉ thắng lợi khi chúng bị thất bại, thì chúng tôi xin

chịu trách nhiệm về cái vốn từ ngữ không đầy đủ của mình.

Chương 5

Ý NGHĨA CỦA GIAO CHIẾN

Trong chương trước, chúng ta đã nghiên cứu giao chiến dưới dạng tuyệt đối, có thể coi đó là tóm tắt toàn bộ vấn đề chiến tranh; bây giờ chúng ta nghiên cứu nó dưới dạng một bộ phận của tổng thể. Trước hết là phải tự hỏi: ý nghĩa chính xác của một cuộc giao chiến phải như thế nào?

Nếu chiến tranh chỉ là hành động tiêu diệt lẫn nhau thì ý kiến phù hợp nhất với lý thuyết và cũng có thể phù hợp với thực tế là: tập trung hết mọi lực lượng của cả hai bên vào một khối và tập trung tất cả các kết quả vào một cuộc xung đột của các khối ấy. Quan niệm như thế có

phần chính xác và nói chung cần phải nắm chắc quan niệm ấy và có thể chỉ nên coi những cuộc giao chiến nhỏ như là những cái gì căn bã không thể vứt đi được hoặc như là những mảnh vụn. Dầu sao sự việc lại không phải đơn giản như vậy.

Cố nhiên, số cuộc giao chiến tăng lên chỉ là kết quả của sự chia nhỏ những lực lượng vũ trang: chính do sự chia nhỏ này nên ta cần phải bàn cãi về những mục đích rõ rệt của những cuộc giao chiến khác nhau ấy. Những mục đích, cũng như toàn bộ những cuộc giao chiến đó, có thể sắp xếp thành nhiều loại và việc nghiên cứu tìm hiểu chúng kỹ hơn sẽ giúp chúng ta có ý kiến rõ ràng hơn.

Tất nhiên việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của quân thù là mục đích của mọi cuộc giao chiến, nhưng cũng có thể có những mục đích khác xen vào, thậm chí những mục đích khác lại có thể có sức nặng hơn. Vì vậy, cần xác lập một sự phân biệt giữa những trường hợp mà việc tiêu diệt lực lượng vũ trang của kẻ thù là việc chủ yếu và những trường hợp nó chỉ còn là một biện pháp. Không kể việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang, việc chiếm đoạt một địa điểm hoặc một mục tiêu nào đó cũng có thể là lý do bao quát của một cuộc giao chiến; có thể chỉ có một, cũng có thể có nhiều, nhưng thông thường bao giờ cũng phải có một lý do chủ yếu. Song le, cả hai hình thức chính của chiến tranh: tiến công và phòng

ngự mà chúng ta sắp nói đến, tuy không làm thay đổi lý do thứ nhất nhưng cũng làm cho hai lý do kia bị ảnh hưởng. Nếu thử làm một sơ đồ, chúng ta sẽ thấy:

Giao chiến tiến công

1. Tiêu diệt các lực lượng vũ trang của quân thù;
2. Đánh chiếm một địa điểm;
3. Đánh chiếm một mục tiêu.

Giao chiến phòng ngự

1. Tiêu diệt các lực lượng vũ trang của quân thù;
2. Bảo vệ một địa điểm;
3. Bảo vệ một mục tiêu.

Tuy nhiên, những lý do này hình như không bao quát được toàn bộ lĩnh vực. Chỉ cần nhớ lại những cuộc đánh thăm dò và hư trương thanh thế là có thể thấy rằng không một yếu tố nào trong ba yếu tố trên được coi là mục đích của cuộc giao chiến. Như vậy, chúng ta có thể lập thêm một loại giao chiến thứ tư. Trong những cuộc đánh thăm dò nhằm cố gắng tìm cách phát hiện đối phương, trong những cuộc quấy rối nhằm tìm cách làm cho đối phương mệt mỏi, trong những cuộc hư trương thanh thế nhằm làm cho đối phương không dám bỏ một vị trí hoặc rời về một nơi khác, người ta chỉ đạt mục đích một cách gián tiếp và *phụ thuộc vào một trong ba mục đích nói trên*, thông thường là ở mục đích thứ hai. Vì,

khi muốn tiến hành một cuộc thăm dò, đối phương cần phải làm ra vẻ như có ý định tiến công ta, định đánh bại hoặc truy kích ta. Nhưng cái làm ra vẻ này không phải là mục đích thật, chính mục đích thật mới là cái ta cần nói đến ở đây. Vì vậy, phải đưa thêm một mục tiêu thứ tư vào ba mục tiêu mà chúng tôi đã kể, tức là đẩy đối phương vào một cuộc điều động sai lầm; nói một cách khác, đó là mục đích của một cuộc nghi binh. Đương nhiên, mục đích này chỉ có thể có được trong hình thức tiến công. Mặt khác, cần phải lưu ý là việc phòng ngự một địa điểm cũng có hai loại: một loại tuyệt đối nghĩa là không thể bỏ vị trí với bất kỳ lý do nào, một loại tương đối nghĩa là chỉ cần giữ trong một thời gian đã định.

Trường hợp sau thường xảy ra trong những cuộc chiến đấu ở các vị trí tiền tiêu hoặc hậu vệ.

Rõ ràng, bản chất của những mục tiêu khác nhau này quyết định phương thức tổ chức cuộc giao chiến. Phương pháp đuổi địch ra khỏi vị trí khác với phương pháp dùng để tiêu diệt hoàn toàn vị trí. Khi ta muốn cố thủ một địa điểm bằng bất kỳ giá nào khác với khi ta chỉ muốn giữ chân kẻ địch trong một thời gian. Ở trường hợp thứ nhất, người ta ít quan tâm tới đường rút lui, ở trường hợp sau thì đây lại là vấn đề chính, v.v.

Tuy nhiên, những nhận xét trên chỉ thuộc về chiến thuật, và chỉ nêu ra để minh họa. Còn, về mặt chiến lược sẽ giải

quyết như thế nào đối với những mục tiêu khác nhau của giao chiến: đó là vấn đề sẽ bàn đến trong các chương nói về những mục tiêu ấy.

Dưới đây là vài nhận xét tổng quát về vấn đề đó^[4]:

Thứ nhất: tầm quan trọng của các mục đích hầu như ngược chiều với trật tự chúng tôi đã nói ở trên.

Thứ hai: trong trận đánh chủ yếu, mục đích thứ nhất phải bao trùm lên tất cả mọi mục đích khác.

Thứ ba: trong cuộc giao chiến phòng ngự, hai mục đích cuối đều là những mục đích về thực tế không đem lại kết quả vì chúng có tính chất thụ động, chúng chỉ

trở thành có ích một cách gián tiếp và tạo điều kiện dễ dàng cho một cái gì chủ động hơn.

Khi những cuộc giao chiến thuộc loại này trở thành quá phổ biến, thì có nghĩa là tình thế chiến lược đã nghiêm trọng.

Chương 6

THỜI HẠN CỦA GIAO CHIẾN

Nếu chúng ta không coi cuộc giao chiến như bản thân nó mà lại xét nó trong mối quan hệ với mọi lực lượng vũ trang khác, thời hạn (*durée*) của nó có một tầm quan trọng đặc biệt.

Thời hạn của giao chiến có thể coi như một thành công thứ hai, phụ thuộc vào thành công thứ nhất. Theo ý muốn của kẻ thắng trận thì trong giao chiến, quyết định không bao giờ quá nhanh; nhưng đối với kẻ thua trận thì quyết định ấy lại không bao giờ quá lâu cả. Một chiến thắng nhanh chóng là một chiến thắng rục rĩ hơn; nhưng với kẻ thua trận thì quyết định chậm trễ lại là một đền bù

cho sự thất bại.

Đó là một chân lý rất phổ biến. Song chân lý ấy lại có tầm quan trọng thực tiễn trong những cuộc giao chiến có tính chất phòng ngự.

Ở trường hợp này, toàn bộ thắng lợi thường chỉ nằm trong thời hạn đơn thuần. Vì vậy chúng tôi liệt thời hạn vào loại những yếu tố chiến lược.

Thời hạn của cuộc giao chiến có liên quan mật thiết với những yếu tố cấu thành chủ yếu của giao chiến. Những yếu tố này là: số lượng tuyệt đối về mặt lực lượng, mối quan hệ qua lại giữa các lực lượng và vũ khí, tính chất địa hình.

Hai vạn người tất nhiên ít làm cho

nhau hao mòn hơn là hai nghìn người; đối với một kẻ thù đông hơn hai hoặc ba lần, thường người ta không cầm cự được lâu bằng khi giao chiến với một đối phương ngang sức. Một cuộc xung đột bằng kỵ binh sẽ được giải quyết nhanh hơn một cuộc xung đột bằng bộ binh, và một cuộc giao chiến giữa hai đơn vị bộ binh sẽ nhanh hơn là khi có pháo binh tham chiến. Ở rừng núi, người ta tiến chậm hơn ở đồng bằng. Những điều đó, thiết tưởng chẳng cần giải thích thêm.

Bởi vậy, sức mạnh, mối tương quan giữa những vũ khí được sử dụng và các vị trí cần được chú ý nếu cuộc giao chiến phải đạt mục đích bằng thời hạn giao chiến. Đối với cuộc khảo sát đặc biệt này, quy tắc trên không quan trọng

đôi với chúng ta bằng sự cần thiết phải gán ngay vào đó những kết quả chủ yếu mà kinh nghiệm đã cung cấp.

Ngay cả đối với một quân thù đông gấp nhiều lần, cuộc chống cự của một sư đoàn bình thường với 8.000 tới 10.000 người đầy đủ vũ khí và trong một khu vực ít thuận lợi, mặc dầu khó khăn, cũng có thể kéo dài được nhiều giờ, thậm chí tới nửa ngày nếu quân thù không có một ưu thế hoặc ưu thế không đầy đủ. Một quân đoàn gồm ba hay bốn sư đoàn được lợi gấp đôi thời gian đó, một tập đoàn từ 80.000 tới 100.000 người sẽ lợi được ba hay bốn lần hơn nữa. Trong khoảng thời gian này, các khối quân được tự do và sẽ không có một cuộc giao chiến riêng biệt nào nếu trong khoảng đó người ta có thể

đưa lực lượng đến thêm và hoạt động của chúng lại nhanh chóng hòa chung vào với kết quả giao chiến đã đạt được: như thế tất cả sẽ hợp thành một tổng thể.

Những con số trên được rút ra từ kinh nghiệm nhưng chúng tôi thấy còn cần phải miêu tả đầy đủ thời điểm quyết định của trận đánh, nghĩa là thời điểm kết thúc của nó nữa.

Chương 7

QUYẾT ĐỊNH TRONG GIAO CHIẾN

Không một cuộc giao chiến nào lại có thể giải quyết chỉ trong một thời điểm nhất định, tuy mỗi cuộc giao chiến đều có những thời điểm có ý nghĩa quyết định đối với kết cục của trận đánh. Bởi thế, một trận giao chiến thất bại sẽ làm cho cán cân bị lệch xuống thêm. Trong giao chiến, đến một lúc nào đó thì trận đánh coi như được giải quyết, đến nỗi nếu cuộc chiến đấu lại tiếp tục thì phải coi đó là một cuộc giao chiến mới chứ không phải là chỉ kế tiếp trận cũ. Có nhận định được đúng thời điểm này mới biết được là cuộc giao chiến còn có khả năng thắng

lợi với sự chi viện của một lực lượng viện binh hỏa tốc hay không.

Trong những cuộc giao chiến không thể hồi phục được nữa, những lực lượng mới bổ sung thường bị hy sinh vô ích. Người ta thường để lỡ mất thời cơ xoay chuyển tình thế vào lúc việc đó có thể dễ dàng thực hiện. Dưới đây là hai dẫn chứng hoàn toàn xác đáng:

Năm 1806, trong trận I-ê-na, hoàng tử Ho-hen-lo-he (tướng Phổ - ND) với 35.000 người, đã nghênh chiến với 60.000 tới 70.000 người do Bô-na-pác chỉ huy. Ho-hen-lo-he đã thất bại đến nỗi toàn bộ 35.000 người của ông ta coi như bị tiêu diệt hoàn toàn. Đã thế, tướng Rusen lại vẫn cố tiếp tục chiến đấu, với

12.000 người. Kết cục, chỉ trong nháy mắt đạo quân ấy cũng đã lại bị nghiền nát như tương.

Cùng ngày đó, ở Au-e-xtat, với một lực lượng chỉ chừng 25.000 quân, người ta đã tổ chức đánh lại Đa-vu^[5] nắm trong tay khoảng 28.000 người. Chỉ tới trưa, cuộc chiến đấu đã trở thành bất hạnh. Tuy quân đội chưa bị dồn đến tình trạng tan rã, và tổn thất cũng chưa phải là cao so với quân địch không có kỵ binh, nhưng người ta đã lãng quên không sử dụng 18.000 quân thuộc lực lượng dự bị của tướng Can-krót, lẽ ra có thể được tung vào để xoay chuyển thế trận và đẩy lùi mọi khả năng thất bại.

Mỗi cuộc giao chiến đều là một tổng

thể, trong đó có những cuộc chiến đấu bộ phận được kết hợp vào một kết quả chung. Quyết định của trận giao chiến chính là nằm trong kết quả chung ấy. Không nhất thiết khi nào kết quả này cũng rõ ràng như chúng tôi đã phát ra ở chương 6, vì nhiều khi ta chưa chuẩn bị để thu lấy thắng lợi, nhiều khi thời cơ không đến, ví dụ như lúc kẻ thù lẩn tránh quá sớm, kể cả lúc có sự đề kháng ác liệt, nhiều khi quyết định đã tới nhưng thắng lợi chưa tới mức thật rõ ràng, đúng như khái niệm chính xác về thắng lợi.

Vì vậy, chúng ta phải đặt câu hỏi: nói chung, lúc nào là lúc quyết định, nghĩa là lúc nào thì đầu có đưa một lực lượng vũ trang mới đến - lực lượng này dĩ nhiên không đến nổi quá chênh lệch -

cũng không thể xoay chuyển được tình thế đã quá xấu.

Nếu chúng ta không nói đến những cuộc giao chiến nghi binh (theo định nghĩa những cuộc giao chiến này không phải là quyết định), ta có thể nói:

1. Nếu mục đích là chiếm đoạt một mục tiêu di động thì lúc mất mục tiêu này là lúc quyết định.

2. Nếu mục đích là chiếm đoạt một vùng lãnh thổ thì thường thường lúc quyết định là lúc mất lãnh thổ (tuy không phải khi nào cũng như vậy), với điều kiện là vùng đất đai này có tầm quan trọng đặc biệt. Dầu có tầm quan trọng lớn đến đâu đi nữa, vẫn có thể chiếm lại một vùng không hiểm trở mà không nguy

hiểm gì lắm.

3. Nhưng trong tất cả mọi trường hợp mà cuộc giao chiến còn chưa bị cắt đứt hẳn với hai trường hợp trên, nhất là khi việc tiêu diệt lực lượng vũ trang của quân thù trở thành mục tiêu chính, quyết định sẽ đến vào lúc mà kẻ thắng trận không còn ở tình trạng rệu rã, nghĩa là không còn ở tình trạng bất lực; lúc này dù có cố gắng liên tục cũng chẳng ích lợi gì nữa. Vấn đề này đã được nói đến ở chương 7, tập III. Sự thống nhất chiến lược trong giao chiến chính là ở chỗ ấy.

Một cuộc giao chiến sẽ không còn phục hồi được nữa nếu những đơn vị tiên công (có thể trừ một phần nhỏ) tuy vẫn còn giữ được kỷ luật và khả năng chiến

đầu, song lực lượng của chúng ta ít nhiều đã bị rệu rã, sút mẻ.

Nếu bộ phận tham chiến đã bị đánh bại càng nhỏ; nếu bộ phận được gọi là dự bị càng lớn và đã góp sức vào quyết định (dù chỉ bằng sự có mặt của mình) thì một lực lượng vũ trang mới của đối phương càng khó có khả năng giành giật lại thắng lợi mà chúng ta đã đoạt được. Viên tướng nào cùng quân đội của mình biết khéo tiến hàn giao chiến với mức tiết kiệm nhất và lúc nào cũng biết đề cao tác dụng tinh thần của một lực lượng dự bị mạnh thì bao giờ cũng đảm bảo được thắng lợi nhiều hơn. Ở thời đại hiện nay, phải thừa nhận rằng người Pháp (nhất là khi họ được Bô-na-pác lãnh đạo) quả là bậc thầy về vấn đề này.

Hơn nữa, khi đơn vị chiến thắng càng nhỏ thì thời điểm chấm dứt cơn khủng hoảng sau chiến đấu và hồi phục khả năng ban đầu càng trở lại nhanh chóng. Một tập kỵ binh phi nước đại truy kích đối phương, sẽ chỉ trong vài phút là lấy lại được trật tự ban đầu và sự khủng hoảng sẽ không đi xa hơn nữa. Đối với một trung đoàn kỵ binh thì thời gian ấy dài hơn; với bộ binh phân tán trên những tuyến khác nhau, thời gian cần thiết lại càng dài; đối với những sư đoàn của binh chủng khác nhau mà một bộ phận đã mạo hiểm tiến về một hướng nào đó, một bộ phận lại tiến về một hướng khác, và khi cuộc giao chiến đã đi đến tình trạng rối loạn, trầm trọng hơn nữa là bộ phận này chẳng còn biết được chuyện gì đã

xảy ra với bộ phận khác, thì thời gian lại càng phải dài hơn nữa. Bởi vậy, chúng tôi có thể nói rằng: lúc kẻ chiến thắng nắm vững được những công cụ đã sử dụng và thấy chúng đã bị lẫn lộn với nhau bởi một sự rối trật tự nào đó, lúc đã chấn chỉnh lại được công cụ và đặt chúng ở một nơi thuận tiện do đây đã thiết lập lại được trật tự của “công trường” chiến tranh, thì thời điểm ấy đến càng chậm nếu đơn vị quân đội càng lớn.

Mặt khác, thời điểm ấy đến càng chậm khi đêm tối bất ngờ chụp xuống kẻ chiến thắng đang ở trạng thái khủng hoảng, và nó cũng đến chậm khi gặp địa hình lồi lõm, rậm rạp. Về hai điểm này, ta phải thấy rằng đêm tối cũng là phương tiện phòng ngự quan trọng, vì hiếm có

trường hợp hy vọng đạt được thắng lợi trong một cuộc tập kích ban đêm. Trận tập kích của Y-oóc^[6] chống Mác-mông^[7] ngày 10 tháng 3 năm 1814 ở La-ông đã cung cấp một dẫn chứng hết sức rõ ràng. Vì vậy, kẻ nào đã trải qua một cuộc khủng hoảng dài do chiến thắng, phải tránh bằng được một sự phản ứng ở địa hình chia cắt và rậm rạp. Hai yếu tố: đêm tối và địa hình rậm rạp lẽ ra làm cho cuộc giao chiến tiếp diễn dễ dàng thì trái lại, làm cho nó khó khăn hơn.

Cho đến nay, chúng tôi vẫn coi viện binh mà bên bất lợi tiếp nhận được chỉ là một sự tăng thêm đơn giản của lực lượng vũ trang, tức là một sự tăng thêm thắng từ hậu phương, và đó là trường hợp phổ

biên nhất. Nhưng tình thế sẽ thay đổi hoàn toàn nếu những lực lượng mới tinh ấy lại bất ngờ đánh vào sườn hoặc vào sau lưng quân thù.

Sau này, chúng tôi sẽ lại bàn về hiệu quả của việc đột kích vào sườn và sau lưng trong mức độ hiệu quả này thuộc phạm vi chiến lược. Còn ở đây, nếu có đề cập đến thì cũng chỉ coi nó như một phần của một cuộc giao chiến, và như vậy nó căn bản thuộc vào phạm trù chiến thuật; nếu chúng tôi quan tâm bàn tới thì đó chỉ là vì chúng tôi nói đến những kết quả chiến thuật và cũng chỉ định đi sâu vào lĩnh vực ấy mà thôi.

Hiệu quả của một lực lượng có thể sẽ có tác dụng gấp nhiều lần nếu được

hướng vào bên sườn hoặc sau lưng đối phương, nhưng không nhất thiết phải hoàn toàn như vậy. Hiệu quả ấy cũng đã có trường hợp lại kém đi. Tình hình lúc cuộc giao chiến xảy ra sẽ quyết định điểm này cũng như những điểm khác, nhưng chúng ta lại không thể đi sâu vào chi tiết kế hoạch của quân thù. Về mặt này, có hai vấn đề ta cần chú ý: trước hết, thông thường là *những cuộc tiến công vào sườn và sau lưng sẽ ảnh hưởng tới kết quả của quyết định hơn là ảnh hưởng tới chính bản thân quyết định*. Điểm quan trọng của một cuộc chiến, trước hết là sự thành công chứ không phải là mức độ của thắng lợi. Từ quan điểm đó, người ta thường dễ cho rằng: một lực lượng được huy động đến

giúp mình khôi phục một cuộc giao chiến nếu tiến công vào sườn hoặc sau lưng quân địch (tức là tách xa hẳn bản đội) thì đây chỉ là một cuộc tăng viện xoàng, không bằng đưa lực lượng đó nhập thẳng vào bản đội. Sự việc thật quả thường hay diễn ra như vậy; nhưng cũng phải công nhận rằng đa số trường hợp lại thuộc vào loại trên (đánh vào bên sườn và sau lưng địch - *N.D.*) và nếu sự việc xảy ra như thế, chính là bởi điểm thứ hai mà chúng ta phải quan tâm.

Điểm thứ hai là *sức mạnh tinh thần khi có lực lượng viện binh bất ngờ xung trận để khôi phục lại trận giao chiến*. Ảnh hưởng của sự bất ngờ đột kích vào sườn và vào sau lưng thường

cao hơn và kẻ chiến thắng đang ở trong tình trạng khủng hoảng, tức là đang còn rối loạn, phân tán, nên ít có khả năng dám đương đầu. Ai lại không cảm thấy rằng một cuộc tiến công trực diện vào sau lưng sẽ không có ảnh hưởng nhiều lắm, lúc mới bắt đầu giao chiến, nghĩa là lúc các lực lượng đang được tập trung và tổ chức để đối phó với tình huống ấy, nhưng trái lại nếu tiến công vào cuối đợt giao chiến thì ảnh hưởng sẽ khác hẳn.

Người ta có thể không ngần ngại khẳng định rằng: trong nhiều trường hợp, một lực lượng viện binh xuất hiện ở bên sườn hoặc sau lưng quân thù sẽ có hiệu quả nhiều hơn, giống như cái đòn bẩy, càng dài thì càng có thể bẩy được vật nặng hơn. Và như thế, trong những điều

kiện ấy, ta có thể khôi phục lại một cuộc giao chiến bằng một lực lượng mà nếu đánh trực diện sẽ không đủ sức. Chính trong những điều kiện ấy, sức mạnh tinh thần hoàn toàn chiếm ưu thế và cũng chính trong những điều kiện ấy, lòng dũng cảm và tính gan dạ được thỏa sức tung hoành, cũng như hậu quả là điều hầu như không thể nào lường trước được.

Ta cần phải quan tâm đến tất cả những điều đó, phải hết sức chú ý kết hợp tất cả những yếu tố sức mạnh nói trên để có thể biết rằng: trong những trường hợp chưa được rõ ràng, một tình thế khó khăn liệu còn có thể cứu vãn được không?

Khi cuộc giao chiến chưa được coi

là kết thúc, mà một cuộc giao chiến mới đã lại nổ ra, vì nhờ có thêm viện binh, cuộc giao chiến mới tất sẽ phải hòa vào với cuộc giao chiến trước, bởi thế sẽ có một kết quả chung và những bất lợi ban đầu sẽ hoàn toàn biến mất. Nhưng nếu kết quả của trận giao chiến đã rõ ràng thì tình hình sẽ không như vậy và người ta sẽ đứng trước hai kết quả khác nhau. Nếu lực lượng viện binh chỉ mạnh tương đối, nghĩa là một mình nó không ngang sức với đối phương, thì việc hy vọng vào một kết quả khả quan ở trận giao chiến thứ hai này chỉ là một ảo tưởng. Nhưng nếu lực lượng viện binh ấy lại có đủ sức để lao vào trận thứ hai mà không cần bận tâm tới kết quả của trận thứ nhất thì chúng có thể bù lại cho trận thứ nhất

bằng một thắng lợi và như vậy làm giảm ảnh hưởng (của trận trước - *N.D.*), nhưng chắc chắn rằng chẳng bao giờ có thể tẩy sạch được ảnh hưởng đó trong bản tổng kết.

Trong đợt đầu của trận Cu-ne-xđoóc, Phrê-đê-rích Đại đế đã chiếm được cánh trái của quân Nga và bảy mươi khẩu đại bác, nhưng đến khi kết thúc trận đánh thì lại chẳng còn gì và toàn bộ kết quả của trận giao chiến đầu tiên đã biến khỏi bảng quyết toán. Nếu ngài chỉ dừng lại ở thắng lợi đầu tiên và chỉ tiếp tục đánh vào hôm sau, chắc nhà vua sẽ giữ được thành tích của những thắng lợi đầu tiên ấy, và chắc chắn là những thành tích đó sẽ tăng thêm trọng lượng vào cán cân, dù rằng hôm sau ngài

vẫn thua trận.

Nhưng nếu người ta có thể nắm vững diễn biến của một cuộc giao chiến bất lợi chuyển bại thành thắng trước khi kết thúc thì không những kết quả tiêu cực của nó sẽ không còn ở bản thành tích mà còn là khởi điểm của một chiến thắng lớn hơn. Nếu mừng tưng lại một cách đúng đắn diễn biến chiến thuật của trận giao chiến, người ta sẽ dễ dàng nhận ra rằng cho tới lúc kết thúc trận đánh, hết thảy mọi kết quả của những trận giao chiến bộ phận sẽ chỉ là những bản án treo. Những bản án ấy sẽ tiêu tan đi trước quyết định chủ yếu, và thậm hoặc còn có thể trở thành một cái gì có tác dụng ngược lại. Lực lượng của chúng ta càng được thử thách, càng gây nhiều tổn

hại cho lực lượng của quân thù thì khủng hoảng về phía địch và ưu thế của những lực lượng mới của ta càng lớn. Nếu kết quả tổng hợp có lợi cho ta, nếu chúng ta chiếm lại được chiến trường và chiến lợi phẩm, thì những tổn thất về lực lượng mà đối phương đã phải chịu đựng sẽ trở thành thực lãi của chúng ta: lúc ấy, thất bại ban đầu của chúng ta chỉ còn là cái bàn đạp tiến tới một thắng lợi lớn hơn. Những chiến công rực rỡ nhất (lúc bắt đầu giao chiến - *N.D.*) của phía địch có thể làm cho chúng quên mất cả cái giá phải trả, thì bây giờ (sau khi thắng lợi cuối cùng về ta - *N.D.*) nó chỉ còn là những điều ân hận và luyến tiếc. Ma lực của chiến thắng và sự rủi ro của chiến bại có thể làm cho trọng lượng riêng của

các yếu tố thay đổi như vậy đó.

Ngay cả khi người ta có một ưu thế rất rõ rệt và người ta có thể trả đũa lại chiến thắng của kẻ thù bằng một chiến thắng lớn hơn thì tốt nhất vẫn là nên tránh kết thúc bất lợi của một trận giao chiến lớn và cố chuyển hóa nó sao cho có lợi cho mình hơn là lại mở ra một cuộc giao chiến thứ hai.

Năm 1760, thống chế Đào tổ chức ứng cứu tướng Lau-đôn ở Li-nhít ngay trong cuộc giao chiến tướng này đang tiến hành; nhưng khi cuộc giao chiến đã thất bại, ngày hôm sau, Đào vẫn không tiến công nhà vua (Phrê-đê-rích II - *N.D.*) nữa, tuy trong tay ông ta vẫn còn đủ lực lượng cần thiết.

Vì vậy, trước một trận đánh lớn, vẫn phải cố tránh nếu có thể tránh được những cuộc giao chiến đẫm máu của đội tiền vệ, tuy những cuộc giao chiến ấy là điều bất hạnh cần thiết.

Chúng ta còn phải rút ra một kết luận khác nữa.

Không được lấy kết quả của một cuộc giao chiến làm lý do cho một cuộc giao chiến khác. Cuộc giao chiến mới này phải do những điều kiện mới quyết định. Nhưng, có những sức mạnh tinh thần khác chống lại kết luận này mà ta phải lưu ý: đó là ý thức phục thù rửa hận. Từ người tổng chỉ huy cho đến người lính đánh trống bình thường đều có ý thức ấy và một đạo quân sẽ chỉ có tinh

thần cao khi họ thấy cần phải phục thù. Song vẫn phải có một điều kiện: đơn vị thua trận không phải là một bộ phận quá lớn trong toàn bộ, nếu không tâm trạng ấy sẽ chìm ngay trong trạng thái bất lực.

Lợi dụng triệt để sức mạnh tinh thần này là một việc làm hoàn toàn bình thường. Người ta muốn sửa chữa ngay thất bại bằng cách mở một cuộc giao chiến thứ hai, nhất là khi điều kiện liên quan cho phép. Tất nhiên, trong trường hợp như vậy, cuộc giao chiến thứ hai này thường có tính chất tiến công.

Người ta đã thấy nhiều thí dụ về những trận quật lại như vậy ở những cuộc giao chiến không quan trọng mấy, còn ở những trận lớn thì thường do nhiều

nguyên nhân khác hơn là do cái động cơ nhỏ yếu ấy (ý thức phục thù - *N.D.*)

Chính trạng thái tâm lý này đã thúc đẩy nhà quý tộc Bluy-khe, ba ngày sau khi nướng hai quân đoàn ở Mông-mia-ray, ngày 14 tháng 2 năm 1814, đã ném quân đoàn thứ ba vào chiến dịch ấy. Nếu ông ta biết rõ rằng mình sẽ gặp lại đích thân Bô-na-pác, chắc chắn ông ta sẽ hoãn trận đánh phục thù của mình lại; ông ta hy vọng sẽ được trút hận xuống đầu tướng Mác-mông và tưởng rằng sẽ thu được thắng lợi, nhưng chính ông ta lại gục ngã trước hậu quả của một bài toán sai lầm.

Khoảng cách của các lực lượng được điều động để *cùng giao chiến* lệ

thuộc vào thời gian giao chiến và thời điểm quyết định giao chiến. Sự sắp đặt này thuộc phạm vi chiến thuật nếu nó nhằm vào một cuộc giao chiến và chỉ một cuộc mà thôi; nhưng nó chỉ được xem như thuộc phạm trù ấy với điều kiện là vị trí của các đạo quân gần nhau đến nỗi không thể nghĩ đến hai cuộc giao chiến khác nhau và vì vậy, khoảng không gian do toàn bộ các đạo quân chiếm lĩnh có thể được xem như là một điểm về mặt chiến lược. Nhưng trong chiến tranh, thường xảy ra trường hợp người ta bị bắt buộc phải trù tính ngay cả với những lực lượng được sử dụng để *cùng chiến đấu*, một sự phân bố như thế nào đó để khi cần phối hợp trong một hành động chung sẽ không ảnh hưởng tới khả năng của

những cuộc giao chiến riêng lẻ, mà vẫn thực hiện được ý đồ chủ yếu. Bố trí như vậy, tất nhiên có tính chất chiến lược.

Thuộc loại này: các cuộc hành quân với những đội hình hàng dọc và những khối riêng biệt, những đội tiền vệ và trắc vệ, những lực lượng dự bị nhằm dùng vào việc yểm hộ cho một điểm chiến lược, việc tập hợp các binh đoàn từ những địa điểm rất xa tới, v.v. Quang những điểm trên, ta đã thấy đó là những điều thông thường, có thể gọi là những món tiền lẻ của kinh tế chiến lược, còn trận đánh chính và tất cả những gì liên quan với nó mới là những đồng tiền bạc và tiền vàng.

Chương 8

KHI HAI BÊN ĐỀU CHẤP NHẬN GIAO CHIẾN

Không thể có một cuộc giao chiến nếu không có một sự thỏa thuận của hai bên và riêng ý niệm cơ sở của mọi cuộc giao tranh tay đôi này đã làm cho các nhà viết sử tốn không ít lời bàn đầy những nhận thức mơ hồ và sai lầm.

Các nhà viết sử thường xuất phát từ ý nghĩ cho rằng một người chỉ huy có thể ép buộc đối phương chấp nhận một trận đánh mà họ không muốn.

Nhưng giao chiến lại là một cuộc đọ sức rất đặc biệt, không phải chỉ đơn thuần dựa vào tính hiếu chiến của hai đối

thủ đang đương đầu, nghĩa là chỉ dựa vào sự đồng tình giao chiến của họ, mà là ở những mục đích của cuộc giao chiến. Những mục đích này thường thộc một tổng thể của phạm trù cao hơn, nhất là bản thân chiến tranh với tư cách là đơn vị chiến đấu lại gắn chặt với những mục đích và điều kiện chính trị thuộc về một tổng thể rộng lớn hơn nữa. Từ đó, ta thấy là những ước vọng giản đơn mong muốn chiến thắng đối phương trở thành một vấn đề thứ yếu; hơn nữa, tự bản thân nó chẳng còn giá trị và nó sẽ chỉ là sợi dây thần kinh làm cho ý chí cao hơn chuyển động.

Trong thời cổ đại và vào buổi đầu của thời đại những đạo quân thường trực, từ ngữ “không khiêu chiến được quân

địch” có ý nghĩa cao hơn ngày nay. Đối với người thời cổ đại, tất cả đều được tổ chức cho một cuộc chiến đấu ở đồng trống, người ta đo sức với nhau không vương chướng ngại vật, và mọi nghệ thuật chiến tranh đều nằm trong việc tổ chức và hợp thành quân đội, nghĩa là trong đội hình chiến đấu.

Nhưng khi quân đội đã rút về trong các trại, những vị trí ở trong các trại quân đều được coi như bất khả xâm phạm và các trận đánh sẽ chỉ có thể xảy ra nếu quân địch rời khỏi trại và có thể nói là họ chính đốn hàng ngũ ở địa hình dễ dàng tiếp cận hơn.

Khi người ta nói Han-ni-ban không buộc được Pha-bi-út^[8] chấp nhận tác

chiến, điều đó chẳng hề cho ta biết cái gì về Pha-bi-út, có chăng chỉ biết trận đó không nằm trong kế hoạch của ông ta, và nó cũng chẳng phải là một bằng chứng về ưu thế vật chất hoặc tinh thần của Han-ni-ban; nhưng điều chắc chắn là qua đây chúng ta biết rằng Han-ni-ban thật sự muốn có một cuộc giao tranh.

Vào thời kỳ đầu của các quân đội hiện đại, ở những trận giao chiến và những trận đánh lớn, người ta cũng đứng trước một tình thế tương tự. Nghĩa là những khối lớn binh lính đã tham gia chiến đấu và được hướng theo một trật tự bố trí nhất định trong quá trình chiến đấu. Cái khối người to lớn, kèn càng khó cơ động ấy dù tiến công hay phòng ngự ít nhiều cũng đều cần tới một khoảng đất

bằng phẳng, mọi địa hình mấp mô hoặc cây cối rậm rạp đều không thể phù hợp; người tiến hành phòng ngự sẽ lại tìm thấy ở đây một lý do lẫn tránh cuộc giao chiến.

Trạng thái tổ chức ấy vẫn được duy trì, tuy càng ngày càng ít đi, cho tới thời kỳ những cuộc chiến tranh Xi-lê-di thứ nhất. Chỉ mãi tới cuộc Chiến tranh Bảy năm, một cuộc tiến công của đối phương ở địa hình hiểm trở mới ngày càng có thể và hay xảy ra. Tuy nhiên, địa hình vẫn còn ảnh hưởng nhiều đối với những kẻ không ưa nói, song nó không còn là cái vòng luẩn quẩn hạn chế mọi sự phát triển của chiến tranh như trước nữa^[9].

Đã ba mươi năm nay, chiến tranh

không ngừng phát triển theo hướng này và những ai thực sự muốn có một quyết định bằng giao chiến đều không gặp một trở lực nào; họ chỉ cần tìm đối thủ của mình và tiến công. Nếu không làm như vậy thì họ không được coi như là đã muốn giao chiến, và khi người ta nói: họ đã khiêu chiến nhưng đối phương không chấp nhận thì điều đó có nghĩa là ngày nay, theo ý kiến họ, điều kiện không đủ thuận lợi để tác chiến nữa, và không thể có ý nghĩa nào khác. Nói như vậy rõ ràng đã mâu thuẫn với điều đã nói ở trên, song thực ra chỉ là che giấu điều đó mà thôi.

Dĩ nhiên, bên phòng ngự rất có thể, nếu không chấp nhận thì ít ra cũng né tránh các cuộc giao chiến bằng cách bỏ

vị trí và mọi nhiệm vụ gắn chặt với vị trí. Nhưng đối với bên tiến công, điều đó tượng trưng cho cái gì giống như sự thắng lợi một nửa và mặc nhiên công nhận ưu thế nhất thời của mình.

Cách nhìn ấy - giống như một sự thách đố - ngày nay không còn thích hợp nữa, và cái kiểu khoác lác ấy cũng chẳng giảm nhẹ được sai lầm không thể tha thứ được của kẻ đi tiến công: bấy giờ đáng lẽ phải tiến lên thì lại án binh bất động.

Còn bên phòng ngự, người ta cũng có thể nói rằng họ đã đồng ý giao chiến nếu học không chịu lùi, và nếu họ không bị tiến công, họ cũng có thể cho rằng mình đã thách thức giao chiến, tuy dĩ nhiên là phải như thế.

Mặt khác, khó có thể thực hiện giao chiến với một đối thủ chỉ muốn và có thể *lẩn tránh* giao chiến. Nhưng thông thường kẻ tiến công lại không thể chỉ thỏa mãn với những ưu thế thu được ở việc lẩn tránh ấy, và khi cần đến một thắng lợi thực tế, họ buộc phải tìm bằng được những biện pháp nhất định và vận dụng một cách đặc biệt khôn khéo để *buộc* đối phương phải chiến đấu.

Những biện pháp ấy là: trước hết phải *bao vây* quân địch, làm thế nào chặn đường rút lui của chúng hoặc làm cho đường rút lui khó khăn, phức tạp đến nỗi thà chấp nhận giao chiến còn hơn; sau đó là *ảnh hưởng của bất ngờ*. Xưa kia, rất dễ hiểu tại sao lại có ảnh hưởng của bất ngờ, đó là vì quân đội di chuyển

khó khăn; nhưng hiện nay thì ảnh hưởng này đã mất tác dụng đi nhiều lắm. Do tính chất linh hoạt và cơ động của quân đội thời nay, người ta không còn e ngại khi phải tổ chức một cuộc rút lui ở ngay trước mắt quân thù, và chỉ khi nào gặp địa hình đặc biệt khó khăn, người ta mới không thể lui quân như thế được.

Trận Mê-re-sem có thể là một thí dụ về mặt này. Ngày 11 tháng 7 năm 1796, đại công tước Sác-lơ khai chiến với Mô-rô ở vùng Rao-he An-pơ chỉ nhằm để lui quân được dễ dàng hơn. Nhưng thú thật rằng: chúng tôi chưa bao giờ biết được hết những lập luận của vị danh tướng kiêm nhà văn về vấn đề này. Trận Rốt-xbách là một thí dụ khác, giả định rằng người chỉ huy quân đội Liên minh thật ra

không có ý định công kích Phê-đê-rích Đại đế.

Còn đối với trận Xo-rơ thì chính nhà vua đã tỏ lộ rằng sở dĩ ngài phải chấp nhận giao chiến vì thấy việc rút lui trước mặt đối phương đã trở thành một việc khó khăn, tuy nhiên nhà vua cũng đã bổ sung thêm nhiều lý do phụ khác nữa về trận đánh ấy.

Nhìn chung và loại trừ những trận tập kích ban đêm chính cống, những trường hợp trên thường rất ít xảy ra và đối phương chỉ chấp nhận tác chiến khi bị bao vây, và chỉ chấp nhận đối với những đơn vị lẻ loi như đơn vị của Phinh-cơ ở Ma-xen.

Chương 9

TRẬN CHỦ YẾU

Tính quyết định của trận này

Thế nào là một trận chủ yếu? Đó là một cuộc chiến đấu của đạo quân chủ yếu. Nó không phải là một trận đánh không có ý nghĩa, nhằm đạt một mục tiêu thứ yếu, một ý đồ đơn giản mà chúng ta sẽ hủy bỏ ngay khi thấy khó thực hiện. Trận chủ yếu là một trận chiến đấu được tiến hành với những cố gắng cao nhất để đạt một chiến thắng thực sự.

Ngay trong trận chủ yếu, những mục đích thứ yếu cũng có thể xen lẫn với mục đích chủ yếu, và những điều kiện nảy sinh của mục đích này sẽ tạo cho nó những sắc thái đặc biệt; vì bản thân trận

đánh chủ yếu cũng chỉ là một bộ phận nằm trong một tổng thể rộng hơn. Nhưng nếu bản chất của chiến tranh là chiến đấu và nếu trận đánh chính là trận chiến đấu của những đạo quân chủ yếu thì bao giờ ta cũng phải coi trận giao chiến chủ yếu như trọng tâm của chiến tranh, và nhìn chung đặc tính của nó là tự thân tồn tại, điều đó khác với những cuộc giao chiến khác.

Điều này phản ánh vào *phương pháp tác chiến sẽ được sử dụng*, vào *ảnh hưởng do thắng lợi gây nên*, và *quyết định giá trị mà lý thuyết phải giành cho nó với tư cách là một phương tiện của một mục tiêu nào đó*. Vì vậy, không thể để chậm trễ, chúng tôi

phải cho nó là một đối tượng nghiên cứu đặc biệt, trước khi phân tích những mục tiêu đặc biệt khác tuy có liên quan nhưng không làm thay đổi sâu sắc bản chất của nó, ít nhất là trong phạm vi nó đáng được gọi là trận chủ yếu.

Nếu bản thân trận đánh chính cũng là một mục đích thì những nguyên nhân làm cho nó trở thành quyết định phải nằm ngay trong mình nó; nói một cách khác: trong trận đánh chính, hễ còn khả năng thắng lợi nhỏ đến mức nào đi nữa thì cũng vẫn phải tiếp tục chiến đấu, và chỉ từ bỏ thắng lợi khi nào lực lượng rõ ràng không đủ để đạt mục đích, chứ không phải vì một tình hình nào đó.

Làm thế nào để xác định được đúng

đầu thời điểm ấy?

Nếu một tổ chức hoặc một sự phối hợp binh chủng khéo léo nào đó, như người ta thường thấy hiện nay trong nghệ thuật chiến tranh, là những điều kiện chủ yếu để đạt thắng lợi nhờ lòng dũng cảm của quân đội, thì việc *tiêu diệt tổ chức* ấy sẽ là điểm quyết định. Một cánh quân bên sườn bị đánh bại và cái khung của nó cũng đã bị bẻ gãy nốt tất sẽ dẫn đến điểm quyết định đối với cánh quân còn đứng vững. Nếu ở những thời kỳ khác, điều cốt tử của phòng ngự là ở mối gắn bó chặt chẽ giữ quân đội với địa hình nơi họ chiến đấu đến nỗi quân đội và vị trí chỉ là một, việc *chiếm đoạt được một điểm chủ yếu của vị trí* này là điểm quyết định.

Người ta nói: *điểm chốt* đã bị mất thì không còn khả năng bảo vệ được vị trí, không thể tiếp tục trận đánh được nữa. Trong cả hai trường hợp, quân đội thua trận cũng gần giống như những mẩu dây thừng mục đứt vụn, vô tích sự.

Cả hai nguyên lý hình học và địa lý học đều đặt quân đội đang giao chiến trong một trạng thái căng thẳng cao độ cho nên không thể tận dụng lực lượng có trong tay tới người cuối cùng; những nguyên tắc ấy ngày nay đã mất khá nhiều hiệu lực nên không còn giữ được địa vị độc tôn nữa. Người ta tiếp tục lãnh đạo quân đội, trong một đội hình chiến đấu nào đó, nhưng đội hình ấy chẳng còn giá trị quyết định nữa. Người ta vẫn tiếp tục lợi dụng địa hình địa vật để tăng cường

đề kháng, song địa hình không còn là chỗ dựa độc nhất nữa.

Trong chương 2 của tập này, chúng tôi đã cố gắng tóm tắt bản chất của tác chiến hiện đại. Như chúng tôi đã vạch rõ, đội hình chiến đấu chỉ là sự bố trí lực lượng để sử dụng lực lượng được dễ dàng, và quá trình diễn biến của chiến đấu chỉ là sự hao mòn lực lượng một cách chậm rãi: qua đó ta sẽ thấy rõ đối thủ nào sẽ bị kiệt quệ trước tiên.

Hơn là trong mọi cuộc giao chiến khác, trong trận chủ yếu, quyết định bỏ cuộc phụ thuộc vào tình hình của những lực lượng dự bị nguyên vẹn vì chỉ những đơn vị này mới có đủ sức mạnh tinh thần, còn các bộ phận sót lại của những tiểu

đoàn đã bị thiệt hại và rối loạn thì chỉ là những đám tàn binh xộc xệch, không thể sánh kịp với những lực lượng dự bị nói trên.

Như chúng tôi đã nói, phần đất đai bị mất sẽ là cái thước đo mức độ suy sụp của lực lượng tinh thần; cần phải coi đó như các chứng tính của những tổn thất chứ không phải là những tổn thất thực thụ và số lực lượng dự bị còn nguyên vẹn bao giờ cũng phải là mối quan tâm lớn nhất của cả hai vị tổng chỉ huy.

Thông thường, ngay từ lúc bắt đầu, chiến tranh đã hướng về một phía nào đó, tuy chưa rõ rệt lắm. Hướng này thường thể hiện ở công tác chuẩn bị đã được tiến hành và một vị chỉ huy có thể

bắt đầu chiến đấu trong những điều kiện bất lợi mà không biết, do phán đoán không đúng. Ngay cả trong trường hợp không đúng như vậy, quá trình tiến triển tự nhiên của các trận đánh thường chỉ là sự thay đổi thế thắng bằng một cách chậm rãi hoặc thay đổi đột biến nhưng lúc ban đầu không thấy rõ, như chúng tôi đã trình bày. Chỉ dần dần, sau mỗi đợt chiến đấu nó mới lại đậm nét hơn, rõ rệt hơn, chứ không phải là một sự dao động, một sự lúc lắc qua lại như người ta thích tả trong các giai thoại chiến tranh bịa đặt.

Cho dù sự chênh lệch có rất nhỏ bé trong một thời gian khá dài, hoặc thế thắng bằng đặt ở phía này lại mất đi ở phía này lại mất đi ở phía kia thì điều

dưới đây vẫn là chắc chắn:

- Một tướng bại trận không thể không cảm thấy như thế trước lúc rút lui khá lâu;

- Một biến cố bất ngờ đột nhiên đè nặng lên diễn biến của toàn bộ chiến cuộc: điều này chỉ có thể có trong trí tưởng tượng của những kẻ hay tô vẽ trận đánh bằng cách kể chuyện, song lại không biết cách làm cho trận đánh thắng lợi.

Tới đây, chúng tôi kêu gọi sự xét đoán vô tư của những người có một số kinh nghiệm nào đó. Chúng tôi tin chắc rằng họ sẽ thấy chúng tôi nói có lý và thay chúng tôi trả lời những bạn đọc thiếu kinh nghiệm chiến tranh. Muốn

chứng minh rằng tình hình trên có nguyên nhân trong bản chất của sự vật, ta cần đi sâu vào lĩnh vực chiến thuật tức là lĩnh vực của vấn đề này, nhưng ở đây chúng ta chỉ nghiên cứu kết quả của nó mà thôi.

Khi chúng tôi nói rằng, người tướng bại trận trước khi quyết định bỏ cuộc, hầu như bao giờ cũng cảm thấy trước đó một thời gian cái kết quả bi đát sẽ xảy đến, là chúng tôi mặc nhiên thừa nhận những dẫn chứng ngược lại, nếu không ý kiến của chúng tôi tự nó sẽ trở thành mâu thuẫn. Nếu chiều hướng căn bản của trận đánh đã bộc lộ sự thất bại chắc chắn thì không nên tung lực lượng vào nữa vì không còn hy vọng xoay chuyển tình thế và do đó bước ngoặt quyết định ấy chỉ được tiến hành vào sát lúc rút lui. Thực

tế đã có những trường hợp mà một chiến dịch, tuy đã xoay hướng rõ rệt về một phía nào đó nhưng rồi lại kết thúc ở hướng ngược chiều. Song, đây chỉ là ngoại lệ chứ không phải là quy tắc.

Tuy nhiên, mọi vị tướng mang vận mệnh hẩm hiu lại thường hy vọng vào những trường hợp ngoại lệ ấy, và ông ta còn có khả năng - dù mỏng manh đến đâu - để xoay chuyển tình thế thì ông ta còn bị buộc phải ôm lấy hy vọng đó. Ông ta hy vọng rằng: với những cố gắng, với việc kích thích các lực lượng tinh thần hoặc do bản thân cố gắng vượt bậc hoặc do một may mắn bất ngờ, ông ta sẽ xoay chuyển được vận hội; còn tinh thần dũng cảm và sự sáng suốt thì ông ta còn đi theo hướng đó. Trước khi chấm dứt vấn

đề này, chúng ta hãy nghiên cứu những triệu chứng của sự biến đổi thể thăng bằng.

Kết quả chung là tổng số của các kết quả bộ phận. Có ba loại kết quả của những cuộc giao chiến khác nhau.

Trước tiên là lực lượng tinh thần giản đơn, tức là lương tâm của người chỉ huy. Khi viên sư đoàn trưởng thấy các tiểu đoàn của mình bị đánh quy, điều đó sẽ ảnh hưởng tới phong cách chỉ đạo cũng như trong các báo cáo của ông ta, nhưng cái này lại sẽ tác động tới những biện pháp mà người tổng chỉ huy sẽ sử dụng. Ngay cả những trận giao chiến bộ phận kết thúc không tốt nhưng bề ngoài đã được hồi phục cũng vẫn là những trận

giao chiến thất bại, vì những ấn tượng về những kết quả đó cũng đã tích lũy một cách tự nhiên trong tâm trí của người chỉ huy, có khi ngoài cả ý muốn của ông ta.

Sau đó là tốc độ tan rã của các đơn vị, khi trận đánh có nhịp độ chậm hơn, ít náo động hơn, điều đó lại càng dễ thấy.

Cuối cùng là việc mất đất.

Tất cả những điều đó là kim chỉ nam của người tướng nhờ đó ông ta biết hướng con tàu mình đang lái đi theo hướng nào. Nếu không có gì bù đắp vào những phân đội pháo đã bị tiêu diệt hoàn toàn, nếu những tiểu đoàn bộ binh đã bị kỵ binh đối phương xuất hiện đông đảo khắp nơi nghiền nát, nếu tuyến hỏa lực trong đội hình chiến đấu của ông ta cứ

lùi một cách bất đắc dĩ từ điểm này tới điểm khác, nếu những cố gắng để đoạt lại một số nơi bị mất đã thành vô ích và nếu những tiểu đoàn xung kích thường xuyên bị tan tác bởi những trận mưa đạn, nếu hỏa lực pháo binh của chúng ta phản ứng yếu ớt trước những loạt đạn của đối phương, nếu các tiểu đoàn nhanh chóng tan rã một cách không bình thường, dưới hỏa lực địch, do chỗ nhiều kẻ không bị thương cũng bỏ cuộc như người bị thương, lại có cả những sư đoàn đã bị cô lập và bị bắt do kế hoạch chiến dịch rối loạn, và nếu đường rút lui bắt đầu bị uy hiếp thì người chỉ huy phải biết nhận ra con đường tiến triển của trận đánh qua những dấu hiệu ấy. Trận đánh càng kéo dài, bước phát triển tất yếu càng rõ nét,

bước ngoặt thuận lợi càng khó khăn thì càng phải mau chóng quyết định bỏ cuộc. Đó là cái thời điểm mà chúng tôi sắp nói tới.

Đã nhiều lần chúng tôi nói tỷ lệ lực lượng dự bị còn nguyên vẹn là yếu tố căn bản nhất của quyết định cuối cùng. Người chỉ huy nào thấy về mặt đó ưu thế quyết định đã thuộc về đối phương thì buộc phải rút lui. Tác chiến hiện đại có điểm độc đáo là hết thấy mọi tai họa và mọi tổn thất mà người ta đã phải chịu đựng đều có thể được khắc phục nhờ những lực lượng còn nguyên vẹn ấy. Vì tổ chức đội hình chiến đấu kiểu mới, phương pháp điều động bộ đội tham chiến cho phép ta sử dụng những lực lượng đó ở khắp mọi nơi và trong mọi

tình huống. Một người chỉ huy, tuy có vẻ kém thế hơn đối phương, nhưng nếu còn một lực lượng dự bị trội hơn, tất sẽ không chịu bỏ cuộc. Nhưng khi lực lượng dự bị của ông ta bắt đầu yếu hơn của đối phương thì phải dứt khoát coi như là đã có quyết định rồi, và công việc ông ta đã cố tiến hành thì lệ thuộc một phần vào mức độ dũng cảm của tình huống đặc biệt, một phần vào mức độ dũng cảm kiên trì của ông ta; nhưng những đức tính này cũng không thể trở thành thái độ ngoan cố lỗi thời. Làm thế nào để đánh giá đúng đắn mối tương quan giữa các lực lượng dự bị của mình và của đối phương là một vấn đề thuộc kỹ xảo của mỗi người chỉ huy, chúng tôi không thể bàn tới ở đây. Chúng tôi chỉ đề

cập tới cái kết quả đã hình thành trong đầu óc ông ta. Nhưng bản thân cái kết quả ấy không phải là cái yếu tố căn bản nhất của quyết định chính thức, và một lý do chỉ dần dần mới rõ nét không thể tạo nên một quyết định như vậy. Đó chỉ mới là xu hướng hoàn toàn chung, còn bản thân quyết định lại đòi hỏi phải có những lý do rõ rệt hơn nữa. Những lý do ấy, chủ yếu và bao giờ cũng thường thuộc vào hai loại sau: Mối nguy hiểm của việc rút lui và khi màn đêm buông xuống.

Nếu mỗi bước phát triển mới của trận đánh, đường rút lui ngày càng bị uy hiếp và lực lượng dự bị đã bị tan rã đến mức độ không đủ khả năng tạo nên một luồng gió mới thì chỉ còn một cách là khuất phục trước số mệnh, và nên tiến

hành một cuộc rút lui có trật tự để có thể cứu vãn những cái gì còn cứu vãn được. Vì để lâu hơn sẽ mất hết trong khi tháo chạy và tan rã.

Đêm đến thường làm cho mọi cuộc giao chiến phải ngừng lại. Vì một cuộc giao chiến ban đêm chỉ có thể trong những điều kiện đặc biệt. Nhưng việc rút lui ban đêm lại thuận lợi hơn ban ngày, vì vật người nào đã cảm thấy rút lui là việc khó tránh hoặc hoàn toàn không tránh được nữa, tất sẽ lợi dụng đêm tối để thực hiện việc đó.

Ngoài hai lý do phổ biến và căn bản đã nói trên, có thể còn có nhiều lý do khác, tuy ít quan trọng hơn, nhưng đặc biệt không coi thường. Vì một khi trận

đánh càng xoay sang chiều hướng làm lệch hoàn toàn thế thăng bằng thì mỗi kết quả nhỏ bé bộ phận lại càng có ảnh hưởng. Vì vậy, một quân đội pháo binh bị mất, một vài trung đoàn bộ binh tham chiến đúng lúc và thu được kết quả tốt phải chăng có thể làm cho người chỉ huy buộc phải thực hiện ý định rút lui, trước đó mới chỉ chớm nở trong tư tưởng.

Để kết thúc chương này, chúng ta hãy dừng một lát ở loại chiến đấu mà lòng dũng cảm và trí thông minh đối chọi với nhau trong đầu óc người chỉ huy.

Nếu uy quyền và sự kiêu căng, nghị lực không gì lay chuyển nổi, tính kiên nghị bẩm sinh và lòng tự hào cao quý đã nắm giữ, không cho kẻ chiến thắng rời bỏ

chiến trường, vì đó là danh dự của anh ta, thì lý trí lại khuyên anh ta đừng tung ra tất cả, đừng sử dụng tới con chủ bài cuối cùng mà phải để dành lực lượng cần thiết cho cuộc rút lui có trật tự. Trong chiến tranh, dù lòng dũng cảm và ý chí kiên nghị có được đánh giá cao đến bao nhiêu đi nữa, dù người ta có thể hy sinh tất cả để đạt được thắng lợi mỏng manh thì vẫn còn một điểm không thể vượt qua được, vì nếu vượt qua đó thì tính kiên trì chỉ là sự điên rồ tuyệt vọng mà không một nhà phê bình nào có thể tán thành được cả.

Trong trận đánh nổi tiếng nhất từ xưa tới nay- trận Oa-téc-lô, Bô-na-pác đã tung mọi sức lực cuối cùng của mình ra nhằm hy vọng thay đổi thế trận đã không

sao cứu vãn nổi. Ông ta đã cạn túi trước khi phải bỏ chạy khỏi chiến trường và bỏ luôn cả nền đế chế, y như một kẻ khôn quần.

Chương 10

TRẬN CHỦ YẾU

Ảnh hưởng của chiến thắng

Tùy theo quan điểm của mỗi người, một số trận đánh lớn có kết quả phi thường hoặc không có kết quả gì, đều có thể làm ta ngạc nhiên. Một trận thắng lớn tất có ảnh hưởng lớn; bản chất của ảnh hưởng ấy thế nào? Chúng ta hãy ngừng một lát để nghiên cứu các vấn đề này.

Người ta có thể phân biệt ba vấn đề một cách dễ dàng: ảnh hưởng của thắng lợi đối với bản thân của công cụ thắng lợi, tức là đối với những người chỉ huy và quân đội của họ, ảnh hưởng đối với các quốc gia liên quan, ảnh hưởng đó tác động đến diễn biến sau này của chiến

tranh như thế nào.

Khi người ta nghĩ đến mức độ chênh lệch giữa số lượng những người bị chết, bị thương, bị bắt và số pháo bị mất ở chiến trường của cả bên thắng lẫn bên bại trận, dù ít ỏi đến thế nào đi nữa thì hậu quả của cái điều vô nghĩa lý ấy cũng hoàn toàn khó hiểu, tuy mọi việc thường diễn biến một cách quá tự nhiên. Chúng tôi đã nói ở **Chương 7** rằng cái giá của một chiến thắng không phải chỉ tăng lên cao hơn nhiều. Về mặt tinh thần, kết quả của một cuộc giao chiến lớn có ảnh hưởng nhiều đối với kẻ bại hơn là đối với kẻ thắng: những ảnh hưởng đó lại gây thêm những tổn tại vật chất lớn hơn, những tổn thất này lại dội ngược lại với yếu tố tinh thần và cứ thế dựa vào nhau

mà mạnh lên thêm mãi. Cần có một sự quan tâm đặc biệt tới những ảnh hưởng tinh thần trên, chúng phá hoại tinh lực của kẻ bại trận nhưng lại kích thích thêm nghị lực của kẻ thắng trận. Song, những ảnh hưởng nổi nhất thường rất rõ nét ở kẻ bại trận và sẽ trở thành nguyên nhân trực tiếp của những tổn thất mới; nói chung, bản chất của tổn thất đồng nhất với bản chất của nguy hiểm, của cố gắng và thiếu thốn thực sự, và với tất cả mọi điều kiện nghiêm trọng, môi trường vận động của chiến tranh.

Ảnh hưởng của tổn thất lại tạo điều kiện gây nên tổn thất mới; nhưng về kẻ chiến thắng, tất cả những tình huống ấy lại kích thích tinh thần và lòng dũng cảm của họ. Như vậy là kẻ bại trận bị tuột

xuống dưới mức ban đầu nhiều hơn là mức trỗi lên của kẻ thắng trận. Vì vậy, khi nói đến ảnh hưởng của thắng lợi, chúng tôi thường nghĩ đến những tác hại từ phía quân đội bại trận. Nếu trong một trận giao chiến lớn, ảnh hưởng này mạnh hơn là một trận giao chiến nhỏ, thì nó lại càng mạnh hơn nhiều ở một trận giao chiến nhỏ, thì nó lại càng mạnh hơn nhiều ở trận chiến chủ yếu so với trận thứ yếu. Trận chủ yếu tồn tại vì bản thân nó, cho thắng lợi mà nó phải đảm bảo và muốn đoạt thắng lợi ấy người ta phải hoạt động với những nỗ lực cao nhất. Phải thắng đối phương, ở chỗ này vào thời gian nào đó quyết tâm đầu mỗi quy tụ mọi sợi chỉ của kế hoạch tác chiến, mọi hy vọng xa xôi và những ước đoán còn mơ hồ về

tương lai. Chúng ta được đẩy tới trước số mệnh, nó sẵn sàng giải đáp câu hỏi táo bạo của chúng ta. Không phải chỉ riêng mình người chỉ huy mà còn cả toàn đơn vị của ông ta, kể cả những người lính bình thường nhất cũng đều bị lúng túng trong trạng thái tinh thần căng thẳng mà mức độ sẽ giảm dần dần. Bao giờ cũng thế, và theo đúng nghĩa của nó, những trận đánh chủ yếu không hề có nghĩa là sự thực hiện đơn giản một nhiệm vụ bất ngờ mà là một hành động lớn lao, khác các hoạt động bình thường khác, vì bản thân hoặc vì ý muốn của người chỉ huy, nó có thể làm cho mọi đầu óc càng căng thẳng. Nhưng sự căng thẳng đó càng gắn chặt với điểm kết thúc thì ảnh hưởng của điểm kết thúc này càng mạnh.

Ảnh hưởng tinh thần của chiến thắng trong các trận đánh ngày nay cũng lớn hơn là trong các trận đánh đầu tiên của lịch sử chiến tranh hiện đại. Nếu giao chiến, như chúng tôi đã nói, là một cuộc ganh đua tới lúc lực lượng bị kiệt quệ thì tổng số của các lực lượng vật chất và tinh thần ấy sẽ có giá trị quyết định hơn bất cứ sự sắp đặt đặc biệt nào khác, và hơn cả yếu tố ngẫu nhiên nữa.

Một sai lầm về sau có thể được sửa chữa, và một lúc nào khác vận may hoặc ngẫu nhiên cũng lại có thể ủng hộ ta, nhưng tổng số các lực lượng vật chất và tinh thần thì không thể biến đổi một cách mau lẹ, do đấy sự phán quyết của thắng lợi sẽ có tầm quan trọng hơn trong tương lai. Rất có thể, trong đám những kẻ đã

tham dự vào một trận chiến đấu, dù là thành viên của quân đội hay không, ít người đã nghĩ đến điểm khác nhau ấy; nhưng rồi chính quá trình diễn biến của những trận đánh sẽ làm cho tất cả những ai đã tham gia đều phải công nhận. Quá trình tiến triển ấy, như đã thể hiện trong các thông báo chính thức, tuy đã mờ nhạt đi vì những chi tiết thêm vào sau, nhưng cũng vẫn còn thừa sức chứng minh cho mọi người biết rằng những nguyên nhân quyết định thường có tính phổ biến hơn là cá biệt.

Người nào chưa hề có mặt trong một trận thua lớn, khó có thể hình dung ra được một ý niệm sinh động về nó, tức là một ý niệm hoàn toàn xác thực, và những khái niệm trừu tượng về một thất bại- của

một trận đánh lớn. Chúng ta hãy dừng lại một lát ở tình huống này.

Sự việc trước tiên đập vào trí tưởng tượng - và người ta cũng có thể nói: đập vào lý trí sau một trận đánh thất bại chính là những khối quân đội bị tan rã, là phần đất đai bị mất. Nếu bên tiến công không được may mắn thì ít nhiều cũng bị như thế. Tiếp đó, đến trật tự ban đầu bị phá hoại. Mọi bộ phận bị rối loạn, những hiểm nghèo của việc rút lui như bao giờ đã xảy ra ở một mức độ nào đó. Cuối cùng là đến việc rút lui thực thụ, thường nhiều được tiến hành vào đêm. Và trong các cuộc hành quân đầu tiên này người ta đã bỏ rơi lại phía sau hàng đoàn người bị kiệt sức, thất tán: họ thường là những người can đảm nhất, những người đã

xông xáo xa nhất. Khi còn ở trận chiến, ấn tượng lúc đầu chỉ ám ảnh các sĩ quan cao cấp thì bây giờ đã xâm nhập vào mọi cấp, cho tới cả người binh nhì; tình cảm càng nặng nề, đau đớn thêm vì phải để lại trong tay địch biết bao nhiêu chiến hữu thân yêu đã gắn bó với nhau trong lửa đạn, nó còn nặng nề hơn nữa vì lòng tin tưởng vào những người chỉ huy bắt đầu giảm sút; các cấp dưới đều bắt cấp trên phải chịu trách nhiệm về những cố gắng vô ích mà họ đã bỏ ra. Ấn tượng thua trận không phải là một ý nghĩ đơn giản và dễ vượt qua; trái lại, ưu thế của quân thù là một sự thật hiển nhiên; lúc đầu, chính những nguyên nhân tạo nên sự thật trên đã che giấu, chúng nên ta đã thấy rõ, nhưng khi trận đánh kết thúc thì

chúng bộ lộ ra rõ ràng và đậm nét. Có thể là người ta đã phán đoán được rất sớm, nhưng do thiếu tài liệu xác thực, nhưng người ta đã hy vọng vào sự ngẫu nhiên, và lòng tin ở may rủi và số mệnh, ở lòng dũng cảm và tính mạo hiểm. Hết thấy những cái đó đều chẳng có hiệu quả gì và sự thật tàn nhẫn đã áp đảo với tất cả sức nặng của nó.

Tất cả những ấn tượng trên còn rất xa mới đi đến tình trạng kinh hoàng tan rã: một quân đội có đạo đức quân sự cao không bao giờ bị rơi vào tình trạng kinh hoàng như thế, nhưng đối với các đạo quân khác thì chưa cần đợi đến thua trận, tình hình đó đã xảy ra rồi. Những đội quân tinh nhuệ nhất cũng vẫn mang ấn tượng ấy, và đôi lúc do binh sĩ đã dày

dạn trong chiến đấu đã chiến thắng, hoặc do tin tưởng mạnh mẽ vào người chỉ huy nên ấn tượng có thể bị giảm nhẹ. Nhưng không bao giờ có thể tránh khỏi những lúc ban đầu. Có những ấn tượng ấy cũng không phải là lý do mất chiến lợi phẩm: tổn thất này thường chỉ xảy ra về sau và không phải ai cũng biết ngay được. Vì vậy, kể cả lúc thế thắng bằng thay đổi dần dần từng bước một, người ta vẫn có ấn tượng trên và khi nào chúng cũng là cái căn cứ của ảnh hưởng chiến thắng mà người ta có thể tin cậy chắc chắn.

Chúng tôi cũng đã nói rằng số lượng chiến lợi phẩm bị mất đã làm ấn tượng này càng mạnh thêm.

Trong điều kiện ấy, với tư cách là

một công cụ, quân đội đã bị yếu đi biết chừng nào. Phải chăng có thể hy vọng ở một đạo quân đã bị yếu đi như thế - một đạo quân như chúng tôi đã nói, phải đụng đầu với những kẻ thù mới giữa lúc đang lúng túng giữa mọi khó khăn thông thường của chiến tranh - lại có một nỗ lực mới để đoạt lại những cái đã mất? Trước khi chiến đấu, tất nhiên cả hai đều có một thế thắng bằng thực tế tương đương. Nhưng thế thắng bằng này đã bị phá vỡ và muốn khôi phục lại cần phải có một nguyên nhân bên ngoài. Thiếu sự viện trợ khách quan ấy, mọi nỗ lực mới chỉ đem đến tổn thất.

Như vậy, bất cứ một thắng lợi nhỏ nào của đạo quân chủ yếu cũng sẽ làm cán cân nghiêng về phía mình tới lúc này

ra những điều kiện mới tạo nên chuyển biến. Nếu chẳng có triệu chứng gì giúp ta nhận định ra những điều kiện đó và nếu kẻ chiến thắng vì khát vọng vinh quang, tiếp tục theo đuổi những mục tiêu lớn và để cho chúng ta được lúc nào yên tĩnh, thì cần phải có một người chỉ huy siêu việt và đội quân có đức tính quân sự trầm tĩnh, được tôi luyện trong nhiều chiến dịch, mới có thể ngăn chặn được sóng triều yếu ớt nhưng kiên trì cũng đủ cam chịu được những cơn sóng dữ và như thế, chỉ một thời gian, sức mạnh của bên chiến thắng sẽ phải tự tiêu hao.

Bây giờ, chúng ta hãy nghiên cứu xem việc thua trận đã tác động ra ngoài quân đội, tới chính phủ và quốc gia thua trận thế nào?

Ảnh hưởng đó là mọi kỳ vọng to lớn bị sụp đổ bất thành linh, lòng tự tin bị tiêu tán. Các lực lượng bị tiêu diệt gây nên những chỗ trống, và sự sợ hãi lan tràn khắp nơi dẫn đến trạng thái tê liệt hoàn toàn. Đó chính là trạng thái tê liệt do tia lửa điện mạnh truyền vào một trong hai lực sĩ. Ảnh hưởng đó có cường độ khác nhau nhưng không lúc nào là không có. Ai ai cũng xoay xở để ngăn chặn tai biến, tuy mọi người đều ngần ngại khi phải bỏ ra những cố gắng một sự nghiệp đã hết thời. Người ta do dự, người ta dừng lại, và lẽ ra cần phải lao về phía trước, người ta lại tự dìm mình trong thất vọng và phó mặc cho định mệnh.

Tuy nhiên, ảnh hưởng ấy của chiến

thắng đối với quá trình tiến triển của chiến tranh chỉ phụ thuộc một phần vào tính cách và tài năng của viên chỉ huy thắng trận, còn chủ yếu là nhờ ở những tình huống đã làm nảy sinh ra thắng lợi và những tình huống do thắng lợi đẻ ra. Nếu người chỉ huy thiếu dũng khí và tinh thần dám đánh thì dù thắng lợi có rực rỡ nhất cũng chẳng thể có kết quả lớn và sức mạnh của nó sẽ ngày càng giảm sút nhanh hơn nữa khi đụng chạm với thực tế, nhất là khi thực tế đó đã trở thành sức đối kháng mãnh liệt. Phrê-đê-rích Đại đế có thể lợi dụng chiến thắng Co-lin một cách khác hơn Đao, và đối với nước Pháp, chiến dịch Lơ-then có thể có những kết quả hoàn toàn khác với nước Phổ.

Chúng ta sẽ nghiên cứu bằng cách điểm mục những vấn đề có liên quan tới những tình huống cho phép ta phán đoán được một chiến thắng lớn sẽ có tác động lớn như thế nào. Chúng ta có thể chứng minh về sự không cân đối giữa quy mô của một chiến thắng với những ảnh hưởng của nó; người ta có khuynh hướng cho rằng có sự mất cân đối này là vì người chỉ huy thiếu quyết tâm. Ở đây chỉ bàn tới trận chủ yếu nên chúng tôi chỉ nói rằng: những ảnh hưởng nói trên nhất định sẽ xảy ra sẽ tăng lên cùng với quy mô của thắng lợi và trận đánh càng có tính chất là trận chủ yếu thì ảnh hưởng đó lại càng tăng cao lên, nghĩa là ảnh hưởng của trận chủ yếu ngày càng bao trùm toàn bộ sức mạnh của dân tộc, và sức mạnh

này bao trùm toàn bộ nhà nước.

Nhưng về mặt lý thuyết, có thể coi những ảnh hưởng ấy của thắng lợi như một kết quả không thể tránh được không? Hay ngược lại phải cố gắng tìm ra biện pháp để hạn chế hoặc biến nó thành vô hiệu? Tất nhiên là phải khẳng định điều đó; nhưng cầu mong thượng đế phù hộ cho chúng ta khỏi sa vào con đường mà phần lớn các nhà lý thuyết đã lạc bước, con đường đó chỉ dẫn đến những cuộc bàn cãi mà bên tán thành cũng như bên phản đối đều tự hủy lẫn nhau.

Cái ảnh hưởng chúng tôi nói đó dứt khoát là không thể tránh được, vì nó thuộc về bản chất của sự vật và dù ta có tìm cách nào để ngăn chặn thì nó cũng

phát sinh; chẳng khác gì con đường vận hành của một viên đại bác phát triển theo chiều vận của trái đất, dù ta bắn nó từ hướng Đông sang hướng Tây và một phần của tốc độ chung có bị giảm đi do sự vận động ngược chiều ấy gây ra.

Bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng đều được giả định từ những nhược điểm của con người, và khi nào nó cũng được chỉ đạo để chống lại các nhược điểm đó.

Sau này, lúc nào đó chúng ta sẽ tự đặt vấn đề là phải làm gì khi trận đánh chủ yếu thất bại, khi chúng ta nghĩ tới những biện pháp còn có thể vận dụng để thoát ra khỏi tình thế tuyệt vọng nhất, khi mà dù cho tình thế đã xảy ra như thế nào chúng ta cũng vẫn tiếp tục giữ vững lòng

tin ở khả năng giành lại được thắng lợi. Nhưng điều đó không có nghĩa là lâu dần rồi cũng có thể xóa bỏ được hậu quả của một trận thất bại như thế. Những lực lượng và biện pháp được huy động để khắc phục tai họa phải được sử dụng mà những mục đích tích cực, và điều này có thể ứng dụng cho cả lực lượng tinh thần lẫn vật chất.

Một vấn đề khác cần phải tìm hiểu là: trận chủ yếu đã thất bại liệu có thể làm cho những lực lượng đang nằm im bưng tỉnh dậy hay không. Trường hợp ấy cũng có thể có và thực đã xảy ra ở nhiều nước. Nhưng vấn đề tạo nên sự phản ứng mạnh mẽ ấy không phụ thuộc vào nghệ thuật chiến tranh, ta chỉ cần chú ý dự tính đối phó với nó trong trường hợp cần

thiệt mà thôi.

Nếu có những trường hợp mà chiến thắng lại có hậu quả bất lợi vì nó gây ra sự phản ứng của các lực lượng - trường hợp này hoàn toàn ngoại lệ - thì ta càng phải thấy rằng: ảnh hưởng của một chiến thắng biến đổi rất nhiều, tùy theo phẩm chất của nhân dân và nhà nước bị thua trận.

Chương 11

TRẬN CHỦ YẾU

Tác dụng của trận đánh

Dù việc chỉ đạo chiến tranh được tiến hành dưới hình thức nào, trong những trường hợp đặc biệt nào, và dù sau này chúng tôi có cho rằng phương diện nào đó của việc chỉ đạo chiến tranh là cần thiết, thì chắc rằng chỉ cần nhắc lại định nghĩa về chiến tranh cũng sẽ làm cho chúng ta nhất trí về những điểm sau:

1. Tiêu diệt các lực lượng vũ trang của đối phương là nguyên tắc tối cao của chiến tranh và là con đường chủ yếu để đi tới đích của tất cả những cái gì có liên quan tới hành động tích cực.

2. Việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang **chủ yếu** phải thông qua giao chiến.

3. Chỉ những cuộc giao chiến có tính chất tổng hợp mới đem lại những hiệu quả lớn.

4. Chính việc hợp nhất nhiều cuộc giao chiến vào một trận lớn mới đem lại những kết quả lớn nhất

5. Chỉ những trận đánh chủ yếu mới do đích thân người tổng chỉ huy điều khiển, và dĩ nhiên ông ta cũng muốn tự mình đảm đương việc ấy.

Từ những chân lý đó, ta có thể rút ra một quy luật kép có hai mặt nương tựa vào nhau, nghĩa là việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch chủ yếu phải

thông qua các trận đánh lớn cùng kết quả với chúng và mục đích căn bản của trận đánh lớn là phải tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch.

Tất nhiên, có những biện pháp khác cũng chứa đựng ít nhiều nội dung các nguyên tắc tiêu diệt: rõ ràng, cũng có trường hợp nhờ một cơ hội ngẫu hợp may mắn mà chỉ bằng một cuộc giao chiến nhỏ, ta cũng có thể tiêu diệt được một đội quân lớn của đối phương (trận Maxen). Ngược lại, việc đánh hoặc giữ một vị trí nhỏ lại thường có thể là một mục tiêu quan trọng bậc nhất của một trận đánh lớn. Nhưng nói chung, những trận đánh lớn chỉ được tiến hành với mục đích là tiêu diệt lực lượng quân thù và tiêu diệt ấy chỉ có thể thực hiện được

bằng trận đánh chủ yếu: đó là hoàn toàn đúng chân lý.

Trận đánh chủ yếu phải được coi như một cuộc chiến tranh tập trung như một trọng điểm của mọi cuộc chiến tranh tập trung, như trọng trọng điểm của mọi cuộc chiến tranh và chiến dịch. Mọi tình lực và mọi tình huống của chiến tranh tụ hợp ở trận đánh chủ yếu đã tạo nên một ảnh hưởng cô đọng và cao nhất, hết như nhưng tia mặt trời tập trung ở tiêu điểm của mặt gương lõm thành một hình ảnh hoàn hảo và từ đó sinh ra sức sáng trắng tối đa.

Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, việc tập hợp các lực lượng vũ trang thành một tổng thể cũng nổi ý đồ định sử

dụng cái tổng thể ấy để giáng một đòn quyết định nếu ta là người tiến công, hoặc để trả đũa nếu ta là người phòng ngự. Nếu không xảy ra đòn quyết định ấy thì có thể vì những nguyên nhân nào khác đã pha loãng và làm nhụt ý chí cừ địch ban đầu, và có thể yếu tố hòa hoãn hoặc trầm trể đã làm cho hành động suy yếu, biến đổi hoặc ngừng trệ hoàn toàn. Nhưng ngay cả khi cả hai bên đang ở trạng thái tĩnh, như đã xảy ra trong nhiều cuộc chiến tranh thì cả hai bên, ý thức về một trận đánh lớn có thể bao giờ cũng là một mục tiêu cần chú ý từ xa, một điểm chuẩn định hướng cho mọi kế hoạch. Chiến tranh càng có tính chất chiến tranh thực sự, lòng cừ hận và chí căm thù càng được thả sức tung hoành thì càng

trở thành một tranh giành ưu thế của bên này hoặc của bên kia, càng tập trung mọi hoạt động trong trận huyết chiến thì tầm quan trọng của trận chủ yếu càng lớn.

Khi mục tiêu có tính chất trọng đại, tích cực, tức là có tính chất làm tổn hại sâu sắc cho đối phương thì trận đánh chính sẽ là một phương diện tự nhiên nhất để đạt được mục đích ấy. Vì thế trận chủ yếu cũng là phương diện tốt nhất, như chúng tôi đã có dịp chứng minh, và người nào vì e sợ những quyết định to lớn mà lảng tránh vấn đề ấy, tất sẽ phải hối tiếc sau này.

Mục đích tích cực là sự nghiệp của người đi tiến công và tất nhiên trận đánh chủ yếu là phải là phương diện đặc biệt

nhất của họ. Không thể trình bày ở đây một định nghĩa sáng sủa hơn nữa về tiến công và phòng ngự, chúng ta cần chú ý là ngay cả kẻ phòng ngự cũng thường không có phương tiện nào khác tương đối có hiệu quả để đối phó được với những đòi hỏi của tình thế và giải quyết những vấn đề tự đó đẻ ra.

Trận đánh chủ yếu là giải pháp đẫm máu nhất. Tất nhiên, đó không phải đơn thuần là một cuộc tàn sát lẫn nhau, nó phải đạt được kết quả là tiêu diệt tinh thần dũng cảm hơn là tiêu diệt chính các chiến binh của kẻ thù. Chúng tôi sẽ bàn đến vấn đề này ở chương sau. Tuy vậy, bao giờ nó cũng vẫn lấy máu để tính giá, và tính chất cũng như tên gọi của nó đều

do việc hạ sát^[10] đối phương mà ra; chính vì lẽ đó nên khía cạnh nhân đạo của người tướng có thể làm ông ta rung mình và chùn bước.

Nhưng tâm lý con người lại thường bốc lên mạnh mẽ hơn nữa khi nghĩ rằng chỉ độc có một trận đánh cũng đủ đi đến quyết định. Mọi hoạt động đều tập trung vào dọc một điểm của không gian và thời gian. Trong những lúc ấy, chúng ta thường bị ám ảnh bởi cái cảm giác hồ cho rằng sức lực của chúng ta chưa được hoàn toàn triển khai trong một không gian hạn chế như vậy, rằng chúng ta còn có thể thắng hơn nữa nếu tranh thủ được thời gian tuy thời gian ấy chẳng phụ thuộc gì vào chúng ta. Đó chỉ là một ảo tưởng,

nhưng dù chỉ là ảo tưởng đi nữa thì nó cũng đã là một cái gì. Cái cảm giác khó chịu ấy đè nặng lên chúng ta bất lúc nào cần phải có quyết định lớn lao, và đôi lúc lại càng rất sâu sắc ở viên tướng đang đứng trước tình thế ngàn cân treo sợi tóc^[11].

Vì vậy, các chính phủ và các tướng lĩnh đều luôn cố gắng tìm cách tránh trận chủ yếu mà vẫn đạt được mục đích, hoặc từ bỏ mục đích ấy nhưng lại làm ra vẻ không có gì xảy ra. Sau này, các nhà lý luận và các nhà viết dã sử hoài công cố tìm ở những phương diện khác trong các chiến dịch và các cuộc chiến tranh ấy, không phải chỉ thấy sự tương xứng với quyết định đã tránh được, mà còn cho đó

là những dấu hiệu của một nghệ thuật cao. Bởi thế nên trong lĩnh vực kinh tế chiến tranh, ngày nay người ta hầu như đi đến nhận định coi trận chủ yếu là một tai họa do những sai lầm đưa đến, coi đó là một triệu chứng bệnh hoạn mà một tổ chức tiến hành chiến tranh khôn ngoan và khéo léo không bao giờ mắc phải. Vinh quang chỉ đến với những vị tướng biết điều khiển chiến tranh không đổ máu, và lý thuyết chiến tranh sẽ là một thứ tôn giáo để dạy dỗ cái phương pháp đó.

Lịch sử hiện tại đã khai tử cho ảo tưởng ấy, nhưng chẳng ai dám bảo đảm rằng lúc nào đấy nó lại không trỗi dậy ở chỗ này chỗ khác trong một khoảng thời gian dài hoặc ngắn, và không làm cho những người có trách nhiệm phạm phải

sai lầm, do chiều theo nhược điểm và bởi vậy chiều theo hướng tự nhiên của con người. Có thể là giờ đây, rồi người ta sẽ coi những cuộc viễn chinh và các trận đánh của Bô-na-pác như những hành động dã man, ngu ngốc, và rồi người ta lại nhìn những thể chế và tập tục lỗi thời, lạc hậu bằng con mắt đầy thiện cảm, tin tưởng. Thực ra những thể chế và tập tục đó chỉ là lưỡi kiếm cùn mà thôi. Nếu lý thuyết đã làm cho chúng ta cảnh giác với mọi nguy hiểm nói trên tức là nó cũng làm được việc báo động đáng kể. Mong rằng, chúng tôi có thể giúp đỡ được những ai, trong tổ quốc thân yêu của chúng ta, khiến ý kiến của họ giành được ưu thế về vấn đề này. Mong rằng chúng tôi có thể hướng dẫn họ trong lĩnh vực

này để họ nghiên cứu vấn đề kỹ càng hơn.

Chúng tôi chỉ đi tìm những quyết định lớn trong những trận đánh lớn, không phải chỉ vì quan niệm của chúng tôi về chiến tranh mà còn vì kinh nghiệm nữa. Thời nào cũng vậy, chỉ có chiến thắng lớn mới đem đến những kết quả lớn, đó là điều hoàn toàn đúng đối với kẻ tiến công mà ít nhiều cũng đúng đối với cả kẻ phòng ngự. Bản thân Bô-na-pác cũng có thể chẳng được hưởng một trận thắng không tiền khoáng hậu trong lịch sử của Un-mơ^[12] nếu ông ta ngại đổ máu. Chỉ nên coi trận này như một thứ phẩm của những chiến thắng của ông ta.

Không phải chỉ có những vị tướng

kiên cường, táo bạo mà cả những vị tướng bách chiến bách thắng cũng tìm cách hoàn thành sự nghiệp của mình bằng cách mạo hiểm trong một trận quyết chiến. Làm sao có thể không chú ý tới một lời giải có sức nặng như vậy, một vấn đề có tầm quan trọng lớn như vậy.

Đừng ai nói với chúng tôi về những vị tướng đã từng chiến thắng mà không đổ máu. Cảnh chết chóc ghê rợn thật. Nhưng đó chỉ là một lý do nữa để đánh giá chiến tranh cao hơn, chứ không nên vì lòng nhân đạo mà để cho thanh kiếm đeo bên mình cùn đi, đợi đến lúc một kẻ mang thanh kiếm sắc đến chặt đầu chúng ta.

Chúng tôi coi trận đánh lớn như là

quyết định cơ bản của một cuộc chiến tranh hay một chiến dịch, nhưng đó không phải là khả năng duy nhất... Chỉ trong những thời kỳ gần đây, người ta mới thấy những trận đánh lớn quyết định cả một chiến dịch, còn trường hợp nó quyết định cả một cuộc chiến tranh thì rất hiếm.

Một trận lớn dẫn đến quyết định. Dĩ nhiên, quyết định này không phụ thuộc vào trận đánh ấy, nghĩa là nó không phụ thuộc vào số lượng của các lực lượng vũ trang tập trung ở đó hoặc vào cường độ của chiến thắng mà hàng loạt các vấn đề liên quan chặt chẽ tới sức mạnh quân sự sẵn có, và các quốc gia của hai bên đối địch. Nhưng trong khi đưa khối lượng chủ yếu của các lực lượng vũ trang hiện

có vào cuộc giao tranh, người ta mở đầu một quyết định chủ yếu mà tầm rộng lớn của nó có thể dự tính được ở nhiều mặt, chứ không phải ở tất cả mọi mặt. Nếu quyết định ấy không phải là cái duy nhất, thì ít ra cũng là cái đầu tiên, và với tính cách ấy, nó sẽ tác động vào tất cả những vấn đề khác. Một trận đánh chủ yếu, khi đã được trù liệu, ít nhiều bao giờ cũng phải ở trong một mức độ nhất định, được coi như trọng tâm và trọng điểm tạm thời của toàn bộ hệ thống. Tinh thần chiến đấu của một vị tướng mở màn chiến dịch càng mạnh (và phải là tinh thần của bất cứ cuộc chiến đấu nào) thì ông ta lại càng có tình cảm; có ý thức, nghĩa là càng có lòng tin rằng ông ta sẽ hạ được đối thủ - và ông sẽ thực hiện được thật;

ông ta sẽ lại càng ném toàn bộ lực lượng vào trận đấu với hy vọng và quyết tâm là trận này sẽ làm cho mình giải quyết được toàn bộ.

Bô-na-pác hầu như không bao giờ bước vào chiến tranh mà không có ý định đánh thắng đối phương ngay từ trận đầu; hoặc Phrê-đê-rích Đại đế, trong một mức độ thấp hơn hoặc trong cuộc khủng hoảng không trầm trọng bằng, cũng có một tâm trạng như thế khi ngài lãnh đạo một đoàn quân nhỏ, tìm cách bảo vệ tuyến sau chống lại quân Nga và Liên quân của Hoàng đế (Hoàng đế Áo- ND).

Như chúng tôi đã nói, quyết định của trận chủ yếu phụ thuộc một phần vào bản thân nó, tức là phụ thuộc vào tổng số

những lực lượng vũ trang được sử dụng và vào mức độ của thắng lợi.

Đối với điểm thứ nhất, chẳng cần giải thích là vị tướng phải làm như thế nào để khuếch trương tầm quan trọng của nó. Chúng ta chỉ cần nói rằng quy mô của trận chủ yếu càng lớn thì những vấn đề được giải quyết càng nhiều. Vì vậy, những viên tướng tự tin và thường hướng về những quyết định lớn bao giờ cũng cố gắng dành bộ phận lớn nhất của các lực lượng vũ trang vào trận ấy, nhưng không vì thế mà sao nhãng những điểm yếu khác.

- Còn ảnh hưởng, hay nói cho đúng hơn là cường độ của thắng lợi, lệ thuộc vào bốn vấn đề:

1. Hình thức chiến thuật của trận đánh

2. Tính chất địa hình.

3. Tương quan tỷ lệ giữa ba binh chủng.

4. Tương quan lực lượng.

Một cuộc chiến đấu trên những mặt trận song song không có bao vây khó kết thúc với một kết quả cũng quan trọng như một trận đánh mà quân đội thua trận bị bao vây hoặc buộc phải thay đổi mặt trận. Ở địa hình không bằng phẳng hoặc lồi lõm, lực lượng xung kích bị hạn chế nhiều, kết quả do vậy cũng kém hơn.

Nếu kẻ thua trận có kỵ binh tương đương hoặc trội hơn kẻ thắng trận thì

hành động khuếch trương chiến quả bằng truy kích tức là phát triển ảnh hưởng của thắng lợi sẽ bị giảm đi phần lớn.

Sau cùng, ta dễ dàng nhận thấy là nếu kẻ chiến thắng có ưu thế về số quân, biết lợi dụng ưu thế này để bọc sườn hoặc thúc ép đối phương phải thay đổi trận tuyến thì kết quả của thắng lợi tất sẽ lớn hơn khi số quân của chiến thắng không bằng số quân của kẻ thua trận. Có thể là trận Lơ-then sẽ làm làm cho người ta băn khoăn về giá trị thực tiễn của nguyên lý này; nhưng chúng tôi thường hay nói: ***không có quy tắc nào là không có ngoại lệ.***

Tất cả những biện pháp ấy sẽ cung cấp cho người chỉ huy phương tiện để

đẩy cuộc chiến của mình tới một bước ngoặt quyết định; dĩ nhiên là như vậy ông ta có thể gặp những nguy hiểm lớn hơn, nhưng chẳng phải là toàn bộ hoạt động của ông ta đã bị cái quy tắc động lực thuộc phạm trù tinh thần ấy chi phối đó sao?

Như vậy, trong chiến tranh không có gì quan trọng bằng trận chủ yếu và chính trong cách tìm phương tiện để tiến hành trận này, trong nghệ thuật chọn thời gian và địa điểm, trong việc sử dụng bộ đội, trong việc phát huy thắng lợi- tất cả những điều đó thể hiện tài năng chiến lược cao nhất.

Nhưng tầm quan trọng của những điều đó không có nghĩa là chúng có bản

chất rất phức tạp và mơ hồ; trái lại, chúng rất giản đơn vì chẳng cần phải có nghệ thuật gì lắm mới xây dựng nổi kế hoạch. Điều cần, đó là một sự nhạy bén trong việc đánh giá các hiện tượng, một nghị lực, một lô-gic không gì cưỡng nổi, tinh thần dám làm và khấn trương của thanh niên - những đức tính hào hùng mà sau này chúng ta sẽ còn phải bàn tới nhiều lần. Sách vở chỉ có thể dạy được rất ít (nếu những điều nói trên có thể dạy được), và một người tướng phải học hỏi nhiều hơn bằng cách khác, chứ không phải là bằng những cái trong sách vở.

Phải có ý thức về sức mạnh của bản thân mình, về những nhu cầu cấp thiết, nói một cách khác, phải có lòng dũng cả bẩm sinh và một trí tuệ sáng suốt được

rèn giũa trong kinh nghiệm sống, thì trận đánh chủ yếu mới có đà thúc đẩy tự động và tiến lên vững chắc.

Những gương sáng là những bài học tốt nhất, nhưng nếu lại bị sương mù của định kiến lý thuyết xen vào thật chẳng còn gì tồi tệ hơn, vì ngay cả những tia nắng mặt trời cũng bị sương mù chuyển hướng và nhuộm màu. Những định kiến ấy có thời kỳ đã lan tràn như khí độc, vậy nhiệm vụ cấp thiết nhất của lý thuyết là phải tiêu diệt nó đi, và chỉ có trí tuệ của con người mới có thể trừ bỏ được những sản phẩm sai lầm của chính bản thân mình.

Chương 12

BIỆN PHÁP CHIẾN LƯỢC ĐỂ SỬ DỤNG THẮNG LỢI

Chuẩn bị cho thắng lợi một cách chu đáo nhất là một điều rất khó và là một trong những bí quyết của chiến lược, tuy nó chẳng được người ta hoan nghênh lắm. Uy tín và vinh quang của chiến lược chính là ở chỗ sử dụng thắng lợi đã đạt được.

Mục tiêu đặc biệt của trận đánh, phương pháp hòa nó vào toàn thể bộ máy chiến tranh, con đường thắng lợi có thể dẫn tới đâu? điểm cao nhất của trận đánh ở đâu? - sau này, chúng tôi mới trả lời câu hỏi ấy được. Nhưng, dù bất kỳ tình thế như thế nào, nếu không được khai

thác thì thắng lợi không thể có tác động lớn. Con đường thắng lợi dù có ngắn đến thế nào đi nữa cũng cần phải đi tiếp những bước đầu tiên. Để khỏi phải luôn luôn nhắc lại nhận định này, ta hãy xét đến lợi ích bổ sung của thắng lợi nói chung.

Việc truy kích một đối phương bại trận phải được coi như đã bắt đầu ngay từ khi đối phương bỏ cuộc rút chạy. Hết thảy mọi cuộc vận động trước đó nhằm theo hướng này hay hướng khác đều không nằm trong cuộc truy kích ấy mà thuộc về cả quá trình tiến triển của trận đánh.

Thắng lợi đã xuất hiện vào lúc chúng tôi vừa nói trên, tuy đã rõ ràng

nhưng vẫn hãy còn mong manh và chưa chắc chắn. Và nếu ngay từ ngày đầu, thắng lợi ấy không được củng cố bằng việc truy kích quân thù thì sẽ chẳng chiếm được lợi lộc gì tích cực trong hàng loạt biến bố của chiến tranh. Chỉ vào lúc ấy, người ta mới thu được phần lớn chiến lợi phẩm - những thứ này sẽ củng cố thêm thắng lợi. Chúng ta hãy bàn trước về cuộc truy kích này.

Khi hai phe đang chạm trán trong trận đánh, lực lượng vật chất của họ thường bị suy yếu đi rất nhiều, vì trước trận đánh thế nào cũng có những cuộc vận động cấp thiết. Theo đuổi chiến đấu tới cùng càng cần nhiều yếu cố gắng, càng dễ bị kiệt quệ. Thêm nữa, bên thắng trận cũng bị phá hoại về tổ chức và cũng

bị trật bản lề (ý nói không theo được nếp cũ nữa - N D) gần bằng bên thua trận. Họ cũng cần phải chỉnh đốn hàng ngũ, cần phải tập hợp các phần tử bị tan tác; ai không còn đạn dược cũng phải bổ sung đầy đủ. Tất cả những điều đó làm cho bên thắng trận cũng lâm vào tình trạng khủng hoảng như chúng tôi đã nói trên. Nhưng nếu bên thua trận mới bị tiêu hao một phần nhỏ lực lượng, phần còn lại có thể được củng cố hoặc có thể hy vọng nhận được tăng viện quan trọng thì bên thắng trận sẽ gặp nguy cơ mất hết thành quả thắng lợi đã đạt được: trong trường hợp như thế, nhận định trên sẽ làm cho cuộc truy kích phải chấm dứt hoặc bị hãm lại đi rất nhiều. Dù không phải lo ngại về một sự tăng viện đáng kể cho kẻ

thua trận thì những tình huống kể trên cũng sẽ là những chướng ngại vật làm mất đà của người thắng trận trong truy kích. Tất nhiên, người ta không thể giật lại thắng lợi ở trong tay họ, nhưng những cuộc giao chiến khó khăn vẫn còn có thể xảy ra và làm giảm thành quả của những thắng lợi đã đạt được. Hơn nữa, lúc ấy những đòi hỏi và sự yếu hèn của con người vật chất đè nặng lên quyết tâm của người chỉ huy. Hàng ngàn người dưới quyền chỉ huy của mình cần được nghỉ ngơi, cần được phục hồi sức khỏe và mong muốn là hiểm nghèo và gian khổ sẽ chấm dứt; chỉ một vài người, nói đúng ra là những con người trác việt, còn có cái nhãn quan và ý thức vượt quá thời gian hiện tại. Khi cần thiết, chỉ những con

người ấy là còn đủ nghị lực nghĩ đến những thành tích mới, lúc đó hình như chỉ là những vật trang trí thêm cho thắng lợi, hoặc một thứ xa xỉ phẩm của vinh quang. Hàng nghìn người khác, trái lại, đã chỉ chạy theo những nhu cầu của con người và thông qua toàn bộ hệ thống cấp bậc để xoáy vào tận tim người cầm quân, gây trở ngại cho quyết tâm của ông ta. Thêm nữa, sự mệt mỏi quá sức về thể xác và tinh thần của chính bản thân cũng sẽ làm giảm đi phần nào nghị lực của ông ta. Như vậy là vì những lý do hoàn toàn nhân bản mà ta vươn lên không kịp với đòi hỏi của tình thế; nói một cách khác, cái mà người ta làm chỉ phụ thuộc vào *tham vọng, nghị lực*, có thể là trái tim *sắt đá* của người tổng chỉ huy. Đây là

lý do giải thích cái tâm trạng do dự đã đạt được nhờ có ưu thế về số quân. Chúng ta cần giới hạn cuộc truy kích thắng lợi vào ngày thứ nhất hoặc quá lắm là vào đêm tiếp theo, vì quá nữa thì chính sự cần thiết phải phục hồi sức khỏe cũng buộc chúng ta phải ngừng lại.

Cuộc truy kích đầu tiên này gồm nhiều giai đoạn tất yếu.

Giai đoạn đầu tiên là giai đoạn chỉ huy kỵ binh tham gia, lúc ấy chỉ cần uy hiếp và theo dõi quân thù hơn là bám sát, vì thường thường chỉ một chương ngại địa hình nhỏ nhất cũng đủ làm cho bước tiến của bên truy kích phải ngừng lại. Dù kỵ binh có hiệu lực đến thế nào đi nữa thì, đối với những toán quân lẻ tẻ của

một đạo quân tan vỡ, nó cũng chỉ là một binh chủng thứ yếu phải tác chiến với toàn bộ đạo quân (thua chạy - N D), vì một đạo quân thua chạy rất có thể dùng lực lượng dự bị của mình để bảo vệ cuộc rút lui. Hễ gặp địa hình có lợi, hiệp đồng được mọi binh chủng là họ có thể tổ chức chống cự thắng lợi. Chỉ có một trường hợp ngoại lệ là: cuộc tháo chạy thực mạng trở thành tan vỡ hoàn toàn.

Giai đoạn truy kích thứ hai là giai đoạn được tiến hành với một lực lượng tiền vệ mạnh bao gồm đủ mọi binh chủng và tất nhiên, có phần lớn kỵ binh. Một cuộc truy kích như vậy sẽ đẩy quân thù phải lùi tới vị trí có công sự phòng thủ gần nhất của đội hậu vệ hoặc tới vị trí gần nhất của toàn bộ quân đội của họ.

Căn cứ nào cũng thường không ở ngay bên cạnh^[13], vì vậy cuộc truy kích phải được tiếp tục, nhưng thường là không quá một hoặc vài giờ, nếu không có đội tiền vệ thì sẽ cảm thấy không được yểm hộ đầy đủ.

Giai đoạn thứ ba, giai đoạn quan trọng nhất, bao gồm việc tiến quân của đạo quân chiến thắng cho tới lúc kiệt lực. Trước bất kỳ nguy cơ bị tiến công hoặc bị bao vây nào, bên thua trận cũng thường bỏ vị trí đã chiếm được và bộ phận hậu vệ lại càng tìm cách lẩn tránh một cuộc kháng cự tới cùng.

Trừ phi hành động đó được hoàn thành trước khi trời tối, nếu không, thông thường mọi hoạt động trong cả ba trường

hợp đều phải ngừng khi đêm đến. Ở một vài trường hợp ngoại lệ mà cuộc truy kích vẫn được tiếp tục về đêm thì phải xem đó là một cuộc truy kích được đẩy tới một cường độ đặc biệt cao.

Ta cần phải thấy là trong một cuộc giao chiến ban đêm, tất cả đều ít nhiều phó may rủi và khi kết thúc một trận đánh, dù thế nào đi nữa, mọi tổ chức bình thường cũng đều bị xộc xệch nghiêm trọng và ta sẽ dễ dàng hiểu được nguyên nhân do dự của hai người chỉ huy khi phải theo đuổi công việc của mình trong đêm tối. Trừ phi thắng lợi được đảm bảo bởi sự tan rã hoàn toàn của đạo quân thua trận hoặc bởi đạo đức quân sự đặc biệt của kẻ chiến thắng, tất cả đều phụ thuộc vào định mệnh: điều này chẳng

không nề bất cứ ai, kể cả người thủ lĩnh chiến tranh táo tợn nhất. Thông thường, đêm xuống làm cho cuộc truy kích phải ngừng, dù trận đánh vừa được kết thúc hoàng hôn. Màn đêm giúp kẻ thua trận có thời gian nghỉ ngơi và có khả năng nhanh chóng củng cố hàng ngũ, hoặc nếu họ tiếp tục cuộc rút chạy trong đêm thì ít nhất cũng tiến trước được một chặng đường. Vượt qua được giai đoạn ấy, kẻ thua trận sẽ ở trong tình thế khá hơn. Phần lớn những bộ phận ở trong tình trạng tan tác và rối loạn sẽ được ổn định lại, kho đạn được được bổ sung, hết thảy đều được chỉnh đốn. Những cuộc hội chiến kéo dài mà là những trận mới, và tuy hoàn toàn không thể trông mong nhiều vào thắng lợi, đó cũng là một cuộc chiến đấu mới,

khác hẳn với sự sụp đổ của một ngôi nhà mà kẻ chiến thắng chỉ còn thu nhặt được những đồng gạch vụn.

Vì vậy, nếu người thắng trận có thể tiếp tục đuổi đánh đối phương ban đêm, và hơn nữa với một đội tiên vệ mạnh gồm đủ mọi binh chủng, thắng lợi sẽ còn lớn hơn nhiều, như những trận Lơ-then và Oa-téc-lô đã chứng minh.

Về thực chất, việc đuổi đánh ấy là một hành động chiến thuật và nếu chúng tôi có nêu ra thì cũng chỉ để làm nổi bật những sự khác nhau trong ảnh hưởng của chiến thắng mà nó gây ra.

Cuộc truy kích đầu tiên tới tận ổ đề kháng gần nhất của đối phương là một đặc quyền của mọi kẻ chiến thắng và

không lệ thuộc tý nào vào kế hoạch cũng như vào tình hình trước đây của họ. Những cái đó có thể làm giảm rất nhiều kết quả tích cực của một thắng lợi đã đạt được bằng đạo quân chính, nhưng không thể ngăn chặn được việc khuếch trương chiến quả đầu tiên. Những trường hợp như đã nói, nếu có xảy ra thì cũng chỉ rất hiếm và chẳng có ảnh hưởng đi tới lý luận. Cần phải thừa nhận rằng những thí dụ của chiến tranh hiện đại đã mở ra những triển vọng hoàn toàn mới. Và trên nhiều điểm, những đặc biệt là trên điểm này, chiến tranh thời xưa đã bị hạn chế nhiều hơn và đã đẻ ra những ý niệm phù phiếm hoàn toàn công thức và thiển cận. *Ma lực của thắng lợi* hình như đã làm mờ tất cả những cái khác, đã làm cho các

tướng lĩnh đôi lúc lãng quên việc phải thực sự tiêu diệt lực lượng vũ trang của đối phương, và vì vậy việc tiêu diệt này chỉ được xem như là một trong rất nhiều biện pháp của chiến tranh; không được coi nó là tốt nhất và lại càng không được coi là độc nhất. Họ sẵn sàng tra ngay gươm vào vỏ khi đối phương vừa hạ thấp vũ khí xuống. Đối với họ, chẳng còn gì tất nhiên hơn là chấm dứt chiến đấu khi đã đạt được quyết định và mọi sự đổ máu sau đó sẽ chỉ là những hành động dã man không cần thiết. Tuy triết lý ấy không hoàn toàn chi phối họ, nó cũng đã là một quan điểm làm chỗ dựa cho những ý kiến như: mọi lực lượng đã bị kiệt quệ, không còn khả năng vật chất để tiếp tục chiến đấu. Những ý kiến này vì vậy dễ

dàng xâm nhập và có trọng lượng hơn. Dĩ nhiên, việc bảo vệ công cụ của chiến thắng là hoàn toàn cần thiết khi mà người ta không có công cụ nào khác, khi mà người ta đã liệu trước rằng: nhất định có lúc rồi công cụ này sẽ không còn tương xứng với những điều phải làm, việc này nhất định sẽ xảy ra nếu tiếp tục tiến công. Nhưng dầu sao mặc lòng, tính toán như vậy cũng không đúng; những tổn thất do cuộc truy kích gây ra không thể so sánh được với những tổn thất của địch. Chính vì không coi các lực lượng vũ trang là công cụ chủ yếu nên đã đẻ ra cách nhìn không chính xác ấy. Do đó, chúng ta thấy trong những cuộc chiến tranh thời xưa, chỉ có những anh hùng thực sự như Sác-lơ XII, Mác-bo-rao, Ô-gien, Phrê-đê-

rich Đại đế là vẫn truy kích mạnh mẽ khi đã thắng lợi rực rỡ, còn các tướng lĩnh khác thì chỉ làm chủ chiến trường đã là thỏa mãn rồi. Ngày nay, cường độ chiến tranh rất lớn, những điều kiện nảy sinh ra chiến tranh cũng có quy mô rộng rãi, vì vậy cái hàng rào ước lệ ấy đã bị phá vỡ và việc truy kích phải trở thành mối quan tâm chủ yếu của kẻ thắng trận. Nhờ đó, khối lượng chiến lợi phẩm đã tăng lên rất nhiều và nếu còn có những trường hợp và sự việc diễn biến không phải như vậy thì cũng chỉ là những trường hợp ngoại lệ có lý do đặc biệt.

Ở Goóc-sen và Bôt-den, chỉ có ưu thế kỵ binh là đã ngăn chặn được một thất bại hoàn toàn; ở Grô-xbê-ren và Đen-nơ-uyt là do thái tử nước Đan Mạch

thiếu nhiệt tình, còn ở La-ông thì lại do sự suy nhược về thể chất của lão tướng Bluy-khe.

Thiết tưởng cũng cần nêu lên dẫn chứng về trận Bô-rô-đi-nô^[14]. Chúng tôi chỉ có thể nói đến nó một cách thật vắn tắt. Theo ý kiến chúng tôi, đó là vì ta không thể chỉ giải quyết vấn đề bằng một sự phê phán nhẹ nhàng Bô-na-pác; vì trường hợp đó, cũng như một số lớn trường hợp tương tự, đều thuộc về những trường hợp chúng tôi cho rằng đặc biệt hiếm: ở đó, những tình huống tổng quát đã choán hết tâm trí và làm cho người chỉ huy say mê ngay từ khi trận đánh bắt đầu. Chính những tác gia Pháp như Vô-đông-cua, Sam-brai, Xê-guya^[15] - những

con người hết sức sùng bái Bô-na-pác - cũng đã chân thành phê phán ông ta là đã không chịu đánh đuổi hoàn toàn quân Nga ra khỏi chiến trường và đã không triệt để sử dụng các lực lượng dự bị cuối cùng để tiêu diệt quân Nga, biến một trận thất bại (của quân Nga) thành một trận tan rã hoàn toàn. Chẳng cần tả lại tỉ mỉ tình hình của đôi bên, điều chắc chắn là khi Bô-na-pác vượt sông Ni-ê-men, ông ta có trong tay một binh đoàn 300.000 người, nhưng sau trận Bô-rô-di-nô, ông ta chỉ còn 120.000 người. Sự việc đó chứng minh rõ rệt những bản khoản của ông ta khi thấy không còn đủ lực lượng cần thiết để tiến về Mát-xcơ-va, và đó là đầu mối của mọi vấn đề. Một chiến thắng kiểu vừa giành được đã làm cho ông ta

chắc hẳn có thể chiếm được Mát-xcơ-va, vì cho rằng quân Nga không thể tổ chức được một trận thứ hai chỉ trong tám ngày. Và, ông ta còn cho rằng: khi tới Mát-xcơ-va, ông ta sẽ giải quyết được hòa bình. Thật vậy, nếu quân Nga bị tiêu diệt hoàn toàn thì có thể đảm bảo cho ông ta một nền hòa bình vững chắc hơn; nhưng điều tiên quyết là phải tới được Mát-xcơ-va và phải tới đó với một lực lượng đủ khả năng làm chủ thủ đô, và từ đây ông ta sẽ làm chủ toàn bộ đế quốc cùng chính phủ. Nhưng rồi, nhưng ta đã thấy, ông ta đã tới Mát-xcơ-va với một lực lượng không đủ khả năng thực hiện ý đồ đó, lại càng không đủ để tiêu diệt quân Nga. Đó là điều Bô-na-pác hoàn toàn cảm thấy và theo ý chúng tôi, hành

động của ông ta là toàn toàn hợp lý. Điều đó không có nghĩa là trường hợp này nằm trong những trường hợp mà những điều kiện tổng quát không cho phép người làm tướng có những hoạt động khuếch trương thắng lợi đã giành được. Và đó cũng không phải là vấn đề một cuộc truy kích đơn giản. Chiến thắng có thể coi như đã đạt được từ lúc 4 giờ chiều, nhưng quân Nga vẫn còn giữ được phần lớn chiến trường; họ vẫn chưa chịu rời bỏ trận địa và vẫn có thể tiếp tục chống cự ngoan cường nếu họ bị tiến công. Điều đó có thể làm cho họ thêm thất bại, nhưng cũng có thể làm cho kẻ thắng trận đổ thêm rất nhiều máu. Trận Bô-rô-đi-nô và trận Bốt-đen đều thuộc loại những trận chưa phát triển đầy đủ. Ở trận Bốt-đen, chính

kẻ thua trận bỏ trận địa trước; còn ở trận Bô-rô-đi-nô thì chính kẻ thắng trận đã chọn một thắng lợi nửa vời, chẳng phải là vì quyết định ấy có vẻ không chắc chắn đối với ông ta mà chính là vì ông ta không có đủ phương tiện để đảm bảo cho mình một chiến thắng hoàn hảo.

Hãy trở lại vấn đề của chúng ta. Kết luận rút ra từ sự phân tích loại truy kích thứ nhất là:

- Nghi lược trong truy kích chủ yếu quyết định giá trị của chiến thắng;
- Cuộc truy kích là hồi thứ hai của màn kịch chiến thắng, nhiều khi lại quan trọng hơn hồi một;
- Ở đây, chiến lược rất gần với

chiến thuật để bao trùm toàn bộ thành tích đã đạt được; nó biểu lộ uy quyền của mình bằng cử chỉ đầu tiên: đòi hỏi phải hoàn chỉnh thắng lợi để giành lấy toàn bộ công trình mới được hoàn thành một bước.

Ảnh hưởng của thắng lợi rất ít khi ngừng ở cuộc truy kích thứ nhất này. Trái lại, chính bây giờ chiến thắng mới tạo nên một đà mới cho các sự việc tiến triển. Trước đây, chúng tôi đã nói là quá trình này phụ thuộc vào những điều kiện tiếp theo, nhưng bây giờ chưa phải là lúc bàn tới. Tuy nhiên, chúng tôi có thể nêu ở đây những gì có tính chất chung, phù hợp với việc khuếch trương thắng lợi để sau này khỏi phải mỗi lúc lại nói lại.

Trong cuộc truy kích tiếp sau này, người ta lại chia ra ba bước: một cuộc tiến quân đơn giản theo sau quân địch, một áp lực thực sự đối với quân thù và một cuộc hành quân song hành để cắt đường rút lui của đối phương.

Tiến theo quân thù, chúng ta buộc quân thù phải tiếp tục rút chạy khi chúng tin rằng chúng có thể lại đương đầu với ta. Chỉ riêng việc đó thôi cũng đủ đem lại cho ta nhiều cái lợi, tất cả những gì chúng không đem theo trong lúc rút chạy sẽ rơi vào tay chúng ta: thương bệnh binh, nhưng người tụt lại sau, đồ dùng quân sự, xe cộ mọi thứ. Nhưng phải thấy là việc tiến theo một cách đơn giản như vậy không thể làm cho quân đội đối phương rối loạn thêm như những bước

sau.

Nếu chúng ta không chỉ theo sát quân địch đến tận doanh trại của chúng ta chiếm đóng đất đai của chúng buộc phải bỏ lại, mà còn bố trí để thúc ép chúng hơn nữa, nghĩa là dùng đội tiên vệ của chúng ta (được tổ chức ra để làm việc này) đánh vào đội hậu vệ của chúng mỗi khi chúng muốn đóng quân, thì điều đó sẽ buộc địch phải rút chạy nhanh hơn và sẽ làm cho tổ chức của chúng bị rối loạn nặng nề hơn. Có ảnh hưởng như vậy chính là vì cuộc rút lui đã trở thành một cuộc chạy dài liên tục. Sau một cuộc hành quân kiệt sức, không có gì làm người lính mất tinh thần hơn là lại nghe thấy tiếng đại bác của quân thù giữa lúc anh ta tưởng rằng đã được nghỉ ngơi một

lát. Ân tượng trên chỉ cần lặp đi lặp lại trong nhiều ngày tiếp theo sẽ trở thành nỗi kinh hoàng ghê gớm. Nó làm cho người lính có cảm giác khó chịu là phải tuân theo quy luật của quân thù mà không chống cự lại được và sẽ làm cho tinh thần quân đội suy sụp một cách kinh khủng. Việc quấy rối đó sẽ lại càng đạt được hiệu quả cao nhất nếu ta buộc được đối phương phải hành quân đêm. Nếu, vừa đúng lúc mặt trời lặn, kẻ chiến thắng đã đuổi được kẻ bại trận ra khỏi vị trí mà họ vừa tổ chức xong cho bản thân họ hoặc cho đội hậu vệ của họ, khiến kẻ bại trận lại phải tiến hành gấp rút một cuộc hành quân đêm hay chí ít cũng phải rời bỏ vị trí để lui về tuyến sau ngay trong đêm, kết quả của hai hành động ấy vẫn

chỉ là một, trong khi suốt đêm đó người chiến thắng vẫn ung dung nghỉ ngơi.

Tới đây, việc tổ chức những cuộc hành quân truy kích và việc lựa chọn vị trí phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác, nhưng đặc biệt là vấn đề tiếp tế, những chướng ngại thiên nhiên của địa hình, sự gần gũi những thành phố lớn, v.v. đến nỗi, nếu lại muốn tìm cách chứng minh bằng một phương pháp phân tích hình học là: kẻ đi truy kích đã làm thế nào để ép buộc đối phương trong lúc rút lui cứ đêm đêm lại tháo chạy trong khi mình vẫn được yên ngủ, thì thật là xuân ngọc. Tuy vậy, những cuộc hành quân truy kích phải được tổ chức theo hướng ấy và chỉ có như thế mới làm tăng thêm hiệu quả của truy kích. Nếu trong thực tiễn, ta

không chú ý làm như thế thì đó là vì đối với quân đội truy kích, các phương pháp đó khó hơn là việc phải tôn trọng triệt để giờ giấc và những trạm tạm dừng ở dọc đường. Lên đường lúc bình minh, hạ trại khi đứng bóng, để thời gian còn lại trong ngày vào việc giải quyết vấn đề tiếp tế, và nghỉ ngơi lúc đêm xuống: đây là một phương pháp tiện lợi hơn là tổ chức vận động cho phù hợp với cách rút chạy của quân thù (tức là chỉ mãi tới lúc cuối cùng mọi việc mới được chuẩn bị, bất kể sáng tối bao giờ cũng có thể lên đường, bao giờ cũng thấy quân thù xuất hiện, phải sẵn sàng phản pháo, phải đối phó với những cuộc phục kích, phải tổ chức những cuộc bao vây chặn đối phương, tóm lại phải tiến hành triển khai mọi biện

pháp chiến thuật mà tình thế đòi hỏi). Mọi việc đó là những gánh nặng đối với người đi truy kích (trong chiến tranh thì thiếu gì gánh nặng) nên người ta bao giờ cũng sẵn sàng giữ bỏ nhưng cái gì thấy không thật là cần thiết. Những nhận xét này có giá trị, có thể áp dụng cho toàn quân, nhưng phổ biến hơn là cho một đội tiền vệ mạnh. Đó là những lý do khiến cho cuộc truy kích ở giai đoạn này - áp lực không ngừng đối với quân đội thua trận - thường thì ít khi xảy ra. Bởi vì những lý do rõ ràng, ngay cả Bô-na-pác cũng ít vận dụng phương pháp nói trên trong chiến dịch nước Nga năm 1812; đó là do những khó khăn và thử thách của chiến dịch này có thể đi đến chỗ làm tan rã hoàn toàn quân đội của ông ta trước

khi đạt mục đích. Vả lại, về mặt này, quân đội Pháp cũng đã hằng nổi tiếng trong chiến dịch khác về nghị lực phi thường của họ.

Sau hết, giai đoạn thứ ba của cuộc truy kích - giai đoạn có hiệu quả hơn cả - gồm cả việc hành quân song song tới vị trí rút lui gần nhất.

Quân đội thua trận thường phải giữ ở phía sau, ở một nơi xa hoặc gần, một địa điểm mà họ phải chú ý đến cho kỳ được, hoặc vì địa điểm đó có thể gây cho họ nhiều nguy hiểm lúc rút lui sau này (một đường độc đạo chẳng hạn), hoặc vì địa điểm này có tầm quan trọng lớn nên phải tới lúc đó trước quân địch, thí dụ như thủ đô, các kho tàng, v.v. hoặc

đền đó quân đội có thể thu thập được nhiều phương tiện để kháng cự, nếu ở đó có công sự phòng ngự kiên cố, hoặc có thể gặp những đạo quân khác, v.v.

Tất nhiên, nếu kẻ chiến thắng cũng tiến về địa điểm đó bằng một con đường tắt, thì kẻ thua trận lại phải tổ chức rút lui khẩn trương hơn, và từ đó có thể đi đến cuống quýt tháo chạy. Lúc ấy chỉ còn ba lối thoát: lối thứ nhất là phải đương đầu với quân thù và cố gắng gỡ lấy một vài thắng lợi bằng một cuộc tiến công bất ngờ, mặc dầu nhìn vào tình hình chung thì khó có thể đạt được thắng lợi ấy. Điều đó yêu cầu phải có một người tướng dũng cảm, có quyết tâm cao và một đạo quân thiện chiến, dù bị đánh bại cũng không bị tan rã hoàn toàn. Nhưng đó

cũng lại là điều rất hiếm thấy ở một quân đội bại trận.

Lối thoát thứ hai là tổ chức một cuộc rút chạy cấp tốc, đó là điều rất phù hợp với ý mong muốn của kẻ thắng trận. Nó thường đòi hỏi một sự nỗ lực quá sức, kéo theo nhiều tổn thất to lớn về số người bị tụt lại, số đại bác, xe cộ bị phá hủy.

Lối thoát thứ ba là tổ chức đi vòng nhằm tránh những điểm giao nhau gần nhất, để hành quân được dễ dàng hơn và tách xa được đối phương hơn, nhất là dù gặp hoàn cảnh khẩn trương hơn cũng đỡ nguy hiểm. Phương pháp này là phương pháp tồi hơn cả, chẳng khác gì một người đã mắc nợ không sao trả được lại còn

đều thêm một món nợ mới, nghĩa là thêm một lúng túng mới nữa. Rất có thể có những trường hợp người ta phải đi theo con đường ấy hoặc chẳng còn con đường nào khác, không phải là đã không có những thí dụ thành công. Nhưng xét về toàn bộ, chắc chắn là khi vận dụng phương pháp đó, chẳng phải vì người ta thấy nó có hiệu quả mà vì một lý do không tiện nói ra. Đó chính là nỗi e ngại phải đương đầu với quân thù. Thật là bất hạnh cho viên tướng nào đành chịu khuất phục trước nỗi e ngại ấy! Dầu tổn thất về tinh thần có lớn đến bao nhiêu đi nữa, dầu mỗi cuộc hội chiến lại làm cho địch có ưu thế hơn đến mức nào đi nữa, nếu người ta nhất quyết tránh mọi cuộc xung đột thì chỉ làm cho thất bại thêm trầm

trọng mà thôi. Năm 1813, Bô-na-pác có thể sẽ không cần vượt sông Ranh với số quân từ 30.000 đến 40.000 người sống sót sau trận Ha-nau nếu ông ta muốn lần tránh trận đó và tổ chức vượt sông ở Man-hem hoặc ở Cô-blen-xơ. Chính là nhờ có trận giao chiến nhỏ được tiến hành chu đáo nên kẻ thua trận, dù tình hình có xảy ra như thế nào, cũng vẫn có thể triệt để lợi dụng được thuận lợi của địa hình ở thế phòng ngự để tạo điều kiện củng cố tinh thần quân đội.

Mỗi thắng lợi dù nhỏ cũng gây được những ảnh hưởng không thể tưởng tượng nổi. Nhưng đa số các vị tướng lại không thích làm như thế. Họ thích và thường có khuynh hướng sử dụng phương pháp lần tránh mọi cuộc tiếp xúc vì nó có vẻ dễ

dàng hơn. Nhưng thông thường, chính sự
lẩn tránh này lại hay có lợi cho kẻ chiến
thắng nhất và thường làm cho kẻ bại trận
đi đến chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn. Cần
phải nhắc lại rằng: đây chỉ nói về toàn
thể quân đội chứ không phải là nói về
một sư đoàn, bị tách ra khỏi toàn quân,
đang tìm cách liên lạc với đại quân. Ở
trường hợp sau thì tình hình khác hẳn và
thành công sẽ chẳng có gì là bất ngờ.
Nhưng chỉ có thể có sự tranh chấp như
thế với một điều kiện là sư đoàn của
quân đội truy kích phải tiến theo cùng
đường với quân đội rút chạy để thu nhặt
tất cả những gì họ bỏ rơi lại và không
bao giờ để cho quân thù thoát được nỗi
ám ảnh luôn luôn bị đối phương bám sát
gót. Bluy-khe đã quên điều đó trong khi

tiền từ Oa-téc-lô về Pa-ri, mặc dầu về những mặt khác thì cuộc hành quân này là cuộc hành quân gương mẫu.

Rõ ràng, những cuộc hành quân như thế cũng làm cho người truy kích bị yếu đi, và vì vậy không nên vận dụng nó nếu quân đội thù địch được một đạo quân khác rất mạnh yểm hộ và nếu họ lại được một viên tướng hạng nhất chỉ huy, hoặc ta lại ở trong trường hợp chưa chuẩn bị đầy đủ để tiêu diệt đạo quân ấy. Nhưng mỗi khi phương pháp này được áp dụng thì nó tác động như một bộ máy rất khỏe. Nó làm cho quân đội thua trận mất một số lượng rất lớn người ốm, người mệt mỏi, thường xuyên bị ám ảnh bởi một nguy cơ nhãn tiền, nó làm suy sụp và hao mòn tinh thần họ đến nỗi chẳng còn nói gì đến

việc kháng cự theo đúng quy tắc được nữa. Ta sẽ chẳng phải đánh chác gì mà mỗi ngày cũng bắt được hàng ngàn tù binh. Trong những thời kỳ may mắn này, kẻ chiến thắng không được do dự trong việc phân chia lực lượng của mình để kéo vào cơn xoáy lốc tất cả những cái gì trong tầm sức của mình, cô lập đối phương, đánh úp các cứ điểm, chiếm giữ các thành phố lớn, v.v. Bất cứ cái gì có thể làm được cần phải làm cho tới lúc tình thế thay đổi, và nếu họ càng triệt để lợi dụng tình thế thì sự thay đổi ấy càng đến chậm.

Những ảnh hưởng to lớn của một chiến thắng rực rỡ và một cuộc truy kích thành công đã được chứng minh rõ rệt trong những cuộc chiến tranh của Bô-na-

pác. Chỉ cần xem lại những trận I-ê-na, Ra-ti-xbon, Lai-xích và Oa-téc-lô là đủ hiểu.

Chương 13

RÚT LUI SAU KHI THUA TRẬN

Thua trận làm cho lực lượng tinh thần quân đội sa sút nhiều hơn là lực lượng vật chất. Trừ khi tình thế biến chuyển thuận lợi, trận đánh tiếp theo thường hay kết thúc bằng một thất bại hoàn toàn, thậm chí tới chỗ bị tiêu diệt. Đó là một định đề quân sự. Theo bản chất sự vật, cuộc truy kích được tiến hành cho tới lúc thế cân bằng lực lượng được phục hồi, hoặc nhờ có viện binh, hoặc nhờ sự yểm trợ của những pháo đài quan trọng, hoặc nhờ ở một địa hình hết sức hiểm trở, hoặc do lực lượng kẻ thù bị phân tán. Số lượng những tổn thất, mức độ quan trọng của việc thua trận, nhưng đặc biệt hơn lại là tính chất của

đối phương, sẽ làm cho thời gian phục hồi thể thăng bằng ấy nhanh hay chậm. Đã có biết bao thí dụ nói về lúc trận đánh kết thúc. Chỉ trong một thời gian ngắn, quân đội thua trận đã được củng cố, tuy tình hình không hề thay đổi. Điều đó có thể giải thích là do tinh thần đối phương kém cỏi hoặc do ưu thế đối phương giành được trong trận đánh không đủ mạnh để giáng một đòn quan trọng.

Muốn lợi dụng những nhược điểm hoặc những sai lầm của đối phương, muốn khỏi mất thêm một tác đất không đáng mất, nhưng trước hết là để giữ vững tinh thần ở mức độ cao nhất, cần phải rút lui với một nhịp độ chậm rãi, dẫn đo và phải dũng cảm, táo bạo chặn đứng mọi

âm mưu mà kẻ truy kích muốn triệt để khuếch trương lợi thế của họ. Những cuộc rút lui của các vị tướng giỏi và các quân đội thiện chiến phải giống như động tác của một con sư tử bị thương: đó là lý thuyết hay nhất. Tất nhiên, khi rời bỏ một vị trí bị uy hiếp, người ta thường phải tiến hành những công việc nhỏ nhất, nguy hiểm vì nó làm mất thì giờ. Đáng lẽ, trong những trường hợp như vậy, khẩn trương mau lẹ là cao hơn hết, tất cả đều phải phụ thuộc vào đó. Những tướng lĩnh có tài ba lớn đều coi nguyên tắc ấy là một nguyên tắc rất quan trọng. Nhưng không được lầm lẫn những trường hợp như thế với cuộc rút lui toàn bộ sau một trận đánh thất bại. Trong trường hợp đó, tưởng rằng có thể tạo ra một tình thế tốt

hơn và vượt qua khó khăn để tiến lên phía trước bằng một vài cuộc hành quân cấp tốc thì thật là sai lầm. Các cuộc vận động đầu tiên phải càng nhỏ càng tốt và nói chung phải theo nguyên tắc: không để cho địch bắt ta phải tuân theo những quy luật do họ đặt ra. Không thể thực hiện được nguyên tắc ấy nếu không có những trận quyết chiến với quân thù đang đuổi ta sát nút. Nhưng, hy sinh như thế cũng đáng thôi. Nếu không làm như thế, các cuộc vận động của chúng ta sẽ càng ngày càng gấp rút hơn và sẽ mau chóng trở thành hấp tấp cuống quýt, rồi số tổn thất vì có nhiều người tụt lại sẽ lớn hơn cả số tổn thất vì những cuộc tác chiến bảo vệ phía đuôi, thêm nữa quân đội còn chút dũng cảm nào cũng rơi rụng đi nốt. Bí

quyết để vận dụng nguyên tắc trên là: tổ chức một đội hậu vệ mạnh gồm những đơn vị giỏi nhất, do những vị tướng giỏi nhất chỉ huy và trong những lúc khó khăn phải được toàn quân yểm hộ, phải triệt để lợi dụng địa hình, tổ chức những trận phục kích mạnh khi có thời cơ nghĩa là khi gặp địa hình tốt và đội tiền vệ của địch quá táo tợn - tóm lại, là chuẩn bị và tạo cơ hội cho những trận đánh nhỏ.

Khó khăn của việc rút lui tất nhiên thay đổi tùy theo hoàn cảnh tốt xấu và tính chất gay go quyết liệt nhiều hay ít của trận chiến đấu đã được tiến hành. Trận I-ê-na và Oa-téc-lô đã chứng minh là một cuộc rút lui có trật tự sẽ không thể thực hiện được nếu người ta đã chiến đấu tới người cuối cùng với một đối thủ

mạnh hơn.

Nhiều người (Lôi, Bu-lốp)^[16] đã chủ trương rút lui theo đội hình phân tán, nghĩa là theo những đơn vị tách biệt, thậm chí theo nhiều hướng ly tâm. Chúng tôi không nói đến những cuộc phân tán được tiến hành cho tiện việc, trong đó khi nào cũng có ý đồ và khả năng hoạt động chung; hết thấy mọi hình thức phân tán khác đều đặc biệt nguy hiểm, trái với bản chất sự việc và tất nhiên là một sai lầm lớn. Mỗi trận thua đều là một yếu tố làm suy yếu, tan rã và nhu cầu cấp thiết nhất là phải tập hợp lại, thông qua việc tập hợp mà ổn định tổ chức, lấy lại dũng khí và lòng tin. Hy vọng quấy rối hai bên sườn quân thù bằng những đơn vị riêng

biệt, khi họ đang khuếch trương thắng lợi, chỉ là một tà thuyết. Nếu ta giao chiến với một kẻ gàn dở, hèn nhát thì phương pháp ấy cũng có thể áp dụng được. Nhưng, một khi đã không thấy đối phương lộ rõ nhược điểm ấy thì tốt nhất là không nên làm. Nếu những điều kiện chiến lược sau chiến thắng ấy đòi hỏi ta phải tiến hành bảo vệ hai bên sườn bằng những phân đội riêng biệt thì phải tùy cơ ứng biến. Dù sao cũng phải thấy rằng việc phái phân đội biệt lập ấy là không tốt và người ta khó có thể làm như thế ngay sau khi trận đánh kết thúc.

Sau trận Cô-lin và sau khi Pra-ha được giải vây, nếu Phrê-đê-rích Đại đế đã rút quân bằng ba đường thì đó không phải là ý muốn của ngài, mà là vì tình

hình quân số và sự cần thiết phải bảo vệ hạt Xắc-xơ nên chẳng thể làm thế nào khác được.

Sau trận Bri-en, Bô-na-pác phái Mác-mông tiến về mạn Ô-bơ, còn ông ta thì vượt sông Xen tiến về Tơ-roa. Nếu việc ấy không dẫn đến tai hại, đó là do Liên quân, lẽ ra phải tổ chức truy kích, lại cũng đã phân tán lực lượng: cho một mũi tiến về phía Mác-nơ (Bluy-khe), còn mũi khác (Svác-den-béc) vì ngại lực lượng quá yếu nên đã tiến quân khá chậm chạp.

Chương 14

GIAO CHIẾN BAN ĐÊM

Những hình thái và những chi tiết tiến triển của một cuộc giao chiến ban đêm đều thuộc về chiến thuật. Chúng tôi chỉ nghiên cứu vấn đề này một cách bao quát và xem toàn bộ cuộc giao chiến như một biện pháp đặc biệt.

Về cơ bản, mọi cuộc tiến công ban đêm chỉ là một cuộc đột kích bất ngờ thuộc loại thứ yếu. Nhưng thoát đầu, một cuộc đột kích như vậy có vẻ có hiệu quả hoàn hảo, vì người ta hình dung kẻ phòng ngự như là kẻ bị công kích, và người tiến công thì đang hoàn toàn chuẩn bị cho một cái gì sẽ xảy ra. Thật là thiên lệch quá chừng! Người ta hình dung một phía thì

rối loạn hoàn toàn còn phía người tiến công thì chỉ độc có một việc là thu lượm kết quả. Do đó, những người chẳng có cái gì để chỉ huy và chẳng có tí trách nhiệm nào thường hay xây dựng kế hoạch công kích ban đêm. Nhưng trên thực tế, những cuộc tiến công như thế rất ít khi xảy ra.

Những ý kiến trên đều dựa trên giả thuyết là kẻ tiến công nắm được biện pháp đối phó của người phòng ngự: những biện pháp ấy đã được tiến hành, đã được công bố từ trước và đã bị những cuộc trinh sát điều tra của kẻ tiến công phát hiện, còn ý đồ của kẻ tiến công thì người bị tiến công hoàn toàn mù tịt. Nhưng không phải bao giờ điểm sau này cũng hoàn toàn đúng như thế, và điểm

thứ nhất thì lại càng không đúng. Khi chúng ta ở tương đối gần đối phương để có thể trực tiếp quan sát họ bằng mắt, như trường hợp quân Áo với Phrê-đê-rích Đại đế trước trận Hock-xkiéc, thì mọi dấu hiệu liên quan đến tình hình của đối phương sẽ chẳng bao giờ đầy đủ. Những nguồn tin thu lượm bằng trinh sát, bằng tuần tra, bằng hỏi cung tù binh, bằng tình báo không bao giờ thật chắc chắn cả vì những tin tức ấy không ít thì nhiều cũng lạc hậu và trong thời gian nó đến tay ta, vị trí của địch có thể đã được thay đổi. Với chiến thuật và phương pháp đóng trại ngày xưa, ta dễ phát hiện vị trí của quân địch hơn là ngày nay phát hiện một dây lều, một trại quân (camp) hoặc một nơi đồn trú ngoài trời (bivouac).

Một trại quân tổ chức trên một trận tuyến đều đặn cũng dễ thấy hơn là một trại được phân chia ra cho từng đạo quân như hiện nay. Dưới mắt ta, một sư đoàn có thể hạ trại trong một vùng theo cách ấy nhưng ta vẫn không thể hình dung được nó một cách chính xác.

Nhưng bố trí của quân địch chưa phải là tất cả mọi vấn đề mà chúng ta cần biết. Trong quá trình giao chiến, những sự bố trí của bên phòng ngự cũng quan trọng không kém và tất nhiên chẳng ai lại để cho quân lính của mình muốn bắn thế nào thì bắn. Nhưng sự bố trí đó bây giờ đã trở thành quan trọng hơn, nên các cuộc tiến công ban đêm ngày nay khó hơn ngày xưa. Trong những cuộc giao chiến của chúng ta, vị trí của người

phòng ngự thường có tính chất nhất thời hơn là vĩnh viễn và vì vậy, ngày nay người phòng ngự dễ tổ chức giáng cho đối phương những đòn bất ngờ hơn là ngày xưa.

Vì vậy, những điều mà người tiến công nắm được của đối phương trong trường hợp tiến công ban đêm sẽ ít khi hoặc không bao giờ đủ để có thể thay được việc quan sát trực tiếp. Người phòng ngự lại còn có một lợi thế nhỏ đối với kẻ tiến công ở chỗ: trong vị trí, họ là người nhà, họ mò mẫm trong đêm tối dễ hơn người ngoài. Họ biết cách lần mò tìm đến các bộ phận lực lượng của họ dễ hơn là kẻ tiến công đối với đơn vị của mình.

Từ những lý do trên, cần rút ra kết luận là: trong giao chiến ban đêm, kẻ tiến công cũng như người phòng ngự đều phải dùng mắt để trực tiếp quan sát và chỉ nên tổ chức tiến công ban đêm khi có những lý do đặc biệt.

Nhưng, những lý do này hầu hết lại từ những bộ phận phụ thuộc vào quân đội chứ ít khi từ đích bản thân quân đội đẻ ra; bởi vậy lại phải đi đến kết luận là: nói chung, tiến công ban đêm thường xảy ra trong những trận thứ yếu và ít khi xảy ra trong những trận đánh lớn.

Khi hoàn cảnh cho phép, tất nhiên người ta có thể tiến công và từ đó bao vây một bộ phận thứ yếu của quân đội đối phương với một lực lượng lớn hơn,

hoặc để tiêu diệt hoàn toàn hoặc để buộc đối phương phải chịu những tổn thất nặng nề bằng một cuộc giao chiến bất lợi. Ý định ấy chỉ có thể thực hiện bằng một đòn bất ngờ vì không có bộ phận thứ yếu nào của quân đội đối phương lại chịu nghênh chiến với một sự chênh lệch lực lượng như vậy, và tất nhiên nó sẽ tìm cách lẩn tránh. Tuy nhiên, một đòn bất ngờ chỉ có thể tiến hành vào ban đêm, trừ trường hợp ngoại lệ ở địa hình che khuất. Nếu chúng ta định lợi dụng sự bố trí sơ hở của một sư đoàn đối phương thì cũng cần phải đợi đêm tối để chuẩn bị bước đầu dù chính cuộc giao chiến chỉ sẽ mở màn vào lúc bình minh. Do đấy nảy sinh ra nhiều hoạt động nhỏ ban đêm nhằm vào những đòn tiền tiêu và những đơn vị

nhỏ khác. Các hoạt động này chủ yếu nhằm mục đích: bằng ưu thế và bao vây, lôi kéo quân địch vào một cuộc giao chiến bất lợi đến nỗi họ không thể không bị tổn thất nặng nề.

Đơn vị bị tiến công càng lớn thì việc thực hiện kế hoạch trên càng khó khăn vì một đơn vị tương đối lớn sẽ có đủ khả năng để tự vệ cho tới lúc nhận được viện binh.

Chính vì thế mà trong nhiều trường hợp thông thường, bản thân quân đội thù địch lại không phải là mục tiêu của một cuộc tiến công như thế. Vì, dù không có hy vọng chờ viện binh từ bên ngoài, họ cũng có đủ phương tiện để đối phó với một cuộc tiến công ở nhiều mặt, nhất là

ngày nay ai cũng đã quen với hình thức tiến công quá phổ biến ấy. Vấn đề tìm hiểu xem quân thù có thể đồng thời tiến công chúng ta có kết quả ở nhiều phía thường lại lệ thuộc vào nhiều sự việc khác hơn là chỉ lệ thuộc vào yếu tố bất ngờ của tiến công. Lúc này chưa cần nhấn mạnh, chúng tôi chỉ nêu ý kiến là việc đánh vu hồi tuy có nhiều cái lợi hơn, nhưng cũng có thể có nhiều nguy hiểm. Vậy chỉ trong những trường hợp đặc biệt, với ưu thế lớn hơn nhằm đánh một bộ phận thứ yếu của đối phương, nó mới có thể đảm bảo thắng lợi.

Nhưng nếu đánh vu hồi và bao vây một đạo quân nhỏ, nhất là trong đêm tối, có thể dễ dàng thực hiện hơn thì chính là vì lực lượng được sử dụng dù có ưu thế

đền bao nhiêu cũng chỉ là một bộ phận nhỏ của quân đội chúng ta. Cho nên, vì kết quả của trận đánh rất lớn, ta có thể hy sinh một bộ phận hơn là toàn thể quân đội. Hơn nữa, bộ phận lớn hơn và có thể là tất cả quân đội thường được dùng để yểm hộ và là điểm tập hợp cho bộ phận tiền vệ nhỏ bé ấy. Điều đó thường cũng làm cho việc thực hiện đỡ được phần nào nguy hiểm.

Chỉ nên huy động những phân đội ít quan trọng vào những hành động ban đêm: đó không phải chỉ đơn thuần là do nguy hiểm mà còn do những khó khăn. Những hoạt động này chỉ phát huy được tác dụng nếu có bất ngờ, vì vậy biện pháp chủ yếu phải là hành động xâm nhập. Cho nên tiến hành bằng những đơn

vị nhỏ thì dễ đạt hơn là những đơn vị nặng nề, và hầu như không bao giờ lại có thể có kết quả với những binh đoàn có đủ các binh chủng. Do vậy, những hành động ấy chỉ nên nhằm vào những vị trí tiền tiêu cô độc và chỉ có thể nhằm vào các đơn vị lớn trong trường hợp các đơn vị ấy không có nhiều vị trí tiền tiêu, như trường hợp của Phrê-đê-rích Đại đế ở Hóc-xkiéc. Trường hợp ấy cũng ít xảy ra với toàn quân đội hơn là với những sư đoàn hậu vệ.

Ở thời đại hiện nay, tốc độ và cường độ trong chiến tranh đã rất lớn, nên các trại quân thường rất gần nhau và thiếu một hệ thống tiền tiêu, vì cả hai (tốc độ, cường độ - ND) bao giờ cũng xảy ra trong cơn khủng hoảng trước lúc kết thúc

trận đánh. Những việc chuẩn bị cho chiến đấu đều cùng khẩn trương ở cả hai bên. Trái lại, trong các cuộc chiến tranh ngày xưa, ngay cả những khi chỉ nhằm tiêu diệt nhau, trại quân của cả hai bên đều ở ngay trước mắt nhau trong một thời gian tương đối dài. Biết bao lần, Phrê-đê-rích Đại đế đã đóng quân hàng tuần lễ trước mặt quân Áo, gần sát đến nỗi có thể bắn pháo sang nhau được!

Những phương pháp ấy, chỉ thuận tiện cho tiến công ban đêm, đã lỗi thời đối với chiến tranh hiện đại. Quân đội ngày nay không còn là những đơn vị độc lập với nhau như cũ, dù vấn đề tiếp tế và nhu cầu về doanh trại có hoàn hảo đi nữa thì thường cũng cần phải đóng cách xa đối phương một ngày hành quân. Nếu

chúng ta quan tâm hơn nữa đến việc tiến công ban đêm của một đội quân, chúng ta sẽ thấy có rất ít lý do đầy đủ để thực hiện tiến công như thế, và những lý do đó chỉ có thể là như sau:

1. Một sự đại đột hoặc táo tợn phi thường của quân thù (trường hợp này rất hãn hữu, và nếu xảy ra thì chỉ vì họ, có một ưu thế tinh thần rất cao).

2. Sự hoảng loạn trong quân đội địch, hoặc phổ biến hơn, bộ đội ta có một ưu thế tinh thần đến nỗi chỉ một mình nó cũng đủ làm nên chuyện, không cần đến sự chỉ đạo tác chiến.

3. Khi phải chọc thủng phòng tuyến của quân đội đối phương đã bao vây ta với một lực lượng mạnh hơn. Lúc đó, tất

cả phụ thuộc và yếu tố bất ngờ và chỉ riêng việc thoát vây cũng đã cho phép ta có thể tập trung cao độ lực lượng.

4. Sau nữa là trong những trường hợp tuyệt vọng, khi sức lực của ta và địch chênh lệch đến nỗi chỉ có một đòn táo bạo phi thường mới có triển vọng thu được kết quả.

Nhưng, muốn thực hiện những trường hợp đã nêu ở trên thì phải giả định là quân đối phương ở ngay trước mắt chúng ta và không có bộ phận tiền vệ nào che chở.

Thường thường, những cuộc tiến công ban đêm phải được chuẩn bị để hoàn thành vào sáng sớm. Cho nên chỉ có hành động tiếp cận và tiến công đầu tiên

là được tiến hành trong đêm tối, và như vậy kẻ tiến công có thể tận dụng những ảnh hưởng của sự rối loạn trong hàng ngũ đối phương. Mặt khác, những cuộc giao chiến mà hành động tiếp cận tiến hành trong đêm và bắt đầu chiến đấu vào lúc bình minh lại không phụ thuộc vào những cuộc giao chiến ban đêm.

Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ eBook](#) để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.

Chú thích:

[1] Bản tiếng Pháp dùng chữ scories, nghĩa đen là cứt sắt.

[2] Bản tiếng Pháp viết: chính lực lượng tinh thần đã vạch ra quyết định phải theo - N.D.

[3] Tức là chiến thắng của đối phương - N.D.

[4] Tác giả viết cả ba điểm liền vào một câu. Chúng tôi xếp mỗi điểm thành một câu và một dòng riêng cho dễ đọc - N.D.

[5] Đa-vu (Davout): một danh tướng của Na-pô-lê-ông.

[6] Tướng Phổ - N.D.

[7] Tướng của Na-pô-lê-ông -N.D

[8] Fabius (chết năm 203 trước công nguyên): tướng La Mã, chỉ tiến hành chiến tranh phòng ngự bằng những trận quấy rối, không bao giờ chấp nhận dàn quân giao chiến lớn -N.D.

[9] Bản tiếng Pháp viết: Tuy nhiên, địa hình vẫn còn là một nguồn sức mạnh đối với kẻ không công nhận nó, song nó không còn là một cái vòng có phép quỷ thuật đẩy lùi mọi lực lượng tự nhiên của chiến tranh nữa -N.D.

[10] Tiếng Đức: Schlacht: trận đánh, Schlachten: đập chết, hạ thủ, giết chết.

[11] Nguyên ý: trước một tình thế như đùa trên lưỡi dao sắc- N.D

[12] Ulm: Một thị trấn nước Đức. Năm 1805, Na-po-lê-ông đã bao vây quân Áo ở đây. Trước sức mạnh quân sự kết hợp với hành động phao tin và đe dọa của Na-po-lê-ông, toàn bộ đạo quân Áo đóng trong thành, do tướng Mack chỉ huy, đã phải đầu hàng - ND

[13] Bản tiếng Pháp viết: trong tầm tay (à portée de main) -N.D.

[14] Boorodino: một làng ở cách Mát-xcơ-va 120 ki-lô-mét về phía tây. Ngày 26 tháng 8 năm 1812, ở đây đã diễn ra một trận chiến đấu ác liệt giữa quân đội Na-pô-lê-ông và quân đội Nga

do Cu-tu-dốp chỉ huy. Trong trận này, quân Na-pô-lê-ông (bên tiến công) bị thiệt hại chừng 58.000 người, còn quân Nga (bên phòng ngự) chừng 30.000 người. Vì không có viện binh nên Cu-tu-dốp không phản công được và vẫn thực hiện rút lui chiến lược. Còn Na-pô-lê-ông, tuy tự tuyên bố là thắng trận song không thực hiện được nhiệm vụ tiêu diệt đạo quân chủ lực của Cu-tu-dốp, ngược lại lực lượng bản thân mình thì bị suy yếu rõ rệt. Người ta gọi trận đánh này là “một cảnh trong tấn bi kịch Nga” đối với Na-pô-lê-ông. Uy danh vô địch của Na-pô-lê-ông đã bị giảm sút nhiều sau trận này -N.D.

[\[15\]](#) Frédéric Guillaume de Vandoncourt, tác giả cuốn “Hồi ký về

cuộc chiến tranh Pháp -Nga năm 1812”, xuất bản ở Luân Đôn, năm 1815

- Georges, hầu tước xứ Sam-brai (1783 -1848), tướng pháo binh, tác giả cuốn “Hồi ký về cuộc viễn chinh sang Nga”, xuất bản năm 1823.

- Philippe Paul, bá tước vùng Xê-guya, tác giả cuốn “Lịch sử Na-pô-lê-ông và cuộc Đại chiến năm 1812”, xuất bản năm 1824.

[\[16\]](#) Lloyd: tướng Anh, tác giả cuốn “Lịch sử cuộc chiến tranh gần đây ở Đức, 1781” và “Hồi ký chiến tranh 1781 -1783”. Henri de Bülow: tác giả cuốn “Tư tưởng về hệ thống mới của chiến tranh”. 1799.